

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN



ĐÔNG Á CLASSICS



NHỮNG NGÔI SAO EGER

Lê Xuân Giang dịch



NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ



ĐÔNG Á

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN

ĐÔNG A CLASSICS



NHỮNG NGÔI SAO EGER

Lê Xuân Giang dịch



NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ



ĐÔNG A

NHỮNG NGÔI SAO EGER

Tác giả: Gárdonyi Géza

Người dịch: Lê Xuân Giang

Phát hành: Đông A

Nhà xuất bản Văn Học 05/2019



ebook©vctvegroup

05/10/2019

LỜI NÓI ĐẦU

(cho lần tái bản năm 2019 tại Việt Nam)

Tôi rất vui mừng khi nhận được tin về lần tái bản mới tại Việt Nam cuốn *Những ngôi sao Eger*. Đây là tác phẩm xuất sắc của Gárdonyi Géza, được mệnh danh là *cuốn tiểu thuyết được yêu thích nhất ở Hungary* một cách xứng đáng, và kể từ ngày ra đời đến nay sự yêu thích của bạn đọc đối với nó chưa từng thuyên giảm mà ngày càng tăng lên.

Những thế hệ lớn lên sau trận chiến thành Eger chỉ có thể biết qua lời kể về thời đại máu lửa và hào hùng của lịch sử Hungary và sự tích hấp dẫn đến say lòng của chiến tích tại biên thành Eger trước lực lượng áp đảo của đạo quân Thổ khổng lồ. Tuy nhiên, bất chấp khoảng cách xa xôi về địa lý, ta có thể nhận thấy giữa nhân dân Hungary và nhân dân Việt Nam có nhiều sự tương đồng về tâm hồn và trí óc. Có thể bạn đọc Việt Nam hôm nay ít biết về thời kỳ diễn ra các sự kiện trong *Những ngôi sao Eger*, nhưng thông điệp mà nó truyền đạt: sự kiên cường anh dũng, tình yêu nước, ý chí chiến đấu, tinh thần sẵn sàng hy sinh, cũng như mong ước tâm can đối với nền độc lập dân tộc của những nhân vật trong tiểu thuyết cũng là phần căn bản trong tâm thức của nhân dân Hungary và nhân dân Việt Nam bất kể thời đại nào.

Từ ngày cuốn sách này ra mắt đến nay, tốc độ của những đổi thay đã diễn ra – cũng như sự phát triển của Việt Nam – là phi thường: các quan hệ văn hóa, giáo dục, kinh tế và chính trị của chúng ta và tình hữu nghị giữa hai nước đã phát triển với mức độ chưa từng thấy. Thành công của chương

trình dịch thuật văn học đương đại khởi động trong năm 2017 của Đại sứ quán Hungary tại Hà Nội đã cho thấy rõ là trong giới bạn đọc Việt Nam có sự quan tâm và nhu cầu lớn đối với văn học Hungary. Do đó, việc tái bản cuốn sách này có giá trị như một dấu mốc.

Nghe nói cuốn *Những ngôi sao Eger* đã được yêu mến ở Việt Nam tới mức mà những du khách và du học sinh tới Hungary thường viếng thăm thành phố Eger – như một điểm đến được yêu thích nhất – để tham quan di tích thành Eger – hiện trường của cuốn tiểu thuyết. Nhân đó, tôi cũng xin lưu ý và yêu mến giới thiệu thêm với quý vị bộ phim rất hay được dựng theo cuốn tiểu thuyết này của đạo diễn Várkonyi Zoltán.

Nhân sắp tới ngày kỷ niệm 70 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Hungary và Việt Nam vào năm 2020, tôi xin chúc *Những ngôi sao Eger* sẽ trở thành tác phẩm củng cố tình hữu nghị Hungary – Việt Nam cả trong tương lai nữa trong lòng những bạn đọc cũ, bạn đọc mới và những bạn sẽ còn đọc cuốn sách này.

Ngài Öry Csaba

Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Hungary tại Việt Nam

LỜI GIỚI THIỆU(*)

Trong hơn ba trăm năm (từ thế kỷ 14 đến đầu thế kỷ 17) chống lại những đạo quân viễn chinh và ách đô hộ của đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, nhân dân Hungary đã bền bỉ chiến đấu và đã lập nên nhiều chiến công oanh liệt, trong đó có cuộc kháng chiến của quân dân thành Eger năm 1552.

Eger là cửa ngõ vùng Thượng địa Đông bắc, đứng trấn giữ cho cả một vùng đất nước khá rộng lớn. Khi vòng vây của hai đạo quân Thổ khổng lồ, đầy nhuệ khí, đã khép lại, trong thành chỉ có độ hai ngàn người cả trẻ, già, trai, gái. Quân Thổ không tính đến một sức chống cự đáng kể. Viên pasa Ali, thống soái một đạo quân Thổ, cho thành này chỉ là một “cái chuồng cừu xộc xệch” và quân trong thành chỉ là một “bầy gia súc”. Nhưng cuộc chiến đấu chẳng bao lâu đã chỉ cho hẳn thấy rõ rằng những người bảo vệ thành Eger đại diện cho một sức mạnh mà đạo quân Thổ không tài nào đè bẹp nổi. Những chiến sỹ phần lớn là con em vùng Thượng địa Đông bắc đang bị họa chiếm đóng đe dọa và những nông dân các làng lân cận chạy vào thành tỵ nạn, đã nghiêng chệt rằng đánh lui tất cả mọi đợt công kích của quân Thổ. Sau năm tuần rưỡi sống mái với quân thù, thành Eger đã tự giải phóng mình khỏi cuộc vây hãm khốc liệt và cứu miền đất nước phía sau khỏi cảnh nước sôi lửa bỏng. Quân Thổ bị thiệt hại nặng nề dưới chân thành Eger và phải bỏ dở kế hoạch hành quân xâm lược của chúng.

Cuộc chiến đấu của Eger từ đó đã trở thành đề tài của nhiều tác phẩm văn học và nghệ thuật. Ngay sau khi quân Thổ tháo chạy, Tinódi Sebestyén, thi sỹ kiêm ca công nổi tiếng nhất của Hungary trong thế kỷ 16,

đã đến tận nơi sưu tầm tài liệu và sáng tác *Truyện thơ về cuộc chiến đấu của thành Eger*. Nhưng tác phẩm thành công nhất về đề tài này là quyển *Những ngôi sao Eger* của Gárdonyi Géza.

Gárdonyi Géza (1863 – 1922) xuất thân từ một gia đình thợ rèn, là một nhà văn có tên tuổi ở Hungary. Trước khi bước vào nghề viết văn, ông đã dạy học nhiều năm ở nông thôn. Thời kỳ này, ông có tinh thần chống lại nền thống trị của triều đình Habsburg (Áo) và đã viết tác phẩm *Ngọn đèn* (1894) là một tác phẩm tốt. Trong cuốn tiểu thuyết này, ông đã vẽ nên một bức tranh đáng kinh ngạc về cuộc sống nghèo nàn và bị ngược đãi của lớp giáo học ở nông thôn, đã tấn công vào trào lưu tôn giáo hóa xã hội và tấn công vào ách thống trị của nền đế chế Áo – Hung phản dân tộc, phản tiến bộ; gợi lại những kỷ niệm vẻ vang về cuộc đấu tranh giành tự do của nhân dân Hung thời kỳ 1848. Nhưng dần dần về sau, con đường văn học của ông khuất khúc và đầy mâu thuẫn. Trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của ông, *Những ngôi sao Eger* là tác phẩm tươi sáng và giàu sức sống nhất. Ở Hungary không có một tiểu thuyết lịch sử nào khác lại được cả bạn đọc, người lớn lẫn trẻ em, yêu thích đến thế. Cuốn truyện được xuất bản lần đầu tiên năm 1901, và từ đó đến năm 1963 đã được tái bản hơn 21 lần, chỉ riêng từ 1945 đến 1963 đã được các nhà xuất bản khác nhau tái bản hơn 16 lần với số lượng hơn nửa triệu cuốn (trong một nước 11 triệu dân). Đó là chưa kể những bản dịch ở nước ngoài.

Trong quá trình sáng tác, Gárdonyi đã sưu tầm nghiên cứu rất nhiều nguồn tài liệu, kể cả gia phả của các nhân vật chính trong truyện. Mùa xuân năm 1899, trước khi bắt tay vào viết, ông đã lên đường đi Konstantinopole để nghiên cứu tận nơi những phong tục, tập quán ở nước Thổ. Ông đã vào tận trong ngục Bảy Tháp, tham dự những ngày hội tôn giáo, bơi thuyền trên

vịnh Bosphorus, tham quan các viện bảo tàng v.v... Nhờ tác phong làm việc cẩn thận đó, tác giả đã để lại cho chúng ta nhiều trang sách chính xác và sinh động về những cuộc hành quân đầy nghi vệ của quân đội Thổ, về cuộc vây hãm thành Eger, về nhiều cảnh sinh hoạt của xã hội thời xưa.

Nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết là chú bé Bornemissza Gergely, đại biểu của tầng lớp nông dân nghèo, giàu lòng yêu nước và đa mưu túc trí, đã từ một chú bé chân đất làm nên đến chức đại úy, chủ tướng một thành trì. Qua bước trưởng thành của nhân vật chính, tác giả còn vẽ lên trước mắt người đọc cả một bức tranh xã hội rộng lớn từ thôn xóm đến cung đình. Ngay từ những trang đầu tiên, tác giả đã cho ta thấy tình hình chính trị rối như mớ bòng bong của nước Hungary hồi đó: "... Và chúa công của bạn đang hoặc là vua Szapolya János hoặc hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ, hoặc Ferdinánd đệ nhất".

Hồi đó giai cấp phong kiến ở Hungary phân hóa nặng nề. Bọn quý tộc lãnh chúa và quý tộc giáo hội có những lãnh địa rộng lớn, có quân đội riêng, có thành quách trong tay, thực tế đã trở thành những ông chúa cát cứ. Nhà vua ở Buda không đủ sức để thu tóm quyền bính, tổ chức đất nước thành một quốc gia vững mạnh. Nhân dân bị đè nén nặng nề dưới hai tròng phong kiến và giáo hội, đời sống rất khổ cực. Họ oán ghét bọn quý tộc chẳng kém gì bọn ngoại xâm. Tất cả những nhân tố đó đã dẫn tới cuộc chiến tranh nông dân do Dózsa György lãnh đạo năm 1514 và chiến bại thảm hại ở Mohács năm 1526. Sau Mohács không còn ai tổ chức được cuộc kháng chiến chống quân Thổ trong phạm vi toàn quốc. Giai cấp thống trị vốn đã không thống nhất, giờ đây lại phân hóa hẳn thành hai phe đối địch. Một phe, gồm chủ yếu tầng lớp quý tộc trung và tiểu, bầu Szapolya János, công vương vùng Erdély, lên làm vua; một phe khác, phần lớn gồm bọn đại

quý tộc, lại tôn Ferdinánd đệ nhất của triều đình Habsburg (Áo) làm vua. Hai tên vua đó đem quân đánh lẫn nhau để tranh giành ngôi báu, mặc kệ quân Thổ ngấp nghé ở biên giới. Thậm chí Szapolya János, sau khi bị thua Ferdinánd I và phải chạy sang Ba Lan, còn cầu cứu hoàng đế Thổ giúp hấn chiếm lại ngai vàng, và để đền ơn, hấn bỏ mặc vùng đất nước phía nam cho quân Thổ tha hồ cướp bóc. Trước tình hình hai vua khuynh loát lẫn nhau như thế, bọn lãnh chúa hết theo phe vua này lại theo phe vua khác, tùy theo chỗ ở với vua nào có thể kiếm chác được nhiều hơn. Chúng ta sẽ thấy tình hình này được phản ánh một phần qua hai nhân vật Cecey và giáo sỹ Bálint hoặc qua nhân vật Török Bálint. Nhưng mặc dù tất cả những điều kiện bi thảm đó, nước Hung vẫn không dễ dàng lọt vào tay bọn ngoại xâm. Trước sự bất lực và phản bội của triều đình và giáo hội, nhân dân nhiều nơi đã vùng lên kháng chiến mạnh mẽ khi quân Thổ kéo đến. Những “kẻ nổi loạn” đó – như các sử gia của triều đình Thổ cũng phải thừa nhận – “trong tình thế tuyệt vọng cũng vẫn tiếp tục chiến đấu với súng hỏa mai và cung tên, với gậy gộc và đá”. Bên cạnh họ, tuy ít ỏi nhưng trong hàng ngũ tướng lĩnh vẫn có những người yêu nước chân thành, đặc biệt là những võ quan xuất thân từ các tầng lớp dưới. Những viên tướng này cùng với những đội quân vốn là nông dân nghèo chạy nạn khỏi các vùng bị giặc Thổ tàn phá, chiếm đóng hoặc trốn khỏi cuộc sống khổ nhục ở các điền trang, đã lập nên cả một hệ thống biên thành dọc theo vùng giáp ranh với quân Thổ để báo tin và ứng cứu lẫn nhau. Họ đã đánh tan biết bao đội quân Thổ kéo đi ăn cướp. Hơn nữa, những viên tướng này nhiều khi cùng với một đội quân nhỏ nhưng đồng lòng, trong một tòa thành đơn độc không có sự cứu viện của triều đình, đã có thể chặn đứng cả một đạo đại quân Thổ trong nhiều ngày, đôi khi còn giữ vững được đến cùng, bẻ gãy cả cuộc viễn chinh của địch. Những kỳ công đó nổi bật trên nền trời đen tối của xã hội Hungary thời bấy

giờ như những ngôi sao, trong đó Eger là ngôi sao sáng nhất. Chúng ta thấy dường như tác giả đã dành tất cả tâm hồn mình cho việc mô tả lại toàn bộ cuộc chuẩn bị chiến đấu và hơn năm tuần quyết chiến ở Eger. Có thể nói ít có cuốn tiểu thuyết lịch sử mô tả được tỉ mỉ, chính xác và sinh động như vậy. Gấp cuốn sách lại chúng ta vẫn như nghe vang trong tai lời thề quyết tử và tiếng đại bác vang rền, tiếng gươm giáo chạm nhau, tiếng hô “Giết! Giết!”, và tự nhiên chúng ta liên tưởng đến khí phách anh hùng và lời thề “sát Thát” của quân dân đời Trần.

Chiến công của quân dân Eger hồi đó đã vang lừng trong nước và cả ở nước ngoài. Sau ngày chiến thắng, biết bao chính khách ở châu Âu đã kéo đến Vienna để chúc mừng Ferdinand I – kẻ không hề có chút công lao nào, thậm chí còn có tội đối với miền đất đai Hungary mà hắn cai trị – và để ngắm nghía những lá quân kỳ cướp được của giặc Thổ mà quân dân Eger đã gửi về triều. Nhưng chỉ với cuốn tiểu thuyết của Gárdonyi, chiến tích Eger mới thật sự trở thành một điển hình bất hủ, trước công luận, trước lịch sử, về tinh thần yêu nước và lòng dũng cảm của nhân dân Hung hồi thế kỷ 16.

Chúng tôi đã dịch cuốn sách này với tất cả tấm lòng mến phục gan dạ và mưu trí của quân dân Eger, với những tình cảm thắm thiết đối với đất nước và con người Hungary. Chúng tôi hy vọng, sau những tập thơ của Józef Attila và Petöfi, cuốn sách này sẽ giúp bạn đọc Việt Nam đi sâu thêm một quãng lên cội nguồn của lòng yêu tự do của nhân dân Hungary...

Chúng tôi tự thấy khả năng của mình rất có hạn, do đó bản dịch chắc còn mang nhiều thiếu sót. Chúng tôi thành thật mong được sự góp ý của tất cả bạn đọc gần xa.

Hà Nội, 09 – 11 – 1968

Lê Xuân Giang

PHẦN MỘT

DŨNG SỸ HUNG SINH TRƯỞNG Ở
ĐÂU?

1

Giữa dòng suối có hai em bé đang tắm, một trai và một gái. Có lẽ không nên tắm chung như thế, nhưng các em làm gì đã biết được điều đó: em trai mới lên bảy, em gái lại còn bé hơn những hai tuổi.

Các em đã dạo chơi trong rừng và gặp suối nước. Trời nắng chang chang, nước suối rất vừa ý các em.

Đầu tiên các em chỉ thò chân xuống nghịch, dần dần các em lội ra tới đầu gối. Cái quần đùi bé tẹo của Gergely bị ướt, em liền tụt luôn ra, rồi em cởi luôn cả áo. Cuối cùng cả hai em đều trần như nhộng, bì bõm trong dòng nước.

Các em tha hồ vùng vẫy: không ai nhìn thấy cả. Đường đi Pécs^(*) cách xa ngoài bìa rừng mà rừng thì rộng mông mênh. Giá có ai trông thấy thì thế nào các em cũng bị mắng một trận nên thân. Vì chú bé thì chẳng nói làm gì – chú ta không phải là cậu ấm, nhưng cô bé đây chính là tiểu thư của tôn ông Cecey Péter, chỉ nhờ không ai biết nên em mới lén ra khỏi nhà được.

Ngay cả lúc trần trụi thế này cô bé cũng để lộ mình là con nhà quyền quý: người em béo như con bồ câu và trắng như sữa. Mỗi khi em nhảy nhót trong dòng nước, hai bím tóc nhỏ màu hạt dẻ lại đung đưa quanh cổ.

– Derdő, ta phơi ti^(*). – Em nói với chú bé.

Chú bé gầy gò, đen sạm được gọi là Gergő quay lưng lại, cô bé bám vào cổ chú. Gergő đi vào bờ, cô bé lơ lửng trên mặt nước, hai chân đập nước tung tóe.

Vừa đến bờ, Gergő búi lấy cái gốc xanh xanh của bụi kako và lo lắng nhìn quanh.

– Ôi, con Xám!

Chú bước lên bờ và chạy quanh chạy quẩn, tìm kiếm giữa rừng cây.

– Chờ đấy nhé, Vicuska^(*), chờ đấy, tôi sẽ về ngay.

Chú kêu to với cô bé, rồi cứ trần trụi như thế phóng đi.

Vài phút sau chú trở lại trên lưng một con ngựa xám già. Trên đầu con ngựa có một sợi dây tời tàn; sợi dây buộc liền từ đầu xuống cái hãm dưới chân ngựa, nhưng đã bị tuột.

Chú bé lạng lẽ quất ngựa bằng một cành dương đào, mặt tái mét.

Vừa đến chỗ tắm, chú bá cổ ngựa, nhaoi người nhảy xuống đất.

– Trốn đi! – Chú run rẩy nói. – Trốn đi! Quân Thổ đấy.

Chú quẩn vội sợi dây vài vòng vào gốc cây để buộc ngựa rồi vội vàng nhặt lấy quần áo. Hai đứa trẻ trần như nhộng chạy ù vào một bụi sơn trà, nằm dán mình xuống lớp lá khô sau bụi cây.

Thời đó trên các ngã đường, bọn lính Thổ không phải là của hiếm. Và bạn, người bạn đọc thân mến, nếu này giờ bạn vẫn tưởng rằng hai đứa trẻ ấy đang tắm trong nước suối mùa hè năm nay thì bạn đã lầm. Hai đứa trẻ ấy còn đâu nữa? Và còn đâu tất cả những người sắp hiện ra trước mắt bạn, nói, cười, hành động trong quyển sách này? Tất cả đã thành tro thành bụi cả rồi!

Vậy bạn hãy gạt quyển lịch năm nay sang một bên, hỏi người bạn đọc đáng kính, và hãy tưởng tượng ra năm 1533. Giờ đây bạn đang sống trong những ngày tháng năm năm ấy và chúa công của bạn đang hoặc là vua Szapolya János^(*) hoặc hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ, hoặc Ferdinánd đệ nhất.

Làng nhỏ của hai em bé nấu mình trong một thung lũng vùng Mecsek, vền vền chỉ độ ba chục nếp nhà vách đất với một dinh cơ lớn có tường xây đá. Cửa sổ mọi nhà đều che bằng vải dầu, cả trong dinh thự lãnh chúa cũng vậy. Ngoài ra, các mái nhà đều cũng lợp sậy như ngày nay. Cây rừng sum suê bao quanh làng nhỏ nên dân làng nghĩ rằng bọn lính Thổ chẳng bao giờ tìm đến được. Bọn chúng tìm đến bằng cách nào cơ chứ? Đường đi rất dốc, không hề có vết bánh xe. Tháp chuông cũng chẳng có. Mọi người sống và chết trong cái làng nhỏ ẩn khuất như những con sâu con bọ trong rừng.

Cha chú bé Gergő trước kia làm thợ rèn ở Pécs, nhưng đã chết. Người vợ góa bèn về làng Keresztes ở với bố, một lão nông tóc bạc, đã từng chiến đấu trong cuộc khởi nghĩa của Dózsa György^(*). Chính vì thế ông lão mới được nương nấu trong ấp trại của trang chủ Cecey.

Thỉnh thoảng ông lão vẫn băng rừng xuống Pécs đi ăn xin. Mùa đông cả nhà sống nhờ vào những thứ ông lão đã xin được. Đôi khi thức ăn trên nhà lãnh chúa cũng nhỏ giọt xuống bàn họ.

Ngày hôm đó ông lão cũng vừa từ thành phố trở về. Ông bảo cháu:

– Cháu dắt con Xám đi chăn đi, tội nghiệp từ sáng đến giờ nó chưa được tí gì vào bụng.

Gergő đã cùng con ngựa ra rừng theo lệnh ấy. Khi đi qua nhà lãnh chúa, chú gặp cô bé Éva từ cổng vườn chui ra và khẩn khoản với chú:

– Derdő, Derdő, cho em đi với!

Gergő không dám bảo tiểu thư phải ở lại nhà. Chú xuống ngựa và dẫn Éva đi về phía cô bé muốn. Éva muốn đi theo hướng những con bướm bay; bướm bay vào phía trong rừng và các em chạy theo. Cuối cùng các em gặp con suối. Gergő thả ngựa ra bãi cỏ. Các em đã xuống suối tắm rồi chạy trốn ra sau bụi cây như thế đấy.

Các em nằm run rẩy vì sợ giấc Thổ.

Nỗi sợ hãi của các em không phải là chuyện bóng vía. Chỉ vài phút sau đã nghe tiếng lạo xạo trên lá khô rồi một cái mũ Thổ màu trắng cắm lông đà điểu cùng một cái đầu ngựa nâu hiện ra dưới hàng cây.

Tên Thổ nhìn ngang nhìn ngửa, đầu hấn quay hết bên này lại sang bên kia. Mắt hấn chột dừng lại trên con Xám. Hấn cầm cương con ngựa chiến nhỏ màu sẫm của hấn dắt theo sau.

Bấy giờ đã có thể thấy rõ tên Thổ là một gã da nâu, nét mặt xương xẩu. Vai hấn khoác một cái áo màu hạt dẻ, đầu đội mũ chóp cao màu trắng. Một bên mắt hấn buộc khăn trắng, còn mắt kia đang ngắm nghía con Xám buộc cạnh gốc cây. Con ngựa không được vừa ý hấn, điều đó hiện rõ trong cái nhăn mặt của hấn. Tuy vậy hấn vẫn tháo dây buộc.

Chú bé hồi nãy hấn thấy trên lưng ngựa vừa ý hấn hơn. Chú bé bán chạy hơn con ngựa này. Ở chợ bán nô lệ tại Konstantinope^(*) người ta có thể trả giá chú bé gấp ba lần con ngựa. Nhưng chẳng thấy chú bé đâu cả.

Tên Thổ đi tìm quanh một vài gốc cây và nhòm lên cả những cành lá rậm rạp, rồi hấn cất tiếng gọi to bằng tiếng Hung:

– Bé con ơi, mày ở đâu? Ra đây nào, chú nhỏ ơi! Ra đây tao bắt chồn đất cho! Ra đây nào!

Chú bé vẫn không ra.

– Ra đây nào! Đừng sợ, tao không đánh mày đâu! Không ra à? Mày không ra tao sẽ bắt ngựa mày đi!

Và quả thật hấn cầm cương hai con ngựa chập làm một, dắt đi giữa những hàng cây.

Hai đứa trẻ từ nãy đến giờ im thín thít và tái mét mặt lắng nghe tên

Thổ. Việc hứa cho chồn đất không đủ để giải thoát các em khỏi tình trạng kinh hoàng đến cứng đờ người. Ở nhà, các em đã nghe quá nhiều lần câu rủa “Thổ bắt mày đi” cùng bao nhiêu những chuyện dựng tóc gáy về giặc Thổ, khiến các em không bao giờ dám bước ra trước bất cứ một sự dễ dàng nào. Nhưng khi tên Thổ nói hắn sẽ bắt con Xám đi, bé Gergố bắt đầu nhúc nhích. Chú nhìn sang Éva như chờ đợi ở cô bé một lời khuyên bảo, chú nhìn cô bé với vẻ mặt của một người bị gai đâm vào bàn chân.

Nó bắt mất con Xám! Ở nhà mọi người sẽ nói gì nếu chú trở về mà không có con Xám?

Cô bé Éva không trả lời cho tất cả những lo lắng ấy. Cô bé nằm như chết bên cạnh chú, đôi mắt xanh to đẫm ướt vì sợ hãi.

Nhưng con Xám đã đi rồi. Gergố nghe những bước đi của nó, con Xám có những bước đi chậm chạp, nặng nề. Lá khô xào xạc đều đều dưới chân nó. Thế là tên Thổ bắt nó đi, hắn đã bắt nó đi thật rồi!

– Con Xám... – Gergố ấp úng, mồm meo xệch sắp khóc.

Và em ngừng đầu lên.

Con Xám đi kia, nó đang đi. Lá rừng khô xào xạc dưới chân nó. Ô, cái đồ ngốc!

Gergố bỗng quên hết sợ hãi, chú nhảy dậy và cứ thế cầm cổ đuổi theo con Xám.

– Bác ơi! Bác lính Thổ ơi! – Chú run rẩy kêu lên.

Tên Thổ đứng lại, cười nhả nhổ.

Eo ơi, người đầu mà xấu xí! Hắn nhả nhổ như không phải cười mà đang sắp sửa cắn.

– Bác ơi, con Xám... Con Xám là của nhà cháu. – Gergố vừa khóc vừa

nói: chú đứng lại cách chừng hai chục bước.

– Nếu là của nhà cháu thì lại đây, đây này! – Tên Thổ trả lời và buông cương con Xám ra khỏi tay.

Chú bé chỉ còn thấy có con Xám. Khi con Xám bắt đầu chậm chạp bước đi, chú liền chạy vụt lại và chộp lấy dây cương.

Trong nháy mắt đó chính chú cũng bị chộp. Những ngón tay to, khỏe của tên Thổ riết lấy cánh tay nhỏ yếu, trần trụi của em, và em bay vút lên yên con ngựa chiến.

Gergố khóc thét lên.

– Suyt! – Tên Thổ vừa nói vừa rút đoản đao ra.

Nhưng Gergố cứ gào:

– Vicuska! Vicuska!

Tên Thổ quay đầu về phía Gergố vừa gọi, tay đặt lên đốc kiếm. Nhưng khi thấy một đứa bé nữa nhồm lên khỏi cỏ, hăn lại dắt đoản đao vào vỏ và mỉm cười.

– Lại đây, lại đây, bác không đánh cháu đâu.

Hăn vừa nói vừa dắt đôi ngựa về phía cô bé.

Gergố định tụt xuống ngựa, tên Thổ lập tức phát mạnh một cái vào lưng chú. Thế là Gergố khóc rống lên và ngồi yên, còn tên Thổ thả hai con ngựa ở đấy, đuổi theo cô bé.

Tội nghiệp cô bé Vica, giá lớn hơn chắc em đã có thể chạy thoát, nhưng chân em còn bé bỏng quá mà cỏ thì lại cao. Em vấp ngã và chỉ trong nháy mắt, em đã giãy giụa và khóc thét lên trong lòng tên Thổ.

– Suyt! – Tên Thổ dết vào mông em. – Im ngay không tao ăn thịt mày ngay bây giờ! Hăm – hăm!

Cô bé vội nín bật, chỉ còn trái tim nhỏ xíu của em đập thon thót chả khác gì tim con chim sẻ bị bắt nằm trong lòng bàn tay.

Tuy vậy, khi vừa đến chỗ hai con ngựa, tiếng kêu của em vẫn bật ra:

– Cha ơi! Cha!

Cô bé tuyệt vọng đến nỗi những tiếng kêu của em có thể vang đến bất cứ nơi xa nào.

Chú bé Gergő cũng khóc, chú vừa dụi mắt vào mắt vừa nức nở:

– Về nhà cơ, cháu muốn về nhà cơ!

– Im ngay, đồ nhãi ranh! Tao tước đôi mày ra bây giờ! – Tên Thổ quát lên và dứ dứ nắm tay dọa dẫm về phía Gergő.

Hai đứa trẻ nín bật. Cô bé gần như chết khiếp, còn Gergő chỉ dám khóc lặng lẽ trên lưng con ngựa chiến.

Khi ra khỏi rừng, Gergő thấy bọn lính Thổ đánh xe lúc nhúc đầy đường Mecsek. Bọn akinji^(*) cưỡi ngựa, bọn axap^(*) đi bộ và những tên lính tạp ngũ trang phục hổ lốn. Chúng cưỡi những con ngựa nhỏ, nhanh nhẹn, lóc cóc kéo về nước.

Toán đi trước bọn họ áp tải khoảng mười cái cả xe khách lẫn xe hàng chất nặng đồ đạc. Trên các xe hàng chồng chất những vải vóc, giường, tủ, thùng rượu, bàn ghế, da thú cùng những bao lúa mì. Một toán nô lệ chân đeo xiềng, tay bị trói giật cánh khuỷu, mặt buồn rười rượi, lê bước bên cạnh.

Tên ionisa^(*) của chúng có ba cái xe hàng và bảy nô lệ. Ngoài hăn ra, toán này còn có năm tên ionisa khác mặc quần xanh, đi ủng đỏ, đội mũ trắng và ba tên axap đội mũ lông thú, cầm thương dài. Mũ của tên chốt cầm một cái lông đà điểu trắng dính đầy bụi, uốn cong từ phía trước ra phía sau,

rủ xuống gần đến giữa lưng hăn.

Trong khi hăn sục sạo trong rừng, ba cái xe hàng đứng tránh sang bên lề đường nhường chỗ cho những tên hồi hương khác.

Mấy tên ionisa cất tiếng cười vang đón tiếp hai đứa trẻ và con Xám.

Bọn chúng nói huyên thuyên những gì bằng tiếng Thổ Gergố không hiểu, nhưng cứ nhìn bộ dạng của chúng cũng đủ biết chúng đang bàn tán về các em và con ngựa. Khi nhìn em và Vica, bọn chúng cười; khi nhìn con ngựa, bọn chúng xua tay như thể đuổi ruồi.

Tên Thổ tung hai đứa trẻ lên nóc đồng vải chắt trên xe. Có một cô gái mặt bầu bĩnh đang ngồi trên đó, cô cũng là một nô lệ bị xiềng chân; hăn giao cho cô trông nom hai đứa trẻ. Một tên ionisa khác mở một cái bị cẩu bắn và lôi ra đủ các thứ quần áo trẻ con. Trong đó có cả váy, áo lót, áo choàng, mũ kết, mũ con gái và những đôi ủng nhỏ. Tên Thổ chọn ra hai cái áo ngắn và một cái áo lông cừu cộc tay rồi ném lên xe.

– Mặc vào cho chúng nó. – Tên chột bảo cô gái.

Cô gái trạc độ mười bảy tuổi, là một cô thôn nữ. Khi mặc quần áo cho các em, cô ôm hôn cả hai đứa.

– Em tên là gì hử nàng tiên bé bỏng của chị?

– Vicuska.

– Thế còn em?

– Gergố.

– Đừng khóc nữa các em nhé. Các em sẽ ở với chị.

– Nhưng em muốn về nhà. – Gergố khóc.

– Em cũng thế. – Cô bé khóc theo.

Cô gái quàng hai tay ôm lấy các em và hôn lên những cái má nhỏ đầm

đĩa nước mắt.

– Thôi đừng khóc nữa, rồi Chúa lòng lành sẽ đưa chúng ta về nhà.

2

Đàn chó trong làng tức tối sủa vánh lên và nhảy chồm chồm quanh một người hành bộc râu trắng, tóc để dài. Nếu người đó không khua quanh mình cái gậy to, đầu có chữ thập thì chắc chắn bầy chó đã xé nát cái áo khoác bằng vải thô của y.

Lúc đầu y còn đi giữa đường, về sau thấy bầy chó to lớn xù lông xông đến mỗi lúc một đông nên y thận trọng lùi vào cạnh một bờ giậu, lưng tựa vào bờ giậu và vung cái gậy để chống cự, chờ người ra giải thoát cho y khỏi vòng vây của bầy chó.

Những người trong nhà tuy cũng chạy ra vì nghe tiếng chó sủa dữ dội, nhưng mắt họ lại hướng về phía năm chiến sỹ Hung đang phi nước đại vào làng. Một tráng sỹ tóc vàng nhạt, mặc áo bào đỏ, phóng ngựa dẫn đầu. Mũ chàng cầm một cái lông sếu. Trước mặt chàng, một cây súng đặt nằm ngang trên yên. Áo giáp lấp lánh dưới làn áo chên mỏng màu bồ quân. Đằng sau là bốn chiến sỹ khác. Khi vào đến làng, họ nhòm bên này, ngó bên kia như thể mỗi nếp nhà trong làng ấy đều là một vật lạ kỳ.

Trước cổng nhà Cecey, một nông phu ôm giáo đang ngồi ngủ gà ngủ gật trên bậc đá. Tiếng vó ngựa lộc cộc làm gã choàng tỉnh mộng. Vội vàng, gã mở rộng cả cánh cổng bên kia và những chàng kỵ sỹ cho ngựa phi ào qua cầu hào vào trong sân.

Cecey đang ngồi bó gối trong bóng cây nham lê như một con ó già. Mấy nông phu đang xén lông cừu ở đấy. Tay họ cầm kéo nhưng lưng họ đeo gươm. Cuộc sống ở nước Hung thời đó là như thế!

Cecey đã trông thấy các chiến sỹ. Lão đứng lên, khập khiễng đi về phía họ. Lão có một dáng đi lạ đời: một chân không gập được đầu gối, một chân không uốn được chỗ mắt cá. Còn uốn làm sao được khi cả hai đều đã bằng gỗ cả. Tay phải của lão cũng không còn nữa, ống tay áo vải lủng lẳng phía dưới khuỷu tay.

Tráng sỹ đội mũ lông sếu nhảy xuống ngựa, ném cương cho một chiến sỹ rồi vội vàng tiến lại chỗ Cecey.

– Tôi là Dobó István. – Chàng vừa bỏ mũ ra vừa nói và đập mạnh gót giày vào nhau.

Đó là một chàng trai cao, người xương xương, nhưng cử chỉ mạnh mẽ. Đôi mắt màu xám của chàng có cái nhìn sắc nhọn, đầy cương nghị.

Cecey giấu tay ra sau lưng và hỏi:

- Cậu phục vụ trong đội ngũ của ai?
- Hiện nay trong đội ngũ của Török Bálint.
- Như vậy cậu thuộc phái Ferdinánd! Xin chào cậu.

Bấy giờ lão mới chìa tay cho chàng bắt. Lão liếc mắt nhìn con tuấn mã của chàng rồi lại nhìn thanh gươm và hỏi:

- Ngọn gió nào đã đưa cậu đến đây thế?
- Chúng tôi, bác ạ, chúng tôi từ Palóta đến.
- Từ thành của Móre(*) ấy à?
- Thành ấy đã không còn là của Móre nữa rồi.
- Vậy thì của ai?
- Hiện giờ chưa phải của ai cả. Vả lại nó cũng chẳng còn là thành quách gì nữa mà chỉ là một đồng đá vụn.

Lão già chân gỗ kinh ngạc hỏi:

– Các cậu đã san phẳng nó rồi ư?

– Sát tận đất.

– Tạ ơn trời! Nào, hãy vào chỗ râm mát này đã cậu em, vào dưới hàng hiên này đã. Bà nó ời! Có khách đến nhà đấy.

Và lão, vẫn chưa hết kinh ngạc, lại hỏi:

– Thế là các cậu đã san phẳng nó rồi?

Bà chủ nhà bé nhỏ, đẩy đà đã loay hoay ở ngoài hiên: bà đang sai một gia nhân kê lại cái bàn vào dưới bóng mát. Một gia nhân khác đã mở cửa hầm kho.

– Tên cậu là gì ấy nhỉ, Bodó hay Dobó?

– Dobó István.

– Đây là cậu Dobó Pista^(*). – Cecey giới thiệu chàng thanh niên với vợ. Lão sai dọn rượu và thức ăn cho cả các chiến sỹ, đồng thời cho người chạy đi mời giáo sỹ.

Dobó nói:

– Bác ạ, trước khi ngồi vào bàn, tôi cần phải hỏi xem có tên Móre ở đây không? Chả là tôi đang đi lòng hẩn.

– Móre ở đây? Mong cho tôi khỏi phải thấy cái mặt của hẩn, hoặc có thấy cũng chỉ thấy trên giá treo cổ mà thôi.

Dobó lắc đầu:

– Vậy thì chúng tôi đi lạc vết mất rồi. Cho tôi xin ngụm nước.

– Hăng gượng tí đã, chúng nó mang rượu vang ra ngay bây giờ đấy.

– Lúc khát tôi chỉ uống nước thôi, bác ạ.

Dobó trả lời và bưng cái bình to có vòi lên tu một mạch, uống xong

chàng hà hơi khoan khoái và hỏi:

- Bác có cho phép tôi được nghỉ lại đây đến tối không?
- Cậu nghĩ gì lạ thế? Tôi không thả cậu ra trước một vài ngày đâu!
- Xin cảm ơn bác. Nhưng bây giờ đâu phải kỳ vũ hội. Tối nay chúng tôi sẽ đi tiếp. Nếu được phép thì tôi cởi cái áo giáp này ra một chút. Trong thời tiết này nó nóng quá, dù chỉ toàn bằng lỗ cũng vậy^(*).

Lúc Dobó cởi áo trong phòng, người hành bộc cũng vừa đến cửa.

- Người từ chỗ giám mục đến chứ gì? – Cecey ngừng cao đầu lên hỏi y.
- Người hành bộc ngạc nhiên trả lời:
- Vâng ạ. Tôn ông làm sao mà biết được ạ?
 - Chẳng cần phù phép gì đâu, nhìn râu của người trắng ra vì mỡ chồn mông thì ta đủ biết nhà người vừa từ xa đến nhà ta.
 - Tôn ông tinh mắt quá.
 - Từ xa mà cứ nhẵn nhụi cho ta thì chẳng còn ai khác ngoài tên tổng giám mục ở Sajólád. Hẳn là em rể ta đấy, nhưng ta cầu cho thiên lôi đánh chết hẳn đi.
 - Nhưng đã từ lâu ông chủ của con có còn là tổng giám mục nữa đâu, ngài đã là giám mục riêng của nhà vua rồi, tôn ông ạ!
 - Điều ấy ta cũng đã biết, tầm sét cứ đánh cho hẳn chết luôn đi với nhà vua của hẳn. Tên người là gì?
 - Varsányi Imre.
 - Bao nhiêu tuổi?
 - Dạ, ba chục.
 - Nào, đưa ta xem, người mang tin gì đến đấy?

Người hành bộc ngồi bệt xuống thềm, lần tay bóc lớp vải lót của áo khoác. Y ca cẩm:

- Ở vùng này cái nóng thật vô đạo, với lại tụi Thổ đông như ruồi.
- Điều đó chúng ta có thể cảm ơn cha giám mục và nhà vua của người đây. Thế nào, người khâu lá thư ấy vào đến tận lục phủ ngũ tạng hay sao vậy?

Cuối cùng Varsányi cũng móc ra được bức thư niêm dấu đỏ và trao cho chủ nhà.

- Bà bảo chúng nó dọn thức ăn thức uống cho người này nhé, xếp chỗ nghỉ cho anh ta nữa.

Cecey bảo vợ rồi bẻ dấu niêm, mở phong thư ra.

- Đích thị nét chữ của cha giám mục đây mà. – Lão vừa nheo mắt nhìn vào bức thư vừa nói, – sạch như in, nhưng có điều quá nhỏ, ta quả không đọc được nữa rồi.

Người hành bộc ngồi dịch vào phía trong chỗ bóng cây và nói:

- Chắc chắn ông chủ đã viết chuyện tốt lành đấy, vì ngài không giục con phải vội. Mỗi khi ngài gửi thư đóng dấu niêm to là bao giờ con cũng phải vội vàng. Đây chỉ là thư đóng dấu niêm nhỏ, không phải chuyện quốc sự.

Rồi với niềm vui lặng lẽ của người đã đạt tới đích, y bưng hũ rượu vừa đưa đến nốc một hơi dài.

Bà chủ nhà cũng cầm lấy bức thư. Bà nhìn trên nhìn dưới rồi lại nhìn dấu niêm đã vỡ vụn và quay sang hỏi người hành bộc:

- Cậu Gyuri^(*) có được mạnh khỏe không?

Người hành bộc đang nhai miếng pho mát, y nuốt vội để trả lời:

– Ngài không ốm đau bao giờ ạ.

Một giáo sỹ tóc đã bạc nhưng còn có vẻ tráng kiện, vai rộng, đầu như đầu bò tốt, bước qua bậc cửa. Người hành bộc đứng dậy, định đến hôn tay ông, nhưng ông vội đưa tay lên vuốt chòm râu bạc dài đến ngực để người kia không thể hôn được, và hỏi:

– Người là tín đồ La Mã hay theo dòng mới^(*)?

– Con là tín đồ La Mã ạ. – Người hành bộc trả lời.

Lúc đó giáo sỹ mới nhận cái hôn tay.

Mọi người đi vào phòng. Giáo sỹ đến đứng bên cửa sổ và dịch bức thư viết bằng tiếng La Tinh ra tiếng Hung:

“Anh rể thân mến...”

Giáo sỹ có một giọng trầm đặc biệt. Trong cách nói của ông, những phụ âm chỉ có thể cảm thấy mà thôi. Tuy vậy, những người đã quen đều hiểu lời ông.

... Và chị Juliska thân yêu! Tôi cầu Chúa lòng lành ban sức khỏe và cuộc sống bình an cho toàn gia quyến. Tôi nghe tin ở vùng anh chị hàng ngày vẫn bị cướp phá, khi thì bởi tụi Móre, khi thì bởi bọn Thổ, chỉ có lớp nông nô dính chặt với đất đen là còn sống sót nổi, còn những ai đủ sức đều chạy loạn cả, kẻ lên miền trên, người xuống miền dưới với dân Đức. Vậy nếu anh chị còn sống sót và vẫn ở Keresztes thì hãy tự cứu lấy mình. Tôi đã nói chuyện với Hoàng thượng để Ngài đền bù lại những thiệt hại của anh chị...

– Anh đừng đọc nữa! – Cecey đứng phắt dậy la lên. – Chó nó cần ân sủng của đồ chó!

– Yên lặng đã nào, anh thân yêu. – Bà vợ xoa dịu chồng. – György thừa

thông minh để hiểu rằng không bao giờ chúng ta thềm nhận của nhà Szapolya một cái gì hết; ông hãy cứ nghe cho hết bức thư đã nào.

Giáo sỹ nhíu đôi lông mày rậm và đọc tiếp:

... Tuy nhà vua không thể trả lại vùng Sás cho anh chị nhưng có một làng ở gần Nagyvárád...

– Thôi, thôi, Bálint ạ! – Cecey nổi giận bưng bưng nói với giáo sỹ.

– Đã sang chuyện khác rồi đây. – Giáo sỹ trả lời rồi lại đọc tiếp:

... Nhưng nếu lòng thù ghét Đức Vua đã ăn sâu đến tận xương tủy anh...

– Đúng thế! Đúng thế! – Cecey hét to và đập mạnh xuống bàn. – Ta không thể đội trời chung với hăn trên đời này, và cả đến kiếp sau cũng thế. Nếu kiếp sau có gặp nhau thì cũng chỉ với gươm giáo mà thôi!

Giáo sỹ vẫn tiếp tục đọc:

... Tại Buda đây, ngôi nhà nhỏ của tôi bỏ trống, chẳng bao lâu chúng tôi sẽ dời đến Nagyvárád. Chỉ có một người thợ làm cung nỏ ở nhà dưới, còn ba phòng trên gác hoàn toàn bỏ không.

– Không cần! – Cecey lại hét lên. – Mày mua bằng tiền của Szapolya, cha giám mục ạ! Ta mà có thềm bước vào nhà ấy thì nó cứ đổ sập xuống.

Giáo sỹ nhún vai nói:

– Anh làm sao biết được ông ta mua bằng tiền ấy. Nhỡ là của thừa tự thì sao?

Nhưng Cecey đã không thềm nghe ai nói nữa. Lão cúi kính rảo bước ra khỏi phòng, đôi chân gỗ nện lộc cộc suốt hàng hiên tới chỗ người hành bộc đang ngồi ăn, lão dừng lại và giận dữ nói với y:

– Về nói với cha giám mục rằng ta gửi lời chào, còn cái chuyện hăn đã

viết thì cũng bằng như chẳng có gì cả.

– Thế con không mang phúc thư về ạ?

– Không.

Lão nói rồi khập khểnh ra vườn, đi ngược đi xuôi dưới nắng. Đôi khi lão quật cây gậy sang hai bên như thể đang đánh đuổi một bầy chó vô hình, mồm lầu bầu:

– Đầu ta đâu đã phải là khúc gỗ!

Mấy người nông phu xén lông cừu một cách hăng hái hơn. Đàn chó cũng lảng ra xa. Cả ngôi nhà cũng hình như chuồi thấp hơn xuống bờ sông.

Bà chủ nhà đứng lại trên hiên với ông giáo sỹ, ông này nhún nhún vai:

– Mà giả dụ không phải là của thừa tự chẳng nữa thì cũng là của làm ra được bằng công sức của cha giám mục. Ngài muốn cho ai tùy thích. Ngài đã muốn cho Péter thì sau này đó sẽ là nhà của Péter và trong ngôi nhà đó, đến hoàng đế cũng không thể ra lệnh được.

Dobó bước ra khỏi phòng. Bà chủ nhà giới thiệu chàng với giáo sỹ và lên tiếng gọi Vica:

– Vicuska! Con đâu rồi hử Vica?

– Cô ấy chơi ở ngoài vườn đấy ạ. – Một mục đầy tớ trả lời.

Cecey cũng đã trở lại và nói đập vào mặt giáo sỹ:

– Giáo sỹ ơi, anh trở mặt rồi! Nay mai anh còn đầu quân làm tên lính vác cờ cho János nữa kia đấy.

– Còn anh khi về già lại từ bỏ cái tên Hung! – Giáo sỹ đập lại.

– Anh đầu quân mà làm đao phủ! – Cecey hét.

– Anh thì làm một thằng Đức! – Giáo sỹ sừng cồ.

– Đồ đao phủ!

– Đồ vong bản!

– Đồ sát nhân!

– Đồ bán nước!

Hai ông già đã giận tím cả người, hét vào mặt nhau. Dobó chỉ còn chờ đến lúc phải kéo hai người ra, chàng sốt ruột nói:

– Đừng cãi vã nhau nữa, cầu Trời phù hộ cho các bác. Chẳng thà các bác đi đánh nhau với tụi Thổ còn hơn.

– Cậu chưa hiểu chuyện này đâu, cậu em ạ. – Cecey trả lời và ngồi phịch xuống ghế. – Szapolya János đã từng sai cắt lưỡi lão giáo sỹ này, còn đối với ta, hắn đã chặt mất tay phải. Thế mà lão giáo sỹ còn đem tí lưỡi sót lại để bảo vệ Szapolya thì có phải là điên không?

– Nếu hắn chỉ là kẻ thù riêng của tôi thì tôi đã có thể tha thứ cho hắn từ lâu rồi. – Giáo sỹ trả lời với giọng cũng đã dịu bớt. – Nhưng như thế này tôi cũng vẫn nói rằng chẳng thà để hắn làm chúa người Hung còn hơn là bọn Đức.

– Nhưng chẳng thà người Đức còn hơn quân Thổ(*). – Cecey lại kêu to.

Dobó vội vàng nói xen vào để hai người đừng quay ra nhiếc móc nhau lượt nữa:

– Thật ra bảo tốt thì chẳng tên nào tốt cả. Người miền trên chúng tôi nghĩ rằng cần phải đợi ít nữa xem quân Đức có đưa lực lượng ra đánh quân Thổ hay không? Với lại cũng phải xét xem János có thực muốn bán sơn hà cho quân Thổ hay không?

– Hắn bán đứt đi rồi, cậu em ạ, từ lâu kia!

– Tôi không tin. – Dobó đáp lại. – Ông ta chẳng bao giờ cần quân Thổ, ông ta chỉ cần cái vương miện mà thôi.

Bà chủ nhà đặt lên bàn một đĩa thịt gà rán. Mùi thịt gà rán vàng thơm phức làm nét mặt hai ông già dịu hẳn lại.

– Chà, hồi ta còn trẻ như cậu, cậu em ạ... Cậu bao nhiêu tuổi rồi? – Cecey vui vẻ hỏi.

– Ba mươi một rồi. – Dobó trả lời. – Chắc hẳn chẳng bao lâu sẽ không còn ai khen tôi trẻ nữa.

– Chẳng nào chưa lấy vợ, người ta vẫn còn trẻ mãi. Nhưng cậu cũng lo đi là vừa chứ?

– Tôi chưa rồi. – Dobó trả lời. – Từ thuở bé đến giờ tôi cứ bận trận mạc liên miên thôi, bác ạ.

– Như vậy là tốt. Người Hung đã sống như thế từ thuở khai thiên lập địa. Chẳng lẽ cậu lại tin rằng ta đã cụt cả hai cẳng trong lúc khiêu vũ chẳng? Ta đây, cậu em ạ, ta đã bắt đầu sự nghiệp với Kinizsi^(*). Vua Mátyás^(*) đã gọi ta bằng tên riêng, về sau ta đã kết thúc quãng đời chinh chiến với Dózsa, người anh hùng của những bậc anh hùng, cậu hãy tin như vậy.

Lão nâng cái cốc thiếc đã rót rượu đầy tận miệng và vui vẻ nói:

– Cầu Trời thương lấy người Hung và đặc biệt phù hộ cho cậu. Hãy ban cho thanh gươm của cậu những chiến công hiển hách, và cho cậu một người vợ đẹp. Cậu có biết đánh cờ không?

– Tôi không biết. – Dobó vừa đáp vừa mỉm cười vì sự chuyển tiếp đột ngột của dòng tư tưởng ấy.

Chàng dốc cạn cốc. Đó là một thứ rượu vang đỏ khá mạnh. Chàng thầm nghĩ: bây giờ ta đã hiểu cái gì làm cho hai ông già trở nên nóng tiết đến thế.

– Ồ, thế thì cậu sẽ không trở thành một người làm tướng giỏi được.

– Đúng thế, nếu ta chiến đấu theo kiểu phương Đông: quân đội địch quân đội. Đẳng này chúng tôi chỉ đánh nhau theo kiểu Hung thôi: người chọi người, về việc này bàn cờ không hề dạy.

– Như thế nghĩa là cậu vẫn có biết đánh cờ.

– Không, tôi chỉ vừa mới gọi là sạch nước cản thôi.

– Ra thế đấy, nếu rồi đây học được cả các thế đánh nữa, cậu sẽ nghĩ về cờ một cách khác hơn. Một giờ trong cuộc cờ, cậu em ạ, người ta có thể trải qua tất cả mọi diễn biến, mọi hiểm nghèo của một trận đánh thực sự.

– Các bác ở đây có lẽ đánh cờ luôn nhỉ?

– Bọn ta ấy à? Không bao giờ. Không cần đánh cờ bọn ta cũng đủ cãi lộn nhau rồi. Thế mà bọn ta đã cùng mọc lông mọc cánh, cùng sống bên nhau, cùng trận mạc vào sinh ra tử...

– Và sẽ cùng chết với nhau. – Giáo sỹ gật gù kết thúc câu nói.

Hai ông già thân ái nhìn nhau và cùng nhau chạm cốc.

– Nhưng Bálint ạ, anh cũng phải nhận rằng người nào đã xua được tên Móre cáo già ấy ra khỏi thành trì của hãn, người đó đã làm được một việc ra trò. Và người đó hãn là Ferdinánd chứ còn ai vào đấy nữa.

– Không phải chỉ có Ferdinánd, – Dobó đáp lại. – Cả hai nhà vua cùng chung sức. Quân đội cả hai bên đã làm việc đó. Thiên hạ đã căm ghét những việc lằng lộn của tên tướng cướp ấy lắm rồi. Gần đây hãn đã quật cả mồ mả của người ta lên.

– Nhưng dù sao Ferdinánd cũng gửi đến nhiều quân hơn chứ?

– Không phải, vua János còn gửi nhiều hơn. Ferdinánd chỉ nhắn với Török Bálint(*) đến giúp János, và gửi đến năm chục thợ mỏ.

– Để phá tường à?

- Vâng. Quân Thổ cũng có đến giúp sức một ít.
- Cố nhiên là dưới cờ János.
- Đúng thế, nhưng ước gì quý tha ma bắt cái thứ giúp đỡ ấy đi. Bao giờ tụi nó cũng cướp bóc tàn tệt lúc trở về.
- Cái tụi akinji chó má thật.
- Đúng là đồ chó má.
- Các cậu khử cái thành ấy dễ dàng chứ?
- Tôi không thể nói như vậy. Tường thành rất vững chắc. Chẳng bên nào mang theo đại bác phá thành cả, còn thứ đại bác bắn ria thì ăn thua quái gì?
- Tôi cũng đã từng đến đó, – giáo sỹ lên tiếng, – cái thành đó quả là cả một khối đá tảng chứ không phải là đất bồi đâu. Thế chúng nó không chịu nộp thành à?
- Không. Chúng tôi đành phải điều năm chục thợ mỏ đến phá đá. Công việc thật vất vả. Cuộc chim cú tóe lửa trên đá, choòng sắt mỗi lần đóng chỉ lún được độ một móng tay vào sườn thành đá thôi. Nhưng nhiều tay thì cuối cùng đá cũng phải chịu thua.
- Các cậu cho nổ tung cái thành lên chứ?
- Trước hết chúng tôi nhắm vào cho Móre biết là các hốc ở chân thành đã nạp đầy thuốc nổ. Hẳn bèn xin chờ cho đến sáng hôm sau. Chúng tôi đồng ý. Nhưng con cáo quỷ quyết ấy đã làm gì trong lúc chúng tôi chờ hẳn? Hẳn tập trung tất cả dân trong thành lại và khuyến khích họ giữ vững lấy thành trì để hẳn chuồn đi cầu cứu. “Được thôi, – dân thành trả lời, – nhưng có gì bảo đảm là ông sẽ trở lại?” “Cả hai đứa con ta đều ở lại đây cùng tất cả vàng bạc của ta. Các người còn muốn gì hơn nữa?” Tên tướng

cướp trả lời thế, rồi dòng dây xuống tường thành và linh mất. Chúng tôi, cố nhiên, trong đêm đen như mực chúng tôi không thấy hăn. Sau đó, khi mặt trời lên và không thấy cờ trắng, không thấy sứ giả, cũng không thấy mở cổng thành, chúng tôi bèn cho nổ các hốc thuốc súng. Ở đây không nghe thấy gì ư? Thật là một tiếng nổ rung chuyển cả núi rừng. Tường thành đổ sụp cả xuống. Chúng tôi xông vào thành, các chiến sỹ của chúng tôi căm tức quá, giết sạch cả đám bộ hạ của Móre.

– Cả mấy đứa con hăn nữa chứ?

– Chúng nó thì không. Chúng tôi tìm thấy chúng nó trong một cái hầm đá. Hai thằng nhóc da nâu rất kháu. Từ hôm đó chúng được đưa về ở chỗ vua János.

– Thế cho nên các cậu mới đi tìm Móre đấy phải không?

– Tôi chỉ rẽ vào đây một chốc để lòng Móre với bốn chiến sỹ của tôi. Chả là vì giữa đường chúng tôi có hỏi chuyện một người canh ruộng và biết hăn đã ngủ nhờ trong hầm nhà anh ta. Anh ta bảo hăn đang cố chạy tới Pécs theo hướng này.

Bà Cecey ngoảnh ra sau hỏi một đứa ở gái đang lau sân:

– Này, Magda, Vicuska đâu rồi?

– Con không thấy, – người ở gái đáp. – Sau bữa trưa, cô ấy vẫn chơi ở trong vườn đấy mà.

– Hãy chạy đi tìm cô ấy về!

– Con bé nhà ta, – Cecey mỉm cười nói, – thật quả Trời đã tặng cho tuổi già của ta đấy. Tí nữa cậu sẽ thấy nó chẳng khác một nàng tiên tí hon chút nào.

– Bác không có con trai ư?

Cecey lắc đầu:

– Giá ta mà có con trai, cậu em ạ, thì có lẽ tay ta cũng sẽ mọc ngay ra như càng cua ấy.

Đứa ở gái về bầm không tìm thấy cô bé ở đâu cả. Trong lúc mãi trò chuyện, mãi đọc thư, mọi người đều quên bẵng cô bé Vica. Bọn đầy tớ gái thì còn đầu óc đâu mà nghĩ đến bé được nữa. Tất cả bọn đều cố moi cho ra việc ở ngoài sân, nơi các dũng sỹ đang nghỉ ngơi và vân vê ria mép. Bọn con gái cứ súng sa súng sính trong những cái váy, chúng vui đùa như thể các chàng dũng sỹ đến chạm ngõ ở nhà Cecey không bằng.

Ngay lúc đó đám gia nhân sục tìm khắp quanh nhà như thể tìm kim.

– Vicuska! Vicuska!

Người ta dò tìm trong tất cả các bụi cây, tất cả mọi chỗ chơi đùa của trẻ con trong làng. A, vú Kató đâu rồi? Vú giữ bé kia mà. Chắc vú già đã ngủ quên. Ai thấy Vicuska ở đâu không? Chẳng ai thấy cả. Hình như có một chú bé đứng nói chuyện với em ở sau vườn, lúc chiều. Ai đi sau vườn lúc chiều nhi? Chẳng có ai khác ngoài chú bé Gergő, chú bé dắt ngựa của ông đi chăn. Nhưng chú bé Gergő ấy đâu rồi? Cũng chẳng thấy chú bé ấy ở đâu cả! Chắc hẳn chú ta đã cưỡi ngựa vào rừng rồi. Ồ, một sự vô ý trẻ con! Bao nhiêu lần người ta đã dặn chú đừng có dắt ngựa đi quá bãi cỏ sau làng.

Người ta tìm kiếm khắp dải rừng xung quanh làng.

– Vicuska! Vicuska!

Cả nhóm Dobó cũng đổ đi tìm giúp. Người ta xem xét từng hốc cây, từng cành lá, từng nương nước, từng thung lũng, từng bụi rậm quanh làng. Biết đâu em chả ngủ quên ở một nơi nào đó?

Mẹ Gergely cũng kêu khóc, chạy bổ đi tìm con. Người ta bắt gặp vú

Kató ở trong rừng. Té ra vú đã đi tìm từ lâu, vú gọi đã khản cả cổ.

Cuối cùng, lúc trời đã chạng vạng, một người đầy tớ mừng rỡ kêu lên:

– Đây rồi!

– Tạ ơn Trời! Chúng nó đâu?

– Áo quần cô cậu đây rồi!

Áo quần của các em, tất nhiên là chỉ có áo quần thôi: cái áo nhỏ giặt là tử tế, đôi giày xinh xắn màu đỏ tươi, cái váy bằng lụa vàng cùng với áo, quần đùi và mũ của Gergó, chứng tỏ các em đã tắm. Bên bờ suối quả có dấu chân các em trên cỏ mềm. Dấu chân to hơn, có những ngón tõe ra là của Gergó, dấu chân nhỏ hơn là của Vicuska.

Chắc hẳn các em đã chết đuối ở dưới suối rồi.

3

– Tên chị là Margit, – cô gái nô lệ ngồi trên xe nói. – Chị sẽ kể chuyện cho các em nghe, chị biết nhiều chuyện lắm. Các em ở đâu, hờ các em thân yêu của chị?

– Em ở trong làng. – Gergő cay đắng trả lời.

– Ở trong làng, – bé Vica cũng thỏ thẻ.

– Làng nào cơ?

– Trong làng em ấy mà, ở phía đằng kia kia.

– Nhưng làng ấy tên là gì chứ?

– Tên làng ấy à?

– Ủ, tên làng gọi là gì nào?

– Tên làng? Em chịu, không biết.

Margit là một cô gái có khuôn mặt bầu bĩnh, cái miệng lúc nào cũng như chúm môi hôn. Hơi lốm đốm tàn hương quanh mũi. Cổ cô đeo một chuỗi hạt thủy tinh màu xanh. Tụi Thổ đã bắt được cô trong vùng đồng cỏ tỉnh Somogy.

Nghe câu trả lời của các em, cô chỉ lắc đầu. Cô bí mật xé vải đệm để trên xe, quăn quanh một chiếc thìa gỗ làm thành con búp bê.

– Búp bê của Vicuska đây này. Khăn nó vàng, váy nó đỏ. Ta sẽ may áo cho búp bê, ẵm búp bê, dạy búp bê nhảy và ru nó ngủ nhé.

Chiếc xe vẫn lặng lẽ đi.

Một thanh niên nông dân vạm vỡ cùng một gã di gan mặt rỗ cũng còn trẻ đi bên cạnh xe. Cả hai đều đi chân đất. Gã di gan mặc một cái quần xanh vá chằng vá đụp. Cái áo chèn ngắn tay cũng màu xanh. Một chiếc kèn gỗ thò cái ống bần thiu ra khỏi túi trong của áo chèn. Bên kia xe, một mục sư đen thui lê bước cùng một bác nông phu đầu tóc bù xù, mặt to bè bè. Bác ta dễ đã đến tứ tuần. Mục sư còn trẻ hơn, người cao, mặt gầy. Mặt ông không râu, không ria, đến cả lông mày cũng không có, mà lại đỏ như gấc. Chỉ có hai con ngươi là đen. Vài hôm trước đó, bọn Thổ đã giội nước sôi lên người ông để bắt ông phải nộp những đồ đạc quý giá của nhà thờ cho chúng. Khốn nỗi, nhà thờ của ông lấy đâu ra của quý!

Bọn họ, tất cả những người bị bắt đều là dân nghèo. Chân họ đeo xiềng xích, tay họ – người bắt chéo ra đằng trước, người quặt ra đằng sau – cũng nằm trong sắt thép. Anh thanh niên bị xích chung với gã di gan, ông mục sư cùng với bác nông phu. Anh thanh niên đã phải lấy giẻ rách quấn xung quanh vòng xích ở cổ chân. Những miếng giẻ đã đầm máu. Thỉnh thoảng anh lại quay ra phía sau nài nỉ:

– Dừng lại tí nào, cho tôi sửa lại vòng xích một tí.

Nhưng mấy tên ionisa chẳng thèm đoái hoài tới anh, chúng đang mãi chuyện gẫu với nhau, hoặc cùng lắm sự trả lời của chúng cũng chỉ là một cái nhìn hằn học.

Gergely dán mắt vào anh thanh niên. Tay anh mới gân guốc làm sao! Và cái áo anh mặc mới đỏ chứ! Anh chẳng có vẻ gì tỏ ra sợ hãi. Giá hai tay anh đừng bị xích chặt ra đằng sau thế kia thì có lẽ tụi Thổ đã chạy hết vía.

Anh thanh niên quả tình không sợ. Anh ngẩng đầu lên và thét vào mặt tên Thổ còng lưng cười ngửa đi bên cạnh:

– Lửa thiêu chúng mày đi, đồ chó sói dị giáo!

– Gáspár, Gáspár, – Margit ngồi trên xe can ngăn, – anh chịu khó một chút nữa nào. Anh thấy không, mặt trời sắp lặn rồi, chúng nó sắp phải dừng lại nghỉ đấy mà.

Thấy cô lau mắt, hai đứa trẻ lại khóc òa lên:

– Em muốn về nhà cơ! – Gergely nức nở.

– Về nhà! – Éva mếu máo.

Mấy tên Thổ đã dừng lại thật. Chúng xuống ngựa và lấy bình nước ra rửa ráy tay chân mặt mũi rồi quỳ xuống thành một hàng ngang, mặt quay về phía mặt trời mọc. Chúng cúi xuống hôn mặt đất, và cầu nguyện.

Đám người nô lệ lặng lẽ nhìn chúng.

Cô gái leo xuống xe, xé một miếng giẻ ngoài mép áo, quấn vào chân anh thanh niên rồi đẩy những vòng xích trở lại với một sự cẩn thận đầy nhân hậu.

– Cầu trời phù hộ cho cô, cô Margit ạ. – Anh thanh niên thở dài nói.

– Đến khuya, nếu có thể, ta sẽ dịt thuốc lá vào, Gáspár ạ.

Cô gái nói với anh và mặt cô lại méo xệch sắp khóc. Giờ nào cô cũng khóc một lúc, nhưng ngay sau đó cô lại đã phải hát dỗ hai đứa trẻ; vì hễ cô khóc, chúng cũng òa lên khóc theo.

– Chà, bụng tớ đói ghê! – Gã di gan buột miệng nói lúc ngồi xuống vệ đường cạnh những người khác. – Trong đời, tớ chưa bao giờ chịu được một kỳ chay tịnh lớn như thế này.

Người đánh xe, cũng là một thanh niên nô lệ bị xiềng chân, nghe tiếng thở dài của gã di gan cũng phải nhếch mép cười.

– Tớ đây cũng đói meo, – anh ta khinh bỉ liếc nhìn tụi Thổ và tiếp, – nhưng tối nay tớ sẽ nấu một món thịt rõ thật cay để chúng nó phải chừa hết

lại cho ta.

– Thế cậu còn làm đầu bếp nữa cơ à?

Nghe tiếng “cậu”, người đánh xe nhú lông mày lại, nhưng sau đó anh vẫn trả lời:

– Chỉ buổi tối thôi. Ban ngày thì chúng nó tự đi cướp lấy cả bữa trưa nữa.

– Cầu cho mắt chúng mù lòa đi! Đến kỳ vũ hội, cầu cho chuột rút bắp chân chúng lại! Thế cậu phải hầu hạ chúng nó từ bao giờ?

– Đã ba hôm nay.

– Không có cách nào phối đi được à?

– Không, với tội này thì đừng hòng. Đây, cậu cứ xem đôi ủng ở chân tớ thì khắc biết!

Anh nói và rút chân lên khỏi chỗ ngồi, những vòng xích to, nặng cũng xúng xoảng kéo lên theo.

– Nhưng nhờ tối nay chúng không để cho cậu nấu nữa thì sao? – gã di gan tỏ vẻ lo lắng.

– Nhất định tớ sẽ nấu. Hôm qua tớ đã làm cho chúng nó một bữa ngon đến nỗi ăn xong chúng nó vẫn còn liếm mép mãi như một lũ khuyển.

– Ước gì tớ cũng được liếm mép ngay lúc này rồi. Giá thỉnh thoảng không nói chuyện thì có lẽ tớ đã không còn biết cái mồm tớ nó ở đâu nữa.

– Trưa nay chúng nó vừa cướp được cả rượu vang nữa. Trong cái thùng bông này này.

– Tội Thổ nó không uống rượu vang đâu cậu ơi!

– Hễ đã ngửi thấy mùi rượu vang thì không một tên Thổ nào còn là Thổ nữa^(*).

– Thế thì hôm nay là ngày hội của tớ rồi. – Gã di gan vui vẻ hẳn lên, – tớ sẽ thổi cho chúng nó nghe một bài kèn hay đến nỗi chúng phải nhảy nhót lên cho mà xem.

Sau khi cầu nguyện, tên ionisa chợt mắt không giục xe đi nữa. Từ trên đỉnh núi đã trông thấy thành phố bị hoàng hôn bao phủ trong thung lũng. Đó là tổ ấm của người Hung. Trong đó có ông bà về^(*).

Bọn Thổ bàn bạc với nhau một lúc, sau đó tên ionisa chợt mắt bảo người đánh xe:

– Đi theo tao! Vào rừng!

Bọn chúng đưa đoàn xe đi sâu vào rừng đến mười lăm phút.

Trong lúc đó mặt trời đã khuất hẳn sau rặng cây. Hoàng hôn buông trùm rừng núi. Trên bầu trời quang đãng, ngôi sao đầu tiên đã bắt đầu nhấp nháy.

Bọn Thổ thả ngựa ra một bãi cỏ giữa rừng. Tên ionisa cởi tay cho ông mục sư và quát:

– Nhóm lửa lên!

– Con biết làm việc ấy giỏi hơn ạ! – Gã di gan xun xoe. – Thưa ông lớn Thổ, con xin hôn tay hôn chân ngài, hãy để con nhóm lửa cho, đó là nghề của con đấy ạ.

– Câm! – Tên Thổ nạt gã.

Bọn chúng gọi cả ba người đàn bà nô lệ xuống xe để họ giúp việc nhóm lửa. Mấy người đàn bà cùng ông mục sư nhặt lá khô và cành khô quanh những gốc cây gần đấy, rồi với thép và đá lửa, chẳng mấy chốc họ đã nhóm được lửa lên.

Người đánh xe cũng được chúng tháo xích, cho ra khỏi chỗ ngồi.

– Làm món ăn như hôm qua ấy, nghe không! – Tên Thổ chợt ra lệnh.

Người đánh xe đổ nước vào một cái chảo gang to rồi đặt lên ngọn lửa và sau khi ông mục sư cùng gã di gan đã nhanh chóng lột da một con cừu đực, anh thành thạo thái nhỏ thịt vào chảo. Anh thái cả hành đỏ rắc trùm kín thịt, còn ớt thì ê hề. Giá như có, chắc hẳn anh còn xắt cả khoai tây vào chảo súp ấy nữa cơ đấy, nhưng thời đó khoai tây còn là một sản vật hiếm hơn cả dưa. Trên các bàn ăn sang trọng cũng chỉ những dịp đặc biệt người ta mới nhăm nháp khoai tây, ngay cả tên gọi cũng chưa có một cách hẳn hoi. Người ta đặt tên cho nó là táo đất hoặc táo Mỹ^(*).

Bọn lính Thổ nằm dài ra nghỉ ngơi quanh đồng lửa. Ngay lúc mới đến, chúng đã xếp các cỗ xe thành một vòng tròn chắn bên ngoài như một hàng rào. Ngựa nghèo được tháo yên cương, đứng bên ngoài dây xe.

Những người nô lệ bị lừa cả vào bên trong cái hàng rào ấy thành một cụm. Tất cả bọn họ có mười sáu người: chín đàn ông, năm phụ nữ và hai trẻ nhỏ. Những con người khốn khổ đã rục cả xuống cỏ, vài người trong bọn lập tức ngủ thiếp đi ngay.

Cô bé Vica cũng đã ngủ trên đồng vải nệm. Gối cái đầu bé bỏng vào lòng Margit, em đang mơ màng, tay phải vẫn ôm khư khư con búp bê xấu xí trên lồng ngực nhỏ. Gergő nằm sấp bên cạnh.

Tên ionisa chợt tỉnh thoảng lại liếc nhìn các em. Hẳn để cho các em với cô gái ở lại trên nóc xe.

Ngọn lửa đã bốc cao. Bọn Thổ làm thịt một con cừu đực, mổ gà, mổ ngỗng. Những người nô lệ làm việc tíu tít để soạn thức ăn. Chỉ một lúc sau, thịt đã sôi xèo xèo trong nồi bung và trong chảo, mấy đùi cừu đã chín vàng trên xiên nướng. Mùi thức ăn thơm phức tỏa ra lẫn vào không khí của rừng cây làm người ta thèm rỏ dãi.

4

Chưa đầy một giờ sau, anh chàng đánh xe András bị một cái tát choáng người, khiến cái mũ trên đầu bắn ra xa đến hai sải.

– Hỏa ngục thiêu sống mày đi! Mày đã tổng bao nhiêu ốt vào món thịt này thế hử?

Tên ionisa chợt găm lên, hăn vừa nhắm tít mắt lại vừa hà hà cái lưỡi bị cay như xé.

Món thịt nêm ốt thế là được chuyển sang cho những người nô lệ, làm gã di gan hớn hờ cả mặt mày:

– Ồi chao chao, của này thì hai cái tát như thế cũng vẫn đáng.

Bọn Thổ đành chia nhau mấy cái đùi cừu và đùi ngỗng nướng. Chúng đóng vôi vào các thùng rượu. Bọn Thổ uống rượu vang Hung bằng các bình đất hoặc bằng sừng dê rừng.

Gã di gan đứng dậy lấy tay quạt mồm, sau đó chùi bàn tay vào quần, rồi xun xoe:

– Thưa tôn ông Gyamarzsák, con xin hôn tay hôn chân ngài, con xin thối hầu các ngài một bài kèn để làm vui lòng các vị khách quyền quý.

Tên chợt được gọi là Gyamarzsák – thực ra là Jumurdzsák – quay ngoắt lại, giễu cợt nheo mắt:

– Để mày gáy tụi Hung đến đây phải không?

Gã di gan chưng hửng vội lui thúi trở về chỗ mọi người đang ăn, và lại vục thìa gỗ vào cháo, vừa ăn gã vừa lâu bầu:

– Cầu cho người ta treo cổ mày lên vào cái lúc vận mày đang đỏ nhất.

Bọn Thổ ngón ngấu ăn và tợp rượu. Chúng chia của và đổi chác ngay giữa bữa ăn. Một tên akinji lăm lì, ria dài lòng thòng, lấy từ trên xe xuống một cái tủ sắt nhỏ. Bọn chúng cạy nắp. Tiền vàng, nhẫn, vòng, khuyên đồ tràn cả ra ngoài.

Chúng chia nhau bên cạnh đồng lửa. Chúng ngắm nghía viên ngọc nạm của cái nhẫn này hoặc của đôi hoa tai kia.

Gergő đã buồn ngủ, nhưng em không thể nào rời mắt khỏi tên Thổ của em được. Cái đầu trọc lông lốc toàn da là da ấy có một bộ mặt gớm ghiếc, kỳ dị. Khi hắn bỏ mũ ra, cái phần nhẵn thín của đầu liền vào làm một với cái mặt trơn tuột. Và hắn cười mới quái dị làm sao! Cả đến cái lợi cũng nhe ra khi hắn cười.

Lúc bọn hắn chia tiền, hắn lôi dưới áo ra một cái hầu bao dày cộm bằng da nai. Cái hầu bao đã căng phồng những tiền. Hắn đứng dậy đi ra sau mấy cái xe hàng, nơi những con ngựa đang gặm cỏ.

Gergő vẫn theo dõi hắn. Em thấy hắn kéo cái sạp gỗ ra và nhét tiền vào đáy yên ngựa qua một kẽ nhỏ.

Những người nô lệ vẫn còn ăn. Đối với họ ớt không phải là vị lạ. Anh chàng đánh xe András đã gần như vui vẻ trở lại, đang xơi món thịt.

– Sao con không ăn? – Ông mục sư hỏi Gáspár.

Anh thanh niên ngồi ở ngoài cùng và cứ lăm lì nhìn thẳng trước mặt.

– Không cần. – Anh cau có trả lời.

Một lát sau anh nhìn sang ông mục sư:

– Thưa cha đáng kính, nếu cha đã ăn xong, con có một câu chuyện nhỏ muốn nói, nếu cha vui lòng nghe.

Mục sư bỏ thìa gỗ xuống và đến ngồi sát bên cạnh Gáspár:

– Con cần gì thế, hờ con?

Anh thanh niên liếc nhìn ra phía trước, trả lời:

– Con muốn xin cha hãy rửa tội cho con.

– Để làm gì thế?

– Con muốn được trong sạch để đi sang thế giới khác.

– Con còn xa thế giới ấy lắm, Gáspár ạ.

– Cũng không còn xa đến như cha tưởng nữa đâu.

Anh sầm mặt nhìn về phía bọn Thổ rồi tiếp:

– Khi nào những người nô lệ ăn xong, tên Thổ bắt con sẽ lại đây. Hẳn lại đây để khóa tay chúng ta vào xích. Lúc đó con sẽ giết hắn.

– Đừng làm thế con ạ.

– Nhất định con sẽ giết hắn, thưa cha đáng kính. Khi nào hắn lại đây, con sẽ giật lấy một con dao và thọc cho hắn một nhát! Vào chính giữa bụng cái đồ chó ấy! Vậy xin cha hãy rửa tội cho con đi.

Mục sư sững sờ nhìn người thanh niên, sau đó ông ôn tồn nói:

– Con ơi, ta không rửa tội cho con đâu, bởi vì ta là tín đồ dòng Luther.

– Dòng Luther à?

– Tên nó là Luther con ạ, nhưng thực ra nó là giáo phái chân chính từ xưa, là đạo giáo mà Jesus ở Nazareth^(*) đã truyền lại cho chúng ta. Chúng ta không rửa tội, chúng ta chỉ xưng tội. Chúng ta tin rằng Chúa Trời nhìn thấu tâm hồn chúng ta. Nhưng con uống phí thân con làm gì? Con cũng thấy đấy, chúng ta vẫn đang ngồi trên đất Hung kia mà, và thành Pécs ở kia, ngay dưới chân ta. Quân ta đã nhiều lần giải thoát cho những nô lệ Hung.

– Nhưng nhờ lần này họ không cứu chúng ta?

– Lòng lành của Chúa có thể theo chân ta trên khắp các nẻo đường. Đã có người, mà không phải là một, gặp may mắn trong cuộc đời ở ngay trên đất Thổ. Anh ta đi tới đó trong xiềng xích nhưng lại từ đó trở về trong cảnh giàu sang. Cuối cùng anh ta cũng về được nhà. Thôi, lại đây ăn đi con!

Anh thanh niên vẫn lăm lăm nhìn bọn Thổ và lăm bắm giữa hai hàm răng:

– Cha đời phúc phận con chó ấy!

Mục sư lắc đầu:

– Nếu con không nghe lời ta thì gọi ta đến làm gì?

Cuối cùng anh thanh niên cũng đứng dậy, lê chân đến chỗ những người khác.

Phần lớn những người bị bắt đều còn trẻ và khỏe mạnh. Giữa đám phụ nữ có cả một mục di gan mắt lúng la lúng liếng. Tay chân của mục đều xoa thuốc đỏ tươi theo đúng tục lệ di gan, cả tóc mục cũng vậy.

Chốc chốc mục lại hất đầu ra đằng sau cho tóc khỏi rủ vào mắt. Mục thường hay nói chuyện bằng tiếng di gan với Sárközi, gã di gan mặt đỏ.

– Mục ta là vợ cậu đấy à? – Người đánh xe hỏi gã.

– Không phải đâu. Cho tới nay chưa một lần nào mục ta là vợ tớ cả.

– Thế chúng mày nói chuyện gì bằng tiếng di gan đấy?

– Mục ấy bảo là nếu cho mục đến bên đồng lửa thì mục sẽ nói cho ta biết chuyện tương lai.

– Chuyện tương lai nằm trong tay Chúa. – Mục sư nói với họ. – Các con đừng mạo danh Chúa làm chuyện nực cười.

Trong số đàn ông có hai người đã luống tuổi. Một người không nói

không rằng, dáng dấp có vẻ quyền quý, tuổi đã hơi già, râu xám, bộ ria dài cụp xuống. Cứ theo nước da nâu mà đoán thì cũng có thể là quan, cũng có thể là di gan. Ai hỏi han gì y cũng cứ câm như hến. Mặt y có một vết sẹo đỏ bầm chạy dài từ đuôi tai trái đến cuối má. Người y tỏa ra xung quanh một thứ mùi là lạ, giống như mùi khét của thuốc súng. Còn người kia là một nông phu mặt to bành bạnh, bị xích liên cùng với ông mục sư, bác ta cứ luôn luôn nhìn mọi vật với đôi mắt mở to như ngạc nhiên và cứ gục đầu xuống như thể đầu bác ta nặng hơn đầu mọi người khác nhiều lắm. Kể ra đầu bác ta cũng khá to thật.

Những người bị bắt vừa ăn món thịt nêm ớt vừa khe khẽ trò chuyện. – Làm thế nào mà thoát khỏi tay bọn Thổ được?

– Chả làm thế nào được đâu! – Bác nông dân to đầu bỗng lên tiếng, bác bỏ thìa xuống, lấy ống tay áo quạt mồm rồi nói tiếp. – Tôi đã từng biết cảnh này. Tôi đã trải qua một lần bị bắt làm nô lệ. Đời tôi đã mất mười năm vào đấy.

– Cuối cùng bọn chúng tha cho bác về ư?

– Đời nào chúng lại tha.

– Thế bác làm thế nào mà thoát được?

– Làm sao ấy à? Boóng thôi! Có lần bọn chúng đưa tôi đến Belgrad^(*) và tôi đã trốn khỏi nơi đó bằng cách bơi qua sông Duna^(*).

– Cuộc đời nô lệ ấy nó ra làm sao hở bác? – Một thanh niên trạc mười sáu tuổi, mắt đùng đục, cất tiếng hỏi.

– Chắc chắn là không quá nhiều gà vịt bị chết oan vì tớ đâu, chú em ạ.

– Bác có được hầu hạ chỗ nhà giàu có không? – Một giọng từ dưới gầm xe hỏi vọng ra.

- Tôi đã ở ngay chỗ xuntan^(*).
- Ở chỗ xuntan cơ à? Bác làm nghề gì ở đấy?
- Tôi làm chức chánh tảo thanh.
- Chánh tảo thanh? Thế bác tảo thanh cái gì?
- Tàu ngựa của hoàng đế.

Cả bọn phì cười, nhưng rồi ai nấy lại buồn rũ ra như cũ.

– Chúng nó đối đãi với đàn bà ra sao hở bác? – một thiếu phụ tóc đen hỏi.

Bác nông dân nhún vai:

– Ai còn trẻ thì đến đấy vẫn làm vợ thôi, chỉ có cái là vợ Thổ. Nhưng phần đông chỉ làm con hầu, đầy tớ.

- Chúng nó đánh cả đàn bà, phải thế không hở bác?
- Cũng tùy người.

Mục sư đứng dậy, cất tiếng hỏi:

- Như vậy nghĩa là bác đã biết con đường này?
- Ước gì tôi chưa hề được biết.

Mục sư đặt một chân lên đầu trục bánh xe, trong ánh lửa rọi đến, ông mở to mắt nhìn vào cái vòng sắt nhẵn và rộng bản khóa trên ống chân. Trên vòng sắt có những dấu vạch. Chắc hẳn là ghi chép của một người nô lệ nào đó: biết bao nỗi tủi nhục của một chặng đường dài gói ghém trong vài chục chữ.

Mục sư đọc những chữ ghi trên vòng sắt:

- Từ Nándorfehérvár^(*) đến Hizarlik một ngày. Sau đó là Baratina.
- Không phải đâu, – bác nông dân đáp, – cho tới đó phải qua năm trạm

nữa.

– À, thì ra năm chữ thập này đánh dấu năm trạm đây. Thế là năm trạm.
Sau đó đến Alopnica.

Bác nông dân gặt đầu.

– Rồi đến Niš.

– Đó là nước Serbia. – Bác nông dân thở dài, ôm lấy đầu. – Từ đây trở đi người ta bắt đầu gieo cháo đồng^(*).

– Cháo đồng? – Một người đàn bà ngạc nhiên hỏi.

Bác nông dân không trả lời.

Ông mục sư tiếp tục đọc những chữ vạch trên vòng sắt.

– Sau đó đến Kuri-Kezme.

– Ở đây nhiều bọ cạp lắm.

– Sárkövi.

– Ở đó có ba nhà xay. Cầu trời làm cho cạn hết nước của nó đi^(*).

– Czaribród.

– Ở đó chúng đã đánh tôi tàn tệ, học cả máu mồm máu mũi. Đầu tôi cũng bị rách bươm.

– Tại sao thế? – Năm, sáu người cùng cất tiếng hỏi một lúc.

– Tại tôi đã bẻ gãy cùm ở chân, thế đấy!

– Dragomán. – Mục sư lại đọc tiếp.

– Đó đã là nước Bulgaria. Từ đó chúng tôi đi đến Sofia. Ở đó có rất nhiều tháp chuông. Đó là một thành phố lớn.

Mục sư nhấp nước bọt vào ngón tay, xát lên cùm:

– Iktimán.

- Một cô gái đã bị chết ở đó, tội nghiệp cho cô ta.
 - Kapiderven^(*).
 - Ở đó có một ngọn núi cao tuyết phủ quanh năm. Mùa hè tuyết vẫn phủ trắng xóa trên đỉnh núi.
 - Pozarki hay là cái quái gì đây?
 - Đúng đấy, Pozarki, cầu cho đất sụt nuốt chửng nó đi! Ở đó chúng tôi phải ngủ trong giàn cừ. Chuột chạy từng đàn trên người chúng tôi.
 - Filippe.
 - Đó cũng là một thành phố. Sập mẹ nó xuống! Sập ban đêm ấy, khi tất cả chúng nó đang ngủ yên trong nhà.
 - Kaladán.
 - Ở đó chúng đã bán mất người bạn thân thiết nhất của tôi. Cầu cho ôn dịch bắt hết chúng nó đi!
 - Uzonkova.
 - Ở đó có nhiều vườn cây ăn quả. Một chỗ tốt đấy. Có một bà đã cho chúng tôi hai ổ táo.
 - Harmanli.
 - Ở đó một ông quan Thổ đã mua anh chàng Dávidka Antal, mặc dù ông ta đã mặc cả định mua tôi trước.
 - Musztafa-basa-Köpri.
 - Ở đây có một cái cầu đá to lắm. Gãy mẹ nó đi!
 - Drinápoly.
 - Một thành phố lớn thối tha. Ở đó tôi đã thấy một con voi thật.
- Những người nô lệ ngạc nhiên hỏi:

– Nó là cái gì?

– Nó là một con vật bốn chân, to như cái xe chất đầy hàng này này. Có lẽ nó còn to hơn cả cái xe này nữa cơ. Da nó trơn trượt như con trâu. Cái mũi của nó thì dài dài mà lại ngoe nguẩy được như đuôi các con vật khác ấy, khi nào ruồi hành hạ nó quá thì nó đập phành phạch vào hai bên sườn.

– Corli.

– Từ đó trở đi đã trông thấy biển.

Đám người nô lệ thở dài. Một vài người úp mặt vào lòng bàn tay, một số khác cứ nhìn trân trân ra phía trước với những cặp mắt đắm ướt.

5

Người mặt sẹo nặc mùi thuốc súng, lên tiếng nói khe khẽ bằng một giọng rè:

– Đồng bào ơi, nếu các bạn cởi trói được cho ta thì ta sẽ giải thoát tất cả các bạn khỏi tay bọn Thổ.

Đám người nô lệ đều ngoảnh nhìn y.

Y nhìn về phía bọn Thổ rồi tiếp, giọng còn khẽ hơn.

– Ta là một vị tướng đây, ta có hai thành trì, có quân lính và cả tiền bạc nữa. Ta chỉ yêu cầu một điều là khi ta đã đến ngôi ở chỗ cái xe hàng thứ năm đằng kia kìa, thì ở đây các bạn hãy giả vờ gây xích mích cãi nhau làm cho om sòm lên.

Bác nông dân đã trải đời nô lệ nhún vai nói:

– Chúng nó sẽ đánh cả chúng tôi và cả bác.

– Tên ông là gì hở ông anh? – ông mục sư hỏi y.

– Tên ta là Nô lệ. – Người mặt sẹo bực dọc đáp lại.

Và y đứng dậy, khập khiễng bước vài bước về phía bọn Thổ rồi lại ngồi xuống, lim dim mắt quan sát những bộ mặt được ánh lửa soi tỏ.

– Tên này coi bộ chẳng phải tướng tá gì đâu. – Một người nô lệ khoát tay nhận xét. – Hẳn chỉ là một thằng di gan vớ vẩn nào đó thôi, có khi lại chính là một tên đao phủ cũng nên.

Gergố rùng mình khi nghe tiếng đao phủ. Tia mắt em lập tức dán vào tên ấy. Với trí óc trẻ thơ, em yên trí rằng đó là một tên di gan đao phủ chính

cổng.

– Ước gì có một mớ đoạn thiết thảo nhỉ. – Anh chàng Gáspár bị trầy chân thờ dài bên cạnh bánh xe.

Đám người nô lệ vẫn ngồi trầm ngâm, lặng lẽ và buồn bã. – Gáspár lại tiếp:

– Đoạn thiết thảo là thứ cỏ làm cho cùm xích gãy vụn ra được.

Mấy tên ionisa bỗng nhận hẳn lên, chúng kêu to và mừng rỡ vây quanh một thùng rượu. Chúng vừa phát hiện ra có rượu aszú(*) trong đó. Chúng lăn thùng rượu lại gần đồng lửa rồi vừa uống vừa chếp miệng, tắc lưỡi. Chúng tới tập dốc rượu vào cổ họng.

– Nước Hung muôn năm! – Jumurdzsák the thé la lên.

Hắn nâng cốc rượu chìa về phía đám người nô lệ và nói to:

– Nước Hung muôn năm, để cho người Thổ được uống rượu trót đời mãn kiếp.

Lợi dụng cơ hội đó, tên mặt sẹo mới lúc này còn tự xưng là Nô lệ liên hồi:

– Do đâu mà ông biết tiếng Hung?

– Việc gì đến mi? – Jumurdzsák cười, trả lời trịch thượng.

Lúc bấy giờ bầu trời đã đầy sao và trăng lên sáng vằng vặc. Những con cánh cam, bọ dừa bay vù vù quanh những lùm cây ướt đầm sương đêm.

Những người nô lệ đã nằm lăn lóc cả trên bãi cỏ, trong giấc mơ họ tiếp tục đi tìm con đường giải phóng. Ông mục sư cũng đã ngủ, tay gối dưới đầu. Chắc hẳn ông đã quen ngủ trên gối gỗ. Gã di gan nằm ngửa ra mà ngủ, hai tay cài vào nhau trên ngực, hai chân dạng ra như chữ Y. Tất cả đều đã ngủ say. Chỉ riêng anh chàng Gáspár còn thờ dài thờ ngắn và than vãn bằng

một giọng cũng đã ngái ngủ:

– Ta không bao giờ còn được thấy thành Eger xinh đẹp nữa!

Gergő cũng đã mơ màng, gò má nhỏ sạm nắng đặt trong lòng bàn tay, đầu hơi thấp xuống một tí, gối lên cái góc thò ra ngoài của cái chăn bông.

Có lẽ em đã ngủ hẳn nếu cánh cửa nhỏ của lỗ tai em không tự động mở ra khi chợt nghe đến cái tên Cecey.

Giọng khàn khàn của tên di gan đao phủ đã nói lên cái tên đó và tên Thổ nhắc lại.

Chúng nó nói chuyện ngay bên cạnh cỗ xe.

– Ở chỗ Cecey, tôi biết chắc chắn là ở chỗ Cecey, – tên di gan đao phủ nói.

– Châu báu của Dózsa?

– Tất cả châu báu của Dózsa. Tất nhiên là những thứ mà ông ta đem theo lúc đó.

– Những thứ gì?

– Những cái quả bằng vàng này, những cái cúp vàng này. Cả một cái khay lớn bằng vàng nữa. To như mặt trăng lúc mới mọc ấy. Rồi vòng đeo tay, chuyền đeo cổ, trâm cài đầu nạm kim cương và ngọc bích. Nghĩa là tất cả những gì vẫn thường là đồ tế nhuyễn trong các nhà quan. Nếu chúng nó đã đem một phần những thứ ấy đúc thành thỏi thì ta lại tìm thấy vàng thỏi ở nhà lão.

– Ngay gần đây, dưới cánh rừng này à?

– Ngay đây thôi. Cũng vì thế mà lão lánh xa thời cuộc đấy.

– Hẳn có cả vũ khí nữa chứ?

– Những thanh gươm nạm bạc tuyệt trần. Nhưng tôi dám nói là chỉ có

độ dăm cái. Và những bộ cân đai. Có một cái rất nhẹ và đẹp tuyệt. Của chính vua Lajos ngày xưa đấy. Trên trần nhà lão đầy ắp những của như thế. Trong buồng lão tôi biết có độ sáu cái hòm sắt. Trong ấy có thể đựng những đồ quý giá nhất.

– Cecey... Ta chưa hề nghe đến cái tên ấy bao giờ.

– Bởi vì lão không đi trận đi mạc gì nữa rồi. Lão vốn là quan hộ chính của Dózsa.

Tên Thổ lắc đầu:

– Bọn ta ít người quá. Ta phải chờ ở đây đến tối mai, cần đợi thêm cho đủ một toán đông đông hăng.

– Cần gì phải đông quá như thế? Đông quá thì lại phải chia ra nhiều phần. Lão ta đã già rồi mà chân tay đều bằng gỗ cả.

– Nhưng còn lính tráng của hãn nữa chứ?

– Làm gì có. Chỉ toàn bọn nông phu quen gặt hái.

– Mi đến đó lần cuối vào lúc nào?

– Dễ đã một năm nay.

– Một năm, khá lâu rồi đấy! Ta đi đông người vẫn tốt hơn. Nếu sự thật quả như mi nói, ta sẽ tha cho, hơn nữa ta còn thưởng cho mi nữa. Nhưng nếu không đúng, ta sẽ treo cổ mi lên trước cổng nhà Cecey.

Tên Thổ nói rồi trở về bên đồng lửa, và chắc chắn là nó kể lại câu chuyện của tên nô lệ, vì bọn lính Thổ nghe nó nói với một vẻ rất chăm chú.

Đầu Gergő nặng chình chịch. Chú ngủ thiếp đi nhưng lại mơ thấy toàn những chuyện khủng khiếp. Cuối cùng, chú mơ thấy bọn Thổ gươm tuốt trần đang chạy rầm rập trong làng, bọn chúng bắt mẹ chú và đâm dao vào ngực mẹ.

Chú rên lên và choàng tỉnh dậy.

Đêm còn tối nhưng tiếng chim đã ríu rít khắp nơi. Hàng trăm con họa mi! Hàng ngàn họa mi! Hình như tất cả họa mi của thế gian đều đã bay về cánh rừng này để hòa những khúc tuyệt diệu vào giấc mơ của đám người nô lệ.

Gergő nhìn lên trời. Những đám mây rải rác tản mạn. Từng chỗ, từng chỗ một ngôi sao le lói chiếu qua. Ở một chỗ, cái liềm bạc của ông trăng treo thông qua mây.

Tro đã phủ kín đồng lửa dưới gốc cây. Chỉ ở giữa còn hồng lên một cục than bằng nắm tay. Mấy tên ionisa nằm ngổn ngang trên cỏ, quanh đồng lửa.

Jumurdzsák cũng nằm ở đấy! Dưới đầu hắn có cái gì như tay nải, bên cạnh là cái cúp hoặc cái bình đất hay cái mũ gì đó – trong bóng tối không tài nào trông rõ được.

Phải về nhà ngay, đó là ý nghĩ đầu tiên của Gergő.

Không thể được, đó là ý nghĩ tiếp theo.

Chú nhìn quanh. Toàn người ngủ. Ước gì chú có thể lén qua người họ nhỉ. Mà cần phải lén qua chứ còn gì nữa, ngoài ra các em không còn cách nào khác để trở về làng được.

Bé Éva ngủ bên cạnh. Chú lay nhẹ và thì thào vào tai bé:

– Vicuska! Vicuska!

Éva mở mắt ra.

– Ta về nhà đi. – Gergő thăm thì.

Môi của Éva cong lên trong một thoáng, nhưng bé lập tức thôi ngay và ngồi dậy. Bé ngơ ngác nhìn Gergő như một chú mèo con nhìn khách lạ. Rồi

cái nhìn của bé chuyển sang con búp bê nằm trong lòng, bé cầm lên và lại ngắm nó với cái nhìn của mèo con.

– Vicuska! Vicuska! Đi thôi. – Gergố giục. – Nhưng khe khẽ đấy nhé.

Chú trèo xuống phía bên ngoài thành xe rồi đỡ cả cô bé xuống.

Một tên axap ngồi ngay bên cạnh xe, cây giáo ôm trong lòng. Đầu hẳn tựa lên đầu trục bánh xe, cái mũ rơi xuống bên cạnh. Hẳn ngủ say đến nỗi tất cả đám người cũng có thể trốn đi khỏi tay hẳn. Chỉ riêng có cái xe mà hẳn tựa đầu vào trục bánh là không thể trốn đi được mà thôi.

Gergố nắm lấy tay bé Vica kéo theo mình.

– Con Xám nữa, – em lúng búng, – con Xám cũng phải đem về nhà.

Nhưng con Xám bị buộc liền vào với con ngựa nhỏ giống Thổ. Cái thắt nút thì Gergố còn loay hoay mở được, nhưng việc tháo hai cái dây hãm thì đã vượt quá vốn khoa học của chú.

– Quỷ sứ mới biết được cái này! – Chú lầu bầu với cái nút buộc.

Chú tức mình, vừa mếu máo vừa gãi đầu.

Rồi chú lại thử đi thử lại. Chú dùng cả răng nữa nhưng cũng chẳng làm gì nổi cái nút. Cuối cùng chú cứ cầm cương con Xám dắt đi.

Cạnh đàn ngựa cũng có một tên lính gác, nhưng hẳn cũng ngủ. Hẳn ngủ ngời, lưng dựa vào một thân cây cong, mồm há hốc ra mà ngáy. Tí nữa thì Gergố dắt hai con ngựa giẫm lên người hẳn.

Tiếng bước chân của hai con ngựa chìm đi trong cỏ. Chúng đi như những cái bóng. Bên trong cũng như bên ngoài các cỗ xe, chẳng một ai thức giấc.

Đến một thân cây vừa tầm, Gergố dừng con Xám lại và trèo lên lưng nó.

– Cô cũng trèo lên chứ. – Chú giục cô bé.

Bé Éva không lên được, thân cây đối với em hơi cao quá. Gergố lại phải xuống ngựa. Trước tiên chú giúp bé Éva lên thân cây, sau đó lại giúp bé từ thân cây lên lưng ngựa.

Các em ngồi cạnh nhau trên lưng con Xám, Gergố ngồi đằng trước, Éva ngồi sau. Cô bé vẫn ôm khư khư con búp bê váy đỏ. Các em không hề nghĩ đến chuyện để cô bé ngồi vào yên con ngựa kia. Lẽ ra em có thể ngồi được, vì đó là một cái yên có bành cao khiến em có thể dựa rất vững vàng. Nhưng con ngựa ấy có phải là của các em đâu! Évica bám vào vai chú bé, chú giật cương và con Xám cất bước ra khỏi rừng, dắt theo mình cả con ngựa Thố.

Chẳng mấy chốc các em đã ra đến đường cái. Từ đây con Xám đã thuộc đường về. Nó bước đi nặng nề và ngái ngủ.

Đường đi vẫn đang tối. Trăng chỉ còn chiếu lơ mờ. Cây cối hai bên đường nom như những tên khổng lồ đen đui. Gergố không sợ chúng. Đó toàn là cây cối Hung cả.



6

Trong nhà Cecey đêm ấy không ai ngủ được. Mọi người đi tìm bọn trẻ đến tận khuya và định đến mờ sáng hôm sau sẽ mò theo dọc suối. Chỉ các chiến sỹ ngả lưng một chút.

Giáo sỹ Bálint ở lại với gia đình Cecey và cố khuyên giải đôi vợ chồng không tài nào an ủi được. Bà vợ gần như hóa rồ, bà kêu khóc cho đến lúc ngất lịm đi:

– Ôi, của quý của tôi, niềm vui của tôi, con chim độc nhất của tôi!...

Còn ông già chân gỗ, trước những lời an ủi của giáo sỹ, chỉ lắc đầu và cay đắng kêu lên:

– Làm gì có Chúa đâu!

– Có đấy.

– Không có! – Cecey đập bàn.

– Có!

– Không có!

– Cái gì Chúa đã ban cho ta thì Chúa cũng có thể lấy đi, nhưng cái gì Chúa lấy đi, Chúa cũng có thể trả lại.

Từ khóe mắt của con người già nua tàn phế, nước mắt ứa ra.

– Nếu Chúa đã có lòng cho thì Người còn lấy đi làm gì nữa!

Mãi đến gần sáng, giáo sỹ mới để lão ở lại một mình.

Giáo sỹ vừa bước ra khỏi cửa, người hành bộc đã nhồm dậy khỏi tấm

chiếu trái ngoài hiên.

– Thừa cha đáng kính. – Y nói khe khẽ.

– Anh muốn gì đấy, hờ người anh em?

– Chúng nó không chết đuối đâu cha ạ.

– Thế thì chúng nó ở đâu?

– Chúng nó bị quân Thổ bắt đi đấy.

Giáo sỹ suýt ngã vào tường.

– Làm sao anh biết điều đó?

– Khi đi tìm ở bờ suối, con thấy dấu chân của lính Thổ trên vạt đất mà lộn rừng đã dũi lên.

– Dấu chân lính Thổ?

– Vết giày không có đế gót. Người Hung ta không đi giày như thế.

– Ngộ đó là dấu hài sảo thì sao?

– Hài sảo thì đã không có cựa. Đúng là dấu chân lính Thổ rồi. Với lại có cả vết chân ngựa Thổ ở đó nữa. Chắc cha cũng đã biết móng ngựa Thổ như thế nào rồi.

– Tại sao anh không nói ngay lúc ấy?

– Con cho là không nên nói. Ai biết được tên Thổ đã đem chúng nó đi đằng nào? Nếu con nói thì cả làng này sẽ chạy lung tung đi mất. Mà nào có ích lợi gì đâu? Bọn lính Thổ thì đông mà đưa nào cũng kè kè gươm giáo cả.

Giáo sỹ giương mắt trừng trừng, đi đi lại lại. Có lần ông đã bước đến bên cửa, nhưng rồi kịp thời dừng lại trước khi đặt tay lên quả dấm. Và ông lại quay lại chỗ người hành bộ:

– Chúng ta có thể làm gì được bây giờ?

Người hành bộc nhún vai:

– Cha hãy làm như con: im lặng!

– Kinh khủng quá! Như thế thì kinh khủng quá!

– Hiện nay tụi lính Thổ đang kéo đi trên khắp các ngã đường. Dân làng nếu đi tìm thì đi theo hướng nào bây giờ? Về phía mặt trời mọc ư? Hay về phía mặt trời lặn? Mà có đi thì cũng chỉ tổ đâm chém nhau và chết chóc mà thôi.

– Chẳng thà ông bà ấy cũng cùng chết theo còn hơn! – Giáo sỹ lắc đầu đau đớn.

– Có trời biết được chúng nó đã đi đến đâu khi ta bắt đầu đuổi theo chúng.

Giáo sỹ rầu rĩ đứng lại ngoài hiên. Đẳng đông bầu trời đã chuyển sang màu hồng phơn phớt. Rạng đông.

– Bà con ơi! Dân làng ơi! Chúng nó đã về đây này!

Giáo sỹ dỏng tai nghe. Có việc gì thế nhỉ?

Ngay lập tức ông biết người kêu lên đó là người tuần đêm, và ông cũng đã nghe tiếng chân người chạy thành thịch.

– Chúng nó về rồi à? Ai về?

Tiếng thành thịch lại gần. Người ta đập rầm rầm ngoài cổng lớn.

– Mở cửa mau! Cho vào với! Bọn trẻ về rồi!

Giáo sỹ lao vào nhà:

– Có Chúa đấy, Péter! Dậy mau đi, có Chúa đấy!

Hai đứa trẻ đã chờ trước cổng. Các em ngồi trên con Xám, ngái ngủ và tái nhợt.

7

Cả làng đổ xô vào sân. Một vài mục đàn bà đúng là chỉ kịp vơ quàng cái váy vào người; đám đàn ông không kịp đội mũ, người ta cứ thế chạy ra khỏi nhà khi nghe tiếng kêu. Mọi người tranh nhau chuyền chú bé Gergố và Vica nữa từ tay này sang tay nọ, người ta hôn tới tấp lên khắp người các em.

- Con ngựa Thổ đẹp tuyệt này chúng mày lấy ở đâu ra thế?
- Cháu đem nó về đấy. – Gergố rụt vai lại trả lời.
- Từ hôm nay trở đi Gergố là con trai ta. – Cecey tuyên bố một cách trịnh trọng và đặt tay lên đầu chú bé.

Mẹ của chú đi chân đất, mặc một cái váy lót, phục xuống chân Cecey.

Dobó ngạc nhiên ngắm chú bé nông dân vừa đem được ngựa của bọn Thổ về, đoạn chàng nói với Cecey:

- Bác ạ, bác hãy cho tôi chú bé này, để tôi đem theo lên vùng trên. Tôi sẽ dạy dỗ chú ta thành một dũng sỹ.

Chàng nhắc Gergố lên.

- Cháu có thích trở thành dũng sỹ không nào?
- Cháu thích lắm. – Chú bé mỉm cười với đôi mắt sáng rực.
- Ngựa cháu đã có rồi nhé, còn gươm của cháu ta cũng sẽ đoạt lấy từ tay quân Thổ.
- Thế con ngựa ấy là của cháu à?

Mấy chiến sỹ của Dobó đang thử cho con ngựa nòi Thổ chạy trên bãi

cỏ ngoài vườn và luôn miệng khen lấy khen để.

– Dĩ nhiên là của cháu. Cháu đã thu được trong chiến đấu mà lại.

– Của con đấy. – Cecey cũng xác nhận. – Với toàn bộ yên cương.

– Thế thì tiền cũng là của cháu! – Chú bé kiêu hãnh khoe.

– Tiền gì hở con?

– Tiền để trong yên ngựa ấy.

Người ta liền tháo cái yên đẹp để có bánh bọc nhung xuống. Lắc nghe có tiếng kêu rùng rẻng. Người ta đã tìm thấy cái nắp trượt trên cái bánh và thế là một trận mưa vàng tuôn ra khỏi ngăn gỗ.

– Ái chà chà, mẹ kiếp. – Cecey trố cả mắt. – Bây giờ thì không phải ta nhận cháu làm con ta nữa, mà là cháu hãy nhận ta làm bố nhé. Nhặt tiền lên đi mụ! – Lão nói với mẹ chú bé.

Bà mẹ lóa mắt nhìn những đồng tiền vàng lăn trên mặt đất. Bà cứ tưởng mình đang nằm mơ.

– Của con đấy ư? – Mụ vừa lấp bắp vừa ngừng lên, hết nhìn Cecey lại nhìn Dobó và giáo sỹ. – Của con đấy ư?

– Của mụ đấy. – Giáo sỹ gật đầu. – Trời đã ban cho con mụ đấy.

Mụ định rời vạt áo nhưng sức nhớ ra là không mặc áo ngoài. Một người đưa cho mụ mượn cái mũ của mình. Mụ nhặt vàng lên với đôi bàn tay run lẩy bẩy. Chú bé nhìn mẹ nhặt tiền, bỗng chú lên tiếng:

– Cát kỹ đi mẹ ạ, ngày mai chúng nó sẽ đến đấy.

– Ai đến?

– Bọn Thỗ.

– Bọn Thỗ?

Chú bé khẽ gật đầu và tiếp:

– Lúc tên Thổ nói chuyện với tên đao phủ, cháu nghe thấy thế.

– Tên đao phủ nào?

– Tên di gan đao phủ ấy mà.

– Chúng nó bảo là sẽ đến đây à?

– Vâng, cháu nghe chúng nó nói đến đây để cướp những đồ quý giá trong nhà ông lớn. – Và em chỉ vào Cecey.

– Cướp của quý ở nhà ta? – Cecey kêu lên, lùi lại.

Chú bé chớp chớp mắt, nói tiếp:

– Chúng nó còn nói đến những cái hòm sắt nữa, chúng nó bảo có sáu cái.

– Chuyện này nghiêm trọng đấy. – Dobó lên tiếng. – Ta hãy vào trong phòng.

Chàng nói và cầm tay chú bé dắt vào nhà. Họ gạn hỏi để moi cho hết những điều mà trí nhớ non nớt của chú đã ghi lại được.

– Tên mặt sẹo, da nâu à? Cái sẹo như thế nào?

– Vạch đỏ từ mép đến tai.

Dobó bật dậy khỏi ghế:

– Móre!

– Còn ai khác vào đây nữa! Thằng tướng cướp muốn thoát thân nên hắt dẫn bọn Thổ đến phá nhà ta.

– Hắt thuộc đường đi lối lại ở đây ư?

– Hắt có tới đây một lần độ sáu năm về trước. Bọn hắt đã đảo lộn khắp cả nhà ta. Năm mươi tư forint^(*) của ta cũng bị bọn hắt cướp đi mất với cả cây thánh giá nho nhỏ bằng vàng của vợ ta và bảy con bò sữa.

Dobó giận dữ nện gót cồm cộp khắp phòng.

– Bác có bao nhiêu người có thể cầm vũ khí?

– Có lẽ được độ bốn chục nếu ta kể tất cả mọi người.

– Ít quá! Trấn nào gần đây nhất hử bác? Pécs, có phải không? Nhưng có điều viên tướng ở đó lại là Szerecsen János, là phe đảng của Szapolya, kẻ thù của ta.

– Chúng ta phải chạy thôi. – Cecey lắc đầu. – Tản vào rừng, ai biết đường nào chạy đường nấy.

– Cả làng không thể chạy hết được! Làm sao ta có thể bỏ làng lại đây chỉ vì một bầu Thổ! Lú lẫn quá, khi vấn đề là phải đánh lại bọn Thổ thì dù bất cứ thuộc phe đảng nào, người Hung vẫn phải là người Hung chứ!

Rồi chàng bước ra ngoài và ra lệnh:

– Lên ngựa!

Chỉ đến lúc chính mình cũng đã ngồi trên yên, chàng mới nói nốt những điều còn lại:

– Bác Cecey ạ, tôi đi đến chỗ Szerecsen đây. Từ giờ cho đến lúc tôi về, các bác hãy chịu khó làm việc đi. Tất cả mọi mái nhà đều phải gội nước cho ướt sũng đi. Hãy góp nhặt dân làng lại và tập trung hết vào trong vườn này. Hãy chất đá vào bên cổng làm ụ cản, chất thêm cả thùng gỗ vào đấy nữa. Cả các bà cũng hãy cầm lấy liềm, hái, cuốc chim, đinh ba vào tay. Hai giờ nữa tôi sẽ quay lại.

Chàng ngược nhìn bầu trời đang rạng dần rồi cùng các chiến sỹ phóng ngựa đi.

8

Trang trại của Cecey chiếm một vùng rộng độ hai công mẫu, xung quanh có tường đá bao bọc. Nhưng tường đá chỉ cao ngót đầu người và nhiều chỗ đã sứt lở.

Ngay từ sáng sớm, cả làng đã dọn hết vào vườn. Dê và lợn chạy lung tung giữa các bao bì và những đồng đồ gỗ, ngỗng kêu quang quác khắp nơi, vịt chạy lạch bạch nặng nề, còn bầy gà mái thì nhanh nhẹn lảng xảng. Một người đang mài gươm, đao và lưỡi hái bên cạnh giếng nước. Giáo sỹ đeo một thanh gươm rộng bản, đã han gỉ vào thắt lưng, lúc đến giữa sân ông rút ra múa mấy vòng rồi miễn ý tra lại vào vỏ.

Một tốp đàn bà nấu thức ăn trong những cái chảo lớn đặt trước nhà bếp.

Trên trần nhà Cecey có sáu thứ binh khí trông giống như những mũi tên bị chuột gặm. Lão phân phát cho những ông già đã từng chiến đấu cùng với lão trong cuộc chiến tranh Dózsa.

Khoảng gần trưa thì Dobó trở lại. Chàng chỉ mang theo về được độ ba chục lính mộ, nhưng dân làng vẫn reo mừng tiếp đón họ.

Dobó đi vòng quanh vườn. Ở một vài chỗ chàng sai bắc thang, kê giàn hoặc xếp đá lại. Chàng cho lên chặt hai cánh cổng. Sau đó chàng gọi những dân làng có vũ khí đến bên mình – độ khoảng dăm chục người – và chia họ ra thành từng tốp giữ quanh hàng rào. Chàng cùng mười tay súng giỏi chọn chỗ ở bên cạnh cổng, trên những giá gỗ kê thùng rượu thường ngày.

Chàng phái hai người lính kèn hiệu ra gác ở hai cổng làng, nhiệm vụ

của họ là báo tin khi quân địch đến.

Họ không phải mất công chờ đến tối.

Khoảng độ ba giờ chiều, tiếng kèn hiệu vang lên đằng cổng làng phía đông và vài phút sau đã nghe tiếng vó ngựa của hai người lính kèn phi về.

Cecey nhìn quanh và hỏi:

– Mọi người đủ mặt ở đây cả rồi chứ?

Chỉ còn thiếu mỗi mình người mẹ của Gergó. Mụ đàn bà nghèo khổ đâm loạn trí vì vàng. Mụ đang mải hì hục đào đất chôn vàng. Mụ không dám để ở chỗ Cecey vì sợ quân Thổ đến cướp mất. Cũng có thể là mụ đã đi vào rừng để giấu vàng.

– Đóng cửa lại! – Dobó cắt đặt. – Mang thêm bao đất, dầm gỗ và đá nữa lại đây. Chỉ chừa một kẽ hở đủ cho một kỵ mã lọt vào thôi.

Hai người lính kèn đã về đến nơi.

– Giặc đã đến. – Một người vội vã kêu lên từ ngoài xa.

– Nhiều không? – Dobó hỏi.

– Chúng tôi chỉ nhìn thấy tốp đi đầu.

– Thế thì hãy quay lại ngay! – Dobó giậm chân. – Hãy nhìn kỹ xem chúng có bao nhiêu đứa! Đến khi chúng đuổi, người cũng vẫn còn đủ thì giờ để chạy kia mà.

Người lính mộ ở Pécs đỏ mặt, quay ngựa phi trở lại.

– Các người là lính tráng như thế cả đấy à? – Dobó quay sang hỏi những người lính mộ ở Pécs.

– Đâu có. – Một người xấu hổ trả lời. – Cậu ấy mới nhập bọn với chúng tôi được mấy hôm nay. Trước đây cậu ấy vốn là thợ may. Cậu ấy chưa được thử thách trong chiến trận.

Vài phút sau chàng phó may lại phóng về, và đằng sau đám bụi do ngựa của cậu ta tung lên, có độ mười lăm tên akinji mũ đỏ.

– Cho nó vào. – Dobó nói, rồi chàng vẫy những tay súng.

– Bắn!

Mười tay súng ngấm vào đích, những phát đạn nổ giòn tan. Trong bọn Thổ, một tên ionisa lộn nhào xuống ngựa, rơi xuống rãnh bên đường. Những tên kia lùi cả lại. Chúng quay ngựa, phóng nước kiệu đi.

Chàng phó may tể ngựa qua cánh cổng vừa mở.

– Thế nào, bao nhiêu thằng cả thầy? – Dobó mỉm cười với anh ta.

– Một ngàn. – Chàng phó may thở hỗn hển. – Có lẽ còn nhiều hơn nữa.

Dobó khoát tay nói:

– Nếu chúng chỉ có độ một trăm tên thôi thì hôm nay chúng ta còn có thể khiêu vũ nữa.

– Con nói một ngàn, thừa tướng quân.

– Ta hiểu lắm, nếu người thấy một ngàn tức là chúng chỉ có một trăm thôi, có khi chẳng đến chừng ấy nữa cũng nên.

Khói cuộn lên phía cuối làng. Tụi akinji đã bắt đầu đốt phá.

Dobó lắc đầu:

– Sao dân làng không tưới nước lên mái nhà?

– Cỏ và rơm cháy đấy mà. – Cecey khoát tay trả lời chàng. Lão quệt gươm lên mái cổng.

Vừa lúc đó tên ionisa chợt mắt hiện ra trên đường. Hắn mặc áo giáp, gươm và súng ngắn giắt quanh thắt lưng. Bên trái hắn, cũng cưỡi ngựa, là tên Hung mặt sẹo mà Gergö gọi là tên di gan đao phủ. Phía sau là một đội akinji, và hai bên đường, cạnh dãy nhà là mấy tên axap chạy bộ, tay chúng

cầm những bó đuốc đang cháy.

– Móre László! – Dobó giậm chân thét lớn. – Đồ phản quốc! Đồ chó chết! Tội mi thật đáng xuống âm phủ.

Nghe vậy, tên ionisa chột mắt vội gò cương nhìn sang người phi ngựa bên cạnh hắn.

– Đừng tin nó. – Móre tái mặt kêu lên. – Nó chỉ làm cho ông rối trí đấy thôi.

Tên ionisa đã dừng ngựa lại để hợp với những tên đến sau. Dobó kêu to:

– Ta biết cả mi nữa, Jumurdzsák! Té ra danh dự Thổ Nhĩ Kỳ là thế đấy! Là đi đánh cướp những người mà mới hôm qua mi cùng kẻ vai chiến đấu! Đồ tướng cướp! Mi cũng chỉ là đồ vô đạo chẳng khác gì tên đồng đảng của mi.

Tên ionisa ngừng lên nhìn chàng nhưng không đáp lại.

– Lại đây, cứ dẫn xác lại đây! – Dobó lại hét. – Bớ tên hề của Móre, lời chào của ta đây!

Chàng nhắm vào hắn và nổ súng.

Jumurdzsák gục người trên ngựa rồi ngã lộn nhào xuống đất. Những khẩu súng khác cũng nhất loạt nổ rền. Bọn Thổ cũng nổ súng đáp lại lời chào đó.

Móre cúi xuống chỗ tên ionisa vừa ngã ngựa, nhưng chỉ để rút thanh gươm ra khỏi thắt lưng của hắn. Trong nháy mắt y đã dùng bản thanh gươm đập vào sườn con ngựa chiến. Con ngựa lồng lên phi nước đại. Móre dùng hết sức kẹp chặt lấy mình ngựa.

– Vàng chạy kia kìa! – Dobó kêu to với bọn Thổ.

Bọn chúng lặng người đi một phút, nhưng sau đó liền dồn dập phi ngựa đuổi theo Móre, vừa đuổi vừa hò la tức tối.

Khi chúng phóng qua trước cổng, Dobó đếm:

– Mười... hai mươi... bốn mươi... năm mươi...

Chàng chờ độ một phút rồi nhảy xuống khỏi bực cao và ra lệnh:

– Lên ngựa các cậu ơi! Bọn này chưa đến sáu chục thằng.

Các chiến sỹ nhảy phóc lên ngựa, Dobó nói to với Cecey:

– Tên Thổ mặc áo giáp ấy, nếu còn sống thì giam nó lại! Còn dân làng hãy xử tội đốt nhà đi!

Và chàng phóng ngựa ra khỏi cổng.

Trong làng đã có khoảng bốn năm chỗ khói bốc ngoằn ngoèo lên trời. Tất cả dân làng khoa lưỡi hái và cuốc chim xông ra khỏi cổng.

Cecey cùng giáo sỹ với hai nông phu chạy vội ra đường. Jumurdzsák đã ngồi dậy được. Hắn chỉ bị ngất đi. Viên đạn của Dobó đã đập móp áo giáp của hắn ở ngay chỗ phía trên quả tim.

– Trói nó lại, – Cecey bảo gia nhân. – Dẫn nó vào sân.

Tên Thổ không nói không rằng đưa tay ra chịu trói.

Cecey hỏi hắn:

– Mi có biết đánh cờ không?

Tên ionisa gật đầu ra hiệu có, nhưng lại nói:

– Không^(*).

Lúc họ đang trói tay hắn, tên Thổ thứ hai cũng ngóc đầu lên khỏi rãnh.

– Cậu trói thằng này nhé, – người nông phu trẻ nói với bạn, – để tớ đập chết thằng kia.

– Khoan. – Cecey nói với anh ta rồi khập khiễng đi đến chỗ tên ionisa máu me bê bết và dí gươm vào ngực hắn hỏi:

– Mi có biết đánh cờ không?

– Kaplaman^(*). – Tên Thổ yếu ớt trả lời.

– Đánh cờ!

– Cờ quạt, chiếu tướng? – Tên Thổ rên rỉ hỏi lại.

– Đúng, đúng! Mohamed^(*) hãy giằn cho mi một trận. Đem cả tên này vào sân, nó sẽ là nô lệ của ta!

9

Mãi đến chiều nhóm Dobó mới trở về. Họ mang theo rất nhiều áo bào, giáp sắt, đủ các loại binh khí và cả một tên tù binh nữa: Móre László.

– Đào cho con sói này một cái hố kha khá vào nhé! – Dobó vừa nhảy xuống ngựa vừa nói.

Cecey gần như nhảy căng lên vì thích thú, lão hỏi:

– Các cậu làm thế nào mà bắt được?

– Chính tụi akinji đã bắt hộ cho bọn tôi. Chúng nó cũng đủ khôn để không giao cho hăn cưỡi ngựa trẻ. Chúng nó đã dễ dàng đuổi kịp hăn. Tụi chúng đang trói hăn thì bọn tôi tới xử cho chúng một mẻ.

– Các cậu chém chết hết cả lũ chúng nó à?

– Tất cả những tên không kịp xa chạy cao bay.

– Bay đâu, mau đem mỗ con bò tơ đẹp nhất của ta đi! – Cecey vui vẻ quát bảo gia nhân. – Thui lên! Nhưng trước tiên hãy khá mang rượu vang ra đây đã nào! Lăn cái thùng ở cuối hầm lên đây.

– Hăng khoan. – Dobó nói khi chàng nhìn theo tên Móre đang được dẫn vào kho. – Chú bé Gergő ấy đâu rồi?

– Chú muốn gì nó? Kia kia, nó đang chơi với con gái của ta ở ngoài hiên. Người ta vừa cho biết mẹ nó đã bị bọn Thổ giết mất rồi.

– Chúng đã giết mẹ ấy rồi ư?

– Phải. Một tên khốn nạn nào đó đã bắt gặp mẹ trong lúc bọn hăn đi đốt phá và đã đâm mẹ chết. Thằng bé vẫn chưa hay biết gì cả.

– Còn vàng?

– Mụ nằm chết trong góc nhà, mặt úp xuống đất. Chắc mụ đã chôn vàng trong góc đó.

Dobó cầm giận, cứ hậm hực. Chàng quay về phía chú bé và gọi:

– Gergő! Bornemissza Gergő! Dừng sỹ nhỏ lại đây nào! Mau cưỡi lên con ngựa đẹp của cháu đi!

– Các cậu còn định đi đâu nữa thế?

– Đến chỗ những người nô lệ, bác ạ, những người mà chú bé này đã kể.

– Thì ít nhất hãy làm một tộp rượu đã nào. Rượu đâu, mau lên chứ! – Lão gọi đầy tớ và nói tiếp. – Tên Thổ của chú còn sống nhé! Ở trong kho ấy.

– Jumurdzsák ấy à?

– Có nặc nô biết được tên nó là gì, cái đứa mà chú đã bắn ngã ấy!

– Chính hắn đấy! Té ra hắn chưa chết?

– Không, hắn chỉ bị ngất đi thôi. Tên kia bọn ta cũng đã khiêng vào nhà rồi. Ta sợ rằng hắn không ở lại dương thế được.

– Bác còn sợ như thế à? Đem treo cổ hắn lên cây cho rồi!

– Hô hô! Tên ấy là nô lệ của ta chứ.

– Thôi được, bác muốn làm gì nó thì tùy. Nhưng hãy cho điệu tên Jumurdzsák ra đây và cho nó một con ngựa.

Các chiến sỹ nâng cốc vại tu ừng ực. Người ta điệu tên Jumurdzsák ra. Dobó bảo hắn:

– Thế nào, Jumurdzsák, mày thích cơ sự này lắm nhỉ?

– Hôm nay lượt tao, mai sẽ đến lượt mày! – Tên Thổ lì lợm đáp lại.

Nhưng khi thấy con ngựa của hãn với chú bé Gergố cưỡi trên lưng, mồm hãn há hốc ra vì kinh ngạc. Dobó vẫy chú bé đến bên cạnh mình, rồi phi ngựa ra cổng. Các chiến sỹ vây quanh tên Thổ thúc ngựa theo sau.

– Cháu có biết chúng ta đi đâu không, hử Gergố? – Dobó hỏi.

– Cháu chịu.

– Bây giờ chúng ta đi tìm gươm cho cháu đây.

– Ở chỗ bọn Thổ ấy à?

– Đúng đấy.

– Cho cháu à?

– Cho cháu. Cháu có sợ không?

– Không ạ.

– Cháu ạ, trước hết người thanh niên không được sợ gì cả, sau đó những cái khác tự nó sẽ đến.

Họ không nói chuyện gì khác nữa. Vó ngựa tung những lớp bụi trắng trên đường cái Mecsek, tiếng vó ngựa của đoàn kỵ sỹ nghe đanh trên sườn núi đá. Trong tai Gergố câu nói lặp lại như tiếng ngân nga của chuông nhà thờ vừa mới điểm:

– Cái chính là người thanh niên không được sợ!

10

Họ tìm thấy những người nô lệ ở trong rừng. Cả thầy chỉ có sáu tên axap canh giữ họ.

Khi những chàng dũng sỹ Hung vừa xuất hiện giữa rừng cây, toán nô lệ nhảy cẫng lên, vừa reo mừng vừa đập phá, giăng giạt những dây xích cùm trói họ.

– Tổ cha đồ chó khốn nạn! – Gã di gan gào lên.

Dĩ nhiên sáu tên axap bỏ chạy tán loạn.

Các chiến sỹ Hung không thềm đuổi theo chúng. Họ chú ý trước hết đến những người nô lệ. Họ cởi bỏ xiềng xích cho những con người khốn khổ.

Trước tiên Dobó chìa tay cho ông mục sư.

– Tôi là Dobó István.

– Còn tôi là Somogyi Gábor. – Mục sư rơm rớm nước mắt trả lời. – Cầu Chúa phù hộ cho tướng quân, Dobó István ạ.

Những người nô lệ khóc lên vì sung sướng. Đám phụ nữ hôn tay, hôn chân, hôn quần áo của những người đã giải phóng họ. Gã di gan vừa nhào lộn vòng tròn vừa vui sướng kêu ồn cả lên.

– Các người đừng tạ ơn ta. – Dobó từ chối. – Chính chú bé này đã cứu các người.

Chàng chỉ Gergő.

Dĩ nhiên ai cũng tranh nhau hôn chùn chụt, gần như nuốt chửng mất

chú bé, họ còn cầu cho chú bao nhiêu lời xin phù hộ. Người ta tranh nhau hôn hít chú như thể đã biết rằng sau đây một thời gian rất dài sẽ không còn ai hôn chú nữa.

Chiến lợi phẩm thu được gồm mười lăm xe hàng chất đầy ẩm ắp cùng rất nhiều binh khí.

Trước khi phân phát, Dobó hỏi xem ai là người bị bắt đầu tiên.

Một nông phu trẻ tuổi bước tới trước mặt chàng và bỏ mũ ra:

- Có lẽ con là người bị bắt đầu tiên, thừa tướng quân.
- Tên người là gì?
- Kocsis Gáspár, thừa tướng quân.
- Người là người ở đâu ta?
- Ở Eger, thừa tướng quân.
- Chúng nó bắt người ở đâu?
- Dưới thành Fejér, thừa tướng quân: chúng con đang chở hàng thuê xuống...
- Người có biết đồ đạc trên các xe hàng này là của những ai không?
- Giá con có mặt ở những nơi chúng nó cướp bóc thì có lẽ con biết đấy. Nhưng thừa tướng quân, lũ tướng cướp này chúng nó nhặt nhanh ở khắp nơi.

Dobó quay sang hỏi tên Thổ:

- Jumurdzsák, mi nói đi.
- Chúng tao nhặt nhanh ở những nơi mà Allah^(*) cho phép. Tất cả những gì của bọn dị giáo đều thuộc về chúng tao hết. Chúng tao thấy ở đâu, chúng tao nhận ở đấy.
- Vậy thì các người cứ dỡ tất cả ra, ta sẽ chia cho các người.

Trong một chiếc xe có một đồng binh khí đủ các loại. Đó cũng là của vợ vết được, phần lớn lấy ở trong thành của Móre. Giữa đồng binh khí ấy nổi bật lên một thanh gươm nhỏ, nhẹ, bao bằng nhung màu bồ quân – chắc là của một công tử con quan nào đấy.

Dobó cầm lên.

– Bornemissza Gergely, lại đây nào. Cháu hãy cầm lấy thanh gươm này. Của cháu đấy. Cháu hãy gắng trở nên một tráng sỹ trung với nước, một tôi tá thiện lương của Chúa. Chúc cho thanh gươm của cháu được phù trì may mắn.

Chàng buộc thanh gươm vào thắt lưng chú bé và hôn lên trán người dũng sỹ tí hon.

Chú bé cảm động đón nhận lòng tin yêu đó. Chú tái người đi vì cảm động. Có lẽ lời nhắn gọi của tương lai đã thoáng qua tâm linh chú, chú linh cảm thấy rằng không phải người ta chỉ buộc thanh gươm vào người chú mà còn buộc cả cuộc đời của chú vào thanh gươm.



Sau đó Dobó để lại cho những người bị bắt tất cả những gì mà các chiến sỹ không cần đến nữa. Người nào cũng được chia cả xe, cả ngựa, cả vũ khí. Các chiến sỹ đã hăn là không vồ vập những con ngựa cày gầy gò thẳng trước càng xe.

Gã di gan reo mừng ầm ĩ. Gã nhảy nhót vòng quanh con ngựa và cái xe vừa được chia. Nhưng rồi gã vội vàng đến chỗ đóng vũ khí. Cái gì xấu xí, han gỉ mà các chiến sỹ chưa lại là gã giắt lên người tất. Gã buộc một cái khăn quanh thắt lưng theo kiểu Thổ và giắt đầy người đủ các loại dao găm, gươm, mã tấu đến nỗi trông chẳng khác gì một con nhím.

Thấy một cái khiên Thổ đan bằng sậy cũng nằm ở đó, gã bèn đeo vào tay. Gã buộc hai cái cựa giày to đã gỉ vào hai cổ chân rồi chụp mũ sắt lên đầu. Gã cũng đủ thông minh để vẫn giữ nguyên cái mũ vải của gã bên dưới cái mũ sắt. Sau đó gã chộp lấy một cái giáo dài và lệ làng nhún nhảy như đang múa trong ngày hội, gã đi tới chỗ tên Thổ.

– Nào, Gyamarzsák, – gã lấy giáo khều mũi hăn và nói, – mày thế nào hả, đồ Thổ tả^(*).

Thấy tất cả mọi người cười ồ lên khi nghe gã nói, Dobó bảo gã:

– Đừng huênh hoang nữa! Mi là người ở đâu?

Gã di gan liền khúm núm khom lưng xuống:

– Con là người của tứ xứ, xin hôn tay, hôn chân ngài, chỗ nào có người thuê đàn hát là con đến.

– Mi có biết chữa súng không?

– Sao lại không, thưa đại nhân, hảo hán, tướng quân. Khẩu súng tồi nhất mà vào tay con thì cũng sẽ được chữa lại như thế...

– Vậy ít ngày nữa nhớ đến thành Sziget nhé, vào nhà tướng công Török

Bálint ấy. Ở đó người sẽ gặp vận đỏ.

Chàng nói rồi cầm lấy tay Gergő và chào mọi người.

– Thừa tướng quân, tráng sỹ tôn kính đại nhân! Chúng con làm gì với con thú dữ độc ác này bây giờ? – Gã di gan gọi với theo Dobó và chỉ vào tên Thổ.

– Treo cổ nó lên. – Dobó đáp mà không ngoái lại.

Chàng bế Gergő lên yên rồi nhảy lên ngựa.

...

– Nào, con chó Thổ, bây giờ đến lượt mày nhé! – Kocsis Gáspár thét lên.

– Dây thừng ở chỗ tấm vải bạt ấy. – Người đánh xe András bảo anh.

– Mày nghèo nhé! – Gã di gan cũng gào lên, mắt đảo dữ dội.

– Mày đã dùng sắt cùm gãy cả chân tao, – Gáspár nghiêng răng nói.

– Mày đã giết bố tao! – Một mục đàn bà thét lên giọng the thé.

– Mày đã cướp bò của tao, đốt nhà tao!

Những nắm đấm căm giận vung lên tới tấp quanh tên Thổ.

Họ chen nhau đẩy tên Thổ đến dưới một cây sồi cổ thụ.

Bác nông dân to đầu đã từng trải kiếp nô lệ giờ gườm cản họ:

– Để cho nó chết ngay à! Không được! Phải đốt lửa lên dưới chân nó đã!

– Đúng đấy, hãy đốt lửa dưới chân nó! – Tất cả đồng thanh kêu lên. – Phải thiêu sống con quỷ dữ này đi.

Đám đàn bà đã bẻ cành cây khô và nhóm lửa lên dưới gốc cây. Bây giờ

ông mục sư mới cất tiếng nói:

– Bà con ơi, nếu bà con mãi giải trí với cái trò treo cổ này thì một toán Thổ lang thang khác sẽ có thể đến đây và ta sẽ lại bị bắt làm nô lệ.

Đám người đang phẫn nộ bùng bùng bỏng lắng xuống nhìn ra xung quanh.

Mục sư cầm trong tay một cây giáo Thổ có cán bằng xương và nói tiếp:

– Bà con đã biết tên này hành hạ ta như thế nào rồi. Kẻ nào có quyền xét xử con ác thú này hơn ta?

Không một ai trả lời câu hỏi đó! Hầu như tất cả đều có mặt khi bọn Thổ trói mục sư vào một cái ghế dài và giới nước sôi tra khảo ông để hòng moi ra những đồ quý giá của nhà thờ.

– Bà con hãy đi theo các tráng sỹ tới chùng nào còn có thể nướng nấu dưới sự che chở của họ, sau đó rồi hãy tản vào những nẻo đường hoang vắng, cầu Chúa phù hộ và dẫn dắt cho tất cả về đến nhà đến cửa.

Ông nói rồi dang tay ra làm dấu ban phước lành.

Mọi người bỏ dở việc chất lửa và lần lượt nhảy lên những cỗ xe vừa được chia.

– Đi thôi, lạy Chúa!

Gã di gan cũng tót ngay lên xe của mình và gọi ra đằng sau với mục vợ vừa gá nghĩa.

– Đi thôi, Beske!

Gáspár nối xe của mình vào xe của Margit. Họ ngồi xuống bên nhau.

– Hành hạ hẳn cho đến nơi đến chốn vào! – Anh kêu to với mục sư.

– Đừng tiếc lửa với nó! – Một mục đàn bà cũng góp thêm.

Rồi họ lần lượt đánh xe đi.

Người đánh xe còn ở lại sau cùng, anh là người đã từng nấu ăn cho bọn Thổ.

- Mẹ kiếp đồ tàn độc mồm lộn, chưa trả lại mày cái tát thì tao chưa đi!
- Anh nói và ra tay ngay.

Cuối cùng chỉ còn ông mục sư ở lại với tên Thổ.

11

Gergő cứ tưởng mình đang sống trong mơ. Trong lúc tung bụi mù bên cạnh Dobó, trên mình con ngựa Thổ nhỏ nhắn và nhanh nhẹn, chú cứ nghĩ mãi không hiểu mình đã rơi tồm vào giữa vinh quang to lớn này như thế nào?

Khi chú nhìn con ngựa, khi lại nhìn thanh gươm đẹp. Chú luôn tay vuốt ve con ngựa và chốc chốc lại rút thanh gươm ra. Ví thử ngẫu nhiên chạm trán với quân Thổ và Dobó bảo chú rằng “Chém đi Gergő!” thì lúc này chắc chắn là Gergő có thể xông vào giữa cả một đoàn quân địch.

Họ tiến về phía bắc trên đường cái Mecsek.

Hoàng hôn đã xuống. Những đám mây vầy cá rải rác trên trời và khi mặt trời bắt đầu hắt ánh vàng lên thì cả bầu trời rực rỡ như kết nên bằng những vầy vàng.

Lúc họ đang phi nước kiệu xuống sườn dốc, con ngựa của Dobó bỗng đứng dừng lại như thể chân trước đã bị chôn xuống đất. Nó ngẩng đầu lên, vênh tai ra. Nó thở phì phì và lấy chân cuốc đất một cách bồn chồn.

Dobó ngoái nhìn lại, chàng lắc đầu nói với các chiến sỹ:

– Ngựa ta đánh hơi thấy quân Thổ đấy. Ta hãy dừng lại đã.

Ngay lúc khởi hành chàng đã phái hai chiến sỹ đi tiền trạm. Họ dừng lại chờ hai người ấy. Quả nhiên vài phút sau cả hai đều phi trở lại.

– Dưới thung lũng có một toán quân Thổ đang đi đến đây. – Một người báo với Dobó.

– Chúng nó đi theo đội ngũ chinh tề. – Người kia nói thêm.
– Còn xa không? – Dobó hỏi.
– Bẩm, còn khá xa. Chúng nó tới được đây cũng phải mất vài giờ nữa.
– Độ bao nhiêu đũa?
– Có lẽ phải vài trăm.
– Chúng đi theo đường cái à?
– Vâng, trên đường cái.
– Có cả nô lệ đi theo nữa?
– Cả nô lệ và rất nhiều xe cộ.
– Hừ, quân chó má! Chắc hẳn là hậu quân của Kászon. Một tuồng chó đẻ cả. Phải tấn công chúng nó...

Con đường cái lượn ngoằn ngoèo lên Mecsek. Dobó nhắm cho đội mình một chỗ ngoặt, nơi có một mỏm đá nhô ra chắn ngang. Ở đó họ có thể kín đáo mai phục, gây chuyện bất ngờ cho bọn Thổ.

– Liệu chúng ta có ít không nhỉ? – Một người lính trẻ, tóc hung, mặt tàn nhang lên tiếng hỏi, một anh chàng mà ngay phút đầu tiên ta đã có thể biết là y lớn lên trong nhung lụa.

– Ít là thế nào, Gyurka. – Dobó mỉm cười với y. – Khi phước lành bất thành lính ập xuống đầu chúng như thế này thì chúng không còn thì giờ đâu để đếm xem chúng ta có bao nhiêu người nữa. Và lại lúc đó cũng đã sẩm tối rồi. Sau nữa, nếu ta không thể chặt hết chúng nó thì cũng đủ khiến bọn chúng chạy tán loạn. Rồi dân chúng trong các làng xóm sẽ xử trí nốt từng tên chạy lạc.

Đám người vừa được giải thoát hiện ra ở một chỗ đường vòng, họ đi thành một hàng dài.

Dobó nhìn Gergő và bảo:

– Ta đã vô ích giảng giải với họ là đừng có kéo nhau đi trên đường cái.

Chàng bèn phái một chiến sỹ chạy đi bảo họ quay về phía Pécs, rồi từ đó đi sang đông hay sang tây tùy ý, miễn là đừng đi về phía nam và phía bắc.

Trên dốc cao có thể thấy người chiến sỹ đã đến chỗ đoàn xe, và sau đó từng chiếc một liền quay đầu trở lại.

Dobó nhìn sang Gergő và lẩm bẩm:

– Quý thật, ta biết nhét chú bé này vào đâu bây giờ?

12

Mục sư còn lại một mình với tên Thổ. Hắn đứng dưới gốc cây sồi, mặt cúi gằm xuống đất. Ông mục sư chống giáo đứng trước mặt hắn chừng mười bước. Tiếng lọc cọc của đoàn xe còn vọng lại một chốc, sau đó im lặng của rừng cây bao trùm lấy họ.

Lúc đó tên Thổ mới ngẩng mặt lên, bộ mặt tái mét, hắn nói:

– Trước khi ông giết tôi, xin hãy nghe tôi một lời. Cái hầu bao ở thắt lưng tôi đầy đầy vàng. Với một khoản thu như thế ông có thể chôn cất tử tế cho tôi.

Mục sư không trả lời, ông chỉ thản nhiên nhìn tên Thổ.

– Sau khi treo cổ tôi, – Jumurdzsák tiếp, – ông hãy đào cho tôi một cái huyệt dưới gốc cây này và đặt tôi ngồi vào đó. Hãy quay mặt tôi về phía Mekka^(*), về phía đông này này. Vì số tiền của tôi, ông có thể giúp cho tôi điều đó.

Hắn không nói gì nữa, hắn chờ ông mục sư với sợi dây thừng.

– Jumurdzsák, – lúc ấy mục sư mới lên tiếng, – hôm qua ta có nghe mày nói rằng mẹ mày là người Hung.

– Chính thế, – tên Thổ trả lời với một cái nhìn có sinh khí hẳn lên.

– Như vậy thì một phần nào mày vẫn là người Hung?

– Chính thế.

– Giặc Thổ cướp mày đi từ hồi bé à?

– Ông đoán đúng đấy.

– Từ xứ nào?

Tên Thổ nhún vai.

– Tôi quên mất rồi.

– Lúc ấy mày mấy tuổi?

– Còn rất bé.

– Mày không nhớ cha mày sao?

– Không.

– Cũng không nhớ tên cũ của mày là gì à?

– Cái ấy cũng không.

– Không nhớ tên cũng không nhớ họ?

– Chẳng nhớ gì cả.

– Thế mà lạ thay mày lại không quên tiếng Hung!

– Trong trại ionisa có nhiều người Hung.

– Mày không biết một đứa nào quê xứ Lak tên là Imre à? Somogyi Imre?

– Đột ngột thế này tôi không thể nhớ ra được.

– Đầu nó tròn, mắt đen, người nhỏ nhắn; khi bọn giặc cướp nó đi, nó chưa đầy năm tuổi. Trên ngực bên trái có ba nốt ruồi hình bầu dục y như của ta đây này.

Mục sư phanh ngực áo: ba nốt ruồi tụ lại thành hình lá cỏ ba lá rõ ràng trên ngực, khoảng giữa vai và vú.

– Tôi nhớ ra rồi. – Tên Thổ nói. – Tôi thường hay gặp dấu vết này khi chúng tôi đi tắm. Chỉ có điều là tên nó bây giờ đã đổi khác; Ahmed hay Kubát hay một tên Thổ đại loại như vậy.

– Chúng mày không cùng đi với nhau à?

– Có khi đi cùng, có khi không. Bây giờ nó đang đánh nhau ở Ba Tư.

Mục sư nhìn thẳng vào mặt tên Thổ:

– Mày nói láo!

Tên Thổ lại cúi mặt xuống nhìn đôi ủng lính, một đôi ủng đỏ buộc dây da, tựa hồ như đang ngẫm nghĩ xem đôi ủng đã có thể rách từ bao giờ và làm thế nào mà rách được ở chỗ mồm giày chân trái?

– Đồ khốn kiếp! – Mục sư khinh bỉ nói. – Tội mày thật đáng chết!

Tên Thổ vội quỳ mọp xuống.

– Ôi, thưa ông! Xin ông mở lượng khoan hồng tha chết cho con! Ông hãy lấy tất cả, hãy bắt con làm nô lệ! Chó cũng không trung thành được như con sẽ trung thành với ông.

– Vấn đề chỉ ở chỗ mày có còn là một con người nữa hay không, hay đã sa đọa thành ác thú? Nếu ta thả mày ra, ai dám bảo lãnh rằng mày sẽ không trở lại giết hại và cướp bóc dân tộc đáng thương của ta nữa?

– Nếu con còn cầm đến vũ khí thì xin đấng Allah cứ trừng phạt bằng những ngọn roi khắc nghiệt của Người.

Mục sư lắc đầu. Tên Thổ lại van xin:

– Con xin thề với ông bằng lời thề độc ghê gớm nhất mà chỉ người Thổ mới nói ra được.

Mục sư khoanh tay lại và nhìn vào mắt tên tù binh:

– Jumurdzsák, giờ đây mày quỳ trước bức cửa của thần chết để xin xỏ ta và chắc mày đang nghĩ rằng ta là một kẻ ngốc nghếch, hay mày tưởng ta không biết kinh Koran^(*) đã nói gì về lời thề trước hoàng đế của tội mày sao?

Mồ hôi vã ra trên trán tên Thổ, hấn lại khăn khăn:

– Vậy xin ông hãy phán bảo một lời. Dù ông phán bảo bất cứ điều gì, điều đó cũng sẽ được thực hiện.

Mục sư đưa tay nâng cằm và suy nghĩ, cuối cùng ông nói:

– Tất cả mỗi tên lính Thổ đều có một thứ bùa hộ mệnh, một thứ bùa gì đó để che chở cho hấn trong trận mạc và giúp hấn gặp may mắn.

Tên Thổ gục đầu xuống.

– Ta không cần lấy tiền của mày đâu, – ông tiếp, – ta muốn lấy cái bùa hộ mệnh ấy của mày.

Tên Thổ ngập ngừng nói:

– Ông hãy thò tay vào dưới ngực áo của con, cái bùa của con đeo ở cổ.

Mục sư đã sờ thấy cái bùa hộ mệnh của hấn đựng trong một cái túi nhỏ bằng lụa xanh, ông giật đứt sợi dây đeo bằng vàng và bỏ vào túi.

Sau đó ông bước ra sau lưng tên Thổ và cắt dây trói thắt khúc trên người hấn.

Tên Thổ giật tay ra khỏi dây trói và đột nhiên quay ngoắt lại. Hấn chớp mắt nhìn mục sư Gábor bằng cái nhìn cháy rục của con hổ.

Nhưng mục sư đã chìa mũi giáo ra và cười mỉm.

– Nào, nào, Jumurdzsák! Hãy coi chừng, đừng xọc mũi của mày vào đây chứ!



11. 2018
FNT-

Jumurdzsák tức tối gần như phì ra lửa, hắn đi giật lùi và khi đã cách mục sư chừng vài chục bước, hắn mới rống lên với giọng nhạo báng:

– Hãy nghe đây đồ ngu, mày có biết vừa rồi ai đã nằm trong tay mày không? Tao là con trai của jaja-oglu^(*) Mohamed lừng lẫy tiếng tăm đây! Đáng lẽ mày đã có thể đòi chuộc tao để lấy hàng bao tải vàng mà không biết!

Mục sư không trả lời. Vẻ mặt khinh bỉ, ông ném ngọn giáo lên xe ngựa của mình.

13

Mặt trời vừa vặn chìm khỏi chân trời khi ông mục sư Gábor ngồi lên xe. Ông cũng đánh xe ra đường cái.

Ông còn trông thấy phần cuối đoàn xe của các bạn nô lệ khi họ đi xuôi về Pécs, nhưng ông nghĩ chắc đó chỉ là một phần, những người khác có lẽ đã đi về phía bắc.

Đường về nhà thì ông thuộc lắm. Cũng chẳng còn đường nào khác đi về phía ấy ngoài con đường độc đạo từ Pécs qua Kaposvár, Székesfehérvár rồi đến Buda. Nhưng ông chỉ đi theo đường ấy đến Lak, đến lâu đài của Bakics Pál, từ đó ông sẽ rẽ về hướng tây theo một con đường xe ngựa nhỏ hẹp dẫn đến vùng hồ Balaton. Làng ông ở đó, cạnh một rừng bạch dương. Những con chiên của ông ắt sẽ ngạc nhiên và vui mừng biết mấy khi họ thấy ông thoát nạn trở về.

Ông xuống xe sửa lại cái bánh. Ông thích thú vồ vồ vào mõm hai con ngựa, sau đó lại ngồi lên xe và bắt đầu xuống dốc.

Nhưng toán quân của Dobó đã chặn ngang đường.

– Ông quay lại đây làm gì? – Một người lính hỏi khi nhận ra ông.

Mục sư không hiểu câu hỏi.

– Có một toán quân Thổ đang kéo đến đây. – Người lính giải thích. – Chúng tôi mai phục chúng ở đây. Ông hãy quay lại và đi mau đến Pécs với những người kia.

– Dừng lại đã, mục sư thân mến ơi! – Dobó gọi ông.

Chàng phi ngựa đến chỗ ông và hỏi:

– Làng của ông là làng nào đấy?

– Kishida.

– Bên hồ Balaton ấy à?

– Ở đấy.

– Vậy thì tôi nhờ ông mang chú bé này theo và khi nào có dịp, ông hãy gửi hộ tôi đến thành Sziget của Török Bálint.

– Rất vui lòng. – Mục sư đáp.

– Tôi sợ nhờ có chuyện gì không hay xảy ra cho chú bé. – Dobó giải thích. – Chúng tôi ở lại đây để xua nốt một toán giặc Thổ khá đông, như vậy ông cũng thấy đấy, rất có thể một tên giặc nào đó sẽ chém phải chú ta.

Gergő ngập ngừng nhìn Dobó.

– Nhưng nhờ mẹ cháu đi tìm cháu thì sao?

– Mẹ cháu sẽ không tìm đâu, cháu ạ. Mẹ cháu đã biết cháu đi đâu rồi.

Mục sư quay xe lại rồi hỏi Gergő:

– Cháu có ngồi lên xe không? Hay cháu cưỡi ngựa của cháu?

– Cháu cưỡi ngựa của cháu thôi. – Chú bé trả lời, mắt vẫn nhìn Dobó.

Mặc dù sắp có một trận đánh nhau ác liệt, bên cạnh Dobó chú vẫn cảm thấy an toàn hơn. Họ sẽ chém giết lẫn nhau ư? Giặc Thổ đâu phải là người, chúng chỉ là bầy thú dữ tàn phá quê hương. Với trái tim bé nhỏ chú cũng đã căm thù bọn chúng.

– Cầu Chúa phù hộ cho chàng dũng sỹ tí hon của chú. – Dobó từ biệt. – Chú biết cháu thích ở lại đánh nhau cùng bọn chú, nhưng cháu xem, ủng của cháu đã có đâu! Thôi, cháu hãy đi theo mục sư đáng kính đây, ít hôm nữa ta sẽ lại gặp nhau.

Mục sư nói phanh xe và quất ngựa. Gergố buồn rầu cười ngựa lẻo đẻo theo sau.

14

Lúc họ đi ngang dưới chân thành Pécs thì trời đã tối mịt.

Họ không nghỉ lại. Mục sư nóng lòng muốn sáng hôm sau đã về đến nhà, mà đường đi của họ thì còn phải vòng qua cả vùng Mecsek.

Gần nửa đêm trăng mới ló ra. Họ cho ngựa chạy êm êm trên con đường đất sét khá hẹp.

Lúc này Gergő luôn thúc ngựa chạy phía trước và khi đến bên một cái cầu hồng, chú kêu lên báo với mục sư.

Quãng nửa đêm, bóng trăng trắng của một ngôi nhà có vẻ như quán trọ hiện ra trước mặt họ.

– Vào xem thử con, – mục sư bảo, – quán trọ hay nhà gì đây? Ta sẽ cho ngựa ăn uống.

Gergő rẽ ngựa vào sân, vài phút sau chú quay ra báo tin:

– Nhà bỏ không cha ạ, cửa cũng chẳng đóng.

– Tuy vậy ta cũng cứ cho ngựa ăn uống.

Một con chó trắng nhỏ bỗng chạy ra sủa, ngoài ra tịnh không còn ai khác.

Mục sư nhảy xuống xe và đi khắp nhà, vừa đi vừa gọi to qua các cửa sổ, cửa lớn:

– Xin chào cả nhà! Có ai trong nhà không?

Ngôi nhà tối om, hoang vắng. Trên bậc cửa, một cái tủ nhỏ bị đập vỡ tan. Nơi đây bọn Thổ đã đi qua.

Mục sư lắc đầu bảo Gergố:

– Trước hết ta hãy lại xem cái giếng, Gergố ạ, da ta vẫn còn rất bóng.

Ông thả gàu múc nước lên rồi bắt đầu đến lục lội trên xe.

Trên xe có đủ mọi thứ: vải lót giường, lúa mì, hòm xiềng, mấy cái ghế chạm trổ hằn hoi, một thùng rượu vang và những bao đầy ắp. Ấn tay vào một bao thấy mềm mềm, ông bèn mở ra. Trong đó có đúng cái mà ông muốn tìm: quần áo.

Ông gội nước vào một cái khăn rồi cởi áo đến thắt lưng. Ông dùng khăn ướm đắp đắp khắp mình.

Gergo cũng xuống ngựa. Chú dẫn con ngựa đến chỗ máng nước và cho nó uống.

Mục sư rút từ dưới bọc ngồi ra một bó cỏ khô, vứt ra trước mõm ngựa.

Trong bọc ngồi có một cái tay nải, ông quờ tay vào sờ thấy có bánh mì.

– Con có đói không?

– Con đói quá đi ấy chứ. – Chú bé bẽn lễn trả lời.

Mục sư rút gươm ra, trước khi cắt bánh mì, ông ngừng mặt lên trời và nói bằng một giọng thành kính, đầy biết ơn:

– Sáng danh Chúa trên trời! Người đã giải thoát cho chúng con khỏi xiềng xích và bây giờ lại cho chúng con cả bánh mì nữa.

Bầu trời quang đặng chỉ chút những vì sao. Mảnh trăng lưỡi liềm vắng vặc giữa đỉnh đầu đủ soi tỏ cho bữa ăn tối.

Họ ngồi ăn trên thành giếng. Thịnh thoảng mục sư lại vứt cho con chó một mẩu bánh. Gergố bẻ cho con ngựa của chú nửa phần bánh mì.

Từ xa bỗng vắng lại tiếng vó ngựa lộp cộp khe khẽ. Hai người liền

dòng tai nghe ngóng, mồm họ ngừng lại không nhai nữa.

– Có người đi ngựa đến. – Mục sư nhận xét.

– Một người. – Gergő nói thêm, rồi họ lại tiếp tục nhai.

Tiếng lộp cộp dần dần rõ lên thành tiếng dồn dập trên đường đất khô. Vài phút sau một kỵ sỹ phóng ngựa tới. Y hãm dần ngựa trước cửa quán và rẽ vào sân. Trông bộ dạng của y có thể biết ngay là người Hung. Đầu y không có mũ, nhưng có tóc, như vậy, chắc chắn là người Hung rồi.

Y dừng lại nhìn quanh rồi lên tiếng gọi mục sư với cái giọng khàn khàn của loài quạ:

– Mubarek olaszun^(*)!

Y tưởng mục sư là người Thổ vì ông đắp cái khăn ướt màu trắng ở trên đầu.

– Ta là người Hung đây. – Mục sư đáp lại và đứng lên. Ngay lúc đó ông nhận ra người kia là Móré. Gergő cũng đã nhận ra hăn, chú rùng mình.

– Ai ở đây? – Móré vừa tụt xuống khỏi con ngựa chiến đang bốc hơi vừa hỏi. – Chủ quán đâu?

– Ở đây chả có ai khác ngoài ta và chú bé này. Đây là nhà vô chủ.

– Ta cần ngựa! Ngựa đã nghỉ ngơi! – Móré sống sượng nói.

Mục sư nhún vai:

– Ở đây khó mà kiếm ra của ấy.

– Ta vội lắm, nhưng ta không sẵn tiền. Chúng ta cùng là tín đồ Cơ Đốc cả, vậy ông hãy đưa ngựa của ông đây cho ta.

Hăn ngấm kỹ cả hai con ngựa. Con thứ ba, của Gergő, đang gặm cỏ trong bóng tối. Chú ngựa nhỏ nhắn có vẻ là ngựa tồi. Móré không đợi trả lời, hăn cứ tháo ngựa ra khỏi còng xe.

– Ở kia. – Mục sư lên tiếng. – Ít nhất người cũng nói cho ta biết vì sao mà phải chạy gấp đến thế chứ?

– Quân Thổ đã bị Dobó đánh tan tác, chúng tôi cũng được giải thoát.

– Ông ta đi đâu rồi?

– Chúng tôi vượt trước ông ta.

Móré không nói gì hơn. Hắn quăng mình lên con ngựa cày và phóng đi.

– Chà, thằng này giải quyết việc tậu ngựa mau mắn thật. – Mục sư lầu bầu.

Lúc cử động ông cảm thấy có cái gì chuôi ra khỏi túi. Ông cầm lên và chợt nhớ ra đó là cái bùa hộ mệnh của tên Thổ chợt. Trong túi lụa xanh có cái gì cứng cứng, ông lấy gươm rạch túi ra thì thấy một cái nhẫn.

Mặt đá của cái nhẫn to một cách lạ thường, đó là một viên đá hình tứ giác màu đen hoặc bằng ngọc thạch lựu sẫm hoặc bằng đá vỏ chai^(*), dưới ánh trăng không thể nhận rõ được. Nhưng trên mặt đá ấy có thể thấy rõ một mặt trăng bằng đá quý màu vàng nhạt, xung quanh có năm ngôi sao nhỏ bằng kim cương.

Mặt trong của cái túi cũng lấp lánh những chữ Thổ thêu bằng chỉ bạc. Mục sư nghe được tiếng Thổ nhưng đọc chữ Thổ thì ông chịu.

Ông bỏ lại vào túi rồi đưa mắt nhìn Gergő. Chú bé đã ngủ ngon lành trên bọc quần áo.

15

Ánh sáng mặt trời tỏa xuống mới vui tươi rực rỡ làm sao! Thế mà xung quanh vùng hồ Balaton, mặt trời không thể thấy gì khác ngoài những ngôi nhà cháy, những vườn rau bị xéo nát và những xác chết ngổn ngang khắp nơi.

Ôi, nếu như mặt trời là mặt của Trời thì chắc hẳn nước mắt đã chan hòa mặt đất thay cho ánh sáng!

Mục sư tuy đã biết trước rằng làng của ông cũng bị tàn phá, nhưng khi họ lên đến một đỉnh đồi và nhìn thấy cái tháp chuông tróc mái, nhem nhuốc nhô lên trên những cành lá của cây vườn, mắt ông vẫn nhòa lệ.

Ông không giục ngựa, cứ để mặc cho chúng lững thững đi. Cứ mỗi bước, cảnh điêu tàn càng mở ra trước mắt họ. Không đâu còn một mái nhà nguyên vẹn, không đâu còn một cổng nhà lành lặn. Mảnh đồ gỗ, ván thùng và bột mì vương vãi khắp nơi. Xác người và xác súc vật ngổn ngang trong các sân nhà.

Không nhà nào còn người sống sót. Chỉ có một vài con chó thoát khỏi tai biến đã trở về cùng một vài chú gà vịt tránh được tay lũ giặc cướp.

Mục sư xuống xe, bỏ mũ ra và bảo Gergő:

– Con cũng bỏ mũ xuống con ạ. Đây là làng của người chết chứ có phải là làng của người sống nữa đâu.

Ông dắt ngựa đi sâu vào trong làng.

Một nông dân luống tuổi tóc rất rậm nằm dang tay trên đường, mặt

ngựa lên trời. Tay người chết vẫn còn nắm chặt cây đinh ba.

– Tội nghiệp bác András.

Mục sư lắc đầu. Ông cầm cánh tay kéo người chết sang bên lề đường để lấy lối cho ngựa đi qua.

Một người khác còn trẻ hơn bị chém ngang lưng, xác buông thông qua hàng rào, đầu ngoẹo ra phía ngoài đường, như thể anh ta đang nhìn máu của chính mình rỏ từ đầu xuống đất đã đen kịt lại.

Con lợn nhà anh đang ăn cỏ phía sau, bên một cái sân đầy lông nhồi nệm giường. Giặc Thổ chưa kịp đụng đến con lợn.

Một đứa trẻ mới lọt lòng nằm trần truồng bên cạnh cánh cổng gần đó, cái ngực bé xiu bị một vết thương to toang hoác.

Mùi tro, mùi xác chết lẫn quất khắp nơi. Tất cả cảnh tàn sát man rợ này đã xảy ra chỉ vì một tên lính thối kèn được yêu chuộng của bọn Thổ bị đâm chết, một người chồng trẻ trong lúc bảo vệ vợ mình đã cho hấn một nhát đinh ba. Thế là những tên lính Thổ nổi khùng thét lên: – Không để một mạng sống nào trong làng này nữa!

Mục sư dắt ngựa đi thẳng, không còn nhìn sang hai bên nữa mà cứ nhìn xuống con đường bụi vàng khè trong nắng. Cuối cùng họ về đến chỗ ở của mục sư.

Cái nhà ấy cũng không còn mái. Những vì kèo hình chữ A to cháy đen, chơ chỏng trên đồng tro tàn của mái nhà. Bức tường phía trên cái cửa sổ trông ra đường đã đen kịt lại vì lửa tấp.

Bọn giặc đã châm lửa đốt cái nhà này sau khi dùng nước sôi tra khảo ông. Cái ghế dài còn để giữa sân. Quanh đó đầy mảnh vụn của những hòm gỗ sồi; sách vở và lúa mì tung tóe đầy sân, những chậu hoa trồng trong

phòng bị xéo nát nát. Bên cạnh cái bàn gãy chân, một bà già vận quần áo đen nằm sóng soài, hai tay duỗi thẳng, một vũng máu đen ngòm bên cạnh. Đó là bà mẹ già của mục sư.

– Đến nhà rồi. – Mục sư quay khuôn mặt đầm đìa nước mắt về phía Gergó nói. – Chúng ta về đến nhà rồi, con ạ.

16

Hai bác cháu chôn cất suốt hai ngày không nghỉ. Mục sư hạ cái ván thành xe xuống, mỗi lần chở được ba, bốn xác chết ra nghĩa địa.

Gergő luôn luôn đi trước xe, bên sườn đeo thanh gươm của Dobó tặng, tay cầm cây thánh giá của nghĩa địa. Mục sư dắt ngựa, vừa đi vừa đọc kinh cầu nguyện hoặc hát thánh ca. Đến nghĩa địa ông dùng chiếu đắp những người chết cho qua khỏi đựng đến người họ, rồi lại quay trở về chở chuyển khác.

Sáng ngày thứ ba một mục nông dân và một đứa bé chột xuất hiện trong làng. Họ đã trốn vào trong bãi sậy ven hồ Balaton. Buổi tối có thêm hai người đàn ông nữa trở về – họ vừa đi vừa nấp, vừa nghe ngóng cẩn thận.

Mấy người đó giúp việc đào huyệt, mục sư cũng cùng đào với họ. Chỉ sau khi đã dọn hết xác chết và chôn cất tử tế, ông mới bắt tay chữa tạm lại căn nhà. Nhà này trước kia gồm ba phòng nhưng tất cả đều đã đổ sụp trong trận cháy.

Trước tiên ông lấy gỗ ván lợp lại mái phòng phía gần đường cái để họ có thể trú mưa, sau đó ông sửa sang lại một cái tủ, rồi cùng Gergő nhặt nhạnh những quyển sách vứt ngổn ngang ngoài sân xếp vào đó.

Sau nhiều công việc náo lòng, việc chuyển sách làm Gergő vui thích. Chú giở quyển này quyển nọ để xem có tranh ảnh gì không. Có độ năm quyển có ảnh, trong một quyển có toàn ảnh các loài sâu bọ, một quyển khác lại đầy những hình vẽ các loại hoa. Thư viện của mục sư có tất cả

chừng ba chục quyển sách bìa da.

Mụ đàn bà dọn dẹp lại nhà bếp và lo việc nấu nướng. Mụ nấu một món đậu không có thịt và món canh trứng.

Hai đĩa thức ăn cho cả một làng!

Sau bữa trưa, mục sư nhìn ra vườn và kêu lên:

– Ở kia, chúng nó không phá tổ ong của ta. Ra đây, Gergố.

Ông dẫn Gergố ra vườn, nơi có một tổ ong nuôi trong cái am thờ. Cửa am cũng bị bọn Thổ phá tung nhưng vì không thấy gì khác ngoài một bệ thờ, một cái bếp lò nhỏ, một cái bàn kê bằng mảnh ván với mấy cái chai cổ dài ngoẵng nên chúng không đập phá gì bên trong cả. Mấy cái chai ấy vẫn được dùng để làm thí nghiệm hóa học. Mục sư gần như ngạc nhiên khi thấy mấy cái chai không bị nứt mẻ gì cả.

17

Hôm sau hai bác cháu lên ngựa đi về phía nam, đến thành Sziget.

Hôm đó trời trong và nóng bức. Khắp nơi, ở những thôn xóm bị giặc tàn phá, người ta vẫn còn tiếp tục chôn cất và sửa sang nhà cửa. Một đôi làng cũng chỉ còn lại lơ thơ vài ông già bà cả. Có những nơi toàn thể dân làng đã bị bọn Thổ lừa đi.

Lúc đến vùng bãi sậy ngoại vi thành Sziget, mục sư ngẩng lên nhìn và bảo:

– Tướng công có nhà đấy.

Gergő hiểu là ông nói đến Török Bálint, chú ngạc nhiên hỏi:

– Làm sao cha biết?

– Con không thấy lá cờ kia sao?

– Lá cờ trên đỉnh tháp ấy à? Là cờ xanh đỏ.

– Đúng đấy, đó là cờ hiệu của tướng công, lá cờ đó báo hiệu tướng công hiện có nhà.

Họ đi vào rừng sậy và phóng ngựa song song bên nhau. Nước suối Almás chảy ra một cái hồ lớn lấp lánh trước mắt họ. Giữa hồ, một pháo đài nhô ra khỏi bức tường thành đen sạm, đang soi mình trong gương nước. Một đàn ngỗng lớn bơi trắng xóa mặt hồ.

Mục sư lại lên tiếng:

– Này con, con không nghĩ rằng tướng quân Dobó đã xung trận với một lực lượng quá chênh lệch ư? Có thể ông ta đã nằm lại đó.

– Giữa trận ấy à?

– Ừ, giữa trận tiền.

Gergố không nghĩ thế. Theo chú, Dobó là người vô địch, dù chỉ một mình ông xông vào giữa một đoàn quân Thổ chẳng nữa, chú cũng chẳng hề ngạc nhiên chút nào.

– Giả dụ ông ta có làm sao, – mục sư nói tiếp, – ta sẽ nhận con làm nghĩa tử.

Ông cho ngựa nhảy lên chiếc cầu gỗ đầu tiên bắc trên những cột cao dẫn vào thành ngoài. Dưới chân cầu đầy những đàn ngỗng, đàn vịt. Họ đi qua khu chợ mới rồi lại đến một cái cầu gỗ ngắn, cầu này đâm vào khu chợ cũ. Trước một cái nhà thờ hai tháp chuông có ba mụ đàn bà đang ngồi bán mận. Một mụ đang đong mận vào vạt áo cho một cô bé chân đất. Cửa nhà thờ có nẹp sắt cẩn thận.

Lại đến một cái cầu nữa, cũng làm bằng gỗ nhưng đã là một cái cầu dài và rộng, nước lấp lánh ở tí dưới sâu.

– Bây giờ ta đến thành trong. – Mục sư bảo. – Cũng vừa đúng lúc.

Và ông rút khăn tay, cẩn thận lau khắp mặt mũi.

Cửa thành mở toang, từ bên trong vọng ra tiếng lộp cộp mạnh mẽ. Họ trông thấy, trên một cái sân rộng, một người mặc áo giáp đang phóng ngựa như bay trong đám bụi mù, sau đó lại thấy một người khác phóng ngựa ngược lại, trông cứ như hai pho tượng cười trên hai con ngựa sống. Một pho bằng bạc còn mới, pho kia đã bạc màu, đôi chỗ đã han gỉ, hình như cho đến giờ vẫn bị để quên trong một cái kho nào đó. Hai cái mũ chiến cũng khác nhau: một cái trơn tru, hình tròn, còn cái kia có một hình đầu gấu, cũng bằng bạc, lấp lánh trên đỉnh. Ngực hai con ngựa đều có giáp sắt hình

đuôi tôm che chở.

– Tướng công kia kìa, người đội mũ đầu gấu ấy. – Mục sư nói với Gergő một cách kính cẩn.

Hai kỵ sỹ cầm thương lao vào nhau và khi đã giáp lá cà, hai con ngựa chồm hai chân trước lên. Hai mũi thương đều trượt qua trên khiên.

– Chùy! – Người đội mũ đầu gấu kêu to khi hai con ngựa đã lùi xa nhau.

Nghe tiếng kêu, hai võ đồng(*) mặc quần áo xanh đỏ từ trong cửa chạy ra đưa hai quả chùy đồng cùng kiểu và hai cái khiên sắt mới cho hai đấu thủ.

Hai kỵ sỹ lại vòng ngựa ra xa nhau. Mồm con ngựa của người đội mũ sắt trơn đã sùi bọt trắng. Họ lại xô vào nhau ở chính giữa sân. Người đội mũ trơn nện chùy trước tiên. Người đội mũ đầu gấu vội đưa khiên lên quá đầu. Cái khiên kêu đánh choang như một cái chuông sắp rạn. Nhưng từ dưới cái khiên, cánh tay kia của ông đã vung chùy ra, ông choảng vào đầu địch thủ một cái mạnh đến nỗi mũ sắt của gã bị móp vào. Gã giật cương cho ngựa lùi ra và vứt binh khí đi. Người đội mũ đầu gấu bỏ mũ sắt xuống, cất tiếng cười ha hả.

Đó là một người đàn ông mặt đầy đặn, nước da rám nắng. Bộ ria dài, rậm và đen của ông ép sát vào hai má vì bị mũ sắt đè, một bên cong lên tận lông mày, một bên rủ xuống đến cổ.

Mục sư bảo Gergő:

– Tướng công Bálint đấy, nếu ngài có nhìn lại đây thì con nhớ bỏ mũ ra nhé!

Nhưng Török Bálint không nhìn về phía họ. Ông đang nhìn địch thủ

của mình, mấy gia nô giúp kéo mũ ra khỏi đầu cho gã. Sau khi được người ta chặt vật kéo hộ cái mũ sắt bị móp ra khỏi đầu, gã nhổ ba cái răng xuống sân rồi cất tiếng chửi rủa bằng tiếng Thổ. Khoảng bảy, tám tù binh Thổ từ dưới cổng chui ra, chúng giúp gã kia cởi bỏ áo giáp.

Té ra gã kia chỉ là một tù binh Thổ, cũng như những tên khác.

– Nào, đứa nào trong bọn bay còn thích giao đấu nữa? Tự do sẽ là phần thưởng cho kẻ nào đánh ngã được ta! – Török Bálint vừa thúc ngựa vừa kêu to.

Một tên Thổ râu ria thưa, người gân guốc, da đỏ như gà chọi, đứng ra:

– Hôm nay có lẽ con sẽ gặp may mắn hơn.

Hắn mặc bộ giáp sắt nặng nề vào người. Bọn bạn hắn thắt hộ những đai sắt ở sau lưng, ấn mũ sắt vào đầu cho hắn rồi lấy một cái lá chắn khác lắp vào chân hắn vì chân tên Thổ này rất to. Sau đó người ta dùng cần cầu giúp hắn lên ngựa và đưa cho hắn một cây mã tấu!

– Mày điên mất rồi Ahmed ạ! – Török Bálint vui vẻ nói. – Mã tấu đâu phải là thứ dùng để đánh vào giáp trụ.

– Con chỉ quen thế này thôi. Nếu ngài không dám chơi thì con cũng chẳng thử cách nào khác nữa.

Họ nói với nhau bằng tiếng Thổ. Mục sư giảng cho Gergő biết những lời họ nói.

Tướng Bálint lại đội mũ lên đầu. Ông khoa một cây thương nhẹ và phi ngựa vòng quanh sân.

– Bắt đầu! – Ông hô to và xông vào giữa sân.

Gergő rùng mình.

Tên Thổ hơi cúi về phía trước trên mình ngựa, hai tay nắm chắc cây mã

tẩu, hấn xồ vào tướng Bálint, mồm hét:

– Allah!

Khi hai bên giáp nhau, hấn rướn người lên và bổ xuống một nhát khủng khiếp. Tướng Bálint thì hướng mũi thương vào ngang sườn tên Thổ. Mũi thương bị trượt đi, cây thương rơi khỏi tay ông. Tuy vậy ông vẫn dùng tấm khiên đỡ được nhát chém khốc liệt của tên Thổ, đồng thời trong nháy mắt đó ông tóm lấy cánh tay địch thủ giật hấn ngã ngựa.

Tên Thổ ngã nghiêng người xuống sân, bụi bốc mù lên quanh người hấn. Török Bálint lật lưới mũ lên, cười nói:

– Đủ rồi. Nếu ngày mai ta còn ở nhà, bọn bay lại có thể giao đấu với ta.

Ông lại cười rung cả người.

Tên Thổ, dùng cánh tay bị giật sái cả khớp, chật vật chống người lên và gào:

– Không công bằng!

– Sao lại không công bằng? – Tướng Bálint hỏi.

– Người mã thượng không ai lại dùng tay mà giật địch thủ như vậy.

– Nhưng mày có phải là một trang mã thượng đâu, đồ dị giáo chó đẻ! Có lẽ nào tao phải đi học mày những luật lệ mã thượng chắc! Quân ăn cướp dê tiện.

Tên Thổ xị mặt im lặng. Tướng Bálint lại quát:

– Chẳng nhẽ chúng mày dám coi việc tao đứng ra giao đấu với chúng mày là chuyện tỷ thí thượng võ hay sao? Xem kìa, cái lỗ khố rách mà thế đấy!

Ông rút chân phải ra khỏi bàn đạp định xuống ngựa nhưng một tên tù binh khác người gầy gò, râu hoe hoe lại kêu lên:

– Thừa tướng công, hôm nay con lại muốn đấu với ngài.

Những người có mặt trên sân đều cười ồ cả lên.

– Tất nhiên, bây giờ mà cho rằng ta đã mệt. Nào, cho mà có được niềm vui.

Ông nói rồi lại chụp mũ lên đầu, cái mũ lúc này ông đã bỏ xuống ôm vào lòng.

– Mà đánh nhau với ta lần này là lần thứ mấy đây hả Vệt?

– Lần thứ mười bảy, – tên tù binh có cái mũi khoằm như mỏ vẹt trả lời, giọng thiếu náo.

Török Bálint bèn gỡ mũ ra vứt đi.

– Nào, chấp bót cho mà chùng ấy. Xem nào!

Sự chênh lệch về sức lực giữa hai người thật quá rõ: tướng Bálint người to cao, đang tuổi sung sức, nhanh nhẹn, bắp thịt nổi rõ khắp người; còn tên Thổ đã chùng năm chục tuổi, người khẳng khiu, lưng còng.

Họ đánh nhau bằng thương. Ngay từ lượt đầu lao vào nhau, tướng Bálint đã quật hấn ngã khỏi yên mạnh đến nỗi tên Thổ lộn tùng phèo trong không khí trước khi rơi bịch xuống đất.

Đám gia nô, võ đồng và cả bọn tù binh đều cười ran.

Tướng Bálint ném khiên và găng tay sắt đi rồi nhảy xuống ngựa để cho các võ đồng cỡi giúp nốt các đồ sắt còn lại trên người.

Tên Vệt lồm cồm bò dậy, hấn ngoảnh bộ mặt vấy máu về phía Bálint khóc lóc:

– Đức ông ơi, xin ngài hãy tha cho con về nhà. Vợ góa, con cô chờ con ở nhà đã hai năm nay rồi.

– Thế sao mà không chịu ở yên tại nhà ngay từ ban đầu, hờ đồ dị

giáo?

Bálint cảm tức trả lời. Ông thường điên tiết lên mỗi khi lũ tù binh này xin tha.

– Đức ông ơi! – Tên tù binh vẫn khóc lóc và chấp tay lạy. – Xin ngài hãy rủ lòng thương. Con có thằng con trai mắt đen rất kháu, con không được thấy mặt nó đã hai năm nay.

Hắn lê gối đến trước mặt Bálint rồi sụp xuống đất dưới chân ông.

– Thương hại con với, đức ông ơi!

Bálint rút khăn tay lau mặt, ông nói, giọng run lên:

– Ước gì tất cả bọn Thổ khốn kiếp đều bị xiềng lại ở đây cùng với hoàng đế của chúng mày! Quân cướp của giết người, chúng mày đâu có phải là người nữa mà là lang là sói!

Rồi ông bỏ đi. Tên Thổ vốc bụi lên ném theo ông và nước nở:

– Đã thế thì cầu cho Allah đánh chết mày đi, đồ thối bụng! Cầu cho mày phải già đời trong xiềng xích, cho vợ mày góa bụa, con mày côi cút ngay lúc mày đang sống! Allah hãy dạy cho mày biết khóc lóc gấp ba lần tao, trước khi đầy linh hồn mày xuống âm ty địa ngục.

Hắn vừa chửi rửa vừa khóc, nước mắt hắn chảy ròng ròng hòa với máu trên bộ mặt sây sát. Đám gia nô liên loi cổ tên dị giáo đang tức tối đó ra giếng và múc nước gội lên người hắn.

Török Bálint đã quen với những cảnh như thế, nó chỉ làm ông tức giận. Trong thành của ông những lời van xin trở về cũng như những lời chửi rửa đều không tháo được cùm xích. Nói cho cùng, tất cả nô lệ, tù binh bất kỳ ở đâu và thời nào cũng đều khóc xin tự do, chỉ có điều là đứa này thì lạng lẽ, đứa kia thì ồn ào. Từ thuở bé Török Bálint đã quen sống trong cảnh kêu rên

như vậy của đám nô lệ, hơn nữa thời đó nô lệ còn được tính vào giá trị của kinh tế gia đình. Đứa thì cho chuộc bằng tiền, đứa đem đổi lấy tù binh Hung. Như vậy thì làm sao có thể nghĩ đến chuyện thả một nô lệ cừu địch chỉ vì danh của Chúa!

Bálint chìa lưng và tay cho các võ đồng chải bụi, sau đó vừa đưa tay xoắn rìa mép trên khuôn mặt đỏ ửng vì tức giận ông vừa bước tới chỗ mục sư.

– Xin chào mục sư, – ông nói và chìa tay ra. – Ta nghe nói bọn chúng nó đã luộc thầy như luộc cua. Không sao, ít nhất thầy cũng được mọc da mới.

– Thưa đức ông, bộ da của con chỉ là chuyện nhỏ. – Mục sư trả lời, mũ cầm trong tay. – Việc chúng nó đã sát hại cả bảy chiên của con còn đau xót hơn. Bà mẹ tội nghiệp của con cũng đã bị chúng giết.

– Thế mà chó sói chưa ăn thịt hết chúng nó đi. – Bálint vừa nói vừa quay lại phía bọn Thổ. – Đứa này nguyên rửa ta vì ta không thả cho hăn về, đứa khác lại chê ta là không thượng võ. Ta đứng ra đấu với hăn, ta chỉ dùng thương còn hăn vác một cây mã tấu như một tên đao phủ, với hăn như thế là mã thượng. Nhưng một khi ta giật hăn ngã thì hăn lại lên mặt dạy ta.

Ông bực tức thắt chặt thêm dây lưng, mặt đỏ bừng bừng trông hệt như con gấu đứng chồm lên trong cái gia huy treo trên cổng thành. Sau đó ông nhìn sang chú bé:

– Chú bé ấy đây à? – Ông hỏi và ngạc nhiên mỉm cười.

– Mau xuống ngựa đi con. – Mục sư bảo Gergő. – Bỏ mũ ra chứ!

Chú bé chân đất mà lại đeo gươm vôi vàng nằm mẹp xuống lưng ngựa để tụt xuống đất, đứng trước mặt Török Bálint.

– Ngựa này cháu chiếm được đấy à?

– Vâng ạ. – Chú bé đáp không khỏi tự hào.

Török Bálint cầm tay chú dắt đến chỗ vợ mình, ông đi nhanh đến nỗi mục sư Gábor phải vất vả mới theo kịp.

Nữ chủ nhân – một phụ nữ xinh đẹp, nhỏ nhắn, tóc hung, mặt trắng nõn nà – đang ngồi trong vườn cây bên cạnh một cái thớt đá cối xay. Bà đang cho mút quả vừa nấu xong vào các lọ. Một cố đạo già, tay trắng trẻo cũng đang giúp bà, đó là cha xứ ở trong thành. Cạnh họ một cậu bé lên năm cùng một cậu bé lên ba đang chơi với nhau.

– Kata yêu quý, em xem này! – Török Bálint gọi to. – Chú võ đồng của Dobó đây, chú oắt ấy đây!

Gergő hôn tay bà. Nữ chủ nhân mỉm cười nhìn chú vẻ rất ngạc nhiên. Sau đó bà cúi xuống hôn má chú.

– Chú bé này ư? – Cha xứ cũng ngẩn người. – Đang bú tí thế này?

– Bú tí, phải, máu giặc Thổ. – Chủ tướng của tòa thành đáp.

– Cháu đói bụng chưa, hờ chú lính nhỏ? – Nữ chủ nhân hỏi.

– Cháu đói lắm, nhưng cháu muốn đến chỗ chú Dobó trước đã.

– Úi, cháu ơi, cái đó thì không thể được. – Tướng Bálint nghiêm nét mặt lại nói. – Chủ tướng của cháu bị thương đang nằm... – Ông quay sang mục sư. – Thầy vẫn chưa biết ư? Anh ta với năm chục mạng đã xông vào đánh hai trăm tên Thổ. Một tên đã đâm cho anh ta một giáo vào đùi mạnh đến nỗi mũi giáo xuyên vào đến yên ngựa mới dừng lại, gãy cả mũi giáo.

– Thế mà ông ta không chết? – Mục sư hỏi.

– Có chết cái ôn dịch, anh ta phạt đứt tên Thổ rồi cứ đóng đinh vào yên như thế mà phóng ngựa về.

Gergő tái mặt lắng nghe câu chuyện. Chú ân hận là mình đã không ở lại bên cạnh Dobó. Giá chú ở đó thì có phải chú đã chém cho tên Thổ ấy một nhát rồi không. Cha xứ bảo chú:

– Đi chơi đi con, ra kia mà chơi với các công tử.

Hai cậu bé tóc đen lúc bấy giờ đã đến đứng bên váy mẹ và đang chăm chú nhìn Gergő.

– Nào, các con sợ gì. – Bà mẹ khuyến khích. – Anh ấy là dân Hung đấy chứ, anh ấy yêu các con đấy.

Rồi bà nói với Gergő:

– Đây là đứa lớn: Jancsi, còn đứa bé là Feri^(*).

Gergő thân mật bảo hai đứa bé kia:

– Các cậu lại đây, tớ sẽ cho các cậu xem thanh gươm của tớ.

Ba đứa bé kết bạn rất nhanh chóng.

– Còn thầy, – Bálint ngồi xuống ghế và hỏi, – không còn con chiên nữa thì mục sư định làm gì bây giờ?

– Dù sao con vẫn sống được, nếu không khá hơn thì cũng như cuộc đời một tu sỹ. – Mục sư Gábor buồn rầu trả lời.

Török Bálint vừa vân vê ria mép vừa suy nghĩ:

– Thầy có biết tiếng Thổ không?

– Có.

– Cả tiếng Đức nữa chứ?

– Con đã từng theo học hai năm trên đất Đức.

– Vậy thì ta có ý kiến như sau, thầy mục sư ạ: Thầy hãy về thu xếp nhà cửa rồi sang ở thành Sziget này. Hay đừng sang Sziget nữa mà đến thẳng

thành Somogy, vì chỉ ít hôm nữa chúng ta sẽ dọn qua bên đó. Vậy thầy hãy đến đây nhé! Vợ ta có cha xứ cứu giáo thì tại sao ta lại không được có một mục sư tân giáo nhỉ? Với lại, vài năm nữa bọn nhóc sẽ lớn, ta sẽ giao cho thầy dạy dỗ chúng nó.

– Bẩm đức ông, thế còn con? – Cha xứ bỏ dở nôi nứt quay lại hỏi.

– Tất nhiên cả cha cũng dạy chứ, cha dạy chúng nó tiếng La Tinh, thầy đây sẽ dạy tiếng Thổ. Cha hãy tin rằng tiếng Thổ cũng cần cho sự thành đạt chẳng kém gì tiếng La Tinh đâu.

Ông nhìn hai đứa con đang đuổi nhau với Gergő quanh cây táo. Cả ba đều đỏ bừng mặt và cười khanh khách. Ông mỉm cười nói:

– Ta sẽ chiếm lại của Dobó chú bé này. Rất có thể chú ta sẽ trở thành thầy giáo thứ ba.

PHẦN HAI

BUDA THẤT THỦ

Vua János đã băng hà. Thái tử còn măng sữa. Quốc gia không có chủ sớ. Đất nước giống như cái gia huy trên đó những con phượng hoàng tức tối chồm lên nhau, cố vươn mình tranh lấy cái vương miện lừng lờ ở giữa.

Nhân dân không còn biết nghĩ thế nào nữa. Chẳng ai biết ách thống trị của bọn Thổ dị giáo đáng sợ hơn hay sự bảo hộ của quân Đức chính giáo đáng sợ hơn.

Vua Đức Ferdinand phái tên nguyên soái lẫn căn Roggendorf đến Buda^(*), còn hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ thân chinh lên đường để cầm ngọn cờ nửa vành trăng lên cung điện vua Hungary.

Đó là lúc các sử gia viết con số 1541 vào niên biểu.

1

Một đêm trăng tháng tám, hai kỵ sỹ phóng ngựa lên dốc núi trên đường cái Mecsek. Một người gầy, râu cạo nhẵn, mặc áo choàng đen, chắc là cố đạo. Người kia là một công tử trạc mười lăm tuổi, có mái tóc dài.

Ngoài ra còn một gia nhân lưng dài cưỡi ngựa lẻo đẹo theo sau. Sở dĩ lưng y nom dài vì y ngồi trên hai cái bì đầy cứng thay cho yên ngựa. Trên lưng y còn một cái bọc to bằng da mà như bây giờ thì chúng ta gọi là ba lô. Từ trong bọc có ba cái gậy thò ra, một cái cứ thỉnh thoảng lại ánh lên có thể thấy rõ là khẩu súng.

Một cây lê đại cổ thụ đen sẫm đứng gần bên đường – có lẽ nó cũng lâu đời như con đường quốc lộ. Tới chỗ đó họ cho ngựa rẽ xuống khỏi mặt đường.

Người mặc áo cố đạo nhìn lên cây hỏi:

– Cây này đây à?

– Nó đấy. – Người trẻ tuổi đáp. – Hồi con còn nhỏ, cú thường hay làm tổ ở trong ấy. Từ đó tới nay hốc cây chắc đã rộng thêm ra, một người có thể vào lọt, có khi cả hai người cũng vừa.

Cậu đứng lên yên và đu mình lên cây lê đại. Thoáng cái cậu đã ở trên cây. Cậu rút gươm xọc vào hốc cây rồi chui tọt vào trong.

– Cả hai thầy trò ta cũng vừa. – Cậu vui vẻ kêu lên. – Chúng ta có thể ngồi thoải mái ở trong này.

Rồi cậu trèo ra và nhảy xuống cỏ. Người mặc áo cố đạo bỏ áo choàng

ra, nói:

– Thế thì bắt tay vào việc thôi.

Đó là mục sư Gábor và cậu học sinh Bornemissza Gergely.

Từ lúc chúng ta xa họ đến nay, tám năm đã trôi qua. Mục sư không thay đổi mấy, duy chỉ có lông mày của ông đã mọc ra và râu ria cũng đã có thể cạo được từ lâu, và có gãy đi chút ít. Nhưng cậu thiếu niên thì thay đổi nhiều lắm. Tám năm qua đã biến cậu thành một người lớn. Nhưng chỉ về hình vóc thôi, còn mặt cậu vẫn mang cái vẻ chưa ra đẹp cũng chưa ra xấu, như nét mặt vẫn thường thấy của tất cả những thiếu niên mười lăm mười sáu. Mớ tóc lượn sóng để rủ đến vai theo một của nam giới thời đó.

Gã gia nhân lấy trong bọc ra hai cái xẻng và một cái cuốc chim. Mục sư cầm lấy một cái xẻng, cậu học sinh cầm lấy chiếc kia. Họ đào ngay ở chính giữa đường quốc lộ.

Gã gia nhân bê hai cái bì đến rồi trở lại chỗ mấy con ngựa, gã tháo cương, buộc dây hãm vào chân chúng rồi thả cho chúng gặm bãi cỏ rừng ướt đầm sương đêm. Sau đó gã cũng bắt tay vào việc. Gã lấy từ trong cái bọc da ketch sù ra nào bánh mì, nào bình đựng nước và cả các bình khí nữa. Gã hốt lớp đất cát lẫn đá cuội mà hai người kia vừa đào lên vào bọc rồi đem rải xuống rãnh bên đường. Khi quay về gã lại mang theo những cục đá to để bên cạnh hố.

Chưa đầy một giờ sau cái hố đã sâu đến ngang lưng.

– Đủ rồi. – Mục sư nói. – János, đưa hai cái bì lại đây.

Gã gia nhân lễ mễ bưng hai cái bì đến.

– Đừng để súng bị ướt sương! – Mục sư bảo gã rồi lại tiếp. – Người cầm lấy cuốc chim, xẻ một cái rãnh từ hố này đến chỗ cây lê đại đằng kia.

Ở trên mặt đường, rãnh phải sâu độ một gang, còn dưới bãi cỏ chỉ sâu bằng nửa thôi cũng đủ. Lược lấy lớp đất cỏ cho khéo để có thể lấp lại y như cũ. Không được để một dấu vết gì làm lộ công việc của ta.

Trong khi gã gia nhân xẻ rãnh, hai thầy trò đổ hai cái bì vào hố.

Trong hai bì ấy có thuốc súng đựng trong những túi da nhỏ. Họ nện chặt và xếp những cục đá to lên trên. Họ lại bỏ đá dăm và đất vào các kẽ hở giữa những cục đá to rồi đầm thật chặt.

Gã gia nhân đã đào rãnh đến tận cây lê dại và đang lấy đá lát bờ rãnh. Dây ngòi đặt chạy dài trong rãnh đó. Họ dùng vải dầu và đá dẹt phủ từ đầu đến cuối dây để mưa cũng không thể thấm ướt được.

– Thưa cha, – gã gia nhân hớn hờ nói, – bây giờ con đã biết cái gì đang sửa soạn ở đây.

– Cái quái gì thế, hờ János?

– Một kẻ nào đó sẽ được bay lên trời tại chỗ này.

– Người nghĩ gì, ai nào?

– Ai ấy à? Cũng dễ đoán thôi: ngày mai hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ sẽ đi qua đây.

– Hôm nay chứ. – Mục sư nhìn lên bầu trời đang rạng dần, đáp lại. Rồi ông rút khăn lau bộ mặt nhể nhại mồ hôi.

Khi mặt trời lên soi tỏ con đường, cái hố và cái rãnh đã không còn để lại một dấu vết gì nữa.

Mục sư ném cái cuốc sang bên, bảo gã gia nhân:

– János con ơi, hãy cưỡi ngựa chạy lên đỉnh Mecsek, đến tận chỗ nào mà con có thể nhìn suốt được con đường ấy nhé!

– Con hiểu rồi, cha ạ.

– Ta và cậu học sinh sẽ nằm nghỉ đằng sau cây lê độ vài ba chục bước. Con chú ý xem lúc nào bọn quân Thổ đến. Khi thấy bóng tên thám mã đầu tiên, lập tức phải phóng về thức chúng ta dậy.

Ông cùng cậu học sinh tìm một chỗ cỏ tốt bên bìa rừng, họ trải áo khoác xuống và cả hai đều lập tức ngủ thiếp đi.

2

Đến trưa, người gia nhân từ trên đỉnh núi phi ngựa xuống.

– Chúng nó đến rồi! – Gã kêu lên từ đằng xa. – Một đạo quân đông kinh khủng đang trẩy đến! Như sông như biển ấy! Trăm nghìn vạn lạc đà với lại xe tải. Một vài tên thám mã đã đến trước trên đường cái rồi.

Mục sư quay sang bảo cậu học sinh:

– Nào, bây giờ chúng ta có thể đi ăn trưa ở chỗ ông bố kia của con được...

– Đẳng ông Cecey ấy à?

– Đẳng ấy.

Cậu học sinh nhìn mục sư vẻ dò hỏi. Gã gia nhân cũng thế. Mục sư mỉm cười:

– Chúng ta đã đến sớm một ngày. Con không hiểu ư? Đây là bọn lính hành doanh. Bọn này đi trước lập trại để khi nào toàn quân đến Mohács^(*) thì chỗ nằm và cơm nước đã có sẵn.

– Thế thì ta đến chỗ ông bà Cecey thôi! – Cậu học sinh hớn hờ nói.

Khi đến bên dòng suối, họ xuống ngựa, rửa ráy sạch sẽ. Cậu học sinh hái được một bó hoa rừng.

– Cho ai đấy, Gergő?

– Cho vợ con. – Gergő nhoẻn miệng cười.

– Vợ của con?

– Đây là chúng con đã quen nói như vậy. Cô bé Cecey Éva ấy mà, cô ấy sẽ là vợ con đấy. Chúng con đã cùng sống thời thơ ấu với nhau, sau đó vì ông bố nhận con làm con nuôi nên lần nào về thăm con cũng phải hôn cô ấy.

– Ta tin rằng con vẫn hằng vui lòng làm việc đó.

– Con cũng tin như vậy. Má cô ấy y như hoa cẩm chướng trắng.

– Nhưng như thế thì chưa khẳng định được là con có thể coi cô ta như vợ.

– Ông giáo sỹ già bảo là họ đã định gả cô ấy cho con. Theo chúc thư của ông Cecey thì cùng với cô gái, cả cái làng ấy cũng sẽ thuộc về con.

– Thì ra ông giáo sỹ đã để lộ bí mật.

– Không phải đâu, ông ấy chỉ dặn con phải cố gắng sao cho xứng đáng với diễm phúc ấy.

– Con sẽ sống hạnh phúc với cô gái ấy chứ?

– Thầy phải trông thấy cô ấy đã! Nếu thấy rồi thầy sẽ không hỏi con như thế nữa đâu.

Con ngựa vấp một cái và chạy lên trước vài bước.

– Cô ấy chẳng khác gì một con mèo trắng nhỏ. – Cậu tiếp, sau khi đã ghìim ngựa lại.

Mục sư mỉm cười, nhún vai.

Họ đã vào đến chỗ rừng rậm và phải xuống ngựa. Gergely đi lên trước. Cậu biết dải rừng rậm này vẫn che khuất làng.

Khi họ phi ngựa xuống thung lũng, đám phụ nữ từ các nhà chạy cả ra:

– Gergő! Đúng cậu Gergő kia rồi! – Họ mừng rỡ kêu lên.

Gergely vẫy mũ hết bên này sang bên nọ:

– Chào thím Juci! Chào bà Panni!

– Gia đình tôn ông không có nhà đâu! – một mụ kêu lên.

Gergely sừng sốt; cậu dừng ngựa lại:

– Thím nói gì thế, thím ơi?

– Họ đi rồi. Họ dọn đi rồi.

– Đi đâu?

– Lên Buda.

Gergely ngẩn người:

– Cả nhà ư?

Ôi, niềm hy vọng ngây thơ! Cậu ta tưởng rằng mọi người sẽ trả lời như sau:

– Không đâu, tiểu thư vẫn còn ở lại.

Thật ra, như bạn đọc cũng có thể thấy trước, người ta trả lời thẳng thắn này:

– Dĩ nhiên là cả nhà. Đến cụ giáo sỹ của chúng tôi cũng cùng đi với họ rồi.

– Họ đi từ bao giờ?

– Từ sau ngày lễ Thánh George.

– Nhưng vẫn phải có ai ở nhà chứ?

– Có tên Thố.

Gergely tiu nghỉu, quay sang mục sư:

– Họ đi Buda rồi. Từ lâu Đức cha György đã cho họ một ngôi nhà ở đó. Nhưng con không hiểu tại sao họ không nói với con về việc này, mặc dù kỳ vũ hội cuối mùa đông(*) con có về đây.

- Vậy thì ta không được ăn trưa.
- Sao lại không ạ, vẫn còn tên Thổ ở nhà.
- Tên Thổ nào?
- Tên Thổ của Cecey, tên là Tulipán. Hẳn là tên đầu sai ở đây. Nhưng nghĩa trang đây rồi. Con xin phép rẽ vào đây một lát. Mẹ con ở đây.

Một nghĩa trang chỉ lớn bằng một khu vườn, có hàng rào tử đinh hương bao quanh, hiện ra đằng sau ngôi nhà. Trong nghĩa trang đầy những thánh giá bằng gỗ đẽo sơ sài. Không ngôi mộ nào có bia.

Cậu học sinh giao ngựa cho gã gia nhân rồi bước vội vào. Cậu đứng lại bên một cây thánh giá bằng gỗ màu nâu đã hơi lún xuống, đặt bó hoa rừng lên mộ và quỳ xuống.

Mục sư cũng xuống ngựa đến quỳ bên cậu học sinh và ngửa mặt lên trời cất tiếng cầu nguyện:

– Đức Chúa ở thiên đường, vị chúa của mọi linh hồn sống cũng như chết, xin hãy ban giấc ngủ yên lành cho người mẹ hiền đang trở về cát bụi nơi đây, xin hãy ban cuộc sống hạnh phúc cho đứa bé mồ côi đang quỳ gối nơi đây. Amen.

Rồi ông kéo cậu học sinh vào sát mình và hôn cậu.

Nhà của lãnh chúa gần như đối diện với nghĩa địa. Cánh cổng lúc đó đã mở toang, một mù đàn bà tròn lẳn, nước da đỏ đắn, chào đón những người mới đến với nụ cười thân thiện.

– Chào mù Tulipán. Chồng mù đâu rồi? – Cậu học sinh chào hỏi thế vì mở cổng vốn vẫn là việc của Tulipán.

– Anh ấy đang say. – Mù trả lời, giọng vừa ngượng vừa bức.

– Say à?

– Thì lúc nào mà anh ấy chẳng say. Tôi có giấu chìa khóa kho vào đâu đi nữa, anh ấy vẫn mò ra được. Hôm nay tôi đã giấu xuống dưới cối xay đậu, thế mà anh ấy vẫn tìm ra.

– Đã thế thì đừng có giấu giếm nữa, mụ ạ. Nếu được uống bình thường, hẳn sẽ không uống nhiều như bây giờ nữa đâu.

– Lại không ấy! Anh ấy uống như một con bò mộng! Chỉ uống rượu với nghêu ngao suốt ngày thôi. Cái đồ trời đánh ấy chẳng muốn làm lụng gì cả!

Dưới bóng cây dâu có một nông phu nước da nâu đang ngồi xếp bằng trên chiếu, trước mặt y để một cái bình tráng men xanh. Y chưa say đến mức có thể lấy bình rượu của y đi được. Y ngồi uống với thằng con trai, một đứa bé lên sáu, đi chân đất, mắt cũng đen láy y như bố nó, chỉ khác mỗi một điểm là mắt bố nó lúc nào cũng như đang cười vì một ý nghĩ tình nghịch ngấm ngấm nào đó.

Đó chính là tên Thổ mà Cecey đã tha chết vì thấy y trả lời rằng có biết đánh cờ. Về sau thực tế đã chứng tỏ đấu cờ với y quả là chẳng bổ, nhưng có thể dùng y vào tất cả mọi việc trong nhà. Đặc biệt y làm bếp rất giỏi. Cha y đã từng làm đầu bếp cho một basa^(*) nào đó. Các mụ đàn bà ưa thích y vì y bày cho họ cách nấu các món ăn Thổ Nhĩ Kỳ như piláp, borec, malebi, xobetec và đú đờn với y khá nhiều. Còn Cecey thích y vì y đã đeo cho lão một cánh tay gỗ có đủ cả năm ngón. Nếu lão đeo găng vào, không ai còn dám bảo đó là tay gỗ nữa. Trước hết lão thử bắn cung. Lão sai người lấy trên trần nhà xuống một cái cung dài cũng bằng người lão vậy. Với bàn tay gỗ ấy lão đã giương được cung. Thế là từ đó lão cất nhắc tên Thổ lên làm tên đầu sai.

Hồi đó có một mụ vợ trẻ Hung vừa bị góa chồng, tên Thổ bèn đến sưởi ấm với chị ta; sau đó thì lấy làm vợ. Tất nhiên, trước đó y phải cải đạo. Y

đã trở thành một người Hung ngoan đạo như thể y đã sinh ra trên mảnh đất này vậy.

Vừa thoáng thấy cậu học sinh và mục sư, y đã đứng dậy vòng tay lại trước ngực theo cung cách Thổ. Y định cúi mình chào, nhưng lập tức y cảm thấy việc đó nhất định sẽ kết thúc bằng một cái ngã đập trán, vì vậy y đành chỉ biểu thị lòng tôn kính bằng cách bước một bước loạng choạng về phía trước.

– Ê, Tulipán ơi! – Gergely lắc đầu nói, – lúc nào ta cũng say sưa thế này ư?

– Phải uống cậu ạ. – Tulipán đứng đắn trả lời nhưng mắt vẫn ngời lên ánh tinh nghịch. – Hai mươi lăm năm làm dân Thổ Nhĩ Kỳ không được uống^(*), bây giờ phải bù lại chỗ đó.

– Nhưng anh say thì ai sẽ nấu bữa trưa cho chúng ta?

– Vợ con sẽ nấu ạ. – Và y búng ngón tay trở về phía mục sư. – Nó nấu được cả món pho mát nữa đấy. Đó mới thực là một món ngon tuyệt!

– Nhưng chúng ta thích món piláp^(*) cơ.

– Nó nấu được cả món ấy nữa đấy ạ. Nó làm được đấy.

– Thế ông chủ nhà ta đâu?

– Ở Buda. Có thư về, thế là gia đình ông chủ kéo nhau đi. Ông chủ được người ta cho một ngôi nhà. Tiểu thư xinh đẹp mà ngồi trong cái nhà ấy thì chẳng khác nào bông hồng giữa vườn hoa xinh xắn.

Cậu học sinh quay sang phía mục sư:

– Nhờ quân Thổ chiếm được kinh thành thì số phận họ sẽ ra sao?

– Hô hô! – Mục sư ngừng phất đầu lên. – Trước tiên phải mất cả nước đã rồi sau mới đến thành Buda. Vả lại chưa bao giờ kẻ thù chiếm được

Buda cả.

Thấy Gergely vẫn băn khoăn nhìn mình, ông tiếp:

– Đất nước do thần dân bảo vệ, còn thành Buda do chính Chúa Trời phù hộ.

Tulipán mở hết các cửa. Từ các phòng, mùi oải hương hăng hắc bốc ra.

Mục sư bước vào nhà. Mắt ông dừng lại trên những bức chân dung treo trên tường.

– Có lẽ đây là tôn ông Cecey? – Ông vừa hỏi vừa chỉ vào bức tranh vẽ một người đội mũ sắt.

– Vâng. – Gergely đáp. – Bây giờ chỉ khác chỗ ông ấy không đen sạm như thế này nữa mà đã trắng trẻo hơn.

– Thế còn cái bà mắt hiếng này?

– Bà vợ đấy ạ. Chẳng hiểu lúc người ta vẽ bà ấy có hiếng không chứ bây giờ thì không hiếng nữa.

– Chắc là một bà chua chát lắm.

– Không đâu ạ. Bà ấy dịu dàng vô cùng. Con đã quen chỉ gọi bà bằng mẹ.

Cậu học sinh cảm thấy mình là chủ nhà bèn nhắc ghế mời mục sư ngồi và giới thiệu những đồ đạc lâu đời với một vẻ mặt sung sướng:

– Thầy hãy nhìn xem: chỗ này Vica vẫn quen ngồi mỗi khi nàng khâu vá. Chân nàng để lên cái kỷ này đây. Đây là cửa sổ nàng vẫn thường đứng nhìn cảnh mặt trời lặn và những lúc đó đầu nàng in bóng lên bức tường kia. Còn bức tranh này do nàng vẽ đấy. Cây liễu bên năm mồ. Những con bướm là của con vẽ thêm vào. Rồi thầy có biết không, những lúc ngồi trên ghế, nàng vẫn quen ngồi như thế này này. Nàng chống tay thế này, cái đầu

nghiêng về một bên và cười tinh nghịch, tinh nghịch chưa từng thấy.

– Tốt, tốt. – Mục sư mỗi một đáp. – Nhưng này, con đi giục bữa trưa đi!

3

Buổi tối họ đi ngủ muộn.

Mục sư lấy cố mình phải viết một vài bức thư nên không ngủ cùng một phòng với học trò. Cậu học sinh cũng lấy giấy và nghiên mực đặt bên cây nến trong phòng. Trước tiên cậu vẽ một bông hoa lưu ly^(*) lên trang giấy, sau đó cậu mới viết cho người yêu biết ngôi nhà vắng chủ đã làm cậu ngạc nhiên đến thế nào, cậu hỏi vì sao người ta không báo cho cậu biết việc dọn nhà và nếu người ta đã có báo thì bức thư chắc chắn đã bị thất lạc.

Thời đó nước Hung chưa có bưu điện. Chỉ những nhà quyền quý mới thư từ với nhau được. Ai muốn gửi thư từ Buda đến Öreglak chẳng hạn, người đó phải có người chuyển thư riêng.

Sau khi viết xong bức thư, cơn buồn ngủ đè nặng lên mí mắt cậu học sinh, cậu ngả người lên cái ghế dài bọc da sói và ngủ thiếp đi.

Có lẽ cậu sẽ ngủ đến tận sáng bạch, nếu lúc rạng đông một con bò sữa không rống lên ngay dưới cửa sổ.

Điều đó đã xa lạ đối với cậu. Ở thành Somogy cũng như ở thành Sziget và trong các dinh cơ khác của Török Bálint, chẳng bao giờ lại có bò rống dưới cửa sổ của cậu. Lúc nào cũng có người hầu đánh thức cậu dậy cùng với các công tử Török, và khi họ ăn điểm tâm, mục sư đã chờ họ ở ngoài vườn cùng các thứ sách vở.

Cậu ngồi dậy và dụi mắt. Cậu chợt nhớ ra bài học hôm nay thật đặc biệt: phải cho hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ bay về cõi bình lai.

Cậu đứng dậy và đến gõ cửa phòng bên cạnh:

– Thầy ơi! Ta đi được rồi.

Không có tiếng trả lời. Gian phòng bên tối om.

Cậu mở một cánh cửa chớp rồi đến cánh cửa sổ bằng kính mỏng.

Giường mục sư trống không.

Trên bàn có mấy bức thư trắng trắng.

Gergely sừng sốt lấm bầm:

– Quỷ quái gì thế này? Giường vẫn nguyên như mới trái.

Cậu vội vã ra khỏi phòng. Ngoài sân, mẹ Tulipán mặc váy lót, chân không, đang lùa lợn ra bãi.

– Mẹ Tulipán ơi, mục sư đâu rồi?

– Cha đi rồi, từ lúc nửa đêm cơ, khi trăng còn sáng cơ!

– János cũng đi với cha rồi à?

– Không. Anh ta vẫn ở đây. Cha đi bộ một mình.

Cậu học sinh trở vào phòng, đầu óc bối rối. Cậu đã linh cảm thấy việc làm của mục sư. Cậu vội vã đến bên bàn.

Giữa mấy bức thư có một bức để ngỏ. Hàng đầu viết bằng những chữ răn rỏi, đậm nét:

Gergely, con yêu quý!

Bức thư này là của cậu. Cậu cầm lên bước tới bên cửa sổ. Nét mực vẫn còn tươi trên trang giấy. Gergely đọc:

Nếu hôm nay con thú dữ đội vương miện đó phải về châu âm phủ thì đó là sáng kiến và công trạng của con. Nhưng ý kiến của con cũng có phần nguy hiểm. Phần đó con hãy nhường thầy, con ạ!

Con đang sống giữa tình thương dạt dào và còn trẻ tuổi. Tính tháo vát, kiến thức và lòng can đảm của con còn có thể hữu ích nhiều cho đất nước.

Cạnh bức thư của thầy, con sẽ thấy một cái túi nhỏ, trong đó có một cái nhẫn Thổ Nhĩ Kỳ. Đó là vật báu độc nhất của thầy. Thầy đã để dành cho người mà thầy yêu mến nhất. Của con đấy, con ạ.

Và thầy để lại cho con cả thư trai của thầy nữa. Con hãy đọc sách nếu một ngày kia mây đen đã rút khỏi bầu trời Tổ quốc. Còn giờ đây, gươm giáo mới là thứ đáng đặt vào tay người Hung.

Con hãy trao binh khí của thầy cho tướng công Bálint, bộ đá sừ tập của thầy cho János, bộ hoa sừ tập cho Feri. Hãy cho mỗi chú được chọn một quyển sách trong thư trai của thầy làm kỷ niệm và bảo các chú ấy hãy cố gắng trở thành những tráng sỹ trung dũng như cha, nhưng đừng bao giờ đứng về phe dị giáo mà hãy cùng con gắng sức lập lại vương quyền của dân tộc. Ngoài ra thầy cũng có viết thư cho các chú ấy, và mong rằng những điều thầy viết sẽ còn lưu lại mãi mãi cũng như ba mảnh linh hồn của thầy đã chia cho cả ba con.

Lúc thầy đi con đang ngủ. Thầy đã hôn con.

Mục sư Gábor

Gergely đứng ngây như phỗng đá, sững sờ nhìn bức thư.

Chết? Cậu bé mười lăm chưa hiểu nổi chữ đó. Cậu chỉ mới nghĩ đến cảnh tượng khoái mắt khi hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ bị tan xác thành muôn nghìn mảnh trong khói và lửa, và bay lên không trung trước mắt cậu.

Cậu rút cái túi đựng nhẫn và bức thư vào túi rồi bước ra ngoài. Cậu vội vã đi qua sân, đến chỗ vợ chồng Tulipán ở và gọi y, lúc đó đang đứng vườn vai dưới mái hiên, cậu nói bằng tiếng Thổ:

– Tulipán, bộ quần áo Thổ của anh có còn nữa không?

- Không ạ, bu nó đã phá ra may yếm và may áo cho các cháu rồi.
 - Cái khăn tuyban^(*) của anh cũng không còn nữa à?
 - Cái ấy bu nó cũng lấy may áo cánh nốt rồi. Thật là một thứ vải mịn. Cậu học sinh bực bội, đi đi lại lại dưới mái hiên.
 - Ta phải làm gì bây giờ? Anh hãy mách giùm ta xem nào. Hôm nay quân Thổ sẽ kéo qua trên đường cái quan. Hoàng đế cũng cùng đi với quân đội. Ta muốn được trông thấy bậc đế vương ấy.
 - Hoàng đế ấy à?
 - Ừ.
 - Cái đó thì có thể được lắm.
- Mắt Gergely sáng lên:
- Thật ư? Làm thế nào mà xem được?
 - Gần cạnh đường ở quãng này có một, cũng không phải một mà là hai hòn lèn đối diện nhau. Cậu chỉ việc trèo lên đỉnh, nấp kín dưới cành cây là có thể thấy rõ cả đoàn quân.
 - Thế thì anh mặc quần áo nhanh lên và đi với ta. Bảo vợ anh sắp cho một lạng thức ăn và anh có thể xách cả bầu rượu theo nữa.
- Nghe tiếng bầu rượu, anh chàng Tulipán hoạt bát hẳn lên. Y xỏ vội quần áo và hớn hờ gọi ra phía sân sau:
- Juliska của anh ơi, hăng nga của anh ơi, vào đây mau lên nào!
- Mụ vợ đang cho gà vịt ăn, mụ vãi nốt chỗ tắm rồi quay vào:
- Anh muốn gì đấy?
 - Cái bầu rượu, viên ngọc quý của anh ạ, cho anh xin bầu rượu nào!
 - Cho anh cái tầm sét nhà trời ấy thì có. Từ trước tới giờ chỉ buổi chiều

anh mới nốc, bây giờ đã muốn bắt đầu từ lúc tỉnh mơ hay sao?

– Ấy ấy, con cừu non của anh ời, viên kẹo Istambul của anh ời, có phải anh lấy cho anh đâu mà cho cậu chủ đấy chứ!

– Cậu chủ có uống rượu đâu?

– Tôi không uống đâu, – Gergely lắc đầu cười, – nhưng chả là chúng tôi có việc phải đi đăng này và có lẽ sẽ còn ở lại đến chiều tối, nên tôi không muốn để Tulipán phải nhịn khát.

– Anh ấy cũng đi với cậu à? Đi đâu thế, hờ cậu?

– Chúng tôi đi xem đoàn quân Thổ đây, thím Juli ạ. Hôm nay chúng nó kéo qua Mecsek.

Mụ đàn bà sừng sốt:

– Đi xem quân Thổ à? Cậu chủ bé bỏng ời, cậu đừng có mà ra đấy!

– Nhất định phải đi chứ! Tôi cần phải xem một tí mới được.

– Ôi, cậu yêu quý, cậu sắp sửa đi vào chỗ nguy hiểm biết mấy. Cậu nghĩ vẫn vơ gì thế?

– Tôi đã bảo một là một, hai là hai. – Gergely sốt ruột nói. – Chúng tôi không xin lời khuyên can, chỉ xin rượu thôi.

Thấy cậu chủ đã giậm chân giậm cẳng, mụ chạy tọt vào nhà, nhưng lại quày quả trở ra, mặt sừng sủa:

– Cậu muốn đi đâu thì cậu đi, con chả tiếc, con không ra lệnh cho cậu được. Nhưng Tulipán không được đi, con ra lệnh cho anh ấy đấy.

– Làm gì có chuyện ấy. – Tulipán đáp.

– Anh phải ở nhà, hiểu chưa?

– Tulipán phải đi với tôi. – Gergely lại sốt ruột nói.

– Thức ăn thì anh người hầu của cậu đem đi cũng được. Thế người hầu

để làm gì nếu không hầu hạ?

Bản thân gã gia nhân János cũng đang nghĩ như vậy. Và kia, anh đã khoác tay nải lên sau khi cho ngựa uống nước.

Tulipán đã bắt nọn được vẻ bồn chồn của mục vợ nên y cố kéo dài câu chuyện:

– Tôi nhất định đi đây, bu nó ạ! Tôi mà không đi thì xin cứ mù cả hai mắt. Ở nhà làm gì cơ chứ? Có ở nhà thì cũng phải khẩn vái hết lời mới họa hoằn được bu nó thí cho ít rượu chứ quý hóa gì. Bu nó chẳng phải là bà vợ tốt.

Mục vợ tái mặt:

– Quân Thỗ mà trông thấy, chúng sẽ bắt anh đi mất.

– Thì đã sao?

– Anh nỡ bỏ hai đứa bé xinh xắn này lại đây, với cả tôi nữa ư? Ôi, lạy Chúa cứu thế!

– Nhưng một khi bu nó đã không cho tôi rượu thì còn ở nhà làm gì? Chưa kể hôm thứ năm vừa rồi bu nó còn đánh tôi nữa.

– Tôi sẽ cho, thầy nó ạ, muốn bao nhiêu cũng được, chỉ cần thầy nó đừng có bỏ tôi mà đi!

Mục đã bắt đầu sụt sịt.

– Thế thì được, bu nó đừng có quên lời đã hứa trước mặt cậu chủ đấy nhé. Tôi chỉ đưa cậu chủ đi rồi tôi sẽ về ngay. Nhưng phải có rượu cho tôi đấy nhé!

– Từ nay về sau lúc nào cũng có.

– Nếu bu nó cứ để yên cho tôi uống, tôi sẽ chẳng say đâu. Sở dĩ tôi hay say bí tỉ là vì tôi cứ sợ hôm sau bu nó sẽ không cho tôi uống nữa.

Mụ vợ nghe nói thế đã tạm yên lòng bèn đi sửa soạn thức ăn. Tuy vậy, khi đưa chồng ra đến cổng mụ vẫn sụt sịt và đứng trông theo với một vẻ đầy lo âu khiến anh chàng Tulipán sượng phồng cả người.

János đi theo họ đến chỗ rừng rậm, đến đó họ xuống ngựa. János dắt ba con ngựa về làng, còn họ tiếp tục đi bộ.

Hòn lèn ấy ngày nay vẫn đứng cạnh đường, cao chừng năm tầm người. Đứng trên đỉnh hòn lèn, có thể nhìn suốt con đường cái, đến tận chỗ cây lê đại, nơi mục sư đang nấp kín.

Tulipán bẻ một chùm cây rậm lá, ngụy trang quanh mỏm hòn lèn để hai người có thể nhìn thấy tất cả, nhưng đứng bên dưới, không ai có thể nghi họ ẩn nấp trên đó.

– Ta cầm cả một cành cây ra chỗ kia nữa, về đằng phía bắc ấy. – Gergely bảo.

– Để làm gì ạ?

– Để nếu xuntan đi qua phía ấy chúng ta sẽ có thể quay sang mà xem.

Lúc đó mặt trời vừa mọc. Sương còn ướt đầm cánh rừng. Đàn chim sáo hót líu lo, bầy bìm bịp kêu ồ ồ. Đằng xa, về phía Pécs, những tên thám mã đầu tiên đã tung bụi trên đường.

4

Một đám bụi kéo dài dằng dặc xuống tận thành phố Pécs. Cuối cùng, từ trong đám bụi mù một lá cờ đỏ tươi màu ớt chín hiện ra trước mắt họ, rồi hai cái, năm cái và mỗi lúc một nhiều. Bên dưới và đằng sau rừng cờ đó là những toán lính Ả Rập cưỡi ngựa, đầu đội tuyban cao như cái tháp. Những con ngựa thấp bé đến nỗi chân của một vài tên lính đã gần chạm xuống đất.

– Đây là tụi gureba^(*), – Tulipán giải thích, – tụi này bao giờ cũng đi đầu, chúng không phải là dân Thổ chính tông.

– Thế thì là dân nào?

– Dân Ả Rập, Ba Tư, Ai Cập, đủ các loại ô hợp.

Bọn lính ấy quả có vẻ như thế thật. Ngay cả binh phục của chúng cũng không thống nhất. Có tên đội một cái mũ to tướng có chóp đồng lấp lánh, mũi của hăn không còn nữa. Thằng này đã từng đến đất Hung.

Một trung đoàn khác theo sau gót chúng với một lá cờ trắng sọc xanh lá mạ. Đó là một đơn vị mặc quần xanh, da sạm nắng. Nét mặt chúng vẫn còn lộ vẻ phè phỡn của bữa chén tối hôm trước.

– Đây là tụi ulufejich, – Tulipán nói, – một bọn lính đánh thuê. Chúng làm cảnh binh trong các trại quân. Lương thảo cũng do chúng hộ tống. Cậu có trông thấy cái tên bụng phệ mà trán bị giập kia không? Nó có những cái cúc đồng to tướng trên ngực áo ấy...

– Có.

– Tên hăn là Turna, tiếng Hung nghĩa là sếu. Nhưng người ta thường

gọi hắn là lợn.

– Tại sao thế?

– Có lần con đã thấy nó ăn thịt nhím, – và Tulipán nhổ một bãi nước bọt.

Theo sau chúng là trung đoàn lính cò vàng. Vũ khí của bọn này sáng loáng. Ngựa của viên aga^(*) cũng hãnh diện đeo một tấm lá chắn vẩy cá bằng bạc ở trước ngực.

– Đây là tụi xilida. – Tulipán lại giải thích. – Cũng là một bọn lính đánh thuê. Chà, bọn lưu manh đáng treo cổ! Tao đã từng lăn lộn với chúng mà hai năm trời!

Tiếp đó là bọn xpahi^(*) cò đỏ, đeo cung tên, võ quan của chúng mặc áo giáp sắt, đeo gươm cong rộng bản. Sau đó đến bọn Tatar đội mũ nhọn, toàn những tên béo tốt, mặc áo da, ngồi trên yên gỗ.

– Một nghìn... hai nghìn... năm nghìn... một vạn. – Gergely lẩm nhẩm đếm.

Tulipán khoát tay nói:

– Cậu đếm làm gì cho mệt xác. Bọn này có thể đến vài vạn đứa.

– Cái dân mặt to bành bạnh, xấu xí quá.

– Đến dân Thổ cũng kinh tởm chúng. Chúng ăn cả thủ ngựa đấy.

– Thủ ngựa ấy à?

– Dù không có đủ cho tất cả chẳng nữa, chúng cũng cứ để một cái lên giữa bàn.

– Luộc hay thui?

– Giá mà luộc hoặc thui thì còn nói làm gì. Đằng này chúng ăn sống mới gồm chứ. Những quân cầu trệ này đến trẻ mới lọt lòng chúng cũng

chẳng tha. Cậu nên biết là chúng moi cả mặt người.

– Đừng nói những chuyện rùng rợn như thế!

– Nhưng một khi đã có thật như vậy thì sao. Cậu nên biết, bọn chúng vẫn cho rằng nếu dùng mặt người xát vào ức ngựa thì dù ngựa có mệt đến đâu cũng sẽ hồi sức lại.

Gergely rợn tóc gáy rụt đầu lại dưới mấy cành cây.

– Ta chẳng nhìn chúng nó nữa, bọn chúng nó là thú dữ chứ có phải là người nữa đâu.

Nhưng Tulipán vẫn cứ tiếp tục theo dõi chúng. Độ mười lăm phút sau y lại lên tiếng:

– Bêi^(*) Nisanji đã đến. Ông này thường vẽ tên của pađisa^(*) lên các chiếu chỉ.

Gergely nhìn xuống. Cậu thấy một tên Thổ đầu cá trắm, ria dài, có vẻ oai vệ, ngồi đỉnh đạc trên mình con tuấn mã cộc đuôi, đi giữa đám lính.

Sau đó đến tên Defterdar là thượng thư Bộ Hộ^(*) của triều đình Thổ, một tên Ả Rập tóc đã nhuộm bạc, lưng còng. Đi sau hắn, giữa một đám lính khác là tên Kazi asker mặc áo thụng dài màu vàng, đội mũ trắng có chòm cao. Đó là tên chánh tòa án binh. Những tên Csaz-negir, tức là những tên lính hầu dọn bàn ăn, bưng thức ăn cho hoàng đế, và đội ngự lâm đi theo sau hắn. Người tui này đã lấp lánh những vàng.

Tiếng quân nhạc Thổ Nhĩ Kỳ đã vọng đến. Giữa tiếng kèn đồng lạnh lạnh và tiếng xập xoèng của nã bạt, một đoàn quân sắc sỡ hiện ra và tiếp tục trẩy đi. Đó là đội lính đi săn của nhà vua, bồm ngựa của chúng nhuộm đỏ và mỗi đứa đều mang một con chim ưng trên vai.

Sau đội lính săn đến bầy ngựa giống của hoàng đế. Những con tuấn mã

rất hăng, biết khiêu vũ; một vài con đã thắng sẵn yên cương. Bọn lính ngự lâm và ionisa dắt đàn ngựa đi.

Đằng sau bọn mã phu đó, những lá cờ đuôi ngựa phấp phới trên đường: ba trăm tên kaputski, tất cả đều đội mũ trắng viền kim tuyến. Chúng là lính thị vệ của xuntan.

Qua lớp bụi mù, một đoàn dài lính ionisa thấp thoáng trên đường. Chẳng bao lâu đã thấy rừng mũ trắng của bọn lính điểm thêm màu đỏ của mũ võ quan, xen lẫn binh phục dạ màu xanh.



– Xuntan còn xa nữa không? – Gergely hỏi.

– Chắc còn xa lắm. – Tulipán đáp. – Bọn ionisa ít nhất cũng đến hàng vạn. Sau đó còn đến bọn lính cấm vệ và đủ các thứ triều thần khác nữa.

– Vậy ta lui ra phía sau nhăm nháp cái gì đã.

Hòn lèn che khuất giữa họ và đoàn quân ở phía nam nhưng trên đoạn đường dốc đổ về hướng bắc, họ vẫn có thể thấy bạt ngàn lính tráng đang trẩy xuống thung lũng.

– Ta muốn ngủ một giấc nữa cũng được. – Tulipán đưa ý kiến và mở cái đẩy ra.

Từ trong đấy, một cái xích xúng xoảng rơi xuống.

– Cái gì thế này? – Gergely ngạc nhiên hỏi.

– Đây là người bạn thân của con đấy. Không có nó chẳng bao giờ con bước chân ra khỏi làng đâu.

Thấy cậu học sinh vẫn ngớ người nhìn y tỏ vẻ không hiểu, y tiếp:

– Đây là cái xích của con. Mỗi khi ra khỏi làng con lại lồng vào một bên chân. Như vậy con không sợ bọn Thổ nữa, vì bọn chúng sẽ không bắt mà còn giải thoát cho con. Đến tối con lại tự mở xích trốn về. Bây giờ đã đến lúc nên đeo xích vào. Chìa khóa của nó đây, cậu hãy bỏ vào túi. Nhờ có việc gì xảy ra, ta sẽ khai là gia nhân của Török Bálint, con là tù binh, cậu là thư nô. Tướng công Bálint thuộc phái liên kết với Thổ Nhĩ Kỳ nên chắc chúng sẽ không làm ngạt đâu. Rồi tối đến, con sẽ cứu cậu ra và chúng ta cùng trốn về.

– Anh mưu trí thật!

– Con cũng nghĩ vậy đấy! Những lúc tỉnh rượu con còn cao mưu hơn cả bu chúng nó nữa cơ.

Bánh mì mới nướng, giò lợn hấp và thịt mỡ ướp cùng một ít ớt xào lần lượt được lôi ra khỏi đẩy. Cậu học sinh ăn thịt giò hấp còn Tulipán vớ lấy tảng thịt mỡ ướp, rắc muối và đặt ớt xào lên.

– Giá tụi này mà trông thấy! – Y nói và hất đầu ra hiệu.

– Thì sao?

– Người Thổ uống được rượu vang, nhưng thịt mỡ thì họ kinh tởm như ta tởm thịt chuột ấy.

Gergely cười. Tulipán rướn lông mày lên và tiếp:

– Nhưng chúng nó đâu có biết thịt mỡ ướp kẹp với ớt xào là một món ăn thần tiên đến thế nào! Con cho là Mohamed cũng chưa hề được nếm món này.

– Thế làm dân Hung thích hơn làm dân Thổ à?

– Kẻ nào không thích làm dân Hung là ngốc!

Y vuốt bộ ria đen, mềm như tơ và bưng bầu rượu lên tu. Y chìa cho cậu học sinh nhưng cậu lắc đầu:

– Có lẽ để chốc nữa hăng.

Cậu thò tay vào túi áo và lôi cái túi nhỏ ra:

– Tulipán, anh có biết cái nhẫn này không?

– Không. Nhưng con thấy nó đáng giá bằng cả một con ngựa. Những hạt tí ti này là cái gì đây? Kim cương à?

– Kim cương đấy.

– Vậy thì nên nhìn. Con nghe nhiều người đồn là nhìn vào kim cương thì mắt sẽ sáng ra.

– Anh có đọc được chữ này không?

– Sao lại không! Con đã từng là ionisa. Con đã học hết trường huấn luyện ionisa.

Và y đọc:

– Illa massallah la hakk ve la kuvvet il a billah el ali el azim. Tiếng Hung nghĩa là: không có chân lý và sức mạnh nào ngoài Chúa Trời cao thâm.

Y lại gật đầu:

– Đúng thế thật. Nếu Chúa Trời không muốn, con đã không thể trở thành người Hung.

Họ im lặng suy nghĩ. Tulipán lại lên tiếng:

– Rồi cậu sẽ thấy xuntan, thực là một con người cương nghị. Quần thần của ngài lòa loẹt nhưng bản thân ngài chỉ mặc triều phục mỗi khi có lễ lạt hoặc khi tiếp khách. Sau xuntan sẽ đến một rừng cò lớn, phần nhiều đều là cò đuôi ngựa. Sau nữa là một trăm lính kèn. Chúng đeo kèn bằng dây chuyền vàng đẩy cậu ạ. Sau toán lính kèn đến hai trăm cái trống con, một trăm trống đại và hai trăm náo bạt, một trăm xập xoèng và tiêu.

– Chắc tai của xuntan phải tốt lắm mới chịu được cái mớ tạp âm đó suốt ngày.

– Cái âm nhạc ấy thì kinh khủng thật, chỉ khi nào đoàn quân dừng lại nghỉ chúng mới im lặng. Nhưng cái đó cũng cần cho quân Thổ, đặc biệt là khi lâm trận. Nếu không trống không kèn thì quân Thổ sẽ chẳng đánh đấm gì cả.

– Này, có đúng là chúng nó đào tạo bọn ionisa từ lũ trẻ Gia Tô giáo không?

– Chả đúng đâu. Có điều quả thật là những đứa trẻ bị cướp về đã trở thành những tên ionisa cừ khôi nhất. Cái bọn không cha không mẹ ấy coi việc ngã xuống giữa trận tiền là vinh dự.

– Hết quân lính sẽ đến cái gì nữa?

– Một đội quân khố rách áo ôm. Sau nữa là bọn làm xiếc đi trên dây, bọn làm trò ảo thuật, bọn thầy bói và bọn buôn lậu, những tên rình đón chiến lợi phẩm và buôn bán đủ các thứ tạp nhạp. Rồi cậu còn thấy rất nhiều thùng đựng nước nữa cơ; ít nhất cũng phải năm trăm lạng đà chở nước.

– Thế là hết à?

– Chưa. Sau đó còn đến hàng trăm đoàn di gan ốm đói cùng đàn chó hoang. Bọn này sống bằng đồ thừa mứa. Nhưng chỉ ngày mai hoặc ngày kia bọn chúng mới tới đây.

– Và sau nữa?

Tulipán nhún vai:

– Kèn kèn.

– Kèn kèn ư?

– Đủ các loại: kèn kèn, đại bàng, chim ưng, chim ó, diều hâu, quạ đen, quạ khoang. Sau các đoàn quân bao giờ trên trời cũng có cả một bầy đen ngòm. Đôi khi còn đông hơn cả người.

Mặt trời buổi trưa chiếu nóng bức. Cậu học sinh cởi áo ngoài ra. Họ lại nhoi lên đỉnh hòn lèn, rúc vào giữa đám cành lá, nhìn những tên ionisa mũ trắng đang trẩy qua bên dưới.

Tulipán điểm tên nhiều đứa trong bọn chúng:

– Cái thằng đen đen này cùng học với con trong trường đấy. Ngực nó bị một nhát đâm, bây giờ vẫn còn cái hõm to và sâu đến nỗi nắm tay một đứa bé có thể nhét lọt vào đấy. Còn cái thằng mồ hôi mồ kê nhễ nhại, vừa trật tuyban xuống kia kìa, ít nhất nó cũng đã giết hàng trăm mạng trong cuộc chiến tranh Ba Tư. Trên người nó chưa có vết thương nào, chả biết từ đó tới nay nó đã bị chưa? Còn cái thằng gầy gầy ông ọo kia kìa: nó là một tên

phóng phi tiêu cừ khôi đấy. Cách hăm lăm bước nó đã có thể phóng ngáp kiếm vào ngực địch thủ rồi. Tên nó là Tyapken. Ngoài nó ra còn nhiều thằng như thế. Trong trường ionisa có một gò đất ngáp cỏ. Chúng nó tập phóng kiếm ở đó. Có đứa tập phóng đến hàng vài nghìn lần trong một ngày.

– Còn tên da đen kia?

– Ở này, mày cũng còn sống đấy ư, hờ Keskin già?! Nó mới thật là tay bơi cự phách. Ngậm gươm vào mồm, thế là nó vượt qua sông, dù sông rộng đến mấy nó cũng vượt qua như thường.

– Chuyện đó thì người Hung cũng vẫn làm luôn.

– Có thể. Duy thằng này không hề mệt. Nó có thể lặn xuống mò đồng tiền ở dưới đáy nước lên. Xuntan đã có lần giải trí với nó bên bờ sông Duna đấy. Ngài ném tiền vàng xuống sông và bao nhiêu đứa đã nhảy theo, nhưng thằng này mò được nhiều nhất. Ở này, thằng già Kalen! Cái đứa mũi khoằm, tay chân hộ pháp kia kìa! Cậu có thấy thanh mã tấu rộng bản, bao nâu nâu đeo bên sườn hăn không? Hai mươi lăm bảng(*) đấy nhé! Trong trận Belgrad, với thanh mã tấu ấy nó đã bổ một nhát vào đầu một người lính Hung mạnh đến nỗi chẳng những đầu anh ta mà cả đầu con ngựa của anh ta nữa cũng bị đứt phăng. Thế mà cả hai đều bọc sắt đấy nhé!

– Và hăn là lúc đó anh lính Hung đã xuống ngựa nhặt đầu mình lên.

– Quả thật chuyện ấy thì con không thấy, con chỉ nghe nói thôi. – Tulipán thanh minh.

Bỗng nhiên y giật thót người.

– Con nằm mơ chẳng? Jumurdzsák.

Mà thật, tên ionisa mắt chột, người Ả Rập, mặt cau có, đang tiến bước về phía họ trên mình một con ngựa chiến thấp, ức nở. Trang phục của hăn

sang trọng hơn của những tên khác. Một cái lông đà điểu to tướng phất phơ trên cái mũ trắng có chỏm cao của hắn.

– Nó thật, Trời ạ! – Gergely cũng sửng sốt cả người.

– Thế sao người ta bảo ông mục sư đã treo cổ nó?

– Ta cũng được biết như thế.

– Mục sư không nói về chuyện đó à?

– Không.

– Thật không thể hiểu được. – Tulipán ngậy người nhìn theo tên ionisa.

Sau đó hai con người ngạc nhiên ấy liếc mắt nhìn nhau dường như mỗi người đều chờ đợi một sự giải thích của người kia, nhưng họ đều im lặng.

Khoảng năm phút sau, cậu học sinh mới lên tiếng:

– Nói thật đi, Tulipán, anh không muốn trở lại với chúng nó ư?

– Không đời nào. – Tulipán trả lời một cách dứt khoát. – Dù chưa vợ chưa con gì cũng không. Huống hồ vợ con là một mụ đàn bà tốt, còn hai đứa con của con thì dù có đổi lấy tất cả châu báu của Konstantinope con cũng không đổi. Thằng nhỏ rất kháu. Còn thằng lớn thì thông minh đến nỗi một ông giáo chủ cũng chưa chắc đã nhiều mưu trí hơn. Hôm nọ nó vừa hỏi con, nó hỏi chứ: “Tại sao ngựa không có sừng hả bố?”

– Họa có người Tatar mới biết! – Gergely bật cười.

Họ không nói gì nữa. Cậu học sinh quan sát đoàn ionisa lũ lượt kéo qua vô tận trên con đường núi với nét mặt mỗi lúc một nghiêm nghị hơn.

Không gian đã trở thành một biển bụi. Tiếng lách cách của binh khí, tiếng dồn dập của vó ngựa khiến người ta ù tai choáng óc, thế mà thỉnh thoảng một toán quân nhạc còn réo vang lên trong khúc ngoặt dưới thung lũng.

Cậu học sinh bỗng ngừng phất đầu lên:

- Tulipán này, ngần này người đến đây hẳn không phải là vô cố.
- Vô cố thì người ta chẳng bao giờ đi.
- Bọn này muốn chiếm Buda đây!
- Có thể lắm. – Tulipán thờ ơ đáp.

Cậu học sinh tái mặt nhìn y và hỏi:

- Nhờ tự dưng xuntan bị chết giữa đường thì sao?
- Ngài không chết đâu.
- Nhưng nếu nhờ...

Tulipán nhún vai nói:

- Bao giờ ngài cũng đem các hoàng tử đi theo.
- Vậy ông ta là con rồng ba đầu sáu tay.
- Cậu bảo gì cơ?

Đáng lẽ trả lời, Gergely lại hỏi:

- Anh nghĩ thế nào, chúng nó đi từ đây đến Buda mất mấy ngày?
- Nếu trời mưa, chúng nó sẽ dừng lại vài ba ngày, cũng có khi hàng tuần.

- Nhưng nếu không mưa?
- Nắng quá chúng nó cũng nghỉ.

Cậu học sinh bồn chồn gãi cổ.

- Vậy thì ta có thể vượt trước chúng nó.
- Cậu bảo gì ạ?
- Ta bảo là nếu bọn này đi Buda thì hoặc là ta phải đem gia quyến Cecey về đây, hoặc ta phải ở đó bên cạnh họ.

Tiếng ầm ầm của đoàn quân mới tới át hẳn lời họ. Đội ngũ dài dằng dặc của bọn ionisa đã qua hết và đến lượt một đoàn quân cò vàng, mũ cầm lông đà điểu, trang phục rực rỡ. Một tên hộ pháp tuổi đã trung tuần, dáng dấp đường bệ, cao vượt hẳn đoàn quân. Quân lính mang hai lá cờ trên ngọn có chùm đuôi ngựa dài màu đỏ đi phía trước, cán cờ mạ vàng lấp lánh.

– Đây là xuntan! – Gergely rùng mình thốt lên.

– Không phải đâu. – Tulipán phẩy tay. – Đây chỉ là aga của bọn ionisa. Những người lòe loẹt xung quanh ông ta toàn là jaja-basi.

– Jaja-basi là cái quái gì?

– Võ quan ionisa.

Một đội quân rực rỡ tiếp theo giữa những hàng kích cán mạ vàng. Hai người trẻ tuổi nét mặt bình thản cưỡi ngựa đi ở giữa, cả hai con ngựa đều màu xám.

– Các hoàng tử của xuntan đấy. – Tulipán giải thích với một vẻ kính cẩn. – Mohamed và Szelim.

Nhưng liền sau đó y lại nhún vai:

– Quỷ tha ma bắt chúng nó đi!

Cả hai hoàng tử đều rám nắng, họ không giống nhau nhưng có vẻ hợp nhau.

– Ở này, jaja-oglu Mohamed đi kia kìa!

– Viên pasa tiếng tăm lừng lẫy ấy à?

– Vâng.

Viên pasa râu xám, ánh mắt đường bệ, đi đằng sau các hoàng tử. Phía trước lão, quân lính vác bảy lá cờ trên ngọn có chùm đuôi ngựa. Đầu lão đội một cái tuyban trắng xếp không biết bao nhiêu lớp.

– Ông này là bố thằng Jumurdzsák đấy.

– Vô lý.

– Nhưng mà thật đấy. Lúc nãy một đứa con trai khác của lão cũng vừa đi qua, bêu Arszlán.

– Thế Jumurdzsák là cái tên gì?

– Một cái tên thôn.

Tulipán trả lời và buồn tình rút một cọng cỏ đưa vào mồm nhấm.

Một đội quân mang chùy vàng và bạc, đội tuyban cao phát khiếp đi tiếp đến. Cậu học sinh run rẩy, cậu cảm thấy xuntan sắp đến, cậu khấn:

– Lạy Đức Chúa vạn linh vạn ứng của dân Hung, hãy phù hộ chúng con!

Vô vàn binh khí bằng vàng bằng bạc và những bộ triều phục sắc sỡ, lấp lánh nhấp nhô trước mắt cậu. Cậu phải đưa tay lên che mắt để nhìn rõ hơn.

Tulipán hích vào sườn cậu:

– Cậu nhìn kia kìa, – giọng của y run run, – ngài đã đến kia.

– Người nào?

– Người có một đạo sỹ đang múa trước mặt ấy.

Đó là một người mặc áo bào màu xám giản dị, cưỡi ngựa đi một mình một hàng. Trước mặt ông ta, một đạo sỹ Hồi giáo đang vừa đi vừa xoay tròn với một tốc độ đều đặn. Đầu đạo sỹ đội một cái mũ bằng lông lạc đà cao đến một cẳng tay rưỡi. Hai tay hãn dang ra, một bàn tay chỉ thiên, một bàn tay chỉ địa. Váy hãn xòe ra như một cái nơm.

– Đạo sỹ quay. – Tulipán giải thích.

– Thế mà hãn hoặc con ngựa không bị chóng mặt?

– Cả hai đều đã quen.

Con ngựa không lúc nào bị vướng chân. Sáu đạo sỹ khác mặc váy trắng đi hai bên để chờ đến lượt thay người đang quay.

– Bảy đạo sỹ này cứ quay tròn như thế trước mặt xuntan từ Konstantinope đến Buda. – Tulipán hét vào tai cậu học sinh vì âm thanh hỗn loạn của các thứ kèn, trống, thanh la, náo bạt làm họ không thể hiểu nhau bằng cách nào khác nữa.

Xuntan cười một con ngựa Ả Rập thuần giống, tuyệt đẹp. Đằng sau xuntan có hai tên da đen cưỡi trần vác lưng lông công che cho bậc thiên tử khỏi bị ánh mặt trời thiêu đốt. Tuy nhiên, ở khúc ngoặt trong thung lũng, không trung đã mù mịt và hoàng thượng cũng phải hít bụi như tên lính rách rưới nhất của ngài mà thôi.

Khi xuntan đi qua dưới hòn lèn, ta có thể thấy thêm hăn mặc áo chên bằng vóc đỏ và cái quần ống thụng thắt chên ở cổ chân cũng thế. Cái khăn tuyban của hăn màu xanh lá cây. Mặt hăn gầy, má hóp. Dưới cái mũi hẹp, dài, gần như quặp xuống là một bộ ria thưa đã lốm đốm bạc cũng như bộ râu xén ngắn, loăn xoăn ở dưới cằm. Mắt hăn là đôi mắt ốc nhồi.

Gergely đang muốn nhìn kỹ hơn nữa thì bỗng ầm! Một tiếng nổ rung chuyển cả trời đất. Hòn lèn rung lên dưới người họ.

Những con ngựa đứng khựng cả lại. Âm nhạc đứt khúc. Một sự nhốn nháo hoảng loạn. Bụi, đá cuội, những mẩu tay, chân, binh khí và máu giọt từ trên trời rơi xuống như mưa.

Đoàn quân ở phía thung lũng kêu la, nhốn nháo.

– Chết rồi! – Gergely kêu lên và đập hai bàn tay vào nhau. Cậu giương cặp mắt hốt hoảng nhìn trừng trừng xuống thung lũng.

Trong thung lũng, một cột khói đen bốc lên đến tận những đám mây, mùi thuốc súng khét lẹt sặc sụa cả không trung.

– Chuyện gì thế? – Tulipán khiếp đảm hỏi.

– Chuyện viên tổng binh ionisa không phải là xuntan. – Cậu học sinh trả lời, đầu cúi gục xuống.

5

Tiếp sau tiếng nổ là một phút yên lặng choáng váng.

Rồi ngàn vạn tiếng kêu thét, chửi rủa ầm ĩ nổi lên. Đoàn quân nhốn nháo như một tổ kiến bị châm chọc. Tất cả đều chen nhau đến chỗ cột lửa vừa bốc lên.

Ở đó ngổn ngang xác chết và những tên bị thương.

Cả những đứa không ở gần đó lắm cũng hoảng hồn bạt vía. Chúng không hiểu vừa rồi là tiếng gầm của một khẩu thần công mai phục hay chỉ là một xe thuốc súng bị nổ giữa đường.

Nhưng bọn ionisa thì đã biết có kẻ chôn mìn đánh chúng. Chúng ủa vào rừng như một đàn ong bị trêu chọc đi tìm kẻ thù.

Chúng không tìm thấy ai khác ngoài ông mục sư, cậu học sinh và Tulipán. Mục sư đã bất tỉnh nhân sự, máu sùi thành bọt trên môi; quần áo ông dính đầy vụn gỗ mục. Tiếng nổ đã quật đổ cây lê đại và quăng ông ra khỏi hốc cây.

Xuntan ra lệnh đưa ba người bị bắt đến trước mặt hắn.

Hắn xuống ngựa. Quân lính bê đến một cái trống đồng làm ghế ngồi. Một tên quan hầu trải cái áo choàng bằng lụa xanh của y lên làm đệm.

Nhưng xuntan không ngồi. Hắn nhìn Tulipán và hỏi:

– Chúng mày là ai?

Qua mặt mũi và qua cái xích ở chân Tulipán, xuntan đã nhận ra đó là một tù binh Thổ. Tulipán quỳ xuống trả lời:

– Muôn tâu Đức cha của mọi tín đồ chân giáo, bệ hạ cũng có thể thấy xiềng xích trên chân con đây: con là nô lệ. Đáng lẽ con cũng là ionisa. Tên con là Tulipán.

– Thế thằng nhãi này?

Cậu học sinh sững sờ cả người, cứ đứng đực ra mà nhìn con người có cặp mắt ốc nhồi, mặt bôi son, mũi bò tốt, chúa tể của bao nhiêu triệu người, kẻ đáng lẽ đã phải bay lên xứ bồng lai Thổ Nhĩ Kỳ từ lúc này.

– Bẩm, con nuôi của Török Bálint đây ạ. – Tulipán đáp.

– Của con chó Enyingi^(*) ấy à?

– Tâu hoàng thượng, vâng ạ.

Xuntan nhìn sang ông mục sư:

– Và người này?

Hai tên ionisa phải xốc nách mới giữ được mục sư. Đầu ông rũ xuống, máu chảy từ mồm xuống đầy ngực. Không thể biết ông chỉ ngất đi hay đã chết.

Tulipán nhìn sang ông mục sư.

Một tên trưởng quan từ phía sau túm lấy tóc của ông và kéo đầu lên để Tulipán nhìn được rõ hơn.

Máu từ cằm ông nhỏ giọt xuống, ngực ông phập phồng.

– Con không biết. – Tulipán trả lời.

– Thằng học sinh cũng không biết à?

Gergely lắc đầu.

Xuntan nhìn cậu rồi lại quay sang hỏi Tulipán:

– Vụ nổ gì lúc này thế? Chúng nó muốn giết ta à?

– Muôn tâu hoàng thượng, con với cậu học sinh này đi hái nấm ở gần đây. Chúng con nghe tiếng quân nhạc, thế là chúng con vội lại xem. Con đây, hạt bụi không xứng đáng dưới chân hoàng thượng, con chỉ chờ hoàng thượng đi qua để kêu lên xin được giải thoát.

– Nghĩa là mày không biết gì hết?

– Xin quý thần chứng giám cho con.

– Cởi trói cho nó. – Xuntan ra lệnh. – Lấy xích của nó xích vào chân thằng học sinh.

Hắn nhìn sang người mục sư nói tiếp:

– Còn con chó này thì hãy đưa đến cho các ngự y chữa chạy. Ta muốn nghe lời khai của nó.

Sau đó xuntan lại lên ngựa, các hoàng tử đến bên cạnh hắn, cùng đám võ quan và bọn lính ngự lâm hộ tống hắn đến nơi xảy ra vụ nổ.

Trong khi bọn Thổ tra xích vào chân mình, cậu học sinh trông thấy chúng nó đặt mục sư nằm ngửa trên mặt đất và lấy nước gội lên mặt, lên ngực ông. Chúng nó rửa sạch máu trên người ông. Một tên Thổ nghiêm nghị, mặc áo choàng màu tro, chốc chốc lại kéo mí mắt của ông lên xem xét.

Chúng nó xích xong chân cậu và giải đến chỗ nhốt tù binh. Cậu thiếu niên tái nhợt và run như cây sậy.

Mười lăm phút sau Tulipán cũng tới. Y mặc quần áo xanh, đội mũ trắng, đi ủng đỏ cũng như bọn ionisa. Y nắm tay dứ dứ về phía cậu học sinh và giận dữ thét vào mặt cậu:

– Phen này mày lọt vào tay tao rồi nhé, đồ chó tà giáo!

Và y đẩy tên ionisa đang đứng cạnh Gergely đi chỗ khác.

– Thằng này là nô lệ của tớ! Từ trước đến giờ tớ là nô lệ của nó, bây giờ nó là của tớ. Allah vĩ đại thật công bằng.

Tên ionisa kia gật đầu tán đồng và nhường cho Tulipán đứng cạnh Gergely.

Cậu tái mặt nhìn Tulipán, y đã thật sự thay lòng đổi dạ rồi chẳng?

Chưa đầy hai phút sau, Tulipán ngẫm ra hiệu bảo cậu đừng lo.

6

Gergely bị giải đi giữa một đám trẻ con nô lệ mệt mỏi và bụi bặm. Cạnh họ có một hàng ionisa đi áp giải. Sau lưng họ là những xe chở súng thần công lăn ầm ầm trên đường. Có một khẩu to ghê gớm do năm chục đôi bò đực kéo. Đội pháo thủ mặc quần áo đỏ, khoác áo choàng ngắn đi hộ tống.

Với cái nóng như thiêu như đốt, mặt trời hành hạ cả đoàn quân cũng như đám nô lệ. Bụi trắng trên đường cũng nóng bỏng. Một đứa bé lên tám, cứ đi bộ mười bước lại rên rỉ:

– Uống nước! Nước...

Gergely rầu rĩ bảo Tulipán:

– Cho nó uống với.

– Không có nước. – Tulipán trả lời bằng tiếng Hung. – Cái bình để quên ở đằng ấy mất rồi.

– Nghe không chú bé, không có nước. – Gergely ngoái ra sau bảo thằng bé. – Nếu có thì chúng ta đã sẵn lòng cho em rồi. Cố chịu đến tối vậy.

Hai tay cậu phải thay đổi nhau nâng cái xích lên cho dễ bước, nhưng sức nặng của cái xích mỗi lúc một lớn. Đến lúc sẩm tối, cậu đã cảm thấy như phải đeo hàng tạ trên người.

Bầy trẻ con lúc đó đã được ngồi trên các xe súng và trên lưng lạc đà. Bọn pháo thủ đã nhặt chúng lên vì chúng mệt mỏi quá, cứ vấp ngã dúm dui.

– Còn xa chỗ nghỉ nữa không? – Gergely hỏi tên lính rách rưới đi bên

phải.

Tên lính trở mắt lên khi hắn nghe Gergely hỏi bằng tiếng Thổ. Hắn đáp cộc lốc:

– Không.

Đó là một tên Thổ khổng lồ, tuổi còn trẻ, mặt tròn. Hắn mặc một cái áo cộc tay bằng da đã rách mướp, hai cánh tay trần trụi thò ra ngoài. Thật là những cánh tay hộ pháp! Người khác mà có được bộ đùi như đôi cánh tay này thì cũng đã thích lắm rồi. Khí giới của hắn là hai thanh gươm cong giắt ở thắt lưng. Một cái cán bằng xương nai, cái kia cán bằng xương ống chân bò, một đầu vẫn còn nguyên hai cái u như lúc tạo hóa sinh ra. Nhưng vũ khí chính của hắn là cái giáo dài, mũi đã gỉ, mà hắn vác trên vai. Hắn thuộc bọn lính tạp ngữ, những kẻ ra đi chỉ vì chiến lợi phẩm. Tất cả mọi người đều có quyền sai bảo chúng, nhưng tuân lệnh thì chúng chỉ tuân lệnh chừng nào mà tay nải của chúng chưa được nhồi chặt ních. Cái tay nải của thằng này rất to và còn lép kẹp. Cái tay nải lưng lửng trên lưng hắn và đó cũng là một vật do hắn tự làm lấy. Cả lông và dấu của con bò đực xưa kia cũng vẫn còn trên tay nải. Cái dấu in hình một vòng tròn chia tư, to bằng bàn tay.

– Mà y là dân Thổ à? – Hắn hỏi.

– Không. – Cậu học sinh kiêu hãnh đáp. – Ta không có dính dáng gì đến lũ người đi cướp bóc cả.

Tên khổng lồ hoặc không hiểu lời nói châm chọc, hoặc không thuộc loại nhạy cảm, hắn cứ bước những bước dài, đều đặn.

Cậu học sinh lúc đó mới đưa mắt nhìn hắn từ đầu đến chân. Mắt cậu nhìn chòng chọc vào đôi bốt của hắn. Đôi bốt đã mòn, há cả mồm. Bụi trắng trên đường cứ chui tuồn tuột vào chỗ đó, để rồi lại bắn vọt ra ở lỗ thùng đằng sau.

- Mày có biết đọc không? – Một lúc sau tên Thổ lại hỏi.
 - Có.
 - Viết mày cũng biết à?
 - Cả viết nữa.
 - Thế mà mày không muốn làm dân Thổ?
 - Không.
 - Hoài của. – Tên Thổ lắc đầu.
 - Tại sao?
 - Pasa Szoliman trước kia cũng là người Hung đấy. Ông ta biết đọc, biết viết, bây giờ là pasa.
 - Và đánh lại Tổ quốc mình.
 - Ông ấy đánh nhau vì đức tin chân chính.
 - Nếu những điều do bọn giáo sỹ của chúng mày truyền bá là giáo lý chân chính đối với ông ta thì ông ta cứ việc đi đánh nhau ở nơi khác có được không?
 - Allah muốn nơi nào, ông ấy đánh nhau ở nơi ấy.
- Họ không nói gì thêm nữa. Tulipán liếc mắt ra hiệu bảo Gergely im lặng. Tên khổng lồ vừa suy nghĩ vừa tiếp tục dẫm bụi bắn vọt ra khỏi đôi boots.

7

Đêm đã xuống. Những ngôi sao nhấp nháy hiện ra trên bầu trời. Đứng ở chỗ con đường vòng lên đồi, người ta thấy khoảng sẫm đen của cánh đồng cũng chẳng khác gì một khoảng trời rắc đầy sao đỏ, trong số đó có năm ngôi lớn ở đường viền phía đông sáng hơn hẳn những ngôi khác.

– Đến nơi rồi. – Tên khổng lồ nói.

Tuy thế chúng cũng còn phải lên đồi xuống dốc độ mười lăm phút nữa.

Không cần tốn công tìm kiếm lâu la, đội quân nào cũng tìm thấy ngay chỗ ở của mình, người lính nào cũng tìm thấy ngay cái lều của mình. Những ngôi sao đỏ là những đồng lửa trú quân, cạnh đó thật cừ ươp tôi đang bốc hơi. Năm ngôi sao đỏ lớn nhất là bốn cây đuốc nhựa khổng lồ trước trưởng của xuntan và quả cầu to bằng vàng có hình mặt trăng lấp lánh trên nóc trưởng ngự.

Đến cuối một đám ruộng hướng dương, tên trưởng cơ pháo binh thổi hai hồi vào cái kèn của hắn. Tất cả đứng lại.

Ở đó những cái lều dựng thành hình chữ U. Đám tù binh được dẫn vào lòng của cái chữ U đó. Tên khổng lồ đưa mũi đánh hơi về phía đám hướng dương và đi vào đó sục sạo. Cậu học sinh là người xuống cỏ.

Bọn lính đi đi lại lại, làm âm ỉ xung quanh. Một vài tên Thổ mở những bọc đồ, một số tên khác chen chúc nhau quanh cái chảo to. Cả trại quân là một cảnh hỗn độn, náo nhiệt.

Gergely tìm Tulipán, nhưng cậu chỉ trông thấy y có một thoáng khi một

tên ionisa nói gì đó với y. Tulipán nhún vai và đi theo tên ionisa, qua bên cạnh cái lều màu đỏ sẫm. Chắc hẳn bọn chúng đã dành chỗ cho y trong một cái lều nào đó ở giữa đám ionisa.

Nhưng nếu y bị gọi đi vì chúng đã nghi ngờ khi thấy y cứ muốn ở cạnh đám tù binh thì sao? Nếu thế thì y không thể nào quay lại được nữa; cả hai sẽ chịu làm tù binh mãi mãi.

Ý nghĩ đó như một tảng băng trườn dọc lưng cậu.

Tất cả bọn lính gác đều được thay phiên. Bọn lính hành doanh đến thay thế chúng. Toàn mặt lạ, những thằng chẳng mảy may chú ý gì đến cậu cả.

Lúc đó bầu lạc đà chở nước cũng đã đến.

– Nước đây! Nước đây! – Tiếng gọi của bọn lính chở nước vang lên khắp nơi.

Quân Thổ tranh nhau đem chậu đất, tù và, mũ, cốc ra hứng nước sông Duna.

Gergely cũng khát, cậu ấn lõm cái mũ dạ và chìa ra dưới vòi nước của tên lính quản lạc đà.

Nước nóng hâm hẩm và cũng chẳng sạch sẽ gì, tuy vậy cậu vẫn uống ừng ực. Cậu bỗng nhớ đến thằng bé khóc đòi nước suốt dọc đường. Cậu nhìn quanh. Cậu thấy một phần những khẩu đại bác trong bóng tối và cả bầu bò đực đang gặm cỏ gần đấy. Bọn pháo thủ nằm ngời la liệt bên cạnh những khẩu đại bác. Nhưng chẳng thấy thằng bé đâu cả. Cậu bèn uống nốt chỗ nước còn lại và vẩy mũ cho ráo rồi lại đội lên đầu.

– Nước ở nhà ngon hơn thế này nhiều, phải không anh? – Cậu nói với tên lính gác mới, một tên bộ binh có cái cổ dài ngoẵng, mặt nhẵn nhụi. Ý chừng cậu muốn lân la làm quen.

– Câm hòng! – Hăn quát lên và hất cây giáo một cái.

Gergely bắt đầu thấy khốn khổ trong cùm xích.

Khi thoáng trông thấy Jumurdzsák, cậu có cảm giác gần như là vui mừng. Hăn đi cắt đặt bọn lính đến đối gác, tay cầm thanh gươm đã tuốt trần.

– Jumurdzsák! – Cậu gọi hăn như người ta vẫn chào mừng chỗ quen biết cũ, vì cậu đang muốn thoát khỏi cái cảm giác giày vò của sự cô độc.

Tên Thổ ngoái cổ lại nhìn: người ta gọi hăn ở đâu thế nhỉ? Từ trong đám tù binh ư? Hăn nhấp nháy mắt nhìn Gergely vẻ ngạc nhiên.

– Màỵ là đứa nào?

Cậu thiếu niên đứng dậy.

– Tôi là tù binh, – cậu trả lời, bây giờ đã với giọng miễn cưỡng. – Tôi chỉ muốn hỏi là, rằng à... ông thế nào, ông còn sống ư?

– Sao tao lại không sống cơ chứ? – Tên Thổ nhún vai hỏi lại. – Vì sao tao lại không sống hả?

Lúc hăn tra gươm vào vỏ, có thể thấy bàn tay trái của hăn đã bị tật. Những ngón tay chụm lại như thể có lúc nào đó hăn đang nhón muối rồi bỗng dưng không làm sao xòe ra được nữa.

– Tôi nghe nói người ta đã treo cổ ông rồi cơ mà.

– Tao ấy à?

– Ông chứ còn ai nữa. Chín năm về trước, một ông mục sư, trong rừng Mecsek.

Nghe tiếng mục sư, tên Thổ càng trợn tròn mắt ra hơn nữa.

– Ông mục sư ấy đâu rồi? Màỵ biết gì về ông ta hả? Ông ta đâu rồi?

Và hăn túm lấy ngực áo cậu học sinh.

– Có lẽ ông muốn hại ông ta chẳng? – Cậu học sinh ấp úng.

– Đâu có. – Tên Thổ nói với giọng đã dịu bớt. – Tao muốn cảm ơn ông ta thì có, vì ông ta đã không giết tao.

Nói đoạn hắn đặt tay lên vai cậu như muốn tỏ cho cậu biết cử chỉ ban nãy cũng chỉ là dấu hiệu thân thiện.

– Thế lúc ấy ông chưa cảm ơn à?

– Sự việc xảy ra bất ngờ quá, – Jumurdzsák dang hai tay ra, – tao chẳng kịp nghĩ đến việc cảm ơn nữa. Tao cứ tưởng ông ta đùa.

– Thế ra đáng lẽ treo cổ ông lên, ông ta đã thả ông ra?

– Ừ, theo đúng cung cách Gia Tô giáo. Lúc ấy tao chưa hiểu được điều đó. Từ bấy đến nay tao đã nghe nói theo đạo Gia Tô, người ta có thể tha thứ cho kẻ thù.

– Nghĩa là ông muốn làm điều lành cho ông ta?

– Điều tốt lành. Tao không muốn nợ nần về tiền bạc cũng như ơn huệ.

– Vậy thì mục sư cũng ở đây đấy. – Cậu học sinh tin cậy nói.

– Ở đây? Trong trại này à?

– Ở đây. Ông ta là tù binh của xuntan. Người ta buộc tội cho mục sư đã gây ra vụ nổ hồi chiều ở Mecsek.

Jumurdzsák lão đảo lùì lại. Mắt hắn mở trừng trừng như mắt con rắn khi ngóc đầu lên để mổ con mồi.

– Mà làm sao mà biết ông mục sư ấy?

– Chúng tôi ở gần nhau. – Cậu học sinh đã thận trọng, trả lời.

– Ông ấy không bao giờ cho mài xem một cái nhẫn à?

– Có thể là ông ấy đã cho xem.

– Một cái nhẵn Thổ, có vùng trắng và những ngôi sao trên mặt.

Cậu học sinh lắc đầu.

– Có thể ông ấy đã đưa cho những người khác xem, nhưng với tôi thì không. – Và cậu dứt tay vào túi.

Jumurdzsák gãi cằm. Cái lông đà điều rung rinh trên mũi. Hắn quay người bước đi thẳng.

Bọn lính gác lần lượt chào hắn. Sau đó chỉ còn sự chuyển động của những ngọn giáo trong tay bọn lính gác chỉ cho biết hướng hắn đi.

Gergely lại trở trời một mình. Cậu lại ngồi xuống cỏ. Chúng nó mang súp đến cho đám tù binh trong một cái chảo to với những cái thìa gỗ thô kệch. Tên Thổ mang súp đến đứng ngay bên cạnh trong lúc họ ăn, khi một tù binh thì thầm điều gì với người bên cạnh, hắn đá anh ta ngã lộn nhào.

Gergely cũng nếm món súp. Đó là một món súp bột mì, không mỡ, không muối. Đó là món ăn ngày hai bữa của tù binh mà Gergely đã nhiều lần nghe nói đến.

Cậu bỏ thìa xuống, quay mặt đi và nằm xuống cỏ. Đám tù binh cũng dần dần ngừng ăn và nằm xuống ngủ thiếp đi.

Chỉ một mình Gergely không ngủ. Đôi mắt cậu thỉnh thoảng lại nhòe lệ, giàn giụa ra cả gò má.

Mặt trăng đã lên cao khoảng một cây thương, chiếu sáng những quả cầu mạ vàng có đỉnh chùy đuôi ngựa trên các mái lều, những ngọn giáo và những khẩu đại bác.

Mỗi lúc đi qua bên cạnh, tên lính gác cổ dài lại liếc nhìn cậu.

Những cái liếc ấy day dứt Gergely. Cậu thở ra gần như nhẹ nhõm cả người, khi lại thoáng trông thấy bóng dáng đôi vai vạm vỡ của tên Thổ

khổng lồ đang đến gần.

Hắn đang nhìn một gương hướng dương, tóp tép như con lợn. Hắn không phải là lính gác cũng chẳng phải lính chính quy, hắn có thể tự do lang thang đến nơi nào hắn thích.

– Bọn lính hạ trại đã bẻ sạch cả rồi. – Hắn phàn nàn với tên cổ dài. –
Mãi tới mới tìm được một gương đấy.

– Có khi là bọn vô đạo đã hái hết cũng nên. Cái dân này hễ thấy quân Thổ động tĩnh một tí là đua nhau thu hoạch hết, cả khi mùa chưa chín cũng vậy.

Tên kia đáp lại rồi tiếp tục đi tua quanh đám tù binh.

Tên khổng lồ ăn hết hạt của gương hướng dương rồi lại cắn vào củi, nhưng phải nhổ vệt ra.

– Anh không được phát thức ăn à? – Gergely hỏi.

– Có. Nhưng người ta phát cho bọn ionisa trước đã. Bây giờ tao mới đi trận lần đầu tiên.

– Trước đây anh làm gì?

– Mục phu. Quản tượng ở Teheran^(*).

– Tên anh là gì?

– Hassan.

Một tên ionisa khác ngồi gần họ, trong đám cỏ, tay cầm một khúc xương hầm, tay kia đang dùng dao róc thịt. Hắn cũng lên tiếng:

– Chúng tao chỉ gọi là Hajvan thôi, vì nó là đồ bò.

– Sao lại là đồ bò? – Cậu học sinh hỏi.

– Vì là... – tên ionisa vừa quăng khúc xương ra đằng sau vừa trả lời, –
lúc nào nó cũng mơ thấy nó làm đô đốc ionisa.

8

Cậu học sinh nằm dài trên thảm cỏ. Cậu mệt rũ người nhưng chỉ nhắm mắt để đấy. Ý nghĩ của cậu đang xoay quanh một điều: trốn bằng cách nào đây.

Cậu rất bức khi thấy Hajvan lại quay lại và ngồi xồm bên cạnh, nhai rau ráu. Hăn vừa kiếm được một khúc xương trong một cái vạc nào đấy.

– Này, đồ ngoại đạo, nếu mày muốn, tao sẽ lấy cả cho mày nữa. – Hăn vừa huých vào đầu gối cậu vừa nói.

– Cảm ơn. Tôi không đói.

– Từ khi bị bắt đến giờ mày chưa ăn gì cơ mà.

– Đã bảo là tôi không đói.

Chắc hăn tên khổng lồ lấy làm lạ khi nghe có người nói là không đói. Hăn lắc đầu:

– Tao thì lúc nào cũng đói.

Và hăn lại tiếp tục nhai rau ráu.

Cậu học sinh gối đầu lên cánh tay, chăm chú nhìn trăng. Mặt trăng với ánh sáng màu da cam, đã lên cao ở đẳng đông, trên các lều, trướng. Đầu của một tên lính gác đứng cách họ chừng ba chục bước dặm ngay vào nửa vùng trăng. Trông hăn như bóng của một giáo chủ đội cái mũ to, cây giáo trong tay hăn nom như cái cán của vùng trăng.

– Đừng ngủ. – Hajvan nói khế. – Tao muốn nói với mày một việc.

– Thư thả đến mai cũng được.

- Không. Tao muốn ngay hôm nay cơ.
- Thế thì nhanh lên.
- Chờ một tí. Để trăng lên sáng hơn hăng.

Đầu bãi cỏ có tiếng rục rịch và sáu bóng người hiện ra sau bóng những tên lính gác.

Những tù binh mới. Năm nam và một nữ.

– Hãy dẫn tao đến trước xuntan! – Một người đàn ông hét lên bằng tiếng Hung với giọng ồm ồm như tiếng gấu. – Tao không phải là người Đức! Không được hành hạ tao! Người Thổ bây giờ đâu phải là kẻ thù của người Hung. Sao chúng mày dám hành hạ tao?

Song đám lính không hiểu ông ta. Mỗi khi ông ta đứng lại, chúng cứ đẩy đi. Chúng dẫn những người mới bị bắt đến khoảnh đất bên cạnh Gergely.

Người Hung kia thấy chẳng có ai nghe mình nói, bèn chửi rủa một mình:

– Cái bọn dị giáo chó má này không còn trời còn đất nào nữa, vậy mà chúng cứ bô bô lên là bạn của dân Hung. Bạn của cái đồ ôn dịch thì có! Sao chúng nó không chết hết cả đi với cái tên hoàng đế đầu trộm đuôi cướp của chúng nó cho rồi!

Trong lúc đó bọn lính lôi người phụ nữ đi về phía đàn bò kéo đại bác. Chị kêu thét cũng vô ích, chúng cứ kéo tuột chị đi. Bốn người đàn ông kia lặng lẽ ngồi xuống cỏ. Đó là những tên lính Đức. Một tên mặc áo giáp sáng lấp lánh trên ngực. Đầu hắn chẳng đội gì cả, chỉ có mớ tóc rậm rối bù.

Gergely quay sang phía người Hung hỏi:

- Máy thẳng Đức này tháo chạy khỏi Buda có phải không?

– Chắc thế. Tôi chỉ vừa mới gặp chúng nó trong ruộng nho ở đây thôi.

Lúc đó Gergely mới thấy người Hung có cái giọng ồm ồm đó chỉ là một người nhỏ nhắn, gầy gò, râu quai nón, không mặc áo khoác. Cậu lại hỏi:

– Tại sao bác lại bị bắt?

– Tôi bị bắt chỉ vì trốn trong một cái nhà kho. Chắc cái bọn ngu độn này cho tôi là quân do thám. Do thám cái đồ quý sứ! Tôi là một người thợ đóng giày lương thiện. Không phải nhìn thấy quân Thổ là tôi mừng rồi, còn nói gì đến chuyện đi dò la chúng nó.

– Có lẽ bác ở Buda đến.

– Ở đây đến. Phải chi tôi cứ ở nhà lại hóa hay.

– Ở đây bác có biết ông già Cecey không?

– Lão già tay gỗ ấy à? Tôi biết quá đi chứ.

– Hiện nay ông già làm gì?

– Làm gì à? Đánh nhau.

– Đánh nhau?

– Hẳn chứ lì. Lão nhờ người ta buộc lão lên ngựa rồi cùng tướng công Bálint xông vào quân Đức.

– Với một tay ư?

– Với một tay. Thế mà ông lão vẫn cứ xông vào tụi Đức. Lúc họ trở về tôi có trông thấy. Tướng công Bálint để ông lão đi cạnh mình và dẫn đến chỗ hoàng hậu.

– Török Bálint?

– Chính ông ấy. Chà chà, cái nhà ông ấy cũng là một người được nuôi bằng sữa rồng đấy. Ngày nào từ trận địa trở về người ông ấy cũng đầm máu giặc suốt từ đầu đến chân.

– Nhưng ông già không việc gì chứ?

– Sao lại không việc gì. – Người thợ giày cười. – Chúng nó đã chặt đứt cánh tay gỗ của ông lão.

– Bác có biết cô con gái của ông già không? – Cậu học sinh rụt rè hỏi.

– Sao tôi lại không biết. Tôi vừa khâu cho cô ta một đôi giày cách đây hai tuần. Bằng gấm vàng, ống ngắn, viền kim tuyến. Các cô tiểu thư có tiền bây giờ đều đi giày như thế cả.

– Cô ấy đẹp đấy chứ nhỉ?

Bác thợ giày nhún vai:

– Cũng khá.

Bác im lặng một lát rồi lại bứt râu:

– Cầu cho Chúa Trời đừng có ở với chúng nó nữa. – Bác nói, giọng bỗng đổi hẳn đi. – Chúng nó phải trả lại cái áo khoác cho tôi chứ!

– Bác ở Buda đi hôm nào?

– Ba hôm nay rồi. Nhưng giá tôi đừng bỏ đi có phải hơn không. Dù ở đó có xảy ra chuyện gì đi nữa, số phận tôi cũng không thể tệ hơn thế này được. Mà cái bọn Thổ thật chó má. Ở thành Nándorfejér chúng đã từng hứa sẽ không hành hạ ai cả, thế mà rồi chúng đã làm cỏ cả thành, không phải thế ư?

– Chẳng lẽ bác lại nghĩ Buda cũng sẽ rơi vào tay quân Thổ ư?

– Chắc hẳn đi rồi. Nếu không tôi đã chẳng bỏ mà đi. Ngay từ trước khi xảy ra đánh nhau với bọn Đức, tôi đã gửi cả gia đình lên Sopron^(*), chỗ bà chúng nó. Tôi không đi vì lúc đó tôi đang kiếm được nhiều tiền lắm. Cậu phải biết, các ngài quý tộc mỗi khi đến Buda, việc đầu tiên của họ là đi thừa một đôi ủng mới. Tôi đã đóng cho cả tướng công Török Bálint, cả

quan lớn Werbőczy. Rồi lại còn đức ông Perényi nữa chứ!

Bác thợ giày không thể nói hết những điều muốn nói vì Hajvan đã túm lấy cổ áo bác mà xách bổng lên như người ta xách một con mèo. Hẳn quãng bác ra xa chừng mười bước. Bác thợ giày rơi huých xuống cỏ. Hajvan ngồi vào chỗ bác ta và bảo Gergely:

– Mày nói là mày biết đọc, biết viết, vậy tao cho mày xem cái này.

Hắn chùi cả mười ngón tay vào cái quần thụng rồi rút ở sau lưng ra một cái ống bằng da bò trắng trắng. Hắn lại chùi tay vào lớp lông bò một lần nữa rồi rút từ trong ống ra một cuộn giấy gấp cẩn thận.

– Mày xem đây. – Hắn nói. – Tao đã tìm thấy những tờ giấy này trong áo choàng của một ông đạo sỹ tử trận. Ông ta bị một vết thương ở mạng sườn. Chúng nó đã đâm hoặc bắn vào ông ta. Nhưng chẳng nào cũng thế. Trong túi ông ta còn có ba mươi sáu đồng tiền vàng nữa. Số tiền đó cũng nằm trong hầu bao của tao đây. Nếu mày nói cho tao biết những tờ giấy này viết cái gì thì mày sẽ được hai đồng tiền vàng. Nếu mày không nói tao sẽ nện chết tươi.

Ánh trăng rất sáng. Xung quanh mọi người đều đã ngủ. Bác thợ giày cũng nằm co ro trên thảm cỏ và cố đi tìm trong giấc mơ một niềm an ủi.

Cậu học sinh mở cuộn giấy. Đó là những mảnh giấy chỉ lớn bằng bàn tay một, vẽ đủ các thứ hình tứ giác, ngũ giác, lục giác.

– Tôi nhìn không được rõ. – Cậu nói. – Chữ viết nhỏ quá, trăng không đủ sáng.

Tên Thổ đứng dậy đi lại chỗ đồng lửa lấy một cành khô to bằng bắp tay đang cháy lem lém. Hắn soi cho cậu đọc. Cậu trầm ngâm xem kỹ chữ viết và các hình vẽ. Lửa rọi nóng cả mặt nhưng cậu chẳng hề cảm thấy.

Cậu chợt ngừng đầu lên hỏi tên Thổ:

– Anh đã đưa cho ai xem những tờ giấy này chưa?

– Tao đã có đưa nhưng chưa ai đọc được.

Lửa ở cạnh cây phụt tắt, tên Thổ vút xuống đất.

– Tôi không cần tiền của anh đâu. – Cậu học sinh nói. – Quả đấm của anh tôi cũng cóc sợ, vì tôi là tù binh của xuntan. Nếu anh đánh chết tôi, anh sẽ phải tính nợ với xuntan. Nhưng nếu anh muốn tôi giải cho biết những điều viết trong này thì anh cũng phải giúp tôi một việc.

– Việc gì?

– Những tờ giấy này rất quý đối với anh, vì đó là của một ông đạo sỹ rất thánh. Thật trăm nghìn may mắn cho anh là đã đưa tôi xem, bởi vì bất cứ tên Thổ nào cũng sẽ có thể cướp của anh. Nhưng được rồi, tôi sẽ giải nghĩa cho anh nếu anh đi đến chỗ ông mục sư gây ra vụ nổ lúc chiều, hoặc nếu không phải ông ta gây ra thì ít nhất cũng là bị người ta tìm thấy ở chỗ đó.

– Chắc chắn là ông ta gây ra.

– Thôi được, đằng nào cũng thế. Anh hãy đến xem thử ông ta còn sống hay không?

Tên Thổ sờ cằm và nhìn Gergely về suy nghĩ.

– Trong lúc anh đi đến đằng ấy, tôi sẽ xem kỹ lại các tờ giấy của anh. – Cậu học sinh giục hăn. – Bây giờ không cần soi lửa nữa, trăng đã đủ sáng rồi.

Và cậu lại đắm mình vào việc quan sát các hình vẽ.

Đó là bản đồ của các thành trì Hungary. Nét vẽ bằng kẽm. Đôi chỗ có tẩy xóa. Trên một hình vẽ có một dấu X và một dấu O nổi bật. Bên lề tờ

giấy có chứa tiếng La Tinh: X là phần yếu nhất của thành, O là chỗ thích hợp để đào đường ngầm. Đôi chỗ dấu O này còn được nối thêm một mũi tên.

Cậu học sinh cay đắng lắc đầu. Những bản đồ do thám đang nằm trong tay cậu. Bản đồ của hơn ba chục thành trì trên đất nước Hungary.

Làm gì bây giờ?

Đánh cắp ư?

Không thể được!

Đốt đi ư?

Tên Thổ sẽ bóp chết cậu ngay.

Cậu cầm những mảnh giấy trong tay, tái người đi vì xúc động. Chợt nhớ ra, cậu thò tay vào túi áo lấy ra một mẫu kẽm. Cậu xóa dấu X và O trên tất cả các bản đồ rồi vẽ vào những chỗ khác.

Đó là tất cả những gì cậu có thể làm được.

Tên Thổ vẫn chưa về. Cậu lại xem lướt nữa cái bản đồ cuối cùng. Đó là bản đồ thành Eger, trông như một con nhái cụt cả bốn chân. Bản đồ này thu hút sự chú ý của cậu vì cậu thấy trên đó có bốn đường ngầm, giữa các đường ngầm có nhiều phòng và một bể nước hình bốn cạnh. Một công trình đặc sắc biết bao! Hình như những người xây dựng đã tính đến cả khả năng phải tiếp tục cuộc chiến đấu trong lòng đất và nếu ở đó cũng thất bại, họ sẽ rút ra khỏi thành theo bốn đường ngầm, trong khi đó bọn địch đuổi theo sẽ chết đuối trong bể nước.

Cậu nhìn xem tên Thổ đã quay lại chưa.

Hắn đã quay lại. Hắn đi như một cái bóng khổng lồ bên cạnh các khẩu đại bác.

Gergely vội vàng vo tròn cái bản đồ đó và đút vào túi áo ngực. Cậu dùng ngón tay chọc thủng một lỗ trong túi cho nó rơi vào trong lớp vải lót. Sau đó cậu lại cúi xuống các bản đồ đang trải ra trên đùi.

Tên Thổ đến ngồi xõm xuống bên cạnh và nói:

– Ông mục sư vẫn còn sống, họ bảo là không thể sống đến sáng mai được.

– Anh có trông thấy không?

– Có. Tất cả các thầy thuốc đều ngồi quanh lều. Ông ta nằm trên giường lót nệm và thở khò khè như một con ngựa bị đâm thủng bụng ấy.

Gergely đưa tay lên che mặt.

– Mà là đồng đảng của nó. – Tên Thổ giật mình nói.

– Thì đã sao? Hạnh vận của anh đang nằm trong tay tôi.

Tên Thổ nhấp nháy mắt và trở lại hiền lành ngay.

– Những tờ giấy ấy viết điều may à?

– Không phải tờ giấy mà là điều bí mật của nó. Nhưng chỉ đối với người Thổ thôi.

Cậu nói và đưa trả những tờ giấy.

– Mà nói đi chứ. – Tên khổng lồ thầm thì. – Tao đã làm xong điều mà muốn rồi.

– Nhưng anh còn phải giải thoát cho tôi nữa cơ.

– Hô hô!

– Điều bí mật này đối với anh còn đáng giá hơn thế.

– Tao sẽ nhờ người khác.

– Người Thổ nó sẽ lấy của anh. Còn người Gia Tô giáo? Bao giờ anh

mới lại gặp được một người Gia Tô giáo biết cả tiếng La Tinh, cả tiếng Thổ và lại là người mà anh có thể phục dịch một việc gì khiến người đó phải đáp lại bằng cách mở chiếc khóa vận hạnh cho anh!

Tên Thổ túm lấy cổ cậu học sinh:

- Nếu mày không nói tao sẽ bóp chết mày.
- Tôi sẽ kêu lên rằng nơi anh có một thánh ân.

Cậu không thể nói hơn nữa, những ngón tay hộ pháp của tên Thổ xiết chặt vào cổ cậu như những vòng sắt.

Cậu ngạt thở.

Nhưng tên Thổ không muốn bóp chết cậu. Như thế phỏng hăn được lợi lộc gì? Nếu bóp chết cậu học sinh, biết đâu hăn chẳng bóp chết luôn cả vận đồ? Và Hajvan đi trận đâu phải để giờ đầu cho người ta choảng. Như tất cả những tên lính trơn, hăn cũng muốn trở thành quan lớn.

Những ngón tay của hăn nới ra trên cổ cậu học sinh.

– Được rồi. – Hăn nói, mặt sa sầm. – Nếu mày kéo tao vào chuyện lôi thôi, lúc đó tao sẽ quật chết mày cũng chưa muộn. Mày bảo tao làm sao mà giải thoát cho mày được?

Cậu học sinh chưa thể trả lời ngay. Cậu cần phải thở một chút đã.

– Trước hết, – cậu hỗn hển nói, – anh چرا cái cùm ở chân tôi đi.

Tên khổng lồ nhếch mép cười, vẻ khinh thường. Hăn nhìn quanh rồi thò bàn tay hộ pháp nắm lấy cái cùm. Hăn chỉ bóp hai cái, cái cùm đã khe khẽ kêu lên, vỡ ra rơi xuống cỏ.

- Gì nữa? – Hăn hỏi tiếp với đôi mắt tò mò.
- Anh kiếm cho tôi áo choàng và mũ xpahi.
- Cái ấy thì gay rồi đấy.

– Anh lấy của một đứa nào đang ngủ ấy.

Tên Thổ gãi cổ.

– Thế vẫn chưa hết đâu, – cậu học sinh nói tiếp, – anh còn phải kiểm cả ngựa nữa, với một thứ binh khí gì đó. Bất kể thứ gì, tôi không kén.

– Nếu tao không tìm ra, tao sẽ cho mày một thanh gươm của tao, cái nhỏ này này.

– Được.

Tên Thổ nhìn quanh. Khắp nơi đều là người ngủ chỉ còn những tên lính gác đi đi lại lại như những cái bóng lặng lẽ.

Tên cổ dài đứng cách đó chừng hai chục bước. Cây giáo của hắn cắm xuống đất. Hắn đứng tựa người vào cán giáo.

– Mày cứ chờ đây. – Tên khổng lồ bảo.

Hắn đứng dậy và lùi đi, khuất vào giữa các lều trại.

9

Gergely ngả lưng xuống cỏ làm như mình cũng ngủ nhưng cậu không để cho mình chìm vào giấc ngủ, dù mỗi một đến đâu chẳng nữa. Chốc chốc cậu lại nhìn lên trời xem mặt trăng đã đến chỗ đám mây xám hình cái bè dài đang chậm chạp lan ra giữa đỉnh trời kia chưa. (Nếu chúng gặp nhau, bóng tối thuận lợi sẽ phủ lên mặt đất). Mặt khác cậu chú ý đến tên ionisa cổ dài, cục cằn, đang đứng như một con điều hâu trụi cổ bị giam cầm. Chắc hẳn đang ngủ đứng. Những người lính đã hành quân suốt ngày, khi đứng cũng ngủ được.

Đêm khuya mát dịu, không khí khẽ lay động vì tiếng ngáy của hàng trăm ngàn người. Dường như chính quả đất đang rù với một giọng trầm và đơn điệu như con mèo rù lúc nằm co. Chỉ thỉnh thoảng mới có một tiếng lính gác vang lên hoặc tiếng sột soạt khe khẽ của đàn ngựa đang gặm cỏ.

Dần dần Gergely cũng buồn ngủ thiếp đi. Mỗi một và lo lắng đã làm cậu rã rời. Cậu cố chống lại cái không khí nặng nề của giấc ngủ đang đè nặng lên toàn trại quân. Cậu gắng gượng. Nhưng cuối cùng, mắt cậu cũng khép lại.

Và đây, cậu thấy mình đang ở nơi vừa ra đi: trong phòng học ở lâu đài cổ của thành Somogy, bên cạnh hai con trai của Török Bálint.

Họ ngồi bên một cái bàn lớn bằng gỗ sồi không chạm trổ gì cả. Đối diện với họ, mục sư Gábor cúi mình trên một quyển sách bìa da to tướng. Bên trái là một cửa sổ, mặt trời chiếu qua những tấm kính tròn, rải những tia nắng lên góc bàn. Trên tường có hai cái bản đồ to tướng. Một cái là bản

đồ nước Hung, một cái là bản đồ ba đại lục. (Hồi đó các nhà bác học chưa vẽ lục địa của Columbus^(*), chỉ mới bắt đầu có tin đồn đại là người Bồ Đào Nha đã tìm ra một miền đất mới. Nhưng có gì thật trong tin đồn đó hay không thì chưa ai biết. Còn châu Úc thì chưa một ai mò tới).

Trên bản đồ nước Hung, mỗi thành trì được đánh dấu bằng hình một cái lều, nơi nào có rừng, người ta vẽ hình cây cối. Đó là những bản đồ tốt. Người không biết đọc cũng hiểu được. Thời đó trong hàng các quan lại có tước hiệu hăn hoi cũng khối người không biết đọc biết viết. Mà biết làm gì cơ chứ? Chẳng phải đã có các tay thư ký để viết, hoặc khi có thư đến, để đọc thay cho các quan đó hay sao?

Mục sư ngẩng đầu lên nói:

– Bắt đầu từ hôm nay chúng ta sẽ không học cú pháp, địa dư, sử ký, vạn vật nữa, chỉ học tiếng Thổ và tiếng Đức thôi, về hóa học cũng chỉ học cách chế thuốc súng.

Török Jancsi nhấn cái bút lông ngỗng vào nghiên mực và nói:

– Thưa thầy, học thế chỉ phí thì giờ thôi, vì chúng con đã có thể nói chuyện với bất cứ một tên tù binh Thổ nào. Còn đối với bọn Đức thì cha con đã quay lưng lại rồi.

Cậu bé Feri lên mười hất nhẹ mớ tóc màu hạt dẻ rủ đến ngang vai ra đằng sau, nói chen vào:

– Hóa học cũng làm gì nữa ạ? Cha con đã có bao nhiêu là thuốc súng, không bao giờ hết được!

– Hô hô, công tử ơi! – Mục sư nhoẻn cười, – ngay cả đọc cậu cũng còn chưa thạo nữa là. Hôm qua cậu còn đọc Cicero^(*) thành Kikero.

Bóng dáng hùng dũng của Török Bálint hiện ra trên ngưỡng cửa. Ông

mặc cái áo chên bằng nhung xanh mà vua János trong phút lâm chung đã để lại cho ông, lưng đeo thanh kiếm nhỏ hình cong mà ông chỉ thường đeo vào dịp lễ.

– Nhà có khách đấy. – Ông nói với mục sư rồi quay sang bảo các con. – Các con đi thay quần áo đi rồi xuống dưới nhà nhé!

Ông vuốt tóc Feri rồi đi ra.

Trong sân có một cỗ xe ngựa to, bánh bít vành sắt kiểu Vienna^(*). Bên cạnh là một người Đức với tên đầy tớ. Họ đang bê những bộ áo giáp sáng loáng ra khỏi xe và giao cho đám tù binh Thổ. Bọn này treo các bộ giáp lên những cái cọc trong vườn.

Bên cạnh cỗ xe còn có bốn nhà quý tộc sang trọng đứng với tướng công Bálint. Người ta giới thiệu mấy chú bé với họ. Trong bốn người đó có một anh thanh niên da nâu, người thấp, mắt sáng, mũi ngắn. Chàng bế chú bé Feri lên và hôn chú.

– Cháu còn nhớ chú là ai nữa không?

– Chú Miklós, – bé Feri trả lời.

– Thế còn họ?

Feri vừa nghĩ vừa nhìn bộ râu đen mềm mại của chú Miklós.

Jancsi nói thay em:

– Zirinhi...

– Không phải Zirinhi con ạ, – cha chú sửa lại, – Zrinyi^(*).

Tất cả những chuyện đó đã có lần xảy ra. Đôi khi chúng ta vẫn nằm mê thấy những việc đã qua một cách rất rõ ràng, với những tình tiết không thay đổi mấy. Gergely tiếp tục mơ thấy tất cả mọi chuyện trong ngày hôm đó.

Khi sáu tấm giáp hộ tâm đã treo trên các cọc, các vị tướng lấy súng ra

bắn. Một tấm bị đạn xuyên thủng, họ liền trả lại cho người lái buôn thành Vienna. Những tấm khác chỉ bị đạn ấn móp vào thoi thì họ mua và chia nhau.

Trời đã tối. Họ ngồi vào bàn ăn. Phu nhân Török ngồi ở đầu bàn, tướng công Bálint ngồi ở cuối bàn. Giữa bữa ăn, các vị khách vặn hỏi các chú bé về các môn học.

Đặc biệt họ hỏi về Kinh Thánh và về môn catê^(*).

Török lặng lẽ mỉm cười nghe các câu hỏi hiền lành ấy một chốc, sau đó ông lắc đầu:

– Các ngài nghĩ rằng con tôi chỉ học catê thôi ư? Jancsi, con hãy nói xem người ta đúc đại bác như thế nào?

– Thứ mấy tấn, thưa cha?

– Thứ mười tấn ấy.

– Muốn đúc đại bác mười tấn, – chú bé đứng dậy bắt đầu, – cần phải có chín tấn đồng và một tấn chì, nhưng khi cần, chuông nhà thờ cũng có thể dùng được và khi đó không cần đến chì nữa. Khi đã có đủ vật liệu, ta đào một cái hố sâu bằng chiều dài khẩu đại bác mà ta định đúc. Trước hết ta phải nhào một cái lõi bằng đất sét tinh và dẻo. Ta trộn dây bắc vào đất sét và cắm một thanh sắt vào chính giữa.

– Thanh sắt để làm gì? – Tướng công Bálint hỏi.

– Để cho lõi đất sét có thể đứng được, nếu không nó sẽ đổ hoặc cong đi.

Rồi chú giương đôi mắt thông minh nhìn cha và tiếp:

– Phải nhồi đất sét cho đến lúc quánh lại và trộn dây bắc vào cho vừa phải. Đôi khi phải nhồi liền suốt hai ngày không nghỉ. Khi đã xong, ta đặt

vào giữa hố và dọi cho nó đứng thật thẳng. Xong rồi người thợ đúc phải nhồi cái ống bọc ngoài cũng bằng đất sét tinh và làm kỹ như thế đặt cẩn thận ra ngoài cái lõi đất sét. Bốn bề đều phải chừa một khoảng cách độ năm đốt ngón tay, nhưng nếu sẵn đồng thì đại bác có thể dày hơn nữa cũng được. Khi lớp vỏ cũng đã xong, người ta chắt đá và những cọc chống bằng sắt xung quanh cái vỏ đất sét, hai bên đào hai hố to chắt đầy củi và đồng. Xong rồi là...

– Con quên mất một cái gì rồi.

– Chì. – Chú bé Feri nói leo vào.

– Thì con đang định nói. – Jancsi đáp. – Người ta chắt chì bỏ vào xong rồi đốt suốt ngày suốt đêm cho đến khi đồng chảy.

– Anh chưa nói cái lò phải to như thế nào. – Cậu em lại nói.

– Nghĩa là to và dày. Ai có trí khôn thì phải biết chứ.

Các vị khách bật cười. Jancsi phụng phịu ngồi xuống, quắc mắt nhìn em và lẩm bẩm:

– Đợi đấy, rồi ta sẽ thanh toán với nhau.

– Được, – ông bố nói, – nếu con không biết thì để em nó nói cho. Nói đi Feri, còn thiếu gì nữa con?

– Còn thiếu gì nữa ấy ạ? – Cậu em nhún vai trả lời. – Khi nào nguội rồi người ta lấy khẩu đại bác ở dưới đất lên.

– Đúng gói! – Jancsi đắc thắng kêu lên. – Thế còn giũa, còn đánh bóng, còn ba phát bắn thử?

Feri đỏ mặt và nếu các vị khách không kéo chúng lại mà hôn chúng thì hai cậu bé đã xông vào ục nhau ngay bên bàn. Török Bálint cười nói:

– Thú vị nhất là cả hai đứa đều bỏ sót mất cái lỗ điểm hỏa.

Mọi người lại quay ra đàm luận về việc trận mạc, về quân Thổ, về quân Đức. Cuối cùng câu chuyện chuyển về Gergely.

– Cháu này sẽ trở nên một tay cừ đấy. – Török Bálint vừa nói vừa xoa đầu Gergely. – Đầu óc nó sáng như đèn. Chỉ phải cánh tay còn yếu.

– Ồ. – Zrinyi khoát tay. – Cái chính không phải là sức lực của cánh tay mà là sức lực của trái tim: lòng dũng cảm. Một con chó lai đuổi được cả đàn trăm con thỏ.

Bữa tối đã xong. Chỉ những cốc bạc còn lại ở trên bàn.

– Nào, các con ơi, đến chào các bác đi rồi vào với mẹ. – Török Bálint bảo các con.

– Thế bác Sebök (*) không hát ư? – Cậu bé Feri hỏi bố.

Nghe thấy thế, một người có khuôn mặt hiền từ, hơi nhiều râu đang ngồi bên bàn bồng cựa mình, ông nhìn tướng Bálint. Zrinyi cũng lên tiếng với cái nhìn ăm áp:

– Phải đấy, bác Tinódi tốt bụng ạ. Bác hát cho chúng tôi nghe một cái gì hay hay đi.

Tinódi Sebestyén đứng dậy đi về phía góc phòng lấy cây đàn kôbô(*). Tướng Bálint bảo các con:

– Được rồi, các con có thể nghe hết một bài, nhưng sau đó ta sẽ thôi kèn ngủ đấy nhé.

Tinódi đẩy lùi ghế ra phía sau một chút và lướt những ngón tay trên năm dây đàn kôbô.

– Tôi hát bài gì bây giờ?

– Bài gì mới nhất ấy, bài mà bác vừa làm xong tuần trước ấy.

– Bài Mohács(*) ấy à?

– Bài ấy, nếu các vị khách của ta không có ý muốn gì khác.
– Không, không. – Các vị khách đều nói. – Cứ cho chúng tôi nghe bài hát mới nhất.

Gian phòng im lặng. Các gia nhân gạt tàn những cây nến trên bàn rồi ngồi vào xó cửa. Tinódi dạo thử các dây đàn một lần nữa. Bác tợp thêm một ngụm rượu trong cái cốc bạc để trước mặt rồi bắt đầu bài ca với một giọng nam trầm dịu dàng:

*Tôi hát khúc sầu tang của nước Hung
Khóc cánh đồng đầm máu trận Mohács
Bao vạn đời trai là rơi tan nát
Và đau buồn, dân tộc mất quân vương.*

Trong tiếng hát của bác có một cái gì khác thường. Nó giống lời kể chuyện hơn là hát. Đôi khi bác hát hết cả một câu, còn câu sau đó bác chỉ đọc và nhường âm điệu cho cây đàn. Đôi khi bác chỉ hát mấy chữ sau cùng của câu thơ cuối đoạn.

Trong lúc hát, đôi mắt bác đắm chìm vào khoảng không, hình như bác chỉ còn biết đến mỗi mình bác ở trong phòng và chỉ hát cho mình bác.

Những câu thơ mộc mạc của bác, như mục sư Gábor đã có lần nhận xét, tuy người khác đọc thì thấy trúc trắc và không nghệ thuật lắm, nhưng trên môi bác, chúng ngân lên tuyệt hay, rung động cả lòng người. Mỗi tiếng nở ra trên môi bác đều mang ý nghĩa đầy hình tượng. Nếu bác ngâm: *tang tóc* tức thì tất cả đều tối sầm trước mắt người nghe. Khi bác đọc: *chiến đấu*, người ta thấy cảnh xô xát chém giết. Nếu bác nói: *Thượng đế*, tất cả mọi người đều cảm thấy ánh hào quang tỏa trên đầu.

Ngay từ đoạn thơ đầu, các vị khách đang tì khuỷu lên bàn đã lấy tay che mắt, mắt Török Bálint cũng rớm lệ. Ông đã từng chiến đấu ở Mohács bên cạnh nhà vua, giữa đội vệ binh. Chỉ có bốn nghìn người chứng kiến trận đánh còn sống sót và một cảm giác suy nhược, tiêu vong đã làm toàn thể nước Hung nản chí – khăn tang dường như chập chờn khắp trên đất nước.

Tinódi hát kể lại diễn biến của trận đánh và những người có mặt đều buồn rầu chăm chú lắng nghe. Khi đến những đoạn kể các hành động anh hùng, mắt họ sáng lên, những tên quen thuộc làm họ ứa lệ.

Cuối cùng Tinódi tới đoạn kết và tiếng hát của bác giống như một tiếng thở dài:

*Bên Mohács, đồng không ai cắt cỏ,
Mộ địa đây lớn nhất cả hoàn cầu;
Khăn liệm đó phủ lên toàn dân tộc...
Đất nước này còn sinh phục nữa đâu!*

– Còn sinh phục! – Zrinyi vỗ tay lên bao gươm, kêu lên, rồi ông giơ tay phải lên nói. – Xin hãy thề một lời thiêng liêng, thưa các vị, rằng ta sẽ hiến dâng tất cả mọi lo nghĩ của đời ta để mưu đồ gây dựng lại đất nước. Chừng nào quân Thổ còn chiếm một tấc đất của tổ tiên, chúng ta còn chưa ngủ trên nệm gối!

– Thế còn giặc Đức? – Török Bálint cay đắng đáp lại. – Hai mươi bốn nghìn người Hung lại bỏ mạng để cho giặc Đức ăn trên ngồi trốc ta à? Quân cầu trệ! Bọn ngoại đạo(*) lương thiện còn một trăm lần hơn quân Đức tráo trở.

– Ông nhạc của bác cũng là người Đức đấy thôi. – Zrinyi bưng bưng cãi lại. – Người Đức dù sao vẫn là người Gia Tô giáo.

Một ông già xua tay để làm dịu tình thế:

– Sự thật là ở chỗ người Hung ta không được chinh chiến ít nhất năm mươi năm nữa. Chúng ta cần sinh sôi nảy nở trước khi chiến đấu.

– Cảm ơn. – Zrinyi đập xuống bàn. – Tôi không muốn nằm dài trong giường đến năm chục năm.

Và chú đứng dậy khỏi bàn, thanh gươm kêu lách cách.

Tiếng lách cách làm Gergely mở mắt ra và ngạc nhiên thấy rằng không phải cậu đang ngồi bên bàn ăn nhà Török Bálint mà đang nằm dưới bầu trời sao, đứng trước mặt cậu không phải là Zrinyi mà là tên Thổ vạm vỡ.

Đó là Hajvan. Hắn đá vào chân cậu để đánh thức.

– Quần áo đây.

Hắn ném áo choàng và tuyban xuống trước mặt cậu và nói tiếp:

– Ngựa thì rồi dọc đường ta sẽ kiếm.

Cậu học sinh khoác áo và đội tuyban lên đầu. Cả hai đều hơi rộng, nhưng cậu vẫn thấy mừng hơn là được tặng một bộ quần áo của ông hoàng.

Tên khổng lồ lại cúi xuống bóp vỡ nốt cái cùm kia trên chân cậu học sinh rồi hắn đi trước, về phía bắc.

Cậu học sinh thấy cái áo choàng dài quá. Cậu phải kéo lên và buộc ngang sườn. Cậu bước nhanh bên cạnh tên khổng lồ.

Bên trong và phía trước các lều, người nằm ngủ ngổn ngang. Trước một vài cái lều mà trên nóc có quả thao đồng và cờ đuôi ngựa, có lính gác, nhưng chúng cũng đã ngủ cả.

Trại quân dường như dài vô tận. Dường như cả thế giới đều chỉ toàn

trại lính.

Họ đến một nơi có rất nhiều lạc đà. Ở đó lều trại đã thưa hơn. Người ngủ lẫn lóc trên cỏ.

Hajvan dừng lại trước một cái lều có vá một mảnh vải xanh.

– Ông già ơi! – Hẳn gọi với vào. – Dậy, dậy!

Một lão già thấp bé chui ra khỏi lều, đầu lão hói bóng, râu dài và trắng. Lão mặc một cái áo ngủ dài đến đầu gối, chân đi đất.

– Cái gì thế? – Lão giật mình hỏi. – Mà đây hử, Hajvan?

– Tôi đây. Một tuần trước tôi có mặc cả con ngựa xám của lão. – Và hẳn chỉ một con ngựa to kệnh càng đang gặm cỏ giữa bầy lạc đà, nói tiếp. – Lão bán như giá tôi trả chứ?

– Vì thế mà mà đánh thức tao dậy đây hử? Hai mươi gurut, như tao đã bảo.

Tên Thổ móc thắt lưng lấy tiền bạc. Trước tiên hẳn đếm vào lòng bàn tay trái, sau lại đếm sang lòng bàn tay phải, cuối cùng hẳn lại đếm lượt nữa vào tay lão lái buôn.

– Cựa giày cũng cần. – Cậu học sinh nói bằng tiếng Thổ trong khi lão lái đi cỡi dây buộc ngựa.

– Lão thêm cho một đôi cựa giày. – Hajvan bảo lão.

– Mai hẵng.

– Ngay bây giờ cơ.

Lão lái quay vào trong lều. Lão sờ soạn lưng cụng trong tối rồi mang ra mấy chiếc cựa giày đã gỉ.

10

Cũng trong lúc đó, Jumurdzsák đi đến các lều bệnh. Hỏi một tên lính gác:

– Đứa nào là tên tù binh hôm nay đã định ám sát đại hoàng đế?

Tên lính gác chỉ một cái lều trắng.

Trước lều, năm lão già đội tuyban trắng, mặc caphotan^(*) đen đang ngồi xung quanh đồng lửa. Họ là ngự y của xuntan. Cả năm người đều nghiêm nghị và buồn bực.

Jumurdzsák dừng lại trước tên lính gác lều:

– Ta có thể nói chuyện với tên tù binh được không?

– Xin ngài hỏi các ngự y.

Jumurdzsák nghiêng mình chào các ngự y. Họ cũng gật đầu đáp lễ.

– Thưa các vị, tôi sẽ làm một việc tốt cho hoàng thượng, nếu tôi có thể nói chuyện với bệnh nhân.

Một thầy thuốc nhún vai. Cử động của bàn tay ông có thể hiểu: *không thể được*, cũng có thể hiểu: *cứ vào*.

Jumurdzsák chọn lấy ý sau.

Tấm vải cửa lều đã cuốn lên nửa chừng. Trong lều có một cây đèn dầu. Ông mục sư nằm ngửa trên giường, mắt mở hé hé.

Tên Thổ vừa bước tới bên giường ông vừa lên tiếng:

– Đồ mọi rợ, mày có nhận được ta không?

Mục sư không trả lời.

– Ta là Jumurdsák mà có lần chúng nó đã giao cho mày treo cổ lên đây mà. Mày đã tha cho ta bằng giá của cái bùa hộ mệnh.

Mục sư không trả lời. Mi mắt của ông cũng không hề động đậy.

– Bây giờ mày đã bị bắt và không còn gì chắc chắn hơn là việc người ta sẽ chém đầu mày.

Mục sư vẫn không nói gì cả. Tên Thổ lại nói nhưng giọng đã nhún:

– Ta đến đây vì cái bùa hộ mệnh đó. Với ông, nó không có nghĩa lý gì, nhưng với ta nó là tất cả nguồn sức mạnh. Từ khi không có nó bên mình, ta gặp rủi ro trong tất cả mọi việc. Ta có một biệt thự nhỏ tuyệt đẹp bên bờ vịnh Bosphorus, ta đã tậu để dành cho lúc tuổi già, nhưng nó đã cháy ra tro. Cửa cái trong nhà bị mất hết. Tay ta bị đâm thủng trong một trận đánh. Ông hãy nhìn tay trái ta đây: có lẽ suốt đời tàn tật.

Và hắn chỉ vào vết sẹo đỏ mới được chùng ba tháng.

Ông mục sư im lặng, không nhúc nhích.

– Lão già, – tên Thổ nói tiếp, giọng mềm hằn đi như sắp khóc, – lão là một người phúc đức. Ta đã nghĩ đến lão nhiều, cuối cùng bao giờ ta cũng thấy lòng tốt của lão thật vô song. Hãy trả lại cái bùa hộ mệnh cho ta nào!

Mục sư không trả lời. Chỉ có cây đèn cháy kêu xèo xèo.

– Ta sẽ làm tất cả những điều lão muốn. – Sau một chút chờ đợi, tên Thổ lại nói tiếp, – ta sẽ thử cứu lão khỏi bàn tay đao phủ. Cha ta là một pasa quyền thế. Anh ta là bệ Arszlán. Chừng nào người ta còn sống thì vẫn còn hy vọng. Chỉ cần lão nói cho ta biết cái bùa hộ mệnh của ta ở đâu?

Mục sư im lặng.

– Cái bùa hộ mệnh của ta! – Tên Thổ cáu tiết nhắc lại.

Và hần vồ lấy vai mục sư vừa lay vừa hét:

– Cái bùa hộ mệnh của ta!

Đầu mục sư cứ rũ xuống, hần giật ông ngồi dậy.

Cầm mục sư đã trể xuống. Ông dăm dăm nhìn vào khoảng không với đôi mắt đã cứng đờ như thủy tinh và cái miệng hé mở.

11

Khi đã vượt qua cả tên lính gác ngoài cùng, Hajvan đứng lại.

– Đây nhé, – hắn nói, – tao đã làm xong điều mày muốn. Bây giờ mày nói đi, cái bí mật mà tao mang trong người là cái gì?

– Kabala^(*). – Cậu học sinh trả lời, vẻ bí ẩn.

– Kabala? – Tên Thổ lẩm bẩm nhắc lại.

Và hắn nhúu lông mày lại như đang cố sức tìm vào ý nghĩa của một từ mù mịt đối với hắn.

Cậu học sinh đứng tựa vào yên ngựa nói:

– Nếu anh nhìn kỹ hơn, anh sẽ thấy mỗi bức vẽ là hình của một ngôi sao. Ông đạo sỹ rất thánh đã viết phù chú xung quanh các ngôi sao hạnh vận. Mà anh còn hứa cho tôi cả thanh gươm nữa đấy nhé.

Tên Thổ chìa cả hai thanh gươm của hắn ra:

– Mày chọn đi.

Cậu học sinh lấy thanh nhỏ hơn giắt vào thắt lưng rồi nói tiếp:

– Những hình vẽ này anh phải giắt xung quanh người. Anh phải cắt mỗi cái ra làm bảy rồi may vào lần vải lót áo của anh. Cả vào trong tuyban của anh nữa. Chỗ nào có những mảnh giấy linh thiêng này che chở, tên đạn sẽ không phạm vào người được.

Mắt tên Thổ ánh lên:

– Đạn bắn không thủng hở?

– Không. Chắc anh cũng đã nghe nói đến những bậc anh hùng cái thế, tên đàn không bao giờ phạm đến người họ.

– Có.

– Vậy anh đừng vì tiền bạc hoặc vì lời cảm dỗ mà đem cho bất cứ ai. Ngay chỉ cho xem cũng đừng, vì người ta sẽ cướp của anh, người ta sẽ ăn trộm của anh, người ta sẽ lừa anh để lấy.

– Hô hô! Tao cũng có trí khôn chứ!

– Nhưng vẫn chưa hết đâu. Một tờ giấy có viết là chùng nào chưa trở thành quan lớn, chùng đó tay anh cũng như vũ khí của anh không được động đến trẻ em và phụ nữ. Mọi ý nghĩ của anh hãy chuyên chú vào việc chinh chiến.

– Nhất định thế.

– Vì một chức vụ cao sang đang chờ anh: anh sẽ là tổng trấn ở nước Hung.

Tên Thổ há hốc cả mồm ra vì kinh ngạc:

– Quan tổng trấn?

– Dĩ nhiên là không phải ngay sáng ngày mai, mà dần dần, khi can trường của anh đã tỏ rõ. Với lại trong giấy cũng còn viết là anh phải sống theo những lời răn của kinh Koran. Phải siêng năng trong việc cầu nguyện và tắm nước thánh. Ai làm điều lành cho anh thì anh đừng xử ác với họ.

Tên khổng lồ ngu ngốc nhìn cậu học trò, ngập ngừng nói:

– Nhiều khi tao đã nằm mơ thấy tao làm quan lớn. Tao đã mơ thấy điều đó. Vậy là phải cắt ra làm bảy?

– Cắt làm bảy. Nếu không đều nhau cũng không can gì. To nhỏ tùy theo chỗ anh muốn che chắn phần nào nhiều nhất.

Tên Thổ nhìn ra phía trước với vẻ sung sướng mơ màng. Rồi hần ngừng đầu lên nói:

– Nếu tao thành ông lớn, tao sẽ nhận mày làm thư ký.

Gergely phải cắn vào môi để tiếng cười khỏi bật ra.

– Lên ngựa đi, anh bạn. – Hajvan nhiệt tình nói và giữ ngựa cho cậu học sinh cười lên.

Cậu thò tay vào túi và nói:

– Hajvan, anh xem này, đây là một cái nhẫn. Anh nên biết người Hung có thói quen không chịu lấy không bất cứ một cái gì.

Hajvan cầm lấy cái nhẫn và ngẩn ra nhìn. Cậu học sinh nói tiếp:

– Anh đã cho tôi tự do và con ngựa, tôi trả anh bằng cái nhẫn này. Cầu Allah phù hộ cho anh, anh hỡi ạ!

Và cậu quất ngựa.

Hajvan túm lấy cương.

– Khoan đã! Đây là nhẫn Thổ Nhĩ Kỳ phải không?

– Phải đấy.

– Mày lấy đâu ra?

– Việc gì đến anh? Nếu anh muốn biết thì đó là của một tên ionisa.

Hajvan đực người ra suy nghĩ một lúc rồi đưa trả cái nhẫn:

– Không cần. Mày đã trả con ngựa và tự do với một giá đủ rồi.

Và hần nhét cái nhẫn vào túi cậu học sinh.

...

Gergely đi về hướng nam để nhờ chúng có đuôi thì đuổi theo hướng ấy

chứ đừng đuổi theo hướng đi về Buda.

Trăng đã ngả về tây, khi mờ khi tỏ giữa những đám mây. Đẳng đông trời đã ràn rạng.

Một con đường nhỏ cắt ngang con đường quốc lộ rộng rãi. Trên con đường nhỏ đó Gergely trông thấy một kỵ sỹ đang phi nhanh. Nếu cả hai cùng tiến với tốc độ như nhau, họ sẽ gặp nhau ở ngay chỗ ngã tư.

Trong phút đầu tiên Gergely ghìm cho ngựa chạy chậm lại, nhưng sau thấy người kia cũng giảm tốc độ, cậu lại cho ngựa phi lên. Như vậy cậu đến trước khoảng một trăm bước.

Mắt cậu không hề rời khỏi người kỵ sỹ lạ mặt kia. Trong ánh sáng ban mai mỗi lúc một rạng dần, cậu ngẩn người nhận thấy đó là một tên ionisa đội mũ chòm cao đang tiến về phía cậu.

Cậu gò cương cho ngựa đứng lại.

Tên kia cũng đứng lại.

– Đồ quỷ sa tăng! – Cậu lăm bằm. – Thằng Thổ này nó bắt mình mất!

Hơi thở của cậu cũng ngừng lại trong nỗi kinh hoàng.

Nhưng ngay lúc đó lời nói của Dobó István lại vang lên trong tai cậu như tiếng chuông ngân: Cái chính là không được sợ!

Từ hồi ấy đến giờ cậu chưa gặp lại Dobó. Kể từ khi Török Bálint rời bỏ Ferdinánd và đứng về phía vua Szapolya János, Dobó không đến thành Sziget, cũng chẳng đến Somogy hoặc Ozora nữa. Tuy vậy Gergely vẫn nhớ đến ông với tấm lòng biết ơn và câu nói của ông vẫn luôn luôn vang trong tai cậu: Con ạ, cái chính là không được sợ!

Con ngựa thấp bé của tên Thổ lại tiến lên. Cậu cũng thúc ngựa. Được thôi, ta sẽ gặp nhau ở ngã tư. Cũng có thể là tên Thổ này không đi đuổi cậu.

Lúc đó cậu sẽ kêu to với hấn một lời chào rồi ai đi đường nấy.

Con đường tên Thổ đang đi tới lại chính là con đường thuận tiện để cậu rẽ lên phía bắc. Họ nhất định phải gặp nhau.

Nhưng nếu tên Thổ rút võ khí ra?

Gergely chưa bao giờ xung trận. Trong nhà Török Bálint, cả mục sư Gábor, cả tướng công đều dạy cậu đánh kiếm và ngày nào cậu cũng đấu với tụi tù binh Thổ. Nhưng đó chỉ là trò chơi. Những lúc đó họ mặc giáp sắt từ đầu đến chân, dù có dùng đến cả cuộc chim cũng khó lòng mà gây tai nạn được.

Với lại giá cậu có được một thanh gươm tốt hay một cây thương như của tên ionisa kia thì khỏi phải nói! Còn thanh gươm cà là gỉ này...

Cái chính là không được sợ! – Cậu nói lại vang lên trong tai cậu. Và cậu phi nước đại, tiếp tục tiến lên trên con đường đã khởi hành. Nhưng tên Thổ không cho ngựa chạy nữa. Hấn đứng im.

Gergely hăng máu lên, rẽ sang con đường tên Thổ đang đứng và suýt nữa thì cậu hét lên vui sướng khi thấy tên Thổ quay ngựa lại và cầm đầu chạy trốn.

Thằng này không phải ai khác, chỉ Tulipán thôi!

– Tulipán! – Cậu học sinh kêu to.

Nghe tiếng kêu, tên Thổ lại càng quất ngựa khỏe, hấn lao vun vút trên con đường hẹp.

Con ngựa nhỏ đó cũng là một con ngựa tốt đấy, nhưng trên đường lổ chỗ những vũng nước, quãng đó lại là đường đất sét. Tên Thổ muốn cho ngựa nhảy qua mương nước để rẽ xuống đồng, nhưng con ngựa trượt chân, tên Thổ ngã sóng soài trên mặt đất.

Khi cậu học sinh tới chỗ hăn, tên Thổ đã đứng dậy, tay cầm cây thương lăm lăm.

– Tulipán! – Cậu học sinh cười vang. – Đừng có mà điên!

– Ô, đồ quý! – Tulipán ngượng. – Té ra cậu đấy ư, hờ công tử?

– Chà, anh thật là một người lính can trường đấy! – Gergely lại cười và nhảy xuống ngựa.

– Con tưởng là chúng nó đuổi. – Tulipán vẫn chưa hết ngượng ngùng, nói. – Cậu làm sao mà trốn ra được thế?

– Bằng mẹo, Tulipán ạ. Tôi cứ chờ mãi để mong anh giải thoát cho.

– Không thể được, cậu ạ. – Tulipán thanh minh. – Chúng nó vây tù binh vào chính giữa trại, lại bao nhiêu lính gác ở khắp nơi, ngay chính con cũng gay go mãi mới lần đi được.

Hăn lôi con ngựa dậy và gãi đầu gãi tai.

– Đồ quạ mỗ điều tha! Con làm sao mà về đến nhà với nó đây?

– Dắt nó đi chứ làm sao nữa.

– Công tử không về với con à?

– Không.

– Thế cậu đi đâu?

– Ta lên Buda.

– Cậu lại đến rơi vào tay quân Thổ mất.

– Ta sẽ đến trước chúng nó. Ở đó nếu có việc gì thì đã có chủ tướng của ta. Người mạnh thế lắm. Nếu đức ông muốn, người có thể làm vua cũng được ấy chứ.

Tulipán lại leo lên ngựa, Gergely chìa tay cho hăn:

– Tôi gửi lời chào những người ở nhà nhé!

– Cảm ơn cậu. Con cũng xin gửi lời chào kính trọng tới ông chủ con. Cậu đừng nói đến chuyện bắt gặp con đang say sưa đấy nhé. Con chỉ uống phần rượu của bọn đây tớ thôi.

– Được, được, Tulipán ạ. Cầu trời phù hộ cho anh.

Tulipán còn ngoái lại một lần nữa:

– Thế còn thầy mục sư?

Cậu học sinh ứa nước mắt:

– Thầy bị ốm. Tôi không nói chuyện được với thầy.

Cậu còn định nói thêm một điều gì nữa, nhưng hoặc vì nước mắt làm cậu nghẹn ngào, hoặc vì cậu đã nghĩ lại nên không muốn nói. Cậu giật cương và đi về phía mặt trời mọc.

...

Ban ngày cậu học sinh ẩn trong rừng. Chỉ ban đêm cậu mới dám đi tiếp đến Buda theo một đường vòng lớn.

Mặt trời vừa vặn nhô lên, khi cậu đến một cánh đồng bằng phẳng, trải rộng dưới chân núi Gellért. Cậu vứt cái tuyban đi, còn cái áo choàng cậu móc vào sau yên.

Trên khắp cánh đồng, sương long lanh như ngọc. Gergely xuống ngựa. Cậu cởi trần đến ngang thắt lưng rồi hót sương vào lòng bàn tay rửa sạch bụi bặm của hai ngày đường.

Rửa xong cậu thấy khoan khoái hẳn. Con ngựa cũng đã gặm cỏ được một lúc. Ấm lên trong những tia nắng đầu tiên, người ngựa lại vội vã ruổi trên đường quốc lộ.

Hai bên đường đã đầy rẫy những dấu vết của trận Buda. Những cái khiên vỡ, những xe kéo đại bác đổ gục tan nát, những tấm giáp vai méo lôm, những xác ngựa chết, những tấm giáp hộ tâm, gươm, giáo, những cái mũ sắt xấu xí giống như những cái nồi sơn đen của quân Đức ngổn ngang khắp nơi.

Và bao nhiêu xác chết chưa ai chôn cất.

Năm thằng Đức nằm quanh một bụi mận dại. Hai thằng nằm ngửa, một thằng nằm còng queo, hai thằng nữa bị bổ vỡ đầu. Có lẽ ba đứa bị đạn giết chết tại chỗ, còn hai đứa kia chắc là bị tử thương rồi mới lê đến đó.

Một mùi hôi thối nặng nề tràn lan trong không khí.

Thấy người kỵ sỹ đi tới, đàn quạ từ đám xác chết bay ồ lên, lượn một vòng là là trên cánh đồng rồi đậu xuống ở một chỗ xa hơn để lại tiếp tục bữa tiệc ghê gớm của chúng.

Tiếng kèn lạnh lạnh bỗng nổi lên khiến Gergely ngừng đầu lên khỏi cảnh tượng buồn thảm đó. Từ thành Buda, một đội kỵ binh mặc quần áo đỏ đang chậm chạp tiến xuống. Độ bốn năm vị đại quan mặc lễ phục dẫn đầu. Sau đội kỵ binh là một đoàn dài bộ binh mặc binh phục màu xanh thẫm.

Trong tốp người đi đầu, một kỵ sỹ mặc áo choàng trắng nổi bật hẳn lên.

“Chắc là Đức cha nhiếp chính György danh tiếng.” – Gergely nghĩ thầm.

Tim cậu đập rộn lên. Từ nhỏ đến giờ cậu đã nghe biết bao chuyện đồn đại về Đức cha nhiếp chính! Đối với cậu hình như ông ta còn to hơn cả nhà vua.

Đi cạnh nhiếp chính là một kỵ sỹ vận nhung phục đỏ, những viên ngọc dát trên áo trên mũ lấp la lấp lánh.

Gergely nhận ra đó là Török Bálint.

Chạy ư? Nếu chạy cậu sẽ có thể gây nghi ngờ. Török Bálint sẽ phái người đuổi theo và lúc đó người ta sẽ lôi cậu đến trước mặt chủ tướng quý mến như một kẻ tội đồ.

Cậu sẽ nói mình đã cùng mục sư làm những việc gì ư?

Nếu vậy lập tức Török Bálint sẽ đuổi cậu đi cho khuất mắt. Chính ông đã gọi quân Thổ vào để đánh quân Đức, vậy mà bây giờ ông lại phải nghe chuyện người nhà của mình định giết vua Thổ hay sao?

Gergely suy nghĩ rất lung. Cậu không ưa nói dối. Nếu phải dối chính người đã nuôi dạy mình khôn lớn thì nhục quá! Bởi vậy cậu cứ đứng sững bên đường, đầu để trần, mặt đỏ gay. Cậu xuống ngựa và nắm lấy dây cương.

Rồi ra sao thì ra!

Con ngựa còn đói nên khi được tạm nghỉ, nó lại gặm cỏ ngay.

Ô, cầu trời phù hộ cho con ngựa này, nhất là cho cái đói của nó! Thật là tuyệt biết bao trong lúc này có thể vờ giật nó sang trái, sang phải, làm như đang trị đồ khó bảo! May làm sao giữa lúc này có thể quay lưng về phía những triều thần đang chuyện trò sôi nổi.

Họ đã đến đây rồi, đã nghe tiếng họ nói chuyện. Con ngựa già lúc quay bên phải, lúc quay sang trái, có lúc phải chạy một vòng quanh chủ, có lúc cậu chủ lại chạy vòng quanh nó.

Ma quỷ cũng chẳng ngờ được rằng gió cũng có thể giúp ích cho người ta: Một cơn gió nổi lên từ phía đông đã cuốn lên một màn bụi vàng, qua đó người trên đường chỉ có thể thấy loáng thoáng một thiếu niên nào đó đang loay hoay với một con ngựa xám kệnh cang trên bãi cỏ. Chắc hẳn bọn Đức

đã bỏ con ngựa bơ vơ vô chủ. Cứ để mặc cậu bé kia làm thế nào trị được nó thì làm!

Gergely thở phào nhẹ nhõm khi thấy các vị đại thần đã vượt qua mà không có ai kêu lên: *Gergely con ơi!*

Cậu lại nhảy lên ngựa, trước hết cậu nằm áp bụng lên lưng ngựa, sau đó mới bỏ chân qua bên kia và quay mặt nhìn đoàn quân. Đến lúc này cậu mới thấy tất cả đoàn bộ binh mặc quần áo xanh thẫm đều bị xích. Quần áo họ rách tơi tả, tóc tai lấm bùn bê bết, mặt mày tái nhợt. Không có một người già nào trong bọn, nhưng thương binh thì nhiều. Một tù binh cao kều, quần áo rách mướp, mặt mũi sưng vù, tím bầm, trên khuôn mặt dập nát chỉ còn trông thấy được có một con mắt.

Biết đâu chẳng phải chính Török Bálint đã nện vào mặt hắn?

12

Đây là lần đầu tiên Gergely trông thấy thành Buda.

Biết bao nhiêu là đỉnh tháp với những tường cao vút, vườn thượng uyển với những cây cối sum suê lá cành về phía Pest – đối với cậu tất cả những cái đó giống như một cảnh mới trong mơ.

Vậy ra đây đã từng là nơi ở của vua Mátyás? Vua Lajos đã sống ở đây? Và cô bé Éva của cậu cũng đang ở đây, đang ngày ngày trông thấy những cảnh này?

Một người lính gác cầm kích đứng trước cổng thành, anh ta chẳng hề ngó đến Gergely. Cậu cứ theo con đường đi lên hoàng thành, chẳng hỏi han gì cả. Cậu ngăn người nhìn vào hoàng cung, vào bồn nước hình tròn, to tướng, bằng đá vân hồng cắm ở giữa sân. Rồi cậu dừng bước trên quảng trường Thánh George. Một bãi đại bác để ngổn ngang ở đó thu hút sự chú ý của cậu. Những khẩu đại bác to tướng, ám khói. Những bánh xe lăm bùn chứng tỏ người ta vừa lấy được của bọn Đức, có lẽ vừa mới hôm qua.

– Chào bác. – Cậu nói với người lính đứng gác ở đó. – Đây là chiến lợi phẩm thu được của Đức đấy nhỉ?

– Đúng đấy. – Người lính kiêu hãnh trả lời.

Gergely lại ngăn tò te nhìn các khẩu đại bác. Trong đó có ba khẩu to đến nỗi hai chục con bò mộng cũng chưa chắc đã làm được nó nhúc nhích. Những khẩu pháo vẫn còn nặc mùi thuốc súng.

– Bác ơi. – Gergely lại hỏi. – Bác có biết ông già Cecey không, ông già

tay gỗ ấy mà?

– Sao tôi lại không biết.

– Ông ta ở đâu?

– Dưới kia kìa, – bác lính hất đầu chỉ về phía bắc, – trong phố Szent János ấy.

– Cháu không thuộc đường xá ở đây đâu.

– Thế thì chú cứ đi thẳng đi, rồi hỏi thêm ở dọc đường. Ông lão ở trong một ngôi nhà nhỏ màu xanh lá cây. Trước cổng có treo một cái cung. Có người thợ chế cung ở đó.

– Szagittárius^(*)?

– Hẳn đấy.

Gergely còn liếc nhìn những khẩu đại bác một lần nữa rồi mới lóc cóc cưỡi con ngựa xám đi.

...

Sau nhiều lần hỏi thăm và chỉ trỏ, cuối cùng cậu tìm được phố Szent János và ngôi nhà nhỏ hai tầng màu xanh lá cây.

Ngôi nhà chỉ có năm cửa sổ nhỏ nhìn ra phố. Ba cái ở tầng hai và hai cái ở tầng một. Cái cổng ra vào ở chính giữa, chỉ nhỏ như một cái cửa phòng. Phía trước cổng lủng lẳng một cái cung to tướng bằng tôn sơn đỏ.

Gia đình Cecey ở trên gác. Khi Gergely đẩy cửa bước vào, cậu thấy ông già mặc áo kơntơso^(*), đi giày popút^(*), đang cầm một cái vĩ ruồi cán dài đập đen đét bên cạnh tủ.

– Đứng này, đồ chó! – Lão lăm bắm và lại đét một cái như súng nổ.

Rồi khi nghe tiếng chân người đến, lão nói tiếp:

– Trên thế giới chẳng còn giống vật nào lì lợm hơn cái giống này! Ta đập chúng chết ngay trước mắt nhau, thế mà đáng lẽ chạy trốn, chúng lại còn đậu cả lên râu ta. Đừng này, đồ chó!

Và lão lại quật cái vĩ ruồi vun vút trong không khí.

– Cha ơi, – Gergely nhoẻn cười. – Xin chào cha!

Nghe nói thế ông già mới quay lại:

– Ở này! Gergely con ta! – Lão sừng sốt. – Con đấy ư, hử con yêu?

Bản thân Gergely cũng cảm thấy kỳ lạ về sự có mặt của mình ở đây, tuy nhiên cậu vẫn chờ người ta sẽ ôm choàng lấy cậu mà hôn như vẫn thường quen lúc ở nhà, ở Keresztes.

Bà vợ nghe tiếng cũng từ phòng bên cạnh bước sang. Và bà cũng sừng sốt, cũng ngạc nhiên không kém. Bà hỏi:

– Con đến đây bằng cách nào thế? Cái gì đã đưa con đến đây thế, con trai của mẹ?

Bà hôn và vuốt tóc cậu. Nhưng hình như trước kia bà đã từng hôn cậu âu yếm hơn thì phải. Ý nghĩ đó thoáng qua trong óc Gergely; có lẽ chỉ là cảm giác thì đúng hơn.

– Con đến đây chẳng có mục đích gì khác là mong thầy mẹ trở lại Keresztes, – cậu trả lời.

– Ô hô! – Ông lão đáp lại.

Dường như ông muốn bảo: nói năng gì mà ngu ngốc thế!

– Con đã trông thấy đạo quân Thổ. Chúng sẽ chiếm Buda đấy.

– Ô hô! – Cecey lại thốt lên, càng to giọng hơn.

Dường như ông muốn bảo, điều này mới lại càng ngu xuẩn hơn nữa!

Bà vợ cũng nhìn cậu thiếu niên với vẻ mặt ái ngại như người ta vẫn

thường nhìn những kẻ ngờ nghệch, những kẻ hay nghĩ ra những chuyện vớ vẩn với cái trí khôn ít ỏi của mình.

– Con có đói không? – Bà đặt tay lên vai cậu và hỏi. – Có lẽ con cũng chưa ngủ phải không?

Gergely gật đầu nửa như bảo có, nửa như bảo không. Cậu chăm chú nhìn vào cái bàn cờ để trên bàn, nhưng một mắt vẫn liếc về phía cánh cửa mở.

– Con chờ Vicuska chứ gì? – Bà vợ mỉm cười nhìn sang phía chồng. – Nó không có nhà. Nó cũng chẳng về ngủ ở nhà nữa. Nó ở chỗ hoàng hậu ấy, chỉ thỉnh thoảng nó mới đảo về được một tí thôi. Những lúc ấy nó cũng đi xe ngựa với ông xà ích của vua. Thế đấy!

Chợt nghe tiếng xèo xèo, bà đập hai bàn tay vào nhau:

– Jesus Maria! Sữa của tôi trào hết rồi!

Gergely chờ cho Cecey tiếp tục câu chuyện về Vica, nhưng ông lão cứ ngồi nhấp nháy mắt và lặng thinh.

– Ông giáo sỹ đâu hở cha? – Cậu hỏi với một tâm trạng nặng trĩu.

– Đang đi chôn cất. – Cecey trả lời với vẻ mặt chán chường. – Ông ta hợp lực với một vài người bạn nữa đi chôn cất.

– Chôn xác quân Đức ấy à?

– Tất nhiên là quân Đức. Từ khi đánh nhau đến giờ, hôm nào ông ta cũng đi chôn xác chết. Kể cái bọn lính Đức cũng chẳng đáng chôn cất làm gì!

– Thế chúng nó không bắn à?

– Họ mặc quần áo trắng. Chúng nó không bắn những người như thế.

– Con thấy nhiều xác còn chưa được chôn cất.

– Ta cũng tin như vậy đấy, *cháu* ạ, chúng ta chém cũng khá nhiều.

Tiếng *cháu* càng làm Gergely thêm rầu rĩ. Nhưng cậu không thể dừng được nữa, cậu lái câu chuyện về Vica:

– Hiện nay cô ấy cũng đang ở chỗ hoàng hậu à?

– Ừ.

Ông lão đứng dậy và khập khiễng đi đi lại lại trong phòng. Bộ mặt có vẻ nghiêm trang và trịnh trọng. Lão bắt đầu giảng giải cho cậu biết cô bé Vica đã được nhiếp chính György đưa đến chỗ hoàng hậu và giới thiệu với người trong vườn thượng uyển. Hoàng tử tí hon bỗng nhoẻn cười với Vica và chìa tay đòi Vica. Vica chẳng hề lúng túng, cô bế hoàng tử vào lòng như vẫn quen bế con cái nông dân ở nhà và đừng đưa hoàng tử chẳng kể gì đến nghi lễ cả. Cô còn nói nựng với hoàng tử: Này, con thả con! Từ hôm đó hoàng hậu cứ muốn cô ta ở bên mình và bây giờ ngay cả về ngủ ở nhà, hoàng hậu cũng không cho phép nữa.

Lúc đầu Gergely chỉ nghe một cách tò mò, nhưng càng nghe mắt cậu càng sáng lên. Cậu chỉ hơi lấy làm lạ là Cecey lại mang vẻ mặt trang trọng như thế mà nhìn cậu một cách lạnh lùng. Cuối cùng, cậu lại lầm lì như cũ.

– Cháu làm sao thế? Sao trông cháu dờ dẩn thế?

– Con buồn ngủ. – Gergely trả lời và phải khó khăn lắm cậu mới ngăn được những giọt nước mắt.

Vì lúc đó cậu đã hiểu cô bé Éva sẽ không bao giờ thuộc về cậu nữa.

13

Vậy chuyện gì đã xảy ra ở Buda?

Số là quân Đức muốn kéo vào chiếm đóng. Hoàng hậu cũng muốn nhân nhượng chúng đấy, nhưng các triều thần Hung không sao chịu nổi việc để quân Đức chễm chệ trong lâu đài của Mátyás. Thế là họ mời quân Thổ vào giúp và trong lúc chờ quân Thổ đến, họ tổ chức tự vệ. Khi đoàn quân Thổ đầu tiên đến nơi thì quân Đức đã hao mòn, và khi xuntan thân chinh đến với một đạo binh khổng lồ thì quân đội của Roggendorf(*) đã bị đánh tan tác.

Nhiếp chính György đem theo bốn trăm tù binh Đức đi đón xuntan.

Cùng đi với giám mục nhiếp chính có cả Török Bálint và ông Petrovich Péter tóc hoa râm nữa.

Xuntan cùng quân đội dừng lại ở Cserepes, cách Buda một trạm hành binh. Hãn hậu tiếp các triều thần Hung trong trường gấm. Hãn đã biết tên tuổi cả ba người, về nhiếp chính hãn biết cả nước đang suy nghĩ theo cái đầu của ông. Còn Török Bálint, hãn đã biết từ hồi hãn định cầm ngọn cờ nửa vành trăng lên thành phố Vienna. Hồi đó Bálint đã chém đầu tên pasa Kászon cùng toàn bộ đội quân của hãn; từ đó quân Thổ vẫn nhắc đến ông như một hung thần khắc ra lửa. Về ông già Petrovich, tên phiên dịch đã nói cho hãn biết trước rằng ông là hoàng thích của vị ấu vương và ông là người năm 1514 đã đánh Dózsa György ngã ngựa và bắt làm tù binh.

Người ta dẫn ba ông vào trường, cả ba đều nghiêng mình thi lễ. Sau đó,

khi xuntan bước tới chỗ họ và chìa tay ra, nhiếp chính cũng bước lên một bước và hôn tay xuntan. Ông già Petrovich cũng hôn bàn tay ấy.

Còn Török Bálint, thay cho cái hôn tay, lại nghiêng mình một lần nữa rồi nhìn thẳng vào xuntan với nét mặt tái hăn đi nhưng đầy kiêu hãnh.

Thật là ngạo mạn! Nhiếp chính thấy lạnh cả xương sống. Nếu ông biết trước sự thế này thì ông đã chẳng nài lấy một tiếng để ép Bálint đi theo ông.

Mi mắt của xuntan không hề động đậy. Hăn nâng cao bàn tay đã chìa ra cho người ta hôn và đặt lên vai Török Bálint rồi ôm lấy ông.

Cử chỉ đó đầy thân mật và đúng theo phong tục của người Hung, dường như sự việc đã không thể nào xảy ra khác được.

Trong trường còn có hai hoàng tử trẻ tuổi. Họ nhẹ nhàng bắt tay các vị triều thần Hung. Chắc người ta đã dạy trước cho họ cách đối xử. Sau đó họ lui về đứng sau vua cha và chăm chú nhìn Török Bálint.

Có thể ngẫm nghĩa ông ta được lắm! Ông thực là một người Hung đẹp đẽ, oai phong. Trong bộ nhung phục đỏ, ông làm lu mờ tất cả các bậc quyền quý khác.

Cặp mắt bò già của xuntan cũng thường hướng vào Török Bálint hơn là vào nhiếp chính đang cúi mình trước mặt hăn, và, bằng một giọng văn La Tinh trau chuốt, đang tâu cho hăn biết mỗi họa giặc Đức đã được dẹp yên và dân tộc Hung lấy làm hạnh phúc khi cảm thấy một đôi cánh bảo hộ vĩ đại nhường này đang xòe ra trên đầu họ.

Tên phiên dịch là pasa Szulejman, một lão già ốm yếu, gầy gò. Từ hồi còn bé hăn đã lưu lạc từ Hung sang Thổ và nói rất thạo cả hai thứ tiếng.

Từng câu một, hăn dịch bài tấu của nhiếp chính.

Xuntan gật gật đầu. Khi bài tấu đã chấm dứt bằng một cái gập mình sát đất, xuntan mỉm cười:

– Nhà người nói đúng lắm. Ta đến đây cũng còn vì tiên vương János trước kia là bạn của ta. Số phận thần dân của tiên vương đối với ta đâu phải là số phận của một dị tộc. Hòa bình cần phải trở lại trên đất nước này. Từ nay về sau, dân tộc Hung có thể ngủ yên: thanh gươm của ta sẽ đời đời canh giữ cho họ.

Giám mục nhiếp chính lại nghiêng mình tỏ lòng vui sướng. Ông già Petrovich lau một giọt lệ trong khóe mắt. Riêng Török Bálint cứ dăm dăm nhìn ra phía trước, vầng trán tối sẫm.

– Nào, ta thử xem các ông đã đánh nhau với một lũ người ngợm như thế nào? – Xuntan nói.

Hắn lên ngựa và, có các triều thần Hung theo sau, chậm chậm đi qua đoàn tù binh đang kẻ đứng người quỳ thành hai hàng trên bãi cát bên bờ sông Duna.

Bên phải hắn là giám mục nhiếp chính, bên trái là pasa Szulejman. Nhưng thỉnh thoảng hắn cũng quay lại phía sau, khi thì nói một vài lời với Petrovich, khi với Török Bálint, khi với các hoàng tử.

Tất cả đám tù binh phủ phục trước mặt xuntan. Một vài tên giơ cánh tay bị xiềng xích về phía xuntan với vẻ cầu khẩn.

– Toàn một lũ khố rách, quân đánh thuê! – Xuntan nói. – Nhưng cũng có những tên khỏe ra đáng!

– Còn có những tên khỏe mạnh hơn nữa kia ạ. – Török Bálint đáp lại ngay bằng tiếng Hung khi thấy xuntan quay về phía mình. – Độ một vài trăm, nhưng chúng không có ở đây.

Thấy xuntan nghe nói vậy thì nhìn mình bằng cặp mắt dò hỏi, Bálint thần nhiên trả lời:

– Tôi đã chém chết cả.

Họ trở về trưởng. Xuntan không vào trong trưởng nên lính hầu mang ghế ra cho hắn. Chúng không mang ghế cho các sứ giả và các hoàng tử.

– Tâu bệ hạ, phải đối đãi với tù binh ra sao ạ? – Pasa Amhát hỏi.

– Chém đầu chúng nó đi. – Xuntan thần nhiên trả lời như thể nói: chải cái áo caphotan cho ta.

Hắn ngồi xuống cái đệm thêu kim tuyến đặt trước trưởng. Hai thị thần cầm quạt lông công đứng hầu đằng sau, không phải cốt để cho cảnh tượng thêm lộng lẫy mà quả thực là vì ruồi. Thời tiết đã vào cuối tháng tám rồi và hàng tỉ tỉ ruồi cứ bám theo đạo quân.

Hai hoàng tử đứng bên cạnh xuntan, các sứ thần Hung ngả mũ đứng trước mặt.

Xuntan trầm ngâm một lúc, sau đó hắn quay sang Török Bálint:

– Có một thầy tu bị bắt làm tù binh ở dọc đường. Ông ta là dân thuộc trấn của người. Có lẽ người biết ông ta chăng?

Török Bálint hiểu lời nói của xuntan, tuy vậy ông vẫn lắng nghe người phiên dịch và trả lời bằng tiếng Hung:

– Thần không biết hết tất cả những thầy tu thuộc các quản hạt của thần. Trong các lãnh địa của thần có đến vài trăm người thuộc đủ các giáo phái. Nhưng có thể thần biết người tù binh đó.

– Đem nó ra đây. – Xuntan ra lệnh, rồi hắn rướn cao lông mày, vẻ chán ngán.

Từ bờ sông Duna văng lên tiếng náo động của vụ xử trảm. Tiếng kêu

thét, tiếng rền rĩ hòa lẫn vào tiếng ồn ào của trại quân.

Hai tên lính hầu vội vã mang ra một hình người bọc trong chăn. Họ đặt xuống đất trước mặt xuntan và kéo vải liệm ra khỏi đầu.



11.2018
FNT.

– Người có biết ông ta không? – Xuntan hỏi và nghiêng mặt nhìn Török Bálint.

– Sao lại không! – Török Bálint rùng mình đáp. – Đây chính là ông mục sư của thần!

Rồi ông nhìn những người xung quanh như chờ một lời giải thích.

Nhưng vẻ mặt các triều thần Thổ lạnh như tiền. Ông chỉ gặp những đôi mắt băng giá đang chĩa vào mình. Xuntan nói:

– Ông ta đã gặp một tai nạn gì đó. Khi người ta mang đến trại quân, ông ta cũng đã nhọc lắm rồi. – Hẳn quay sang lũ thị thần nói tiếp. – Hãy mai táng ông ta chu đáo theo đúng nghi lễ của đạo Gia Tô.

Sau đó quân hầu mang nước giải khát ra trong những cốc bằng bạc đặt trên khay bạc. Một thức uống làm bằng nước cam có ướp dầu hoa hồng, lạnh và thơm.

Xuntan đưa mời Török Bálint trước tiên với một nụ cười rất hiền từ.

14

Bà Cecey dọn giường cho Gergely trong một căn phòng nhỏ phía sau.

Cậu cảm thấy thích thú, vì cái giường thì ít mà vì được ở một mình với nỗi sầu riêng thì nhiều hơn.

Cậu không thấy có gì đáng ngạc nhiên trong việc hoàng hậu yêu cô Éva bé bỏng của cậu. Theo ý cậu trên thế gian này không còn một tạo vật nào đáng yêu hơn Éva nữa. Tuy nhiên cậu vẫn đau lòng khi thấy ông bà Cecey kiêu căng đến thế! Vica đã được nâng cao đến tận cung đình, nơi chỉ có các ông hoàng và các bậc đại thần lui tới. Một kẻ vô danh tiểu tốt, không cửa không nhà, không tước vị, đến cả một tấc đất cắm dùi cũng không có như cậu thì làm sao có thể sánh ngang hàng với cô ta được?

Cậu nằm dài trên tấm nệm bằng da gấu đã sờn và gục mặt vào cánh tay.

Nỗi buồn đó cũng có mặt tốt là có tác dụng ru ngủ và an ủi người ta bằng một giấc mơ hứa hẹn trăm điều như ý.

Gergely ngủ một mạch hơn nửa ngày trên tấm da gấu, sau đó cậu tỉnh thức dậy.

Cậu ngạc nhiên nhìn lên tường căn phòng nhỏ, lên bức ảnh Thánh Imre chân khoèo treo trên tường, rồi lại trở nên đăm chiêu. Cậu úp mặt vào lòng bàn tay, chống khuỷu tay lên đầu gối. Trong đầu cậu, một cơn lốc đen ngòm xáo trộn những sự việc đã xảy ra trong hai ngày qua. Đạo quân Thổ bạt ngàn, việc bị bắt, cái chết của thầy mục sư, việc chạy trốn, thành Buda, sự vắng nhà của vị hôn thê, sự thay lòng đổi dạ của cha mẹ nuôi – tất cả

những việc đó xáo trộn, quay cuồng trong trí cậu. Rồi cậu nghĩ đến con ngựa xám già: đã ai cho nó ăn uống gì chưa? Làm sao có thể cưỡi nó mà trở về thành Somogy đây? Nếu người ta hỏi thầy học đi đâu rồi, cậu sẽ trả lời ra sao? Sau đây ai sẽ dạy các cậu? Chắc là Tinódi Sebestyén, người nghệ sỹ đàn kôbô bị bại tay.

Cậu đứng dậy lắc lắc đầu như người muốn thoát khỏi những ám ảnh của một giấc mộng xấu và đi sang chỗ ông bà Cecey. Cậu nói với bà Cecey:

– Mẹ ơi, con đến đây chỉ cốt để báo tin về mối đe dọa của đạo quân Thổ. Bây giờ con xin phép về nhà đây.

Bà vợ ngồi bên cửa sổ đang dùng chỉ kim tuyến thêu một vật gì đấy. Hồi đó phái nữ hay mặc áo cổ viền kim tuyến. Bà đang may cho cô con gái.

– Con vội đi đâu thế? – Bà nói. – Chúng ta chưa trò chuyện gì với nhau cả cơ mà. Ông lão không có nhà. Hình như ông ấy cũng muốn nói chuyện với con đấy. Thế con đã đến chỗ tướng công Bálint chưa?

– Chưa. Con cũng chẳng đến đó làm gì nữa. Con ở nhà ra đi mà chưa nói cho ai biết là con đi đâu cả.

– Thế con cũng không muốn nói chuyện với ông giáo sỹ già của chúng ta ư?

– Ông ấy ở đâu ạ?

– Ở đây với chúng ta chứ còn ở đâu nữa. Nhưng hiện giờ ông ta cũng không có nhà. Ông ta đang đi chôn tử sỹ.

– Các ông nhà ta còn hay cãi nhau nữa không ạ?

– Bây giờ còn cãi nhau nhiều hơn trước nữa kia. Bây giờ giáo sỹ lại

đứng về phe Ferdinánd, còn ông lão nhà ta thì thuộc phe János.

– Nhờ *bác* nói hộ với ông ta là cháu gửi lời chào kính trọng.

Cậu cố ý không gọi bằng *mẹ* như trước nữa.

Bà Cecey trở cái áo đang thêu và chỉ sau vài phút im lặng mới trả lời:

– Vậy ta chẳng giữ con lại nữa Gergely ạ. Ta chỉ muốn mời con ăn một chút gì đã. Ta đã để riêng phần cho con. Ta không muốn quấy rầy khi con đang ngủ.

Gergely cúi đầu. Chắc cậu đang nghĩ xem có nên nhận lời ăn trưa hay không? Cuối cùng cậu nghĩ nếu không ăn thì ông bà ấy sẽ phiền lòng nên cậu nhận lời.

Bà Cecey trải một tấm khăn bằng da màu vàng lên bàn và bưng món thịt rán đã nguội ra, bà còn lấy cả rượu vang đặt bên cạnh.

Giữa lúc đó giáo sỹ Bálint cũng về đến nhà. Mọi hôm chỉ có đêm tối mới đuổi được ông rời khỏi công việc từ thiện để về nhà, nhưng hôm đó ông về sớm hơn vì tiết trời nóng nực và công việc đã làm ông mệt lử.

Cecey cũng nổi gót ông khập khiễng đi vào.

Gergely hôn tay ông giáo sỹ. Ông đẩy cậu vào bàn và cậu vừa ăn vừa trả lời những câu hỏi của ông.

– Con lớn nhanh quá đi mất. – Giáo sỹ nói và không rời mắt nhìn cậu. – Con đã bằng một người lớn rồi. Thế mà dường như con chỉ mới xa chúng ta ngày hôm qua.

Và ông nhìn quanh:

– Vica đâu rồi?

– Trong hoàng cung ấy. – Cecey trả lời.

Ánh mắt của giáo sỹ yêu cầu lời giải thích. Cecey thanh minh:

– Hoàng hậu rất yêu nó. Người không cho nó về.
– Từ bao giờ thế?
– Đã mấy hôm nay rồi.
– Không ở cạnh *thằng oắt* đấy chứ? – Giáo sỹ gắt hỏi.
– Ở bên cạnh nó đấy. – Cecey trả lời. – Anh không nghĩ rằng con tôi phải làm bảo mẫu chứ! Ở đấy đã có thừa bảo mẫu. Vica chỉ gọi là có mặt ở đấy thôi.

– Con gái anh ở bên cạnh con trai Szapolya? – Giáo sỹ giận tái mặt kêu lên.

Cecey bối rối đi khắp khiêng quanh phòng rồi quay lại nói:

– Thì có gì trong chuyện ấy nào? Chẳng phải chính anh đã từng nói là người Hung dù chó má vẫn còn hơn quân Đức là gì?

– Nhưng con gái anh mà ru con trai Szapolya!

Và ông giận quá thét vào mặt Cecey:

– Thì ra khi già nua, đầu óc con người ta lú lẫm đi như thế đấy! Vậy anh đã quên rằng bố của thằng nhóc ấy là một tên đao phủ rồi chẳng? (*) Anh vội quên rằng anh cùng tôi đã từng ăn lộc của Dózsa György rồi chẳng?

Ông cầm chiếc ghế quật mạnh xuống sàn khiến nó gãy cả chân.

Gergely há hốc mồm rơi cả miếng ăn. Cậu bỏ chạy xuống cầu thang, dắt ngựa ra, phóng đi không giã từ ai cả.

15

Cậu xuống ngựa trước hoàng thành.

Trên tường lâu đài cậu trông thấy một cái nhật quỹ to như cái bánh xe. Mặt trời lặn vào sau những đám mây và cái cốc mạ vàng của nhật quỹ ngả một cái bóng mờ nhạt lên con số bốn La Mã.

Gergely chăm chú nhìn các cửa sổ. Cậu lần lượt nhìn từng cái một, bắt đầu từ những cửa sổ tầng một, rồi đến các cửa sổ tầng gác và cuối cùng là những cửa sổ các tòa tháp.

Quân lính ra vào tấp nập trước cổng hoàng thành. Một ông già râu đốm bạc, lưng còng cũng chập chững đi vào cùng hai viên thư ký. Chắc đó là một vị quan to lắm vì ai cũng chào ông cả, còn ông lại chẳng chào ai. Hai viên thư ký ôm những cuộn giấy to. Trên vành mũ da của họ có giắt bút lông ngỗng, ở thắt lưng đeo nghiêng mực bằng đồng. Khi mặt trời ló ra, đến cả cái bóng của họ cũng chuyển động một cách đường bệ. Cuối cùng Gergely chợt trông thấy một người lính cao kều, tóc hung. Cậu chỉ trông thấy chân anh ta, đôi chân khẳng khiu bó trong cái quần đỏ và đôi ủng đỏ. Nhưng chừng đó cũng đủ cho cậu nhận ra rằng anh ta thuộc đội vệ binh thành Sziget. Tên anh ta là Nagy Bálint.

Cậu liền quay gót và vội vàng dắt ngựa đi về phía quảng trường Thánh George. Cậu không muốn để một ai trong số thuộc hạ của tướng Bálint trông thấy.

Nhưng vừa đi quá chỗ đó một chút, cậu vẫn cứ gặp phải người quen.

Đó là một anh chàng nhanh nhẹn, có bộ râu ngắn: Mártonfalvai Imre, vừa là thư ký, vừa là trung úy, vừa là quản lý, tóm lại là một bộ hạ thân tín, rất được việc của Török Bálint.

Gergely nhảy qua nắp phía bên kia mình ngựa để anh ta khỏi nhận ra mặt mình, nhưng anh chàng Imre có đôi mắt sắc sảo vẫn trông thấy cậu:

– Ở này, chú Gergely! – Anh ta kêu lên.

Gergely đành ngẩng đầu lên, đỏ mặt tía tai.

– Chú mình đến đây có việc gì thế? Đến chỗ tướng công đấy à? Còn cái của mình bỏ đầu ngựa này thì chú mình nhặt được ở đâu thế? Hẳn là không phải chọn trong đàn ngựa nhà ta!

Gergely những muốn độn thổ cùng với con vật chỉ đáng được gọi là bò ấy đi cho rồi. Nhưng cậu mau chóng trấn tĩnh được và then thò trả lời:

– Tôi đến chỗ tướng công đây. Tướng công ở đâu?

– Chẳng biết tướng công đã về chưa. Tướng công giải tù binh Đức đi đón xuntan. Trời, tướng công quả là một bậc vũ dũng. Giá chú mình được trông thấy cảnh tướng công băm vằm tụi Đức. Cách đây một tuần, tướng công từ trận địa trở về, cánh tay phải nhuộm đầy máu. Lúc ấy hoàng hậu đang ngồi bên cửa sổ. Khi phi ngựa qua trước hoàng cung, tướng công bèn giơ cánh tay phải đang cầm gươm lên cho hoàng hậu xem. Ở nhà không có dịch bò chứ?

– Không.

– Bọn tù binh đã dọn sạch cái giếng chưa?

– Rồi.

– Bọn phu đập lúa không ăn cắp chứ?

– Không.

- Các công tử có khỏe không?
- Khỏe.
- Còn phu nhân?
- Cũng khỏe.
- Chú có ra chỗ vườn ươm không?
- Không.
- Thế chú có biết người ta đã cắt cỏ hay chưa không?
- Không.
- Nào, thế chú mình định nghỉ ở đâu bây giờ? Đã có chỗ ở chưa?
- Chưa.
- Thế thì lại chỗ tở. Chú đem tin gì quan trọng đến đây à? Hay là có thư cho tướng công?
- Không. Tôi chỉ tình cờ mà đến thế thôi.
- Vậy chú mình chịu khó chờ đây một lát nhé. Tở nhoáng vào hoàng cung một cái. Hay chú cũng cùng vào một thể. Sau đó ta sẽ về nhà để chú thay quần áo. Hay chú không có quần áo mang theo? Được, rồi khắc có. Sau đó chú sẽ có thể vào hầu chuyện tướng công.

Imre đưa cậu vào sân và để cậu đứng chờ trong bóng râm.

Gergely nhìn theo con người nhanh mồm nhanh miệng đó chạy lên bậc thềm rộng bằng cẩm thạch đỏ và tự nghĩ không biết có nên trốn đi để khỏi bị tướng công Bálint quở mắng hay không?

Ôi, không thể nào tránh khỏi chuyện đó được. Uy quyền của tướng công trùm bờ cõi, trốn đi đâu cho khỏi bị câu về. Với lại, không được nói dối. Cần phải thú thực là... ôi, làm sao mà có thể thú nhận việc đó được!...

Cậu gái tai và suy nghĩ đến nẫu cả đầu, rồi cậu lại chăm chú quan sát các khung cửa sổ.

Trong khi nhìn ngang nhìn dọc như vậy, qua một kẽ hở đằng cuối sân, cậu thấy biếc lên màu xanh của cây cối sau vườn. Nếu linh vào đó thì sao nhỉ? Cậu chỉ mong được đứng từ xa mà ngắm nhìn Éva của cậu. Chỉ từ xa thôi, vì rõ ràng là những kẻ phù sinh quê mùa như cậu không thể nào được đến gần hoàng hậu rồi.

Chẳng hay họ ở đâu nhỉ? Chắc là ở một chỗ nào đó trong đám vườn cây râm mát bên kia, hoặc trong vườn, hoặc trong một khung cửa sổ. Nếu gặp, từ xa cậu cũng có thể nhận ra được Éva. Cậu sẽ nhận ra khuôn mặt trắng trẻo mịn màng, đôi mắt bồ câu như lúc nào cũng mỉm cười thân ái. Giá thấy cô, cậu sẽ vẫy mũ một cái để cho cô tha hồ mà đoán già đoán non hàng tuần lễ xem có phải đúng Gergely đã ở đó không, hay chỉ là một cậu nào giống anh ấy, hay chính đó là linh hồn của Gergely?

Trên tường quanh sân đầy những dây móc sắt to, nặng. Những móc sắt ấy dùng cho khách đến buộc ngựa. Gergely cũng buộc ngựa vào đấy rồi lặng lẽ đi qua đám lính tráng và lẩn vào một lối đi hẹp, cành lá xùm xòa.

...

Gergely tưởng rằng ở đó có lối vào vườn. Nhưng có ai lại mở lối vào khu vườn thênh thang qua một chỗ hẹp như thế cơ chứ! Không một dấu vết gì tỏ ra có cổng ngõ ở đó cả. Một bên ngõ hẹp là hàng rào sắt cao, một bên là tường nhà. Thời xưa những nhà bác học và nghệ sỹ của vua Mátyás đã từng ở tại khu này, về sau đến các giáo sỹ Ba Lan và đám nội thị dưới triều vua Ulászló, sau nữa là chỗ ở của thị nữ.

Song Gergely chẳng biết một tí gì về những chuyện đó cả. Cậu chỉ mãi nhìn dãy hàng rào sắt. Hàng rào sơn trắng và những đầu cọc đều mạ vàng. Ở một đôi nơi cành cây vươn cả ra phía ngoài. Thỉnh thoảng Gergely lại nhìn vào vườn. Chốc chốc cậu lại thấy một lối đi rải cuội hoặc một vài cái viên đình nho nhỏ, mái lợp bằng ngói men xanh. Một đôi chỗ còn có những con quạ sắt ngồi trên các cọc rào, nhưng cũng có con chỉ còn lại độc cái chân bấu trên cọc sắt. Qua cành lá Gergely bỗng trông thấy mấy vệt màu hồng. Y phục phụ nữ.

Tim Gergely đập rộn rã.

Cậu vừa thận trọng lần theo hàng rào vừa ghé mắt nhìn vào vườn. Cuối cùng cậu trông thấy một đám phụ nữ dưới gốc một cây bồ đề cổ thụ.

Họ đang ngồi quanh một cái nôi. Tất cả đều mặc y phục màu hồng nhạt, chỉ có một bà có khuôn mặt thon dài, tay mảnh khảnh, mặc đồ đen. Mặt bà ta trắng xanh và đượm buồn. Chỉ khi cúi xuống nhìn vào trong nôi bà ta mới mỉm cười, nhưng cả nụ cười của bà cũng đầy phiền não.

Gergely không thấy rõ những gì ở quanh nôi, cái nôi bị một bà to béo che khuất. Bà này đang đưa qua đưa lại một cành lá nhỏ trên nôi. Gergely cứ loanh quanh tìm một chỗ để nhìn cho rõ hơn. Cậ thấy rồi, có tất cả bốn thiếu phụ ở quanh nôi và một người thứ năm đang cúi húi bên cạnh một cái độc bình cao cổ to tướng bằng cẩm thạch.

Cậu chạy dọc theo hàng rào đến chỗ đó. Đúng là Éva bé bỏng của cậu rồi. Cô ta mới mau lớn làm sao chứ! Cô đang nhặt những hạt dẻ gai bỏ vào một cái lẵng.

– Vicuska! Vicuska! – Cậu khe khẽ gọi qua hàng rào.

Cô thiếu nữ ở cách hàng rào độ vài chục bước. Cô đang ngêu ngao một bài hát gì đó, vì thế cô không nghe tiếng Gergely.

– Vicuska! Vicuska!

Cô gái ngừng đầu lên, rất ngạc nhiên nhìn về phía hàng rào.

– Chú mèo con! – Gergely suýt bật cười nhắc lại. – Chú mèo con ơi! Lại đây nào!

Cô gái không thể trông thấy Gergely đang đứng sau cành lá rậm của cây tần hà liễu nhưng cô đã nhận ra tiếng cậu.

Cô đi tới như một chú nai con, đang đi chột dừng lại rồi lại thoát bước nhanh tới, đôi mắt mở to chăm chú nhìn, ngạc nhiên quên cả chớp.

– Anh đây, Vicuska! – Gergely lại lên tiếng.

Cô gái chạy ngay đến. Cô vỗ hai bàn tay vào nhau:

– Gergô! Anh làm cách nào mà đến đây được thế?

Niềm vui bừng sáng cả người cô, cô tì mặt vào quăng hờ giữa hai cọc rào cho Gergely hôn. Gergely cảm thấy một mùi hương thơm dịu dàng như mùi hoa kim ngân nở vào tiết tháng tư. Rồi cả hai đều nắm lấy cọc rào, tay để gần tay. Cọc rào tuy lạnh nhưng tay họ vẫn nóng ran. Mặt cả hai đều ửng đỏ.

Cậu thiếu niên vẫn tắt kể lại những chuyện xảy ra đã đưa cậu tới đây, và trong lúc kể không hề rời mắt ngắm nghía khuôn mặt, bàn tay và y phục của cô gái.

Cô mau lớn ghê, và đẹp ra nhiều quá! Chỉ có đôi mắt đẹp, mở to, ngây thơ là còn như cũ.

Một người khác có lẽ sẽ không thấy cô gái đẹp. Bởi vì cô đang ở lứa tuổi mà chỉ tay chân phát triển còn khuôn mặt vẫn non nớt. Ngực còn lép như ngực con trai, tóc đang ngắn cùn cồn. Mặc dù vậy, đối với Gergely tất cả đều rất đẹp. Bàn tay to của cô cũng khiến cậu thích, cậu cảm thấy nó

trắng ngần và êm như nhung, cậu ngấm cả đôi bàn chân đang đi một đôi giày vừa vặn rất xinh.

– Anh có một cái nhẫn đây. – Cậu nói và móc túi lấy cái nhẫn Thổ to tướng.

– Cái này là của thầy học anh cho anh và anh tặng em đây, Vicuska ạ.

Vica cầm lấy cái nhẫn, thích thú ngấm nửa vầng trăng cùng những ngôi sao bằng kim cương rồi xỏ vào ngón tay và nhoẻn miệng cười.

– Cái nhẫn mới to chứ! Đẹp quá!

Thấy nó cứ lỏng lẻo trên ngón tay, cô bèn xỏ cả hai ngón tay vào.

– Bao giờ em lớn lên thì tuyệt lắm đấy, còn bây giờ anh cứ giữ lấy đã.

Rồi với một sự thành thật trẻ con, cô nói thêm:

– Anh biết không, đến khi nào em sẽ là vợ anh ấy mà!

Mặt Gergely bỗng ỉu xìu.

– Em sẽ không là vợ anh đâu, Vica ạ.

– Không thật chứ? – Cô gái hỏi có vẻ dỗi.

– Em toàn sống cạnh những vua với chúa. Người ta không gả em cho người nghèo như anh đâu.

– Ô, sao lại không. Anh tưởng em coi họ là ghê gớm lắm à? Hoàng hậu cũng đã có lần bảo em hãy yêu mến ấu vương rồi bà sẽ kiếm cho em một ông chồng thế này thế nọ. Em trả lời rằng em đã có rồi. Em nói cho bà ta biết cả tên anh nữa, em còn nói rằng Török Bálint là cha nuôi của anh.

– Em nói thế à? Thế hoàng hậu bảo sao?

– Hoàng hậu cười ngặt cười nghèo tí nữa thì ngã lăn xuống ghế.

– Bà ấy cũng ở trong vườn đấy à?

– Ủ. Người mặc đồ đen ấy.
– Bà ấy đấy à?
– Bà ấy đấy. Đẹp quá phải không anh?
– Đẹp. Nhưng anh tưởng tượng phải đẹp hơn nữa cơ.
– Đẹp hơn nữa cơ à? Thế chưa đủ đẹp hay sao?
– Anh chả thấy vương miện vương miếc gì trên đầu bà ấy cả.
– Nếu anh muốn, anh có thể nói chuyện với bà ấy được đấy. Bà rất tốt. Bà không biết tiếng Hung^(*).

– Thế bà nói tiếng gì?
– Tiếng Ba Lan, tiếng Đức, tiếng La Tinh, tiếng Ý, tiếng Pháp, nghĩa là tất cả mọi thứ tiếng trên đời, chỉ trừ tiếng Hung. Tên anh bà cũng đọc là Kerkơ.

– Anh biết nói chuyện gì với bà ấy được. – Gergely lảng tránh. – Mặc dù anh cũng có biết vài tiếng Đức. Nhưng Vica này, nếu lần sau anh đến Buda nữa thì làm sao mà gặp em được.

– Làm sao ấy à? Để em sẽ nói với hoàng hậu cho phép anh vào.
– Bà ấy cho phép à?
– Sao lại không? Bà yêu em lắm, cái gì cũng cho phép em cả. Cả nước hoa của bà nữa. Anh xem tay áo em đây này, có thơm không? Các hoàng hậu đều thơm như thế cả đấy! Rồi cả sách kinh của bà, bà cũng cho em xem. Những bức ảnh trong ấy mới đẹp chứ! Có cả ảnh Đức Mẹ Maria mặc áo lụa xanh đứng giữa khóm hồng, giá anh mà được thấy!

Từ phía cây bồ đề vẳng lại tiếng eo éo như tiếng kêu của con mèo bị người ta giẫm phải đuôi.

Éva giật mình:

– Chết! Ấu vương đã thức dậy rồi. Anh chờ em một tí nhé.

– Vica, anh không thể chờ được, nhưng mai anh sẽ đến.

– Được. Ngày nào anh cũng đến đây vào giờ này nhé!

Rồi cô chạy về phía ông vua bé con.

16

Chẳng có việc gì xảy ra đúng như chúng ta đã suy tính trước cả. Sau khi Török Bálint về đến nhà, hàng mấy giờ liền không ai có thể nói chuyện với ông được, ông khóa mình trong phòng riêng và cứ đi đi lại lại trong phòng. Ở các phòng bên người ta nghe rõ bước chân đều đều, nặng nề của ông.

– Tướng công đang cáu đấy. – Mártonfalvai lo lắng nói. – Có lẽ không phải giận tôi đấy chứ?

“Vậy mà tướng công còn trông thấy mình nữa thì sẽ ra sao đây chẳng biết?” Gergely nghĩ thầm và đưa tay lên gãi đầu.

Mártonfalvai lên lên xuống xuống cầu thang đến ba lượt, cuối cùng mới dám mở cửa phòng chủ tướng.

Török Bálint đang đứng bên cái cửa sổ nhìn xuống dòng Duna. Ông còn mặc nguyên quần áo như lúc đến chỗ hoàng đế Thổ, ngay cả thanh gươm trang sức, vỏ bọc nhưng ông cũng chưa cởi ra khỏi thắt lưng.

– Cái gì thế? – Ông quay lại hỏi. – Người muốn gì đấy hử Imre? Bây giờ ta chưa muốn nói chuyện gì cả.

Mártonfalvai cúi rạp người và lui ra.

Anh dừng lại ở hành lang, lúng túng gãi tai. Nói cũng nguy, vì tướng Bálint lúc đang giận dữ thì chẳng khác nào đám mây giông, sấm sét dễ nổ ra lắm. Nhưng nhờ không nói cũng nguy thì sao? Từ trước tới giờ bất cứ ai ở nhà đến, tướng công đều vui mừng gặp mặt.

Nhà của Török Bálint dựa lưng vào cổng Fejévari. Một mặt có những cửa sổ trông sang Pest, mặt khác trông ra núi Gellert. Cuối cùng khi nhìn qua cửa sổ thấy Werbőczy vào cổng, Mártonfalvai mới hết lúng túng. Anh vội quay trở lại và mở cửa:

– Thừa tướng công, có ngài Werbőczy đến đây ạ.
– Ta có nhà đây. – Török Bálint trả lời.
– Gergely cũng ở đây đấy ạ. – Người thư ký nói, nhẹ hẫng người đi. – Chú bé Bornemissza ấy ạ.

– Gergely? Một mình ư?

– Vâng ạ, một mình.

– Chú ta đến bằng cách nào nhỉ? Bảo chú ta vào đây.

Gergely cùng đến cửa một lúc với ngài Werbőczy lưng còng, râu đã lốm đốm hoa râm.

Thấy Mártonfalvai nghiêng mình chào, Gergely cũng làm theo.

Đúng ông già này cậu đã gặp lúc nãy ở đằng hoàng cung. Ông già có hai viên thư ký đeo bút lông ngỗng ôm những cuộn giấy đi theo. (Ôi, con người danh vọng! Thời trai trẻ đã được thấy vua Mátyás).

– Xin chào bác. – Giọng nam trầm của Török Bálint từ trong phòng vọng ra.

Ông đã thoáng trông thấy Gergely.

– Xin bác cho phép tôi được nói chuyện với cậu con nuôi của tôi trước đã nhé. Vào đây con, Gergely!

Gergely lo sợ quá cứ đứng như phỗng trước mặt hai vị đại nhân. Bálint nhíu lông mày nhìn cậu hỏi:

– Ở nhà có chuyện dữ hay sao?

– Không ạ!

– Con đến đây với thầy mục sư chứ gì!!!

– Vâng. – Cậu học sinh tái mặt đáp.

– Vậy hai thầy trò đã bị bắt như thế nào? Mà mục sư đã bị chết rồi. Hai con trai của ta cũng đi cùng ư?

– Không ạ.

– Thế hai thầy trò làm thế nào mà rơi vào tay bọn Thổ?

Ông già Werbóczy lên tiếng, ông nói với một giọng hiền từ:

– Ấy kìa, chú Bálint, chú đừng có quát lên với thằng bé này như thế, nó sợ đến nỗi chẳng còn trả lời được nữa.

Rồi ông vuốt má cậu thiếu niên, sau đó đến ngồi xuống cái ghế bành bọc da đen đặt giữa phòng.

Nghe tiếng sợ, cậu thiếu niên chợt tỉnh trí lại như thể người ta vừa vẩy nước vào mặt cậu. Cậu liền mạnh dạn trả lời:

– Chẳng là chúng con định cho hoàng đế Thổ bay lên trời.

– Trời ơi! – Werbóczy thất đảm thốt lên.

Bản thân Török Bálint cũng sửng sốt.

Cậu học sinh – rồi muốn ra sao thì ra – lần lượt kể lại chuyện họ đã tải thuốc nổ lên đường quốc lộ như thế nào, và mục sư đã lâm hoàng đế với tên tổng binh ra sao.

Werbóczy đập hai bàn tay vào nhau.

– Thật là thiếu cân nhắc! Các người đã bày đặt ra một chuyện ngu xuẩn biết chừng nào!

– Chuyện ngu xuẩn không phải là ở đây, – Török Bálint dạn mạnh

thanh gươm xuống sàn đáp lại, – mà ở chỗ thầy mục sư đã không nhận ra được xuntan.

Hai ông bèn quay ra cãi nhau.

– Xuntan là bạn của ta. – Werbőczy nói.

– Là kẻ làm ta tàn hại! – Török Bálint trả lời.

– Một con người có tư tưởng cao quý!

– Một tên khốn nạn đội vương miện.

– Ta hiểu biết ông ta, còn chú không hiểu! Ta đã đến chỗ ông ta ở Konstantinope...

– Lời nói của bọn Thổ không phải là kinh thánh. Mà nếu có là kinh thánh đi nữa thì kinh thánh của chúng nó cũng không phải là của chúng ta. Kinh thánh của chúng nó dạy phải chà đạp lên người Gia Tô giáo.

– Chú lầm rồi.

– Cầu trời phù hộ cho bác, nhưng tôi đã cảm thấy cái mùi thối tha độc địa của cuộc viếng thăm này. Tôi sẽ về nhà thôi, – ông quay sang Gergely nói tiếp. – Con ơi, đáng lẽ các con đã có thể cứu được nước Hung rồi!

Khi nói câu đó, giọng ông đầy đau xót.

...

Sáng hôm sau Mártonfalvai đánh thức Gergely dậy và đặt một bộ quần áo võ đồng bằng lụa màu xanh đỏ lên bàn.

– Tướng công truyền em phải ăn mặc chỉnh tề vào. Độ mười giờ em khá sẵn sàng ở ngoài sân để cùng đi với tướng công vào hoàng cung.

Rồi anh chăm chút Gergely chẳng khác nào một bà mẹ chu đáo. Anh rửa ráy và mặc quần áo cho cậu, chải tóc cho cậu rồi rẽ một đường ngôi ở

chính giữa đầu. Anh còn dùng một miếng da nai lau sáng bóng những cái khuy vàng trên áo của cậu. Anh còn định xỏ cả đôi giày màu mận chín vào chân cho cậu nữa.

– Cái này thì em không để anh làm nữa đâu! – Gergely cười nói. – Em có phải là một đứa vô tích sự, ngổ đến nỗi không biết xỏ chân vào giày đâu.

– Thế em không sợ ư?

– Sợ gì cơ, hờ anh ký? Sợ vì phải đi đến chỗ hoàng hậu ấy à? Phu nhân của chúng ta ở nhà còn là một bậc mệnh phụ cao sang hơn ấy chứ, cho dù không có vương miện trên đầu bà đi nữa!

– Em nói cũng đúng đấy. – Anh chàng thư ký trả lời và trù mếu nhìn cậu thiếu niên. – Nhưng em phải biết, dù sao cũng vẫn là hoàng hậu.

Khi họ cùng Török Bálint tới hoàng cung, một thị vệ vội vã chạy tới.

– Thừa đức ông, hoàng hậu sai con mời đức ông đến ngay cho. Có một pasa nào đó đã đến, ông ta mang theo nhiều quà quý đến phát khiếp lên ấy!

Török Bálint quay sang bảo các dũng sỹ theo hầu:

– Chúng nó chẳng đem đến biểu không đâu, rồi các người sẽ thấy!

Toán lính ở lại dưới sân. Tướng công Bálint cùng Gergely bước lên những bậc đá cẩm thạch rộng rãi.

Người gác cửa nâng họa kích lên chào và chỉ về phía bên phải:

– Hoàng hậu mời các ngài vào điện đại trào.

– Thế thì con có thể đi theo ta được. – Tướng công bảo Gergely – Lúc nào con cũng đứng cách sau ta độ bốn năm bước và khá giữ cho ra vẻ con nhà võ. Nhớ đừng chuyện trò với ai cả! Đừng khạc nhổ, đừng ngáp vặt, khá giữ cho đúng phép tắc.

Họ đi qua những cung điện có vòm trần cuốn cao vút, có những bức

tường chạm trổ, màu sắc rực rỡ, có những gia huy hoàng tộc mạ vàng chói lọi la liệt khắp nơi, có những cửa cao và rộng, có những trần nhà màu xanh điểm những ngôi sao bạc, có những thảm nhung đỏ chói, dày và êm, nuốt hết tiếng động của bước chân đi.

Gergely choáng váng trước cảnh lộng lẫy đó. Cậu cảm thấy dường như trong mỗi xó xỉnh đều có một linh hồn đội vương miện đang thì thào:

– Các người đang dẫm lên dấu chân của các bậc tiên đế đấy nhé! Không khí nơi đây các bậc tiên đế đã từng hít thở!

Trong điện đại trào đã có năm vị đại thần mặc triều phục lộng lẫy đứng chờ. Đằng sau họ là các võ đồng và tùy tướng. Máy người lính cấm vệ cầm họa kích đứng bên ngai vàng nhưng trên ngai vàng chưa có ai ngồi cả.

Điện này cũng có trần uốn vòm như các điện khác, những ngôi sao trên nền trần lót lụa xanh ghi lại bầu trời trong giờ phút dân tộc tôn Mátyás lên làm vua.

Phía sau ngai vàng có một bức tường lớn màu hồng, trên đó thêu quốc huy bằng chỉ vàng. Ở giữa quốc huy còn có một gia huy nhỏ: một con rắn và ba con báo đội vương miện đứng dưới con phượng hoàng Ba Lan. Đó là gia huy của họ Szapolya.

Một trung úy thị vệ bước tới trước mặt Török Bálint:

– Hoàng hậu truyền mời đức ông.

Gergely ở lại một mình giữa đám võ đồng và thư ký. Cậu quay sang phía hai thanh niên đang nói chuyện ở bên cạnh và tự giới thiệu:

– Tôi là Bornemissza Gergely, võ đồng của Török Bálint.

Một chàng trai có cái nhìn vui tươi, nước da rám nắng, tóc hung hung, chìa tay ra cho cậu bắt.

– Tớ là Zoltay István, thuộc quân ngũ của chủ tướng Batthyány.

Chàng trai kia, một chàng trai có cái cổ ngắn tũn, béo lùn, vẫn đứng khoanh tay nhìn phớt qua vai Gergely.

Gergely tự ái, trừng trừng nhìn anh ta. (Cái thằng công tử đầu bò này chắc đang khinh miệt ta đây!)

– Tôi là Bornemissza Gergely. – Cậu ưỡn ngực nhắc lại.

Tay đầu bò trịch thượng nhìn cậu:

– Thì có gì đáng đáng đến tớ, hờ chú lỏi? Tên của võ đồng là *câm miêng*.

Gergely đỏ bừng mặt, mắt cậu lóe lên nhìn chàng trai kiêu ngạo:

– Tôi không phải là võ đồng của anh! Còn chủ tướng của tôi không gọi tôi là *câm miêng* mà gọi là *đừng chịu nhục!*

Tay đầu bò nhìn cậu từ đầu đến chân.

– Được, khi nào ra ngoài sân tớ sẽ nói cho cậu biết tên của tớ.

Và anh ta đưa bàn tay lên phác một cử chỉ dễ hiểu.

Zoltay đứng xen vào giữa hai người:

– Bậy nào, Mekksey, chẳng nhẽ cậu lại ấy chú bé này!

– Tôi không phải là chú bé nữa một khi người ta xúc phạm đến tôi. – Gergely trả lời. – Dobó István đã trao kiếm cho tôi từ năm tôi lên bảy và đã gọi tôi là dũng sỹ.

Nghe đến tên Dobó, Zoltay quay ngay lại và đặt tay lên vai Gergely:

– Này, vậy cậu là chú bé đã đoạt ngựa của một tên ionisa đấy à?

– Vâng. – Gergely trả lời với niềm vui sướng, tự hào.

– Ở đâu gần Pécs phải không?

– Ở Mecsek.

– Nào, cậu bạn nhỏ, vậy thì hãy cho tớ bắt tay cậu một lần nữa.

Anh ta nắm chặt và lắc lắc bàn tay Gergely rồi ôm lấy cậu.

Mekcsey trong lúc đó vẫn đứng quay lưng lại phía họ.

– Cái tay lắc lảo cục cấn này là ai thế? – Gergely trở Mekcsey hỏi.

– Một chàng trai tốt bụng đấy, chỉ phải cái hơi gai góc một tí thôi.

– Nhưng tôi không chịu để yên thế đâu!

Gergely hùng hổ nói và tới vỗ lên vai Mekcsey:

– Ngài có nghe không đấy...

Mekcsey quay lại. Gergely nói tiếp:

– Khoảng nửa đêm hôm nay chúng ta có thể làm quen với nhau ở quảng trường Thánh George, – và cậu đập tay lên bao gươm.

– Tớ sẽ ở đấy. – Mekcsey trả lời cụt lủn.

Zoltay lắc đầu.

Trong điện bỗng như có một cơn gió thoảng qua, tất cả đều xao động. Hai người lính cấm vệ cầm họa kích bước vào cửa, rồi đến một vài chức nội thị: thái giám, hộ chính, một giáo sỹ áo đen – chắc hẳn là thầy trợ tế của cung đình; sau đó đến bốn võ đồng, rồi hoàng hậu bước ra; sau hoàng hậu là giám mục nhiếp chính, Török Bálint, Werbőczy, Batthyány Orbán và lão tướng Petrovich.

Gergely đỏ mặt ngóng nhìn về phía cửa, cậu đang chờ một người nữa đến. Cậu tưởng rằng các ông đã có võ đồng thì một bậc mệnh phụ như thế này thế nào chả có những tùy nữ vây quanh. Nhưng chẳng có một tùy nữ nào đến cả.

Hoàng hậu mặc tang phục và choàng một tấm voan, chỉ có chiếc vương

miện hình vành trăng mảnh dẻ, dát kim cương lấp lánh trên đầu. Bà ngồi lên ngai vàng. Hai người lính cấm vệ đến đứng đằng sau, các đại thần chia nhau đứng hai bên.

Hoàng hậu nhìn quanh điện, bà còn hỏi nhỏ giám mục nhiếp chính một điều gì nữa rồi mới yên vị trong ngai vàng.

Nhiếp chính ra hiệu cho người nội thị đứng ở cửa.

...

Sứ giả của hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ bước vào: đó là một người cao lớn, mặc đồ lụa trắng, vàng đeo đầy mình.

Vừa bước vào cửa, hắn đã cúi chào sát đất rồi vội vàng như chạy, hắn đi đến chỗ tấm thảm trước ngai vàng. Đến đó hắn giơ hai tay ra vái và nằm ẹp bụng xuống.

Đi theo hắn còn có mười thiếu niên nước da ngăm đen, thuộc loại võ đồng, quần áo màu vỏ chanh. Chúng cũng vội vội vàng vàng như quan thầy của chúng. Từng đôi một chúng lễ mễ khiêng những cái hòm phủ nhung tím. Chúng đặt những cái hòm xuống hai bên viên sứ thần rồi cũng phủ phục xuống thảm.

– Sứ thần Ali, cầu Chúa phù hộ cho ông. – Hoàng hậu nói bằng tiếng La Tinh.

Giọng của bà nhẹ như ru. Không thể biết được vì phổi yếu hay vì tâm hồn bà dịu dàng.

Tên Thổ đứng dậy. Đến lúc này mới rõ hắn là một người Ả Rập có diện mạo rất đẹp. Tuổi hắn có lẽ đã đến tứ tuần.

– Muôn tâu hoàng hậu, – hắn nói tiếng La Tinh, với một giọng lạnh

lãnh, – hạ thần chuyển tới trước ngai vàng lời chào của padisa hùng mạnh. Người xin hoàng hậu hãy vui lòng tiếp nhận lời chào đó cũng như người đã vui lòng gửi tới.

Theo hiệu tay của hắc, các võ đồng mở nắp hòm và tên aga lần lượt lấy ra những vòng, những xuyên bằng vàng chói lọi, những tấm lụa, tấm nhung, một thanh gương và một cây chùy nạm ngọc rất đẹp. Hắc để tất cả lên tấm thảm dưới chân hoàng hậu.

Trên khuôn mặt trắng xanh của hoàng hậu ửng lên màu hồng phơn phớt.

Viên sứ thần còn lấy ra một cái tráp nhỏ có khóa bằng bạc chạm trổ và dâng lên hoàng hậu. Trong tráp lấp lánh những chiếc nhẫn vào loại đẹp nhất của phương Đông kỳ ảo. Hoàng hậu thật sự thích thú ngắm nghía những chiếc nhẫn.

– Muôn tâu hoàng hậu, thanh gương và cây chùy là của chúa công tôi gửi tặng ấu vương. Ngoài ra dưới sân còn có ba con ngựa nòi Ả Rập. Trong đó hai con là do hai hoàng tử của xuntan gửi đến. Hai hoàng tử cũng tới quý quốc và gửi tới ấu vương János Zsigmond những cái hôn huynh đệ. Muôn tâu hoàng hậu, có lẽ xin mời hoàng hậu ngự lãm, hạ thần đã cho chúng đứng ở chỗ để có thể nhìn qua cửa sổ cũng trông thấy.

Hoàng hậu đứng dậy và cùng các đại thần đi tới bên cửa sổ. Khi hoàng hậu đi qua, Gergely thoáng thấy cái mùi thơm mà Vica cũng có. Một thị vệ kéo bức rèm sang một bên. Ánh mặt trời tràn vào trong điện. Hoàng hậu đưa tay che mắt và nhìn xuống sân.

Ba con tuấn mã tuyệt đẹp, mang yên cương nạm vàng quý giá của phương Đông, đứng ở dưới sân. Đám lính tráng hầu hạ trong cung đang trầm trồ ngắm nghía xung quanh.

Hoàng hậu trao đổi với nhiếp chính mấy câu.

Nhiếp chính quay về phía viên sứ giả:

– Hoàng hậu rất cảm động và biết ơn xuntan đại độ về những quà tặng của Người và của hai hoàng tử. Ông khá thừa với xuntan đại độ hãy định ngày giờ để tiếp những sứ giả của ấu vương và hoàng hậu, những người sẽ chuyển đến xuntan đại độ lời cảm ơn này.

Hoàng hậu gật đầu và định lui vào nội cung, nhưng tên aga chưa nói hết việc. Hắn mỉm cười rất lễ phép nói tiếp:

– Pađisa hùng mạnh gửi tất cả những tặng phẩm này chỉ cốt để tỏ rằng Người coi ấu vương János Zsigmond như hoàng tử của Người và coi hoàng hậu như ái nữ của Người. Và chúa công tôi sẽ rất mừng nếu Người có thể trông thấy và được hôn ấu vương, con trai của tiên vương bạn Người.

Hoàng hậu thất sắc.

– Vì lẽ đó, – viên sứ giả nói tiếp, – pađisa hùng mạnh xin hoàng hậu hãy cho ấu vương lên xe cùng với nhũ mẫu và đi tới chỗ Người cùng một đoàn tùy tùng xứng đáng.

Hắn đặt trọng âm vào mấy chữ *đoàn tùy tùng xứng đáng*. Lúc đó không một ai hiểu. Nhưng đến hôm sau tất cả mọi người đều hiểu rõ.

Hoàng hậu trắng bệch như bức tường vôi. Bà phải ngả người ra sau dựa vào chiếc ngai để khỏi xỉu đi.

Tiếng xì xào kinh ngạc nổi lên trong điện. Gergely rung mình.

– Nó nói gì thế? – Mekcsey thăm thì hỏi.

– Tôi không hiểu rõ. – Zoltay trả lời và quay sang hỏi Gergely.

– Cậu có hiểu không? Chắc cậu biết tiếng La Tinh giỏi hơn tui tớ.

– Tôi hiểu. – Gergely trả lời. – Tôi sẽ nói cho anh rõ.

Nhưng trước khi cậu kịp nói thì giọng của tên Thổ đã lại vang lên:

– Không có lý do gì để lo lắng cả. Pađisa hùng mạnh chỉ đáng sợ đối với kẻ thù của Người thôi, còn đối với bằng hữu, Người chỉ là bạn tốt. Ngoài ra, đáng lẽ Người đã thân hành đến đây để bày tỏ lòng kính trọng và tấm thịnh tình của mình, nhưng muôn tâu hoàng hậu, những luật lệ tôn giáo của chúng tôi không cho phép điều đó.

Hắn dừng lại để chờ trả lời của nhiếp chính hoặc của hoàng hậu. Nhưng không thấy ai trả lời, hắn lại tiếp:

– Thêm nữa, chúa công tôi mong muốn tất cả những vị đã lập công trong việc bảo vệ thành Buda đều theo hộ giá ấu vương János Zsigmond. Người mong mỗi được biết những hào kiệt Hung, Người coi tất cả đều là những anh hùng của Người.

Thấy cả những câu đó cũng không được đáp lại, hắn nghiêng mình:

– Vậy là hạ thần đã làm xong việc ủy thác của pađisa hùng mạnh và thần xin chờ phúc đáp.

– Ba giờ chiều nay chúng tôi sẽ trả lời. – Nhiếp chính György trả lời thay hoàng hậu. – Hoàng đế sẽ được vừa lòng với lời phúc đáp của chúng tôi.

Hoàng hậu đứng dậy. Bà vẫy Török Bálint, và khi ông bước tới bên ngài, bà vịn tay vào tay ông. Rõ ràng bà không còn đủ sức để đứng vững nữa.

Buổi trưa, viên sứ thần Ali lần lượt đi thăm các vị đại thần: Frater György, Török Bálint, Petrovich Péter, người không những chỉ là hoàng thích mà còn là cha đỡ đầu của ấu vương. Ngoài ra hẳn còn đến Werbőczy, Batthyány Orbán và cả Podmaniczky János nữa.

Đến nơi nào hẳn cũng tặng một cái áo caphotan quý giá, và ở đâu hẳn cũng dùng những lời lẽ đường mật cam đoan với các quan rằng xuntan rất thịnh tình và hào phóng.

Chiếc caphotan tặng cho Török Bálint là chiếc quý nhất. Chiếc áo đó bằng lụa vàng, nặng và dài đến tận mắt cá. Những chiếc khác đều một màu tím, có lót lụa vàng da cam. Chỉ có mỗi cái tặng Török Bálint là bằng lụa vàng màu hoa hướng dương và lót nhiều trắng. Riêng cái đai dệt bằng những sợi chỉ vàng đã là một vật phẩm kỳ xảo, có lẽ phải mất cả một đời người mới làm xong được. Những cúc áo từ cổ đến thắt lưng đều bằng vàng nạm kim cương.

Thấy gia nhân chạy xô cả đến, tấm tắc ngắm nghía tặng vật đó. Török Bálint lắc đầu cười mỉm:

– Để làm vỏ chăn thì tốt đấy.

Rồi ông nghiêm nét mặt:

– Nhặt nhanh hành trang đi! Chiều nay chúng ta sẽ lên đường về nhà.

Ba giờ chiều ông lại đi sang hoàng cung. Các đại thần đã chờ ông ở thư viện. Nhiếp chính bảo ông:

– Hoàng hậu không chịu, xin ông hãy nói với Người.

Török Bálint nhún vai:

– Tôi đến từ biệt đây.

Các đại thần sửng sốt:

– Ông nghĩ gì thế?

– Tôi đã cảm thấy có gió động. Tôi không muốn bị nó bắt gặp bên ngoài thành trì của tôi.

– Ông đùa với vận mệnh của xã tắc đấy! – Werbőczy bảo ông.

– Vận mệnh xã tắc phụ thuộc vào mỗi mình tôi ư?

– Chúng ta không được làm mếch lòng xuntan. – Nhiếp chính nói.

– Tôi phải nộp đầu tôi để làm quà cho ông ta chăng?

– Ông này đâm quẫn rồi! – Werbőczy nhún vai nói. – Thế ông ta đã chẳng gửi cho ông cái caphotan đẹp nhất đấy sao? Ông ta đã chẳng ôm ông thân mật nhất đấy sao?

Török Bálint tì khuỷu tay lên giá quả địa cầu to tướng, màu xanh, dăm chiêu suy nghĩ rồi gật gù nói:

– Kẻ bầy chim khôn ngoan bao giờ cũng thối tiếng tiêu hay nhất cho con chim mà hăn ta thềm nhất.

Người nội thị mở rộng cánh cửa ra hiệu hoàng hậu đang chờ các quan.

Một cuộc bàn luận dài dòng, day dứt đã diễn ra trong cung. Hoàng hậu lo sợ cho con mình. Các vị đại thần thì vin vào vận mệnh của đất nước và dân tộc để phản đối sự khước từ yêu cầu của xuntan.

– Còn ông không nói gì ư? – Hoàng hậu quay sang hỏi Török Bálint lúc ấy đang im lặng, rầu rĩ đứng tựa vào tường.

– Thừa hoàng hậu, thần chỉ đến để bái biệt. – Ông trả lời hoàng hậu và bước lên.

– Từ biệt ư? – Hoàng hậu ngạc nhiên hỏi.

– Nội nhật hôm nay thần phải về nhà. Có những việc xảy ra khiến thần không thể nấn ná thêm một phút nào nữa. Vả chẳng thần đang ốm...

Hoàng hậu mất bình tĩnh, vịn các ngón tay:

– Hãy khoan. Nếu ốm thì ông hãy ngồi xuống đây. Ông hãy nói cho ta biết, chúng ta phải làm gì bây giờ?

Török Bálint so vai:

– Thần không tin bọn Thổ. Bọn Thổ coi tất cả những người Gia Tô giáo như chó má. Chúng ta không được trao ấu vương vào tay hăn. Ta hãy nói với hăn rằng ấu vương ốm.

Werbőczy lầu bầu:

– Ông ta sẽ trả lời: ta sẽ đợi. Và sẽ đóng lại đây. Chúng ta sẽ phải nuôi cả đạo quân, ngựa, lạc đà...

Giám mục nhiếp chính cấu kinh nói chen vào:

– Ông phải nghĩ đến cả đất nước nữa chứ! Xuntan đứng đây với một đạo quân khổng lồ. Tự chúng ta mời ông ta vào. Ông ta đã từng là bạn của tiên vương; nguyện vọng của ông ta cần phải được thực hiện! Nếu ông ta thấy chúng ta nghi ngờ thì ai dám cam đoan rằng ông ta sẽ không phát khùng lên chống lại chúng ta? Đến lúc đó ông ta sẽ không còn gọi ấu vương là con nữa, mà sẽ gọi là nô lệ.

Hoàng hậu đưa hai tay ôm lấy thái dương và ngả người ra lưng ghế:

– Ôi, hại thay cho ta, mụ đàn bà khốn khổ!... Các ông bảo ta là hoàng hậu, nhưng một kẻ ăn mày bò lê trên mặt đất cũng còn nhiều sức lực hơn

ta!... Cái cây nó cũng còn đau khi người ta ngắt hoa của nó, huống chi trái
tim người mẹ mà Đấng sáng thế đã nặn ra bằng đau khổ!

18

Trong lúc những cảnh tượng ấy diễn ra trong cung, Gergely tha thân trước tiền sảnh.

Khi cậu đang đứng bên cạnh cái lò sưởi to và cao bằng gạch men, cậu bỗng cảm thấy hình như có con nhện bò trên mặt mình. Cậu chớp lấy thì té ra là một cái lông công.

Cái lò sưởi đặt giữa hai phòng, đứng cạnh nó có thể nhìn thông sang phòng bên cạnh.

– Gergely! – Có tiếng gọi khe khẽ.

Gergely khẽ rùng mình sung sướng, quay lại. Cậu nhìn thấy khuôn mặt Vica, đôi mắt tinh nghịch của cô đang từ phòng bên nhìn sang.

– Ra ngoài hành lang đi. – Cô gái thì thầm.

Gergely lên ra. Cô gái đã chờ cậu bên khung cửa sổ. Cô nắm lấy tay cậu:

– Ta ra vườn đi!

Và cô dắt cậu đi. Họ đi qua độ bốn năm căn phòng. Phòng nào cũng đều trải thảm dày và tất cả các rèm cửa về phía mặt trời đều buông xuống. Trên các bức tường có treo chân dung các vua chúa và các vị thánh. Có cả một bức tranh vẽ cảnh hỗn chiến của kỵ binh. Bàn ghế và các bức tường đều dát vàng. Phòng này màu vỏ cua, phòng kia màu tím, phòng nữa lại màu xanh da trời. Màu sắc các phòng đều khác nhau. Phòng nào cũng rất ít đồ đạc.

Cuối cùng họ bước qua một cánh cửa và ra vườn. Gergely nhẹ nhõm cả người.

– Chỉ có mình chúng ta thôi. – Vica bảo.

Cô mặc quần áo trắng may bằng thứ vải nhẹ như voan, có đường viền ren lượn vòng quanh cổ. Tóc cô tết thành một bím lỏng lẻo sau lưng. Chân cô đi một đôi giày màu vàng. Cô đứng giữa lối đi rải sỏi, có bóng râm, bên cạnh một hàng cây cảnh. Cô tươi cười vì thấy Gergely chăm chú nhìn mình.

– Em có đẹp không? – Cô hỏi với một vẻ hồn nhiên còn giữ lại được từ những ngày tuổi nhỏ ngây thơ.

– Đẹp lắm. – Gergely trả lời. – Em lúc nào cũng đẹp. Y như một con bồ câu trắng.

– Hoàng hậu truyền may bộ quần áo này cho em đấy.

Và cô quàng tay mình vào tay Gergely:

– Lại đây anh, ta đến ngồi dưới gốc cây bồ đề kia đi. Em có nhiều chuyện muốn kể với anh lắm và chắc anh cũng thế. Em nhận ra ngay giọng của anh lúc anh gọi qua hàng rào sắt, nhưng em không tin là anh. Em luôn nghĩ đến anh. Đêm qua em cũng mơ thấy anh. Hôm ấy em cũng đã nói với hoàng hậu rằng anh đang ở đây. Bà bảo khi nào quân Thổ rút đi, bà muốn gặp anh.

Họ ngồi xuống một cái ghế đá hoa có chạm hai con sư tử trên tay vịn, dưới gốc cây bồ đề. Từ chỗ ấy có thể nhìn xuống dòng Duna và thành phố Pest trên bờ bên kia. Cái thành phố ấy nhỏ nhoi và bẩn thỉu, có thành đá cao vây quanh. Bên trong thành đá là những ngôi nhà bé nhỏ, bên ngoài thành đá là bãi cát vàng. Nhưng Gergely không nhìn sông Duna cũng

chẳng nhìn thành phố Pest. Cậu chỉ nhìn Vica thôi. Cậu ngắm nghía vẻ trong trắng như cẩm thạch của khuôn mặt cô, hàm răng tuyệt đẹp, cái cằm tròn tròn, cái cổ như nhung trắng và đôi mắt vui tươi, thơ ngây của cô.

– Kia, bây giờ anh cũng phải nói đi chứ! – Cô gái bảo cậu. – Anh ở chỗ gia đình Török như thế nào? Anh còn học nhiều nữa không? Anh nên biết bây giờ em học cả môn vẽ nữa đấy nhé! Kia, anh nhìn gì mà cứ ngây ra thế? Anh chưa nói một câu nào cả.

– Anh nhìn em, em lớn nhanh và đẹp làm sao!

– Điều đó thì hoàng hậu cũng đã nói rồi. Bà bảo bây giờ em đang phát triển thành cô gái lớn đấy. Tay chân em đã to đến mức không còn to hơn nữa đâu, vì tay và chân của con gái chỉ lớn đến tuổi mười ba là hết thôi. Anh cũng đẹp, anh Gergely ạ!

Cô đỏ mặt và lấy tay che mặt.

– Ôi, em nói những chuyện đã vớ vẩn chưa. Đừng nhìn em thế. Em xấu hổ lắm.

Nhưng cậu con trai cũng bối rối. Mặt cậu đỏ như đến tận mang tai.

Họ im lặng một vài phút. Một con én nghỉ ngơi trên cành kêu chiêm chiếp. Họ lắng nghe con chim ấy chẳng? Họ chẳng nghe nó đâu! Họ đang nghe một khúc nhạc hay hơn nhiều, khúc nhạc đang ngân vang trong trái tim họ.

– Em đưa tay đây cho anh nào. – Cậu con trai bảo.

Cô gái sẵn sàng đưa tay sang.

Cậu thiếu niên nắm lấy bàn tay cô gái. Cô chờ xem Gergely muốn gì. Nhưng Gergely chỉ lặng lẽ nhìn.

Bỗng cậu từ từ nâng bàn tay cô lên môi hôn.

Éva ửng hồng đôi má.

– Cái vườn này đẹp quá. – Gergely nói để mà nói một cái gì đó.

Họ lại im lặng. Một chiếc lá rời khỏi cành, rơi vèo xuống trước mặt họ. Cả hai cùng nhìn cái lá, rồi cậu thiếu niên bỗng lên tiếng:

– Tất cả thế là hết.

Cậu nói câu đó với một vẻ buồn rầu khiến cô gái giật mình nhìn cậu. Gergely đứng dậy.

– Ta đi đi, Vica, vì nhớ bố nuôi của anh ra.

Vica cũng đứng dậy.

Cô lại khoác tay Gergely và đi sát vào người cậu. Họ lặng lẽ đi như thế độ mười bước. Lúc đó cô gái lên tiếng:

– Sao anh lại bảo tất cả thế là hết?

– Vì thế là hết rồi.

Họ lại im lặng đi vài bước nữa. Gergely lắc đầu:

– Anh linh cảm thấy rằng em sẽ không phải là vợ anh. – Và cậu thở dài.

– Em thì lại linh cảm thấy rằng em sẽ là người ấy đấy. – Cô gái trả lời an ủi.

Cậu thiếu niên nhìn cô, nhìn vào mắt cô:

– Em hứa với anh chứ?

– Em xin hứa.

– Hứa với tất cả tấm lòng của em chứ?

– Với tất cả tấm lòng của em.

– Nhưng nếu thầy mẹ em có ý muốn khác thì sao? Và nếu hoàng hậu muốn khác thì sao?

– Em sẽ nói với họ là chúng ta đã đính ước rồi.

Họ lại đi qua các phòng. Lúc đến chỗ cánh cửa thông ra hành lang, Vica bảo:

– Chừng nào quân Thổ còn ở đây, chúng ta không thể gặp nhau được, trừ phi anh đến với tướng công Bálint. Lúc đó anh cứ lại đứng bên cạnh cái lò sưởi này, em sẽ đến với anh.

Gergely cầm lấy tay cô. Cô gái cảm thấy bàn tay của Gergely run run.

– Cho anh hôn em một cái được không? – Gergely hỏi.

Trước đây họ vẫn hôn nhau không cần phải hỏi. Nhưng giờ đây Gergely cảm thấy *cô gái này* không còn là *cô gái kia* nữa, cô gái mà hồi ở nhà, ở Keresztes cậu đã yêu như một cô em. Giờ đây cô đã nhiều hơn thế. Cô gái cũng có cảm giác tương tự, vì thế nghe Gergely hỏi, cô đỏ mặt lên.

– Anh hôn em đi. – Cô sung sướng và trang trọng nói.

Và cô không chìa má cho cậu như vẫn thường quen mà chìa đôi môi đỏ.



19

Bốn giờ chiều ấu vương đã được mặc lễ phục chính tề. Một cỗ xe dát vàng đã đợi sẵn ngoài sân để đưa ấu vương xuống thung lũng Buda cũ, nơi quân Thổ hạ trại.

Nhưng đến những phút cuối cùng hoàng hậu vẫn không muốn để con mình ra đi. Bà lấy tay ôm đầu và khóc:

– Các ông không có con! Ông không có, nhiếp chính György ạ, ông Podmaniczky cũng không có, Petrovich cũng không có nốt. Các ông biết thế nào là gửi một đứa con thơ vào hang cọp? Ai biết nó còn về được nữa hay không? Török Bálint! Ông không thể bỏ rơi ta! Ta giao phó con trai ta cho ông đấy! Ông cũng làm cha, ông tất hiểu khi lòng cha mẹ đã run rẩy lo sợ cho đứa con của mình là thế nào. Ông hãy bảo toàn cho nó như cho chính con ông vậy!

Và khi bà nói câu: *ông không thể bỏ rơi ta*, bà quên hết vẻ cao trọng của mình, quỳ sụp xuống thảm trước mặt Bálint, hai tay cầu khẩn giơ về phía ông.

Cảnh tượng đó làm tất cả mọi người xúc động.

– Trời ơi, hoàng hậu. – Nhiếp chính thốt kêu lên và nâng hoàng hậu dậy.

Török Bálint xúc động tới tận đáy lòng, nói:

– Muôn tâu hoàng hậu, thần xin hộ giá ấu vương đi. Và thần xin thề rằng hôm nay dù chỉ một sợi tóc của ấu vương bị động đến thì lưỡi gươm

của thần cũng sẽ tắm máu xuntan!

Xuntan hạ trại dưới Buda cũ. Ba cái trướng rực rỡ, liền nhau của hãn dựng trên nền nhà tắm Hoàng đế ngày nay. Gọi là trướng nhưng kỳ thực đó là cả một lâu đài bằng gỗ và gấm vóc. Bên trong ngăn ra thành các phòng lớn nhỏ, phía ngoài chói lọi những vàng là vàng.

Khoảng năm giờ chiều đoàn sứ thần Hung mới khởi hành từ sân hoàng cung. Một đại đội kỵ binh đi đầu, tiếp đến các đội lính hộ vệ của các đại thần, sau đó là các thị đồng mang lễ vật. (Họ mang những của báu của tên Bornemissza Tamás bán nước thân Đức, đi tặng xuntan). Rồi lại đến một đội lính hoàng gia gồm lính thị vệ và các nội thị, tiếp đó là những tuyến binh của các đại thần. Sau đó mới đến các đại thần và nhiếp chính György mặc áo choàng trắng. Cái áo ấy đẹp và rất sang, trắng toát bên cạnh bộ nhung phục mùa hè màu xanh điểm hoa của Török Bálint. Giữa đám đại thần là cỗ xe dát vàng, thặng sáu ngựa của ấu vương. Hai mệnh phụ cùng ngồi trong xe với nhũ mẫu. Ấu vương hai má hồng hào, mặc đồ lụa trắng, đang nhún nhảy trong lòng nhũ mẫu.

Mỗi con ngựa có một thị đồng tóc xỏa dài, mặc quần áo lụa, dắt đi. Đằng sau xe là đội cấm vệ đội mũ trụ bạc. Cưỡi ngựa đi sau họ nữa là một hàng dài những võ quan đã chiến đấu dũng cảm trong trận bảo vệ Buda vừa rồi.

Gergely cưỡi một con ngựa nhỏ màu hồng nhạt đi sau Török Bálint. Thấy chủ tướng buồn bực, cậu cũng ngồi nghiêm trên ngựa. Chỉ đến khi ngoái trông lại thấy ông già Cecey, cậu mới tươi tỉnh lên. Ông lão cưỡi ngựa mới kỳ lạ chứ! Cái chân toàn bằng gỗ thì thẳng đuốn ra, còn chân kia, cái chân chỉ từ gối trở xuống mới bằng gỗ, thì co gập lại. Cương thì cầm

bằng tay phải, và cả kiếm của lão cũng đeo về bên ấy.

Gergely chưa bao giờ thấy lão trên mình ngựa, cũng chưa hề thấy lão mang binh khí. Cậu bật cười.

Mà ông lão cũng lạ thật cơ, cứ vươn cái cổ ra. Cái mũi dẹt cắm lông đại bàng to tướng thì đội lệch một bên, ria mép – đã hơi trắng trắng – lại bôi sáp và vê nhọn hoắt như ria của các chàng trai tráng. Răng cửa của lão đã rụng hết và tuổi tác cũng đẩy mắt lão trũng sâu xuống. Lão có vẻ như một người nộm giữ dưa được trưng diện hơn là một trang hảo hán trong đội quân danh dự của Hungary.

Vì thế Gergely bật cười. Nhưng ngay lập tức cậu thấy xấu hổ và, để sửa lỗi, cậu chờ lão đến và chào:

– Xin chào bố! – Cậu vui vẻ nói. – Sao con lại không trông thấy bố từ trước nhỉ?

– Ta mới nhập vào đoàn từ chỗ này thôi. – Ông lão trở mắt đáp. – Còn con làm gì mà đẹp như tiên ấy thế?

Câu hỏi đó để chỉ bộ quần áo võ đồng bằng gấm xanh đỏ tuyệt đẹp và thanh gươm nạm ngọc trai quý giá của Gergely.

– Chủ tướng con phong con làm võ đồng. Con theo chủ tướng đi khắp nơi. Con cũng đã vào tận hoàng cung. Còn bây giờ con theo hầu chủ tướng đến trại xuntan đây.

Cậu khoe. Cậu muốn phô rằng ta đây chẳng phải là kẻ vô danh tiểu tốt như họ vẫn nhìn cậu từ trước tới giờ đâu. Cậu cũng lui tới trong cái giới mà tiểu thư Éva đang sống đấy.

Quảng trường Thánh George đông nghịt người. Trong các phố, tất cả cửa chính, cửa sổ đều mở toang. Đám trẻ con leo lên ngồi trên mái nhà và

các cành cây. Tất cả mọi người đều nô nức đến xem ông vua con. Mới bé tí tẹo thế mà đã được lập làm vua!

– Bộ dạng cái đầu thật giống đức vua cha. – Một bà nói.

Đội quân ba trăm người của Török Bálint xếp hàng đồ cả cổng thành. Toàn những chàng trai tỉnh Somogy, trong đó có một người cao hơn hẳn toàn đội một cái đầu, chả khác nào cây lúa mạch mọc lẫn giữa đám lúa mì.

Khi tới chỗ họ. Török Bálint quay ngang ngựa lại và giơ gươm lên ra hiệu cho toàn đoàn đứng lại.

– Các dũng sỹ thân mến của ta! – Ông nói trước binh lính của mình với một giọng trầm và vang. – Các người hẳn còn nhớ, cách đây chưa đầy một tháng, ở ngay tại cổng thành này, tất cả các quan và binh sỹ đã cùng ta hứa rằng chúng ta sẽ không đem thành Buda dâng cho bất cứ quân Đức hay quân Thổ?

– Chúng tôi còn nhớ. – Đội quân gào lên.

Bálint nói tiếp:

– Chúng ta đã đánh tan quân Đức. Giờ đây chúng ta đi đến trại xuntan. Có Chúa Trời chứng giám, và các người cũng hãy làm chứng cho ta, rằng ta phản đối cuộc đi sứ này.

Ông nói câu đó như sấm vang, rồi giọng ông bỗng lạc hẳn đi:

– Các con thân mến của ta, ta linh cảm thấy rằng không bao giờ ta còn được gặp lại các người nữa. Có Chúa Trời chứng giám cho ta, chỉ vì nghĩ đến đất nước mà ta chịu phục tùng, cầu Trời phù hộ cho các người!

Ông không nói được gì hơn, giọng ông nghẹn ngào. Ông chìa tay ra, binh sỹ từng người một siết chặt tay ông, những cặp mắt rưng rưng lệ. Török Bálint cúi xuống hôn một người lính và nói:

– Đây là cái hôn từ biệt của ta gửi tất cả các người!

Đoạn ông thúc ngựa phóng ra khỏi cổng thành.

– Ôi dào, chú Bálint, để làm gì cái chuyện mũi lòng ấy? – Lão tướng Werbóczi bảo ông.

Török Bálint giật cương ngựa và bực tức trả lời:

– Tôi đã chứng tỏ không phải chỉ một lần rằng tôi không phải là con người bằng chì^(*).

– Vậy nếu không lạnh thì đừng có run.

– Không đâu, bác ời, rồi chúng ta sẽ thấy ai là người nhạy cảm hơn đối với sự thay đổi của thời tiết.

Nhiếp chính György nói chen vào:

– Dù xuntan không mời chẳng nữa, chúng ta vẫn cứ phải đi đến chỗ ông ta. Không thể đối xử lạnh nhạt với ông ta được.

– Nhiếp chính György, – Török Bálint nghiêm nghị nhìn sang nói, – ông là người thông minh nhưng vẫn chưa phải là bậc thánh. Giả sử tất cả mọi người có mang tâm can bên ngoài áo đi nữa, thì một mình xuntan cũng vẫn cứ giấu kín trước chúng ta.

Nhiếp chính thản nhiên trả lời:

– Nếu quân Đức vẫn còn cười trên cổ chúng ta thì chắc ông sẽ nói khác cơ đấy!

Lính ionisa dàn thành hai hàng rào từ cổng thành đến trại quân Thổ. Chúng tung hô các vị khách Hung và ấu vương vang dội cả lên nên họ không thể tiếp tục câu chuyện được nữa.

Họ đi giữa đám đông binh lính và lều trại. Vài phút sau họ đã thấy một đoàn lộng lẫy các bãi và các pasa ra đón ấu vương.

Giá có ai từ trên cao nhìn xuống, hẳn người đó sẽ thấy hai đoàn người giống như hai hàng hoa tulip muôn màu đang tiến ngược chiều nhau trên một cánh đồng hoa lớn. Khi đã gặp nhau, họ dừng lại chúc tụng nhau rồi trộn lẫn vào nhau, họ tiếp tục đi dọc bờ sông Duna về hướng bắc, về phía ba cái trướng liền nhau giống như một tòa lâu đài xanh nổi bật lên giữa những lều trại khác.

20

Xuntan đã đứng chờ trước trướng. Mặt hăn tô đỏ chót như thường lệ. Hăn mỉm cười gật gù khi nhiếp chính György nhắc chú bé bụi bặm, mắt xanh ra khỏi xe.

Mọi người đi vào trong trướng. Gergely cũng bước vào theo sau chủ trướng. Không khí mát và hương hoa hồng dễ chịu tỏa lên người. Mùi ngựa hôi nồng nặc của trại quân, hầu như khiến người ta ngạt thở trong tiết trời nóng nực, không lọt vào được đến đây. Tên gác cửa giữ những người khác của đoàn tùy tùng lại phía ngoài.

Xuntan mặc caphortan dài chấm gót, bằng lụa màu mận chín, ngang lưng thắt đai trắng. Lụa áo ngự bào mỏng như voan để lộ cả hình dáng của cánh tay, những cánh tay gầy đang khiến cả châu Âu hồi đó phải run rẩy!

Vào trong trướng, xuntan ẵm lấy đứa bé và nhìn nó với vẻ thích thú. Đứa bé cười với hăn và giơ tay nghịch râu hăn. Hăn bèn hôn đứa bé.

Các đại thần thở phào nhẹ nhõm. Vậy thì đây đâu có phải là tên Szolimán khát máu! Đây là một ông bố hiền lành. Cái nhìn của hăn trong sáng, nụ cười của hăn chân thật. Kìa, đứa bé đang vớ tay lên ngôi sao bằng kim cương lóe sáng trên tuyban. Hăn lấy xuống đưa cho bé chơi. Hăn bảo các hoàng tử – Bálint cũng hiểu, Gergely cũng hiểu:

– Các con hôn ông vua nhỏ của nước Hung đi!

Hai hoàng tử hôn đứa bé. Cả hai cùng cười với em và em cũng cười lại.

– Các con có nhận làm anh em không nào?

– Sao lại không? – Szelim trả lời. – Chú bé dễ thương quá, y như nó đã sinh ra ở Istanbul vậy.

Gergely nhìn quanh trong trường. Thật cả một nền xanh lộng lẫy của gấm vóc! Mặt đất cũng rải thảm dày màu xanh điểm hoa. Trên vách có những cửa sổ tròn không lắp kính. Qua một cửa sổ có thể nhìn thấy đảo Margit. Dọc chân vách, la liệt những đệm ngồi dày dặn.

Trong trường không có ai khác ngoài ba đại thần: nhiếp chính György, Werbőczy và Török Bálint, cùng với người nhũ mẫu và Gergely, mà trông bộ lễ phục của cậu có lẽ tên gác cửa đã tưởng là thị đồng của ấu vương. Ngoài ra còn có hai hoàng tử xuntan, hai pasa và người phiên dịch.

Xuntan trao trả ấu vương cho nhũ mẫu và vẫn không ngớt ngắm nghía, lấy ngón tay khê bập bập vào đôi má phình phình, vuốt ve mái tóc vàng nhạt.

– Xinh quá đi mất, khỏe quá đi mất. – Hắn nhìn người phiên dịch và nói.

Tên phiên dịch bèn dịch ra tiếng La Tinh:

– Xuntan đại độ bảo rằng đứa bé đẹp như tiên và khỏe mạnh như bông hồng phương đông vừa nở sáng hôm nay vậy.

– Ta lấy làm vui lòng được thấy ấu vương. – Xuntan nói tiếp. – Các người hãy đưa về cho hoàng hậu và thưa với Người rằng ta sẽ là cha thay thế tiên vương và thanh gươm của ta sẽ canh giữ cho ấu vương cùng đất nước này.

Tên phiên dịch nói:

– Hoàng thượng vui mừng như được gặp chính con mình. Người nhận làm nghĩa tử và xòe đôi cánh quyền uy đang ngự trị thế giới che chở cho ấu

vương. Các ngài hãy thừa lại điều đó với hoàng hậu và chuyển tới hoàng hậu lời chào ân tứ nhất.

Xuntan móc túi lấy ra một cái túi lụa màu đỏ bồ đào và với một cử chỉ độ lượng, đặt vào tay người nữ mẫu.

Sau đó hẳn còn hôn đưa bé một lần nữa rồi vẫy chào từ biệt. Đó cũng là dấu hiệu để tỏ rằng xuntan đã mãn cầu sở nguyện và mọi người có thể lui ra.

Ai nấy đều thở phào hỉ hả. Người nữ mẫu bế đứa bé ra ngoài gần như chạy.

Khi họ ra khỏi trường, các pasa vây quanh lấy các đại thần và nhã nhận báo cho họ biết xuntan sẽ mở yến chiêu đãi họ. Cả những người hộ giá ấu vương trở về đến hoàng cung rồi cũng xin mời quay lại.

– Con khá hộ giá ấu vương về. – Török Bálint ngoảnh ra sau bảo Gergely rồi khoác tay một pasa biến vào trong trường.

Mặt trời lúc đó đã lặn sau rặng núi Buda và từ trên cao, những đám mây hắt ánh sáng xuống.

Ấu vương lại được đặt vào trong xe. Tay phải của em giơ lên vẫy chào các pasa và các đại thần Hung, rồi chiếc xe dát vàng lại chuyển bánh chạy lên thành Buda giữa hai hàng lính tung hô ầm ĩ.

21

Gergely phi ngựa đằng sau xa giá.

Lão Cecey tay gỗ đi đằng trước với các ông già, đám trẻ đi đằng sau.

Gergely đi sau Zoltay và Mekcsey, sóng ngựa cùng hàng với một chàng trai tóc hoe đỏ, sắp sửa béo phì ra: hai người đã làm quen với nhau từ lúc khởi hành.

– Anh Fürjes này, – cậu nói với anh ta, – em lần này mới tới Buda là một nên hầu như chẳng có ai quen biết cả.

– Cậu cần gì nào? Nếu có thể được ta sẽ vui lòng cho ngay.

Anh ta tưởng cậu thiếu niên cần tiền.

– Em có chút việc nhỏ vào quăng nửa đêm nay ở quảng trường Thánh George.

– Chuyện gì thế? – Anh kia mỉm cười hỏi vì tưởng rằng cậu thiếu niên có chuyện hò hẹn yêu đương ở quảng trường Thánh George. Anh ta lắc lắc mái tóc rậm, hoe hoe đỏ và vui vẻ kêu lên:

– Ấy, ấy!

– Câu chuyện không hoàn toàn đáng cười đâu, nhưng cũng chẳng nghiêm trọng gì lắm. – Gergely trả lời.

– Nghĩa là: trái tim.

– Không: thanh kiếm.

– Cậu không định đánh nhau đấy chứ?

– Nhưng đúng thế đấy.

– Với ai?

Gergely chỉ vào Mekksey vận võ phục bằng gấm màu xanh hồ thủy đang phi ngựa trước mặt mình.

Fürjes tròn xoe mắt, nghiêm mặt lại:

– Với Mekksey à?

– Với hân.

– Cậu có nghe không, đó là một tay có sừng có mỏ đấy!

– Có lẽ em cũng chẳng đến nỗi là cừu non.

– Tay này đã chém được cả quân Đức đấy!

– Rồi em sẽ chém hân.

– Cậu múa gươm khá đấy chứ?

– Em đã bắt đầu từ năm lên bảy.

– Thế thì khác.

Anh ta nắn bắp thịt trên cánh tay Gergely rồi lắc đầu:

– Tốt nhất là cậu xin thôi đi.

– Em ấy à? Làm sao em lại có thể xin thôi được!

– Tay ấy sẽ hạ thủ cậu. – Fürjes lo lắng nói.

– Làm sao có thể chắc trước như thế được! – Gergely kiêu hãnh đáp.

Cậu ưỡn ngực nhìn Mekksey đang phi ngựa đằng trước, rồi lại quay sang hỏi Fürjes:

– Vậy anh sẽ là người làm chứng của em nhé?

Fürjes nhún vai:

– Nếu chỉ cần người làm chứng thôi thì ta vui lòng. Nhưng nhớ có

chuyện gì xảy ra...

– Chuyện gì mới được chứ?

– Chuyện gì mà chả có thể xảy ra được. Nhưng mà này, ta sẽ không đánh nhau thay cậu hoặc vì cậu đâu đấy.

Tiếng xì xào, nhốn nháo bỗng nổi lên trong đoàn người; những tiếng kêu vô nghĩa, tiếng ngựa hục hặc. Những cái cổ bỗng như cứng đờ cả ra: tất cả đều sững sốt nhìn lên thành.

Gergely cũng ngừng nhìn lên.

Ra thế đấy, trên cổng thành Buda, ba lá cờ đại có chùm đuôi ngựa đang phấp phật trước gió. Cả trên những tháp chuông nhà thờ cũng vậy.

Trong cổng thành, vệ binh Thổ đội tuyban, vác kích đứng vào chỗ của lính Hung.

– Buda thất thủ rồi! – Một giọng lãnh lói rú lên khiến đoàn người Hung rùng cả mình như khu rừng gặp gió lửa qua.

Lão Cecey tay gỗ đã rú lên câu đó.

Không một ai đáp lại. Mọi khuôn mặt đều tái đi. Và sự câm lặng càng trở nên đờ đẫn bởi tiếng hát cầu nguyện của một muezin^(*) từ trong tháp chuông nhà thờ Đức Mẹ vắng vắng bay xa:

– Allahu akbar... Assadu anna la ilaha ill Allah...^(*)

Gergely cùng một số người phi như bay trở lại trại quân Thổ.

– Các quan đâu rồi? Có chuyện đại nghịch vừa xảy ra!

Nhưng lính ngự lâm Thổ đội mũ đỏ đã chặn họ lại ở cái trại đầu tiên.

– Chúng tao cần phải vào! – Mekcsey gầm lên như sắp khạc ra lửa. – Hoặc chúng bay nhả các quan ra đây!

Tụi lính ngự lâm không trả lời, chúng chỉ giữ chặt cán giáo chĩa vào ngực họ.

Gergely kêu lên bằng tiếng Thổ:

– Các ông nhả tướng công Török Bálint ra một chút!

– Không được! – Chúng trả lời.

Đám người Hung vô kế khả thi.

– Các quan ơi! – Một người cổ to kêu lên. – Ra mau! Nguy rồi!

Không một tiếng trả lời.

Gergely cho ngựa đi quanh sang chỗ khác. Cậu đi lên đồi chỗ bọn xpahi đóng để may ra từ đó có thể rẽ xuống chỗ các quan đang dự yến.

Đến ngang một cái lều, một giọng Hung bỗng gọi cậu:

– Em đấy ư, Gergely?

Gergely nhận ra Mártonfalvai. Anh ngồi trước một cái lều xpahi và đang ăn dưa bở với hai tên Thổ.

– Em tìm gì ở đây? – Mártonfalvai hỏi to.

– Em muốn đến chỗ chủ tướng.

– Bây giờ em chưa đến đấy được đâu! Lại đây, nhập với bọn ta!

Anh bổ dưa và chìa cho Gergely một lát, Gergely lắc đầu.

– Không cần đâu.

– Nào, cứ lại đây mà, hai tên Thổ này là bạn tốt của ta. Khi nào họ đốt đuốc lên, chúng ta cũng sẽ đi xuống và nhập vào đoàn với chủ tướng.

– *Nại đại* ngồi ăn em, – một tên xpahi to lớn, lực lưỡng, nước da nâu, vui vẻ nói và đưa bàn tay mập mập vẫy gọi Gergely.

– Không thể được. – Cậu cau có trả lời và giục ngựa đi tiếp. Cậu đi

xuống phố trại qua chỗ đám pháo thủ, đám thợ săn và đám ionisa. Cuối cùng lại đến trường xuntan. Ở đó cũng có tụi bôxtanji(*) đứng vây xung quanh. Từ phía đó cậu cũng không thể lọt vào chỗ Török Bálint được.

Các thanh niên Hung vẫn đứng kêu la ở chỗ ban nãy. Từ trong trường lớn, tiếng nhạc Thổ Nhĩ Kỳ vọng ra, đàn kanun(*) dây đồng kêu từng từng, đàn kôbô kêu phùng phùng và kèn sáo nỉ non, réo rắt.

– Bọn chó má! – Mekksey thét lên và nghiêng răng ken két.

Fürjes tức quá suýt phát khóc:

– Nếu chủ tướng ta ở lại trong thành thì việc này đâu có thể xảy ra với chúng ta được!

Anh ta là võ đồng của nhiếp chính György. Anh ta vẫn tưởng rằng nhiếp chính có tài thiên biến vạn hóa.

Khi âm nhạc lắng xuống, tất cả lại gào lên:

– Các quan ơi! Mau ra ngay! Quân Thổ chiếm mất thành rồi!

Nhưng chẳng có ai ra cả. Trời đầy mây. Mưa bỗng nhiên đổ xuống độ nửa giờ rồi lại tạnh. Trên trời những đám mây đen vội vã kéo về phía đông, trông như những đoàn quân tháo chạy.

Cuối cùng, vào khoảng nửa đêm, các đại thần mới ngật ngưỡng đi ra. Mũ lệch trên đầu, họ vui vẻ chen nhau ra cửa trường. Hai hàng đuốc dài soi đường cho họ. Hai hàng đuốc như hai con trăn lửa chạy ngoằn ngoèo lên tận cổng thành Buda. Khói đuốc nhựa thông thơm lừng cả không khí vừa trong trẻo lại sau cơn mưa.

Lúc này Mártonfalvai cũng đã đứng ở đó và tụi bôxtanji để cho những người đứng ngoài đến gặp các quan.

Mártonfalvai gọi tên các mã phu. Các đại thần lần lượt trèo lên mình

ngựa.

Trong ánh đuốc có thể thấy rõ những bộ mặt đỏ đang trở nên khó đăm đăm và chuyển dần sang màu tái. Nhiếp chính nổi bật lên giữa bọn họ với bộ mặt trắng nhợt như ma.

– Đừng khóc! – Ông bảo Fürjes đang đi bên cạnh. – Nước mắt đâu phải là thứ đáng ánh lên trong mắt người nam tử!

Từng người một, từng đôi một, từng ba người một, các tướng phóng ngựa lên thành Buda theo con đường đuốc sáng.

Gergely vẫn chưa thấy Bálint đâu cả.

Mártonfalvai đứng bên cạnh cậu, vẻ mặt cũng lo lắng nhìn vào cửa trường đang le lói một thứ ánh sáng đỏ đồng đọc.

Vị tướng đi ra cuối cùng là Podmaniczky. Ông lão đảo bước ra trên tay hai võ quan Thổ. Người ta phải vực ông lên mình ngựa.

Tiếp đó còn một vài tên da đen ăn mặc răn ri đi ra, đó là những tên hầu.

Sau đó không còn ai nữa.

Tấm rèm cửa buông xuống che nốt cả ánh sáng trong trường.

– Hai đứa mày còn chờ gì nữa? – Một tên Thổ bụng phệ đội mũ cầm lông đà điều hỏi họ.

– Chờ chủ tướng Török Bálint của chúng tôi.

– Ông ấy chưa ra à?

– Chưa.

– Thế thì pađisa đại độ đang giữ ông ấy lại nói chuyện đấy.

– Chúng tôi sẽ đợi. – Mártonfalvai bảo.

Tên Thổ nhún vai bỏ đi. Gergely bồn chồn nói:

- Em không thể chờ được, nửa đêm nay em phải có mặt trên thành.
- Vậy em cứ đi đi. Nếu có thấy tên Thổ nào trong giường anh thì cứ việc quăng nó ra nhé.

Mártonfalvai nói đùa nhưng Gergely không cười. Cậu chào anh rồi phi ngựa lên Buda.

Trăng đã lại ló ra soi sáng con đường lên thành. Những tên lính Thổ cầm kích đứng trong cổng không thèm nhìn đến Gergely. Cho đến lúc đó một số người vẫn còn được tự do đi lại. Nhưng ai biết ngày mai chúng nó sẽ không đuổi hẵn người Hung ra khỏi thành?

Tiếng vó ngựa nện lộp cộp trên đường lát đá. Trước cửa các nhà ở, Gergely cũng thấy bọn ionisa cầm kích hoặc cầm giáo. Trên tất cả các tháp cao đều cắm cờ hình nửa vành trăng dính chùm đuôi ngựa. Chỉ trên nhà thờ Đức Mẹ là còn có cây thánh giá mạ vàng.

Gergely đến quảng trường Thánh George. Cậu rất ngạc nhiên khi không thấy ai cả. Cậu cho ngựa đi vòng quanh bồn nước, quanh các khẩu thần công. Không có một ai ngoài tên lính Thổ vác giáo đứng canh bên các khẩu súng.

Gergely nhảy xuống và buộc ngựa vào bánh một khẩu thần công.

- Mà mày làm gì ở đây? – Tên Thổ quát hỏi.
- Ta chờ. – Gergely trả lời bằng tiếng Thổ. – Chả nhẽ anh lại sợ ta lấy khẩu súng thần công đi mất à?
- Ấy, ấy. – Tên Thổ thân mật đáp lại. – Vậy mày là dân Thổ à?
- Không.
- Thế thì xéo về nhà đi!
- Nhưng hôm nay ta có một câu chuyện danh dự ở đây. Ta xin anh nhẫn

nại cho một chút.

Tên Thổ liền chìa giáo vào ngực cậu:

– Cút ngay!

Gergely tháo ngựa và nhảy lên. Từ phía cổng thành Fejévari có một người đang chạy bộ đến. Gergely nhận ra Fürjes, mớ tóc hung của anh gần như tỏa sáng trong đêm tối. Anh bước đến chỗ cậu, thở hỗn hển:

– Mekcsey đang ở trong nhà tướng công Bálint. Đi đi, vì tụi ionisa không cho phép nói chuyện ngoài đường.

Gergely xuống ngựa cùng đi bộ với Fürjes.

– Chuyện đều cái gì đã xảy ra như thế nào hở anh? – Gergely hỏi.

Fürjes nhún vai:

– Sự việc đã được nặn ra một cách quỷ quyệt nhất. Trong khi chúng ta đang cùng ấu vương ở dưới trại, bọn ionisa đã thông thả đi qua cổng thành, giả vờ như muốn ngắm xem các dinh thự. Chúng cứ dãn dãn tha thẩn, nhìn nhìn ngó ngó, nhưng mỗi lúc một đông hơn. Đến khi tất cả các phố xá đều đầy rẫy lính Thổ, lúc đó, theo một hiệu kèn, bọn chúng mới rút binh khí ra và đuổi hết mọi người vào nhà.

– Bọn chó má!

– Cướp thành như vậy thì bỏ quá!

– Chủ tướng em đã bảo mà...

Những cửa sổ trong biệt thự đều mở toang. Trong một khung cửa sổ trên gác nổi rõ bóng hai mái đầu.

Đúng lúc đó bọn lính gác đổi phiên trước cổng, một tên ionisa đứng ngay giữa cổng.

– Chúng mày muốn gì? – Hắn hỏi giọng trịch thượng.

- Chúng tao ở đây. – Gergely khô khan đáp.
- Tao vừa được lệnh: nội khả xuất, ngoại bất nhập.
- Tao là người nhà Török Bálint cơ mà! – Gergely nổi cáu.
- Xéo về nhà đi con ạ, về thành Sziget ấy. – Tên Thổ khinh miệt nói.
- Để tao vào! – Gergely cáu tiết thét lên và vỗ vào bao gươm.

Tên Thổ tuốt gươm ra:

- Cút!

Gergely buông cương ngựa và cũng tuốt gươm ra. Có lẽ cậu tin vào cái thể mình không đơn độc.

Tên hộ pháp Thổ Nhĩ Kỳ vung gươm lên bổ vào đầu Gergely.

Gergely đỡ nhát chém, gươm của cậu tóe lửa trong ánh trăng mờ. Cũng trong nháy mắt đó cậu nhảy lên trước như một con mèo và chém vào mặt tên Thổ.

- Allah!

Hắn rú lên rồi lao đảo ngã dúi vào tường. Lốp vừa tường chỗ hắn dựa lưng lạo xạo rơi xuống.

Từ trên gác một tiếng kêu vọng xuống:

- Đâm đi!

Gergely cầm phập thanh gươm đến tận chuôi vào ngực tên Thổ.

Cậu sững sờ nhìn tên hộ pháp khi thấy hắn buông gươm và đổ xuống chân tường như một cái bao tải.

Gergely nhìn quanh tìm Fürjes. Nhưng gã đang chạy, quàng chân lên cổ mà chạy, về phía hoàng cung.

Thay cho gã, ba tên ionisa đội mũ to tướng đang hăm hăm xông đến,

chửi rửa ầm ĩ.

Cậu thiếu niên thấy ngay là không còn một giây nào để chậm trễ nữa. Cậu nhảy đến chỗ cánh cổng, mở ra, nhanh nhẹn bước vào và chốt lại.

Xúc động vì trận đấu, cậu còn bước thêm một vài bước với đôi chân run rẩy, nhưng khi nghe có người chạy rầm rầm xuống cầu thang gỗ, cậu ngồi bệt xuống một cái ghế dưới vòm cổng, thở hỗn hển.

Zoltay đến, gườm lăm lăm trong tay. Mekksey theo sau, cũng cầm gườm lăm lăm trong tay. Bóng đèn trong vòm cổng soi rõ nét mặt sừng sốt của cả hai.

– Cậu ở đây rồi à? – Zoltay kêu lên. – Không việc gì chứ?

Gergely lắc đầu.

– Cậu đâm chết tên Thổ rồi à?

Gergely gật.

– Hãy ngả đầu vào chỗ tim tớ đây, cậu bé anh hùng!

Zoltay sôi nổi kêu lên và ôm chầm lấy cậu thiếu niên mười lăm tuổi, người vừa vượt qua thử thách của lòng dũng cảm.

Bọn giặc đập cửa thành thành. Bọn ionisa đã đổ xô cả đến.

– Phải tẩu thoát ngay. – Mekksey nói. – Nhưng trước hết hãy cho tớ bắt tay cái đã nào! Đừng giận tớ đã xử tệ với cậu nhé!

Gergely chìa tay ra. Cậu vẫn bàng hoàng cả người, không hiểu chuyện gì đã xảy đến với mình. Cậu lặng lẽ để cho hai bạn lôi đi. Chỉ khi hai anh thanh niên xé khăn trải giường bên thành dây cậu mới sức tỉnh. Mekksey bảo cậu trèo qua cửa sổ trước tiên.

Gergely nhìn xuống.

Dưới kia, trong khoảng sâu vắng vạc ánh trăng, cậu thấy khu vườn rau

của hoàng cung ngay dưới chân mình.

22

Sáng hôm sau aga Ali lại đến triều kiến hoàng hậu. Hắn nói:

– Paḍisa đại độ thấy rằng việc Người đưa binh lính Thổ vào thành Buda là một việc tốt. Ấu vương không thể bảo vệ thành Buda chống lại quân Đức được. Paḍisa đại độ thì không thể mỗi lúc lại tới đây từ ngoài muôn dặm, hai tháng đường trường. Thừa hoàng hậu, chừnng nào ấu vương còn chưa khôn lớn, quận quốc Erdély^(*) cùng những mỏ vàng, mỏ bạc và mỏ muối ở đó sẽ đủ cho các người.

Hoàng hậu lúc này đã chuẩn bị tinh thần chờ đón tất cả những điều xấu nhất. Bà nghe tên sứ thần với một vẻ bình tĩnh pha lẫn khinh bỉ.

Tên sứ thần nói tiếp:

– Như vậy là paḍisa đại độ đặt thành Buda và nước Hung dưới sự bảo hộ của Người; một vài hôm nữa Người sẽ gửi đến lời hứa thiên tử rằng Người sẽ bảo vệ hoàng hậu và ấu vương. Bao giờ ấu vương trưởng thành, Người sẽ trả lại Buda cùng cả nước.

Các quan đại thần đều có mặt, chỉ thiếu Török Bálint và Podmaniczky. Nhiếp chính còn tái xanh hơn cả ngày thường. Mặt ông dường như hòa lẫn với màu trắng của áo choàng.

Tên sứ thần lại nói:

– Như vậy thành Buda cùng với lưu vực sông Duna và sông Tisza được đặt dưới quyền bảo hộ của paḍisa đại độ, hoàng hậu cùng các triều thần sẽ dời về Lippa để cai quản vùng Erdély cùng phần đất hữu ngạn sông Tisza.

Buda sẽ có hai tổng trấn: một Thổ và một Hung. Lão tướng Werbóczi sẽ được bổ nhiệm làm tổng trấn Hung, ông ta sẽ là pháp quan và là người cai trị dân cư Hung trong nước.

Các quan thầy đều buồn bã, chán nản, dường như họ đang đứng không phải bên cạnh ngai vàng mà bên cạnh linh cữu.

Tên sứ thần đi ra, để lại một phút im lặng trong cung.

Hoàng hậu ngẩng đầu lên nhìn các quan. Werbóczi trào nước mắt. Trên má hoàng hậu nước mắt cũng chảy dài, bà lau đi và uể oải hỏi:

– Podmaniczky đâu rồi?

– Ông ta đi rồi. – Petrovich râu.

– Không từ biệt gì cả ư?

– Thưa hoàng hậu, ông ta đã trốn đi. Sáng nay ông ta đã cải trang làm nông phu và ra khỏi thành.

– Bálint vẫn chưa về ư?

– Chưa ạ.

...

Hôm sau bọn Thổ vứt hết chuông ra khỏi nhà thờ Đức Mẹ, giật ảnh thánh xuống, xô đổ tượng Thánh vương István. Chúng quăng ra cửa những bàn thờ mạ vàng, tượng các tiên cô bằng cẩm thạch hoặc bằng gỗ, và cả thánh kinh nữa. Cây đại phong cầm cũng bị phá tan. Chúng chở xuống cho đám thợ đúc đạn hai xe đầy những ống còi bằng kẽm. Những ống còi bằng bạc, những giá nến tuyệt xảo bằng vàng, bằng bạc, những tấm thảm và khăn trải bệ thờ, quần áo lễ được chở xuống cho quan hộ chính của xuntan bằng ba xe khác. Chúng quét vôi lên những bức bích họa tuyệt đẹp của nhà

thờ. Chúng đập gãy cây thánh giá trên nóc tháp chuông rồi kéo lên cắm vào đó một tấm đồng to mạ vàng hình nửa vành trăng. Ngày hai tháng chín, xuntan cưỡi ngựa lên thành với một đoàn pasa hộ giá, cả hai hoàng tử của hãn cũng đi theo. Bọn aga lễ phục tề chỉnh đã chờ sẵn ở cổng Szombat để hộ tống xuntan đến nhà thờ giữa tiếng kèn đồng vang dội.

Xuntan phủ phục giữa nhà thờ để tạ ơn thánh thần của bọn Thổ đã phù hộ cho hãn cướp được Buda.

23

Ngày mồng bốn tháng chín, bốn chục xe bò nối đuôi nhau từ hoàng thành xuống bến sông Duna. Hoàng hậu dờ dề.

Xa giá cũng đã đợi sẵn trong sân rồng, các đại thần xúm xít vây quanh. Tất cả đều sẵn sàng lên đường. Chỉ có Werbőczy ở lại Buda cùng viên tùy tướng thân cận là Mekcsey.

Gergely cũng đứng đằng sau các quan và cậu chợt trông thấy Fürjes.

– Thế nào Gergely, em không đi cùng chúng ta ư? – Gã hỏi với giọng kẻ cả.

Gergely khinh bỉ nhìn gã từ đầu đến chân và nói:

– Không *em iếc* gì cả. Ta không phải là em của loài thỏ đế.

Gã tóc hung giật nảy người, nhưng rồi khi gặp cả ánh mắt sắc của Mekcsey, gã nhún vai.

Lão Cecey cũng gò người trên lưng ngựa giữa hàng quan lại. Gergely đặt tay lên yên ngựa của lão:

– Chào bố nuôi.

– Chào con.

– Bố cũng đi ư?

– Chỉ đến Hatvan^(*) thôi.

– Éva cũng đi à?

– Hoàng hậu đem nó đi đấy. Trưa nay nhớ lên ăn cơm chỗ mẹ và an ủi

mẹ với nhé!

– Sao bố mẹ lại để Éva đi?

– Werbóczi bảo chúng ta cứ để cho nó đi. Chỉ năm sau thôi, con đừng lo, chúng ta sẽ trở lại với hàng vạn người...

Họ không nói gì nữa. Đám vệ binh đã xuất hiện có nghĩa là hoàng hậu sắp tới.

Bà mặc tang phục, sức nức mùi thơm hoa kim ngân. Trong đám tùy nữ của bà có cả Éva. Một cái áo choàng đi đường bằng lụa mỏng màu hạt dẻ có mũ đính liền phủ trên vai cô, nhưng cô chưa kéo mũ lên: Cô nhìn quanh như thể tìm kiếm ai.

Gergely lách qua đám ngựa của các quan và đến bên cô.

– Anh không đi cùng chúng em ư? – Cô gái hỏi.

– Anh muốn đi lắm nhưng chủ tướng anh vẫn chưa về. – Gergely buồn rầu trả lời.

– Các anh đi theo sau chứ?

– Anh chả biết nữa.

Nét mặt cô gái cũng trở nên buồn thiu.

– Nếu các anh không đi theo sau thì biết đến bao giờ em mới gặp lại anh?

– Anh chả biết nữa.

Và một giọt nước mắt rưng rưng trong mắt cậu thiếu niên.

Hoàng hậu đã ngồi vào trong chiếc xe kiệu lát da rộng rãi, có mui và cửa sổ.

Vica chìa tay cho Gergely:

– Anh sẽ không quên em đâu nhỉ?

Gergely muốn nói: Không, Vica ạ, không đâu, dù sang bên kia thế giới cũng không!

Nhưng vì không nói nổi, cậu chỉ lắc đầu.

24

Mười ngày sau xuntan cũng lên đường.

Török Bálint bị hấn xích lại giải đi theo.

PHẦN BA

CON MÃNH SƯ TÙ TỘI

1

Người kỵ sỹ dừng ngựa trên bờ suối Berettyó, đó là một người lính hoàng gia khoác áo choàng xanh, đội mũ đỏ.

Anh đưa mũ lên vẫy và gọi qua bụi liễu.

– Hô hô! Nước đây!

Rồi anh cho ngựa đi xuống bờ cát lún đã bị mặt trời hun nóng, qua những bụi hoa chân cò màu vàng.

Con ngựa đi vào giữa đám cỏ mọc kín cả nước và vươn dài cổ xuống để uống.

Nhưng nó không uống.

Lúc nó ngừng đầu lên, nước từ trong mõm trong mũi nó nhỏ xuống ròn ròn. Nó phì ra hết và lúc lắc cái đầu.

– Con ngựa này làm sao thế nhỉ? – Người lính lâu bầu. – Sao mà không uống hử, đồ chó đẻ?

Con ngựa lại cúi đầu xuống rồi lại lắc hết nước ra khỏi mõm, khỏi mũi.

Trên cánh đồng còn mười tám kỵ sỹ Hung trang phục khác nhau đang phi ngựa đến, giữa bọn họ có một người cao và gầy đội mũ cầm lông đại bàng và, thay cho áo choàng, một cái áo khoác ngắn bằng nỉ màu đỏ anh đào trùm kín vai ông.

– Thừa trung úy, – người kỵ binh từ bờ nước nói vọng lên, – nước nhiễm trùng hay sao ấy, ngựa con nó không uống.

Người đội mũ cầm lông đại bàng cho ngựa nhảy xuống nước và chăm

chú nhìn những gợn sóng.

– Nước có máu. – Ông ngạc nhiên nói.

Bờ suối phủ đầy những khóm thủy liễu rậm rạp, những khóm cây đầy những tua hoa vàng. Mặt đất điểm chi chít hoa violet xanh. Gió chiều mang theo trong vạt yếm mùi thơm dịu ngọt của mùa xuân.

Người trung úy giục ngựa bì bõm lội ngược lên phía trên vài bước. Giữa những bụi cây ven bờ ông chợt thấy một chàng trai cưỡi trần. Anh ta ngồi trên một thân cây liễu và đang vốc nước suối gội đầu, một cái đầu to, góc cạnh như đầu bò tót. Mắt anh nhỏ, đen lánh, đầy cương nghị. Ria mép nhọn như hai cái đinh sắt. Cái áo chên, đôi ủng màu vàng, mũ, gươm nằm la liệt trên đệm cỏ bên cạnh.

Té ra vì anh ta gội đầu mà nước suối Berettyó có mùi máu.

– Cậu là ai thế hở cậu em? – Người trung úy lên tiếng hỏi.

Chàng thanh niên bực dọc trả lời:

– Tôi là Mekksey István.

– Còn ta là Dobó István. Cậu gặp chuyện gì thế?

– Tôi bị một tên Thổ chém phải, cái đồ trời đánh thánh vật.

Anh đưa tay lên bịt đầu.

– Thổ à? – Dobó quắc mắt lên nói. – Cái tên Thổ ngoại đạo khốn kiếp ấy chắc chưa thể đi xa lắm đâu! Chúng nó có mấy đứa? Hê, quân bay đâu! Tuốt gươm ra!

Ông vừa hét vừa thúc ngựa nhảy lên bờ.

– Các ông không phải mệt xác nữa. – Mekksey bảo ông. – Tôi đã chém chết nó rồi. Nó nằm đằng sau này này.

– Đâu?

– Gần đâu đấy thôi.

Dobó truyền cho người lính mang vũ khí của ông xuống ngựa:

– Lấy cái đấy ra và băng bó lại cho công tử đây.

– Mé trên còn có mấy người nữa. – Mekksey nói và lại lấy tay bịt lên đầu.

– Bọn Thổ ấy à?

– Không, một ông quý tộc già cùng bà vợ.

Máu lại loang đầy mặt anh. Anh lại cúi xuống nước.

Dobó cho ngựa chạy ngược lên và chỉ mấy bước đã thấy một người khác.

Người này cũng xắn tay áo ngồi bên bờ suối, đó là một ông lão tóc hoe. Một bà già béo phịch đang vừa khóc vừa gội sạch máu đỏ trên đầu cho lão.

– Chào ông bà! – Dobó nói to. – Vết thương có nặng lắm không?

Ông lão nhìn lên và vui vẻ khoát tay:

– Nhát chém Thổ Nhĩ Kỳ ấy mà!

Lúc đó Dobó mới thấy ông lão chỉ còn một tay. Ông liền xuống ngựa và nói:

– Ôi, trông bác quen quá!

Ông lão lại ngừng lên:

– Có thể lắm.

– Tôi là Dobó István.

Ông già ngẫm nghĩ:

– Dobó? Ở này, chú đấy à, chú Pista!? Thế mà chú chả nhận ra! Chú đã

từng đến nhà tôi, nhà ông lão Cecey ấy mà.

Hai người nồng nhiệt bắt tay nhau.

– Có chuyện gì ở đây thế hở bác? Làm sao hai bác lại đến nơi đồng không mông quạnh này?

–Ồ, – lão già vừa nói vừa giơ đầu ra cho bà vợ, – một bọn chó dị giáo đã cướp xe của tôi. Còn may là anh ấy vừa kịp đến lúc bọn dị giáo xông vào chúng tôi. Một anh chàng cừ khôi đấy! Anh ta chém bọn Thổ cứ như thái dưa. Nhưng ta ngồi trên xe, ta cũng chém xả vào giữa bọn chúng nó nữa đấy chứ.

– Chúng nó có mấy đứa?

– Mười đứa, bọn chó, hỏa ngục thiêu xác chúng đi! Còn may là chúng nó không địch nổi bọn ta. Ta có mang theo khoảng bốn trăm đồng vàng, nếu không hơn.

Và ông vỗ vào sườn kêu rùng rẻng. Bà vợ hỏi:

– Anh thanh niên không chết chứ?

– Không, chả chết đâu. – Dobó trả lời. – Anh ta cũng đang rửa ráy dưới kia.

Ông chợt nhìn thấy xác một tên Thổ đỏ lòm ở gần đấy.

– Để tôi xem các ngài đã gặp phải bọn nào.

Ông rẽ ngựa đi dọc nhánh suối con và dọc con đường. Trong đám cỏ ông thấy mấy xác chết: hai người Hung và năm tên Thổ; trên đường ông thấy một cỗ xe ba ngựa đổ nghiêng xuống rãnh. Một chàng đánh xe trai trẻ đang hí hục xếp lại các hòm xiềng.

– Đừng cày cục nữa, cậu em ạ. – Ông nói với anh ta. – Sẽ có người đến giúp cậu ngay bây giờ đấy.

Ông quay lại chỗ Mekksey.

– Không phải chỉ có một tên Thổ ở đây đâu, cậu em ạ, mà những năm tên. Những nhát chém đẹp lắm! Cậu có thể hành diện được đấy.

– Phải còn một tên nữa mới đúng. – Mekksey đáp. – Có lẽ hẳn chìm xuống nước, ông anh có tìm thấy hai người lính của tôi không?

– Có, tội nghiệp. Một người bị vỡ đôi đầu.

– Chúng tôi chỉ có ba người.

– Còn quân Thổ?

– Bọn chó đến những mười tên.

– Vậy bốn tên đã chạy thoát.

– Vâng.

Trong khi nói chuyện. Dobó đã xuống ngựa và xem xét vết thương trên đầu người thanh niên.

– Vết chém dài nhưng không sâu. – Ông vừa nói vừa ấn nhẹ vào vết thương rồi tự tay đặt thuốc và buộc chặt lại bằng một băng vải mỏng.

– Thế cậu đi đâu đấy?

– Đến Debrecen^(*).

– Cậu không đến chỗ gia đình Török đấy chứ?

– Nhưng chính là đến đấy.

– Ấy, cậu em ạ, ở đấy ta có một người thân: Bornemissza Gergely. Có lẽ chú ta còn trẻ con lắm. Cậu có quen không?

– Chính là tôi đi đến chỗ cậu ấy đây. Cậu ta viết thư cho tôi ngỏ ý muốn được sung vào đội ngũ chỗ tôi.

– Đã lớn thế rồi cơ à?

- Mười tám tuổi rồi còn gì.
- Tất nhiên, gia nhân tướng Bálint đã ly tán cả.
- Từ khi tướng công bị bắt, gió lửa họ phiêu bạt đi khắp nơi.
- Tinódi cũng đi rồi à?
- Ông lão lang thang khắp nơi. Nhưng hiện nay có thể ông lão cũng đang ở Debrecen.
- Cho ta gửi lời chào kính trọng và hôn ông ta nhé, cả hai công tử Török nữa.

Trong khi trò chuyện như thế, Dobó xắn ống tay áo lên và lấy giẻ lau mặt cho Mekksey. Một người lính của Dobó thì gột những vết máu trên quần áo của anh. Mekksey chỉ tay về phía vợ chồng Cecey và hỏi:

- Ông lão vẫn ở đằng kia à?
- Vẫn đằng ấy. Không có gì đáng ngại lắm. Cậu không đói à?
- Không, tôi chỉ khát thôi.

Dobó ra hiệu lấy bình nước. Ông phái những người lính khác đi giúp sửa sang lại cái xe. Sau đó họ đi đến chỗ vợ chồng Cecey. Đôi vợ chồng già đã đến ngồi trên đám cỏ cạnh cỗ xe. Cecey đang cầm một cái đùi gà tây nhai ngon lành.

– Các cậu nhập bọn với chúng tớ đi! – Lão vui vẻ kêu lên. – May mà cậu không việc gì!

Mấy người lính nhặt nhạnh chiến lợi phẩm: năm con ngựa Thổ, cũng gần ấy áo choàng và đủ các thứ binh khí Thổ.

Mekksey nhìn mấy con ngựa rồi nhìn những binh khí để dưới đất. Anh nói với Cecey:

- Mời bác chọn đi, chiến lợi phẩm là của chung.

– Ta cần gì cơ chứ. – Ông lão cười xòa trả lời. – Ta đã có đủ ngựa và binh khí.

– Thế thì tôi xin mời anh Dobó một thứ binh khí gì vậy.

– Cảm ơn. – Dobó đáp. – Nhưng ta chọn sao được cơ chứ. Ta có đánh đâm gì đâu.

– Không sao, mời anh cứ chọn đi.

Dobó lắc đầu:

– Chiến lợi phẩm, cho đến cái cúc cuối cùng, là của cậu. Còn tặng phẩm của cậu thì ta nhận cách nào đây?

– Tôi chẳng biểu không đâu!

– Thế thì lại là chuyện khác. – Dobó nói và thềm thường liếc nhìn một thanh gươm tuyệt xảo. – Giá nó là cái gì nào?

– Giá nó là nếu khi nào anh trở thành đại úy trấn thủ một thành nào đó, anh hãy nhớ gọi tôi đến mỗi khi bị ủng thít chặt chân^(*).

Dobó cười:

– Chúng ta không chơi cái trò mua trâu vẽ bóng đâu nhé.

– Vậy tôi đặt một giá khác: anh hãy đi với tôi đến Debrecen.

– Việc đó bây giờ cũng không được, cậu em ạ. Hiện nay ta là nhiệm sứ của nhà vua. Ta đi thu thuế thập phân^(*) trên những trại ấp mất dạy. May ra ta sẽ có thể đến đó vào một dịp muộn hơn...

– Thì anh cứ chọn với cái giá là anh sẽ trả bằng tình bạn của anh.

– Cái đó thì vẫn đã thuộc về cậu rồi. Nhưng để cậu khỏi giận, ta xin nhận một cái vì ta thấy cậu thật tình mời.

Ông xem xét những thanh gươm và nói tiếp:

– Bọn này là bọn quý tộc Thổ Nhĩ Kỳ đây. Một tên là bêu. Không hiểu chúng nó từ đâu đến?

– Tôi nghĩ là chúng nó ở thành Fehér.

Dobó cầm mấy thanh gươm lên. Một thanh gươm có vỏ bọc bằng nhung nạm đá quý màu xanh lam, cán chạm một đầu rắn mạ vàng, hai con mắt nạm bằng hai viên kim cương.

– Đây, cái này là của cậu, ta không chọn cái này đâu vì nó đáng giá bằng cả một gia tài đấy.

Còn hai thanh gươm khác bằng thép Thổ Nhĩ Kỳ, kém kỹ xảo hơn. Dobó cầm một cái và uốn lại thành vòng tròn.

– Thế này mới thật là thép chứ! – Ông hào hứng nói. – Đây, cái này, nếu cậu cho, ta xin cảm ơn.

– Rất vui lòng. – Mekcsey trả lời.

– Nhưng bây giờ, nếu cậu đã cho ta cái này, xin cậu hãy gia ơn thêm chút nữa, cậu hãy mang hộ đến Debrecen và nếu Tinódi còn ở đấy, cậu hãy bảo ông ta viết lên một câu gì đó mà ông ta muốn. Ở đó có thợ kim hoàn, họ sẽ khắc vào mặt thép.

– Rất vui lòng. Tôi cũng sẽ nhờ ông ta viết lên thanh gươm đầu rắn này.
– Mekcsey đáp, anh cầm thanh gươm cong chém vút một cái rồi đeo vào cạnh thanh gươm cũ.

Dobó hỏi lính của mình:

– Các người có tìm thấy tiền trong mình tên tướng Thổ không?

– Chúng con chưa soát.

– Thế thì soát xem.

Người lính kéo ngay cả xác tên Thổ đến, anh nắm lấy cổ áo hằn lồi

xềnh xệch trên cỏ. Anh lục soát ngay trước mặt họ.

Cái quần ống thụng bằng nhung đỏ không có túi nhưng anh tìm thấy trong đai lưng một túi tiền vàng và đủ các loại tiền bạc.

– Món này để xài tốt quá. – Mekcsey hồ hởi nói. – Người lính thì bao giờ cũng thiếu tiền.

Còn một cái ngù bằng vàng nạm hồng ngọc đính trên tuyban cùng một dây chuyền vàng. Tên bãi đeo sợi dây chuyền trong áo, sợi dây treo một lá bùa hộ mệnh bằng da xoắn lại như râu buồng dứa.

Mekcsey để hai vật trang sức bằng vàng lên bàn tay và đưa mời Cecey:

– Cái này thì bác phải chọn rồi.

– Cất đi, chú em ạ, cái này chú cũng cất đi. – Ông lão khoát tay nói. – Chả nhẽ ta lại cảm chồm lên mái đầu già nua của ta hay sao!

– Ta lấy cái dây chuyền ấy cho con gái, ông ạ. – Bà vợ lên tiếng. – Chúng tôi có một cô gái đẹp ở trong cung hoàng hậu. – Bà giải thích.

– Hãy đến dự đám cưới, các chú nhé! – Cecey nói và lắc lắc đôi chân. – Ta còn nhảy cho thỏa thích một phen nữa trước khi nhắm mắt.

Mekcsey bỏ sợi dây chuyền vào tay bà vợ và hỏi:

– Lấy ai đấy?

– Viên trung úy của hoàng hậu, Fürjes Adam. Có lẽ các chú cũng biết chẳng?

Mekcsey nhăn mặt lắc đầu.

– Một chàng trai cừ khôi. – Bà lại nói. – Hoàng hậu gả chồng cho con gái ta đấy.

– Cầu trời phù hộ cho họ bách niên giai lão. – Dobó nói.

Mekcsey tặng cho lính của Dobó những bộ quần áo Thổ và những binh

khí thường. Họ chuẩn bị lên đường.

Mekcsey cầm mũ lên và bực tức xoay xoay trong tay. Cái mũ bị chém gần đứt đôi. Cecey bảo cậu:

– Đừng bực mình nữa. Nếu nó không bị xẻ như thế thì bây giờ làm sao đội vừa lên đầu cậu được.

Áo quần họ còn ướt, nhưng chắc, cho đến tối mặt trời và gió sẽ hong khô.

– Cậu hãy chọn lấy hai người trong số lính của ta để họ hộ tống cậu. – Dobó bảo. – Bác Cecey, tôi cũng cử cho hai bác hai người.

– Không biết chúng ta có đi cùng đường không? – Mekcsey quay sang vợ chồng Cecey hỏi. – Có lẽ chúng ta cùng đi chẳng?

– Cậu đi đâu? – Lão già hỏi lại.

– Debrecen.

– Vậy thì ta đi cùng đường đấy.

– Vậy ba người lính cũng đủ, – Mekcsey bảo Dobó.

– Tùy ý cậu. – Dobó vui lòng đáp.

Trong khi đôi vợ chồng già sắp hòm xiểng lên xe, hai người đi qua chỗ các tử thi. Trong số đó có một tên Thổ lực lưỡng, khoảng ba chục tuổi, nằm duỗi thẳng tay thẳng cẳng, hăn mặc một cái quần ống thụng bằng dạ xanh. Nhát chém trúng ngang mắt hăn.

– Tên này ta có biết. – Dobó nói. – Ta cũng đã có lần đánh nhau với hăn.

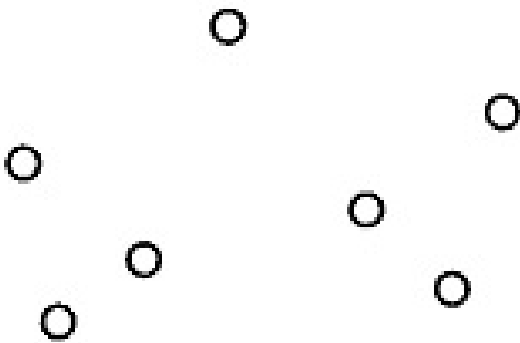
Hai người lính Hung bị băm nát, người ta đã lấy khăn phủ đầu cho một người.

Lính của Dobó chọc thủng bụng những tên Thổ rồi ném xuống dòng

Berettyó. Đoạn họ bới một cái huyệt cho hai người lính Hung dưới gốc một cây liễu già. Họ lấy áo choàng đắp lên thi thể hai người rồi lấp đất lại và cắm gươm của họ lên thay cây thánh giá.

2

Ở góc phía nam kinh thành Konstantinope sừng sững một tòa thành cổ. Bên trong những bức tường thành cao là bảy tòa tháp lùn như bảy cái cối xay gió khổng lồ đứng theo trật tự như sau:



Một nửa những tường thành đứng ngay trên làn sóng xõa của biển Cẩm Thạch, một nửa do những ngôi nhà gỗ bao quanh. Đó là thành Jedikula nổi tiếng, nghĩa là Bảy Tháp. Bảy tháp đó chứa đầy châu báu của xuntan.

Trong hai tháp giữa để những đồ trang sức bằng vàng và ngọc. Trong những tháp đứng gần phía biển cất những dụng cụ phá thành, binh khí và những đồ bằng bạc. Trong hai tháp cuối cùng là những binh khí cổ và những chiếu chỉ, sách vở thời xưa.

Trong bảy tháp đó người ta còn giam giữ những tù nhân thuộc hàng công hầu nữa. Mỗi người bị giam một cách. Có người bị cùm và nhốt trong ngách đá tối om, cũng có người được cấp đủ tiện nghi và thả lỏng chả khác nào ở nhà: được phép tự do đi lại suốt ngày trong vườn hoa, vườn rau, lên ban công các ngọn tháp, vào nhà tắm; có thể đem theo cả ba người hầu, có

thể viết thư, có thể tiếp người đến thăm, có thể chơi nhạc, có thể ăn uống thả cửa, chỉ mỗi tội không được ra khỏi thành.

Vào một ngày xuân có hai người tóc hoa râm ngồi chơi trên ghế dài trong vườn thành Bảy Tháp, cả hai đều đeo vòng cùm nhẹ quanh cổ chân.

Một người tay chống cằm tì lên đầu gối, người kia dang rộng hai tay lên thành ghế và ngả người ra phía sau nhìn mây bay.

Người nhìn mây đã nhiều tóc bạc hơn người kia, râu ông dài đến ngực, tóc rủ xuống quanh đầu như bờm sư tử.

Cả hai đều mặc quần áo Hung. Ôi, mảnh áo Hung đã sờn rách trên thân hình biết bao tù nhân trong thành Bảy Tháp!

Họ ngồi lặng lẽ. Ngày xuân tỏa hơi ấm dịu khắp vườn. Giữa những hàng bá hương, đỗ tùng và nguyệt quế, hoa uất kim hương và hoa thược dược đã nở. Trên đầu họ, những lá rộng của cây bàng cổ thụ đang uống ánh mặt trời.

Người nhìn mây nhấc cánh tay lực lưỡng xuống khỏi thành ghế và khoanh lại trước ngực, giữa chừng ông nhìn sang người bạn:

– Nghĩ ngợi gì thế hở ông bạn Maylád?

– Tôi đang nghĩ về cây dẻ của tôi. – Người kia cúi về phía trước trả lời.

– Ở Fogaras tôi có một cây dẻ...

Hai người lại im lặng. Vài phút sau Maylád lên tiếng:

– Cái cành ngoài của nó bị héo vì băng giá. Nó đã đâm chồi hay chưa? Tôi đang ngẫm nghĩ về chuyện ấy.

– Chắc chắn là nó đã đâm chồi. Cây cối bị băng giá rồi lại đâm chồi. Mầm nho cũng nẩy lên từ gốc cụt^(*). Chỉ có con người là không nẩy lộc.

Họ lại lặng lẽ một lúc.

Rồi Maylád lại lên tiếng:

– Thế còn anh, Bálint, anh nghĩ chuyện gì thế?

– Về chuyện thằng aga kapi^(*) cũng bần tiện y như những đứa khác. –
Török Bálint buồn bã trả lời.

– Điều đó thì tôi chẳng bao giờ ngờ vực cả.

– Người ta bảo rằng hăn gian lắm. Vợ tôi gửi cho hăn ba chục nghìn tiền vàng để hăn tìm mảnh lối gỡ cái cùm này ra khỏi chân cho tôi. Thế mà đã ba tháng nay.

Họ lại im lặng. Maylád với tay xuống một bông hoa bồ công anh vàng hoe giữa đám cỏ. Ông bứt nó lên. Ông vò đi vò lại trong tay một lúc rồi thả rơi xuống đất.

Và ông lại lên tiếng:

– Hồi đêm tôi nghĩ về chuyện là mãi tôi vẫn chưa hiểu được tại sao chúng nó lại bắt anh. Anh đã kể nhiều lần về chuyện chúng nó giải anh đi trên sông Duna, chuyện anh đã quật một tên lính gác vào mạn thuyền, cách chúng nó giải anh đến đây. Nhưng cái căn nguyên, cái lý do thật...

– Cái đó thực ra chính tôi cũng chẳng biết.

– Nói cho cùng thì anh vẫn ở trong tổ của anh: người ta không thể đổ cho anh tội mưu bá đồ vương.

– Chính tôi cũng đã nhiều lần day dứt về chuyện này. Mặc dù đối với bọn Thổ thì chẳng cứ phải lý do gì to tát, nhưng tuy vậy giữa nhiều nguyên do, cái gì đã làm hại tôi nhất thì tôi cũng muốn biết.

Một toán kaputji^(*) khua trống đi qua sân, sau đó họ lại chỉ còn hai người với nhau.

Bálint nói tiếp:

– Tôi cho rằng vẫn cái buổi nói chuyện đêm ấy là lý do chính. Xuntan hỏi tại sao tôi lại báo cho quân Đức biết chuyện ông ta đến. “Báo cho quân Đức? – Tôi ngạc nhiên hỏi. – Tôi không báo cho quân Đức mà là cho Perényi.” “Cũng một phường cả, – xuntan trả lời. – Perényi ngoặc với quân Đức”, và xuntan tức giận tròn xoe mắt nhìn tôi: “Nếu ông không báo cho chúng nó biết, chúng tôi đã có thể đánh úp quân Đức ở đây. Chúng tôi đã có thể bắt tất cả tướng lĩnh và ta đã có thể bẻ nát tất cả lực lượng của Ferdinánd! Thành Vienna cũng có thể đã là của ta!” Thấy tên Thổ mặt hăng ấy thét vào mặt tôi như thế, trong người tôi máu cũng sôi lên. Tôi, anh biết đấy, bao giờ cũng vẫn làm chủ trong toàn bộ cuộc đời tôi: tôi không quen che giấu những ý nghĩ của mình.

– Anh đã sừng cồ lên với ông ta à?

– Tôi không thô lỗ đâu, tôi chỉ nói với ông ta rằng sợ dĩ tôi báo cho người ta biết việc xuntan đến là chính vì tôi muốn tránh tổn thất cho những người Hung trong phe Đức.

– Đó là một sai lầm lớn!

– Lúc đó tôi đang còn tự do.

– Thế sau đó xuntan bảo sao?

– Không nói gì cả. Ông ta đi đi lại lại trước mặt tôi. Sau đó ông ta chợt quay sang viên pasa và bảo soạn cho tôi một cái lều tốt để tôi có thể ngủ lại vì hôm sau ông ta còn muốn nói chuyện với tôi.

– Thế hôm sau các anh nói chuyện gì?

– Không nói gì cả. Tôi cũng không bao giờ trông thấy xuntan nữa. Người ta dành cho tôi một cái lều to nhưng không cho đi ra ngoài. Bao nhiêu lần tôi định bước ra đều có hàng chục mũi giáo chĩa vào ngực.

– Chúng nó xiềng anh lại từ bao giờ?
– Chỉ khi xuntan lên đường về.
– Tôi thì chúng xiềng lại ngay từ khi bắt, trong cơn tức giận tôi đã khóc như một đứa trẻ.

– Tôi không biết khóc. Tôi không có nước mắt. Cả khi cha tôi mất tôi cũng không khóc.

– Anh cũng không khóc các con anh à?
– Không. – Török Bálint tái mặt đáp. – Nhưng mỗi khi nhớ đến chúng nó tôi lại cảm thấy như có ai đang xoáy mũi gươm trong ngực mình.

Ông thở dài đau đớn và gục trán vào lòng bàn tay.

– Có một tên tù binh rất nhiều lần hiện về trong ký ức tôi. – Ông nói với một vẻ buồn trầm ngâm. – Một tên Thổ gầy, xấu tính, bị tôi bắt được bên bờ Duna. Tôi giữ hắn lâu năm trong thành. Có một lần mặt đối mặt, hắn đã nguyện rửa tôi.

Họ không nói thêm gì nữa.

Xa xa có tiếng kèn vọng đến. Thịnh thoảng họ chú ý nghe, rồi sau đó lại đắm mình vào suy nghĩ.

Khi mặt trời đã nhuộm đỏ chân mây, viên trấn thủ đi khắp vườn và khi đến chỗ họ, hắn nói với họ giọng trịch thượng:

– Thưa các ngài, chúng tôi khóa cổng.

Chúng nó vẫn thường khóa cổng trước lúc mặt trời lặn độ nửa giờ và lúc đó tất cả tù nhân đều phải vào phòng giam của mình.

– Ephendi Kaputji^(*), – Török Bálint hỏi, – hôm nay có việc gì mà người ta thôi kèn ghê thế?

– Hội Uất kim hương. – Viên quan phòng thành trả lời. – Trong vườn

thượng uyển đêm nay người ta không ngủ.

Các tù nhân đều đã biết cả. Mùa xuân năm ngoái cũng đã có hội như thế. Những lúc như vậy tất cả cung phi, hoàng hậu của xuntan đều ra dạo vườn thượng uyển. Xuntan hạ lệnh dựng những lều hoa quanh các luống hoa uất kim hương và cho các thị nữ bán trong đó đủ các loại đồ chơi, đồ trang sức, lụa là, găng tay, bút tất, giày dép, khăn voan và các loại tương tự. Máy trăm cung phi của xuntan không bao giờ được ra phố, vì vậy hằng năm đến đó họ vui mừng được một lần vung tiền mua sắm.

Những dịp như vậy vườn thượng uyển vang tiếng cười đùa. Người ta treo những lồng chim vẹt, sáo, họa mi và hoàng yến lên các cành cây cho chúng đua nhau hát thi cùng nhã nhạc. Tối đến trong eo biển Bosphorus, đuốc hoa và đèn lồng rực rỡ trên thuyền rồng và trong tiếng nhã nhạc vang lừng, tất cả cung tần mỹ nữ cùng dạo thuyền ra tận biển Cẩm Thạch.

Hai tù nhân bắt tay nhau dưới chân tháp Máu:

– Chúc anh ngủ ngon, anh Maylád István ạ.

– Chúc anh ngủ ngon, anh Török Bálint ạ.

Bởi nơi đây không còn niềm vui nào khác ngoài giấc ngủ ngon. Trong giấc ngủ, người tù mơ về nhà.

Nhưng Török Bálint không hề thấy buồn ngủ. Hôm nay sau bữa trưa, trái với thói quen, ông đã nằm nghỉ và ngủ một giấc, vì vậy buổi tối ông không buồn ngủ nữa. Ông đến mở cửa sổ và ngồi nhìn trời sao.

Chiếc thuyền rồng dạo chơi ngay dưới chân thành Bảy Tháp về phía biển Cẩm Thạch. Bầu trời đầy sao nhưng không trăng. Những ngôi sao lấp lánh gần như bốc lửa và mặt biển cũng là một bầu trời nữa đang lấp lánh. Chiếc thuyền rực rỡ đèn hoa lướt giữa những ngôi sao cao tí và những

ngôi sao sâu thẳm. Nhưng hai bức tường đá cao không cho phép người tù được trông thấy cảnh đó. Chỉ có tiếng nhạc vọng tới tai ông; đàn kanun từng từng, đàn ximbalom và sênh tiền rộn rã. Mặc dù rất muốn nghe, ý nghĩ của ông vẫn lang thang về hướng khác.

Về khuya tiếng nhạc ồn ào đã lặng. Các cung nữ cất tiếng hát. Giọng hát mỗi lúc một khác, tiếng đàn dạo theo cũng khác. Nhưng Török Bálint cũng chẳng nghe được gì mấy. Ông nhìn bầu trời đã phủ đầy những đám mây đen rách rưới đang từ từ trôi. Sao vẫn le lói chiếu qua những chỗ rách.

“Ở đây trời cũng khác làm sao,” – ông thầm nghĩ. – “Trời Thổ Nhĩ Kỳ, đêm tối Thổ Nhĩ Kỳ.”

Sau đó, lúc tiếng ca hát trên thuyền ngừng lại một hồi dài, ông lại tiếp tục những suy nghĩ của mình:

“Cả đến im lặng ở đây cũng khác: im lặng Thổ Nhĩ Kỳ.”

Ông đã nghĩ đến việc đi nằm nhưng trạng thái buồn ngủ mê làm ông cảm thấy dễ chịu nên ông chờ cho đến lúc tứ chi tự cử động, cho đến lúc cơ thể ông, không cần đến ý chí chỉ huy, tự nó chuyển động và đưa ông đi nghỉ.

Tiếng thụ cầm lại ngân lên trong tĩnh mịch của đêm khuya và qua lá cành, những cung điệu Hungary bỗng bay lên chơi vơi trong đêm tối Thổ Nhĩ Kỳ.



Török Bálint cảm thấy một cảm giác rung mình vừa đau xót vừa ngọt ngào chạy từ tim ra khắp cơ thể.

Cây thụ cầm lặng đi một phút. Rồi những cung điệu run rẩy lại bay lên, dâng lên như tiếng nước nở thầm lặng trong đêm khuya.



Török Bálint ngừng đầu lên, đôi mắt trầm ngâm. Con sư tử bị giam trong cũi sắt cũng ngừng đầu lên như thế mỗi khi nghe gió núi thầm thì.

Những cung điệu của cây thụ cầm dịu dàng hạ xuống thành một tiếng thở dài tan vào im lặng để rồi những dây đàn lại nẩy lên cùng với lời ca Hung rất rõ của một giọng nữ thanh và buồn:

Ai đã uống nước Tisza^()*

Trái tim sẽ mãi nhớ về chốn đây

Ôi! Tôi cũng uống sông này.

Hơi thở của Török Bálint ngừng lại, ông đắm đắm đôi mắt về phía tiếng hát. Những món tóc bạc của ông dường như xù cả lên, mặt ông hầu như biến thành đá. Và trong khi con mãnh sư già thần người ra nghe bài hát, hai giọt nước mắt to ứa ra, lăn trên gò má và chòm râu của ông.

3

Vào khoảng nửa đêm, một gia nhân gõ cửa phòng ngủ của các công tử Török:

– Công tử Gergely!

– Có việc gì thế? Cứ vào! – Gergely nói to.

Chàng chưa ngủ, bên ánh nến chàng đang đọc Horatius^(*).

Bên hai giường kia, các công tử Török cũng tỉnh dậy.

– Người gác cổng báo tin là có một ông nào ấy đang đứng ở trước cổng. – Tên gia nhân nói.

– Tên là gì?

– Kecske^(*) hay là cái gì ấy.

– Kecske? Thằng khỉ gió nào mà lại có thể có cái tên là Kecske?

– Ông ta ở Győr đến và muốn nghỉ lại đây.

Nghe tiếng Győr, Gergely liền nhảy ra khỏi giường. Török Jancsi từ trong chăn hỏi ra:

– Ai thế hở Gergely?

– Mekksey! – Gergely vui vẻ kêu lên. – Mời ngay ngài hiệp sỹ vào.

Tên gia nhân chạy vụt đi ngay.

Gergely xỏ ủng rồi vơ vội áo choàng lên vai. Hai công tử cũng ra khỏi giường. (Jancsi đã mười sáu tuổi, Feri mười bốn.) Hai cậu rất tò mò muốn biết người khách mà họ chỉ mới nghe tên.

– Các cậu cho dọn rượu và món gì ăn nhé! – Gergely dặn với lại từ cửa phòng rồi chạy lao xuống nhà.

Khi chàng xuống đến sân thì Mekksey cũng đã vào đến đó, bên cạnh là viên quan phòng thành và người lính gác đang cầm đèn. Từ trên gác cũng có ánh đèn rọi xuống. Vệt sáng chập chờn một lát rồi chiếu lên người mới đến, lúc đó đang tặng cho mỗi người lính của Dobó một đồng tiền vàng để từ giã.

– Thế là tớ đã đến nơi. – Anh ôm chầm lấy Gergely và nói. – Suýt nữa thì tớ ngủ trên mình ngựa.

– Nhưng anh Pista, cái gì trên đầu anh thế?

– Tuyban đấy, mẹ kiếp! Cậu không thấy là tớ đã trở thành Thổ đây à?

– Anh đừng đùa! Cái khăn đầy những máu kia kìa!

– Nào, thế thì cậu cho tớ xin một cái phòng và một thau nước, rồi sau đó tớ sẽ kể cho mà nghe chuyện đi đường từ Győr đến Debrecen.

Một người hầu gái hiện ra ở đầu cầu thang và nhìn người mới đến với vẻ dò hỏi. Gergely khoát tay ra hiệu không có gì. Người hầu biến mất.

Gergely quay sang Mekksey giải thích:

– Phu nhân không mấy khi ngủ. Đêm cũng như ngày, bà vẫn ngóng chờ tin tức của tướng công.

Mekksey nằm sốt ba ngày liền vì vết thương. Suốt thời gian đó, các công tử Török và Gergely lúc nào cũng ngồi bên cạnh anh. Họ cho anh uống rượu vang đỏ và chăm chú nghe những câu chuyện của anh.

Phu nhân cũng thường đến thăm anh. Trong lúc còn sốt, Mekksey đã nói rằng anh đến vì Gergely: anh sẽ đưa chàng đi theo mình vào quân đội hoàng gia.

Các công tử Török sững sốt nhìn Gergely, còn phu nhân nhìn chàng với nét mặt buồn bã ra chiều trách móc:

– Vậy ra con có thể bỏ chúng ta mà đi ư? Ta đã không phải là mẹ thay thế mẹ của con ư? Và các con ta đã không phải là các em của con ư?

Gergely cúi đầu trả lời:

– Con đã mười tám tuổi rồi. Chả nhẽ con cứ sống một cách tồn cơm vô ích ở đây khi Tổ quốc đang cần những người lính hay sao?

Quả thật chàng đã có vẻ một chàng trai chín chắn so với lứa tuổi mình. Trên khuôn mặt nước da bánh mật, mịn màng như con gái của chàng, râu đã bắt đầu lún phún. Đôi mắt đen láy của chàng đầy vẻ thông minh và nghiêm nghị.

– Cần chính con ư? Con không thể chờ các con trai của ta cùng đi ư? Ai cũng lìa bỏ chúng ta cả. – Phu nhân gật gật đầu và lau những giọt nước mắt giàn giụa. – Nơi nào Trời đã quay lưng thì con người cũng lìa bỏ.

Gergely quỳ xuống trước mặt phu nhân và hôn tay bà:

– Thừa phu nhân, mẹ yêu quý của con, nếu mẹ hiểu việc ra đi của con như thế thì thôi vậy.

Tinódi cũng đang ngồi trong phòng. Ngày hôm đó ông vừa từ Érsekújvár đến. Ông đến để hỏi tin tức của chủ tướng, nhưng tất nhiên câu hỏi tắc lại trong cổ ông khi ông thấy lâu đài không treo cờ và phu nhân ở trong tình trạng gần như để tang.

Ông ngồi cạnh cửa sổ, trên một cái hòm bọc da gấu và đang viết chữ lên bản một thanh gươm. Nghe lời Gergely, ông ngừng tay lại và nói:

– Thừa phu nhân, xin phu nhân cho lão được phép nói leo vào câu chuyện này.

– Ông cứ nói đi, Sebestyén ạ.

– Con chim dù có bay đi đâu rồi cũng vẫn luôn luôn quay về tổ. Gergely đang muốn được tung cánh một phen. Lão nghĩ rằng nếu cậu ta được biết đó biết đây thì rất tốt. Vả lại phu nhân cũng thấy đấy, chỉ nay mai công tử János sẽ trưởng thành, lúc ấy đối với cậu ta cũng tốt hơn nếu có được một quân nhân từng trải ở bên cạnh.

Không có gì buồn cười trong những lời này cả, tuy vậy mọi người vẫn mỉm cười. Vì thi sỹ Sebestyén hể lúc nào không hát là lại hay pha trò, và dù lão có nói một cách nghiêm chỉnh người ta vẫn cảm thấy niềm vui ẩn náu trong những lời của lão.

– Rồi chúng ta sẽ nghĩ thêm xem sao. – Phu nhân gật đầu nói.

Thi sỹ lại quay về công việc.

– Bài thơ đã xong chưa đấy?

– Xong rồi ạ. Lão không biết phu nhân có thích không?

Lão cầm thanh gươm đầu rần lên và đọc:

*Ai can trường là mạnh
Người mạnh thắng như chơi
Vừa thắng vừa xông tới
Tử thần cũng tháo lui!*

– Bác viết bài ấy lên gươm của cháu nữa nhé! – Török Jancsi nói.

– Không. – Tinódi lắc đầu đáp. – Chúng ta sẽ viết bài khác lên gươm ấy.

Mekcsey nằm trong giường lên tiếng:

– Trên thanh gương của Dobó phải viết cả tên vua nữa đấy. Một câu gì đại khái như: Kính thiên, ái quốc, trung quân.

– Câu ấy lỗi thời rồi. – Tinódi trả lời. – Từ khi vương miện đặt lên đầu người Đức^(*), câu ấy đã bị loại khỏi thời thượng rồi. Nếu ông ta quả muốn viết câu đó lên gương thì chính ông ta đã tự mang gương đến.

– Cháu có một câu. – Gergely gõ ngón tay lên trán nói. – Hồi nhỏ, cháu đã được nghe một câu nói của chú ấy. Có lẽ nên khắc câu ấy lên gương.

– Câu gì thế?

– *Cái chính là không bao giờ được sợ!*

– Được đấy. – Tinódi khẽ gật đầu. – Nhưng như thế thì ý trở trối quá. Hăng gương...

Lão chống tay lên cằm suy nghĩ. Mọi người đều im lặng. Một phút sau mắt lão sáng lên:

– *Ai sợ chết, đời mau hết!*

– Thế hay đấy! – Gergely kêu lên.

Tinódi chấm bút lông ngỗng vào nghiên mực bằng gỗ để trên bậc cửa sổ rồi viết câu kiểm chú đó lên thanh gương.

Còn một thanh gương nữa chưa viết, đó là thanh gương cùng đôi với thanh của Dobó, Mekcsey tặng nó cho Gergely.

– Chúng ta viết gì lên thanh gương này bây giờ? – Tinódi nói. – Thế này có được không nhé: *Bornemissza Gergely, hãy phóng ngựa như bay!*

Mọi người cười ồ lên. Gergely lắc đầu:

– Không, cháu chả cần thơ, chỉ cần một chữ thôi. Trong chữ ấy có tất cả mọi ý thơ. Bác hãy viết cho cháu chữ này: *Vĩ Tổ quốc?*^(*)

Ngày thứ năm Dobó chợt đến. Mọi người vui mừng đón tiếp ông. Đã mấy năm nay, kể từ khi chủ tướng bị bắt, đây là lần đầu tiên người ta lại bày lên bàn những bát đĩa bằng vàng, bằng bạc. Một niềm vui rạng rỡ bất thường tỏa sáng khắp ngôi nhà.

Török phu nhân tuy vậy vẫn ngồi vào bàn với bộ tang phục thường ngày và không mang đồ trang sức. Bà ngồi vào chỗ thường ngày, chỗ nhìn ra phía cửa. Chỗ đối diện với bà cũng có ghế tựa và khăn ăn. Thoạt đầu Dobó tưởng đó là chỗ của người giáo sỹ có lẽ đến chậm, về sau ông mới nghĩ ra đó là chỗ của Török Bálint. Ở đây ngày nào, bữa nào người ta cũng vẫn dọn bát đĩa cho người chủ vắng mặt.

Török phu nhân chăm chú lắng nghe những tin tức mà Dobó biết được từ Vienna và từ các quan chức ở trong nước.

Hồi đó chưa có báo chí, chỉ qua thư từ hoặc khách khứa người ta mới có thể biết được những chuyện xảy ra ngoài xã hội cũng như những chuyện gây càn đơm nộ trên cây gia hệ của những gia đình quý tộc.

Chỉ có tên của một người là mãi vẫn chưa được nhắc đến trong câu chuyện: đó là tên của gia chủ. Gergely đã lưu ý Dobó đừng nhắc đến, cũng đừng hỏi han gì cả.

Nhưng khi các gia nhân đã lui hết ra khỏi phòng ăn, chính phu nhân lại lên tiếng hỏi:

– Tướng quân có nghe được tin tức gì về người chồng yêu quý của tôi không?

Và nước mắt bỗng chảy giàn giụa trên má bà.

Dobó lắc đầu:

– Chẳng nào tên xuntan này chưa chết, tướng công nhà ta còn khó lòng

mà được tha về.

Ý nghĩ đó đã được nói ra với một sự chân thành mộc mạc, nhưng thời đó người ta vẫn quen nghĩ sao nói vậy.

Phu nhân càng rũ đầu xuống.

Dobó cảm giận đập tay lên bàn:

– Nhưng hắn còn muốn sống đến bao giờ nữa? Những tên khát máu như thế thường không được chết già đâu!

Rồi ông nói tiếp, giọng an ủi:

– Giá có thể bắt được một tên basa nào đó, tôi sẽ đem đổi lấy tướng công.

Phu nhân buồn bã lắc đầu:

– Tôi không tin, Dobó ạ. Chúng nó giam giữ chồng tôi trong sắt thép không phải như giữ một cửa quý cướp được, mà như giữ một con sư tử, vì chúng nó sợ chồng tôi. Tôi đã hứa tất cả để chuộc lại chồng tôi. Tôi bảo chúng nó: Các ông hãy lấy tất cả súc vật của chúng tôi đi, hãy lấy tất cả vàng bạc của chúng tôi đi. Tụi basa rút túi tất cả tiền bạc của tôi gửi đến, nhưng xuntan vẫn không hề trả lời cho chúng.

– Vị tất chúng nó đã dám mang chuyện đó ra râu.

– Không thể thoát khỏi nơi ấy bằng cách nào khác được ư? – Mekksey hỏi.

Dobó đáp:

– Ra khỏi Bảy Tháp ấy à? Cậu chưa bao giờ nghe nói về Bảy Tháp hay sao?

– Tôi đã có nghe nói. Nhưng tôi cũng được nghe nói là nếu người ta quyết chí thì không có việc gì không thể.

– Cậu Mekksey thân mến, – phu nhân nói, – chả nhẽ cậu lại có thể nghĩ rằng chồng tôi và cả cái gia đình cô út này không quyết chí hay sao? Tôi đã chẳng từng đến chỗ hoàng hậu, đến nhiếp chính, đến tổng trấn Buda vì việc cứu chồng tôi đấy ư? Tôi đã chẳng từng lê gối đến cả chỗ vua Ferdinánd đấy sao? Chuyện đó tôi cũng chẳng dám viết cho người chồng đau khổ của tôi biết nữa.

Những lời cuối cùng của phu nhân ghen ngào trong nước mắt, mọi người im lặng buồn rầu nhìn bà.

Nhưng bà đã lau nước mắt và gắng gượng mỉm cười quay sang nói với Tinódi:

– Thi sỹ Sebestyén, chẳng lẽ chúng ta lại đem nước mắt ra mà đãi bằng hữu hay sao? Lão khá đem cây đàn ra đây và hát lại những bài mà ngày trước chồng ta vẫn thường ưa thích, chỉ những bài ấy thôi, Sebestyén ạ. Chúng ta sẽ nhắm mắt lại, và trong khi lão hát, chúng ta sẽ tưởng tượng tưởng công cũng đang ngồi giữa chúng ta.

Đã ba năm nay trong nhà vắng tiếng đàn của thi sỹ Sebestyén. Vừa nghe lệnh cho phép, mấy cậu thiếu niên đã vui hân lên.

Sebestyén về phòng mình lấy cây đàn tới rồi bằng một giọng êm ái lão ngâm thơ kể sự tích bà Judit và đệm đàn theo.

Câu chuyện đã mang lại niềm an ủi. Trong vai Holofernes tất cả mọi người đều nhận ra xuntan. Nhưng hỡi ôi, ngày nay còn đâu bà Judit để trừ tiệt hăn khỏi mặt đất này!

Đến nửa chừng câu chuyện, dây đàn bỗng nhiên đổi làn điệu dưới những ngón tay ông lão và bằng một giọng rất trầm rất nhẹ, lão chuyển sang bài khác:

*Nước Hung đáng thương giờ đây than khóc
Những niềm vui, tiếng cười đã mất;
Đã tiêu điều bao cơ nghiệp giàu sang
Bị tù đầy bao khanh tướng hiên ngang.*

Một cảm giác đau xót truyền đi khắp mọi người ngồi quanh bàn. Dobó cũng ứa nước mắt.

– Lão có nên tiếp tục nữa chăng? – Tinódi ngần ngại hỏi.

Nữ chủ nhân gật đầu.

Sau đó Tinódi ngâm khúc hát kể chuyện quân Thổ đã lừa tướng công Bálint sa lưới như thế nào, chúng đã giải tướng công đi trong xiềng xích ra sao. Đến cuối khúc ngâm, giọng ông trở nên trầm thì đau đớn:

*Vẫn cầu nguyện lệ đầy khóe mắt
Người vợ hiền và cả hai con
Họ đang khóc cảnh mồ cô, hiu hắt,
Sao xiết nỗi buồn trong kiếp cô đơn.
Đâu còn niềm vui cho những gia nhân
Những người vẫn nhớ thương, cầu nguyện:
Một đôi kẻ ngại ngục trốn tránh
Vẫn nhiều người chờ chủ tướng hồi gia.*

Đến đây ngay cả người đánh đàn cũng ghen ngào. Bởi lão chính là người gia nhân ngại ngục trốn tránh vẫn thương khóc chủ tướng của mình nhiều nhất.

Hai cậu thiếu niên gục đầu vào lòng mẹ khóc nức nở, bà mẹ ôm choàng lấy cả hai con.

Một vài phút trôi qua như vậy trong ngôi nhà buồn thảm, sau đó Dobó lên tiếng bằng một giọng trầm trầm đầy cay đắng:

– Sao tôi lại không phải là kẻ tự do! Nếu được thế thì dù có phải mất hàng năm trời tôi cũng quyết đi tới thành phố đó, ít nhất cũng để xem cái nhà ngục ấy có thật kiên cố đến thế chẳng?

Mekcsey đứng phắt dậy:

– Tôi đang là kẻ tự do! Xin thề trước Đấng vạn năng rằng tôi sẽ đi tới đó! Nhất định thế! Và nếu được thì dù có phải trả bằng tính mạng, tôi cũng sẽ giải thoát cho tướng công Török Bálint.

Gergely cũng bật dậy:

– Tôi sẽ đi với anh! Tôi sẽ theo anh qua tất cả mọi hiểm nghèo vì chủ tướng, vì nghĩa phụ của tôi.

– Mẹ ời, – Török Jancsi xúc động nói, – chẳng nhẽ con lại ngồi nhà trong khi có người ra đi để cứu cha con ư?

– Chuyện điên rồ! – Người mẹ đáp.

– Điên rồ hay không mặc kệ. – Mekcsey hăng hái nói. – Cái gì tôi đã nói là tôi sẽ làm.

– Lão cũng sẽ đi với cậu, – Tinódi nói. – Tay lão đã bại nhưng trí óc lão có khi còn có ích.

– Các người muốn gì cơ chứ? – Török phu nhân lại nói. – Chẳng lẽ các người có thể làm được điều mà hai đức vua cùng một gia tài vương giả đã không làm nổi hay sao?

– Phu nhân nói đúng đấy. – Dobó đã lấy lại bình tĩnh nói. – Tiền bạc,

mưu chước đều vô ích hết, chỉ còn thiện ý của xuntan mới có thể mở được xích xiềng.

– Nhưng nếu cái thiện ý ấy không bao giờ đến cả? – Mekksey vặn lại.

Sáng hôm sau Dobó tiếp tục lên đường. Mọi người không lưu khách, ai cũng biết thời giờ của ông rất sát sao. Mekksey vẫn còn ở lại.

Anh gọi Gergely vào phòng riêng và bảo:

– Mình đã chờ để chúng ta có dịp suy nghĩ thêm về buổi nói chuyện tối hôm qua. Không phải vì mình dẫu, mình thì dẫu có suy nghĩ đến mấy cũng vẫn thế thôi, nhất định mình sẽ đi tới miền đất Thổ Nhĩ Kỳ đó.

– Còn tôi, tôi sẽ đi với anh. – Gergely trả lời giọng dứt khoát.

– Ngãm cho cùng thì hiện nay ở nhà không có chiến tranh, vả lại, ai biết được, nhờ chúng ta tìm được một lối ngóc ngách nào đó thì sao?

– Cho dù có thất bại chẳng nữa, chúng ta cũng không phải hổ thẹn.

– Mang Tinódi theo à?

– Tùy anh.

– Thế còn Jancsi?

– Phu nhân không để cho cậu ta đi đâu...

– Vậy chỉ hai đứa chúng mình đi thôi. Ta để Tinódi ở nhà thôi, ông lão không chịu đựng nổi trò múa gươm cười ngựa đâu.

– Tùy anh.

– Vả lại chúng mình đang đùa với cái đầu của chúng mình đấy. Mang ông lão vào chỗ chết thì uống. Giờ đây ông lão là một trong những người đáng quý nhất ở nước ta đây. Chúa Trời cũng muốn ông lão lang thang đây đó để nhen lại những ngọn lửa đang tắt dần trong những trái tim. Con

người này chính là nỗi đau thương đang ngấm lên từ linh hồn dân tộc.

Họ đang trò chuyện thì Török Jancsi đẩy cửa bước vào.

Cậu cầm roi ngựa trong tay, mặc quần đi ngựa bằng da nai vàng, đầu đội mũ da rộng vành kiểu Debrecen, chân đi ủng màu vàng.

Mekcsey làm bộ như đang tiếp tục kể một câu chuyện nào đó, anh chỉ hơi liếc nhìn Jancsi rồi vừa cười vừa nói:

– Thế đấy: con thỏ để tóc đỏ sắp cưới vợ!

Và anh giải thích cho Jancsi hiểu:

– Cậu không biết kè mà chúng tớ đang nói tới đâu, nhưng có lẽ Gergely đã từng kể đến cũng nên.

– Ai cơ? – Jancsi hờ hững hỏi.

– Fürjes Adam.

– Hẳn lấy ai? – Gergely mỉm cười nói.

– Con gái của một lão già tay gỗ.

Tất cả vẻ hồng hào trên mặt Gergely bỗng nhiên biến mất.

– Cecey Éva ấy à? – Cậu hỏi gần như hét lên.

– Cô ấy đấy, cô ấy đấy. Cậu quen cô ta ư?

Gergely ngơ ngẩn nhìn Mekcsey.

– Các anh đừng đóng kịch nữa. – Jancsi nói và quất roi lên chiếc ủng. – Không phải các anh đang nói về chuyện ấy đâu. Các anh tưởng tôi còn trẻ con lắm đấy. Tôi không còn trẻ con nữa đâu. Suốt đêm qua tôi không ngủ. Có thứ quả chỉ một đêm là chín. Đêm qua tôi đã chín chắn thành người.

– Thế mẹ cậu cho phép cậu đi ư? – Mekcsey hỏi.

– Tôi chưa nói với mẹ tôi, nhưng đằng nào cũng thế thôi. Hiện nay ở

thành Hunyadi có mấy việc phải thu xếp. Tôi sẽ thưa với mẹ tôi giao cho tôi đi làm việc đó.

Mekcsey nhún vai:

– Nếu vậy thì khởi hành thôi.

– Ngay hôm nay cũng được. Tôi đã mặc quần áo đi đường đây rồi.

– Khoan cái đã. – Gergely nói, mặt vẫn tái nhợt. – Vừa rồi anh có nói đến một chuyện, anh Mekcsey ạ. Câu chuyện đó có thực không hay anh chỉ ngẫu hứng bịa ra như thế?

– Chuyện mình nói về Fürjes ấy à?

– Vâng.

– Thực đấy. Chính bà mẹ cô ta đã khoe là hoàng hậu gả cô ta cho trung úy tùy giá của hoàng hậu.

Mặt Gergely chuyển dần từ tái nhợt ra màu đỏ, những mạch máu căng phồng trên trán.

– Anh làm sao thế? – Jancsi hỏi. – Anh quen cô ta ư?

Gergely mất bình tĩnh, đi đi lại lại trong phòng.

– Cố nhiên là tớ quen, vì cô ta là Éva của tớ!

– Người ta lấy mất Éva của anh à? – Jancsi ngờ ngác hỏi.

– Ừ. Nhưng tớ không tin.

Và chàng giận dữ hét lên gần như phát khùng:

– Tớ sẽ giết chết cái thằng vô lại ấy!

Mekcsey muốn dùng sự bình tĩnh của mình để làm chàng dịu xuống:

– Cho là cậu sẽ giết nó. Nhưng nhờ cô kia yêu nó thì sao?

– Cô ấy không yêu nó!

– Cậu cho rằng người ta ép uống cô ấy à?

– Chắc chắn là như thế!

– Và cậu yêu cô ấy?

– Từ thuở bé.

– Thế thì chúng mình phải làm một cái gì mới được. – Mekksey nói và chống cùi tay, nhồm người lên rồi tiếp. – Nhưng dù chúng ta có làm gì đi nữa, cậu vẫn không lấy được cô ấy. Và nhờ họ đã thân nhau thật sự thì sao?

– Sao anh lại có thể nghĩ thế được! – Gergely đáp.

Mekksey nhún vai:

– Cô cậu thư từ với nhau à?

– Chúng tôi làm cách nào mà thư từ với nhau được! Tôi làm gì có quân hầu để sai đi đây đi đó?

Mekksey lại nhún vai.

Ngoài hiên bỗng có tiếng gõ cửa gấp.

Török Jancsi nhảy lại chỗ cánh cửa và khe khẽ quay chiếc chìa khóa trong ổ. Ngay phút đó quả đấm cửa bị vặn lạch cạch. Jancsi ra hiệu im lặng vì người gõ cửa chính là em cậu. Cậu không muốn cho nó biết tí gì về dự định của họ.

4

Hoàng hậu Izabella nghỉ đông ở Gyalu, và chúa xuân cũng còn gặp bà ở đây.

Ba hôm sau Gergely và Mekksey đã đến Gyalu. Török Jancsi không đi cùng để bà mẹ khỏi ngờ về mưu toan của họ.

Török phu nhân chỉ biết rằng Gergely đi theo Mekksey để gia nhập quân ngũ của Ferdinánd và sẽ sống hết mùa hè trong quân đội, đến dịp lễ Demeter sẽ trở lại nhà.

Mưu chước của các chàng trai đã dặt xong. Họ thỏa thuận với nhau là Gergely phải tìm cách để biết rõ cô gái có yêu người chồng sắp cưới của mình không? Nếu cô ta yêu, Gergely sẽ không thể làm gì khác hơn là từ biệt những mộng ước của mình. Nhưng nếu cô ta không yêu, Gergely sẽ lập tức biến ngay khỏi nơi đó, còn Mekksey sẽ chế nhạo Fürjes đến mức không cô gái nào ở vùng Erdély còn nảy ra ý thích làm vợ hăn nữa.

Sau khi đã giải quyết xong mọi việc ở Gyalu ba chàng trai sẽ gặp nhau ở thành Hunyadi để lên đường tới Konstantinope.

Họ dự định sẽ đi ngựa tới biên giới. Jancsi giữ lại số tiền định dùng vào việc tu sửa thành trì và ngoài ra còn có thể kiếm thêm được chừng nào hay chừng ấy, để nếu cần họ cũng sẽ có đủ tiền hành động. Từ bên kia biên giới trở đi họ sẽ cải trang thành đạo sỹ, lái buôn hay hành khất và đi bộ để có thể tránh sự chú ý của tụi cướp hoặc những toán quân Thổ lang thang trên đường. Dù cứu được tướng Török Bálint hay không, trong vòng hai tháng

họ sẽ quay trở về, nhưng có lẽ còn sớm hơn cũng nên, và Török phu nhân sẽ không phải thấp thỏm về đứa con trai của bà.

Hai chàng trai đến Gyalu vào buổi tối.

Chỉ có một người hầu đi theo họ, một anh chàng tên là Mátyás mà Mekcsey vừa nhận thuê ở Debrecen. Trước đây gã làm nghề chăn ngựa ở Hortobágy(*). Gã cưới con ngựa Thổ Nhĩ Kỳ màu xám nhạt mà Mekcsey đã giữ lại trong số năm con ngựa chiến lợi phẩm.

Đến ngôi nhà đầu tiên họ đã hỏi thuê chỗ trọ ngay. Chủ nhà là một người Rumani biết tiếng Hung. Ông ta ngạc nhiên lắc đầu cùng với cả cái mũ đen, to sù sụ.

– Không phải các công tử đến dự đám cưới hay sao mà lại muốn trọ nhà tôi?

– Chúng tôi đến chính vì đám cưới ấy đấy.

– Thế tại sao không lên lâu đài mà ở?

Hai chàng trai liếc nhìn nhau. Gergely trả lời:

– Tôi không vào đấy vì tôi bị sốt ở dọc đường.

Và quả thật mặt chàng tái mét như một người ốm.

– Chỉ anh bạn của tôi vào đấy thôi. – Chàng nói tiếp. – Nếu bác có phòng trống, tôi sẽ xin trả tiền.

Nghe nói trả tiền, vẻ ngạc nhiên trên mặt người Rumani liền biến mất, ông ta đơn giản mở rộng cửa cho các chàng kỵ sỹ.

– Chúng tôi đến đám cưới chưa chậm đấy chứ? – Mekcsey hỏi.

– Chưa đâu các công tử hào hoa ạ! Chẳng lẽ các công tử không biết rằng ngày kia mới là ngày cưới hay sao?

Khi chỉ còn hai chàng trai trong phòng, Gergely chán nản nhìn

Mekcsey:

– Chậm mất rồi.

– Tớ cũng nghĩ như thế đấy.

Gergely ngồi xuống một cái ghế độn rơm ọp ẹp và cứ ngồi sững sờ, vô kế khả thi.

Mekcsey đến đứng bên cửa sổ, đắm đắm nhìn những bụi tử đinh hương đã bắt đầu xanh lá. Cuối cùng anh quay lại nói:

– Tớ cho rằng tốt nhất là chúng ta quay về. Nghèo bớt một ước mơ, nhưng giàu thêm kinh nghiệm.

Gergely đứng dậy nói:

– Không. Tôi không từ bỏ hạnh phúc của mình một cách dễ dàng như thế. Một ngày vẫn là cả một thời gian dài. Bây giờ thế này nhé, tôi sẽ ở lại đây, còn anh thì lên lầu dài và trà trộn vào giữa đám khách khứa.

– Nhờ người ta hỏi thì sao?

– Cecey chả đã mời anh đấy ư? Cái chính là anh phải tìm cách gặp bằng được nàng và tìm biết cho được có phải nàng đã chọn Fürjes theo ý mình không? Nhưng điều đó không thể nào có được! Không thể có được! Không thể có được!

– Được rồi. Tớ sẽ lên lầu dài và sẽ ở lại đấy cùng với Matyi^(*), nếu quả thực người ta đón tiếp.

– Anh cứ bảo là Cecey mời anh. Nói cho cùng thì anh đã cứu mạng lão.

– Điều đó đã hẳn rồi. Tớ cũng nghĩ là dù lão có tiếp với mặt này mũi khác đi chẳng nữa, rốt cục tớ cũng cứ vào ở trong lầu dài và sẽ nói chuyện với cô ấy. Nếu có thể thì ngay hôm nay, nếu không thì ngày mai. Nhưng cậu không làm cách nào đi cùng với tớ được ư? Có lẽ cậu thử đóng vai tiểu

đồng của tớ xem.

– Không. Trường hợp nàng bị họ bắt ép thì tốt nhất là họ đừng biết có tôi ở đây.

– Nếu như thế tớ sẽ tát vào mặt thằng Fürjes.

– Chừng nào chưa nói chuyện với nàng thì xin anh chớ có hành động gì cả. Nói chuyện xong anh hãy trở về đây ngay, rồi lúc đó chúng ta sẽ liệu...

Mụ Rumani trải nệm trên giường cho Gergely, rồi đưa thuốc uống và khăn ướt cho chàng. Nhưng người ốm này không chịu đi nằm, không uống nước lá xông, cũng không chịu đắp khăn ướt lên trán. Chàng cứ đi đi lại lại trong phòng và thoi mạnh những nắm đấm vào không khí.

Đến sáng Mekcsey trở lại. Anh thấy Gergely ngồi ở bên bàn. Cây nến cháy rụi để trước mặt, còn cậu ta ngồi gục đầu vào tay mà ngủ thiếp đi.

– Sao cậu không nằm xuống?

– Tôi cứ tưởng mình sẽ không ngủ được.

– Tớ đã nói chuyện với cô ấy rồi. Cậu đã linh cảm đúng, cô ta lấy Fürjes không phải vì yêu.

Gergely rùng mình như thể người ta vừa giội nước lạnh lên người chàng. Ngọn lửa của cuộc sống lại trở về trong đôi mắt chàng.

– Anh có nói là tôi ở đây không?

– Có. Cô ấy muốn chạy ngay ra với cậu nhưng tớ đã ngăn cô ấy lại.

– Sao anh lại ngăn nàng? – Gergely đứng phắt dậy.

– Ấy, ấy! Hẳn cậu định lao vào tớ để cảm ơn đấy phỏng?

– Xin anh đừng giận. Tôi đang như giẫm phải than hồng.

– Sở dĩ tớ không cho cô ấy chạy đến với cậu là vì nếu thế thì tất cả đám thị thần sẽ đổ xô theo cô ấy. Cô ấy sẽ xấu hổ, còn chúng ta thì sẽ bị nguy.

– Thế anh đã nói với nàng những gì?

– Tớ bảo để tớ sẽ làm nhục Fürjes, và cô ta sẽ trả lại nhẫn cho hần.

– Nàng trả lời thế nào? – Gergely hỏi với đôi mắt rục cháy.

– Cô ấy bảo là hoàng hậu cứ giục già cô ấy phải lấy chồng, cô ấy không làm thế nào thoát được vì cha mẹ cô ấy cũng nài ép. Tóm lại là cái bà hoàng hậu già này trong cơn buồn chán mùa đông ở đây đã giải trí bằng cách gả chồng dựng vợ. Thằng Fürjes tất nhiên là nó vồ lấy cô gái. Còn cô gái, để làm đẹp lòng hoàng hậu, đã đặt trái tim vào đĩa và trao cho hần với một vẻ phục tùng trình nử.

– Nhưng nàng trao cho hần làm gì kia chứ! Ôi, dù sao nàng cũng đã quên tôi! Nàng đã quên rồi.

– Cô ấy có quên đâu. Tớ nói nhầm đấy thôi. Tớ cũng chẳng biết sự thể đã xảy ra như thế nào nữa!

– Thế nàng nói sao? Nàng có nói một cách dứt khoát là không yêu Fürjes hay không?

– Cô ấy đã nói thế đấy.

– Và nàng muốn nói chuyện với tôi?

– Phải. Tớ bảo với cô ấy là đêm nay tớ sẽ dẫn cậu tới đảng ấy.

Gergely lượn đi lượn lại trong phòng, rồi lại chán nản ngồi phịch xuống chiếc ghế đệm rơm.

– Nếu chúng ta có hất Fürjes ra khỏi yên thì cũng chẳng ích gì? Dù nàng có muốn lấy tôi, người ta cũng chẳng gả cho tôi nào. Tôi là ai? Một đứa tầm phơ, không cha không mẹ, không nhà cửa. Gia đình Török, đúng là họ đã nuôi nấng tôi như con đẻ, nhưng chưa bao giờ tôi có thể coi mình là ruột rà đến mức dám mở miệng yêu cầu một điều to tát đến thế này. Mà

lại ngay vào lúc này, khi tổ ấm của họ cũng đang rối bời bời!

Mekcsey khoanh tay đứng bên cửa sổ, ái ngại nhìn Gergely.

– Tớ không hiểu cậu nói gì, nhưng tớ thấy cậu đâm ra lú lẫn mất rồi. Nói cho cùng, nếu cậu muốn lấy cô gái thì chẳng cần phải có cha mẹ mà chỉ cần một mái nhà con. Nếu cậu muốn, tớ có một túp lều nho nhỏ ở Zemplén đang bỏ không. Cậu có thể ở đấy đến hàng chục năm cũng được.

– Trong nhà còn phải có bếp nữa chứ, và trong bếp lại phải có bánh mì!

– Cậu chẳng phải là một nhà thông thái đấy ư? Cậu hiểu biết nhiều hơn bất cứ một giáo sỹ nào. Thời buổi này người ta đang tranh nhau đi tìm thư ký giỏi.

Gergely lại tươi tỉnh.

– Anh nói nghe được đấy.

– Cái chính hiện nay là Éva hăng khoan lấy chồng. Cậu sẽ theo tớ vào quân đội, và chỉ không đầy một năm, lương bổng của cậu sẽ đủ nuôi cô ấy.

Gergely vội mặc áo choàng, đeo gươm, đội mũ. Chàng nói:

– Tôi đến chỗ bố mẹ nàng đây! Tôi sẽ bảo cho họ biết việc của họ làm là trái với đạo trời! Rằng...

Mekcsey ấn chàng ngồi xuống ghế:

– Cậu đi xuống hỏa ngục ấy thì có! Nếu cậu làm như thế, họ sẽ nhốt cậu vào một xó xỉnh nào đó cho tới khi xong đám cưới. Đến cái sống mũi của cậu cũng chẳng còn ai có thể thấy ở đâu nữa cho mà xem, tớ bảo cho mà biết!

Một đoàn kỵ sỹ phóng ngựa qua trước nhà. Khách khứa từ thành Kolozsvár đã đến.

Khi đêm tối đã trùm xuống thung lũng, Gergely đi cùng với Mekksey lên lầu đài.

Chẳng ai hỏi chàng đi đâu. Lầu đài tấp nập khách khứa. Các cửa sổ sáng trưng. Đuốc cháy bùng bùng ngoài sân, nến lung linh rạng rỡ trong các hành lang. Chỉ có trời đêm bao la là vẫn tối.

Trong các hành lang cũng đầy người đi lại, chen chúc. Gergely chợt dạ: giữa ngần này người làm sao có thể nói chuyện với Éva được?

– Ta ra sân bếp đi. – Mekksey bảo.

Họ đi ra phía sau lầu đài. Ở đây còn sáng hơn nữa: những tay hầu bếp đeo tạp dề đang thui bò, và rất đông thợ nấu cỗ mặc quần áo trắng đang bận rộn trong nhà bếp.

– Cậu đứng chờ đây nhé. – Mekksey bảo. – Tớ sẽ giả vờ lạc vào hành lang phụ nữ và sẽ hỏi Éva xem các cậu có thể gặp nhau ở đâu được.

Gergely đứng lẫn vào nhóm người đang xem thui bò, phần đông là dân đánh xe, nhưng cũng có một vài võ đồng láng cháng ở đó. Tính tò mò đã đưa họ đến đây. Thiên hạ vẫn mơ nhiều chuyện ly kỳ về nhà bếp của hoàng gia, ngay cả đám quý tộc ở những vùng xa cũng vui lòng nghe kể về cách nấu nướng ở cái nhà bếp cao sang nhất nước.

Ở Gyalu, nhà bếp nằm giữa lầu đài và vườn hoa, trong đó mười một thợ nấu cỗ và hai mươi hầu bếp xoay xở theo những mệnh lệnh của quan ngự thiện.

Trên sân nhà bếp, một con bò mộng béo tròn đang được quay trên lửa, tỏa mùi dễ chịu ra khắp không trung. Người thợ quay chỉ dùng một cái gậy ra hiệu cho các phụ bếp biết phải điều chỉnh lửa ở những chỗ nào cho sức nóng tỏa đều.

Trong ánh lửa và hơi nóng ngùn ngụt, rộn rã tiếng dao xả xoèn xoẹt, tiếng dao băm phầm phập, tiếng chày giã thành thịch, hòa thêm vào đó là tiếng cháo sôi lục bục, tiếng thịt rán xèo xèo và bao trùm tất cả là khói, hơi nước và mùi thơm của thức ăn đã chín.

Một võ đồng người mảnh khảnh hét tướng lên giải thích cho những người khác:

– Tôi đã ở đây từ đầu, mà cả món gorbôl ở đây cũng quay khác các nơi.

Hơi lửa nóng hừng hực khắp cái sân nhỏ làm đỏ ửng những khuôn mặt. Mặt Gergely chẳng mấy chốc cũng đỏ bừng, chàng đứng giữa đám đông, lơ đãng nghe câu chuyện của chú võ đồng.

– Ở đây ấy à, – chú ta tiếp tục, – người ta khâu cả một con bê vào món gorbôl, trong con bê là một con gà tây thật béo, trong con gà tây là con chim đa đa.

– Thế trong con chim đa đa? – Một võ đồng bé tí, ngốc nghếch, mặc áo vàng cất tiếng hỏi.

– Trong con đa đa ấy à? – Chú võ đồng kể chuyện làm bộ nghiêm trang đáp. – Trong ấy là quả trứng ngỗng đực. Người võ đồng bé nhất sẽ phải ăn quả trứng ấy.

Mọi người cười ồ. Chú võ đồng tí hon xấu hổ lui ra sau và bỏ đi.

Nửa giờ sau quả nhiên bác thợ quay xắn tay mổ con bò mộng và lấy ra một con gà tây đã gần chín. Mùi húng lìu thơm phức xộc vào mũi người xem, kích thích tỳ vị của cả những người không đói.

Chưa chín. Người ta lại đẩy than vào dưới món gorbôl và tiếp tục quay.

Tiếng băm, tiếng chặt, tiếng liếc dao, tiếng giã thịt từ trong bếp đưa ra làm đứt đoạn cả lời giải thích.

Nhưng Gergely cũng chẳng hề quan tâm. Ngày trước nhà bếp của tướng công Bálint còn đông đúc hơn và trong các thành trì của ông, những dịp thui bò như thế này còn thường xuyên hơn trong lâu đài của hoàng hậu ở Erdély.

Một người hầu bếp lấy từ trong bếp ra một cái bánh xipô^(*). Đám võ đồng vỗ ngay lấy và bẻ nhỏ ra. Chú bé mảnh khảnh giải thích món gơbôi ban này đưa cho Gergely một mẫu. Gergely cầm ngay, chàng đang đói.

Bác thợ quay thấy các võ đồng ăn bánh bèn ngừng xiên quay và liếc mảnh thép lên con dao đeo bằng dây xích lưng lỏng ở thắt lưng rồi xỏ cho họ hai cái tai bò.

Đám võ đồng hoan hô rầm rĩ cảm ơn bác.

Gergely ăn rất ngon. Ở chỗ gia đình người Rumani, bữa trưa không có gì khác ngoài món bánh đúc ngô.

Mấy cậu võ đồng còn xoay được cả một cúp rượu vang. Gergely cũng uống. Sau đó chàng chìa tay cho chú võ đồng không quen biết đã mời chàng ăn uống.

– Tớ là Bornemissza Gergely. – Chàng vừa nói vừa chùi hàng ria mép lún phún.

Chú kia cũng xưng một cái tên gì đó, nhưng cả hai đều không hiểu lời nhau. Trong khi đó cái cúp rượu đã vòng trở lại. Gergely vẫn còn khát, chàng lại tu một hơi dài.

Vừa nhắc cái cúp ra khỏi miệng, chàng đã thấy Mekcsey ở trước mặt, anh ta đang vẫy tay ra hiệu.

Họ đi xuống vườn. Bóng đêm ngời lù lù giữa những hàng cây và các bụi rậm. Tiếng ồn ào trong sân chỉ còn văng khẽ tới đây. Mekcsey dừng lại

dưới một bụi cây leo.

– Tở đã nói chuyện với cô ấy. Cô ấy khóc đỏ cả mắt. Cô ấy đã van xin bố mẹ đừng gả chồng để sau này gả cho cậu, nhưng tất nhiên họ đã quáng mắt lên vì ánh đèn nến, vì hảo tâm của hoàng hậu và vì sự hào phóng của nhiếp chính. Họ đã an ủi con gái họ là ngày trước họ lấy nhau cũng chẳng phải vì tình yêu, thế mà rồi họ vẫn quen nhau được.

Gergely nín thở lắng nghe.

– Vì thế nên cô ấy mới khóc. – Mekcsey nói tiếp. – Bây giờ tớ đã chắc chắn là cô ấy chỉ yêu mỗi mình cậu mà thôi.

– Và nàng sẽ lấy Fürjes?

– Không chắc. Cô ấy bảo là muốn nói chuyện với cậu rồi sau đó sẽ thừa chuyện với cả hoàng hậu nữa.

– Sao nàng không nói với bà ta từ trước?

– Người ta không hỏi han gì cô ấy cả. Các bà hoàng vẫn quen rằng hễ cái gì họ đã cho là tốt thì không có ai lại bảo xấu cả. Và lại cậu thì đến ngay cái tai cậu cũng chẳng hề phe phẩy cho cô ấy biết, ngay cả việc cậu còn sống hay chết cô ấy cũng không hay.

– Nhưng nếu hoàng hậu không nhượng bộ?

– Thì ngày mai trước bàn thờ cô ấy sẽ nói không đồng ý, với tất cả mọi câu hỏi cô ấy đều sẽ nói không. Sẽ là một cảnh tượng rồi ren thú vị đấy. Nhưng muốn ra sao thì ra: ít nhất hoàng hậu cũng sẽ nổi giận và cô ấy được trở về Buda. Còn cậu sẽ chờ ít lâu rồi cưới cô ấy.

– Chỉ có điều là đến lúc ấy họ lại không gả cho tôi.

– Sao lại không? Nhưng bây giờ đừng nói đến chuyện bốn năm năm sau làm gì. Nếu không sớm hơn được thì nửa đêm cô ấy sẽ đến đây. Có một

cái nhà kính ở đâu quanh đây, cô ấy dặn cậu hãy chờ trong đó. Chưa nói chuyện được với cậu, cô ấy sẽ chưa đi ngủ.

Họ tìm thấy cái nhà kính trong vườn chẳng lâu la gì. Trong đó có một ngọn đèn, ba người thợ vườn đang lúi húi hái xà lách và hành. Họ ngừng lên nhìn nhưng không nói gì, họ cho rằng đây chỉ là những khách lạ tò mò.

– Gergely này, – Mekksey nói, – tớ sẽ để cậu lại đây. Cậu hãy giả vờ bị sốt hoặc giả vờ say rồi nằm vào một chỗ nào đó mà chờ cô dâu. Có lẽ tớ cũng sẽ đến cùng cô ấy.

Quả tình Gergely cũng cảm thấy như say thật. Rượu đã bốc lên đầu chàng, hay niềm xúc động? Chàng cảm thấy trong lòng sục sôi và cả trong đầu nữa, một sự sục sôi giận dữ khiến tay chàng nắm chặt lại.

Chàng thung thảng dạo suốt dãy nhà kính giữa những cây chanh, cây chuối, cây xương rồng và cây hồng xiêm. Chàng bồn chồn đi đi lại lại mỗi lúc một nhanh hơn, cuối cùng chàng lao ra khỏi nhà kính. Kéo sụp mũ xuống mắt, tay nắm chặt chuôi kiếm, chàng hùng hục đi lên lâu đài.

– Gia đình hỷ chủ ở phòng nào nhỉ? – Chàng hỏi thăm trong các hành lang.

Đám gia nhân chỉ đường cho chàng.

Đó là một cái phòng có cửa sơn trắng, trên đó – cũng như trên tất cả các cánh cửa khác – có một cái bảng đen nhỏ ghi tên người khách bằng phấn.

Gergely gõ cửa vào.

Lão già tay gổ mặc áo sơ mi ngồi bên bàn, bà vợ lão đang xoa dầu mê diệt lên mớ tóc bạc của chồng.

Gergely không hôn tay họ mà chỉ cúi chào và chịu đựng cái nhìn lạnh giá của hai ông bà già.

– Thừa cha, – Gergely bắt đầu, nhưng rồi cảm thấy chữ *cha* không thích hợp, chàng bắt đầu lại.

– Kính thưa ông, xin ông đừng giận vì sự có mặt của tôi ở đây. Tôi không đến dự đám cưới đâu và cũng sẽ không làm vướng chân ai cả. Tôi đến đây cũng không phải để nhắc ông bà nhớ lại một lời hứa cũ, khi tôi giải thoát cô bé Éva khỏi tay giặc Thổ.

– Mà mày muốn gì? – Lão Cecey hăn học hỏi.

– Tôi chỉ muốn hỏi, – Gergely không nao núng trả lời, – rằng ông bà có biết là Vica không yêu vị hôn phu của nàng không?

– Việc gì đến mày? – Lão già hét lên. – Mày ti toe gì với tao ở đây hả? Cút ngay!

Gergely khoanh tay lại:

– Ông bà muốn làm cho chính con gái yêu của mình trở thành bất hạnh ư?

– Sao mày dám cật vấn chúng tao hả? Đồ ăn mày! Đồ chó cùng đinh! – Lão già đỏ mặt tía tai quát tháo và với lấy cái tay gỗ trên bàn định quật Gergely.

Nhưng bà vợ lão đã giữ chồng lại và quay về phía Gergely nói:

– Hãy đi khỏi đây đi con ạ! Đừng có phá hoại may mắn của con gái ta. Với đầu óc trẻ con, chúng mày tưởng là chúng mày yêu nhau, nhưng con cũng thấy đấy, anh ấy đã là trung úy...

– Tôi cũng sẽ như vậy.

– Anh ấy không sẽ mà bây giờ đã là trung úy rồi. Hoàng hậu muốn cuộc nhân duyên này. Đi khỏi đây đi, ta nhân danh Chúa mà yêu cầu con như vậy!

– Fürjes chỉ là một đứa liếm đĩa hèn nhát! Vica yêu tôi. Vica chỉ có thể có hạnh phúc với tôi! Ông bà đừng làm tan nát trái tim nàng! Ông bà hãy chờ tôi. Tôi hứa sẽ trở nên người xứng đáng.

Chàng nói rồi quỳ xuống trước mặt họ. Lão già điên tiết rống lên:

– Cút ngay chừng nào tao còn chưa đá mày ra!

Gergely đứng dậy. Chàng lắc đầu như vừa tỉnh dậy khỏi một giấc mộng dữ.

– Ông Cecey, – cậu buồn rầu nhưng cứng cỏi nói, – từ giây phút này trở đi tôi không quen biết ông bà nữa. Tôi chỉ còn biết là những đồng vàng dính máu mẹ tôi còn ở chỗ ông bà.

– Ba trăm mười lăm đồng. – Lão già tác lên. – Trả cho nó đi bà. Dù không còn lại gì nữa thì cũng cứ trả cho nó đi!

Lão nói rồi đưa tay lên thắt lưng lôi ra một cái hầu bao bằng da và đổ những đồng tiền vàng ra trước mặt Gergely. Bà vợ đếm gia tài, nói đúng hơn là chiến lợi phẩm của chàng lên bàn. Gergely bỏ tiền vào túi.

Chàng còn đứng lại một chút, suy nghĩ xem có gì cần phải cảm ơn không? Họ đã giữ tiền hộ chàng ư? Không phải, họ không giữ cho chàng mà cho con gái họ.

Chàng lặng lẽ cúi chào và bỏ đi.

Gergely phờ phạc đi suốt dãy hành lang. Chàng va phải mấy người quyền quý mặc lễ phục. Cuối cùng, khi chàng phải né vào tường để nhường lối cho một ông béo phệ đang cùng một người nữa đi đến, mắt chàng nhìn sang cánh cửa đối diện và đọc thấy tên Mekcsey.

Chàng mở cửa vào. Trong phòng không có ai. Một cây nến vẫn cháy trên bàn. Gergely ném mình lên giường và khóc. Tại sao lại khóc, chính

chàng cũng không biết nữa. Túi chàng đây tiền, trong giờ phút này chàng đã trở thành một người tự do và giàu có. Thế mà chàng, tuy vậy, vẫn cảm thấy côی cút và bị ruồng bỏ. Chàng đã phải chịu đựng biết bao nhiêu xúc phạm, bao nhiêu khinh rẻ.

– Lão già vô đạo ời, tim người cũng là trái tim bằng gỗ!

Tiếng kèn lạnh lạnh rung động các bức tường trong lâu đài. Đó là hiệu lệnh cho khách khứa tề tựu để dùng bữa tối. Ngoài hành lang tiếng cửa mở ồn ào khắp nơi, một vài cái còn đóng sập vào. Bao nhiêu đôi ủng nện cồm cộp trên nền đá hoa suốt dọc hành lang.

Tiếp đó là im lặng. Giữa im ắng đó, cánh cửa phòng bỗng mở.

– Mekksey. – Một giọng nữ gọi khe khẽ.

Gergely nhảy choàng dậy.

Éva đứng trước mặt chàng trong bộ áo lụa hồng.

Một thoáng ngạc nhiên, một tiếng kêu khe khẽ, rồi hai người trẻ tuổi ngã vào giữa cánh tay nhau.

– Éva của anh! Éva của anh.

– Gergely!

– Em có đi với anh không, Éva?

– Dù là đến cùng trời cuối đất!

...

Khoảng chừng bảy chục quan khách ngồi quanh dãy bàn dạ yến. Hơn một nửa là giới cung đình, phần còn lại là những bà con được mời của chú rể.

Hoàng hậu cùng ấu vương ngồi ghế chủ tọa. Cả hai đều mặc áo nhung

xanh. Trên bức tường sau lưng họ treo một vòng hoa lớn kết hình vương miện. Bên trái hoàng hậu là nhiếp chính György, bên cạnh ấu vương là cô dâu, cạnh cô là bà mẹ. Chú rể ngồi đối diện với cô dâu.

Bữa tiệc tối bắt đầu một cách nhẹ nhàng. Chỉ lẻ tẻ một vài người thì thăm trò chuyện. Sau món thứ ba, nhiếp chính György đứng dậy, nói lời chúc mừng đôi tân hôn. Trong lời chúc mừng, ông ta gọi hoàng hậu là phúc tinh, gọi cô dâu là hoa huệ, chú rể là đứa con cưng của vận hạnh. Ông ta khéo đơm hộc đơm sỏi, thêm chỗ này một ít mật, chỗ nọ một ít đường khiến cho cả những kẻ đối lập với ông cũng vui lòng nghe.

Khi những loại rượu nho ngon nhất đã dọn lên bàn, cuộc trò chuyện mới bắt đầu rôm rả. Tất nhiên người ta chỉ nói khẽ thôi và ai nấy cũng chỉ trò chuyện với người bên cạnh.

- Tại sao người ta lại gọi đêm nay là đêm khóc? – Một người hỏi.
- Cô dâu khóc tiếc thời trinh nữ của mình.
- Nhưng cơ mà cô dâu có khóc đâu. Cô ta đang vui như thể mừng cho thời trinh nữ đã hết thì có.
- Tôi lấy làm lạ là hoàng hậu chịu buông cô ta ra.
- Bà ta không buông đâu. Chỉ khác ở chỗ từ trước tới nay cô ta là tiểu thư cung đình còn từ nay về sau sẽ là phu nhân cung đình.

Sau bữa tiệc người ta giới thiệu với quan khách một ca sỹ mới, nghe đâu vừa từ nước Ý tới và đã trình diễn nghệ thuật của mình trước hoàng hậu. Trong khi người ấy hát, cô dâu mơ màng nói khẽ với mẹ:

- Mẹ ơi, nếu đêm nay con chết thì sao hở mẹ?

Bà mẹ giật mình liếc nhìn con gái, nhưng thấy con gái mỉm cười, bà bèn trả lời lấp lửng:

- Sao con lại có thể nói những chuyện như vậy hử con?
- Nhưng nhờ thế thật...
- Thôi đi, thôi đi.
- Mẹ sẽ khóc chứ?
- Nếu thế mẹ và cha đều sẽ chết theo con.
- Nhưng nếu một hoặc hai tháng sau con sẽ sống trở lại và bắt chợt trở về nhà ở Buda thì sao?

Bà mẹ ngạc nhiên nhìn con gái. Éva mỉm cười nói tiếp:

– Mẹ thấy chưa, lúc đó dưới tuổi vàng cha mẹ sẽ ân hận là đã quá vội mà chết theo con.

Cô đứng dậy đến sau lưng hoàng hậu, ghé vào tai bà nói thầm cái gì đó rồi đi vội ra khỏi phòng. Khách khứa đang chú ý đến người ca sỹ có giọng nam trung rất hay làm mọi người đều thích và vỗ tay liên tiếp.

– Bài khác, bài khác nữa. – Hoàng hậu nói.

Và người ca sỹ giúp đám quan khách tiêu khiển đến hơn nửa giờ. Chỉ mỗi mình bà mẹ thấy Éva đi ra, bà nghĩ đến những lời nói của con gái với một nỗi bồn chồn mỗi lúc một tăng.

Khi người ca sỹ Ý đã trình diễn xong, một nội thị xướng to:

– Ca sỹ mới! Vô danh.

Tất cả mọi con mắt đều quay về phía cửa, nhưng họ chỉ thấy một thiếu niên trạc mười lăm tuổi, dáng thon thon. Chú mặc võ phục màu bồ đào, áo khoác chỉ đến nửa đùi. Thắt lưng đeo một thanh gươm nhỏ, cán mạ vàng. Chú cúi đầu bước vào, mớ tóc dài che khuất mặt. Chú quỳ xuống trước hoàng hậu rồi đứng dậy và hất mớ tóc ra.

Quan khách đều thốt kêu lên vì ngạc nhiên, người ca sỹ mới chính là cô

dâu.

Một thị đồng của hoàng hậu mang cây đàn thụ cầm đến trao cho cô. Cô dâu dạo đàn với những ngón tay thành thạo rồi bắt đầu hát. Để tỏ lòng quý mến hoàng hậu, cô bắt đầu bằng một ca khúc Ba Lan do chính bà dạy. Giọng cô ngân như bạc. Cả đến hơi thở cũng ngừng lại trong hàng thánh giá.

Sau đó cô lần lượt hát những bài hát Hung, Rumani, Ý, Pháp, Croatia và Serbia. Cứ sau mỗi bài hát, quan khách lại hào hứng vỗ tay.

– Một con quỷ dữ đấy nhé! – Người bên cạnh Mekksey, một quyền thần của triều đình, bảo anh. – Rồi cậu xem, cậu em ạ, cô ta sẽ còn nhảy nữa cơ đấy.

– Lúc nào cô ấy cũng vui như thế này à? – Mekksey hỏi.

– Lúc nào cũng thế. Nếu không có cô gái này bên cạnh thì hoàng hậu đã chết buồn từ lâu rồi.

– Thật may cho anh chàng... Fürjes. – Anh định nói: veres (tóc đỏ).

Người nói chuyện với anh nhún vai:

– Một anh chàng tính khí đàn bà! Rồi cậu xem, cô ta sẽ còn đi đánh trận thay cho gã nữa kia, vì võ nghệ cô ta cũng giỏi hơn.

– Cô ấy biết dùng binh khí nữa kia à?

– Còn phải nói! Dạo hè cô ta đã thắng các đấu sỹ Ý. Cô ta còn biết bắn súng và cưỡi ngựa mới giỏi làm sao! Một mình cô ta bằng cả bảy đấng nam nhi, mà vẫn cứ còn lại một con quỷ cuồng nhiệt.

Cô dâu được ca tụng như thế đang bắt vào một bài ca Hung khác có đoạn điệp khúc như sau:

Chàng trai hãy nhanh nhanh

Trên mình con tuần mã

Đến bên người mến thân!

Quan khách đều thuộc bài hát này cả, nhưng cô dâu lại hát điệp khúc đó như sau:

Chàng trai hãy nhanh nhanh

Trên mình con tuần mã

Đến bên Gergely thân!

Và khi hát đoạn đó, ánh mắt của cô lướt qua hàng quan khách rồi dừng lại trên người Mekksey.

Quan khách cười vui. Họ cho rằng câu “Đến bên Gergely thân” chỉ là một sự đổi lời đùa nghịch mà thôi. Nhưng Mekksey rung mình và khi cô dâu hát đến cuối đoạn thứ hai cũng lại liếc nhìn anh thì anh vội nốc cạn chén rượu rồi đi ra ngoài.

Anh chạy xuống cầu thang, gọi vào chuồng ngựa:

– Matyi! Balogh Matyi!

Chả có ma nào trả lời cả. Anh phải đi tìm đám phu xe trong bọn người hầu. Họ đang nốc rượu ngoài sân bếp, người uống bằng cốc gỗ, người bưng vò sành tu, có người múc cả rượu vào ủng da mà uống nữa. Mãi anh mới tìm ra được người hầu của mình. Nhưng hỡi ôi, gã đang trong một tình trạng như thế nào chứ! Khi ngồi bên bàn, Matyi còn có vẻ người, nhưng khi đứng dậy thì gã không còn ra hồn người nữa.

Dưới bàn và dọc chân tường đã có khoảng mười gã nằm lả lốc. Kẻ nào

nằm dưới gầm bàn còn được yên ổn, những kẻ ngã lăn ra ngoài ghế dài thì người ta lôi vào cho nằm ngổn ngang một đồng dọc chân tường.

Matyi đứng dậy, đúng hơn là gã muốn đứng dậy khi nhận ra chủ, nhưng lập tức gã lại ngồi phịch xuống ngay vì gã cảm thấy mình sắp ngã lăn xuống khỏi ghế và cũng sắp được kéo lại chân tường đến nơi.

– Matyi! – Mekksey gầm lên. – Ngựa ta đâu?

Matyi lại đứng lên và chống hai tay xuống bàn:

– Ở đây.

– Chỗ nào?

– Giữa đàn ngựa ấy.

Gã cố giương đôi mi mắt cứ luôn luôn sập xuống và lại lè nhè:

– Ngựa thì ở chỗ đàn ngựa...ựa.

Mekksey túm lấy ngực áo gã:

– Nói cho khôn ngoan một chút xem nào, kéo ta lại rũ thần hồn của mày ra bây giờ!

Anh có thể cứ rũ, cả thần hồn của gã cũng đã say mèm.

Mekksey xô gã vào giữa những tên khác rồi chạy vội vào chuồng để tự tìm lấy ngựa. Người giữ tàu ngựa cũng say bí tỉ, giá Mekksey có dắt cả đàn ngựa đi cũng được.

Anh đi vào trong dãy chuồng tối om và gọi to:

– Muszta!

Một tiếng hí từ trong góc trả lời anh. Con ngựa vàng đang ăn thóc, cạnh đó là ngựa của Matyi. Mekksey thắng cả hai con với sự giúp đỡ của một tên hầu cũng đã nửa tỉnh nửa say, rồi đi ra mà chẳng bị một ai hỏi vì sao anh lại đi sớm thế, trước khi mãn tiệc.

Gergely đã chờ anh trong sân nhà người Rumani. Con ngựa của chàng yên cương sẵn sàng đang đứng cuốc vó xuống đất bên cạnh hàng rào.

Đêm khá lạnh. Mây như dừng cả lại, còn mặt trăng giống nửa cái đĩa bạc từ từ bay hết đám mây này sang đám mây khác và tắm cảnh vật trong một ánh sáng nhợt nhạt.

– Tớ đây rồi. – Mekksey nói. – Theo tớ hiểu thì cô dâu đã bảo tớ đến đây.

– Anh hiểu đúng đấy. – Gergely trả lời. – Đêm nay chúng ta sẽ tẩu thoát.

Không đầy nửa giờ sau, một bóng người mảnh khảnh khoác áo choàng xuất hiện trước ngõ, mở nhanh cửa, chạy vụt vào.

Đó là Vica.

Nàng trốn đi trong bộ võ phục màu bồ đào mà nàng đã mặc để ra hát.

5

Quốc lộ Drinápoly^(*) cũng chỉ là một con đường đầy cát bụi và chẳng chịt vết bánh xe như đường Gyöngyös hoặc đường Debrecen^(*). Nhưng nếu tất cả những giọt nước mắt đã nhỏ xuống con đường đó đều có thể biến thành ngọc trai thì thế giới ắt sẽ quá nhiều thứ ngọc trai ấy! Và có lẽ người ta sẽ gọi đó là ngọc trai Hung!

Mỗi quán trọ ở cuối các thị trấn dọc đường đều là một cái tháp Babel^(*) nho nhỏ, ở đó người ta có thể nói đủ mọi thứ tiếng trên đời. Nhưng còn có hiểu nhau hay không thì lại là chuyện khác, và điều mà chủ quán đặc biệt không hiểu nổi là mỗi khi có một người khách vốn quen nếp sống sang trọng, cứ đòi cho được phòng riêng, giường sạch và những điều đặc biệt khác đại loại như thế.

Trong tất cả các vùng ở phương Đông, quán trọ, hoặc như ở đó người ta thường gọi: Karavánszeráj, đều cùng một kiểu. Đó là những ngôi nhà lớn, mái lợp tôn, quanh sân có tường đá bao bọc, cao đến đầu người. Dọc chân tường đá về phía trong có một bệ đá rộng và thấp. Bảo là giường thì không đúng vì nó không phải là giường, mà chỉ là một cái tường thấp và rộng, nhưng nếu bảo là tường thì nó lại có vẻ giống cái giường hơn; khách bộ hành đều nằm ngủ trên đó để ban đêm cóc nhái khỏi nhảy vào túi họ.

Nhưng người Thổ lại thích chính cái loại chỗ nghỉ như thế. Hẳn nấu ăn và ngủ trên bệ đá, ngựa buộc bên cạnh. Nếu đêm khuya ngựa có va đầu vào đầu hẳn thì hẳn tổng cho một quả vào mõm và được yên tâm là ngựa vẫn còn. Hẳn sẽ trở mình rồi lại tiếp tục ngáy...

Một buổi chiều tháng năm có hai chàng kỵ sỹ Thổ trẻ tuổi đến quán trọ Drinápoly. Họ mặc quần áo kiểu Hung: quần chần xanh, áo xanh, gườm cong giắt trong thắt lưng màu vàng, vai khoác áo bào bằng lông lạc đà màu gỉ sắt, cái mũ may liền áo kéo chụp lên đầu. Thoáng nhìn qua cũng biết đó là những deli^(*), những người chỉ phụng sự lá cờ chính giáo trong thời chiến, ngoài ra chuyên sống bằng nghề lạc thảo. Quần áo kiểu Hung thực ra cũng giống quần áo Thổ; cả hai đều là dân phương Đông. Đám deli toàn dân Thổ.

Trong quán trọ chẳng ai để ý đến họ. Có chăng chỉ cái xe của họ còn đáng chú ý chút ít thôi vì trong xe có hai thanh niên nô lệ trẻ, đẹp và hai con ngựa trắng trước càn xe cũng tuyệt đẹp. Người đánh xe cũng là nô lệ và cũng trẻ. Mấy người nô lệ hoặc là dân Hung, hoặc dân Croatia, nhưng có hai người là con nhà quý tộc, điều đó lộ rõ trên tay, trên mặt họ. Bất kể hai chàng deli đã bắt được tù binh ở đâu, điều chắc chắn là họ sẽ có thể tổng được rất nhiều tiền!

Đủ các giống người chen chúc trong sân quán trọ: Thổ, Bulgaria, Serbia, Albania, Hy Lạp và Rumania; đàn bà, trẻ con, thương nhân và binh lính ồn ào, láo nháo. Con đường này chẳng khác nào dòng Duna: tất cả đều chảy dồn vào đó. Vì vậy không nên lấy làm lạ cho cảnh náo nhiệt và sự pha trộn tiếng nói ở các lữ quán trong mỗi buổi sáng hoặc buổi chiều. Mặt trời đã sắp lặn. Mọi người cho ngựa và lạc đà uống nước. Ai nấy đều vội vã tìm chỗ cho mình trên bệ đá. Người ta trải chiếu hoặc thảm lên đó để nằm. Ai không có thảm có chiếu thì dùng rơm hoặc cỏ khô lót nằm cho đá khỏi đụng vỡ sườn.

Một deli – chàng trẻ tuổi hơn, áng độ mười tám, có cái nhìn mạnh dạn – gọi to:

– Chủ quán ơi!

Một người béo lùn, đội tuyban bước ra khỏi hiên và hỏi có thể hầu khách những gì.

– Ông còn phòng không hở chủ quán? Ta sẽ trả hậu.

– Người ta thuê mất trước đây một giờ rồi. – Chủ quán trả lời.

– Ai thuê đấy? Nếu họ nhường lại, ta sẽ trả thêm tiền cho họ nữa.

– Cậu không đủ tiền trả cho ông ta đâu. Aga Altin hiệt kiệt đã trọ ở đó!

Lão chủ quán trả lời và kính cẩn chỉ về cuối hiên nhà, ở đó một người Thổ da đen, mặt như mặt quạ đang ngồi xếp bằng tròn trên tấm thảm nhỏ. Y phục của hắn tỏ rõ hắn là một bậc quyền thế. Trên tuyban giắt hai cái lông đà điều trắng, bên cạnh có tên hầu đứng quạt, một tên hầu khác đang pha nước uống cho hắn. Ngoài sân còn khoảng hai chục tên bộ hạ ăn mặc nửa đỏ nửa xanh đang lo nấu nướng. Có tên đang giặt quần áo cho aga bên giếng, có tên đang dỡ đệm giường từ trên lưng lạc đà xuống, một tấm đệm lông cừu dày và đắt tiền.

Đòi tên này nhường phòng thì quả là tai vạ.

Hai chàng deli bực dọc quay lại chiếc xe của mình. Gã đánh xe nhanh nhẹn tháo xe ra rồi cời trói cho hai người nô lệ và dắt ngựa đi uống nước. Sau đó gã cũng nhóm lửa trên bệ đá và bắc nồi nấu bữa tối.

Hai người nô lệ không có vẻ gì buồn bã cả. Thực ra hai chàng deli cũng tỏ ra tôn trọng tù binh của mình lắm. Họ cùng ăn chung một mâm, uống chung một bầu. Chắc hẳn là những tù binh quý phái.

Tên aga cũng đã ăn tối. Tên hầu bếp bưng ra cho hắn món cháo thịt cừu đựng trong đĩa bạc. Hắn dùng tay bốc ăn, bởi vì nếu dùng dao và nĩa thì chả hóa ra thừa và bất nhã lắm sao! Chỉ có bọn man rợ, bẩn thỉu, tà đạo

mới dùng thực cụ để ăn chứ!

Một tên đạo sỹ Hồi giáo chột mắt, đi chân đất, đến trú bên cạnh hai chàng đeli. Hắn không mặc gì khác ngoài một cái áo khoác lông cừu màu gỉ sắt, dài đến tận mắt cá. Ngang lưng hắn buộc một sợi dây, trên sợi dây lưng có một chuỗi tràng hạt và một cái bát bằng gáo dừa đã cũ. Đầu hắn không đội mũ, mớ tóc dài và rối cuộn thành búi tó. Hắn chống một cây gậy dài, đầu gậy gắn một miếng đồng hình vành trăng lưỡi liềm. Áo hắn xám xỉn vì bụi đường.

Tên đạo sỹ lùi lên bệ đá, nhìn mấy người ăn tối bên cạnh rồi nghiêm nghị hỏi:

– Các người không phải là tín đồ của đại giáo trưởng hay sao?

Mấy người kia bực mình nhìn hắn. Chàng đeli trẻ hơn, mặt rúm nắng, có đôi mắt đen lánh, trả lời hắn:

– Có khi còn là tín đồ ngoan đạo hơn cả người nữa ấy chứ. Ta đã thấy nhiều đạo sỹ lang thang chỉ kính chúa bằng cái bụng thôi.

Tên đạo sỹ vừa dụi con mắt chột vừa đáp lại:

– Sở dĩ ta hỏi thế vì ta thấy các người ăn chung với bọn mọi rợ.

– Những đứa này cũng đã trở thành tín đồ chân giáo cả rồi đấy, ionisa ạ.

– Chàng đeli nói giọng kẻ cả.

Tên đạo sỹ sững sốt nhìn chàng đeli rồi hắn dùng cả năm ngón tay bừa dọc suốt mười ba sợi râu dài và hỏi:

– Người làm sao mà biết ta?

– Làm sao ấy à? – Chàng trẻ tuổi mỉm cười đáp. – Ta biết người từ cái thời dừng sỹ của người kia, từ khi người còn cầm binh khí của paḍisa.

– Người đã ở trong quân ngũ lâu thế kia à?

– Năm năm nay.

– Ta không nhớ ra người.

– Nhưng tại sao người lại từ bỏ ngọn cờ vinh quang đó?

Trước khi tên đạo sỹ kịp trả lời, từ trên hiên bỗng nổi lên một tiếng rú vang dội đến nỗi những con ngựa nhảy cuống cả lên.

Chính tên aga là kẻ đã rú lên như vậy. Các chàng deli nhìn về phía đó xem hăn gặp chuyện gì. Họ chẳng thấy gì cả, chỉ thấy mặt aga đỏ bừng và hăn đang nốc rượu.

– Ông ta bị cái gì thế? – Một deli hỏi tên đạo sỹ.

Tên đạo sỹ phẩy tay khinh bỉ:

– Người không thấy ông ta uống rượu vang hay sao?

– Ông ta uống trong bầu làm sao ta thấy được.

– Thế người không phải là dân Hồi chính cống ư?

– Không đâu ông bạn ạ, ta vốn là dân Dalmacia^(*), chỉ năm năm trước đây ta mới biết đến chân giáo.

– Giờ thì ta hiểu rồi. – Tên đạo sỹ bình thản nói. – Vậy người nên biết rằng ngài aga đã rú lên như thế để đuổi linh hồn chạy từ đầu xuống chân trong khi ông ta uống rượu vang. Bởi vì linh hồn ở trong đầu chúng ta và sẽ bay sang thế giới khác khi chúng ta chết. Ở đó người tín đồ chân giáo sẽ bị trừng phạt về tội uống rượu vang.

– Nhưng nếu linh hồn không phạm tội?

– Thì ông này cũng tưởng rằng nếu ông ta đuổi linh hồn đi một chỗ thì linh hồn ông ta sẽ không phạm tội. Nhưng ta cho rằng những cung cách mẹo mực như vậy không tốt đâu.

Tên đạo sỹ thở dài, nói tiếp:

– Vừa rồi người có hỏi vì có gì mà ta từ bỏ ngọn cờ thần thánh?

– Đúng đấy. Bởi vì người đã từng là một chiến sỹ dũng cảm, với lại người cũng còn trẻ chán: người mới độ ba mươi lăm tuổi là cùng chứ mấy?

Tên đạo sỹ nhấp nháy mắt có vẻ đắc ý, nhưng chỉ lát sau lại đã buồn bã khoát tay:

– Đời chiến sỹ không gặp may thì chẳng ăn thua gì. Ta đã từng là một dũng sỹ khi cái bùa hộ mệnh của ta vẫn còn. Ta đã nhận được nó ở trận tiền, từ tay một bãi già bị tử thương. Linh hồn một vị anh hùng nào đó đã ẩn náu trong cái bùa ấy. Vị anh hùng đó đã từng chiến đấu bên cạnh đại giáo trưởng, và linh hồn của Ngài ngày nay vẫn cùng chiến đấu với người nào có được cái nhẫn ấy. Về sau ta bị bắt làm tù binh và một giáo sỹ Gia Tô đã lấy mất của ta. Khi cái nhẫn còn ở với ta, đạn gươm đều không chạm tới mình ta, nhưng từ khi mất nó, ta bị hết vết thương này đến vết thương khác. Các võ quan thuộc hạ thù ghét ta. Cha ta, jaja–oglu Mohamed đại danh, là tổng trấn Buda, đuổi ta ra khỏi cửa. Anh ta, bãi Arszlán lừng lẫy, giận ta. Bạn hữu ăn cắp hết của ta. Thân ta đã bị bắt làm tù binh đến mấy lần. Tất cả mọi may mắn đều lìa bỏ ta.

Chàng deli nhìn bàn tay trái của tên đạo sỹ thấy một vết sẹo đã lành, nhưng da còn đỏ chạy suốt ngón tay trở. Hình như hắn đã từng bị chém đứt suốt từ ngón tay trở cho đến tận cổ tay, nhưng người ta đã chắp lại cho hắn.

– Tay người cũng có sẹo kia kìa.

– Có đấy. Suốt một năm trời ta không cử động được. Cuối cùng một đạo sỹ rất thánh đã khuyên ta hành hương ba lần đến Mekka. Nhưng người phải biết, ta chỉ mới đi có một lần đã khỏi.

– Vậy người sẽ khoác áo đạo sỹ suốt đời chứ?

– Ta cũng không biết nữa. Ta tin rằng ta sẽ gặp lại may mắn, và nếu ta còn hành hương về đất thánh hai lần nữa, ta sẽ lại có thể tái ngũ. Nhưng than ôi, chừng nào ta chưa tìm lại được cái bùa hộ mệnh của ta thì tất cả đều vẫn còn phi phủng.

– Người hy vọng sẽ tìm thấy nó ư?

– Nếu ta hành hương xong một nghìn lẻ một ngày thì cái gì cũng có thể được cả.

– Người sám hối một nghìn lẻ một ngày?

– Một nghìn lẻ một ngày.

– Người đi viếng các đền thờ?

– Không, ta chỉ đi dọc con đường từ Pécs đến Mekka thôi. Ngày nào ta cũng tụng kinh, lần tràng hạt và khấn tên Allah một nghìn lẻ một lần.

– Ta lấy làm ngạc nhiên là một người khôn ngoan như người...

– Trước Allah không có ai khôn ngoan được cả. Chúng ta chỉ là con sâu cái kiến.

Tên đạo sỹ nói vậy rồi lấy tay lần chuỗi tràng hạt dài gồm chín mươi chín hạt và bắt đầu tụng niệm. Người đánh xe dọn dẹp mâm cơm rồi lấy các tấm thảm ra, trải lên bệ đá hai tấm, phủ lên mũi xe một tấm. Người nô lệ trẻ nhất chui vào nằm trên xe. Họ gác còng xe lên bệ đá. Một chàng deli nằm xuống bên còng xe, đầu gối lên yên ngựa.

Chàng ta sẽ canh cho cả bọn ngủ.

Trăng chiếu sáng khắp quán trọ, vắng vặc như ban ngày. Có thể thấy rõ mọi người nằm ngổn ngang trên bệ đá, ai nấy đều sửa soạn ngủ cả. Chỉ còn mùi ngựa lẫn với mùi hành là chưa chịu lảng đi cho, với lại một con dơi cứ bay vun vút dọc ngang trên sân.

Một tên hầu mặc áo nẹp đỏ bước qua sân đến chỗ chàng đeli đang sửa soạn đi ngủ và nói:

– Aga cho gọi người. Ngài có chuyện muốn nói với người.

Chàng đeli thứ hai bồn chồn nhòe dậy khỏi chỗ nằm, nhìn theo người bạn của mình đang lặng lẽ tuân theo lệnh đòi của tên aga. Chàng cầm lấy thanh gươm đã cởi bỏ bên cạnh đeo lên người.

Tên aga vẫn đang ngồi trên thềm nhưng không rú lên nữa. Hắn ngẩng bộ mặt đỏ ngăm ánh trắng.

Chàng đeli nghiêng mình thi lễ.

– Người từ đâu đến hờ con? – Tên aga hỏi.

– Thưa ngài, chúng tôi từ Buda đến. Đạo này quan tổng trấn không cần đến chúng tôi nữa.

– Người đem về những con ngựa đẹp quá khiến ta ngăm mãi vẫn không chán mắt. Người có bán không?

– Thưa ngài, không ạ.

Tên aga ném lên chàng trai một cái nhìn giận dữ.

– Người đã thấy mấy con ngựa của ta chưa?

– Thưa ngài, chưa ạ.

– Vậy sáng mai người hãy nhìn xem. Nếu có con nào vừa ý người, chúng ta sẽ có thể đổi cho nhau.

– Thưa ngài, được ạ! Ngài còn sai bảo điều gì nữa chẳng?

– Người có thể lui.

Tên aga nhíu lông mày nhìn theo chàng đeli.

Tất cả mọi người đã ngủ. Tên aga cũng về phòng nằm bên cạnh cái cửa

sổ che rèm trắng. Sân lữ quán vang đầy tiếng người ngáy khò khò và tiếng ngựa nhai thóc rào rào. Phút nào cũng có tiếng vó ngựa nện cồm cộp, nhưng tất cả các thứ tiếng động đó đều không quấy rầy nổi những người ngủ. Những người lữ khách mệt nhọc ngủ say sưa chẳng kém gì khi ngủ trên giường êm trong tỉnh mịch.

Mặt trăng như nửa chiếc đĩa vàng dần dần lên cao trên bầu trời.

Khi không thấy ai động tĩnh gì nữa, chàng đeli lớn tuổi hơn liền ngóc đầu dậy nhìn xung quanh. Người nô lệ trẻ cũng nhòm dậy.

Cả ba chụm đầu vào nhau bàn bạc.

– Tên aga muốn gì thế? – Chàng đeli lớn tuổi hơn hỏi bằng tiếng Hung.

– Mấy con ngựa của ta vừa ý hă. Hă muốn mua.

– Cậu đã nói gì với hă?

– Tôi bảo không bán.

– Tất nhiên là không rồi.

– Tôi tạm biệt hă sau khi đã hứa ngày mai sẽ đổi ngựa. Ta phải đổi một con ngựa của ta lấy một con ngựa nào đó của hă.

Tám thăm đập trên xe bỗng mở ra và người nô lệ trẻ nhất có khuôn mặt đẹp thò đầu ra gọi:

– Gergely.

– Suyt. – Chàng đeli trẻ hơn trả lời. – Em muốn gì hả Vicuska của anh? Không có việc gì đâu. Em ngủ đi.

– Tên aga muốn gì thế?

– Hă chỉ hỏi thăm mấy con ngựa của ta thôi. Ngủ đi, em yêu.

Hai khuôn mặt gần nhau khẽ chạm vào nhau trong một cái hôn.

Sau đó ba chàng trai còn trao đổi với nhau một vài câu nữa.

– Chúng ta không việc gì phải lo sợ cả. – Gergely tin tưởng nói. – Trời vừa rạng ta sẽ đi ngay và sẽ bỏ tên aga lại đây cùng với bầy ngựa của hã.

– Nhưng ngày mai tôi không làm nô lệ nữa đâu. – Török Jancsi nói. – Ngày mai Mekcsey sẽ làm nô lệ. Bị trói tay ngồi đánh xe thế này chán lắm. Với lại những ngàn này vàng nó nặng khủng khiếp. Dù sao đem giấu vào xe cũng vẫn khôn hơn.

– Được, được. – Gergely trả lời. – Mai tớ sẽ vui lòng làm nô lệ, nhưng ta thay quần áo vào lúc nào? Ban đêm không được đâu vì nhớ sáng mai tên aga sẽ dậy sớm hơn ta.

– Thế thì mai hã hay Gergely ạ, để giữa đường hã thay cũng được. Quỷ tha ma bắt cái lão aga này đi cho rảnh!

Mekcsey lắc đầu:

– Tớ cũng chẳng ưa hã. Những ông lớn loại này không quen bị một tên đeli rách rưới từ chối ý muốn của họ đâu.

– Các cậu phải chú ý, khi có người ở gần thì đừng nói tiếng Hung. – Gergely dặn. – Tên đạo sỹ này cũng biết tiếng Hung đấy.

Tên đạo sỹ nằm bên cạnh họ, hã cuộn tròn như một con nhím.

Sáng hôm sau khi mặt trời vừa mọc, tên aga bước ra khỏi cửa và ngáp một cái rõ to để đuổi nốt giấc ngủ ra khỏi đầu.

– Bandzsal, hai tên đeli ấy đâu rồi? – Hã hỏi tên hầu đang đứng khom lưng trước mặt.

Tên hầu đưa mắt ra sân tìm kiếm.

Tên đạo sỹ đang ngồi xổm bên cạnh cửa, nghe tên aga hỏi, hã liền đứng dậy nói:

- Thưa ngài, chúng nó đi rồi ạ.
- Chúng nó đi rồi à? – Tên aga gắt lên. – Đi rồi hở?
- Vâng ạ.
- Sao chúng nó dám bỏ đi?
- Chính vì thế mà con đợi ngài ở đây. Hai tên deli ấy không phải là người lương thiện đâu ạ.
- Làm sao người biết?
- Hồi đêm con đã nghe lỏm chúng nó.
- Chúng nó nói những chuyện gì?
- Đủ các thứ chuyện ạ. Nhưng cái chính là chúng nó không muốn gặp phải những người như ngài.

Tên aga trừng mắt:

- Vậy thì phải tước hết ngựa, hết nô lệ và cái xe của chúng nó, tước hết.
- Cứ sau mỗi tiếng giọng hăn lại cao lên một bậc, đến tiếng cuối cùng hăn đã hét lên.
- Chúng nó có cả tiền nữa đấy ạ. – Tên đạo sỹ tiếp. – Một tên nô lệ đã nói là hăn không đủ sức mang nổi vàng nữa.
 - Vàng à? Hê, xpahi đâu, lên ngựa tất! Đuổi theo hai thằng deli, dù sống hay chết cũng phải đem chúng nó về đây cho ta! Nhất là bắt cái xe của chúng nó về đây.

Hai mươi hai tên xpahi phóng ngựa rầm rập ra khỏi cổng quán.

Tên aga nhìn theo chúng rồi quay lại hỏi tên đạo sỹ:

- Chúng còn nói những chuyện gì nữa?
- Con không hiểu được hết vì chúng nó nói rất khẽ. Có điều chắc chắn

là chúng nó nói tiếng Hung và một nô lệ của chúng là phụ nữ.

– Phụ nữ? Ta không hề thấy.

– Chúng nó cải nam trang cho cô ta.

– Đẹp không?

– Quyến rũ lắm.

Mắt tên aga sáng lên:

– Rồi người sẽ có phần trong số chiến lợi phẩm.

Hắn bảo tên đạo sỹ như vậy rồi đi vào nhà. Tên đạo sỹ gọi với theo:

– Thưa ngài, con vốn là ionisa, xin ngài cho phép con cũng được lên ngựa.

– Chính ta cũng đi. – Tên aga háo hức nói. – Vậy người khá thẳng ngựa cả cho ta nữa.

Hắn đeo gươm vào rồi trèo lên ngựa và cùng tên đạo sỹ đuổi theo hai mươi hai tên bộ hạ trên đường đi Konstantinope. Bọn bộ hạ thấy chủ tướng phi ngựa theo sau bèn ngoái cổ lại. Tên aga vẫy tay ra hiệu cho chúng cứ tiến lên.

Con đường cái bốc mù bụi trắng dưới vó ngựa.

Chưa đầy vài giờ sau, tiếng reo hò âm ỉ của bọn bộ hạ báo cho tên aga biết chúng đã trông thấy cái xe.

Lúc đó, bọn bộ hạ đã lên đến đỉnh dốc và phi theo con đường đổ dốc xuống bên kia, mất hút trước mắt aga. Tên aga nóng ruột muốn phi mau lên đỉnh dốc. Hắn thúc ngựa phi như bay, lòng rạo rực vì món chiến lợi phẩm béo bở. Tên đạo sỹ cưỡi ngựa theo sau hắn trông như một con quỷ lông lá. Tên này cũng quất ngựa không tiếc tay. Tóc hắn sổ tung ra khiến cái đầu hắn trông giống như một cái chổi rơm. Hắn chưa kịp đeo vào người thanh

gườm mà tên aga trao cho trong lúc vội vã nên hắn cứ cầm trong tay và dùng nó mà đánh ngựa.

Lên tới đỉnh dốc, tên aga mới thấy bọn bị đuổi vẫn còn cách khá xa và họ đã đánh hơi thấy mối nguy.

Kìa, hai người nô lệ cũng nhảy lên ngựa và rút vũ khí ra từ ván sau thùng xe. Người đánh xe đang lấy đồ đạc trong xe ra phân phát cho những người cưỡi ngựa. Bọn họ đem nhét vào đáy yên ngựa hoặc đặt ở trước mặt. Sau đó người đánh xe chui xuống dưới gầm xe. Từ gầm xe một vệt khói trắng bay lên. Lúc đó người đánh xe cũng nhảy nốt lên ngựa phóng theo bốn người kia.

Tên aga ngấn cả người, hắn gọi to lên với tên đạo sỹ ở phía sau:

– Mấy tên kia là cái loại nô lệ gì mà lạ thế? Sao chúng không muốn được giải thoát hở?

– Thì con đã bảo là bọn chó má! – Tên đạo sỹ gào.

Ngọn lửa đã lem lém vào xe. Bọn lính Thổ bối rối đứng xung quanh.

– Dập lửa đi! Phá tung cái xe ra. – Tên aga hạ lệnh. Sau đó hắn lại thét.
– Chỉ ba đứa ở lại thôi! Những đứa khác đuổi ngay theo bọn chó!

Đúng lúc đó cái xe lóe sáng rực và nổ một tiếng dữ dội, bắn tung lửa ra xung quanh.

Chỗ đó chẳng còn lại xe cộ, người ngựa gì nữa, chỉ còn một tên đạo sỹ bù xù, điếc đặc vì tiếng nổ và sức ép, đứng sững trên đường như một con mèo ma quái trên đỉnh ống khói.

– Cái gì thế này? – Tên aga kêu lên trong đám bụi đường, nơi hắn bị con ngựa hất xuống.

Tên đạo sỹ muốn xuống ngựa nhưng con ngựa của hắn đang sợ hết hồn.

Nó cứ nhảy giật lùi và chồm hai chân trước lên rồi phi như điên như đại xuống cánh đồng, nhảy vút qua các mương rãnh, bụi bờ, hất tung cả người tên đạo sỹ lên khỏi yên, mồm sùi bọt trắng.

Tên aga gắng gượng đứng dậy. Hắn khạc bụi ra, chửi rửa như điên.

Hắn nhìn quanh. Mặt đường trông như một bãi chiến trường ngổn ngang xác những con ngựa đang quằn quại và những tên xpahi nằm thẳng cẳng. Ở chỗ ban nãy cỗ xe đồ chằng còn gì nữa hết, cỗ xe lúc nãy đã biến thành một đám mây màu nâu xám bốc lên trời.

Con ngựa của tên aga đã lồng đi mất. Ông lớn mặt quạ không còn biết xoay xở ra sao nữa.

Cuối cùng hắn khập khiễng đi lại chỗ bọn bộ hạ của hắn. Bọn chúng đã bị trận nổ quăng ra tứ phía. Đứa vỡ đầu, đứa gãy chân, cả những đứa còn nguyên thi thể cũng chẳng đem lại được cảm giác gì tốt lành cho người nhìn nữa.

Tên aga thấy không còn tên bộ hạ nào nhúc nhích nữa, hắn bèn ngồi xuống bên bờ rãnh, đực mặt ra. Có lẽ hắn đang nghe ngóng xem ở đâu và tại sao người ta lại kéo chuông rền rĩ thế. Tất nhiên là chẳng có ai kéo chuông ở đâu cả, chỉ có tai hắn ù lên đấy thôi.

Nửa giờ sau, khi tên đạo sỹ đã phi con ngựa phát cuồng của hắn đến mướt mồ hôi và quay trở lại, hắn vẫn còn thấy tên aga ngồi đực ra như một con gà rù ở đấy.

Hắn buộc con ngựa run rẩy vào một cây sồi bên đường rồi bước vội đến chỗ tên aga:

– Ngài có việc gì không ạ?

Tên aga lắc đầu:

- Không việc gì.
- Chắc thế nào ngài cũng bị đập một cái gì đó?
- Cái xương cánh chậu của ta.
- Tạ ơn Đức Allah, người đã giải thoát chúng ta khỏi cái nạn này.
- Tạ ơn Ngài. – Tên aga nhắc lại như cái máy.

Tên đạo sỹ lần lượt đi đến chỗ những con ngựa nằm mẹp bên đường để xem còn có thể vực được con nào dậy nữa không. Nhưng không. Dù có con nào chưa chết thì cũng đã tử thương đến mức chỉ còn bầy quạ là có thể trả được một giá nào đó nữa mà thôi.

Hắn trở lại chỗ tên aga:

– Thưa ngài, ngài còn có thể tự đi về được không? Hay con đỡ ngài lên con ngựa này nhé?

Tên aga xoa xoa đầu gối và bắp chân:

– Ta sẽ trả mỗi hận này! Nhưng ta kiếm đâu ra ngựa và lính tráng nữa?
– Hắn nói và ngó ngẩn nhìn tên đạo sỹ.

– Những tên khốn kiếp ấy chắc chắn sẽ đi đến Konstantinope. Chúng ta sẽ tìm ra chúng ở đấy. – Tên đạo sỹ nói.

Tên aga khó nhọc đứng dậy. Hắn rên rỉ sờ nắn cái xương cánh chậu.

– Hãy lại đây giúp ta lên ngựa và dắt về lữ quán. Người hãy ở lại làm lính hầu cho ta. Người cưỡi ngựa giỏi đấy.

– Làm lính hầu ư? – Tên đạo sỹ hỏi, giọng tự ái.

Nhưng sau đó hắn cung kính cúi đầu:

– Xin tuân lệnh ngài.

– Tên người là gì?

– Jumurdzsák.

6

Trong thời gian đó, năm kỵ sỹ Hung tiếp tục phi ngựa trên đường đi Konstantinope.

Tiếng nổ làm cho ngựa của họ cũng phát hoảng, nhưng họ chẳng phàn nàn tí nào, vì như thế chúng càng phi như bay. Mấy con ngựa cứ thay nhau vượt lên trước trong một cuộc đua điên cuồng. Khách bộ hành từ xa đã tránh đường cho họ, người ta không thể tưởng tượng được họ đua chơi hay bị đuổi.

Nhưng Cecey Éva đã đến với họ như thế nào?

Trong đêm tiệc cưới ấy, khi gặp lại Gergely, tình cảm cũ đã thức dậy trong lòng nàng: nàng với Gergely chỉ là một. Trước đó nàng cũng đã nghĩ như vậy, nhưng vì bị thúc ép tứ bề, nàng không làm sao thoát ra được. Gergely không nhà cửa, không ruộng đất, chưa tự lập được mà còn đang là một thanh niên sống dưới sự đỡ đầu của người khác. Ngay đến viết thư cho nhau cũng không thể được. Nàng đã bắt đầu ngả theo số phận.

Nhưng sự xuất hiện của Gergely đã đập tan mọi thế lực khác.

Người phụ nữ vốn suy nghĩ bằng trái tim. Trái tim bảo Éva: Đây là người bạn đời chân chính của cô! Dù cả thế giới có gièm pha đi nữa, cô vẫn sinh ra để lấy anh ấy!

Và nàng đã dứt mình ra khỏi những suy tính để đi theo tiếng gọi tự tâm tâm, tiếng gọi mạnh mẽ hơn cả tiếng nói của hoàng hậu, mạnh hơn cả tiếng nói của mẹ nàng.

Họ tẩu thoát theo con đường xuyên qua những ngọn núi tuyết phủ vùng Gyalu; những tia nắng sớm hôm sau đã chào đón họ bên dòng suối Vàng.

Rừng cây rực rỡ trong màu xanh non của những vòm lá mới. Hoa violet màu tím nở khắp nơi, hoa trĩ tử diên và hoa bồ công anh vàng hoe cả thung lũng. Không khí ngậy ngất mùi nhựa thông.

– Bây giờ anh mới hiểu tại sao người ta lại gọi con suối này là suối Vàng. – Gergely nói. – Éva, em xem kìa, có khác nào người ta đã đem vàng mà rắc dọc bờ suối. Nhưng em đang suy nghĩ gì thế? Em không hối hận vì đã đi với anh đấy chứ?

– Không đâu. Nhưng có một cái gì cứ làm em buồn buồn.

Éva trả lời. Khuôn mặt tươi trẻ của nàng rầu rầu, đôi mắt nghiêm nghị, nàng nói tiếp:

– Vì dù sao em vẫn là con gái và em nghĩ rằng hành động của em là trái với luân thường. Hôm nay anh vui mừng vì em đã đi theo tiếng gọi của trái tim, nhưng biết đâu sau này, có lẽ đến lúc tuổi già, anh sẽ chẳng nghĩ rằng anh đã dắt em đi không phải từ một nhà thờ mà từ một phòng dạ yến.

Mekcsey đi trước với một nông dân Rumanian dẫn đường cho họ vượt núi. Hai người cười ngửa đi cạnh nhau.

– Anh còn trẻ quá. – Éva lại tiếp. – Chẳng có giáo sỹ nào trên đời này chịu làm phép cưới cho chúng ta đâu.

– Éva. – Gergely đáp lại giọng trách móc. – Chẳng phải em vẫn luôn luôn coi anh như một người anh của em đấy sao? Chẳng lẽ bây giờ bên cạnh anh, em không còn cảm thấy như vậy nữa hay sao? Anh là một người xa lạ đối với em hay sao? Nếu việc thiếu giáo sỹ làm em buồn, chẳng lẽ em lại không tin rằng cho đến ngày chúng ta có thể làm lễ cưới, anh sẽ che chở

em hơn cả một thiên sứ có đôi cánh bồ câu hay sao? Nếu em muốn, anh sẽ không đụng đến tay em, sẽ không hôn đôi má của em cho đến khi nào được một giáo sỹ ban phước cho chúng ta.

Éva mỉm cười nói:

– Anh cầm lấy tay em đi: nó là của anh đấy! Hôn má em đi: của anh đấy!

Vì hai người sóng ngựa đi bên nhau, nàng chìa tay và chìa má cho Gergely.



– Vừa rồi chính là tín ngưỡng đã xui em nói. – Gergely nhẹ hẫng người, bảo. – Anh cũng là tín đồ Cơ Đốc nhưng thầy học của anh không dùng các giáo lý của Tòa Thánh để dạy anh mà dùng khoa thiên văn.

– Mục sư Gábor ấy à?

– Ủ. Thầy là một mục sư dòng Luther nhưng không bao giờ muốn bắt ai theo dòng tu của mình cả. Thầy bảo Đức Chúa thật không phải là người mà các bức tranh mô tả và các thứ kinh văn nói đến. Không phải cái lão Do Thái già nua, râu xồm xoàm, mắc bệnh thần kinh và hay dọa dẫm mọi người ấy đâu. Chúng ta cũng không thể có ý niệm về bản thân Đức Chúa Trời chân chính như thế nào nữa kia. Chúng ta chỉ có thể thấy ý nghĩa và cảm thụ được tình thương của Người mà thôi: Đức Chúa Trời thật ủng hộ ta, Éva ạ. Đức Chúa Trời thật không hề giận ai hết. Người không hề có nộ khí. Nếu em nhìn lên trời và khẩn rằng: Đức Chúa Trời, cha của chúng con, con đã chọn anh Gergely này làm bạn đời; và anh cũng nói anh chọn em, thì như vậy trước Chúa Trời chúng ta đã là vợ chồng đấy, em yêu quý ạ.

Éva sung sướng nhìn Gergely đang khe khẽ nói, gần như mơ màng. Ôi đứa trẻ lớn lên trong cảnh cô cút thật chóng khôn!

Chàng thanh niên tiếp tục:

– Nghi lễ nhà thờ chỉ là vì thế gian thôi em ạ. Cần phải công bố với thế gian rằng chúng tôi đã lấy nhau theo chủ định của tâm hồn và trái tim chứ không phải ngẫu nhiên và tạm thời như súc vật. Duyên vợ chồng thật ra chúng ta đã se từ thuở nhỏ cơ em ạ.

Mekcsey đã tới đỉnh một đồi cỏ. Anh ta dừng ngựa chờ họ và nói:

– Bây giờ nghỉ một tí chắc không hại gì đâu.

– Tốt thôi. – Gergely đáp. – Ta hãy xuống ngựa. Tôi thấy dưới kia hình

như có nước. Lão Rumani cho mấy con ngựa đi uống nước đi.

Chàng nhảy xuống ngựa rồi lại đỡ Éva xuống.

Chàng trải tấm áo choàng lên cỏ và cả bọn ngả mình xuống nghỉ. Mekcsey mở một cái đĩa lấy bánh mì và muối ra. Anh cắt bánh mì rồi đưa mời Éva trước tiên.

– Khoan. – Gergely nói rồi quay sang Éva. – Trước khi cùng ăn chung một mẩu bánh mì, chúng ta có nên kết mối tâm giao trước mặt Chúa Trời đã không, hờ Éva?

Éva nhòe dãi. Nàng chưa biết Gergely muốn gì nhưng qua giọng nói run run của chàng, nàng cảm thấy ý nghĩ đó của chàng là thiêng liêng và trịnh trọng. Nàng chìa tay cho Gergely.

Họ đứng bên nhau, tay cầm tay, Gergely bỏ mũ ra, mắt ngược nhìn trời. Chàng thành tâm khấn khứa, giọng run run:

– Đức Chúa Trời, cha của chúng con! Giờ đây chúng con đang ở trong thánh đường của Người, không phải trong ngôi nhà nhân tạo bằng gạch đá, mà dưới bầu trời lồng lộng của Người, giữa vườn cây của Người! Từ khu rừng, hơi thở của Người tỏa về phía chúng con, từ ngọn núi, ánh sáng của Người chiếu rọi đến chúng con, và từ cao xanh, mắt Người nhìn xuống chúng con. Cô gái này từ thời thơ ấu đã vô cùng thân thiết với lòng con, thân thiết hơn tất cả những cô gái khác trên đời. Con chỉ yêu cô ấy, con sẽ chỉ yêu cô ấy cho đến chết, và cả ở thế giới bên kia nữa cũng thế! Mọi người không cho phép chúng con lấy nhau theo hình thức thông thường, vậy xin Chúa cho phép cô ấy làm vợ của con cùng với mọi phước lành của Người.

Chàng đưa đôi mắt đắm lệ nhìn cô gái:

– Chúng ta hãy quỳ xuống, em ạ. Em yêu, từ giờ phút này anh tuyên bố

trước mặt Chúa Trời rằng em là vợ của anh.

Éva mắt cũng nhắm lại, thẹn thò nói:

– Còn em xin nhận anh làm chồng...

Nàng chỉ nói được có thế rồi gục đầu vào vai Gergely.

Đôi vợ chồng trẻ ôm nhau và kính cẩn hôn nhau, dường như cả hai đều cảm thấy bàn tay ban phước lành của Chúa đặt trên đầu họ.

Mekcsey lại ngồi xuống bên cái bánh mì và dụi mắt:

– Thật chưa bao giờ tớ được chứng kiến một lễ cưới như thế này. Nhưng tớ cảm thấy lễ cưới này còn thiêng liêng và bền chặt hơn nhiều so với lễ cưới mà đáng lễ hoàng hậu đã tuyên bố ở Gyalu trước chín ông giáo sỹ.

Nghe anh nói thế, tất cả đều mỉm cười. Họ ngồi xuống và bắt đầu ăn.

Tối hôm đó họ đến thành Hunyadi. Jancsi chờ họ với bữa tối đã sẵn sàng. (Hôm nào cậu cũng chờ họ, khi với bữa trưa, khi với bữa tối).

Mấy người mới đến thay quần áo. Người ta tìm trang phục phụ nữ cho Éva. Sau đó họ ngồi vào bàn.

Dự bữa tối có cả cố đạo của thành, một ông già ốm yếu, ria mép để dài, ông đã già đi giữa cảnh tỉnh mạch của tòa thành này như những cây bồ đề.

– Sở dĩ tôi mời cố đạo đến là để làm lễ thành hôn cho anh chị. – Török Jancsi nói.

– Chúng mình làm xong rồi. – Gergely trả lời.

– Xong thế nào?

– Chúng mình đã chịu lễ trước mặt Chúa.

– Ở đâu? Lúc nào? – Cố đạo hỏi.

– Ở trong rừng.

– Trong rừng ư?

– Vâng, ở trong rừng, như Adam và Eva^(*) thuở xưa. Chẳng lẽ đó không phải là một lễ cưới hợp pháp ư?

Cố đạo kinh hoảng nhìn họ. Mekcsey phật ý nói:

– Sao? Nếu như Chúa Trời muốn ban phước lành cho một người nào đó thì Người chẳng cần phải có giáo sỹ mới ban được.

Cố đạo lắc đầu:

– Chúa Trời có thể không cần đến giáo sỹ, nhưng người trần tục thì phải cần đến. Thứ nữa là Đức Chúa ở thiên giới không hề phân phát giấy giá thú cho ai cả.

Gergely nhún vai:

– Chúng con không cần đến giấy giá thú cũng biết được bốn phận vợ chồng.

– Điều đó cũng đúng thôi. – Cố đạo nói. – Nhưng sau này cháu chắt các con sẽ không biết các con là vợ chồng hợp lệ.

Éva đỏ mặt. Gergely gãi tai, liếc nhìn Éva rồi quay sang hỏi cố đạo:

– Thế cha có sẵn lòng làm lễ cho chúng con không?

– Rất sẵn lòng.

– Không cần đến sự ưng thuận của cha mẹ cũng được chứ?

– Cũng được, xét cho cùng, trong Kinh Thánh không hề có chỗ nào nói phải cần sự cho phép của cha mẹ mới làm lễ cưới được.

– Đã thế thì chúng ta hãy chịu lễ để lấy giấy giá thú vậy, Éva em ạ. – Gergely nói.

Họ đi sang nhà thờ và chỉ một lúc sau đã làm xong hôn lễ. Cố đạo viết tên hai người vào quyển sổ của nhà thờ và bảo Jancsi cùng Mekcsey ký tên

vào làm chứng.

– Tôi sẽ gửi bản sao cho cha mẹ cô dâu. – Cố đạo nói khi họ đã trở lại bàn ăn. – Mong họ sẽ làm lành với cô cậu.

– Chúng con cũng mong như vậy. – Éva nói. – Nhưng xin cha hãy tha một vài tháng để cha mẹ con nguôi bớt giận đi đã.

Nàng quay sang hỏi Gergely:

– Một vài tháng đó ta sẽ ở đâu, hờ đức ông chồng yêu quý?

– Em sẽ ở thành Hunyadi này, còn anh sẽ ở một nơi nào đó, vợ yêu quý của anh ạ.

Gergely trả lời và nhìn các bạn.

– Chúng ta có thể nói cho chị ấy biết. – Jancsi nói. – Bây giờ anh chị đã là một rồi, từ nay trở đi giữa anh chị không còn có bí mật nữa. Cha cố của chúng tôi cũng nên biết thì tốt hơn, để nhớ có gì xảy đến với chúng ta, ít nhất vài tháng sau còn có ông ta báo cho mẹ tôi biết.

– Vậy anh xin nói để em biết, – Gergely bảo vợ, – đáng lẽ bọn anh đã lên đường đi Konstantinope, khi anh nghe tin em sắp cưới. Ba người bọn anh đã nguyện sẽ giải thoát cho tướng công Bálint, người cha đáng kính của bọn anh.

– Nếu có thể được. – Jancsi nói thêm.

Cô dâu chú ý lắng nghe chồng, sau đó nàng mỉm cười nói:

– Thế thì anh bị hố với em rồi. Bởi vì lẽ ra em cũng có thể vui lòng nghỉ ngơi vài tháng trong cái thành tuyệt đẹp này đây, nhưng chẳng phải hôm nay em đã từng thề đi thề lại những hai lần rằng không bao giờ em xa rời anh đó sao?

– Chắc em không có ý định đi cùng bọn anh đấy chứ?

- Thế em không biết cười ngựa như bất cứ một anh nào đấy ư?
- Nhưng đây đâu phải chỉ là chuyện cười ngựa hờ nạng tiên của anh, đây là một chuyến đi nguy hiểm.
- Múa kiếm em cũng biết. Em đã học một thầy Ý. Em có thể dùng cung bắn chết thỏ. Em có thể dùng súng bắn rơi cả chim én nữa cơ.
- Một cô vợ vàng ngọc! – Mekcsey kêu lên và nâng cốc rượu. – Mình ghen với cậu đấy, Gergely ạ.
- Được rồi, được rồi, – Gergely vẫn còn lo ngại nói, – nhưng một cô gái như thế này chỉ quen ngủ trong giường nệm thêu ren thôi đấy nhé!
- Dọc đường em sẽ không phải là phụ nữ nữa. Em đã tới đây trong y phục nam giới, vậy tới đó em cũng sẽ mặc y phục nam giới mà đi. Nhưng anh đã hối hận vì việc lấy em nhanh thế! Thừa cha đáng kính, xin cha làm lễ ly hôn ngay cho chúng con đi, bởi vì anh chàng này coi thường con quá: định bỏ rơi con ngay từ hôm đầu tiên!
- Cổ đạo hình như đang chú ý gặm miếng sườn gà thiến hơn là nghe lời cô gái.
- Vả lại em có biết tiếng Thổ nào đâu. – Gergely đưa ra ý kiến phản đối cuối cùng.
- Dọc đường em sẽ học.
- Chị nói đúng đấy. – Jancsi lên tiếng. – Tôi cũng sẽ bày cho chị, vả lại cái tiếng ấy cũng chẳng khó gì lắm.
- Anh thử nói vài chữ xem nào. – Cô dâu mới bảo Jancsi.
- Ví dụ táo là táo, cả tui là của tôi, papa là cha, con đàn là con đường, còi là còi, đại gao là...(*)
- Đại đao! – Éva vỗ tay kêu to. – Thế mà em chẳng hề nghĩ là mình

cũng biết tiếng Thổ nữa!

Tên gia nhân hầu bàn nói nhỏ với Mekksey rằng có một người cứ nhất định xin vào cho bằng được.

– Người thế nào?

– Anh ta bảo tên là Mátyás.

– Mátyás? Họ gì?

– Anh ta không xưng họ.

– Thượng lưu hay nông dân?

– Dáng như người hầu.

Mekksey bật cười:

– Đúng thẳng Matyi rồi, quỷ tha ma bắt nó đi! Người cho hắn vào đây xem hắn nói gì.

Gã hầu Matyi đỏ mặt tía tai bước vào và liếc trộm Mekksey:

– Con đã đến đây, thưa ngài trung úy, xin hầu ngài.

– Ta thấy rồi. Nhưng tối qua mày ở đâu?

– Tối hôm qua con tỉnh rượu ngay lúc ấy. Nhưng ngài vội đi quá thành thử con không đuổi kịp được.

– Tại mày say như chết ấy.

– Không đến nỗi thế đâu ạ, thưa ngài trung úy.

– Thế mày làm sao mà mò được tới đây? Tao đem cả ngựa của mày đi cơ mà.

Matyi rướn lông mày, khe khẽ nhún vai:

– Ngựa thì ở đấy vẫn còn vô khối.

– Mày ăn trộm hả, đồ đáng treo cổ?

– Nào con có ăn trộm đâu. Khi trung úy đi rồi, con bèn bảo chúng nó vục con lên ngựa, thế là bọn bạn xốc con lên một con ngựa, chứ con có tự trèo lên được đâu. Thành thử con biết làm thế nào được nếu chúng nó không xốc con lên đúng ngựa của con?

Cả cử tọa nghe nói thế đều cười vui vẻ, nhờ đó Matyi được xá tội hoàn toàn, và chính việc gã trốn theo chủ trong lúc đang say như vậy làm Gergely rất thích, chàng cười hỏi gã:

– Anh người ở đâu hử Matyi?

– Ở Keresztes ạ.

– Keresztes là cái xá khi ho cò gáy nào?

Kỳ cục biết bao nếu giờ đây gã hầu ngựa lại trả lời như sau: Ôi, công tử Gergely xấu số, một ngày kia cậu sẽ biết cái xứ Keresztes ấy là ở đâu. Rồi đây khi râu cậu đã rậm, khi cậu đã trở nên một ông lớn, cậu sẽ bị bọn Thổ độc ác dụ vào bẫy tại chỗ đó, ở đó chúng sẽ xiềng chân, xích tay cậu lại trong sắt thép và chỉ cái chết mới giải thoát cho cậu khỏi xiềng xích ấy mà thôi.

Ba hôm sau họ lên đường. Matyi làm người đánh xe, còn bốn người kia thay nhau đóng vai nô lệ và đeli. Cái xe đồng thời là giường ngủ của Éva.

7

Cái gì trong rừng kia thế nhỉ? Một cái trại hay cả xóm làng? Sào huyết bọn cướp hay chỗ ở của những người hủi?

Đang có đám ma hay đám cưới ở trong ấy thế?

Thực ra đó không phải lán trại hay làng xóm gì cả, cũng chẳng phải là sào huyết bọn cướp hay nơi ở của những người bị bệnh hủi, mà là một phường lớn người di gan gồm nhiều lều vải rách rưới, bắn thiu dựng lên dưới bóng những hòn lèn, giữa đám cây. Từ một vài lều vải, khói ngỗng ngào bốc lên trời. Trên bãi cỏ rộng, một tốp con gái đang nhảy múa theo tiếng đàn, tiếng trống.

Một mục di gan già đang dạy bọn con gái. Mục quát đứa này, nhắc đứa nọ bằng một thứ ngôn ngữ lạ tai. Mục giật lấy cái trống bỏi từ tay một đứa con gái, rồi với những động tác duyên dáng của một cô gái mười lăm, mục giới thiệu cách uốn éo chân tay làm sao cho thật nhẹ nhàng, mềm dẻo trong nghệ thuật nhảy múa.

Nghệ thuật đó hầu như đã cùng bẩm sinh với những cô gái di gan, tuy vậy vẫn có một đôi cô hoặc tay chân hơi thô, hoặc đã thừa hưởng cái máu lười của bố mẹ, nên cần được dạy bảo.

Các cô gái đều mặc quần áo lụa mỏng. Không có lụa là thì không có khiêu vũ. Cái phấp phới của lụa là chấp thêm cánh cho những động tác của tay chân. Sự nhẹ nhàng là cái cốt yếu trong vũ đạo.

Một phần đoàn di gan ngồi xung quanh các cô gái nhảy. Những đứa con

gái bé tí chưa mặc quần áo cũng bắt chước nhảy, kể cả những đứa lên hai lên ba tuổi. Chúng múa may trên bãi cỏ chẳng khác gì những tiên đồng, ngọc nữ. Chúng dùng gáo dừa thay cho trống bỏi và khoác mạng nhện lên người thay tấm khăn voan.

Bỗng nhiên, như một đàn chim sẻ bay vù lên từ một bụi cây, tất cả bọn trẻ con reo ồ lên và chạy về phía cửa rừng.

Năm kỵ sỹ của chúng ta tay dắt ngựa, mệt mỏi đi tới. Đàn trẻ con nhao nhao bám xung quanh. Chúng chìa những bàn tay nhỏ xíu ra vòì xu.

– Bác trùm đâu? – Gergely hỏi bằng tiếng Thổ. – Đứa nào cũng được xu hết, nhưng ta chỉ đưa cho bác trùm thôi.

Éva đã thò tay vào túi định ném cho chúng mấy xu đồng, nhưng Gergely ra hiệu bảo nàng đừng làm thế.

– Thôi, đi! – Chàng quát bọn trẻ và giả vờ giơ gươm lên.

Đàn trẻ sợ hãi chạy tứ tán.

Ngay cả đám di gan lớn tuổi cũng phát hoảng. Kẻ chạy vào lều, người nhảy vào nấp trong bụi. Chỉ đám phụ nữ ở lại, họ nhìn những người lạ mặt với vẻ chờ đợi.

– Các người đừng sợ. – Gergely nói với họ bằng tiếng Thổ. – Chúng ta không động đến các người đâu. Ta chỉ dọa bọn trẻ để chúng tản đi, khỏi làm rầm rĩ lên đấy thôi. Bác trùm đâu?

Một lão di gan bước ra khỏi lều. Lão mặc áo choàng kiểu Thổ, đầu đội mũ cao kiểu Ba Tư. Trên áo chên của lão có những cái cúc bạc to tướng, cổ đeo một sợi dây chuyền vàng, tay lão cầm cây gậy lớn tượng trưng quyền lực của ông trùm.

– Lão nói tiếng gì? – Gergely hỏi bằng tiếng Thổ.

– Chủ yếu là tiếng Thổ. – Lão trùm trả lời. – Nhưng lão cũng có thể hầu chuyện các công tử bằng tiếng Rumani, tiếng Ba Tư, tiếng Hy Lạp, tiếng Bosnia, tiếng Serbia, tiếng Croatia, tiếng Hung, tiếng Tiệp, tiếng Đức, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha. Tiếng Mútška(*) lão cũng nói được chút ít.

– Vậy ta hãy cứ dùng tiếng Thổ. Cái gì đã khiến dân phường của lão hoảng sợ đến thế?

– Có một toán cướp Hy Lạp đang hoành hành ở quanh vùng này. Người ta đồn chúng có đến năm chục tên. Tuần qua chúng vừa giết một thương nhân ở trong rừng.

– Chúng ta đây không phải quân trộm cướp đâu, mà chỉ là những du khách lạc đường. Chúng ta từ Albania tới đây. Chúng ta cũng đã nghe câu chuyện về toán cướp ấy nên mới đi tránh đường cái quan. Chúng ta chỉ muốn lão cho chúng ta một người dẫn đường đến Konstantinope và ở lại đó với chúng ta ít ngày.

– Tưởng gì chứ người dẫn đường thì các công tử muốn đến hàng chục cũng có. Vả lại cũng chẳng xa xôi gì.

– Chúng ta chỉ cần một người thôi. Một người thuộc đường đi lối lại trong kinh thành, lại vừa biết sửa chữa binh khí và chữa bệnh cho ngựa.

Lão trùm nghĩ ngợi một lúc rồi quay về phía một cái lều đang tỏa khói và gọi to:

– Sárközi!

Năm kỵ sỹ gần như rùng mình khi nghe gọi đến một cái tên Hung.

Từ trong cái lều kia, một gã di gan mặt đỏ trạc chừng bốn mươi lăm tuổi chui ra. Gã mặc quần kiểu Rumani và áo màu xanh. Chiếc quần Rumani đã bị vá một miếng dạ đỏ ở đầu gối. Gã cặp dưới nách một cái áo

chên kiểu Hung. Vừa đi đến chỗ mấy người, gã vừa mặc áo chên vào người, khi đến chỗ lão trùm thì gã cũng vừa cài xong cúc áo, phủi bụi trên quần và còn đủ cả thì giờ để vuốt lại mái tóc. Da mặt gã rõ chẳng rõ chít.

– Chú khá dẫn các hiệp sỹ vào kinh thành và hầu hạ các ngài trong thời gian ở đó nhé. – Lão trùm bảo gã.

Gergely đưa cho lão trùm một đồng tiền bạc.

– Lão hãy chia cho bọn trẻ con! Xin cảm ơn lòng tốt của lão.

– Con phải đem những gì theo ạ? – Sárközi khúm núm hỏi bằng tiếng Thổ.

– Chỉ cần một vài dụng cụ để chữa súng và móng ngựa, với lại nếu có thì mang thêm ít thứ thuốc dầu để dịt vết thương cho cả người lẫn ngựa.

– Con đi lấy ngay đây ạ. – Gã nói và chạy về lều.

– Các hiệp sỹ trẻ tuổi không mệt sao? Hãy vào trong này nghỉ ngơi chút đã. Hôm nay các công tử đã ăn uống gì chưa?

Lão trùm hỏi rồi đi lên trước, dẫn các vị khách lạ về lều của lão dưới một cây sồi cành lá sum suê, cái lều này màu đỏ, nổi bật hẳn lên giữa những cái khác.

Vợ lão trùm trải ba tấm thảm nhỏ màu sắc sỡ lên cỏ. Cô con gái lão đang mặc bộ cánh mỏng để tập nhảy lúc ban này cũng xúm vào giúp mẹ.

– Nhà chúng tôi có sữa đông, trứng gà, gạo, bơ và bánh mì. Nếu các công tử hào hoa chịu khó chờ thì tôi còn có thể rán cả thịt gà nữa. – Vợ lão trùm ướm ý khách.

– Chúng ta sẽ chờ. – Gergely trả lời. – Quả thực bọn ta đang đói. Việc cũng chẳng đến nỗi vội.

Dân phường tụ tập xung quanh họ. Mụ di gan nào cũng muốn trở tài

bói toán. Một vài mụ đã ngồi quỳ gối xuống bên họ và lắc lắc những hạt đậu ngũ sắc trong rổ.

Gergely phải nói với lão trùm:

– Nhờ lão tổng cổ bọn họ đi cho. Chúng ta không có một tí hứng thú nào với chuyện bói toán cả.

Lão trùm giơ cây gậy lên khua đám thần dân của lão. Dân phường kính nể cái gậy hơn hay lão trùm hơn, điều đó trong lịch sử chưa hề được làm sáng tỏ, nhưng có điều chắc chắn là đám người tản mát đi rất chóng. Năm người lữ hành có thể yên thân ngồi xuống bên những tấm thảm nhỏ bày la liệt các thức ăn mà vợ lão trùm mang ra.

– Các bác sống vui vẻ gớm. – Gergely vừa bưng bình nước lên tu vừa bắt chuyện lão trùm. – Hôm nay là ngày lễ hay ngày nào các cô gái cũng nhảy múa như thế cả?

– Ngày mai là thứ sáu. – Lão trùm trả lời. – Tất cả bọn con gái đều sẽ có mặt ở Cam Thủy.

Gergely cố biến câu chuyện thành những điều bổ ích cho mình, chàng bèn tiếp:

– Chúng ta chưa bao giờ đến Konstantinope. Lần này chúng ta đến đó để nhập ngũ. Vậy Cam Thủy là cái gì?

– Đó là nơi giải trí của người Thổ ở cuối vịnh Sừng Vàng. Ngày thứ sáu, tất cả mọi gia đình Thổ đều đi thuyền đến đó. Những lúc như thế, người di gan có thể kiếm chác đôi ba đồng. Bọn con gái thì nhảy múa, còn các mụ già thì bói toán.

– Các bác không sợ cho các cô gái của mình ư?

– Sợ gì? Nếu chúng bị bắt thì chỉ càng may mắn hơn. Nhưng người Thổ

họ cần phụ nữ da trắng cơ, đặc biệt là phụ nữ Hung. Bọn con gái của chúng tôi đôi khi cũng được vào các harem^(*) đấy. Bây giờ chúng nó học nhảy cả đoàn như thế là cốt để xin vào các quán trọ.

Éva hỏi Gergely:

– Tiếng Thổ nước là gì hở anh?

– Là “xu” em ạ.

Éva đi vào trong lều nói với cô con gái lão trùm:

– Cô ơi, xu, xu!

Cô gái di gan vén tấm vải phía sau lều. Có một cái hang rộng và mát lạnh ở ngay đấy. Nước từ hòn lèn rỉ ra nhỏ xuống từng giọt. Những giọt nước nhỏ xuống đã khoét đá thành một cái vũng.

– Nếu cậu thích thì tắm đi một cái. – Cô gái di gan vừa nói vừa lấy tay ra hiệu. Cô đưa cho Éva một cục đất sét vuông vuông để làm xà phòng. Éva nhìn cô. Cô gái di gan nheo mắt nhìn lại, cái nhìn như nói:

– Cậu đẹp trai quá!

Éva mỉm cười vuốt má cô gái. Gò má cô ta mịn màng và nóng rực. Cô ta chụp lấy tay Éva hôn rồi bỏ chạy ra ngoài.

...

Khi đã đi xuyên trong rừng được một quãng khá xa, Gergely mới lên tiếng hỏi gã di gan:

– Anh bạn Sárközi này, đã bao giờ anh có đến mười đồng vàng chưa?

Gã di gan nghe hỏi bằng tiếng Hung thì rất ngạc nhiên, ngẩn người ra nhìn một lúc rồi mới trả lời được:

– Bẩm, cũng có khi đã được nhiều hơn cơ đấy, nhưng chỉ trong mộng

thôi.

– Thế còn trong thực tế?

– Trong thực tế có lần con đã có đến hai đồng. Một đồng con đã giữ mãi đến hai năm trời, định để cho một cậu bé. Sau đó con đem mua ngựa. Con ngựa đã chết. Giờ đây không còn ngựa cũng chẳng còn tiền.

– Nếu anh trung thành hầu hạ chúng ta, chỉ trong ít ngày anh có thể kiếm được mười đồng vàng đấy.

Gã di gan sướng bừa bãi cả người. Gergely hỏi tiếp:

– Tại sao anh lại sang Thổ?

– Tại người ta cứ muốn bắt con vào lính. Chả là vì con khỏe quá.

– Anh có bao giờ khỏe đến thế đâu mà.

– À, không phải con nói về sức vóc của mình đâu, nhưng con khỏe sức thôi sáo lắm. Cha con đã từng làm nghề thổi sáo mà lại, với lại nghề thợ nguội nữa, với lại quân Thổ cứ bắt được con luôn ấy. Chúng nó đem về đây và bắt vào làm trong xưởng. Nhưng con đã trốn đi.

– Anh có vợ không?

– Bấm khi có khi không ạ. Hôm nay đang lúc không có.

– Vậy anh có thể cùng về nước với chúng ta, nếu anh muốn.

– Con về nước mà làm gì cơ chứ? Dù có về cũng chẳng bao giờ còn có thể tìm được ông chủ tốt bụng của con nữa. Rồi cũng lại đến rơi vào tay quân Thổ nữa mà thôi.

– Thế ra anh đã từng phục dịch ở cửa nhà ai à?

– Vâng. Con đã hầu hạ ở chỗ một vị đại nhân, một người Hung giàu có nhất. Ngày nào con cũng được ăn thịt rán. Với lại lúc nào ông chủ cũng nói năng nhẹ nhàng với con. Ông ấy bảo chứ: “Nhà anh chữa khẩu súng này lại

cái!”

– Ông ấy là ai thế?

– Còn ai khác ngoài đức ông Bálint ra nữa.

– Bálint nào? – Török Jancsi hỏi.

– Bálint nào ấy à? Török Bálint, vị đại nhân của con.

Gergely vội vàng vượt trước Jancsi trong câu hỏi:

– Anh có biết tin tức gì về ông ta không?

Rồi chàng ra hiệu cho Jancsi phải thận trọng.

Gã di gan nhún vai:

– Con có thư từ với ai đâu mà biết.

– Dù sao anh vẫn biết một tí gì về ông ta chứ?

– Con chỉ biết là ông ta đã bị bắt làm tù binh. Chẳng hiểu ông ta còn sống hay đã chết. Nhưng chắc là chết rồi, bởi nếu ông ta còn sống thì con đã nghe tin.

– Anh đã làm việc ở cơ ngơi nào của ông ta?

– Ở thành Sziget.

Hai chàng trẻ tuổi nhìn nhau. Chẳng người nào nhớ đến gã di gan cả. Thực ra họ cũng chẳng ở nhiều tại thành Sziget, mà cứ đổi chỗ luôn giữa các dinh cơ của tướng công Bálint, và dù họ có biết rất nhiều gia nhân đi nữa thì vẫn không thể nào biết hết được đám đầy tớ đông đúc ấy.

Gergely chăm chú nhìn mặt gã di gan rồi mỉm cười nói:

– Ta nhớ ra anh rồi. Bây giờ ta nhớ rồi. Có một lần anh đã bị Jumurdzsák bắt và Dobó đã giải thoát cho anh.

Gã di gan trở cả mặt. Sau đó gã lắc đầu:

– Không phải Dobó mà là một cậu bé lên bảy. Tên là cái gì Gergely ấy.

Gã thở dài và tiếp:

– Cầu đấng Devla^(*) phù hộ cho cậu bé ấy ở khắp mọi nơi. Cậu ấy đã làm cho con có được cả ngựa, cả xe. Con đã cắt mãi đồng vàng để dành cho cậu ấy. Về sau con cứ nghĩ chắc cậu ấy là một thiên thần.

– Thế nhờ ta là vị thiên thần ấy thì sao?

Gã di gan liếc mắt nhìn Gergely, tỏ vẻ không tin:

– Con chưa bao giờ thấy thiên thần để ria mép cả.

– Thế mà chính là ta đây. – Gergely mỉm cười nói. – Ta còn nhớ hôm đó anh đã lấy vợ. Tên vợ anh là Beske. Chuyện xảy ra ở trong rừng. Anh còn được chia cả binh khí nữa kia mà.

Gã di gan lác cả mắt.

– Trời ơi, cầu đấng Devla ở nơi cực lạc phù hộ cho đại nhân trẻ tuổi. Xin ngài hãy phù hộ cho cậu con đàn cháu đống như lúa như kê! Ôi, cái ngày hôm nay mới may mắn làm sao!

Và gã quỳ xuống ôm lấy chân Gergely mà hôn.

– Trời đã cho ta được gặp nhau. – Gergely nói. – Giờ đây ta đã tin rằng chúng ta đi chuyến này sẽ không uổng công vô ích.

Chàng ném cương ngựa cho Matyi rồi nằm lăn ra cỏ. Cả bọn đều noi gương chàng.

Gergely kể cho gã di gan nghe lý do họ đến xứ này, rồi hỏi gã có kế gì để có thể lọt vào chỗ tướng công Bálint được.

Gã di gan nghe Gergely nói, mắt gã lúc sáng lên, lúc thì thất vọng. Gã hôn tay Jancsi. Sau đó gã vừa suy nghĩ vừa gật gù:

– Vào Konstantinope thì có thể vào được, có lẽ còn có thể lọt cả vào

thành Bảy Tháp nữa. Nhưng chúng nó canh giữ đức ông đâu phải bằng gươm gổ.

Rồi gã đưa hai tay ôm lấy đầu, vừa đung đưa vừa xuýt xoa:

– Té ra đức ông Bálint tội nghiệp ở đây! Ôi, giá con biết thì con đã gọi qua cửa sổ để chào ngài, chúc ngài sức khỏe.

Bọn Gergely chờ cho những tưởng tượng của gã di gan bay bổng hết đi, rồi mới gạn hỏi, bắt gã phải suy nghĩ một cách nghiêm chỉnh.

– Vào kinh thành thì hẳn là vào được, – gã nói, – đặc biệt là hôm nay. Vì hôm nay là ngày lễ buồn Ba Tư, ở đây người ta đi dự lễ này cũng đông như bên ta ngày lễ Đức Thánh Mẹ. Nhưng còn vào Bảy Tháp thì đến chim cũng chẳng dám bay vào đâu.

– Dù thế nào ta cũng cứ vào thành phố cho được cái đã. Đến đó rồi ta sẽ nghĩ tiếp. – Jancsi hăng hái nói.

...

Sừng Vàng là một dải nước rộng cũng bằng sông Duna. Đó là một vịnh biển giống như cái tù và kéo dài từ giữa Konstantinope đến tận những khu rừng xa.

Đoàn lữ khách của chúng ta thuê một cái thuyền đánh cá đi suốt dọc vịnh. Gergely ngồi đầu mũi thuyền vì chàng ăn mặc giống kiểu Thổ nhất, giữa thuyền là Mekcsey quần áo cũng đồ lòe đặc Thổ, những người khác ở trong khoang.

Trong ánh nắng chiều hôm, những ngọn tháp thẳng đứng vươn lên trời cao như những cái cột bằng vàng và những đỉnh tròn mạ vàng của các nhà thờ ánh lên rực rỡ. Tất cả những cái đó soi mình xuống vịnh biển, khiến

đám lửa khách của chúng ta phải kêu lên vì thán phục.

– Thật là một thế giới huyền ảo như mơ! – Éva ngồi ngay dưới chân Gergely, thốt lên.

– Đẹp hơn cả giấc mơ nữa kia. – Gergely đáp. – Nhưng em ạ, nó cũng giống như một lâu đài trong chuyện cổ tích: bên ngoài lộng lẫy nhưng bên trong toàn yêu tinh và quỷ sứ.

– Một thành phố thần tiên. – Mekksey cũng nói.

Chỉ có Jancsi buồn rầu ngồi im trong thuyền. Cậu gần như thích thú khi nhận ra rằng giữa muôn vàn hào nhoáng của những lâu đài, dinh thự, mắt cậu vẫn có thể nhìn thấy một vẻ gì tăm tối.

– Rừng gì ở đằng kia thế nhỉ? – Cậu chỉ về bên trái hỏi gã di gan. – Ta thấy hình như toàn là cây dương. Nhưng ở xứ này những cây dương mới sẫm làm sao chứ! Mà chúng mọc cao thật.

– Không phải cây dương đâu cậu ạ, – gã di gan trả lời, – cây bá hương đấy. Chỗ ấy không phải là rừng mà là nghĩa địa. Bọn Thổ ở khu ngoại ô Pêra đều nằm trong ấy cả.

Jancsi nhắm mắt lại. Biết đâu cha cậu đã chẳng nằm dưới một gốc cây bá hương nào đó rồi.

Gergely nhìn cậu và cố lái những ý nghĩ của Jancsi sang chuyện khác, chàng nói:

– Thành phố này cũng giống như Buda bên bờ sông Duna. Chỉ khác cái là ở đây có những hai Buda, hoặc nói ba cái thì có lẽ đúng hơn.

– Mình không ngờ thành phố này lại ở trên đồi núi thế này đâu. – Mekksey nói. – Mình cứ tưởng nó cũng ở bình địa như Szeged(*) hay Debrecen.

– Chúng nó thật dễ dàng xây được thành phố tráng lệ này. – Éva nói. – Một thành phố cướp giết. Chúng nó đã cướp bóc khắp nơi để xây dựng nên. Không hiểu những đồ đạc của hoàng hậu ta đang ở nhà nào?

– Có lẽ em định nói là của vua Mátyás đấy chứ. – Gergely cãi chính, vì chàng không thích hoàng hậu Izabella. Mà chàng nói cũng đúng, vì những đồ đạc trong thành Buda đâu phải từ Ba Lan chuyển đến.

Khi họ đến chỗ cầu thì mặt trời đã lặn. Rất đông người chen chúc nhau trên cầu.

– Ngày lễ hôm nay đông lắm đây. – Người chủ thuyền nói.

– Chúng ta đến đây cũng để dự lễ. – Gergely nói.

Nghe vậy Jancsi rùng mình. Cậu tái mặt, sững sờ nhìn dòng người đông nghịt chen lấn nhau qua cầu, đổ vào Konstantinope.

Mấy người lữ hành của chúng ta cũng được dòng người chen chúc đó cuốn đi theo.

Những tên lính đứng gác trên cầu không nhìn ai cả. Dòng người cuốn họ vào các đường phố Konstantinope. Họ không biết mình đi đâu nữa. Dòng người đi qua chừng ba dãy phố thì dừng lại. Ở đây một toán lính dẹp đám đông sang hai bên để dọn đường cho những người hành hương Ba Tư.

Gergely quàng tay ôm Éva. Một người kia nép sát vào tường một ngôi nhà gần đấy. Họ chỉ có thể dùng mắt để theo dõi lẫn nhau.

Phía cuối dãy phố bỗng sáng bừng lên và một cây đèn liệu không lồ hiện ra, bọn người của chúng ta chưa bao giờ trông thấy một cây đuốc lớn đến thế. Đó không phải là loại đuốc nhựa trám như người ta vẫn thường dùng đưa đám ở Hung mà là một cái lồng lớn như thùng rượu, có đai sắt giăng xung quanh. Một người Ba Tư khỏe mạnh cầm cán, trong lồng sắp

những thanh gỗ to bằng bắp tay đang cháy bùng bùng. Một mình cây đuốc ấy soi sáng cả đường phố.

Chừng mười người mặc quần áo tang đi chậm chậm sau cây đuốc. Người ta nhận ra họ là dân Ba Tư qua bộ râu cắt ngắn, loăn xoăn và cái cằm nhỏ của họ. Sau họ là một con ngựa trắng lưng phủ khăn trắng. Yên thẳng ra ngoài tấm khăn, trong yên có hai thanh gươm để chéo nhau và hai con bồ câu trắng bị buộc chân vào yên. Con ngựa cũng như đôi chim bồ câu, hai thanh gươm và tấm khăn, tất cả đều bị vấy máu.

Sau con ngựa lại đến một toán người mặc quần áo tang. Họ hát một bài kinh rất thảm thiết, mỗi câu đều nhắc lại hai chữ Hussein, Hassan và một tiếng kêu “Hu”^(*), có tiếng bồm bộp hòa theo.



Khi toán người mặc áo tang đó đi qua hết, người ta mới biết tiếng bồm bộp kia từ đâu phát ra.

Một toán khác đi hàng đôi, cũng người Ba Tư, tiếp theo. Họ mặc áo đen dài đến tận gót chân, ngực để hở, đầu chít khăn đen, một góc khăn rủ ra sau gáy. Mỗi khi nghe tiếng Hussein – Hassan, họ vung tay phải ra và đến tiếng “Hu” thì họ nắm tay lại dấm lên ngực ở vùng quả tim. Vì thế mà có tiếng bồm bộp. Vết bầm tím ở ngực họ chứng minh rằng họ không dấm ngực giả vờ kiểu Gia Tô giáo. Toán người Ba Tư dấm ngực có đến khoảng ba trăm. Họ đứng quay mặt vào nhau và sau mỗi lần dấm ngực họ lại bước ngang lên vài ba bước.

Xen giữa đoàn hành lễ có rất nhiều cờ đuôi nheo đủ các màu sắc, nhiều

nhất là cờ xanh lá cây, nhưng cũng có cả cờ đen, cờ vàng, cờ đỏ nữa.

Trên các cán cờ và trên mũ của một số trẻ con Ba Tư có đính những bàn tay bằng bạc. Đó là tượng trưng bàn tay của một người tuần đạo Thổ Nhĩ Kỳ tên là Abbas. Abbas bị chặt tay vì đã đưa nước uống cho Hussein khi ông ta bị bắt sau trận Kerbela.

Những ngọn đuốc khác lại soi sáng một toán người mới, mặc quần áo đen, vây quanh một con lạc đà phủ khăn xanh. Con lạc đà mang một cái lều nhỏ kết bằng cành cây, trong lều có một đứa bé. Người ta chỉ có thể nhìn thấy mặt nó, và thỉnh thoảng bàn tay của nó, khi qua kẽ hở của cái lều, nó ném từng nắm bột hương nhu mạt cửa lên đám người mặc quần áo đen.

Từ phía sau toán người đó, từng hồi lại vọng đến tiếng loảng xoảng, lách cách.

Chẳng mấy chốc một toán người khác lại kéo đến. Toán này cũng đứng thành hai hàng quay mặt vào nhau mà đi và cũng mặc quần áo tang, nhưng áo họ lại xé hở lưng. Tay họ cầm roi tết bằng những móc xích to bằng ngón tay. Cái roi nặng đến nỗi họ phải cầm bằng cả hai tay. Cứ hết một câu hát họ lại quật roi vào lưng, khi thì qua vai phải khi qua vai trái.

Khi nhìn thấy những cái lưng sưng tấy, máu me đầm đìa, Éva níu chặt lấy tay Gergely và nói:

– Em ngất đi mất anh ạ.

– Thế mà sẽ còn có cảnh rùng rợn hơn thế nữa kia em ạ. Có lần một tên tù binh Thổ đã kể cho anh nghe về cái lễ chịu tang này, nhưng lúc đó anh không tin rằng người ta lại tự đánh tóa máu cả lưng của mình.

– Người ta không giết thẳng bé ấy chứ anh?

– Không em ạ. Hai con chim bồ câu và đứa bé ấy chỉ là vật tượng trưng

thôi. Đến nửa đêm người ta sẽ cắt dây buộc chân hai con bồ câu, chúng là linh hồn của Hassan và Hussein. Người ta sẽ thành kính hò la để tiễn chúng bay về trời.

– Thế còn thằng bé?

– Đó là tượng trưng cho dân Ba Tư côی cút.

– Còn cảnh gì sắp đến nữa hở anh?

– Những người cầm gươm tự băm vào đầu mình.

Và quả thật, một toán người khác đầy máu me đã đi đến, một cảnh tượng mà chỉ những giấc mơ kinh khủng nhất về địa ngục mới có thể cho ta thấy mà thôi.

Toán người này mặc quần áo trắng, đầu cạo trọc. Tay phải cầm gươm, tay trái người này nắm lấy thắt lưng người kia để khỏi ngã vì mất máu hoặc để giữ cho người bên cạnh khỏi ngã. Bài hát cầu nguyện đã trở thành tiếng rú trên môi họ. Cuối mỗi câu hát những thanh gươm vung lên loang loáng dưới ánh đuốc và chạm lưỡi vào những cái đầu cạo trọc.

Cả toán người này đã tắm trong máu. Máu chảy dọc sống mũi và sau tai, nhuộm đỏ cái áo trắng trên mình họ. Những cây đuốc gặp gió cháy phù phù, thỉnh thoảng những đốm tàn rơi như mưa lên những cái đầu máu me lênh láng. Mùi máu làm cho không khí trở nên nồng nặc.

Éva nhắm mắt lại, nàng bảo Gergely:

– Rùng rợn quá.

– Anh đã bảo em ở nhà đấy nhé! Một chuyến đi như thế này không hợp với phụ nữ mà. Em cứ nhắm mắt lại đi.

Éva lắc lắc đầu rồi mở mắt ra.

– Đã thế thì em cứ nhìn.

Tuy tái mét cả mặt, nàng vẫn rắn rỏi xem tiếp buổi hành lễ đẫm máu.

Gergely bình tĩnh hơn. Từ bé chàng đã quen nhìn máu. Cảnh tượng đó không làm chàng phải đau xót quá đáng. Nhưng chàng lấy làm ngạc nhiên là những con người này đã tự nguyện đổ máu. Và người Hung đã phải chiến đấu không ngừng hơn một trăm năm nay để chống lại những người như thế.

Qua đám đông đẫm máu, chàng đưa mắt nhìn sang bên kia đường. Thật khác thường khi ta cảm thấy có người đang chăm chăm nhìn mình từ đâu đó.

Dưới ánh nến, chàng trông thấy từ trong đám đông náo nhiệt có hai kẻ đang chăm chăm nhìn vào mình. Một tên có vẻ mặt Armenia, đó là tên aga đen như quạ mà những tên lính hầu của hắn đã bị chàng cho nổ tan xác.

Tên kia là Jumurdzsák.

8

Một buổi sáng mùa hè năm trước, Maylád chào Török Bálint với cái tin là hồi đêm có những tù binh mới đến.

– Người Hung à? – Török Bálint trở mắt hỏi.

– Tôi chưa biết. Sáng nay lúc chúng nó mở cổng, tôi chỉ mới nghe tiếng xích kéo lê trên sân. Tôi thuộc tiếng xích của tất cả tù nhân. Ngay cả lúc nằm trong giường tôi cũng biết những ai đang đi qua trước cửa phòng tôi.

– Tôi cũng thế.

– Sáng nay tôi nghe rùng rỏ tiếng xích mới. Nhưng không phải một người đến. Hai, ba, có lẽ bốn cũng nên. Họ lê xích qua suốt sân. Có lẽ chúng nó dẫn họ vào Tas-csukuru hay sao ấy.

Tas-csukuru là một cái xà lim như cái hang trong Bảy Tháp. Đó là một cái nhà mồ dưới chân tháp Máu. Ai rơi vào đó sẽ lập tức biết ngay những bí mật thượng đẳng của trời sao.

Họ thùng thảng xuống vườn, nơi vẫn quen ngồi chuyện vãn. Nhưng hôm đó họ không quan sát sự lớn lên của các bụi cây, cũng không ngắm nhìn những đám mây trôi về Hung. Họ bồn chồn chờ gặp những tù nhân mới.

Chân họ đã không đeo xiềng nữa. Lượng vàng vô khối mà Török phu nhân gửi đến xuntan và các pasa tuy không mở được cửa ngục nhưng ít nhất đã cởi được xiềng.

Vả lại hai người này cũng đã già rồi mà cái thành do những hai trăm rưỡi lính có cả vợ con, canh giữ. Chưa hề một ai trốn khỏi được nơi đó.

Toán lính canh bên trong thành đã đổi gác. Một tên bê bối phệ đến chỗ sân ra lệnh cho toán lính sắp rời chỗ gác:

– Ba đưa đi vào nhà xay. – Hẳn vừa nói vừa lau mồ hôi trán, vì cái nóng vẫn luôn luôn đầy dọa con người phì nộn đó.

– Ba đưa vào nhà xay để đẽ đồ đá. – Hẳn lại nói rồi gọi tên ba đưa phải đi. Sau đó hẳn quay sang bảo hai đưa thấp bé còn lại. – Còn chúng mày một giờ nữa phải quay trở lại. Chúng mày sẽ quét dọn kho binh khí.

Török Bálint đã nóng lòng chờ cho tên bê bối xong việc. Ông đến trước mặt hẳn:

– Chào ông, bê bối Veli. Ông ngủ ngon chứ?

– Chẳng ngon gì cả. Sáng nay chúng nó khua ta dậy sớm quá. Có ba tù nhân mới từ Hungary đến.

– Người ta không giải niếp chính đến đây chứ?

– Không phải niếp chính. Đây là một ông gì cũng cường bạo lắm. Nhưng có lẽ không phải người thượng lưu mà là đồ hành khất cũng nên. Hẳn chẳng có một cái áo cho ra hồn nữa. Người ta viết cho tôi là hẳn đã phục kích quan tổng trấn Buda và cướp hết đồ đạc của ông ta.

– Cướp quan tổng trấn Buda?

– Ừ, người ta giải cả hai thằng con của hẳn theo nữa.

– Tên ông ta là gì?

– Ta có ghi danh sách nhưng ta không nhớ. Các người toàn có những cái tên lạ lùng đến nỗi quỷ sứ cũng chẳng tài gì mà nhớ trong óc được.

Rồi chẳng chào gì cả, tên bê bối quay lưng, có lẽ lại trở về cái giường của

hắn.

Bálint bối rối ngồi xuống cạnh Maylád.

– Đánh cả tổng trấn Buda? – Ông tư lự nói. – Ai thế nhỉ?

– Hành khất? – Maylád tiếp tục suy luận. – Nếu là hành khất chúng nó đã chẳng giải vào đây.

– Bất kể là ai, việc đầu tiên của tôi là đưa quần áo biểu ông ta.

Họ suy đoán suốt cả buổi sáng. Họ kể ra đến hàng ngàn tên Hung và Erdély, nhưng chẳng thỏa thuận được với nhau ở cái tên nào cả.

Đến trưa, người tù nhân mới xuất hiện bên cái bàn chung mà người ta thường dọn ăn ở bên phía có bóng râm của sân trong.

Cả hai người cùng nhìn. Họ không quen. Họ thấy đó là một người hơi thấp bé, tóc đã hoa râm, da rám nắng, đã hói hết nửa đầu. Ông ta mặc quần áo Hung bằng vải bông và rách. Bên ông ta là hai thanh niên Hung ăn mặc khá hơn, khoảng hai mươi – hai lăm tuổi. Những đường nét của họ tỏ ra họ là anh em và là con của ông già.

Chúng nó đeo vào chân ông già đúng cái cùm nhẹ bằng thép mà Török Bálint đã mang hai năm liền. Cái cùm đã bóng loáng như bạc.

Maylád vội vã đi đến trước mặt người tù nhân mới. Ông không biết đó là ai, chỉ thấy là dân Hung. Bálint cũng xúc động đứng bên bàn, nhìn ông già.

Maylád không nói được gì cả, chỉ ôm choàng lấy ông già. Nhưng Bálint, giọng run run vì xúc động, kêu lên:

– Ông là ai?

Lão già cúi đầu xuống và ngập ngừng nói rất khẽ:

– Móre László.

Bálint lão đảo như người bị đánh, ông quay mặt đi, ngồi xuống.

Tay Maylád cũng buông rơi xuống khỏi người lão già.

Hai thanh niên buồn rầu đứng sau lưng cha.

– Các ông sẽ ăn ở đây. – Bêi Veli nói và chỉ vào góc bàn đối diện với chỗ của Török Bálint.

Török Bálint đứng dậy:

– Ấy, nếu họ ăn ở đây thì tôi không ăn ở đây nữa!

Và ông quay ra bảo người hầu đứng đằng sau:

– Hãy mang đĩa của ta vào phòng cho ta.

Maylád đứng lưỡng lự một lát rồi cũng bảo người hầu của mình:

– Người mang cả đĩa của ta đi nữa.

Và ông bước theo tướng công Bálint.

Bêi Veli nhún vai nhưng rồi cũng không dừng được, hăn nhìn Móre và hỏi:

– Vì sao họ lại ghét ông thế?

Móre giận dữ nhìn theo hai ông:

– Vì họ là người Hung.

– Không phải ông cũng là người Hung đấy sao?

– Thì chính vì thế. Hai người Hung còn hòa hợp với nhau được, nhưng đến người thứ ba thì đã lung củng rồi.

...

Hai tuần liền Török Bálint không ra khỏi phòng. Ông không xuống sân nữa và Maylád, người đã trở thành cái bóng của ông, cũng không, ông ta

ngồi nghe những lời thuyết giáo của Bálint về dòng đạo mới mà Jean Calvin(*) và Martin Luther truyền bá.

– Đó là dòng đạo Jesus chân chính hơn dòng đạo bị La Tinh hóa và trụy lạc của La Mã. – Török Bálint nhắc đi nhắc lại.

Maylád dần dà đã chuyển sang dòng đạo mới. Ông còn viết cả thư cho cậu con trai Gábor và khuyến khích cậu ở nhà cũng nên suy nghĩ lại.

Nhưng cuối cùng họ cũng chán bốn bức tường, và một hôm tướng Bálint lên tiếng:

- Có lẽ ta xuống vườn đi.
- Con linh cầu đang ở đó.
- May ra nó không có ở đấy?
- Nhưng nhớ nó ở đấy?
- Nếu nó ở đấy thì ta đừng nói năng gì với nó cả. Chúng ta cũng chỉ có quyền được đi dạo ở đấy như nó mà thôi.

Maylád mỉm cười.

- *Quyền*. Vậy ra chúng ta vẫn có một chút *quyền*.
- Có chứ, tiên sư chúng nó. Chúng ta đã ngồi tù từ bao giờ? Còn nó chỉ mới đến được hai tuần nay thôi.

Họ đi xuống vườn.

Ở đó đã có một ông hoàng Ba Tư ngồi dưới bóng cây tiêu huyền, ông ta cũng là một tù nhân lâu năm như họ, và một công vương người châu Á, ông này cũng đã mắc cả người giữa sào nảo và chán chường. Họ đang đánh cờ. Từ mấy năm nay, họ cứ đánh cờ suốt từ sáng đến tối mà chẳng bao giờ nói với nhau một lời nào cả.

Đám Bálint đã biết rõ hai kỳ thủ này chả kém gì biết rõ cái cổng bằng

đá hoa trắng ở giữa tháp Máu và tháp vàng, hoặc cái ông quan già hộ pháp người Kurd(*) đã vì tội chửi mắng xuntan mà phải đeo cái xiềng một tạ, dưới sức nặng của khối sắt đó ông ta chỉ ngồi lom khom hoặc nằm tối ngày trong cái nhà giam có chấn song sắt ở tháp Máu. Chỉ có đôi mắt của ông ta còn có thể ngoái nhìn theo những tù nhân dạo chơi giữa những hàng cây.

Đáng lẽ họ cũng chẳng nhìn đôi bạn cờ đâu, nhưng một nhân vật mới ngồi bên cạnh xem đánh cờ đã đập vào mắt họ.

– Cái lão Thổ già bé nhỏ mặc áo caphotan màu vàng kia là tay quý nào thế nhỉ? Tại sao hắn lại để đầu trần?

Nghe tiếng bước chân của họ, người kia quay lại.

Đó là Móré.

Hắn đứng dậy và rời khỏi những người đánh cờ. Cái vẻ mệt mỏi mà hôm đầu làm người ta tưởng như hắn ốm, đã biến mất khỏi mặt hắn. Cặp mắt đen và nhỏ của hắn đã nhấp nháy một cách tinh nhanh, dáng đi của hắn cũng đã vững mạnh, gần như trẻ trung.

Hắn bước tới trước mặt hai người đại quý tộc và khoanh tay lại.

– Tại sao các ông lại thù ghét tôi? Các ông khác hơn tôi chỗ nào? Các ông giàu hơn ư? Ở đây không ai giàu cả. Các ông dòng dõi hơn ư? Danh hiệu quý tộc của tôi cũng lâu đời như bất cứ một ai trong các ông.

– Người đã theo nghề đạo tặc! – Török Bálint bảo hắn.

– Thế các ông thì không à? Các ông đã không thu vét tài sản của các ông ở bất cứ chỗ nào mà tay các ông với tới? Các ông đã không từng đánh lẫn nhau đấy ư? Các ông đã không quay mặt đến bảy mươi bảy lần, khi thì về phía János, khi thì về phía Ferdinánd? Các ông cũng chỉ thổi khúc nhạc của kẻ nào ban cấp nhiều bổng lộc hơn mà thôi.

– Ta đi đi. – Maylád đỏ mặt nói. – Mặc kệ con người này.

– Sao tôi lại đi. – Török Bálint đáp. – Tôi chưa hề lùi bước trước một người nào.

Ông ngồi xuống một cái ghế dài, cố khoác vè bình thần lên trên cơn giận vì ông thấy từ ngoài cổng bãi Veli đang đi đến cùng một giáo sỹ Thổ và hai cậu con trai Móre. Hai chàng thanh niên này cũng đã mặc quần áo Thổ nhưng trên đầu họ chưa có tuyban. Họ đi đầu trần cũng như ông bố.

Maylád cũng ngồi xuống bên cạnh Bálint.

Móre đứng dạng chân, một tay chống nạnh và tiếp tục to tiếng:

– Tôi đã từng có mặt trong trận đánh tan Dózsa György. Tôi đã từng có mặt trong trận Mohács, nơi máu của hai mươi bốn ngàn người Hung đã đổ vì Tổ quốc.

– Ta cũng có ở đấy. – Maylád vừa nói vừa vỗ ngực.

– Nếu ông đã có mặt trong trận thử lửa đó thì đáng lẽ ông phải biết rằng những người thoát khỏi trận đó đều coi nhau như anh em.

– Một con linh cẩu cướp đường như người không thể nhận ta làm anh em được. – Maylád đỏ mặt tía tai hét lên. – Ta biết vì sao người ta đã phá thành Palóta.

– Có thể là ông biết chuyện đó. Nhưng ông không biết vì sao người ta lại phá thành Nána. Ông không biết rằng cả nước Hung cúi gập lưng dưới chân tên tổng trấn Buda, thế mà tôi, Móre László, tôi là người độc nhất đã thét vào mặt hắn: Đồ chó chết! Tôi đã chiến đấu bao nhiêu năm ròng cùng đội quân nhỏ bé của tôi chống lại giặc Thổ. Không phải Ferdinánd, cũng không phải dân tộc Hung, mà là tôi, Móre László đã đánh tan đạo quân đi Belgrad của hắn hồi năm ngoái; tôi, Móre László, người mà các ông gọi là

tướng cướp, là linh cầu.

Hắn lấy hơi rồi lại khoa năm đấm lên nói tiếp:

– Giá tôi mà có được ngần ấy tiền như Maylád István đã từng có, giá tôi mà có ngần ấy tài sản, thành trì và gia nhân như Török Bálint, hoặc ngần ấy quân lính như cái kẻ chỉ mang vương miện như một thứ đồ trang sức^(*), thì ngày nay cả nước đã tung hô tên tuổi Móre László như một anh hùng giải phóng dân tộc. Nhưng vì không có các thứ ấy nên bọn vô đạo đã hãm tôi vào thành Nána và san phẳng cả thành.

Bêi Veli cùng đến đó với giáo sỹ Thổ.

– Ta không biết các người ba hoa những gì, nhưng lời nói của Szelim là đúng vì ông ta ở gần nguồn chân lý hơn các người, là những kẻ vô đạo.

– Szelim nào? – Török Bálint ngờ ngác hỏi.

– Szelim là người mà mấy ngày trước đây các người vẫn gọi bằng tiếng của những kẻ vô đạo là Móre László.

Török Bálint cười chua chát:

– Szelim! Thế mà nó còn thuyết chúng ta về lòng yêu nước! Đồ chó, đồ phản đạo, mẹ bố nó chứ!

Chắc chắn là ông đã đánh hẳn nếu bêi Veli không nhảy vào giữa.

– Đồ cầu trệ vô đạo! – Tên bêi hét vào mặt Bálint. – Tao sẽ cho cùm mày lại ngay.

Tướng công Bálint ngẩng phắt đầu lên như một con tuấn mã bị đấm vào mũi. Mắt ông tóe lửa. Có trời biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu Maylád không kéo ông đi khỏi chỗ đó.

Tên bêi khinh bỉ nhìn theo họ. Chắc chắn hẳn đã nghĩ đến cái hầu bao của hắn nên mới không tiếp tục chửi rửa tướng công Bálint. Thay vào đó,

hắn quay sang Móre và nói to cốt để mấy người kia cũng nghe thấy:

– Xuntan đại độ vui mừng biết rằng người đã bước vào đội ngũ của những tín đồ chân giáo. Người đã phải vị giáo sỹ đáng kính này đến đây để truyền cho người ánh đạo quang minh của Đấng tiên tri mà tên tuổi đời đời bất diệt.

– Ta vào phòng đi. – Török Bálint hỗn hển nói. – Ta đi vào đi, bạn Maylád.

Vài ngày sau, hai đứa con trai Móre được tha. Cả hai đều được phong một chức quan gì đó ở Konstantinope. Chỉ còn lão già Móre ở lại giữa bốn bức tường.

Đám Bálint không bao giờ nói năng gì với hắn nữa, nhưng họ đã nghe hắn giục già bọn Thổ thả hắn ra không phải chỉ một lần.

Bêi Veli có lần đã trả lời hắn như sau:

– Ta đã lại đem việc của người tâu trước ngài vàng. Thư trả lời từ nước Hung đã đến. Tổng trấn Buda đã mô tả người thật đẹp, ta có thể nói như vậy. Ông ta đã viết nhiều chuyện, trong đó có chuyện khi quân ta bao vây thành Nána, người đã vung tiền xuống giữa quân ta để hòng chạy thoát thân.

Tên bêi lắc đầu cười:

– Lão già, lão già, người thật là một con cáo quỷ quyết!

...

Thành Székesfehérvár và thành Esztergom cũng đã thuộc về quân Thổ. Xuntan đã thân chinh cầm quân đi triệt hạ hai thành lũy đó của miền hữu ngạn sông Duna.

Khi hăn trở về, thời tiết đã sang đông.

Những người trong Bảy Tháp tuần nào cũng được tin về chiến dịch, và sau đó là tin hồi loan. Người ta chờ những tù binh mới. Thượng đế cũng đừng bắt tội họ nếu họ còn lấy làm vui mừng khi thấy những người quen biết mới, có khi còn là những bạn hữu tốt, xuất hiện trong cái nhà ngục lớn này. Bởi mỗi dịp như thế họ được nghe biết bao nhiêu tin tức ở trong nước, có khi cả về gia đình họ nữa.

Một buổi sáng, trong lúc mọi người đang nói về chuyện đó thì cửa ngục bỗng mở, bãi Veli bước vào. Hăn vội đến nổi đỏ ửng cả mặt. Hăn để hai tay lên ngực và cúi mình trước mặt Bálint.

– Thừa đại nhân, pađisa đại độ cho mời ngài. Xin ngài thay quần áo ngay cho để chúng ta đi.

Tướng công Bálint rùng mình, ánh mắt gần như sững sờ.

– Anh được tự do rồi! – Maylád, người bạn tù cùng bị bắt với Bálint, lắp bắp nói.

Họ vội vàng lôi quần áo trong tủ ra. Bãi Veli cũng chạy đi thay quần áo của hăn.

– Anh nhớ đến tôi với nhé. – Maylád khẩn khoản. – Anh nhắc ông ta về tôi với nhé. Chả là anh sẽ giáp mặt ông ta mà nói chuyện, anh có thể nhắc được. Anh có thể xin ông ta thả cả tôi ra cùng với anh.

– Tôi không quên đâu.

Bálint nói và run tay mặc bộ nhung phục bằng gấm xanh điểm hoa mang theo từ hồi bị bắt. Quần áo rét của ông đã sờn cũ hết, riêng bộ quần áo gấm này ông không mặc. Ông vẫn cất, vẫn hy vọng một ngày kia sẽ mặc nó để về nhà.

Chỉ còn thiếu gươm là ông không được đeo.

– Khi quay lại anh sẽ đeo cả gươm nữa cho mà xem. – Maylád nói và tiễn Bálint xuống cầu thang. Ông vui mừng thấy bạn cùng ngồi vào xe ngựa của bãi Veli, cùng quần mình vào những tấm áo khoác rộng bằng lông cừu.

Chiếc xe chuyển bánh, có hai tên lính vác giáo cưỡi ngựa theo sau.

– Lạy Chúa tôi! Lạy Chúa tôi! – Bálint cầu nguyện suốt dọc đường. Cho đến khi chiếc xe rẽ vào cổng hoàng cung, ông tưởng thời gian đã kéo dài hàng thế kỷ.

Họ đi bộ qua sân Janicsár rồi lên điện.

Bao nhiêu là bậc tam cấp mà toàn bằng đá hoa trắng muốt, rất nhiều lính ngự lâm cao lớn mà toàn làm quân hầu; những cột đá hoa to tướng, những tấm thảm mềm mại, những nét vàng mạ; khắp nơi, trên mỗi bước người ta lại gặp đủ tất cả những sản phẩm kỳ xảo của nghệ thuật phương Đông. Nhưng Török Bálint không thấy gì khác ngoài cái lưng áo trắng của người nội thị dẫn đường và một vài cánh cửa bọc lụa dày mà ông cứ ngỡ là cửa phòng xuntan.

Họ dẫn ông vào một cái phòng nhỏ. Trong phòng không có gì khác ngoài cái thảm trải trên sàn, một cái đệm ngồi và bên cạnh là một cái chậu đồng lớn giống cái chậu đựng nước thánh bằng đồng thau ở nhà thờ Buda, chỉ khác ở chỗ nó không được đặt trên giá mà trên một phiến đá hoa mỏng và không đựng nước mà đựng than hồng.

Török Bálint đã biết thứ đồ dùng đó, tên nó là mangan, đó là lồng ấp mùa đông ở nước Thổ.

Trong phòng không có ai; chỉ có ba tên da đen đứng gác ở ba cửa

phòng. Chúng đứng như những pho tượng với những cây kích sáng loáng. Bêi Veli cũng đứng đó với chúng.

Bálint nhìn ra ngoài cửa sổ. Ông nhìn xuống đến vịnh biển xanh đang rồn sóng và thành phố Skutari ở bên kia bờ vịnh, chẳng khác nào khi ông đứng bên cửa sổ nhà ông ở Buda mà nhìn xuống thành phố Pest.

Ông đứng đó độ năm phút thì một bàn tay da đen kéo tấm màn cửa lên và xuntan bước vào.

Hắn đến không có tùy tùng, chỉ có một đứa bé da đen gầy gầy độ mười sáu tuổi đi theo, nó đứng lại ở chỗ cửa, bên cạnh tên lính gác.

Tên bêi sụp lạy, nằm ẹp bụng xuống thảm. Bálint đứng nghiêm và nghiêng mình chào. Khi ông ngừng đầu lên, xuntan đã đứng bên cạnh cái lồng ấp, hơ đôi bàn tay gầy lên than hồng. Hắn mặc caphotan màu hạt dẻ viền lông thú, cái áo dài đến nỗi chỉ còn để lộ mũi đôi hài màu đỏ. Đầu đội tuyban bằng thứ hàng mỏng. Mặt vừa cạo. Bộ ria mảnh đã bạc rử dài quá cằm. Họ đứng im lặng đến một phút, sau đó xuntan nhìn sang tên bêi:

– Cho người lui.

Tên bêi đứng dậy, cúi chào và đi giật lùi đến cửa. Đến đó hắn lại cúi chào một lần nữa rồi biến mất.

Xuntan khoan thai mở đầu câu chuyện:

– Đã lâu lắm ta không gặp người. Người chẳng thay đổi tí nào cả, chỉ có tóc đã bắt đầu bạc mà thôi.

Bálint nghĩ thầm: thì mày cũng có trẻ ra đâu. Szolimán. Bởi lần này gặp lại, ông thấy xuntan gầy sút đi, những nếp răn đã chẳng chịt quanh đôi mắt bò đực của hắn. Cái mũi của hắn hình như đã dài thêm ra. Mặt hắn bôi đỏ một cách kịch cỡm.

Nhưng Bálint không nói gì cả, ông cứ chờ đợi, chờ đợi đến nghẹt thở. Xuntan khoanh tay lại nói tiếp:

– Có lẽ người cũng biết rằng nước Hung không tồn tại nữa (tướng công Bálint tái mặt, nín thở). Một vài cái chuông cừu còn sót lại cũng chỉ là chuyện ngày một ngày hai thôi. Trong năm nay rồi cũng thần phục cả (tướng công Bálint thở phào một hơi dài). Bởi thế ta cần một tổng trấn có tài năng ở Buda. Một tổng trấn không xa lạ đối với người Hung, nhưng cũng không xa lạ đối với ta. Người là một người xuất sắc. Nếu người nhận chức đó, ta sẽ trả lại các lãnh địa cho người. Tất cả.

Bálint nhìn không chớp, môi ông mấp máy. Nhưng ông vẫn không nói gì cả nên xuntan lại tiếp:

- Người hiểu ta nói gì chứ? Người biết tiếng Thổ cơ mà.
- Evet. – Bálint trả lời. (Từ đó có nghĩa là: Vâng).
- Thế đây, ta muốn cử người làm tổng trấn Buda.

Vai Bálint run lên trong giây lát. Nhưng mặt ông vẫn giữ vẻ nghiêm nghị và buồn. Cái nhìn của ông chuyển từ xuntan sang cái lồng ắp mà than hồng đỏ rực chiếu sáng qua cả lớp hoa lá chạm trổ xung quanh.

Xuntan im lặng một lúc. Có lẽ hẳn chờ Bálint phục xuống chân hẳn theo lối Thổ; có lẽ hẳn chờ ông sẽ hôn tay hẳn như kiểu Hung hoặc ít nhất ông cũng trả lời một câu gì đó. Nhưng Bálint chỉ đứng yên và làm như không phải mình đang đứng trước xuntan, ông cũng khoanh tay lại.

Xuntan nghiêm nét mặt. Hẳn đi đi lại lại hai lượt dọc căn phòng rồi đứng lại, nóng nảy hỏi:

- Có lẽ người không nhận chăng?

Bálint sức tỉnh.

Trong mấy phút im lặng vừa qua, tâm hồn ông đã ở một nơi khác, đã bay qua tất cả các thành trì, lãnh địa, những khu rừng, những cánh đồng của ông, đã ôm người vợ, đã hôn các con, đã cười trên lưng những con tuấn mã yêu quý, đã hít thở không khí tự do.

Nghe tiếng hỏi của xuntan, ông sức tỉnh như vừa qua một giấc mơ.

– Muôn tâu hoàng đế, – ông nói với một cảm xúc sâu sắc, – nếu thần hiểu đúng lời của bệ hạ thì bệ hạ định cử thần vào địa vị của Werbóczi.

– Không phải thế. Werbóczi đã chết rồi. Ông ta đã chết ngay trong năm người về đây. Chúng ta sẽ không bao giờ bổ nhiệm người vào chỗ của ông ta nữa. Ta muốn người làm một tổng trấn thực thụ. Ta cho người chức tổng trấn to nhất với quyền tự do hoàn toàn nhất.

Tướng công Bálint ngậy ra nhìn xuntan như thể hăn là một cái gì kỳ quái, cuối cùng ông lại hỏi:

– Nhưng tâu bệ hạ, làm sao lại có thể như vậy được? Bệ hạ cử thần làm tổng trấn Hung hay sao?

– Không, làm tổng trấn Thổ.

– Làm tổng trấn Thổ ư?

– Tổng trấn Thổ. Ta đã bảo là không còn nước Hung nữa, như vậy dân Hung cũng không tồn tại nữa.

– Thần phải trở thành dân Thổ ư?

– Tổng trấn.

Bálint cúi đầu xuống, ông thở dài rồi ngược lên nhìn vào mặt xuntan và hỏi, giọng trầm trầm buồn bã:

– Không thể làm cách nào khác được hay sao?

– Không.

Török Bálint nhắm mắt lại. Hơi thở nặng nề làm ngực ông phập phồng. Cuối cùng ông nói:

– Tôi bệ hạ, thần biết rằng bệ hạ không quen nghe những lời nói thẳng. Nhưng thần thì lại đã sống từ nhỏ đến giờ trong cảnh... Thần không thể nói điều gì khác với suy nghĩ của mình.

– Vậy người nghĩ gì? – Xuntan lạnh lùng hỏi.

Tướng công Bálint tái mặt nhưng vẫn trả lời bằng một giọng bình tĩnh, cương quyết:

– Thần nghĩ rằng dù cả nước có thuộc về bệ hạ, dù tất cả mọi người Hung có trở thành dân Thổ đi nữa, thần vẫn không... thần vẫn không... thần vẫn không!...

9

Dọc đường về, bêi Veli kinh hoàng nghe kể lại câu chuyện bí mật tay đôi. Hăn lắc đầu nói:

– Ông là cái giống mới điên dại làm sao chứ! Đêm nay chắc ông sẽ vào ngủ trong tháp Máu, nếu không thì cứ chặt cổ ta đi.

Và suốt đêm hăn đi lại ngoài sân, chờ lệnh của xuntan.

Nhưng lệnh không đến trong đêm đó, cả những ngày tiếp sau cũng không. Không có thư, không lời nhắn, không gì hết.

Một tuần sau, lão đại giáo trưởng, vị đại công tước của dân Thổ đến Bảy Tháp. Lão bảo tên bêi:

– Ta nghe nói có một tên man di tiếng tăm ở đây, tên hăn là Török Bálint.

– Vâng ạ! – Tên bêi cúi mình đáp.

– Pađisa (cầu Allah phù hộ cho ngài vạn thọ vô cương) đã có nhã ý cử hăn làm tổng trấn ở thuộc quốc Hungary của ta, thế mà con chó vô đạo ấy không muốn cải đạo.

– Đồ chó má.

– Ta đã xin Ngài (cầu Allah phù hộ cho ngài vạn thọ vô cương) cho ta gặp tên tù nhân ấy, có lẽ ta có thể làm được một việc gì chẳng. Người biết đấy, ta là một lão già từng trải.

– Thưa đại giáo trưởng, ngài là bậc thông thái của những người thông thái, Salamon^(*) của thời đại chúng ta.

– Ta cũng nghĩ rằng mọi nút buộc đều có cách mở của nó. Chỉ cần nhẫn nại và khôn ngoan. Biết đâu việc ta tự mang ánh sáng của Đấng tiên tri đến cho hăn sẽ chẳng làm hăn cảm động? Đầu tiên hăn sẽ chỉ chú ý đến ta, rồi sau đó hăn sẽ chẳng cảm thấy được cái hạt mầm đầu tiên của chân giáo đã gieo vào tim hăn như thế nào nữa.

– Hăn cũng khá thông minh.

– Rồi người sẽ thấy con ạ, nếu ta hoán cải được cái tên vô đạo khốn kiếp này, ta sẽ làm vui lòng đấng paḍisa.

Cả hai cùng đồng thanh nói tiếp:

– Cầu Allah phù hộ cho ngài vạn thọ vô cương!



Ở khắc thứ tám trong ngày, hoặc theo cách tính của chúng ta là lúc hai giờ chiều, khi tướng công Bálint đang ngủ trong phòng, thì tên bêu mở cửa và mời lão đại giáo trưởng vào.

Tướng công Bálint chống khuỷu tay nhôm dậy trên đi văng, bối rối dụi mắt. Ông nhìn cái nhân vật râu dài như trong kinh thánh mà ông chưa từng thấy bao giờ, nhưng qua cái áo dài đen và cái tuyban trắng, ông đã nhận ra ngay cái vẻ giáo sỹ của nhân vật ấy.

– Dậy đi ông Bálint. – Tên bêu bảo ông. – Một vinh dự lớn đến với ông đây. Đại giáo trưởng đã thân hành đến để dạy bảo ông, ông khá chú ý nghe lời ngài.

Hắn lấy cái thảm lót tường ở phía sau giường trải xuống giữa phòng. Sau đó hắn cởi áo caphotan của hắn định trải thêm lên trên, nhưng lão già không nhận cái đó nữa. Lão ngồi xếp bằng tròn, râu vừa chấm đến cằm. Cặp mắt già thông thái của lão quan sát Bálint từ đầu đến chân. Sau đó lão giở quyển kinh Koran, một quyển sách dày cộp, nhỏ bằng bàn tay, đóng bìa da.

– Các ông muốn gì? – Török Bálint cầu nhàu. – Tôi chả đã nói với hoàng đế rằng tôi không cải sang dân Thổ là gì?

Tên bêu không đáp, hắn nhìn lão đại giáo trưởng. Lão này không trả lời mà úp quyển sách vào tim, vào trán, vào môi rồi cất tiếng nói:

– Nhân danh Allah đại từ đại bi. Abdul Kazem Mohamed, con của Abdallah, người là con của Abd el Motaleb, người là con của Hazem, người là con của Abd Menaf, người là con của Kasi, người là con của Kelab, người là con của Mórra, người là con của Kaab, người là con của Lova, người là con của Galeb...

Bálint ngấn ra nhìn. Ông mặc áo chèn vào rồi ngồi xuống ghế đối diện với lão già. Ông chờ xem cái gì sẽ đến.

Lão già bình thản tiếp:

– ... người là con của Fer, người là con của Malek, người là con của Madar, người là con của Kenana, người là con của Kazima...

Bálint ngáp dài.

Lão già vẫn tiếp:

– ... người là con của Modreka, người là con của Elias, người là con của Modar, người là con của Nazar, người là con của Moad...

Lão còn kể ra cả một biển tên, cuối cùng mới lại quay về Mohamed và câu chuyện xuất thế của ông ta.

Tên bãi lúc đó đã không còn ở trong phòng nữa. Hắn rón rén lui ra để lo công việc của hắn. Ở hành lang hắn gặp Maylád cũng vừa ngủ dậy và đang định đến đánh thức Bálint.

– Đừng quấy rầy ông ta. – Tên bãi nói. – Giáo trưởng đang ở chỗ ông ta. Ông ta đang được khai trí về chân giáo.

– Về đạo giáo Thổ ấy à?

– Ừ. – Tên bãi mỉm cười trả lời rồi vừa nhảy vừa vội vã xuống thang gác.

Maylád sững sốt ngơ ngác nhìn theo hắn.

10

Đoàn hành lễ Ba Tư chưa đi hết, Gergely đã nắm lấy tay Éva kéo đi. Chàng lách vào giữa đám đông. Dọc đường chàng bảo gã di gan và Mekcsey:

– Đi theo tớ mau! Nguy rồi!

Mekcsey bèn đi lên trước, anh dùng đôi vai rộng mở lối trong rừng người. Trong lúc đó Jumurdzsák và tên aga đang tức sôi lên ở bên kia đường: chúng không thể nào chạy ngang qua đám rước thiêng liêng kia được. Bọn lính giữ trật tự sẽ chẳng để cho chúng chạy qua nào. Hơn nữa, nếu chúng dám liều làm điều đó thì hàng trăm thanh gươm đang vung lên trong cơn thịnh nộ mê tít kia sẽ quay lại chĩa vào chúng ngay lập tức.

Ngoài ra những người Mohammedan^(*) và những người Shia^(*) đang thù nhau. Dân Shia cho rằng những tu sỹ ngày nay của đạo Hồi chỉ làm ô danh các thần thánh, còn dân Thổ thì cho rằng dân Ba Tư là những kẻ tà phái.

Chen lẩn, xô đẩy hồi lâu, cuối cùng tốp người của chúng ta thoát ra khỏi đám đông, đi vào một phố nhỏ lúc đó đã tối om.

– Chạy thôi! – Gergely nói. – Tớ đã trông thấy lão aga và thằng Jumurdzsák. Chúng nó có cả lính đi theo nữa.

Họ chạy trong phố tối. Gã di gan chạy trước nhất mặc dù gã chẳng hiểu vì sao gã phải chạy. Đang chạy gã vấp phải một bầy chó đang ngủ và ngã lăn kềnh. Một con chó sủa văng lên còn những con khác giật mình chạy dạt

cả ra.

Bạn đọc nên biết Konstantinope là thiên đường của loài chó. Ở đó không có sân hoặc sân đều ở trên mái nhà, vì vậy chó không biết rúc vào đâu cả. Những con chó mình chồn, lông đỏ đỏ bèn kéo đàn kéo lũ có khi hàng trăm con lúc nhúc dọc các phố. Người Thổ không đánh đuổi chúng, hơn thế nữa khi thấy một con chó đẻ, họ còn vớt ra bên cửa một nắm giẻ rách hoặc một manh chiếu để giúp đàn chó con có chỗ nằm. Đàn chó hoang này thu dọn, tẩy uế cho Konstantinope. Ngay thời nay người ta vẫn còn đổ tất cả những thùng rác ra bên cửa. Đàn chó ăn hết rác rưởi, trừ sắt và thủy tinh ra chúng ngốn tất. Vậy mà đàn chó ấy không xấu xí, cũng không dữ tợn chút nào. Chúng ta tắc lưỡi gọi bất cứ con nào nó cũng đều vui mừng vẫy đuôi. Không có con nào mà ta không vuốt ve được.

Thấy gã di gan ngã, cả tốp liền dừng lại. Gergely cười bảo gã:

- Quỷ bắt anh đi, Sárközi ạ. Làm gì mà anh chạy như điên ấy thế?
- Nếu chúng nó đã đuổi thì phải chạy chứ ạ! – Gã di gan vừa đứng dậy vừa nói.
- Ở đây không có ai đuổi nữa. Thử nghe ngóng xem.

Đường phố yên lặng. Chỉ có tiếng hát thành kính của đám rước Ba Tư từ xa vọng đến.

- Tớ không chạy nữa đâu. – Mekksey cương quyết nói. – Đứa nào xông đến tớ sẽ cho nó một nhát dao.

Chẳng có ai xông đến cả. Gergely nhận xét:

- Chúng nó mất hút chúng ta rồi. Thôi, anh bạn Sárközi ời, đêm nay ta sẽ ngủ ở đâu?
- Trăng sắp lên rồi đấy. – Gã di gan trả lời. – Con có một người quen,

ta có thể ngủ trọ ở đấy được. Nhưng còn hơi xa một chút, ở phía sau Bảy Tháp cơ.

Jancsi giật mình:

– Ta sẽ đi qua Bảy Tháp à?

– Vâng. Cái quán ta sẽ ngủ chỉ cách thành độ một tầm tên bắn.

– Anh bảo trăng sắp lên à?

– Vâng. Công tử không thấy chân trời ràn rạng đấy ư? Ta đi nhanh lên. Lão chủ quán là người Hy Lạp. Lão là oa chủ của chúng con đấy. Cho lão kha khá tiền thì lão bán cả quần áo cho nữa kia.

– Ta không thể xem qua thành Bảy Tháp được ư? – Jancsi hỏi, giọng run run.

– Ban đêm à?

– Ban đêm.

– Nếu việc quả là gấp đến thế thì cũng được thôi. – Gã di gan trả lời. – Chỉ cần làm sao cho chúng nó đừng biết.

Nói rồi gã lại đi lên trước. Gã thận trọng bước qua mình những con chó nằm đầy đường, và bởi trăng đã sáng, lúc nào gã cũng đi bên lề đường có bóng tối.

Họ đi qua những ngôi nhà và những đường phố đã ngủ. Thỉnh thoảng lại rộ lên vài tiếng chó sủa. Không đâu có một bóng người.

Trăng chiếu sáng những ngôi nhà nhỏ bằng gỗ. Tất cả đều cùng một kiểu nhà hai tầng, tầng gác trổ hai cửa sổ có chấn song, nhưng chỉ là chấn song gỗ. Đó là những cửa sổ harem. Đôi khi có một ngôi nhà đá xen vào, rồi lại đến những dãy nhà gỗ vô tận.

Gã di gan chợt dừng lại trước một ngôi nhà và ra hiệu cho cả tốp im

lặng. Trong nhà có tiếng trẻ con khóc và tiếng đàn ông. Sau đó đến một giọng đàn bà cáu kỉnh. Dĩ nhiên thời đó chưa cửa sổ ở đâu có kính và tiếng mắng con của người đàn bà vọng xuống:

– Szeszini kesz! Hunyadi gelijo! (Nín đi! Hunyadi đến đây!)(*)

Đứa bé nín im thin thít. Tốp lũ hành của chúng ta vội vàng rào bước.

Chưa đến nửa đêm, cái vịnh biển dài ánh trăng sao đã lấp lánh trước mặt họ sau một chỗ ngoặt.

Gã di gan lại dừng bước nghe ngóng rồi nói khe khẽ:

– Chúng ta phải đi bằng thuyền, nếu như tìm được thuyền, và đi vòng qua Bảy Tháp, vì cái quán ấy ở bên kia Bảy Tháp.

– Bọn Thổ có hay đến uống rượu ở đấy không? – Gergely hỏi.

– Ở quán ấy có cả bọn Thổ đến uống rượu nữa. Có một cái phòng ở phía trong chỉ toàn bọn Thổ đến uống rượu.

Gã di gan nói rồi chạy dọc bãi cát tìm thuyền, cuối cùng gã tìm thấy một cái thuyền buộc bên một cái cọc.

Trong nháy mắt đó, bóng dáng nhỏ nhắn của một người mặc y phục phụ nữ bỗng từ một phố nhỏ chạy vụt ra như một con dơi. Người đó lao xuống bãi cát, chỗ gã di gan.

Gã di gan ngạc nhiên nhìn và hỏi:

– Mà đây hử Cserhan?

Đó là cô con gái của lão trùm. Cô ta vừa thở vừa hỏi:

– Các đeli đâu rồi?

Gã di gan trở về phía bóng tối của dãy nhà, nơi tốp Gergely đang đứng nghe ngóng động tĩnh. Cô gái chạy đến đó nắm lấy tay Éva và nói:

– Tai họa đang đe dọa các cậu đấy! Một aga mặt quạ với hai chục lính

đang lòng theo dấu vết các cậu.

Éva nhìn Gergely, nàng không hiểu cô gái kia nói gì.

– Lão aga đã đến chỗ bọn tôi. – Cô gái tiếp. – Lúc các cậu vừa đi khỏi. Chúng nó khám xét lung tung các lều. Chúng đã dùng gươm đánh cha tôi để bắt khai chỗ trốn của các cậu. Chúng nó sục cả vào trong hang.

– Và chúng mày dẫn chúng nó theo vết chúng ta phải không?

Cô gái lắc đầu:

– Không. Không vì hai cơ. Một cơ tôi không nói đâu. (Và cô gái liếc nhìn Éva). Cơ thứ hai là vì Sárközi đi theo các cậu, chú ấy có thể bị giết.

– Mày thành thật đấy. – Gergely mím cười nói. – Chúng ta đã gặp chúng nó rồi.

– Chúng nó đang đến đây đấy! Chúng nó đang đuổi theo các cậu đấy. Lại đây mau lên! Chạy đi!

– Các cậu xuống thuyền đi. – Sárközi gọi.

– Biển sáng trắng thế này. – Cô gái tỏ ý lo ngại.

– Đành vậy thôi. – Gergely đáp. – Ở đây cũng chẳng còn cái thuyền nào khác. Dù chúng nó có thấy ta, cũng phải mất khá nhiều thời giờ chúng nó mới tìm được thuyền.

Trăng soi sáng ngoài mặt biển và bức tường thành cao, khoảng giữa bức tường, bốn vọng lâu soi mới nhìn ra biển giống như bốn gã khổng lồ đội nón vườn bóng đen ngòm trên nền sáng của đêm trăng.

Khi họ đến bên con thuyền, từ trong phố có tiếng lách cách của binh khí văng ra.

– Chúng nó đến rồi đấy! – Cô gái di gan hốt hoảng kêu lên.

Đàn nhái nhảy xuống nước cũng không nhanh hơn mấy người lữ hành

của chúng ta nhảy xuống thuyền.

– Thuyền chật quá! – Gergely kêu, nhưng tiếng kêu của chàng bị át đi trong tiếng thét vang trên bờ.

Cô gái cũng nhảy xuống thuyền. Mekksey giằng lấy mái chèo trong tay gã di gan và giật một cái đứt tung cả dây néo.

– Các cậu ngồi xuống!

– Anh đẩy thuyền ra đi! – Gergely bảo anh.

– Khoan đã. – Mekksey đáp lại, anh vung mái chèo lên chờ tên Thổ đầu tiên, chạy vượt các đồng đội của nó hàng trăm bước, đang xông về phía họ.

– Mà cứ việc lại đây, đạo sỹ ạ! – Mekksey giận dữ quát. – Lại đây!

Nhưng Jumurdzsák nhìn thấy cây chèo vung lên thì sợ hãi lùi lại, thanh gươm lấp lánh trong tay hấn hạ xuống.

– Lại đây nào! – Mekksey lại quát lên, và chẳng những anh không đẩy thuyền ra mà còn vác cây chèo xông vào Jumurdzsák.

Tên đạo sỹ thấy Mekksey xông đến liền quay mình chạy trở lui.

– Nhanh lên! – Gergely kêu.

Mekksey bình tĩnh đi xuống thuyền và đẩy một cái tách thuyền ra khỏi bãi.

Trong lúc đó độ mười tên Thổ cũng đã xuống đến bãi, hò hét inh ỏi nhìn theo con thuyền bập bênh.

Chuyến hàng quả thật quá nặng. Mạn thuyền chỉ còn cách mặt nước chưa đầy một gang tay. Mọi người phải ngồi thật yên cho con thuyền khỏi chòng chành.

Bọn Thổ chạy ngược chạy xuôi trên bờ để tìm thuyền.

Mekksey quay sang hỏi gã di gan:

– Về phía nào đây?

Gã di gan ngồi xồm ở mũi thuyền, răng đánh vào nhau lập cập, phải cố gắng lắm gã mới trả lời được:

– Đi vòng qua thành.

– Bên kia thành là cái gì?

– Chẳng có gì cả.

– Rừng hay ruộng?

– Vườn cây. Bụi lúp xúp.

Cô gái di gan kêu lên:

– Chúng nó tìm được thuyền rồi.

Quả nhiên một chiếc thuyền nhỏ đã rời bến, chở đầy lính. Sáu tên ngồi trong thuyền, nhưng chúng nó cũng chỉ có hai mái chèo thôi.

Bọn còn lại chắc đang chạy đi tìm thêm thuyền khác nữa.

– Ta có mấy người? – Mekksey hỏi.

– Tám. – Gã di gan đáp.

– Chỉ có sáu thôi, vì anh và cô gái không phải là chiến sỹ.

Họ im lặng chèo về hướng đông. Chiếc thuyền chở lính Thổ đuổi theo họ.

– Nếu chúng nó không đến nhiều hơn, tớ sẽ làm việc bằng mái chèo, còn các cậu thì tùy khả năng. – Mekksey đề nghị.

– Ở đây khó lòng mà đánh nhau được. – Gergely nói. – Nếu chúng nó đuổi kịp ta, cả hai thuyền đều sẽ lật nhào hết. Tôi đề nghị anh hãy chèo về phía Szkutari.

– Ai không biết bơi nào?

– Thừa công tử, con ạ. – Gã di gan run rẩy đáp.

– Nếu thuyền lật thì nhớ bám vào mũi thuyền nhé.

– Không phải thế đâu, anh Mekksey ạ. – Gergely bình tĩnh nói. – Anh cứ chèo thẳng sang bờ bên kia, đến chỗ nào nước đến ngang lưng để chúng ta có thể đứng được.

– Rồi sao nữa?

– Tôi có gói một cân thuốc súng đây. Tôi sẽ nhào nước và đặt ngòi. Khi chúng nó đến gần tôi sẽ ném vào giữa thuyền của chúng. Lúc đó anh hãy nhảy ra khỏi thuyền, sau đến lượt tôi, rồi Jancsi, rồi đến Matyi. Bọn Thổ sẽ luống cuống, ta có thể xử gọn từng tên một.

Chàng đưa bụi nhùi và thép cho gã di gan và bảo:

– Kéo lửa lên. Sárközi.

Mekksey rẽ thuyền sang phía bờ châu Á. Bờ còn xa lắm, còn phải chèo hơn một tiếng nữa mới tới được. Họ ngồi im lặng trong thuyền, Mekksey và Matyi thay nhau chèo. Thình thoảng họ lại thọc sâu mái chèo xuống nước, có khi thò cả tay xuống đến khuỷu nhưng vẫn chưa chạm đáy.

Bọn Thổ vừa hò hét vừa đuổi theo.

Gergely thò tay xuống biển và nhồi thuốc súng trên lưng Sárközi thành một cái bánh đen, dày độ một ngón tay.

– Nào, Éva của anh, bây giờ em cho vào giữa một ít thuốc khô.

Éva mở nút ống đựng thuốc súng, đổ thuốc khô vào giữa cái bánh kẹp. Gergely gấp cái bánh kẹp lại, nắm thành vắt rồi gói vào khăn tay, chỉ để chừa một khe hở có thể châm lửa vào thuốc súng.

– Đất, – Mekksey bỗng nói mặc dù họ vượt quá giữa vịnh biển chưa được bao lâu.

Anh làm việc rất khá. Khoảng cách giữa họ và bọn Thổ không hề giảm bớt. Thuyền bọn Thổ cách họ một khoảng bằng tầm của một người khỏe tay có thể ném một viên sỏi dẹt.

– Bùn nhúi có cháy không? – Gergely hỏi.

– Có, – gã di gan đáp.

– Cứ giữ thế. Còn anh Mekksey, bây giờ anh hãy chèo chậm lại, và từ từ quay ngang thuyền ra, chỉ cần chú ý sao cho chúng nó đừng đâm vào ta. Nếu chúng định đâm vào ta thì phải để cho chúng lướt qua bên cạnh.

– Tớ sẽ tránh, cậu đừng lo.

– Khi nào hai bên chỉ còn cách nhau độ mười bước, gã di gan phải tụt từ mũi thuyền xuống nước, cô gái di gan cũng thế. Có lẽ cả em nữa Éva ạ, nhưng chỉ khi nào anh đã ném lửa đi. Đừng để chúng nó biết nước ở đây chỉ đến thắt lưng. Cứ để cho chúng nó bơi.

Gergely dùng răng kéo chặt thêm múi khăn rồi tiếp:

– Nếu lửa hắt chúng nó ra khỏi thuyền thì anh Mekksey cứ ngồi yên trong thuyền với mái chèo. Tôi và Jancsi, hai đứa chúng tôi sẽ nhảy xuống nước và cạo râu những đứa bơi. Nếu chúng nó thật hoảng hốt thì Matyi cố cướp lấy thuyền của chúng và chém những đứa bám vào thuyền.

– Thế còn con? – Gã di gan hỏi.

– Ba người nhảy xuống nước phải giữ lấy thuyền của ta cho Mekksey khỏi bị lật.

Chàng lại ghé vào tai Éva nói nhỏ:

– Em tụt xuống mạn thuyền bên kia ấy nhé và nhớ ngụp xuống kéo thuốc súng bắn vào mặt đấy. Sau đó em giật lấy một mái chèo, hễ thấy tên Thổ nào vào gần em thì quật. Dù sao mái chèo vẫn dài hơn gươm.

Bọn Thổ thấy khoảng cách giữa hai thuyền gần lại dần thì đặc thẳng hò reo, chứng tỏ chúng tin chắc vào thắng lợi.

Khi hai bên chỉ còn cách nhau độ ba chục bước, Mekcsey thò mái chèo xuống nước rồi bảo:

– Nước đến ngang thắt lưng.

– Thế thì dừng lại, – Gergely đáp.

Chàng đứng dậy trên sạp thuyền bảo gã di gan:

– Đưa bụi nhùi đây.

Chàng lại gọi sang phía bọn Thổ:

– Chúng mày muốn gì?

– Mày khắc biết ngay thôi! – Bọn chúng trả lời kèm theo một chuỗi cười như sói hú.

Gergely đưa bụi nhùi và gói thuốc nổ cho Éva rồi cầm một miếng ván bắc ngang để ngồi lên.

Bọn Thổ gườm lăm lăm trong tay, mồm ngậm chùy^(*). Hai mái chèo của chúng khua nước oàm oạp mạnh mẽ.

Chúng đã tới gần. Gergely ném miếng ván về phía trước mũi thuyền của chúng làm nước bắn tung tóe. Tên Thổ đang ngồi quay lưng lại chèo thuyền thấy nước bắn vào cổ liền ngừng chèo quay lại nhìn. Con thuyền tự nó trôi lại gần hơn nữa.

Khi thuyền của chúng đã đến gần không đầy mười lăm bước nữa, Gergely châm bụi nhùi vào gói thuốc nổ. Thuốc nổ cháy lên xèo xèo. Gergely chờ một tí, rồi với một động tác chính xác, chàng ném vào thuyền bọn Thổ.

Bọn Thổ thấy con rồng lửa bay đến thì dạt cả ra. Con thuyền của chúng

bỗng hóa thành một cái giếng phun lửa, nổ to một tiếng, rồi một cột lửa cao độ ba sải tay bốc lên giữa bọn chúng. Con thuyền lật sấp. Sáu tên Thổ nhảy ra sáu hướng, rơi tõm xuống biển.

– Đánh đi! – Gergely thét lên.

Nhưng ánh lửa lóe lên đã làm họ quáng mắt, chả ai thấy gì hết. Một lát sau Gergely mới nhìn thấy tên Thổ đầu tiên, hắn bám vào con thuyền của họ và lôi mạnh một cái khiến Mekksey văng ra khỏi thuyền. Gergely bổ cho hắn một nhát gươm. Chàng cảm thấy thanh gươm chạm vào vật rắn.

– Đánh đi! – Chàng lại thét.

Nhưng các bạn của chàng cũng chỉ làm việc một cách quờ quạng. Khi nhãn lực đã hồi phục, họ trông thấy Mekksey đang vật lộn dữ dội dưới nước với một tên Thổ vạm vỡ, Gergely lại vung gươm chém tên Thổ ấy. Nhát gươm trúng đầu. Tên Thổ liền quay lại đâm vào vai Gergely một cái mạnh đến nỗi chàng suýt ngã. Nhưng Mekksey đã ôm lấy tên Thổ, từ phía sau anh xiết lấy cổ nó và chìm xuống nước. Anh cứ giữ như thế cho đến khi nó thôi không còn sủi bong bóng nữa.

11

Một buổi chiều tháng năm, ba chàng thanh niên Ý mặc quần áo nhung và hai cô gái Ý vận váy ngắn đến trước cổng thành Bảy Tháp. Một thanh niên và một cô gái cầm đàn kôbô. Cô gái kia ôm một cái trống cơm dưới nách.

Tên lính gác đang đứng gật gà gật gù trong bóng mát, nếu thỉnh thoảng không có bọn lính đi qua đi lại dưới cổng thì có lẽ hắn đã vừa đứng vừa thiu thiu ngủ.

Trông thấy người lạ, hắn chĩa giáo về phía họ và hỏi:

– Chúng bay muốn gì?

– Chúng tôi là ca công người Ý. – Một người trả lời hắn. – Chúng tôi có chuyện muốn thưa với quan phòng thành.

– Không được.

– Chúng tôi có chuyện cần lắm.

– Không được.

– Tại sao lại không được?

– Ngài đã dặn tao không được cho người lạ vào. Ngài đang bận nhiều việc. Ngài đang sửa soạn hành lý.

Bên tường thành có bốn năm tên lính vừa đứng vừa ngồi xõm trong bóng mát. Một mục giã di gan đang gieo quẻ bói cho chúng bằng cách lắc những hạt đậu ngũ sắc trên một cái sàng.

Cô gái Ý nhỏ nhất bèn mạnh dạn đi lại chỗ đó và nói với mục di gan:

– Thím ơi, ông lính gác không muốn cho chúng tôi vào. Thím làm ơn nhờ một người vào báo giúp với bãi Veli rằng chúng tôi mang quà đến biếu ngài.

Mụ di gan đang gieo một quẻ hay lắm thì phải, mụ chia chỗ hạt đậu ra làm năm cùm rồi nói với tên lính:

– Bóng dáng vận hạnh của thầy đã hiện rõ rồi đấy, nhưng tôi sẽ không nói cho thầy biết đâu nếu thầy không vào báo cho ngài bãi hay rằng có mấy người Ý mang quà đến biếu ngài.

Tên lính đang xem bói đã đỏ mặt lên vì tò mò. Hắn gài vào cổ một cái rồi đứng dậy vội vã đi vào.

Chưa đầy mười phút sau hắn đã trở ra vẫy tay gọi mấy người Ý:

– Đi theo ta.

Hắn đi trước dẫn họ qua mấy dãy hành lang, qua một cái vườn bên cạnh nhà xay rồi lại qua một cái vườn nữa đầy những luống rau xà lách rất to.

Tên lính nhổ một búp xà lách, nhấm nháp từng lá một. Hắn mời cả hai cô gái. Cô gái di gan nhận một lá và đưa mời cô kia.

– Cảm ơn Cserhan, tôi không ăn.

– Ăn đi! Ngon đấy.

– Tôi biết là ngon nhưng chúng tôi không quen ăn thế này.

– Vậy thì ăn thế nào? Ăn với muối à?

– Với muối, nhưng chủ yếu là với thịt gà rán.

Một thanh niên Ý luôn phải phiên dịch cho hai cô gái, nhưng vì họ cứ nói chuyện luôn miệng mà người phiên dịch đôi lúc lại quay nhìn chỗ khác nên cô gái chốc chốc lại nhắc:

– Anh Gergely, Cserhan nói gì thế?

Cái vườn họ đang đi qua nằm giữa hai bức tường cao. Đây là một cái thành hai lớp. Hai cái tháp ở giữa nối liền nhau bằng một bức tường riêng.

– Mấy cái tháp cũng đều hai lớp tường thế cả. – Cô gái di gan nói với Gergely. – Có lần một tên lính đã nói chuyện ở đằng quán trọ là mấy cái tháp này chứa đầy vàng bạc. Một lần đến quét dọn ở đấy nó đã nhìn qua lỗ khóa.

Jancsi buồn bã nói:

– Vì thế nên mới đến gần ấy lính canh giữ.

Chàng trai này rất bồn chồn, lúc thì đỏ mặt tía tai, lúc lại tái xanh và cứ nhìn ngó, nghe ngóng khắp tứ phía.

Họ đến chỗ nhà ở của tên bãi. Dọc tường thành phía trong không còn nhà nào khác, chỉ có rất nhiều đại bác cỡ lớn, đặt cách nhau cứ năm mươi bước một khẩu. Cạnh các khẩu súng, đạn gi sắp thành từng đồng hình chóp.

Sân nhà tên bãi đầy những hòm xiềng và các bộ phận của một cái trường bằng vải đỏ. Binh khí, đồ dùng đã chiến và các thứ thảm nằm la liệt trên lối đi rải sỏi và trên các luống hoa được chăm sóc cẩn thận. Kẻ rời khỏi nơi đây chắc chắn sẽ không gặp mặt kẻ đến thay hắn.

Mười – mười lăm tên lính đang xếp đồ đạc vào các hòm xiềng. Tên bãi đứng giữa đám lính và cũng đang ăn xà lách sống, không có thịt gà rán.

Hắn gọi mấy người Ý sang bên góc tường vọng lâu rồi ngồi lên bánh xe một khẩu đại bác nòng chĩa ra ngoài và tiếp tục nhấm xà lách.

– Nào, các người muốn gì? – Hắn vui vẻ hỏi.

Gergely bước lên, bỏ mũ ra cầm ở tay, nói bằng tiếng Thổ:

– Bẩm ngài, chúng con là những ca công người Ý. Đêm qua chúng con đánh cá dưới chân thành, vì ngài cũng biết chúng con là dân nghèo nên đêm đêm phải đánh cá thêm. Nhưng đêm qua chúng con không chỉ đánh được cá. Khi kéo lưới lên, chúng con thấy có một cái gì lấp lánh ở trong lưới. Chúng con nhìn xem thì hóa ra là một cái đĩa bằng vàng tuyệt đẹp.

– Chà, lạ nhỉ!

– Quả vậy, thưa ngài. Mời ngài xem, nó đây, đã bao giờ ngài thấy một cái đĩa đẹp hơn thế này chẳng?

Chàng thò tay vào ngực lấy ra một cái đĩa nhỏ bằng vàng có chạm nổi hình các thần thánh Hy Lạp ở giữa.

– Trời! – Tên bãi thốt lên, mắt đờ đẫn trước cái đĩa đẹp.

– Chúng con cũng chưa bao giờ thấy một cái gì đẹp đến thế. Chúng con đã bàn nhau nên làm gì với nó bây giờ. Nếu đem bán, người ta sẽ đổ tội cho chúng con ăn cắp và có trời biết chúng con sẽ gặp những tai vạ gì. Nếu không bán thì cái đĩa có nghĩa lý gì đối với kẻ chẳng có gì để bày lên đĩa?

Tên bãi lật đi lật lại cái đĩa, nhắc nhắc thử rồi nói:

– Tại sao các người lại mang đến cho chính ta?

– Thưa quan lớn, chính đó là điều con đang muốn thưa với ngài. Lúc chúng con đang bàn nhau như thế thì chúng con chợt nhớ có một vị ân nhân của chúng con đang bị giam ở thành Bảy Tháp này, một vị tướng Hung. Hồi nhỏ con và em trai của con đã từng là nô lệ của ông ấy.

– Ông ta đã đối xử tốt với các người à?

– Ông ta đã cho chúng con học hành và thương như con đẻ. Vì vậy chúng con mới nghĩ đến chuyện xin ngài cho phép chúng con vào hát cho ông ấy nghe một bữa.

– Ra vì thế mà các người mang cái đĩa đến cho ta ư?

– Vâng ạ.

– Các người hát hay lắm à? Vậy thử hát cho ta nghe một bài xem nào.

Năm người Ý liền đứng thành vòng, hai người dạo đàn kôbô và họ đồng thanh hát:

Mama

Mama

Ora, mouio

Ora, mouio!

Desio tai cosa,

Che all orto ci sta^()*

Tiếng hát của hai cô gái như tiếng vĩ cầm, giọng của Gergely và Jancsi như hai ống sáo, còn giọng của Mekcsey như tiếng xenlô.

Tên bê ngừng cả việc nhai xà lách, cả việc ngắm cái đĩa, dường như người ta có thể thấy tai hấn động lên thật sự.

– Các người là tiên đồng hay quỷ sứ thế? – Hấn kinh ngạc kêu lên.

Thay cho câu trả lời, tốp ca công lại bắt sang một bài hát mới. Cô gái di gan xoay người tiến ra giữa vòng và vừa gõ trống vừa múa trước mặt tên bê.

– Ta có thể xem các người múa hát ba ngày ba đêm liền cũng được. Nhưng sáng mai ta đã phải khởi hành sang Hungary rồi. Các người hãy nhập bọn với ta, ngay bây giờ cũng được hoặc dọc đường cũng được. Ta sẽ hậu đãi các người, tiền công ta cũng sẽ trả. Các người không bao giờ phải

lo nghĩ gì nữa.

Năm người Ý đưa mắt hỏi nhau, Gergely nói:

– Thừa quan lớn, về việc đó chúng con phải bàn bạc đã. Nhưng trước hết, nếu quan cho phép điều chúng con yêu cầu...

– Ta vui lòng cho phép các người, nhưng các người muốn vào thăm ai?

– Dạ, đến chỗ tướng công Török Bálint.

Tên bãi hơi bực mình xòe bàn tay ra:

– Đến chỗ Török à? Gay đấy. Ông ta đang phải đeo một tạ.

– Đeo một tạ gì ạ?

– Chẳng là ông ta đã đối xử thô bạo với đại giáo trưởng.

Mặc dù vậy tên bãi vẫn thực hiện lời thỉnh cầu của tốp ca công Ý. Hẳn giao họ cho một tên lính và ra lệnh cho tên lính phải dẫn Bálint ra sân dù ông ta muốn hay không cũng mặc – vì có mấy người Ý muốn hát cho ông ta nghe.

Cửa thành trong cũng đã mở. Sân thành này chẳng lớn gì hơn quảng trường Erzsébet ở Pest. Hai người bạn cờ lúc đó cũng đã ngồi dưới cây tiêu huyền. Móre cũng ngồi ở đó xem đánh cờ; cả Maylád cũng có mặt ở đó và cứ nói chõ vào các nước cờ làm ông hoàng Ba Tư rất bực.

Cái xiềng một tạ vừa đúng lúc thay chủ.

Tên lính giữ năm người Ý lại bên cổng để chờ người ta dẫn tướng công Bálint từ trong chuồng sắt ra. Hai tên lính phải nâng xiềng lên ông mới đi được. Chúng nó đã đặt một cái ghế gỗ ra sân và dẫn ông đến ngồi xuống đấy. Chúng vẫn còn tử tế để ông ngồi vào chỗ bóng râm. Ở đó ông có thể tha hồ ngồi. Mà không ngồi thì ông cũng chẳng nhúc nhích đi đâu được với

cái xiềng to bằng bắp cày ấy.

Ông ngồi xuống ghế mà chẳng hiểu vì sao chúng nó lại bắt ông ra ngồi ở đây. Ông mặc áo sợi lanh mùa hè. Trên đầu không có mũ, chỉ có mớ tóc dài lòa xòa như bờm đã bạc trắng. Hai tay ông bị xiềng kéo xuống hai bên ghế. Mỗi cái vòng xiềng như thế nặng năm chục bạng. Những cánh tay già yếu của ông không còn đủ sức để nâng chúng lên nữa. Mặt ông tái nhợt, đau khổ.

– Vào được rồi. – Tên lính bảo năm ca công.

Họ từ cổng tiến vào rồi dừng lại thành một hàng trước mặt tướng công Bálint, cách chưa đầy năm bước.

Những người đang đánh cờ cũng bỏ dở ván. Cái gì thế nhỉ? Thế này thì ra là một cuộc vui thú vị quá: ca công Ý trong thành Bảy Tháp! Họ đến đứng sau lưng Török Bálint chờ nghe hát và đặc biệt chờ xem điệu nhảy của hai cô gái.

– Cô trẻ hơn không phải dân Ý. – Ông hoàng Ba Tư nhận xét.

– Giữa trăm người cũng nhận ra được là dân di gan. – Maylád đáp.

– Nhưng mấy người kia thì đúng là dân Ý.

Tình cờ cả mấy người đều rám nắng: Mekksey vạm vỡ nhất, Gergely cao nhất, Jancsi có đôi mắt đen nhất, Éva đã xoa dầu hồ đào để làm nước da nâu lại, tóc của cô cũng lấp dưới cái mũ đỏ kiểu Frigia^(*) như tóc những người khác.

Năm người Ý cứ đứng ngẩn ra ở đây.

– Nào, hát đi chứ. – Tên lính bảo họ.

Nhưng họ cứ đứng sững ra nhìn, mặt tái cả đi. Nước mắt từ từ lăn trên gò má anh chàng Ý trẻ nhất, và cả trên má một người khác nữa.

– Hát đi chứ, cái bọn hề chó đẻ này! – Tên lính Thổ mắng họ.

Anh chàng trẻ nhất bèn loạng choạng bước lên, phục xuống trước mặt người tù mang nặng cùm xích và ôm lấy chân ông.

– Cha ời! Cha yêu quý của con!



12

Đằng sau nhà thương Armenia, cách thành Bảy Tháp độ một tầm tên bắn, có một quán rượu nhỏ đứng lẻ loi một mình.

Trước kia hình như đó là một nhà vườn, một ngôi nhà nghỉ mát bằng đá cẩm thạch từ cái thời mà thành phố Konstantinope còn được gọi là Bizác. Nhưng than ôi, thời gian và những trận động đất đã làm bong tróc những viên đá hoa, làm gãy gục những cột lan can thạch cao ở hàng hiên, những bông hoa đá trên cửa sổ, xô lệch những bậc thềm và trồng những cây leo vào kẽ hở của các cột lớn. Cái nhà vườn nghỉ mát đã trở thành một quán rượu tồi tàn. Tất cả mọi loại người đều đến đó, và lão chủ quán có tên là Milciades còn hành thêm một nghề phụ nữa là nghề oa trữ.

Gã di gan đã dẫn các thanh niên của chúng ta đến đó. Milciades dành chỗ trọ, bán quần áo Ý và cái đĩa vàng cho họ, dĩ nhiên là với giá cắt cổ.

Màn kịch trong thành Bảy Tháp không thành công theo đúng ý định, suýt nữa đã đưa họ vào vòng tai họa. Tên lính lập tức bấm ngay với tên bãi rằng những người Ý hình như là họ hàng thân thuộc gì đó, vì họ khóc nức nức bên cạnh người tù. Nhưng lúc đó tên bãi đã chẳng quan tâm gì lắm đến Bảy Tháp nữa. Thuộc quốc Hungary đang choán hết mọi ý nghĩ trong đầu óc hắn. Ở Bảy Tháp hắn cũng chỉ là một tên tù. Hắn phải sống ru rú giữa mấy bức tường thành và hằng năm chỉ được bước ra ngoài một bận để đến cầu kinh ở đền thờ Aja Sofia.

– Đồ con lừa! – Hắn mắng tên lính. – Mấy tên Ý này trước kia là nô lệ của ông ấy, còn bây giờ là nô lệ của ta.

Hắn đang định xếp cái nghiên mực vào hòm. Hắn rút bên cạnh nghiên mực ra một cái bút sậy, chấm vào mớ bông tẩm mực rồi viết mấy dòng lên một mảnh giấy bằng bàn tay, viết xong hắn đưa cho tên lính đang đứng ngơ ngác và bảo:

– Đây, đưa cái này cho những người Ý và dẫn họ ra cổng. Không được động đến họ đấy, nghe không?

Khi tên lính ấn vào tay chàng, Gergely lập tức đọc ngay mấy dòng chữ đó. Đó là mấy dòng chữ Thổ có nghĩa như sau:

“Năm ca công người Ý này thuộc quân lữ của ta. Ta cho họ tờ chứng chỉ này để đừng ai động chạm đến họ khi vắng mặt ta”.

Bêi Veil

Gergely mừng rỡ cất mảnh giấy đi. Chàng nhìn vào mặt tên lính. Chàng đã trông thấy cái mặt cú vọ này ở đâu nhỉ. Ở đâu ấy nhỉ? À, đúng là thầy quyền đã uống rượu ở đẳng quán lão Hy Lạp tối hôm trước, giữa đám thủy thủ và đám người làm công nhật. Cứ trông cái mũi đỏ của hắn cũng đủ biết nếu một ngày kia đến trước Mohamed thế nào hắn cũng bị gạt sang dãy ghế của những kẻ có tội.

– Thầy cũng đi theo ông bêi chứ? – Gergely hỏi khi họ đi qua cổng và giúi vào tay hắn một đồng năm talê bạc.

Được đồng talê, tên lính vui vẻ hắn lên đáp:

– Không. Ngài bêi chỉ đem thợ đào đường ngầm và lính tình nguyện đi theo mà thôi. Từ ngày mai chủ tướng của ta sẽ là bêi Izmail.

– Nhưng ông ta đã ở đây đâu?

– Chưa, ông ta đang ở trong cái nhà có giàn nho dại kia kìa.

Tên lính nói và chỉ về phía một cái nhà có nho dại leo đầy trên mái, đó là một cái nhà xây dựa lưng vào tường thành cổ Bizánc. Có lẽ nó được xây nên bằng đá của chính cái tường thành cổ ấy cũng nên.

Buổi tối, tên lính mặt cú đã đem đồng talê đi uống ở đấng lão Hy Lạp.

Mấy thanh niên của chúng ta ăn tối trong một căn phòng nhỏ xinh xắn. Họ ăn cháo đặc với thịt cừu, vừa ăn vừa bàn đến chuyện nên trở về cùng tên bãi hay đi một mình. Rõ ràng là nguy hiểm đang bám sát gót họ và còn rõ ràng hơn nữa là họ không thể nào giải thoát cho tướng công Bálint được.

– Ta nên về theo tên bãi, đó là điều thông minh nhất mà chúng ta có thể làm được. – Gergely có ý kiến.

Mekcsey cầu nhàu:

– Tớ không hát cho hắn nghe nữa đâu. Có lưỡi tầm sét âm ỉ của nhà trời hát cho nó nghe thì có.

– Thế thì anh cứ giả vờ khản cổ vậy. Sao ta lại không hát cho hắn nghe nhỉ? Tục ngữ đã chẳng có câu: “Ngồi xe ai hát bài người ấy” đó sao?

– Nếu ở nhà người ta mà biết chúng mình đi giải trí cho bọn Thổ...

– Sao lại không nhỉ? Ở đây ta hát cho chúng nó nghe, về nhà ta sẽ bắt chúng nó nhảy nhót.

Jancsi không hòa vào câu chuyện. Cậu ngồi thờ người suy nghĩ, nước mắt cứ ứa ra. Gergely đặt tay lên vai cậu và bảo:

– Đừng khóc, Jancsi ạ. Cái cùm to ấy có phải là vĩnh viễn đâu. Có thể đến mai chúng sẽ tháo ra cũng nên.

– Tôi chưa nói được chuyện gì với cha tôi cả, chỉ trả lời được mỗi câu hỏi của người về Ferkó. Tôi bảo rằng nó ở nhà để nhờ tôi có chết dọc đường thì vẫn còn một đứa ở lại với mẹ tôi.

Tất cả đều im lặng, thông cảm nhìn cậu.

– Nhưng tôi mới đại làm sao chứ. – Jancsi tiếp. – Tôi đã ăn mặc như hề để lần mò vào với cha tôi, mặc dù tôi vẫn có thể đến thăm một cách đàng hoàng. Sau chuyến này tôi còn có thể đi vào đó nữa không? Giá như ít ra tôi đã đưa được tiền cho cha tôi.

Cô gái di gan bưng bát đi ra. Trăng lên rọi vào phòng làm mờ bớt ánh sáng của cây đuốc nhựa.

– Cần phải thử thêm một chuyến nữa mới được. – Gergely lên tiếng. – Có thể nói tiền chúng ta hầu như vẫn còn nguyên vẹn. Jancsi này, chỗ cậu còn một nghìn đồng vàng, nơi tôi ba trăm. Chỗ Mekksey còn đủ để chúng ta về đến nhà. Chỗ Éva cũng thế.

Cô gái di gan trở lại.

– Các anh không sang xem tên Thổ cú à? Nó đã say đến nỗi ngã lăn xuống ghế. Sárközi cũng uống bằng tiền của nó nhưng chưa say. Anh ta đang chơi xúc xắc với Matyi.

Khi thấy chỉ mỗi mình mình cười, cô ta liền im bật. Cô ngồi xuống chiếu bên cạnh họ và chống tay lên cằm nhìn Éva.

– Tên bêbi mới đến chắc chắn sẽ vỗ lấy tiền. – Gergely lại nói. – Hẳn cũng vỗ lấy như những đứa khác thôi. Biết đâu hẳn lại chẳng làm được chút gì? Xưa nay tiền bạc vẫn là cái chìa mở được mọi ổ khóa.

– Tôi sẽ đưa cho nó tất cả số tiền tôi giữ đây. – Jancsi trả lời. – Tôi sẵn sàng hiến cả tính mạng của tôi nữa.

– Vậy thì ta hãy thử một keo cuối cùng nữa.

– Tối nay anh làm thế nào mà đến chỗ tên bêbi được?

– Hẳn sẽ bắt cậu ngay. – Mekksey nói. – Hẳn sẽ nghe cậu nói, tiền hẳn

cũng sẽ nhận, nhưng cậu cũng sẽ ở lại đó.

Gergely mỉm cười.

– Tôi có khờ đến thế đâu. Tôi có mang bộ mặt của tôi đến đó đâu.

– Thế thì làm sao?

– Tôi sẽ cải trang làm lính Thổ.

Jancsi nắm lấy tay Gergely:

– Anh làm thật chứ, Gergely? Anh làm thật chứ?

– Tôi bắt đầu ngay bây giờ đây.

Gergely trả lời rồi đứng dậy gọi lão chủ quán Milciades vào:

– Chủ quán này, ta cần một bộ quần áo lính Thổ, một bộ giống như của bọn lính canh thành Bảy Tháp.

Lão Hy Lạp vân vê bộ râu đen mọc thành từng chòm. Lão đã quen với việc ăn mặc cải trang của mấy người khách này, lão cũng đã quen mỗi ngày lại được hai ba đồng tiền vàng. Quỷ bắt họ đi, dù họ có là tướng cướp hay là phường ăn cắp vặt thì cũng mặc, cái chính là họ trả tiền hậu hĩnh. Lão cũng đã đề nghị với họ đến ở cái phòng ngầm dưới đất.

– Quần áo như thế thì hiện nay tôi không có. – Lão nói và nháy mắt. – Nhưng trong quán hiện có một tên Thổ say bí tỉ, ta có thể lột lấy cái tuyban và cái áo choàng của hắn.

– Thế cũng được. Nhưng ta cần cả râu nữa.

– Của ấy thì vô khối.

– Nhưng ta cần bộ râu giống như của tên lính kia mới được.

– Như thế cũng có.

Lão quay ra và chưa đầy năm phút sau đã trở lại với một ôm đủ các loại râu, lông đen và nhưa.

- Để tôi dán cho chứ?
 - Lão dán hộ đi. Làm cho ta có bộ mặt giống như của tên Thổ kia ấy.
- Gergely ngồi xuống. Milciades bắt tay vào việc.
- Lão có biết ông bêu mới đến Bảy Tháp không?
 - Sao lại không. Trước kia hắn là pháo thủ.
 - Lão biết gì về hắn?
 - Đần độn. Hắn chỉ uống nước lã, óc hắn cũng loãng như nước^(*). Viết hắn cũng chả biết.
 - Những tên sỹ quan khác cũng có biết viết đâu. Giỏi lắm là biết đọc.
 - Nhưng hắn lại cứ vênh vang như con ngựa của hoàng đế, mặc dù có khi con ngựa còn biết nhiều hơn hắn. Thế mà hễ thấy một ông quan to hơn mình thì hắn lại cúi rạp cả người như cây lanh trước trận gió.
 - Hắn đã đi trận mạc bao giờ chưa?
 - Năm ngoái hắn có đi theo xuntan và nghe đâu đã bị phạt đòn dưới chân thành Esztergom.
 - Vậy là hắn nhát gan?
 - Nhát gan và ngu độn. Nhưng một kẻ chỉ uống nước lã mà lớn lại còn có thể khác hay sao?

Gergely bị nhựa dính mép cứ méo mồm từ bên này qua bên nọ. Chàng đã thay đổi hắn đi khiến Mekksey cứ bò ra mà cười.

Lão Hy Lạp đã mang cả tuyban, gươm cong kiểu Thổ và áo khoác đến nữa.

- Allaha emanet olun^(*). – Gergely vừa cúi chào vừa nói đùa.

Tất cả đều muốn đưa chàng đi nhưng chàng chỉ cho Jancsi và Mekksey

đi theo. Dọc đường Jancsi đưa vàng cho chàng. Gergely suy nghĩ một tí rồi bảo cả Jancsi quay về, chỉ còn Mekksey cùng đi với chàng.

– Anh cũng theo xa xa thôi, để chúng nó khỏi nghi ngờ ta cùng một bọn. – Chàng bảo Mekksey.

Chưa đầy nửa giờ sau chàng đã đến gõ vào cái keng bằng đồng trước cửa nhà tên bê.

Mặt của một tên lính già hiện ra trong cái lỗ khoét trên cánh cổng.

– Mi muốn gì?

– Mời ngài bê ra ngay Bảy Tháp. Có biến!

Tên lính già biến mất. Gergely cũng quay trở lại. Chàng biết thế nào tên lính già cũng sẽ quay ra và sẽ không còn gặp ai ở cổng nữa để chuyển đạt những câu hỏi của tên bê. Hắn sẽ bắt buộc phải quay vào bấm với tên bê là người lính lúc nãy đã biến mất. Tên bê sẽ bắn khoăn, cầu nhàu nhưng rồi cuối cùng cũng phải chui ra để đi vào Bảy Tháp.

Gergely dạo bước về phía Bảy Tháp và dừng lại trước cổng Drinápoly – người ta gọi cổng phía bắc của thành Bảy Tháp như vậy.

Cổng thành đã đóng. Tên lính gác ngồi ngủ gật trên hòn đá bên cổng. Trên đầu hắn, cây đèn dầu cũ kỹ đang cháy trên thanh sắt cắm vào tường. Bốn bề im ắng như tờ.

Mekksey đi cách Gergely ba bốn chục bước và khi thấy Gergely đứng lại anh cũng đứng lại. Có lẽ Gergely đứng trong vầng sáng của ngọn đèn là cốt để cho anh trông thấy. Những phút trôi qua chậm chạp làm sao. Gergely thầm chửi giờ khắc Thổ Nhĩ Kỳ nặng nề, chậm rãi.

– Đến lúc tên bê ấy bò được ra thì ta bạc cả đầu mất.

Ôi, chàng tráng sỹ đáng thương, ngôi sao đẹp đẽ trên nền trời Hung

vinh quang, anh sẽ không bao giờ bạc tóc! Chẳng biết anh sẽ nhìn vào tương lai với bộ mặt như thế nào nếu giờ đây có một bàn tay thiên thần bỗng vén lộ thiên cơ để anh nhìn thấy chính mình đeo xiềng xích cũng tại ngay chỗ này, để anh nhìn thấy tên đao phủ Thổ Nhĩ Kỳ đang thắt dây thòng lọng cho anh trên giá cây đèn gì nọ!...

Có tiếng kẹt cửa vang lên trong cái yên lặng của con đường.

Gergely rùng mình, chàng vội bước nhanh về hướng tiếng động.

Tên bêi đang đi đến. Hắn đi một mình, người quần trong chiếc áo choàng, đầu đội một cái tuyban trắng và cao.

Gergely dừng lại một phút, nghe ngóng xem có ai đi với tên bêi không.

Không có ai cả.

Lúc đó chàng mới bước vội tới trước mặt tên bêi, chào đúng theo kiểu lính Thổ và nói:

– Bẩm quan lớn, không phải bêi Veli cho gọi ngài đâu. Tôi đã lừa ngài ra vì một việc rất quan trọng.

Tên bêi vội lùi lại nắm lấy chuôi gươm.

– Mi là ai?

Gergely rút gươm ra và đưa đảnh chuôi cho tên bêi.

– Ngài cầm lấy nếu ngài thấy nghi ngại.

Tên bêi đẩy gươm vào vỏ. Gergely cũng tra gươm vào vỏ và nói:

– Tôi mang đến nhiều chuyện tốt lành hơn là ngài tưởng.

Chàng nhấc túi tiền từ trong áo choàng ra và lắc cho vàng kêu rùng rảng:

– Để mở đầu, xin ngài hãy nhận lấy.

Tên bêi cầm lấy cái túi nặng nhưng rồi đưa trả lại.

– Trước hết ta cần biết mi là ai, muốn gì?

Nói đoạn hắn ngồi xuống một cái ghế đá trong bóng tối ngôi nhà và chăm chú quan sát nét mặt Gergely. Gergely cũng ngồi xuống ghế, khoanh tay lại, thỉnh thoảng lại gãi gãi bộ râu giả làm chàng ngựa ngáy và thận trọng lựa lời nói khe khẽ:

– Tên tôi là *Trăm nghìn vàng*. Tôi nghĩ rằng đó là một cái tên khá kêu.

Tên tôi cười mỉm:

– Nhưng không phải là tên giả đấy chứ?

– Ngài có thể thử ngay thôi. Còn tên ngài là *Anh kiết xác*, mặc dù chắc hẳn ngài là một dũng sỹ hơn người. Ai cũng biết ngài đã từng đến nước Hung trong chiến dịch đại thắng vừa qua.

– Ta thấy mi đã biết rõ ta.

– Quả vậy, tôi sẽ nói ngắn thôi: từ sáng ngày mai ngài sẽ là quan phòng thành ở Bảy Tháp, ngài cũng sẽ là tù nhân, chỉ có cái là tù nhân được trả lương mà thôi. Mỗi năm ngài được ra phố một lần. Nếu Allah phù hộ cho ngài được trường thọ thì trong đời mình ngài cũng chỉ còn được trông thấy Konstantinope vài ba chục lần nữa là cùng.

– Nói tiếp đi.

– Ngài có muốn chọn một cuộc đời tự do hơn và giàu sang hơn hay không là tùy thuộc ở ngài.

– Ta nghe đây.

– Trong Bảy Tháp có một tù binh, một nhà quý tộc Hung giàu sụ: Török Bálint.

– Mi muốn giải thoát cho ông ấy?

– Chính ngài nói ra đấy nhé. Nhưng tôi cũng thừa nhận là tôi muốn như

thế.

– Ta nghe đây.

– Ngài có mấy tên lính theo hầu, ít ra cũng là những gia nhân tin cẩn. Giả dụ tối mai ngài đem tướng công Bálint ra khỏi thành, làm như xuntan có lệnh vờ vào cung thì sao nhỉ?

– Sau khi mặt trời lặn, ngay viên tướng phòng thành cũng không được ra ngoài.

– Có lệnh của xuntan thì vẫn cứ ra được. Nhưng đã thế thì đưa ông ta ra ban ngày vậy, cùng với ngài và hai tên lính nữa. Phố xá quanh đây đã vắng người, ngài sẽ cho hai tên lính trở lại, rồi ngài cùng đi với tướng công Bálint. Nhưng đáng lẽ vào hoàng cung thì ngài lại dẫn người tù đó xuống một cái thuyền. Một cái thuyền đậu bên bờ có cắm cờ màu vàng da cam. Bất kể là thuyền chở lúa mì hay chỉ là thuyền con. Dọc bờ quanh đây cũng chẳng có nhiều thuyền đậu lắm đâu. Tôi nghĩ các ngài có thể thay quần áo khác rồi rẽ xuống thuyền.

– Chỉ ngắn gọn thế thôi à?

– Không hẳn. Ở trên thuyền, ngay lúc khởi hành, ba trăm đồng vàng sẽ được trao vào tay ngài, theo tiếng Thổ thì đó là ba nghìn gurus hoặc ba nghìn piaster. Sau đó chúng ta sẽ đến Tekirdag bằng đường thủy hoặc đường bộ. Ở đó một người của chúng tôi sẽ chờ ngài với ngựa tốt và năm trăm đồng vàng nữa. Thế là lại năm nghìn gurus. Chúng ta sẽ đi xuống Athén, rồi từ đó đi sang Ý. Bước lên bờ nước Ý, năm trăm đồng vàng nữa lại rơi vào tay ngài.

– Một nghìn ba.

– Cho tới đó. Tôi thiết tưởng như vậy cũng đã bằng mười năm lương bổng của ngài rồi. Nhưng xin ngài hãy suy nghĩ thêm: con người làm chủ

tướng ba thành Debrecen, Sziget và Vajdahunyad, ngoài ra còn là chúa của một cơ nghiệp vương giả, gần khắp cả vùng hữu ngạn sông Duna, người đó có thể dễ dàng trả nốt cho ngài chỗ chín mươi chín nghìn đồng vàng còn lại, dù có phải sẻ bớt một nửa gia sản đi chẳng nữa.

– Nhưng nhờ ta không nhận được ngay cả cái nghìn đầu tiên thì sao?

– Ngay bây giờ tôi cũng có thể trao cho ngài nếu ngài muốn.

Tên bêi dăm chiêu suy nghĩ.

Gergely nhún vai:

– Nếu ngài thấy chúng tôi định lừa ngài – mặc dù ngài chưa bao giờ gặp một người Hung lừa dối – thì lúc đó ngài vẫn còn đủ thì giờ để đổ tội cho Török Bálint đã vượt ngục và một mình ngài đã đuổi theo bắt lại được. Dù sao người ta cũng sẽ tin ngài vì ngài đã giải ông ta về.

Tên bêi suy nghĩ rồi nói:

– Được rồi. Ngày mai, trước khi mặt trời lặn một giờ, cái thuyền cầm cờ vàng đó phải đến đậu cách thành Bảy Tháp một tầm tên bắn. Còn người phải đứng chờ ở trên bờ. Ta làm sao mà nhận ra người được?

– Nếu ngài không nhận được mặt tôi, mặc dù trăng sáng đầy chữ, thì tôi sẽ đội khăn tuyban cũng màu vàng, màu vàng lưu huỳnh, ngài sẽ có thể nhận ra được.

– Vậy một giờ trước khi mặt trời lặn.

– Đúng mười một giờ.

Gergely đáp, vì theo giờ Thổ thì lúc mặt trời lặn là mười hai giờ.

Khi Gergely cùng Mekcsey trở về thì đã nửa đêm. Vừa bước vào quán, chàng hỏi ngay:

– Tên Thổ mặt cú còn ở đây đấy chứ?

– Hẳn đang ngủ. – Milciades trả lời.

– Lão có thể làm cho hẳn ngủ đến mười một giờ ngày mai được không?

– Được.

Lão chủ quán trả lời rồi đi hòa một thứ bột gì đó vào cốc. Bột đó hòa tan như muối. Lão lay tên Thổ dậy:

– Nay Bajguk! Cũng phải nghỉ đến nhà đến cửa nữa chứ!

Tên Thổ ngừng đầu lên, ngơ ngác nhìn với đôi mắt đục ngầu và ngáp.

– Nào, uống cốc nước này đi rồi mà xéo về nhà.

Tên Thổ cũng chẳng nhìn vào cốc nữa, hẳn chỉ giơ tay ra đón lấy rồi nốc một hơi cạn. Đoạn hẳn trở mình định đứng dậy, nhưng lại ngã xuống.

Gergely giúi năm đồng tiền vàng vào tay lão chủ quán.

– Cậu có thể yên chí. – Milciades nói. – Tên này không nhúc nhích ra khỏi giường được đâu, hẳn có thể ngủ đến tối mai.

Việc thuê thuyền rất dễ dàng. Họ chọn một chiếc thuyền bốn chèo của người Hy Lạp đậu trong vịnh Sừng Vàng và hỏi thuê đến Tekirdag, nơi cách Konstantinope một ngày đường. Họ trao cho chủ thuyền một lá cờ màu da cam và hai đồng tiền vàng đặt cọc. Buổi chiều còn sớm, chiếc thuyền đã đến đậu ở chỗ Gergely dặn. Hai giờ trước khi mặt trời lặn chủ thuyền đã cắm cờ lên.

Sau đó Gergely vội vã trở về quán. Họ đánh thức tên lính Thổ vẫn còn ngủ li bì dậy và báo với hẳn rằng ngài bệ triệu hẳn đến chỗ con thuyền cắm lá cờ vàng, hẳn phải đến đợi ở trên bờ.

Đầu tên lính vẫn còn nặng chình chịch, Sárközi phải dẫn hẳn đi. Tên lính hiền lành đội tuyban màu vàng bước đi loạng choạng. Hẳn chẳng còn biết trời sáng hay chiều nữa. Hẳn chỉ nhớ mang máng là quan bệ sai hẳn

đến bên bờ vịnh, chỗ một cái thuyền nào đó.

Bọn Gergely tản ra, đi lần theo sau tên lính, họ đi cách nhau từng quãng xa.

Nếu tên bãi nhận lời thì khi hấn bước lên thuyền họ cũng có thể đến kịp. Nếu hấn không dám hoặc không thể hành động như vậy thì cứ để xem hấn với tên đồng hương đội tuyban màu vàng kia làm thế nào mà hiểu nhau.

Câu hỏi đầu tiên là tên bãi có dẫn Török Bálint đi theo hay không. Họ giao cho Cserhan theo dõi việc đó. Họ không cho cô ta biết chuyện Török Bálint đi trốn mà chỉ nói là ông được dẫn tới chỗ xuntan và họ muốn được trông thấy ông một lần nữa. Dấu hiệu là nếu cô ta trông thấy tên bãi, hai tên lính và Bálint, cô ta sẽ vớ tay lên bụi nho dại ở góc phố làm bộ như muốn hái một cái lá. Mekksey đứng cách khoảng một nghìn bước sẽ có thể trông thấy và vẫy tay cho các bạn biết. Những người khác lại đi cách bờ khoảng một nghìn bước. Gergely cải trang thành đạo sỹ, Éva thành cô gái di gan, Jancsi làm một tay lái buôn Ba Tư, Matyi đóng một người bán bánh, Mekksey thủ vai anh hàng cá.

Éva ngồi xồm bên cạnh Matyi và ăn bánh.

Đến đúng giờ đã định, Mekksey đội thùng gỗ đựng cá lên đầu và đi về phía bờ vịnh.

Đã có dấu hiệu.

Jancsi tái mặt, những giọt lệ mừng vui tràn khóe mắt cậu. Còn mặt Gergely lại đỏ ửng lên. Họ bèn đi về phía bờ mỗi người cách nhau khoảng hai trăm bước.

Con thuyền đậu dưới bến. Gió vui vẻ cuốn lá cờ màu da cam bay phấp phật. Gã chủ thuyền, một người Hy Lạp còn trẻ, buôn hành, đang ngồi đếm

tiền bán hàng hôm đó ở chỗ bánh lái. Trên bờ là tên lính Thổ mặt cú đội tuyban vàng, đứng đực như phỗng. Sárközi ngồi sau lưng hắn đang rửa chân trong làn nước biển xanh lam.

– Họ đến rồi. Xin trời hãy phù hộ! – Jancsi nói và cố vượt Gergely, cả đôi chân của cậu cũng run rẩy.

Gergely ngoái lại nhìn, chàng thấy tên bãi đang thông thả đi đến với một ông già tóc bạc người Hung, có hai tên lính đội tuyban trắng cầm giáo theo sau.

Tên bãi quay lại nói gì đó với hai tên lính, chúng liền quay trở lại Bảy Tháp.

Jancsi vội vã bước về phía con thuyền, nhưng khi định vượt qua Gergely, chàng liền túm lấy áo choàng của cậu và bảo:

– Gỡm đã!

Tên bãi điềm tĩnh cùng tướng công Bálint đi xuống bến. Hai người đi qua bên cạnh người bán bánh mà không hề nhìn anh ta, cũng không nhìn cô gái di gan ngồi bên cạnh.

Tướng công Bálint có vẻ dờ dẩn, ngờ ngác, còn tên bãi thì vui vẻ trò chuyện huyên thuyên.

Hai người bước xuống bến. Tên lính Thổ mặt cú liền đứng nghiêm chào.

Trong nháy mắt đó tên bãi quay ngoắt lại, hắn rút gươm ra vẩy về phía sau rồi xông vào đánh ngã tên lính, nhanh như một con diều hâu vỗ mồi. Đồng thời khoảng độ năm chục tên lính từ các bụi cây và các nhà gần đó xông ra.

Trước tiên chúng trói gô tên lính Thổ mặt cú, rồi đến gã di gan. Sau đó

chúng nhảy lên thuyền bắt gã Hy Lạp trẻ tuổi. Chúng trói tất cả những người ở trên thuyền.

Cserhan vừa kêu vừa chạy đến, khóc lóc xin cho Sárközi. Chúng bắt luôn cả cô ta và trói tay lại.

Mặt trời vừa vặn khuất sau khu phố Cơ Đốc khi Gergely dừng lại bên cột trụ Konstantinope. Các bạn của chàng vừa thở vừa chạy theo chàng. Ai nấy bụi bặm đầy người, mặt mày tái mét.

Gergely lau mồ hôi trán rồi nhìn sang Jancsi.

– Thấy chưa, không nên hấp tấp trong bất cứ việc gì!

Họ trà trộn vào dòng người trên phố.

13

Khoảng giữa tháng bảy, bãi Veli cùng đoàn quân tình nguyện và năm mươi thợ đào đường ngầm đến cánh đồng Mohács.

Mỗi lần quân Thổ kéo đi Buda hay sang miền hữu ngạn sông Duna, cánh đồng Mohács luôn luôn là trạm nghỉ chính của chúng. Chúng thích nơi đó, chúng gọi đó là cánh đồng của vận đỏ. Bản thân xuntan Szulejman cũng thường dừng lại ở đó lâu nhất. Lần nào hãn cũng sai dựng trướng ở trên ngọn đồi mà hãn đã đứng trong cái ngày thắng trận đáng ghi nhớ đó.

Về chiều, khi đoàn quân mệt mỏi kéo đến đó thì trướng của tên bãi đã dựng xong. Trước tiên tên bãi xuống sông tắm, sau đó hãn sai mổ thịt gà thiến và khi mặt trời đã lặn, hãn ra ngồi ở trước cửa trướng.

Cánh đồng còn trắng những xương ngựa ngổ ngang. Bọn lính kê mâm gỗ lên những đầu ngựa để ăn tối. Chúng vui vẻ lắm.

Khoảng mười lăm tên aga vây quanh tên bãi và báo cáo tình hình trong ngày. Những tên đã nói xong ngồi xuống chiếu trước mặt tên bãi. Cánh sỹ quan vẫn có tục lệ cùng ăn tối với nhau ở Mohács, và ở đó ngay cả những tên đang có hiềm khích với nhau cũng giảng hòa.

Tối hôm đó có ngựa lưu tinh đến chỗ tên bãi. Chúng nó phi báo cho xuntan biết rằng Visegrád^(*) đã thuộc về tay quân Thổ. Chúng nó đã chiếm được thành không cần đánh mà chỉ bằng cách phá đường dẫn nước của quân trong thành, hãm cho họ khát. Quân trong thành chờ cứu viện của Ferdinánd, nhưng đó là một ông vua Hung chỉ phó mặc các thành trì cho

Thượng đế. Vì vậy tướng Amadé phải nộp chìa khóa thành. Ông ta chỉ giao hẹn xin được yên ổn kéo quân đi. Viên tổng trấn Buda đã thề sẽ không tàn sát họ. Thế nhưng quân lính của hắn có thề đâu. Khi quân Hung bỏ vũ khí lại trong thành và tay không kéo ra, quân Thổ liền xông vào họ chém giết không chừa một mống.

Thấy ngựa lưu tinh báo, bệ Veli nói với các aga:

– Vậy ta sẽ nghỉ lại đây hai ngày. Hôm nay đi ngủ thôi, ngày mai ta sẽ vui chơi. Ngày kia sẽ khởi hành đi Nógrád^(*).

Đó là thành mà chúng được lệnh phải đánh chiếm sau Visegrád.

Ngựa lưu tinh tiếp tục đường về Konstantinope. Đoàn quân của bệ Veli lăn ra ngủ.

Trưa hôm sau tên bệ chỉ ra một mệnh lệnh độc nhất cho các tùy tướng:

– Tối nay tất cả đến ăn cơm ở chỗ ta. Có rượu vang hảo hạng! Có ca công Ý biểu diễn.

Tên bệ là một kẻ vui tính, hắn thích chè chén. Và nói chung, một khi bọn Thổ đã bước vào đất Hung là lập tức chúng quên ngay lời răn cấm rượu vang của Tiên tri Mohamed.

– Một tên lính muốn nắm với ngài một điều bí mật, ngài có tiếp hắn không ạ? – Một aga hỏi hắn.

– Cho nó vào. – Tên bệ vui vẻ đáp.

Một tên xilida^(*) thấp lùn, mắt lăm lét, bước vào. Quần áo hắn rách rưới cũng như tất cả những đứa khác. Cái tuyban của hắn chẳng lớn hơn khăn tay của trẻ con mấy tí. Hắn nói:

– Kẻ nô lệ này của ngài có điều muốn bẩm về bọn Ý.

– Ta nghe đây.

– Đã từ lâu, năm tên đó có vẻ khả nghi đối với hạt bụi này của chân ngài. Điều nghi ngờ đầu tiên của con nổi dậy khi con thấy một tên Ý dùng giấy lau gương cho mấy đứa kia.

– Đồ con lừa. – Tên bêu đáp. – Mi phải biết đó là bọn man di. Chúng ta nhặt cất các mảnh giấy vì sợ trên một mảnh nào đó có tên của Allah, còn chúng nó là những con lợn sống không có Allah, đầu óc chúng tối tăm và thấp hèn hơn cả thú vật.

Tên xilida vẫn đứng không nhúc nhích.

– Điều nghi ngờ thứ hai của con thức dậy khi đến Sofia. Chắc ngài cũng nhớ, thưa quan lớn, rằng chúng ta đã gặp đoàn xe chiến lợi phẩm, trong đó có một chiếc bị đổ nghiêng bên đường.

– Ta có nhớ.

– Cái chuồng gà bị gãy và đàn gà chạy tứ tung. Một mục giả gọi mãi: *pôlachi – pôlachi!* Cả gà giò lẫn gà mái đều không nghe mục ta. Đó là mục đàn bà Hy Lạp. Một người Thổ muốn giúp mục ta bèn gọi: *gạc – gạc – gạc!* Đàn gà cũng chẳng chịu lại. Lúc đó một tên Ý trẻ có diện mạo như con gái bèn cầm lấy giỏ thóc trong tay tên Thổ kia và gọi: *pi – pi – pi! piche – piche – piche – pichikê! pichikê!* Nghe thế tất cả đàn gà đều chạy lại. Nó còn bắt lấy một con gà mái mà hôn.

– Vậy thì có gì lạ trong việc đó?

– Dạ thưa ngài, đàn gà ấy quen nghe tiếng Hung, như vậy kẻ gọi chúng cũng biết tiếng Hung.

Tên bêu ừ hừ:

– Nhờ tiếng Ý cũng pipi là gà thì sao? Mi có biết tiếng Ý không?

– Tiếng Ý ấy ạ? Không ạ.

– Thế thì đừng có nói, đồ lạc đà!

Tên xilida khúm núm nghiêng mình tiếp nhận cái danh hiệu lạc đà, rồi lại thân nhiên nói tiếp:

– Thế khi thằng Kereledzse đổi ngựa ở gần Belgrad? Nó đổi lấy ngựa của một nông dân và phải phụ thêm mười asper nữa. Nhưng con ngựa hung dữ đến nỗi chẳng ai cưỡi nổi. Lúc đó tên Ý vạm vỡ nhất bèn nhảy phóc lên như một con báo và quất nó phi như bay. Con ngựa thiếu chút nữa thì ngã khuyu. Một đứa ca công người Ý làm sao có thể biết cưỡi ngựa giỏi đến thế được ạ?

Tên bêu nhún vai:

– Có lẽ hồi bé nó đã đi chăn ngựa.

– Xin quan lớn cho con được nói tiếp.

– Cứ nói tiếp đi.

– Tôi qua một aga đến chỗ chúng ta, một người cao lớn nhất mà con từng thấy trong đời.

– Aga Manda.

– Đúng đấy ạ. Khi ngài đi qua chỗ bọn Ý, ngài dừng lại trước mặt cái tên cao cao và bảo nó: Ở này, người là Bornemissza! Tên kia giật mình đáp: Tôi không phải người ấy. Ngài aga lại bảo: Nhưng có Trời chứng giám cho ta, chính người là Bornemissza Gergely. Thế người không nhận được ta ư? Cái nhẵn đẹp của người có còn nữa không? Lời khuyên của người thế mà có ích đấy. Người thấy đấy, ta đã là aga rồi. Có điều tên ta không phải là Hajvan nữa mà là Manda. Tên đạn đã không phạm đến người ta.

– Tên Ý trả lời thế nào?

– Bẩm, nó trả lời: Tôi không biết ông nói chuyện gì, nhưng tôi biết là

có một người giống tôi. Làm sao ông biết tên người Hung ấy? Ngài aga bèn bảo: Ta gặp hăn ở Buda lúc người ta bắt Török Bálint. Hăn đi trong đoàn tùy tùng của ông ta. Tiếc thay người lại không phải là hăn. Người giống hăn quá đi mất. Không phải là hăn, người thiệt mất mười đồng tiền vàng đấy.

– Đấy, mi đã thấy hăn không phải là người Hung chưa, đồ voi to xác.

– Tuy vậy hăn vẫn là người Hung. – Tên xilida đáp lại vẻ đắc thắng. – Ngay tối qua con đã biết chắc không phải chỉ mình hăn mà cả bọn đều là người Hung. Lúc chúng nó bắc chảo để nấu bữa tối, một đứa nắm lấy cây độc cần và nhổ cả rễ lên để lấy chỗ nhóm lửa. Một cái sọ dừa cũng bật lên theo rễ cây. Cả năm đứa đều ngấm ngứa và bần nhau đó là sọ dừa Thổ hay sọ dừa Hung. Kẻ nô lệ này của ngài nằm giả vờ ngủ gần bên chỗ chúng nó. Kẻ nô lệ này của ngài hiểu tiếng Hung.

Tên bãi học lên như một con ngựa:

– Thế chúng nó nói tiếng Hung à? Bọn chó ấy nói những chuyện gì?

– Đứa trẻ tuổi người cao cao bảo: Chắc đây là người Hung vì bọn Thổ đã chôn cất tử sỹ của chúng. Lúc đó một đứa khác bèn ôm cái sọ dừa lên và nói: Bất kể người đã là ai lúc sinh thời, người đã chết vì Tổ quốc thì đối với ta người vẫn là thánh! Và nó hôn cái sọ dừa. Sau đó chúng nó lại lấp đất tử tế.

Tên bãi đập tay vào đốc kiếm:

– Cái bọn rợ Hung chó má! Nhưng sao mi không báo ngay cho ta biết hờ đồ hà mã?

– Bẩm lúc đó ngài đã ngủ rồi ạ.

– Gông cổ quân thám thính man trá ấy lại! Giải chúng nó vào đây cho

ta!

Tên xilida hớn hờ lao đi. Từ trên đồi, tên bãi cầu kính nhìn bọn xilida của hắn chạy đi lùnh khấp các trại.

Phải đến hai giờ sau tên xilida mới quay trở lại, mồ hôi nhỏ ròng ròng trên trán...

– Bấm quan lớn, bọn Ý...

– Chúng nó đâu?

– Bọn chó ấy tẩu thoát rồi ạ! Chúng tẩu thoát mất rồi!

PHẦN BỐN

HIỂM HỌA CỦA EGER

Nếu trên trời có một cuốn thiên thư ghi chép lịch sử của người Hung, về tám năm dưới đây người ta sẽ ghi như sau:

1545: Buda, Esztergom, Fejérvár, Szeged, Nógrád, Hatvan Veszprém, Pécs – hầu như tất cả giang sơn đã thuộc về quân Thổ.

1546: Quân Thổ chia nước Hung thành mười lăm đạo. Người Hung chỉ còn lại vùng Thượng địa^(*) và một vài tỉnh sát nách nước Áo.

1547: Không phải chỉ có quân Thổ mà cả quân Áo cũng lột da bóc thịt người Hung.

1548: Hai dòng đạo của Luther và Calvin được truyền bá khắp cả nước. Không chỉ quân Thổ và quân Áo mới là cừu địch, mà người Hung với người Hung cũng cừu địch lẫn nhau.

1549: Dưới chiêu bài thuế, quân Thổ vơ vét tất cả mọi thứ, kể cả trẻ con.

1550: Hai đạo quân Rumani và Thổ lên đường chinh phạt công quốc Erdély. Chỉ trong vòng mấy ngày, nhiếp chính György động viên được năm chục nghìn chiến sỹ. Họ đánh tan tác đạo quân Rumani. Quân Thổ cúp đuôi tháo chạy.

1551: Hoàng hậu Izabella rời khỏi Erdély. Nhiếp chính György bị bọn

thích khách ám sát.

Và năm 1552 tiếp đến.

1

Mặn vùng Sopron đã xanh sẫm và hướng dương đã nở, khi một buổi chiều hoe nắng và thoáng gió, phu nhân Éva ra đứng ngoài hiên một ngôi nhà trong thành phố. Nàng chọn trang phục trong số quần áo của chồng nàng cho một chàng trai nào đó sửa soạn đi ra nước ngoài.

Từ khi chúng ta chia tay với nàng đến nay, nàng đã đẩy ra, đã trở thành người thiếu phụ. Làn da trắng mịn trên khuôn mặt nàng vẫn còn lưu vẻ con gái, nhưng cái ánh tinh nghịch xưa kia đã không còn cười trong đôi mắt bồ câu dịu dàng. Gương mặt nàng giờ đây đầy vẻ đôn hậu và thông minh một cách điềm tĩnh.

– Đây, có hai cái áo đây, – nàng bảo người học sinh và trải ra bàn một cái áo đã hơi cũ bằng lụa Damaszt^(*) màu anh đào cùng một cái áo bằng vải lanh để mặc thường ngày. – Cái áo lụa Damaszt này đối với cậu còn hơi rộng đấy. Nhưng có thể vài tháng nữa cậu lớn ra là vừa.

– Xin cảm ơn, rất cảm ơn phu nhân tôn kính. – Người học sinh nói với một vẻ hơi thẹn thò và đỏ mặt lên vì vui thích.

– Tôi còn sửa cho cậu một vài chỗ. Nhưng từ giờ đến tối chẳng nào cậu vẫn còn nghỉ cơ mà. – Phu nhân nói rồi cầm cái áo vải lanh lên. – Cái này vừa vặn đây. Chồng tôi đã mặc cái áo này lúc anh ấy đến Buda. Hồi quân Thổ cướp thành Buda và chúng tôi dọn theo hoàng hậu đến Lippha ấy mà.

– Xin cảm ơn phu nhân, – người học sinh mừng rỡ nói. – Tôi sẽ mặc nó để đi đường. Thứ này không bắt bụi.

Người thiếu phụ thò tay lục tất cả các túi. Cái nào cũng rỗng tuếch. Tuy vậy trong lần lót áo nàng vẫn cảm thấy có cái gì cộm cộm. Cái túi bị thủng. Éva đưa ngón tay vào và tìm thấy trong lần lót áo một tờ giấy mỏng gấp lại thành nhiều lớp.

Nàng nhìn rồi mở ra. Thì ra là bản vẽ của một hình năm cạnh, trên đó chẳng chít những đường nét và những dấu chấm.

– Cậu Miklós ơi, cái gì thế này nhỉ? Một con rùa gì đây phải không?

Người học sinh cầm lấy hình vẽ. Lập tức cậu quay ngược lại, chăm chú nhìn rất lâu.

– Không phải rùa đâu, – cậu nói, – mặc dù nó có hình thù giống thế.

Ngay lúc đó một chú bé mắt đen, sáu tuổi từ trong phòng chạy vụt ra. Bên sườn chú đeo lưng lẳng một thanh kiếm nhỏ rất đẹp, cán mạ vàng. Lốp nhung bọc ngoài bao kiếm đã sờn.

– Mẹ ơi, – chú nói, – mẹ đã hứa mua cả kèn cơ mà, kèn mạ vàng ấy.

– Jancsika của mẹ, bây giờ đừng quấy mẹ. Chạy ra vườn mà chơi đi con, ra chỗ Luca ấy.

– Rồi mẹ mua kèn vàng chứ?

– Nhất định rồi.

Chú bé kẹp thanh gươm vào giữa hai chân, chạy nhong nhong xuống sân ra vườn.

– Rõ ràng đây là bản đồ của một tòa thành, mà lại là của thành Eger, – người học sinh nói, mắt vẫn không ngừng chăm chú nhìn tờ giấy.

– Cửa thành Eger à?

– Đúng thế. Phu nhân xem đây: con rùa này có một nét đôi bao xung quanh. Nét đôi này là tường thành. Đầu rùa và bốn chân của nó là năm

pháo đài nhô ra. Những hình tứ giác vẽ bằng nét mảnh bên trong nó là những ngôi nhà.

– Thế còn cái hình lưỡi liềm ở cạnh con rùa đây là cái gì?

– Thành ngoài đấy. Trong thành ngoài không có nhà cửa cũng như ở các thành ngoài khác, chỉ có hai pháo đài và trên đó là hai vọng lâu.

– Còn cái ngoặc màu đen nối từ giữa cái liềm tới con rùa này?

– Đây là cổng Tối.

– Tại sao lại tối?

– Vì nó ở ngầm dưới đất.

– Và cái này, bên cạnh cổng đây?

– Chuồng ngựa đấy ạ.

– Chuồng ngựa to thế này à?

– Ở đây cần phải có chuồng to, phu nhân tôn kính ạ. Vả lại chỗ đó chắc chắn hẳn còn có cả nhà xe và nhà ở của mã phu nữa. Người giữ chìa khóa cổng thành cũng ở đây.

– Thế còn cái chấm chấm bên cạnh cổng này?

– Cái này trước kia vốn là nhà thờ. Đó là cái nhà thờ mà Thánh vương István(*) đã xây dựng. Một nửa nhà thờ đã bị phá cách đây chưa lâu lắm: vừa chẵn mười năm nay.

– Tiếc quá nhỉ.

– Quả thực là đáng tiếc. Nhưng bởi vì người ta đào cái hào mới đi qua giữa nhà thờ và xây nên cái thành ngoài này. Cần thiết phải làm như vậy vì đó là mặt yếu của tòa thành.

– Làm sao cậu biết được điều đó hở cậu Miklós?

– Sao tôi lại chả biết. Tôi đã từng ăn học ở đó hai năm. Hồi đó tất cả

mọi người đều nói về chuyện này. Hồi đó cũng là lúc người ta đang xây cổng Tối.

– Nhưng ở mặt tây, bên cạnh con suối cũng có một cái cổng nữa đây này.

– Cả mặt nam đây cũng còn một cổng nữa. Thành này có ba cổng cả thảy.

– Thế còn những đường gạch đỏ này?

Người học sinh đọc những dòng ghi chú rồi lắc đầu:

– Đó là những con đường ngầm.

– Nhiều đường ngầm đến thế cơ à?

– Vâng, nhiều, nhưng không phải tất cả đều còn có thể đi lại được đâu.

– Và những hình tứ giác giống như những căn phòng này?

– Đó là những phòng xây ngầm dưới đất. Cái này là bể nước. Còn cái này là nghĩa địa.

– Nghĩa địa à? Giữa những đường ngầm à?

– Phải thế mới đúng, vì đây, chữ ghi trên con đường ngầm này đây: *đường xác*.

Người thiếu phụ rung mình, nàng bảo:

– Đem chôn người chết vào đây thì thật là quái gở.

– Chỉ cái hồi bị nạn dịch tả thôi. – Người học sinh trả lời. – Bây giờ tôi đã nhớ ra là tôi có được nghe nói về việc đó.

– Ồ, thế mà cậu chả đến sớm hơn ít nhất là hai tuần, cậu Miklós ạ.

– Vì sao vậy, thưa phu nhân?

– Nếu cậu đến sớm hơn, tôi đã tìm áo cho cậu sớm hơn. Nếu tôi tìm áo

sớm hơn, tôi đã tìm thấy bản đồ này sớm hơn. Chồng tôi vừa đi đến chính chỗ đó: đến Eger.

– Tôi nghe nói quân Thổ đang nhắm vào chỗ ấy.

– Thì chính vì vậy chồng tôi mới đến Eger. Giá cha tôi đừng có đi theo anh ấy thì hơn. Cậu thử nghĩ mà xem: Một ông lão bảy mươi tuổi, tay chân chắp bằng gỗ. Thế mà cứ nhất định đi theo chồng tôi đấy!

– Để chiến đấu à?

– Cả vì thế nữa đấy. Nhưng cũng còn vì một ông bạn cố tri: giáo sỹ Bálint. Một năm trước đây hai người bất hòa vì một câu chuyện gì đó. Lúc đó mẹ tôi đang còn sống cơ. Thế rồi giáo sỹ dọn đến Eger ở với Dobó. Vì thế nên lần này cha tôi đi để giảng hòa với giáo sỹ. Hai người vốn rất yêu thương nhau.

Trong khi kể câu chuyện đó, người thiếu phụ mở một cái hòm sơn xanh vẽ hoa và lấy ra một quyển sách nhỏ, quyển kinh thánh của nàng, cặp bản đồ của tòa thành vào đó. Rồi nàng nhìn ra vườn, nhìn đứa con trai đang chạy lăng xăng bên cạnh người đầy tớ tưới hoa.

– Thế nào rồi cũng có người ở Eger đến đây. – Nàng nói một cách dăm chiêu. – Pető Gáspár có ông anh ở đây. Ông ta là người của nhà vua. Ông ta đã gửi vào thành một xe thuốc súng với cả đạn, chả là vì em ông ta ở đó. Nếu có tin sứ ở Eger đến chỗ ông ta, tôi sẽ gửi cái bản đồ này cho chồng tôi.

Nàng cầm lấy kim chỉ và đặt cái áo lụa Damaszt vào lòng.

Họ đang tiếp tục câu chuyện thì ngoài cổng có một người mặc áo choàng màu xanh sẫm bước vào, và khi khép cánh cổng lại, người ấy cất tiếng chào một người nào đó.

– Thôi chả dám phiền bác nữa, – người ấy nói, – từ đây tôi đã có thể tìm được đến nơi.

Éva đứng lên. Nàng nghe giọng nói rất lạ và cả con người ấy nữa cũng vậy.

Muốn lên hiên phải bước lên ba bậc tam cấp. Đến chỗ đó người khách lạ ngừng đầu lên. Đó là một người lực lưỡng, nước da ngăm đen, chột mắt. Bộ ria để theo kiểu kỵ binh. Tay người ấy cầm một cây gậy giống như gậy của các ông xã trưởng thường dùng.

– Chào bà! – Người ấy chào chủ nhân. – Người ta bảo ngài trung úy Bornemissza Gergely tôn kính ở đây có phải không ạ?

– Đúng đấy, – người thiếu phụ trả lời, – nhưng anh ấy không có nhà.

– Thế ra ngài đã đi rồi ư?

– Đi rồi, đi Eger rồi.

– Ôi dào ời, rõ tiếc quá đi mất! – Người ấy lắc đầu. – Đáng lẽ tôi có câu chuyện phải nói với ngài... Nhưng có lẽ bà vợ của ngài cũng...

– Tôi là vợ anh ấy đây. Mời ông vào nhà đã.

Người ấy bước lên tam cấp, ngả mũ ra và nghiêng mình thi lễ rất cung kính.

– Tên tôi là Balogh Tamás, quý tộc ở Révfalu.

Bằng vào cách nghiêng mình của người ấy cũng có thể thấy được rằng ông ta không phải là kẻ quê mùa.

Với vẻ mặt hiền lành, người thiếu phụ kéo từ dưới bàn ra một cái ghế và giữa chừng, nàng giới thiệu người học sinh:

– Đây là học sinh Réz Miklós. Cậu ấy sửa soạn đi học ở nước ngoài đấy. Anh cậu ấy phục vụ trong quân đội nhà vua và quen biết chồng tôi, vì

thế cậu ấy đi qua đây bằng xe trạm và rẽ vào đây nghỉ lại.

– Cầu Trời phù hộ cho cậu, cậu em ạ. – Người chợt nói mà không hề chìa tay cho người học sinh.

Người ấy ngồi xuống và lại “ôi dào ơi”, rồi vừa vỗ tay lên đầu gối vừa nói:

– Tôi đến đây đi phiên chợ ngựa, và lẽ ra tôi có nhiều việc với ngài trung úy lắm. Trong số những việc đó, đáng lẽ tôi mang cả tiền đến cho ông nhà nữa.

– Tiền ư? – Éva ngạc nhiên hỏi.

– Người ta bảo ông nhà đang cần tiền, chả là ngài đi Eger nên có bán một ít đồ vàng, đồ bạc.

– Chúng tôi chả có bao nhiêu.

– Tôi rất thích các loại nhẫn. – Người ấy nói và đưa tay lên. Trên bàn tay trái của y lấp lánh mười cái nhẫn rất đẹp. Có thể cả bàn tay phải cũng đeo nhẫn nhưng nó bị cái găng da màu tro che kín mất.

Người ấy tiếp:

– Và tôi nghe nói ông nhà có một cái nhẫn tuyệt đẹp thì phải.

– Có đấy. – Người thiếu phụ mỉm cười đáp.

– Một cái nhẫn có nạm hình ông trăng.

– Và có sao.

– Mặt trăng bằng hoàng ngọc.

– Mấy ngôi sao bằng kim cương. Nhưng làm sao mà ông anh biết được điều đó?

– Tôi có thể xem cái nhẫn ấy được không ạ? – Người ấy hỏi. Và giọng của người ấy run lên.

– Không thể được. – Người thiếu phụ đáp. – Chồng tôi lúc nào cũng để trong túi. Nó là một cái nhẫn khước thế nào ấy. Trước kia nó vốn là của người Thổ.

Chú bé Jancsi đã lại lạch cạch ở ngoài sân. Phốc một cái chú nhảy lên bậc tam cấp và khi trông thấy người khách lạ, chú giương mắt nhìn với cái vẻ ngạc nhiên thường quen của con trẻ.

– Chào bác đi con. – Người thiếu phụ bảo.

– Con trai ngài trung úy đấy ư? – Người khách lạ hỏi. – Nhưng tôi hỏi gì thế nhỉ, thật cứ giống như đúc!

Người ấy kéo chú bé về phía mình và hôn chú.

Một đợt sóng cảm giác khó chịu tràn qua lòng bà mẹ. Ôi, trái tim người mẹ cảm nhận được ai là người thế nào khi người đó chạm vào con cái họ!

Nhưng đó chỉ là cảm giác thoáng qua, nàng quên ngay trong nháy mắt.

– Mẹ chưa mua kèn ư? – Chú bé hỏi.

– Tôi dạo qua chợ một cái đây. – Người học sinh nói. – Tôi dẫn cháu Jancsi đến chỗ người đánh xe của tôi và chỉ cho chú ta xem con ngựa non.

– Vâng, – người thiếu phụ đáp, – có một đồng dénár^(*) đây. Nhờ cậu mua kèn cho cháu. Nhưng cậu nhớ chú ý đến nó nhé, Miklós. Con nữa, Jancsi bé bỏng của mẹ ạ... Con nhớ bố đã dặn gì chứ!

Rồi nàng quay sang ông Tamás, buồn rầu mỉm cười:

– Anh ấy đã dặn đi dặn lại chúng tôi là phải chú ý cẩn thận đến thằng bé.

Chú bé vui thích nhảy như chơi chơi và đi theo người học sinh.

Bà mẹ còn gọi với theo họ:

– Cậu cháu nhớ đi gần nhà thờ ấy nhé, Miklós. Chúng tôi cũng ra ngay

bây giờ đây.

Trước đó nàng quả đã sửa soạn để đi ra chợ. Nàng muốn mua một vài thứ lặt vặt ở hàng của mấy thương nhân thành Vienna.

Ông Balogh Tamás lơ đễnh xoay xoay cái mũ rồi ngồi thờ người.

– Bác có biết tin gì về Szolnok^(*) không? – Người thiếu phụ đưa đôi mắt lo âu hỏi. – Quân Thổ không hạ nổi cái thành ấy đâu nhỉ?

– Tôi cũng nghĩ như vậy. – Balogh Tamás lơ đễnh trả lời.

– Khi từ biệt, chồng tôi cũng bảo rằng trong năm nay quân Thổ khó bề mà đến được thành Eger. Năm ngoái người ta đã củng cố thành Szolnok rất nhiều. Nó còn kiên cố hơn cả Eger.

– Kiên cố hơn nhiều.

– Và nếu nó có thất thủ đi chẳng nữa, toàn thể vùng Thượng địa sẽ bảo vệ Eger.

Balogh Tamás nhếch mép cười, và ngược lên hỏi:

– Ở nhà đây có bức chân dung nào của ngài trung úy không ạ?

– Có đấy. Một họa sỹ Đức vừa vẽ cho năm ngoái.

– Phu nhân tôn kính có thể cho tôi xem một chút được không ạ? Tôi đã được nghe đồn nhiều chuyện tốt đẹp về ông nhà, tôi ao ước được biết ngài.

– Thế bác chưa quen biết nhà tôi à? – Éva ngạc nhiên hỏi.

– Đã có một lần, nhưng lâu lắm rồi.

Người thiếu phụ đưa khách vào phòng. Căn phòng tối và đầy mùi oải hương, nhưng sau khi người thiếu phụ mở các cửa sổ thì có thể thấy đó là căn phòng khách. Sàn nhà trải những tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ, một cái đi văng lót da gấu đặt cạnh tường. Trước cửa sổ là cái bàn viết và một tủ sách với rất nhiều, có lẽ đến hàng trăm quyển sách bìa da. Trên tường treo nhiều

bức chân dung. Chân dung của ông lão Cecey vẽ từ hồi ông còn đội mũ sắt, da rám màu nắng gió. Bà Cecey nhìn hơi hiếng, đầu thắt dây nơ thêu kim tuyến. Rồi đến một bức tranh vẽ Jesus đã ngã vàng, lồng trong khung gỗ hồ đào; gương mặt tinh nghịch của một thiếu nữ giống phu nhân Bornemissza bây giờ và bên cạnh là chân dung chồng nàng, một người trai trẻ, khuôn mặt gầy và rám nắng, gần đen như dân di gan. Vẻ thông minh, vui tươi toát ra từ đôi mắt nhìn thẳng. Ria mép vê xoắn tít, bộ râu mới để viền quanh cằm, tóc xõa ngang vai.

Ông Tamás chăm chú nhìn bức chân dung và gật gù:

– Con người khôi ngô thật. Không hay ngài độ bao nhiêu tuổi?

– Hai mươi sáu tuổi rồi.

– Thế mà ông bà đã có con trai lớn ngần ấy.

– Chúng tôi lấy nhau đã tám năm rồi. – Người vợ trẻ mỉm cười trả lời. –

Khi cưới nhau chúng tôi vẫn còn trẻ con lắm.

Ông Tamás lại nhìn vào bức tranh.

– Ngài dũng sỹ cũng đã có lần đến Konstantinope có phải không ạ?

– Đúng đấy. Tôi cũng đi cùng anh ấy.

– Tôi có một bạn quen người Thổ, ông ta nói chuyện về ông nhà. Bêi Manda, một người hộ pháp, ngài dũng sỹ nhà ta đã có lần đối xử rất ân cần với ông ấy.

– Bêi Manda? Tôi không bao giờ nghe anh ấy nói đến cái tên này.

– Tất nhiên, – ông Tamás gật gù nói, – trước kia ông ấy tên là Hajvan.

Éva mỉm cười:

– Hajvan? Thế thì tất nhiên là chúng tôi có biết. Tôi cũng đã từng thấy ông ta.

Tamás lại ngược nhìn bức tranh một lần nữa và im lặng nhìn rất lâu, với đôi lông mày nhíu lại, dường như không bao giờ còn muốn quên khuôn mặt đó nữa. Ông ta gật gật đầu với bức tranh như muốn gửi lời chào rồi cúi đầu chào nữ chủ nhân và đi giật lùi ra cửa.

Người thiếu phụ lại thấy cái cảm giác khó chịu ban nãy truyền khắp cơ thể, y như khi ông Tamás chạm vào người con trai nàng. Tuy vậy nàng vẫn tiễn người khách ra đến tận tam cấp.

Người ấy lúc nào cũng đi bên phía tay phải nàng, đó là lẽ thói kẻ quê. Người ấy nghiêng mình chào, đó là bộ điệu quý tộc. Lại đi giật lùi qua cửa, cái đó là tập quán Thổ Nhĩ Kỳ.

Người thiếu phụ thấy bồn chồn không yên, nhưng lập tức nàng lại tự trách mình:

– Ta không nên nghĩ xấu về một người bất hạnh. – Nàng nói và ngồi xuống để tiếp tục chữa cái áo. – Ông ấy chột mắt cho nên ta nhìn thấy khó chịu mà thôi.

Để xua đuổi tâm trạng bồn chồn ra khỏi ý nghĩ, nàng cất tiếng hát. Nàng hát theo bài hát của người đầy tớ ngoài vườn và những ngón tay nhanh nhẹn của nàng thoăn thoắt đơm lại mấy cái cúc đã lỏng trên chiếc áo lụa Damaszt màu anh đào. Cái áo có một chỗ đã sờn thủng. Nàng bèn tìm chỉ lụa đỏ để mại lại.

Nhưng hình ảnh người khách cứ lớn vờn không chịu ra khỏi đầu nàng.

– Người này là ai nhỉ? – Nàng buông cái áo xuống đùi và tự hỏi.

Cái nhẵn, việc xem chân dung, việc nhắc đến Hajvan, cái cách đi giật lùi kiểu Thổ.

– Người này là ai?

Nàng ngẩng khuôn mặt đã biến sắc nhìn chăm chăm vào cánh cổng đã cài then và căng thẳng tất cả mọi sợi dây thần kinh não để mong nhận được câu trả lời. Nàng đã bắt đầu thấy cả cái mặt, cả giọng nói đều có vẻ quen quen, nhưng không biết là quen ở đâu. Cái nhăn quay cuồng trong óc nàng. Gergely có nói là mang đi, nhưng anh ấy cất trong cái áo gilê mặc thường ngày. Anh ấy có đem cái gilê ấy đi không nhỉ?

Nàng vội chạy đến tủ áo và lục tung tất cả quần áo ra. Cái gilê vẫn còn ở đấy. Nàng sờ ngay vào túi: có cái gì cứng cứng ở bên trong. Cái nhăn! Cái nhăn! Anh ấy cũng chẳng gói vào giấy nữa.

Và lúc đó, như một tia chớp vụt qua đám mây, một cái tên lóe lên trong óc nàng. Nàng đập tay lên trán:

– Jumurdzsák!

Người đầy tớ lúc đó từ ngoài vườn đi vào. Cô ta thấy bà chủ ngã ngửa người giữa đồng áo quần vất lộn xộn trước tủ áo, mặt tái nhợt, mắt quầng lên.

– Bà ơi!

Bà chủ không trả lời.

Người đầy tớ nhìn quanh, rồi chạy cả sang phòng bên cạnh, cô ta ngờ có chuyện ăn cướp vừa xảy ra.

Cuối cùng cô đầy tớ mới nghĩ đến chuyện vớ lấy chai dấm đưa cho chủ ngửi và xoa bóp cho chủ.

– Chồng ta đang gặp nguy hiểm. – Đó là lời nói đầu tiên của Éva. – Thằng bé đâu rồi? Đúng rồi, ta đã cho phép nó đi chơi. Mau đưa áo khoác đây cho ta, Luca! Ta đi tìm Jancsi!

– Nhưng bà đang ốm thế này, thưa bà...

– Ta không ốm. – Éva đáp, mặc dù người nàng tái nhợt như xác chết.

Rồi cứ mặc nguyên như thế, nàng đứng dậy và vội vã ra cổng. Cảm giác bị nguy hiểm đe dọa đã khiến gân cốt nàng cứng cáp. Nàng vừa đi vừa chạy, thẳng đến nhà thờ.

Phố xá nhộn nhịp người kẻ chợ đi lại. Xe cộ, bò sữa, những con lợn ỉn ở đầu dây và giữa đám súc vật là người các vùng quê chở nặng những chậu, những thùng. Cái ồn ào của chợ phiên, bụi, mùi hành...

Người đầy tớ đuổi kịp nàng ở trước nhà thờ và khoác áo lên vai chủ.

Bỗng người học sinh cũng hiện ra từ trong đám đông. Anh ta vừa chạy vừa chen lấn mọi người để đến chỗ nàng và kêu lên:

– Szolnok đã bị quân dị giáo chiếm mất rồi! Người ta đã thông báo trước nhà thờ. Bây giờ làm sao tôi còn có thể đi được nữa...

– Con tôi? – Éva quát hỏi. – Cậu bỏ nó ở đâu?

– Ông Tamás dẫn nó vào trong nhà thờ. Ông ấy bảo tôi về báo cho phu nhân biết tin trong khi ông ấy cầu nguyện. Ôi, Chúa tôi, Chúa tôi! Đất nước thế là mất hết! Nếu Szolnok cũng đã về tay quân Thổ thì Eger không thể nào đứng vững được.

– Thằng bé... thằng bé! – Éva hỗn hển kêu lên và lao lên bậc thềm nhà thờ, chạy xộc vào cửa chính qua giữa đám người đông đúc.

– Con tôi! Con tôi! – Nàng gào lên dù đã đứt cả hơi.

Trong nhà thờ mọi người đang đọc vang bài kinh cầu tế độ, những nông dân gốc Đức ở các làng lân cận lạnh lạnh hát lên bài kinh bằng tiếng Đức:

Christus, höre uns! Christus, erhöre uns! Herr erbarme Dich unser! (*)

Người thiếu phụ vừa gào khóc vừa băng qua giữa bọn họ như một người điên:

– Jancsi! Jancsi con ời!

Nhưng chú bé Jancsi không đáp lại từ dây ghế nào hết.

2

Ngày mồng năm tháng chín, Gergely chào vừng dương mới mọc trước thành Sirok. Mặt trời chiếu thẳng vào mắt chàng và mắt hai trăm rưỡi lính bộ của chàng. Và thực ra cũng không phải chàng chào mặt trời mà vì thấy một lũ đoàn khác đang tiến ngược lại nên chàng đưa tay lên vành mũ che mắt để nhìn cho rõ.

Chỉ một mình chàng cười ngửa trước đoàn quân, vì vậy chàng trông thấy trước nhất cái đội quân mang gươm, giáo, hàng ngũ lộn xộn kia.

– Cái quái gì thế này nhỉ? – Chàng lăm bắm một mình. – Thổ không phải Thổ; còn nếu là Hung thì không thể nào lại từ phía Eger mà đến được.

Một ý nghĩ run rẩy xuyên qua tim chàng: hay là Dobó đã bỏ Eger.

Bởi vì than ôi, cái ông vua Ferdinánd^(*) ấy lúc nào cũng chỉ tiếp viện bằng mồm. Vì thế mà năm nay Lippa, Temesvár đã mất. Còn Szolnok nữa, ai biết được nó có thể đứng vững nổi hay không? Dobó là một người thông minh, giỏi tính toán như thế, chắc chắn sẽ mau lẹ nhân hai với hai ra bốn mà biết được rằng một người Hung không thể nào đương nổi một trăm tên Thổ.

Dọc đường đến đây chàng chẳng thấy gì khác ngoài những thầy dòng, thầy tu, giáo sỹ ngất ngheo trên xe. Tất cả đều từ phía Eger đến! Và người nào cũng chất đầy quanh mình nào bao tải, nào những hòm xiềng to. Lúc đầu chàng còn chào hỏi họ, nhưng về sau chàng đã chán ngấy họ và chẳng thèm tránh đường cho họ nữa.

Vì thế chàng giật thót mình trong một thoáng, sợ Dobó đã bỏ thành Eger. Nhưng chỉ trong một thoáng thôi. Trong nháy mắt chàng đã vội xua đuổi ý nghĩ đó. Chú ấy không phải hạng người như thế! Trong đám người đang tiến lại kia có thể có bất cứ ai, nhưng quyết không có Dobó. Nếu đó là quân sỹ của Dobó chẳng nữa thì cũng không có Dobó đi cùng. Chú ấy sẽ một mình ở lại đó và thà chết một mình, nhưng có một điều lịch sử sẽ không thể viết về chú ấy, là chú ấy đã rời bỏ thành trì được giao phó.

Đoàn quân cuộc bộ ngược chiều với chàng không có cờ, hoặc nếu có thì cũng đã cuộn lại để trên một cái xe nào đó. Bọn họ có khoảng hai trăm người và vội vàng rào bước thành từng tốp nhỏ.

Gergely vội gọi Cecey. Ông lão cưỡi ngựa đi cuối đoàn quân và đang trò chuyện với một người lính già. Ông lão lúc nào cũng nói chuyện. Thấy con rể vậy, lão thúc ngựa chạy lên. Gergely bảo bố:

– Con đi lên trước một tí.

Chàng thúc cựa giầy vào hông ngựa và tể đến trước đoàn quân lạ. Chàng đưa mắt tìm viên chỉ huy, nhưng giữa bọn họ không có ai đội mũ cắm lông cả. Chàng bèn đứng lại trước mặt họ và giơ gươm lên ra hiệu cho họ dừng lại.

– Các người là lính ở Kassa đấy à?

Không một người nào trả lời. Họ bối rối nhìn chàng. Một vài người còn đỏ mặt lên.

– Các người từ đâu đến?

Cũng chẳng một ai đáp lại.

– Thế nào! – Gergely cúi tiết quát lên. – Chẳng lẽ chúng mày là quân lính của bọn giáo sỹ căm că hay sao đấy?

Cuối cùng một người vạm vỡ, cảm rộng ngừng đầu lên và cất tiếng nói:

– Thưa ngài trung úy, vâng, chúng tôi là dân Kassa và chúng tôi đến đây từ chỗ mà ngài trung úy tôn kính đang định đến đấy ạ.

– Từ Eger?

– Vâng ạ. Nhưng giá ngài trung úy cũng đừng nhọc xác đến đó nữa thì tốt hơn. Không đáng đâu ạ. Rồi ngài cũng đến phải quay trở lại thôi.

– Tại sao thế? Có chuyện gì thế?

– Chuyện gì ấy ạ? Thì chỉ có chuyện là con dê nào điên mới nhảy xổ vào mũi dao nhọn.

– Dao gì?

– Ngài đã biết thành Temesvár kết cục thế nào chưa ạ?

– Ta biết rồi.

– Ngài đã biết là chúng nó chém Losonczi và làm cỏ cả thành chưa ạ?

– Ta đã bảo là ta biết rồi.

– Thế ngài đã biết quân Thổ đông đến hai mươi vạn tên chưa ạ?

– Cái đó ta cũng biết rồi.

– Thế ngài có biết là ngài Dobó chưa có được đến một nghìn lính không ạ?

– Còn có thể thêm được ngàn ấy nữa.

– Thế ngài đã biết là thành Szolnok từ hôm kia đã thuộc về quân Thổ chưa ạ?

Gergely tái mặt.

– Bây giờ thì cả chuyện đó ta cũng đã biết. Ta còn biết thêm rằng giá các người mà ở đó thì nó còn thất thủ sớm hơn nữa cơ. Vậy các người cứ

cút về nhà đi. Và để các người khỏi ra về tay không, thì cho các người đây, cái này phần tất cả các người, đồ chuột chũi!

Chàng giáng cho người lính cầm rộng một cái tát mạnh đến nỗi hấn ngã dúi vào một đũa khác. Trong nháy mắt chàng đã tuốt kiếm ra và chắc chắn chàng sẽ chém xả vào giữa bọn họ nếu họ không nhảy tránh xuống vệ đường.

– Ta gửi lời chào Serédy György! – Chàng quát theo họ. – Ta chúc cho ông ta có được những tên lính khá hơn các người. Đồ chuột chũi!

Và chàng khạc nhổ về phía họ.

Bọn lính Kassa càu nhàu tản ra cánh đồng, Gergely chẳng thèm nhìn về phía họ nữa. Chàng lại lên đường, và con ngựa của chàng, qua sức ép của đôi cựa giày, nó cảm biết chủ nó đang run rẩy trong cơn giận dữ.

Còn may mà chàng gặp một đoàn di gan ở dọc đường. Chẳng hiểu có phải bọn lính Kassa đã lật nhào một cái xe của họ xuống rãnh bên đường hay tự nó lộn tùng phèo xuống đó, chỉ biết đám di gan đang hì hà hì hục khiêng nó lên.

Gergely ngoái nhìn phía sau xem đoàn quân của mình tụt lại có xa không, rồi để chờ họ, chàng dừng ngựa trước đoàn người di gan. Chàng nhìn họ để cho quên nỗi tức giận trong lòng.

– Ở này, – chàng đột nhiên kêu lên, – anh bạn Sárközi!

Nghe tiếng gọi hiền từ, một gã di gan tóc rối bù nhovn cười hớn hở và bỏ mũ ra. Gã hơi cúi người xuống mà tiến lại gần, giữa chừng cặp mắt láu lỉnh của gã không ngừng dò xét nét mặt Gergely.

– Thế anh không nhận ra ta ư?

– Sao lại không ạ, thưa đại nhân, con xin hôn tay, hôn chân ngài. Lập

tức con nhận ra ngài ngay ạ. Chỉ có cái là con không nhớ được tên của ngài là gì?

– A, rồi anh sẽ nhớ ra. Anh làm gì ở đây thế? Ta thấy anh tả tơi như một con bù nhìn giữ dưa ấy.

Gã di gan thực quả rách rưới quá. Trên người gã chỉ còn có cái áo trong với một cái quần da đã vá chằng chịt những mụn dạ hay có lẽ là một cái quần da vá đầy những mảnh da thì đúng hơn. Ống chân gã hở cả ra ngoài. Dưới chân gã chẳng có giày dép gì hết.

– Thế anh đã có ngựa chưa?

– Dạ, làm thế nào mà có được ạ, con xin hôn ống giày của ngài, làm sao mà có được ạ. Sẽ không bao giờ còn có nữa ạ!

– Hãy theo ta đến Eger, anh bạn ạ. Anh sẽ được phát cả ngựa nữa, nếu anh chịu phục vụ ở đây một tháng, và ngoài ra ta sẽ cho anh một cái quần đỏ, đẹp đến nỗi tất cả mọi gã di gan đều sẽ phát ốm lên vì ghen tị.

Gã di gan hơn ha hơn hờ, toét miệng cười. Gã nhìn vào bộ quần áo rách mướp của mình rồi lại ngược nhìn lên khuôn mặt con người vũ dũng và đưa tay gãi đầu.

– Đến Eger à? Ở đấy sẽ nóng^(*) lắm, thưa ngài.

– Anh đừng có sợ điều đó. Anh sẽ được làm việc dưới một pháo đài mát mẻ nhất. Ta sẽ bảo người ta trả công cho anh. Anh sẽ là người sửa chữa quân khí của ta.

Và chàng nói tiếp bằng tiếng Thổ.

– Allah isini raszt getirzün! (Cầu Thượng đế phù hộ cho công việc của anh!)

Gã di gan nhảy cẫng lên.

– Bornemissza Gergely, ngài trung úy vũ dũng của con! Trời ơi, con xin hôn cả chân ngựa của ngài nữa! Ôi, chẳng trách hồi đêm con mơ thấy chim sáo vàng.

– Nào, anh đã nhận được ra ta rồi chứ.

– Rồi ạ! Rồi ạ! Thế nào con chẳng nhận ra cơ chứ, con xin hôn cái bàn chân thân mến của ngài, con đã nhận ra ngay tức khắc, chỉ có điều con không biết là ai.

– Vậy anh đi với ta chứ?

– Đáng lẽ thì con đi đấy, trời ạ, chắc chắn là con đi đấy...

– Vậy ta đi!

– Chỉ giá mà cái bọn Thổ quỷ quái ấy nó đừng ở đó!

Và gã đã gãi đầu bằng cả hai tay.

– Nó đã có ở đấy đâu.

– Nhưng cái bọn cấu trệ ấy sẽ đến đấy! Nơi nào mà lính tráng đi đi về về thế này thì thời tiết chẳng lành đâu ạ.

– Ta cũng sẽ ở đấy. Sárközi ạ. Chừng nào còn trông thấy ta thì anh đừng sợ. Và lại, nếu ta có lâm vào thế bí, trong thành vẫn còn có đường ngầm đến tận Miskolc^(*).

Điều này Gergely chỉ nói bừa thế thôi, vì kể ra đường ngầm thì thành nào chả có. Nhưng về thành Eger thì chàng chả biết gì khác ngoài một điều là có Dobó làm đại úy trấn thủ ở đó và Mekcsey là đại úy phó trấn, hai con người mà vì họ chàng sẵn sàng đi đến tận cùng thế giới.

Chẳng hiểu việc nhắc đến con đường địa đạo đã tác động đến gã di gan, hay con ngựa, hay cái quần đỏ, hay là vì lòng yêu mến Gergely – chỉ biết gã còn gãi đầu một tí tẹo nữa rồi đồng ý:

– Nếu quả thực con sẽ được trả công, lại được cấp cả quân phục, cả giày ống da vàng có cựa, với lại một con ngựa tốt, dù nó có bị mù một mắt đi nữa cũng chẳng sao, thì con xin ưng thuận.

Lữ đoàn của Gergely lúc đó đã đến nơi, họ vừa cười vừa lắng nghe câu chuyện. Niềm vui càng rôm rả hơn khi Gergely chìa tay ra cho gã di gan để gã đập tay vào.

– Được rồi. – Gergely nói và thò tay vào túi. – Đây, đồng dénár này là để đặt cọc. Từ đây đến Eger anh có thể cười con ngựa dự bị của ta. Đến đó rồi khi nào có ngựa bị chốt, con đầu tiên sẽ là của anh.

Gã di gan vui vẻ nhảy lên mình ngựa và thúc gót chân trần vào sườn nó.

Đoàn di gan reo lên chúc gã may mắn. Gã cũng gọi to trở lại một câu gì đó bằng tiếng di gan rồi đẩy lệch mũ sang một bên và kiêu hãnh phóng ngựa bên cạnh Gergely với bộ ngực phanh trần.

– Ôi, Thượng đế đã phù trì cho công việc của con thịnh đạt quá!

...

Vài giờ sau, trên đường Bakta, giữa những dãy đồi và lùm cây, những ngọn tháp lợp ngói men xanh của thành Eger đã lấp lánh trước mắt họ, và trên những đỉnh tháp phấp phới những lá quốc kỳ và những lá cờ hai màu xanh đỏ của thành phố.

Một tòa thành nguy nga! Xung quanh là những đồi nho rực đỏ, rực vàng và những dải rừng. Xa xa phía sau sừng sững một ngọn núi xanh, cao gấp độ sáu lần núi Thánh Gellert^(*). Gergely nhắc mũ lên và quay về phía lữ đoàn:

– Hãy trông kia kìa, các cậu ơi! Bởi vì giờ đây Thượng đế nhân từ cũng đang tự trời cao trông xuống đó!

Rồi chàng thúc ngựa phi lên phía trước.

Gã di gan ngẫm nghĩ một lúc, không biết có nên ở lại vị trí đó, chỗ đầu đoàn quân, hay nên đi theo ngài trung úy của gã. Gã chợt thấy mình sẽ trở nên một thằng hề nếu lại dẫn đầu hàng quân, vì vậy gã lấy tay phát đen đét vào mông ngựa, hai gót chân thúc lấy thúc để vào bụng ngựa. Con ngựa nhảy lồng lên và tung gã di gan lên cao. Nhưng gã di gan đã lo tậu ngựa trong suốt cả cuộc đời không phải là vô ích, luôn luôn gã khéo léo rơi xuống đúng lưng ngựa.

Bụi nóng cuốn lên thành những đám mây mù mịt trên đường. Một đoàn người chạy loạn đã tung đám bụi đó lên. Phụ nữ, ông già bà cả và trẻ con, họ ngồi trên xe hoặc rảo bước bên cạnh những cỗ xe chất đầy đồ đạc và gà, vịt, ngan, ngỗng. Trên một vài xe còn có cả những chú bê con rống “bê, bê”, trên vài xe khác lại có những con lợn kêu ụt ịt.

Quân Thổ không ăn thịt lợn, nhưng ai biết được bao giờ họ mới trở lại làng quê! Một vài người dắt theo những con bò cái. Một cô bé đi ủng đỏ mang theo cả lồng chim sơn tước bên cạnh xe; một phụ nữ lại công cái nôi đất trồng hoa hồng trên lưng; cây hoa hồng đang nở đầy bông. Bao nhiêu là xe, thực là một cuộc tản cư lớn. Chắc chắn một phần trong bọn họ sẽ không bao giờ còn trở lại. Đặc biệt là những người ở trong thung lũng và giờ đây đang vượt qua cổng Cifra đi về vùng Felnémet: những bần cố nông và những người vợ góa – họ sẽ ở lại vùng Thượng địa, nơi vó ngựa Thổ chưa từng in dấu. Nhưng đặc biệt, Kassa mới là hướng chính của dân chạy loạn.

Song Gergely đã không để ý đến họ nữa. Chưa đầy mười lăm phút sau chàng đã cho ngựa tể vào cổng Bakta, tức là cổng phía tây của thành phố,

rồi, thỉnh thoảng mới ngược mắt nhìn lên, chàng phi qua chợ và rẽ lên cổng thành.

Bức tường chỗ đó trắng toát, mới đến mức hầu như còn hăng mùi vôi nữa.

Cái cầu treo đã buông sẵn xuống. Gergely vút vào thành như một cánh chim và phi ngược lên giữa những cây cổ thụ, chàng đưa mắt tìm ngài đại úy.

Dobó đứng trên quảng trường trong thành, trong bộ quần áo nhung màu tím, lưng đeo gươm, chân dận ủng đỏ, cái mũ nhung cắm lông đại bàng cầm trong tay. Cạnh ông có một võ đồng tóc vàng hoe đang ôm trong cánh tay hai lá cờ: một lá quốc kỳ và một lá màu xanh đỏ. Ông giáo sỹ già Bálint đứng phía bên kia Dobó, trong áo cánh trắng tinh, cổ quàng khăn lễ, mặc áo thụng đen. Tay ông cầm một cái tượng chịu nạn^(*) bằng bạc. Với bộ râu dài đã bạc trắng, trông ông như một nhân vật tiên tri trong kinh Cựu Ước.

Họ vừa làm xong lễ tuyên thệ cho quân sỹ. Dobó nói với quân sỹ mấy câu gì đó rồi đội mũ lên và quay về phía con tuần mã đang dòn dập phi đến.

Gergely nhảy xuống ngựa và với cặp mắt long lanh, chàng tuốt kiếm giờ lên chào:

– Báo cáo, thưa ngài đại úy vũ dũng, tôi đã đến.

Dobó đứng ngẩn ra nhìn. Ông đưa tay vuốt bộ râu xám viền quanh cằm, bộ ria mép dài rung rinh, rồi lại ngẩn ra nhìn.

– Thưa đại úy, ngài không nhận ra có phải không ạ? Đã tám năm nay chúng ta không gặp nhau. Tôi là tên lính trung thành nhất của ngài: Bornemissza Gergely.

– Gergely hiền tử! – Dobó kêu lên và dang rộng hai tay. – Hãy ngả đầu vào lòng ta, con ơi! Ta đã biết là anh không bỏ ta!

Và ông ôm chầm lấy chàng tráng sỹ mà hôn.

– Thế nhưng anh chỉ đến một mình thôi ư?

Đúng lúc đó con ngựa của Sárközi nhảy cồm vào, vừa nhảy vừa tung gã di gan chân đất, rách rưới lên cao đến hàng nửa cánh tay.

Quân sỹ cười vang.

Dobó cũng mỉm cười:

– Chẳng có lẽ đây lại là đội quân của anh?

– Đâu có. – Gergely vừa cười vừa đáp. – Đây chỉ là gã di gan chữa súng của tôi. Tôi đưa anh ta đến đây có lẽ cũng tốt chứ ạ?

– Ở đây mỗi người đều quý như vàng. – Dobó đáp và rút tay ra khỏi gã di gan để gã khỏi hôn.

Nhưng không thể thoát được gã di gan, gã sụp xuống hôn lên ống gậy của đại úy.

– Thế các anh đến bao nhiêu người tất cả? – Dobó sốt ruột hỏi.

– Không nhiều đâu ạ. – Gergely xấu hổ trả lời. – Người ta chỉ giao cho tôi có hai trăm rưỡi bộ binh tất cả.

Mắt Dobó sáng ngời lên.

– Hai trăm rưỡi ư? Con ơi, giá như tất cả mỗi nơi đều giúp ta được ngần ấy chiến sỹ thì ta sẽ tiếp đón bọn Thổ ngay trên cánh đồng Maklár kia đấy.

– Thế viện binh không đến ư?

Thay câu trả lời. Dobó khoát tay vào không khí, rồi ông quay sang phía các sỹ quan đứng vây xung quanh giới thiệu Gergely với họ. Từ phía quân đội hoàng gia đã có Zoltay đến đó, người mà Gergely đã làm quen ở Buda

mười một năm về trước. Bây giờ tóc anh ta cũng vẫn vàng hoe và anh vẫn dong dỏng cao, vẫn vui nhộn như trước, và anh vẫn chưa để râu, nghĩa là vẫn chưa vợ.

Ở đó còn có Pető Gáspár, một người tầm vóc nhỏ nhắn, có đôi tay rất nhanh nhẹn, cũng từ chỗ quân đội hoàng gia đến đây với tước hiệu đại nhân. Đứng cạnh Pető là một chàng trai trẻ có khuôn mặt dài và đôi mắt xanh, chàng ta cũng xiết tay Gergely một cách nồng nhiệt:

– Tôi là Fügedi János, trung úy của giáo khu.

Gergely nhìn anh ta:

– Trông cậu quen quá, cậu em thân mến ạ!

Anh ta nhún vai, mỉm cười:

– Tôi không nhớ.

– Không phải cậu đã cho tôi một miếng tai bò ở Gyalu hay sao?

– Tai bò ư?

– Chứ còn gì nữa. Cái lúc mà đáng lẽ đã là đám cưới Fürjes ấy, ở đằng sau chỗ sân nhà bếp.

– Có thể, bởi vì quả thực ở đó tôi đã phân phát cho các võ đồng đủ mọi thứ.

– Tôi hy vọng rằng ngày nay tôi sẽ có dịp đền đáp lại.

– Đền đáp thế nào?

– Để trả nợ miếng tai bò ngày ấy, cậu sẽ được tặng một cái tai basa.

Rồi Gergely quay sang hỏi Pető:

– Còn cậu cố sao mà tiu nghỉu thế?

– Làm sao tôi không buồn cho được khi hai chục kỵ binh của tôi đã lĩnh mất ở dọc đường. Chà, chúng nó cứ thử gặp phải tôi một lần nữa!...

– Cậu đừng ân hận làm gì. – Dobó nói và khoát tay. – Cửa mở đấy, kẻ nào lo cho cái mạng của hần thì cứ việc mà đi đi. Ta quả thực không cần đến những loại thần lẩn lên mặt lũy!

Chỉ đến lúc này Gergely mới trông thấy giáo sỹ Bálint. Đã một năm nay rồi chàng chưa gặp. Chàng ôm hôn ông lão.

– Thế cha đáng kính của con không đi cùng các giáo sỹ khác ư?

– Thì cũng phải có một người nào đó ở lại đây chứ. – Ông lão ồm ồm nói. – Cecey làm gì?

– Thầy con cũng đến đấy! – Gergely đáp, gần như kêu lên. – Bọn trẻ thì bỏ trốn đi, còn các ông lão lại mang gươm đến. Rồi các bạn sẽ thấy ông bố già tay gổ của tôi múa gươm như thế nào!

Từ trong bóng râm của nhà thờ, một người thấp bé, cổ ngắn tịt bước ra. Thanh gươm bản rộng bằng cả bàn tay đập lách cách vào ống giày ủng. Người ấy cùng đến với một ông lão có dáng đi nhanh nhẹn; từ xa đã vẫy và cười với Gergely.

Đó là Mekksey.

Từ khi chia tay với Gergely đến giờ, anh đã để râu và lại càng giống một chú bò tốt hơn. Mặt đất dường như rung chuyển dưới bước chân anh.

– Ra anh đã cưới vợ rồi ư? – Gergely hỏi sau khi đã ôm choàng lấy nhau đến lượt thứ ba.

– Chứ gì nữa! – Mekksey đáp. – Tớ đã có cả một cô bé Sárika nữa rồi.

– Anh lấy ai đấy?

– Nàng tiên có đôi mắt xanh nhất trời.

– Ai thế?

– Szúnyog Eszter.

- Muôn năm! Thế còn thanh gươm đầu răn tuyệt đẹp của anh đâu rồi?
- Vẫn còn, nhưng ngày thường tớ chả mài mòn nó làm gì.
- Bây giờ chị ấy và cháu gái ở đâu?
- Tớ đã gửi họ tới thành Budetin cho đến khi nào ta chưa đánh chết bọn Thổ.

Anh nhìn sang Dobó rồi lại tiếp:

- Tớ đã có bảo với ông già là ta đừng gửi vợ con ta đi, nhưng ông ấy lo lắng cho bà Sára của ông ấy như lo cho một đứa trẻ, thế là chúng tớ gửi họ đi. Chỉ với bọn Thổ chúng ta cũng đủ bận rộn rồi.

Tiếng báo cáo của người quản lý cắt đứt câu chuyện của họ. Ông lão mở ra một tờ trình trước mặt Dobó và đưa ra xa cặp kính rồi đọc:

- Vậy có: cừu 8050; bò đực, bò cái, bò con, tóm lại là bò thịt: 486; lúa mì, lúa mạch và bột tổng cộng: 11671 hộc^(*); đại mạch và kiều mạch: 1540 bó.

Dobó lắc đầu:

- Sẽ ít đấy, bác Sukán ạ.
- Thừa đại úy, riêng tôi cũng đã nghĩ như vậy.
- Nếu bọn Thổ hãm ta ở đây vào mùa đông, ta sẽ lấy gì cho ngựa?

Ông lão nhún vai:

- Thừa đại úy, thế thì đến phải cho ngựa ăn bánh xipô, cũng như cho quân sỹ vậy thôi ạ.
- Rượu vang có bao nhiêu?
- 2215 thùng.
- Khoản ấy rồi cũng thiếu đấy.

– Nhưng ít nhất còn được rượu cũ. Năm nay chó ăn mất mùa nho rồi. Bia cũng còn một vài thùng bông.

– Lợn?

– 139 lợn sống. Thịt ướp 215 lườn.

Đáng lẽ Bornemissza còn quan tâm nghe tiếp bản báo cáo đó, nhưng chàng sức nhớ đến lữ đoàn của mình. Chàng lại lên ngựa và chạy ra cổng để dẫn họ vào.

Chàng dẫn đoàn quân vào giới thiệu với chủ tướng. Dobó bắt tay người lính cầm cờ rồi giao cho Mekcsey làm lễ tuyên thệ cho họ và chỉ chỗ ở cho họ, cũng như sai dọn bữa sáng cho họ. Ông bảo Gergely:

– Anh cũng vào nhà ta đi. Cái nhà gác màu vàng đằng kia kia. Ăn lấy một chút gì nhé.

Gergely đi, nhưng dù sao tòa thành vẫn khiến chàng quan tâm hơn, chàng bèn cho ngựa tể quanh một vòng.

– Tòa thành đẹp tuyệt! – Chàng kêu lên khi trở lại chỗ Dobó. – Nếu mai sau có bao giờ tôi trở thành quan trấn thủ, xin Thượng đế hãy cho tôi được lập nghiệp ở đây.

– Anh còn chưa thấy gì hết! – Dobó nói. – Theo ta, ta sẽ chỉ cho anh.

Thấy Bornemissza xuống ngựa, ông vẫy người võ đồng tóc vàng hoe:

– Kristóf, hãy dắt ngựa theo chúng ta.

Ông khoác tay Gergely và dẫn đến cổng thành phía nam.

– Anh thấy đấy, – ông dừng lại nói, – để anh có thể mau chóng định được phương hướng, anh hãy hình dung một con rùa lớn nằm ngoảnh đầu về nam. Đây, chỗ ta đang đứng đây là đầu của nó. Bốn chân và cái đuôi của nó là những pháo đài. Hai bên sườn nó là hai cổng đường bộ.

Giữa chừng ông hỏi vọng lên tháp canh trên cổng:

– Các người có canh trên ấy không đấy?

Người lính gác thò người ra ngoài cửa sổ tháp canh và đẩy cái tù và lung lẳng bên sườn ra sau lưng:

– Thừa đại úy, chúng con cả hai người cùng canh đây ạ.

– Ta đi lên đây. – Dobó nói. – Nay hoặc mai quân Thổ sẽ đến từ hướng này đây, vậy anh cũng quan sát kỹ chỗ này đi.

Ông đưa tay ra muốn nhường Gergely đi trước, nhưng chàng lùi lại.

– Thừa đại úy, tôi đã phát thệ nhập thành rồi.

Điều đó có nghĩa: tôi không phải là khách nữa.

Dobó đành đi lên trước.

Có bốn người lính gác ngồi trong tháp canh, họ đứng dậy chào.

– Các người hãy làm quen với ngài thượng úy^(*) Bornemissza Gergely.

– Dobó bảo họ. Nghe vậy mấy người gác lại chào một lần nữa. Gergely cũng lại đưa tay lên vành mũ.

Từ bao lơn của tháp canh có thể thấy hai làng nhỏ với một cái cối xay gió ở hướng nam, gần trước thành, xa hơn là cánh đồng xanh màu lá mạ nằm giữa hai dải đồi chân rết.

– Vùng Hạ châu bắt đầu từ đó. – Dobó giảng giải thế đất.

– Còn hai cái làng nhỏ này?

– Cái ở phía bên này là Almagyar, cái bên kia là Tihamér.

– Con suối này là suối gì ạ?

– Suối Eger.

– Những bức tường quanh cổng đây chắc là mới xây cả?

- Mới. Ta vừa cho xây đấy.
 - Cao lắm. Chỉ họa hoằn quân Thổ mới thử sức ở đây.
 - Thì bởi thế ta mới cho xây. Vì phía bên trái, như anh thấy đấy, đại bác sẽ bảo vệ cái cổng này bằng những lỗ châu mai từ trên chĩa xuống.
 - Ở thành nào người ta cũng trợ chiến từ phía bên trái: trong tay phải của kẻ xông tới không có lá chắn.
 - Ở đây dù có muốn yểm hộ từ phía tay phải cũng chẳng được. Như anh thấy đấy, ở đây dòng suối chảy ven thành phía tây. Ta đã cho đóng các cổng ở chỗ cỗi xay đằng kia để chúng ta có đủ nước dùng.
- Và họ đi sang mạn thành phía tây, phía nhìn xuống thành phố.
- Tường cao đến chóng cả mặt. Cái này có đến mười sải chứ không ít.
 - Có lẽ còn hơn ấy chứ. Bên phía này quả thực quân Thổ sẽ không thử sức làm gì đâu. Bên ngoài là đá, bên trong là đất. Nhưng bây giờ ta lên ngựa đi. Bên phía này họa hoằn ta mới bị nguy với quân Thổ.

Họ lên ngựa và lại tiếp tục đi.

Dưới kia thành phố yên ắng và vắng tanh. Nhà thờ xứ và tòa giám mục cao vượt hẳn lên giữa những nhà cửa khác. Ở sườn núi phía bên kia thành phố, về hướng mặt trời lặn, là nhà thờ Thánh Miklós của những giáo sỹ dòng Augustinus. Một dãy núi vững chãi, đỉnh cao đều đặn, bao lấy thành phố về phía tây, cao vượt lên ngoài xa nữa là những đỉnh nhọn của dãy Mátra màu xanh thẫm.

Ở phía tây cũng có hai pháo đài và ở giữa là một cổng nhỏ kiên cố. Những người lính đang dắt ngựa ra suối. Bên kia suối, trên bãi chợ của thành phố, một vài người đang đứng quanh một đàn lợn.

- Họ vẫn còn ở đây ư? – Gergely ngạc nhiên hỏi.

– Vẫn còn. – Dobó đáp. – Mặc dù ngày nào ta cũng nhả xuống bảo họ cuốn gói ngay đi. Tất cả bọn họ đều muốn bán lợn, bán bò xong đã.

Bên trong cổng thành, một trung úy người gầy, khuôn mặt rộng, đang luyện tập cho khoảng năm chục chiến sỹ. Bọn họ dùng gươm, đầu đội mũ sắt đã han gỉ có lưới che mặt, vai mang giáp sắt. Hai người đứng ở giữa vòng. Người trung úy quát:

– Thu về! Thu về! Con lừa, ta đã bảo chém xong phải thu ngay gươm về cơ mà!

Người học trò có vẻ chưa bao giờ ra lính. Đó là một chàng nông dân bé nhỏ nhưng có đôi cánh tay rất lực lưỡng và sở dĩ Dobó phân vào toán lính Kassa là chỉ vì nếu để cái sức trẻ ấy bên súng đại bác thì phí đi mất.

– Người trung úy này là ai vậy? – Gergely hỏi.

– Hegedűs, trung úy chỉ huy toán lính Kassa. Một con người rắn rỏi. – Dobó trả lời và nói chỗ xuống chỗ toán lính:

– Nếu các người có gì chưa hiểu thì cứ mạnh dạn mà hỏi ngài trung úy.

Chàng trai nghe vậy bèn hạ gươm xuống và nhìn lên Dobó:

– Thưa ngài đại úy, con không hiểu được tại sao con lại phải vội thu gươm về?

– Ngài trung úy sẽ bảo cho người biết.

– Đồ con tởu. – Người trung úy cáu tiết nói. – Như vậy là để lấy gươm mà che mình, đồng thời lại sẵn sàng để chém nhát sau.

– Nhưng thưa ngài trung úy, – gã trai trẻ nhổ một bãi nước bọt sang bên và nói, – đứa nào đã bị con chém thì không chém lại con nữa đâu ạ!

Dobó búng vào con ngựa một cái và mỉm cười.

– Dân Eger có khác. Ăn nói được đấy.

Họ tể ngựa dọc chân thành lên phía bắc. Ở đó có hai lâu đài. Cái nhỏ trang trí đẹp hơn, có cửa sổ lồng kính. Cái lớn là một loại nhà trông như kho giống của các lãnh chúa lớn, gọi là tu viện. Ở thời Dobó nó đã từng là nhà của hội đồng linh mục trong thành, về sau là chỗ ở của các sỹ quan, chỉ có cửa sổ bằng bong bóng bò. Đằng sau lâu đài nhỏ có vườn hoa với dãy hàng rào sơn xanh. Trong vườn có ghế ngồi và một giàn nho. Một con bướm cuối mùa chập chờn lượn trên những đóa hoa hồng mùa thu.

Thấy Gergely mê mãi ngắm những bông hồng. Dobó cũng nhìn vào đó:

– Vợ ta trồng bao nhiêu là hoa như thế này kể đã uống công.

– Phu nhân hiện nay ở đâu ạ?

– Ta đã gửi về nhà, chỗ anh em của ta. Mắt đàn bà làm yếu người ta.

Họ đi qua vườn đến góc thành phía tây. Ở đây tường cũng cao đến phát ngợp. Dưới chân tường là phần đồi nhô ra. Nó đã bị bạt đi thành một cái vách dựng đứng xuống tận nền đất của thành phố.

– Đây, nhìn xem. – Dobó bảo. – Đây là pháo đài Đất. Cái này chỉ cốt để che cho góc này khỏi bị bắn và để yểm hộ cho cái pháo đài đằng kia kia. Cái đó là pháo đài Nhà Ngục.

Và ông chỉ sang cái pháo đài mọc cao trên lưng tòa thành, chỗ đuôi rùa.

Từ đó một phong cảnh mỹ lệ lại mở ra về phía thành phố và về phía thung lũng bạch dương chạy dài theo bờ suối về phương bắc. Cuối thung lũng có một làng cây cối um tùm rất đẹp: Felnémet, một làng lớn. Bên kia làng, cái thung lũng rộng đã bị những quả núi có rừng chặn nghẽn tất cả mọi lối.

Nhưng Gergely chẳng ngắm phong cảnh lâu lắm. Cái sống lưng của tòa thành đã kêu gọi sự chú ý của chàng. Ở đó có những quả đồi cao nhô lên

phía sau thành và chỉ mỗi một cái hào sâu ngăn cách những quả đồi đó với chân thành.

– Ta có thể chờ đợi cuộc tấn công từ phía này đây. – Chàng vừa quan sát những quả đồi vừa nói.

– Đúng thế. – Dobó đáp. – Nhưng tường thành ở đây cũng kiên cố nhất, và bốn trong số những khẩu đại bác lớn nhất sẽ phục vụ ở hướng này.

Ông xuống ngựa chỗ pháo đài Nhà Ngục và trao cương cho võ đồng Kristóf:

– Con có thể dắt nó vào tàu.

Họ đi lên pháo đài Nhà Ngục, chỗ một khẩu đại pháo, bốn súng cối và chừng hai chục tu pháo^(*) đang ngáp dài về phía những quả đồi.

Bên cạnh những cỗ pháo, một pháo thủ người Đức có mái tóc xoắn vàng hoe đang huấn luyện cho những nông dân. Đám nông dân rất chăm chú lắng nghe người pháo thủ nhưng gã ta cứ nói ngọng lẫn lộn giữa rượu vang và thuốc súng^(*). Cuối cùng phải giải thích cho đám nông dân biết khi nào pháo thủ József yêu cầu “rượu vang” thì phải mở bao thuốc súng cho ông ta, còn khi nào ông ta yêu cầu “thuốc súng” thì đưa rượu vang đến.

Trong thành có năm pháo thủ Đức như vậy, Dobó đã chiêu mộ họ từ Vienna về. Ngoài họ ra không còn người ngoại quốc nào trong thành nữa.

– Anh hãy xem khẩu đại bác tuyệt trần này. – Dobó vừa nói vừa vuốt tay lên khẩu pháo. – Tên nó là Cóc Tía. Hễ nó gầm lên quân Thổ sẽ được thấy mưa!

Khẩu pháo đúc bằng đồng đen, được đánh bóng nhoáng. Cùng với cái giá bằng gỗ sồi vững chãi, đánh đai thép, quả thực nó chẳng khác gì một con cóc đang ngồi chồm chồm.

Họ tiếp tục đi dạo về phía đông, chỗ một pháo đài kiên cố đứng nhô ra ở góc thành. Đó là cái chân sau bên trái của con rùa.

– Cái này là pháo đài Sándor. – Dobó bảo.

Gergely đứng ngẩn ra nhìn.

Bắt đầu từ chỗ pháo đài này, ở đoạn thành phía đông có một cái tường quai vạc cao và kiên cố, giống hình một cái liềm gãy gập làm ba khúc, cũng lại giống một nửa hình lục lăng bao lấy phía đông thành. Trong ngoài đều có hào sâu đến mười – mười hai sải. Chỉ ở khúc giữa mới có một con đường hẹp chạy qua để quân lính có thể đi lên mặt thành.



– Đây là thành ngoài. – Dobó nói. – Anh có thể thấy ngay ở cạnh nó về phía đông có một quả đồi mọc cao như núi. Đó là đồi Ghế Vua. Sở dĩ người ta đặt tên cho nó như vậy là vì ngày trước Thánh vương István đã ngồi ở đó, trước cửa trường, để xem việc xây dựng nhà thờ. Cái đồi này đã phải xẻ làm đôi ngay dưới chỗ ta đứng đây.

– Tôi hiểu rồi. – Gergely đáp. – Người nào đã làm việc đó rất thông minh.

– Perényi đã làm việc đó mười năm về trước. Ở đầu đằng kia cũng có một pháo đài nữa, đó là pháo đài Bebek. Còn cái tháp ở chỗ góc kia là để có thể nhìn thấu địch tình và bắn vào quân địch suốt đến chỗ cổng và đến tận đây.

Bức tường ở đó, cũng như ở khắp xung quanh, được nối cao thêm bởi những công sự che ngực đắp bằng bồi và đất bùn cao hàng sải. Đồi nơi bùn

vẫn còn ướt. Tầng công sự che ngực đó cần thiết để quân địch từ ngoài không thể nhòm ngó vào thành được và không thể thấy những người giữ thành đi lại trên mặt lũy.

– Bây giờ ta đi đến chỗ pháo đài Nhà Thờ. – Dobó nói và lại khoác lấy tay Gergely.

Từ pháo đài Sándor họ chỉ cần đi có vài bước và một tòa nhà đặc biệt đã đứng sừng sững trước mặt Gergely. Đó là phần nửa của một cái nhà thờ đồ sộ. Hai cái tháp phía sau của nó vẫn còn (trước kia có bốn tháp). Trên cánh cửa đầy những hình khắc gỗ, phía trên cửa là những bông hoa đá khổng lồ, những thiên thần tạc bằng đá mặt mũi sứt sẹo. Nhưng đây là loại nhà thờ gì mà đất lại chất đầy bên trong thay cho các tín đồ; những khẩu pháo chễm chệ trên tháp thay chuông, và thay cho tiếng đại phong cầm là tiếng gầm của đại bác sẽ vọng ra: tiếng đại phong cầm của chết chóc.

Dọc tường bên phải và bên trái của nhà thờ đều đắp đất cao như sườn đồi. Trên đồi có dê gặm cỏ. Bên sườn có lối vào hình cửa tò vò. Những phiến đá ở khung cửa đen thui đen thui.

– Có lẽ ta cất thuốc súng ở đây chẳng? – Gergely hỏi.

– Đúng đấy. Anh hãy lại mà nhìn xem bao nhiêu sức lực đã tích tụ ở đây!

– Cái này trước là phòng cất đồ thánh đây.

– Phải. Một chỗ khô ráo rất tốt đối với thuốc súng.

– Nhưng phá hoại cái nhà thờ này như thế thật là một tội lớn.

– Ta cũng tiếc lắm, nhưng chẳng thà làm như thế này còn hơn để quân địch kéo vào làm lễ suy tôn Allah ở trong đó.

Họ bước vào. Cái phòng trông giống một cái hầm rượu hơn là một cái

phòng để đồ thánh: đầy ắp những cái thùng đen.

– Có bao nhiêu tất cả? – Gergely ngẩn ngơ hỏi.

– Nhiều đấy. – Dobó đáp. – Hơn hai trăm thùng. Ta chứa ở đây tất cả thuốc súng của ta.

– Vào một chỗ ư? Nhỡ nó nổ thì sao?

– Chuyện đó không thể xảy ra được. Trước cửa có lính gác. Ngoài ta ra không ai có khóa cửa nữa. Không ai được phép vào đây ngoài Mekcsey và ông lão Sukán. Từ đầu hôm đến sáng ta không giao chìa khóa cho bất cứ một ai.

Gergely ngược lên nhìn cửa sổ. Cửa sổ lồng kính, thứ kính hình tròn nho nhỏ thường dùng ở thời đó, bên ngoài có ba lớp lưới sắt bảo vệ cho cửa sổ.

Đối diện với cửa ra vào, nơi ánh sáng rọi đến theo một đường chênh lệch, có một cái thùng tròn to tướng đựng đầy ắp thuốc súng. Gergely vục tay vào vốc rồi lấy ngón tay cái gầy gầy trở lại.

– Cái này dùng để nạp đại bác đây. Khô lắm. – Chàng bảo thế.

– Thứ thuốc dùng cho súng nhỏ ta đựng trong những thùng bé hơn. – Dobó đáp.

– Thuốc này chế ở đây hay ở Vienna ạ?

– Cả ở đây, cả ở Vienna.

– Thứ chế ở đây thành phần như thế nào ạ?

– Ba phần tư diêm tiêu, phần tư còn lại gồm lưu huỳnh và than.

– Than mềm hay cứng ạ?

– Mềm.

– Thứ đó là tốt nhất. Có điều ở địa vị tôi thì tôi trộn thêm một hai môi

than nhiều hơn những người khác thường làm.

Phía trên cái thùng, trên bức tường đen kịt có một bức tranh lớn đã cẩu bẩn và đã rách. Trên bức tranh chỉ còn có thể thấy hai cái đầu, một cái là của một người đàn ông có bộ mặt buồn bã, râu mọc dài, cái kia của một thiếu niên áp đầu vào ngực người đàn ông. Cả hai nhân vật đều có vòng hào quang trên đầu. Từ cổ họ trở xuống, tấm vải bị rách toạc để lộ bức tường còn trắng ở đằng sau.

– Cái này hình như trước kia là bức tranh đặt trước bệ thờ của giáo đường. – Dobó nói. – Có lẽ còn do Thánh vương István đặt vẽ cơ đấy.

Trước phòng đồ thánh, hai cái cối xay đang quay liên tục. Cả hai cái đều do ngựa kéo. Bên chái nhà thờ, dưới một vòm cuốn, quân lính đang chế tạo thủ pháo. Hai pháo thủ trông coi công việc của họ.

Gergely dừng lại. Chàng xem thuốc súng và dây ngòi rồi lắc đầu.

– Có lẽ không được tốt chăng? – Dobó hỏi.

– Tốt thì tương đối tốt đấy, – Gergely trả lời, – nhưng tôi xin phép được tự mình cho chế tạo lấy thủ pháo ở chỗ pháo đài mà tôi sẽ chỉ huy.

– Anh cứ nói thật tình đi nếu anh biết cách làm tốt hơn. Anh là người học rộng, và ở đây việc bảo vệ thành là chính chứ không phải những quan điểm khác là chính.

– Vậy thì tôi có biết một cách làm tốt hơn. – Gergely nói. – Những quả thủ pháo kiểu cổ này cháy xèo xèo, nhảy lóc cóc và nổ bụp một cái là hết. Tôi thì tôi bỏ thêm lõi vào trong ruột chúng.

– Lõi như thế nào?

– Một quả bom nhỏ, dây bắc tấm dầu trộn lẫn bột đồng, mạt sắt và một thỏi lưu huỳnh. Thủ pháo của tôi chỉ sau khi nổ mới bắt đầu làm cái việc

của nó.

Dobó quay lại gọi bảo đám lính chế thủ pháo:

– Các người hãy ngừng việc lại đã! Ngài thượng úy Bornemissza sẽ quay lại đây và các người sẽ làm theo cách ngài bảo.

Họ đi lên nóc cái nhà thờ đã cải biến thành pháo đài.

Trên đó mái nhà thờ được bao quanh bởi những công sự đan bằng nhánh cây và đổ đầy đất. Khoảng giữa những công sự là những khẩu pháo đặt trong những buồng chái nhỏ có mái vòm bằng đá. Chính giữa là một đồng đạn tròn và một hố thuốc súng.

Đứng trên mái có thể trông thấy toàn bộ thành ngoài với dạng một cái mòng khổng lồ bao lấy sườn thành phía mặt trời mọc. Trên đó có hai pháo đài và trên hai pháo đài là hai cái tháp tròn.

Nhưng cũng có thể trông thấy cả triền đất rộng nhô cao đối diện với tường thành, dài đôi đó cao bằng một nửa tòa thành.

– Ở mặt đông này cuộc tấn công sẽ dữ dội lắm đây. – Gergely nói. – Mỗi buổi sáng mặt trời lại còn chiếu vào mặt nữa. Ở đây phải có người ra người mới được.

– Ta nghĩ đến anh đấy. – Dobó đáp.

– Xin cảm ơn đại úy. Tôi sẽ đứng vững ở vị trí của mình.

Hai người xiết chặt tay nhau.

Giữa những khẩu pháo có một khẩu đồ sộ bằng đồng đen. Cái nòng to tướng của nó có thể bỏ vừa những viên đạn cỡ đầu người. Hàng chữ và những hình trang trí trên thân pháo lấp lánh như vàng.

– Đây là khẩu Búp Bê. – Dobó nói. – Anh hãy đọc cái câu ghi trên đó mà xem.

Giữa hình hai ngọn lá thiên tuế kết chéo nhau ở ngang thân pháo, lấp lánh hàng chữ sau đây: “Thượng đế là thành trì kiên cố của chúng ta!”

3

Ngày mồng chín tháng chín trời không nắng. Mây xám phủ kín bầu trời, cuồn lên cả những đỉnh cao của dãy Mátra. Suốt ngày thời tiết cứ như nét mặt một đứa trẻ làm nũng đang muốn khóc mà chưa tìm ra cớ.

Trong thành cảnh tượng rất nhộn nhịp. Trên bãi chợ Hạ, một đám thợ mộc đang đẽo vát đầu những cột gỗ lớn nửa tầy ôm. Cạnh họ mấy người lính khoan lỗ qua đầu cột đã vát dẹt và lắp thành những cây thập tự. Toán thứ ba buộc giẻ tẩm dầu và nhựa đường lên những cây thập tự đó. Họ gọi chúng là những cây đầu đầy. Đã được cả một đồng to rồi.

Bên cạnh phòng đồ thánh, ông già Sukán đóng thuốc súng bằng một cái hộc. Đám nông dân nhồi chặt vào những bì da nhỏ rồi mang đến chỗ các pháo thủ.

Cũng bên cạnh phòng đồ thánh, pháo thủ János đang nạp thuốc súng vào những quả tạc đạn bằng đất nung. Dây ngòi cuộn thuốc súng thò ra ngoài chừng một gang tay. Khi muốn phát hỏa, người ta đặt chúng vào đầu vọt đạn bằng dây thép của những cây gậy giống như gậy đánh golf của người Anh ngày nay. Nhưng người ta có thể ném bằng tay cũng được, và những quả tạc đạn có quai thì còn có thể dùng mũi thương để lẳng đi. Độ một ngàn quả tạc đạn như thế cũng đã sẵn sàng.

Về phía cổng Cũ, nơi trại lính bị chợ Hạ ngăn thành hai dãy nhà dài, đám thợ mài và thợ nguội đang làm việc. Họ phải sửa chữa vũ khí cho tất cả những ai mang đến.

Bên cạnh cổng Tối, đàn bò đứng trong những ngăn chuồng xây rất khéo ở dưới đất. Đám đồ tế mỗ súc vật ngay bên tường thành. Tiết chảy qua một cái lỗ ra ngoài hào. Ngày nào họ cũng mỗ bốn năm bò cho quân dân trong thành.

Gergely đang đứng trên pháo đài Sándor. Ở đó người ta đang dùng những thanh dầm và ván gỗ dựng một cái giàn cho quân lính có thể từ phía trong đi từng toán lên mặt lũy.

Tại các pháo đài khác đều đã có giàn như thế, riêng ở pháo đài Sándor này phải làm lại vì một cái cột chôn không kỹ đã bị lung lay.

Dobó cùng các sỹ quan đi lên giàn, ông lắc lắc cái cột và nói:

– Cái giàn này phải đứng thật vững để dù tất cả các cột đã bị trúng đạn, nó cũng vẫn đỡ được hàng trăm người. Các người hãy đóng thêm cừ chống vào tất cả các cột, và phải trát vữa thật dày vào.

Người lính kèn trên tháp chuông nhà thờ bỗng rúc một hồi dài.

– Ấy, cái gì thế? – Mekcsey la lên. – Có chúng ta đây!

– Họ đã về!

Qua ba tiếng đó, các sỹ quan đã hiểu rất nhiều.

– Đội tiên tiêu đã về!

Đã một tuần nay, cả một chuỗi dây chuyền dài những người lính gác nối nhau đến tận Maklár. Họ là một cái viễn vọng kính sống vươn dài ra tận cánh đồng Abony, ngày đêm quan sát bước tiến của quân Thổ.

Ba tiếng “họ đã về” có nghĩa là những người đó.

Mekcsey nhảy lên mặt lũy, vội vã đi về phía cửa nam. Cả Dobó cũng vậy. Các sỹ quan đi theo ông. Họ dừng lại trên pháo đài cửa nam và lấy tay che mắt nhìn xuống con đường chạy từ cánh đồng xa tít, qua làng

Almagyar bé nhỏ rồi kéo thẳng tới cửa thành.

Trên quảng đường Almagyar có thể thấy một kỵ sỹ đang phi nước đại. Đầu anh ta không đội mũ, cái áo đônman^(*) màu đỏ giắt ở thắt lưng bay phấp phới đằng sau.

– Lính của tôi! – Gergely nhận xét. – Bakocsai!

Anh chàng Bakocsai ấy vốn là một kỵ sỹ cừ khôi nhưng số phận lại nhét anh ta vào lính bộ, bởi thế anh ta luôn cầu khẩn để được lên ngựa. Nhờ vậy ngày hôm đó anh ta cũng được cử đi thám thính.

Khi anh ta đã đến gần, có thể thấy mặt anh bê bối máu và bên sườn con ngựa của anh lủng lảng một cái gì tròn tròn như hình quả dưa hấu.

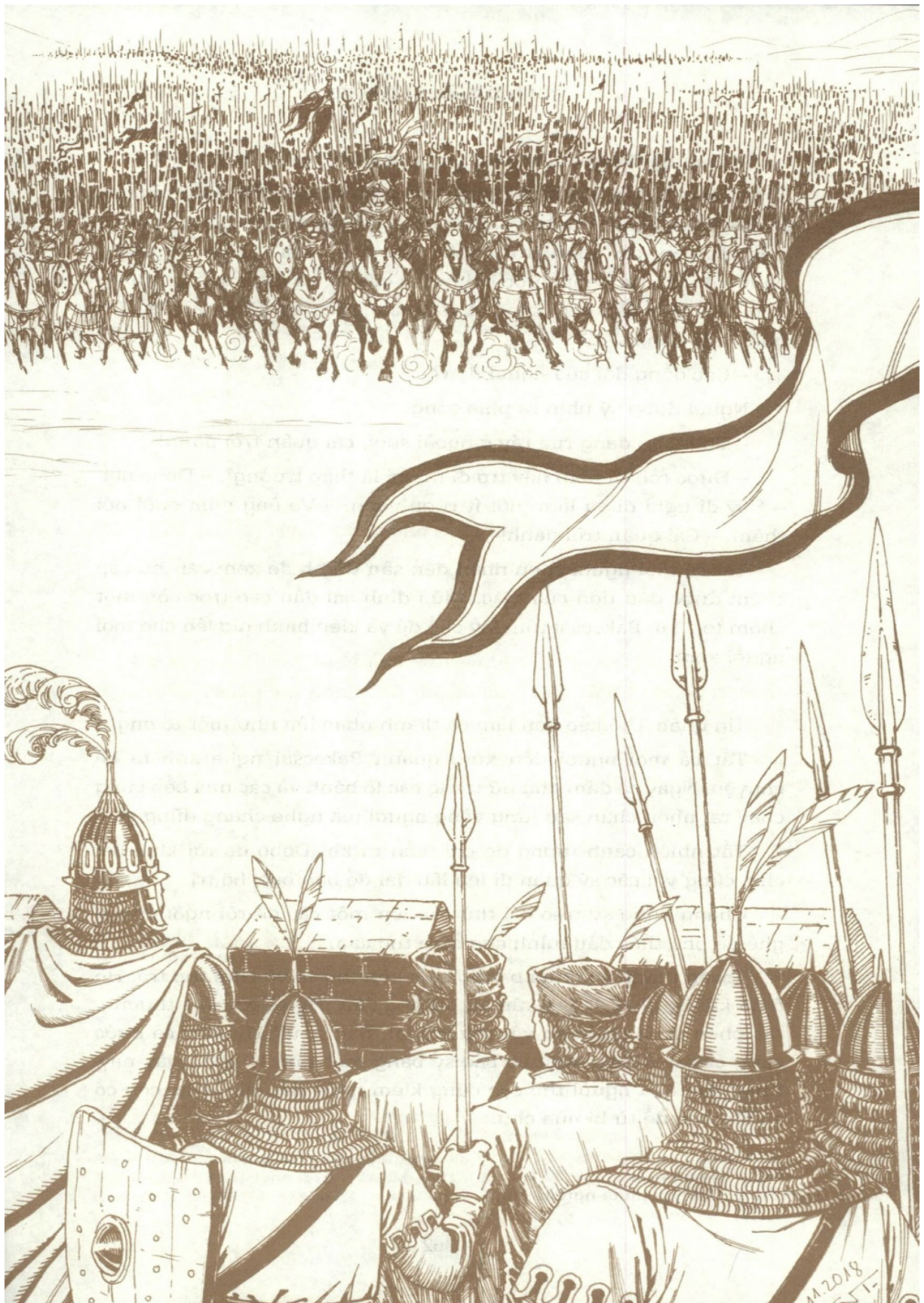
– Lính của tôi! – Gergely mừng rỡ nhắc lại, nhưng lần này đã gần như la lớn. – Bakocsai!

– Anh ta đã đánh nhau đấy! – Dobó nói.

– Dân Eger. – Mekcsey tiếp lời.

– Nhưng là lính của tôi. – Gergely nói lại. – Học trò của tôi.

Theo sau người kỵ sỹ đưa tin đó còn ba người nữa tung bụi trên đường. Những người khác có lẽ đã bị quân địch chém chết.



Vậy là quân Thổ đã đến đây.

Dobó có thể cảm thấy những gì khi nghe tin đó? Cái đạo quân Thổ ấy đã đến, đạo quân mà trong mùa hè vừa rồi đã triệt hạ hai thành trì kiên cố nhất nước: Temesvár và Szolnok, và đã lần lượt đánh chiếm Drégely, Hollókő, Salgó, Buják, Ság, Balassagyarmat: nghĩa là tất cả những nơi nào nó muốn. Bởi vì đạo quân Thổ này đã xuất phát với mục đích tròng nốt ách thống trị của xuntan lên cổ những phần đất còn sót lại của nước Hung.

Bây giờ bọn chúng đã tới đây, một trăm năm mươi ngàn con thú dữ mặt người. Phần lớn bọn chúng từ thời thơ ấu đã được luyện nghề cung kiếm, bắn súng, leo tường và đã quen đời quân ngũ. Gươm của chúng rèn ở Damaskus, giáp của chúng bằng thép Derbend^(*), giáo mác của chúng là sản phẩm của những thợ rèn lành nghề xứ Hindostan^(*), đại bác của chúng do những thợ đúc giỏi nhất châu Âu chế tạo; đạn dược và binh khí của chúng thì không sao kể xiết.

Và đối địch với chúng là cái thành nhỏ này đây với chưa đầy hai ngàn người. Độ sáu khẩu pháo cổ lỗ sỹ và những ống sắt chẳng ra gì: những khẩu súng có râu được mệnh danh là tu pháo.

Ta còn hỏi Dobó đã có thể cảm thấy những gì ư?

Người lính đưa tin Bakocsai István phi lên thành rồi nhảy xuống ngựa, người lấm đầy bụi và mồ hôi nhễ nhại, đứng nghiêm trước mặt Dobó. Bên yên ngựa của anh lung lẳng một cái thủ cấp Thổ đen sạm, râu mép còn xoắn vênh. Còn bản thân anh, máu đã đông lại đen cả nửa mặt bên trái.

– Thưa ngài đại úy vũ dũng, con xin báo cáo: quân Thổ đã tới, cái bọn trời đánh!

– Toàn bộ đại quân hay chỉ mới tiền đội?

– Thừa đại úy, đội tiên phong của toàn bộ đại quân! Chúng con không trông thấy toàn bộ vì bị rừng Abony che khuất; nhưng chúng tiến rất gấp, cái quân trời đánh! Vừa đánh hơi thấy chúng con, chúng đã lập tức thộp được hai người của ta, cả con cũng bị chúng đuổi một thôi dài, cuối cùng là cái thẳng mặt ám khói này đây, cái quân trời đánh!

– Các đồng đội của người đâu?

Người dũng sỹ nhìn ra phía cổng.

– Thừa, họ đang rửa ráy ở ngoài suối, cái quân trời đánh!

– Được rồi, từ hôm nay trở đi người là thập trưởng^(*). – Dobó nói. – Hãy đi nghỉ đi và làm một ít rượu vang. – Và ông mỉm cười nói thêm. – Cái quân trời đánh!

Tất cả mọi người chen nhau đến sân thành để xem cái thủ cấp chém được đầu tiên của giặc. Giữa đỉnh cái đầu cạo trọc còn một chòm tóc dài. Bakocsai túm lấy chỗ đó và kiêu hãnh giơ lên cho mọi người xem.

Tin quân Thổ kéo đến làm cả thành nhao lên như một tổ ong.

Tất cả mọi người đều xúm quanh Bakocsai nghe anh ta kể chuyện. Ngay cả đám phụ nữ trong các lò bánh và các nhà bếp cũng chạy ra, nhón chân sau lưng vòng người mà nghe chàng dũng sỹ.

Tất nhiên cảnh tượng đó chỉ diễn ra khi Dobó đã rời khỏi bãi chợ, cùng với các sỹ quan đi lên lâu đài để bàn bạc, bố trí.

Chàng dũng sỹ treo cái thủ cấp lên một cây đề rồi ngồi xuống ghế để phó thác đầu mình cho đám thợ cạo.

Trong thành có mười ba thợ cạo: bốn thợ cả và chín thợ trẻ. Họ ở đó không phải để cạo râu và húi tóc đâu. Họ sẽ rửa vết thương, rắc phen chua rồi khâu vết thương lại. Bác sỹ ư? Thuở ấy cả nước cũng chưa có được một

số bác sỹ bằng một tình lý nhỏ ngày nay. Khắp đâu đâu người thợ cạo cũng kiêm nghề bác sỹ, vả lại còn có cả Thượng đế từ bi nữa chứ.

Cả mười ba tay thợ cạo đều nhảy xổ vào Bakocsai, chỉ cốt để nghe cho rõ câu chuyện của anh hơn. Trước nhất họ lột ngay áo đônman và áo trong của anh. Thợ cạo Péter là người già nhất trong bọn, vì vậy bác rửa cho anh trước tiên. Họ đặt một cái chậu sành xuống trước mặt anh và bưng một nồi nước lên quá đầu anh.

Việc rửa vết thương chàng dũng sỹ còn chịu đựng được, và cả việc rắc phèn chua nữa, nhưng khi người ta bắt đầu khâu cái vết thương dài trên đầu anh, anh đá tung cả ghế, cả chậu, cả thợ cạo lẫn thợ trẻ rồi vừa chửi trời rửa đất một cách kinh khủng vừa đi về trại.

– Tao có phải là cái quần đâu, cái quân trời đánh! – Anh cúi tiết nói.

Anh vợ lấy một mạng nhện lớn trên khung cửa sổ dặt lên đầu rồi tự mình lấy giẻ buộc lại. Xong đâu đấy anh ngồi xuống đánh chén một bữa no say rồi ngã mình lên bao tải rơm và chỉ dăm phút sau là đã ngủ.

...

Một gã nông dân đi ngựa vào thành gần như cùng một lúc với chàng dũng sỹ. Gã khoác áo lông cừu cộc tay và đội mũ đen có vành bẻ cong lên, tay cầm một cây gậy còn tươi, đầu gậy có cục u to chẳng kém gì đầu gã.

Khi thấy Dobó đã xong việc với chàng dũng sỹ, gã ngồi trên ngựa hỏi một người phụ nữ:

– Người nào là ngài đại úy?

– Ngài kia kìa, – người phụ nữ nói, – cái ông to cao đang đi ở giữa ấy.

Gã xuống ngựa, buộc nó vào một thân cây rồi thò tay vào đấy lấy ra

một phong thư có gắn dấu niêm to. Gã chạy theo Dobó và nói:

– Thưa ngài đại úy, con mang thư đến cho ngài đây ạ.

– Thư ở đâu đến?

– Từ chỗ quân Thổ ạ.

Mặt Dobó tối sầm lại, ông quát gã kia:

– Làm sao người dám mang tới đây! Hay người là dân Thổ?

– Không ạ. – Gã kia hoảng sợ trả lời. – Dạ bẩm ngài con là dân ở Kál
đấy ạ.

– Người có biết rằng người Hung không được phép mang thư của giặc
hay không?

Và ông quay sang bảo quân sỹ:

– Hãy giữ lấy nó!

Hai người lính cầm giáo bước đến kèm hai bên gã nông dân.

– Bẩm ngài, chúng nó bắt buộc con! – Gã thất kinh kêu lên.

– Chúng nó chỉ có thể bắt buộc người cầm lấy chứ không thể bắt buộc
người đem đến đây.

Và ông lại quay sang bảo quân sỹ:

– Các người hãy đứng đây.

Ông sai thôi kèn triệu tập quân dân trong thành lại và không bóc phong
thư, ông khoanh tay đứng bên cây đề mà trên đó cái thủ cấp Thổ vẫn còn
lủng lẳng. Chưa đầy năm phút, tất cả quân dân trong thành đã tề tựu đủ.
Các sỹ quan đứng quanh Dobó, quân lính đứng thành hàng ngũ, sau cùng là
nông dân và các phụ nữ.

Lúc đó Dobó mới lên tiếng nói:

– Sở dĩ ta triệu tập quân dân trong thành lại là vì quân Thổ có gửi thư đến. Ta thì ta không có thư từ với kẻ thù. Nếu quân giặc viết thư đến, ta sẽ vứt trả lại. Hoặc ta sẽ đánh vỡ họng kẻ nào dám cả gan mang tới trước mặt ta. Ta chỉ cho phép đọc cái thư đầu tiên này mà thôi, rồi ta sẽ gửi ngay cho nhà vua. Để nhà vua được chính mắt trông thấy rằng quân Thổ đã đến đây: cần phải có viện binh. Ta không cần đọc cũng biết trong thư nói gì: dọa dẫm và mặc cả. Dọa dẫm không làm chúng ta giật mình và chúng ta cũng không mặc cả. Tổ quốc không phải để bán, dù với bất cứ giá nào. Nhưng để các người được chính tai nghe quân thù vẫn quen nói năng như thế nào, bây giờ ta sẽ cho đọc.

Ông chìa bức thư cho Gergely, người thoát nhìn cũng có thể đọc được ngay tất cả các loại văn tự và là người thông thái nhất trong thành.

– Anh hãy đọc to lên.

Gergely đứng lên một tảng đá, bẻ gãy dấu niêm và rũ sạch bột thấm mực ra khỏi tờ giấy. Chàng liếc nhìn xuống cuối bức thư rồi đọc to:

Pasa Ahmed gửi từ Kál.

Chào đại úy Eger Dobó István,

Ta là pasa Anatoli Ahmed, tham nghị đại thần của hoàng đế hùng cường và vô địch, chủ tướng của đạo quân muôn vạn và bất khả đề kháng, ta viết thư này để báo cho các người biết mùa xuân năm nay hoàng đế hùng cường đã phái hai đạo quân đến nước Hung. Một đạo đánh chiếm Lippa, Temesvár, Csanád và Szolnok và tất cả các thành trì quanh vùng lưu vực các sông Körös, Maros, Tisza và Duna. Đạo thứ hai đã đánh chiếm Veszprém, Drégely, Szécsén và toàn bộ lưu vực sông Ipoly, ngoài ra lại còn đánh tan hai đạo quân Hung. Không một sức mạnh nào có thể kháng cự lại

chúng ta được, và giờ đây hai đạo quân thừa thắng đó hợp nhất trước thành Eger.

Phụng mệnh hoàng đế hùng cường và vô địch, ta khuyên các người đừng cả gan chống lại hoàng thượng mà hãy cúi đầu tuân lệnh, và hãy đón vị basa do ta cử đến vào thành và hãy nộp thành Eger cùng thành phố cho ông ta.

– Còn đòi gì hơn nữa không chứ! – Tiếng hét vang lên khắp nơi. –
Đừng đọc nữa! Chó nó nghe!

Nhưng Dobó vẫy tay ra hiệu cho mọi người im lặng.

– Các người hãy cứ lặng mà nghe điệu nhạc Thổ. Rất hay, khi nó trích thượng như vậy. Anh cứ đọc tiếp đi.

Nếu các người vâng lời, ta thề cùng tín ngưỡng của ta rằng bản thân các người cũng như tài sản của các người đều sẽ không bị xâm phạm. Các người sẽ được ban phát đủ mọi ân tứ tốt lành của hoàng đế và ta sẽ cho các người được sống tự do như dưới những triều vua xưa kia của các người.

– Không cần đến thứ tự do Thổ! Đối với chúng ta cứ tự do Hung cũng đủ tốt rồi! – Lão Cecey tay gõ kêu toáng lên khiến mọi người đều cười.

Gergely đọc tiếp:

Và ta sẽ bảo hộ các người khỏi mọi tai ương...

– Ra chúng nó đến đây là để bảo hộ ta! – Pető Gáspár la lên.

Mọi người lại cười, cả người đọc thư cũng vậy. Chỉ một mình Dobó

đứng nghiêm nghị. Gergely lại đọc:

Ta đóng dấu hồ phù của ta để bảo đảm cho lời nói đó. Còn nếu các người không tuân lệnh ta tức là tự chuốc lấy thịnh nộ của hoàng đế hùng cường lên đầu các người, và lúc đó cả các người lẫn con cái các người đều không tránh khỏi tội chết. Bởi vậy các người phải tức khắc trả lời cho ta biết!

Câu trả lời là tiếng thét âm ầm giân dữ:

– Mẹ kiếp hoàng đế hùng cường của nó chứ! Nó cứ việc đến đây!...

Mọi khuôn mặt đều ửng đỏ. Cặp mắt của người hiền lành nhất cũng nảy lửa. Gergely trao lại bức thư cho đại úy. Tiếng ồn ào lắng xuống.

Dobó không cần đứng lên tảng đá mọi người mới có thể nom thấy. Người ông cao to, ông nhìn qua đầu tất cả mọi người.

– Đây. – Ông nói giọng danh thép nhưng đầy cay đắng. – Đây là bức thư đầu tiên cũng là bức thư cuối cùng từ chỗ quân Thổ gửi đến thành này, và đã được đọc. Nghe thư các người cũng đã có thể hiểu được vì sao chúng đến đây. Chúng đem tự do đến bằng gươm và đại bác. Tên hoàng đế vô đạo tẩm máu Cơ Đốc đem cái tự do đó cho chúng ta. Không cần ư? Nếu chúng ta không cần tự do, nó sẽ chặt đầu chúng ta! Vậy chúng ta hãy trả lời nó! Đây là trả lời của ta!

Ông vò nát bức thư, ném vào mặt gã nông dân.

– Làm sao người dám mang đến đây, hờ đồ khốn nạn!

Và ông quay sang bảo quân lính:

– Cùm sắt vào chân nó! Tổng cái đồ hèn hạ ấy vào ngục tối!

4

Sau khi cho đọc bức thư Thổ đã khích động tất cả mọi người, Dobó gọi các sỹ quan vào lâu đài.

– Nửa giờ nữa tất cả đều phải có mặt ở đó.

Căn phòng đã chật ních sớm hơn hạn định. Ai còn chậm thì cũng chỉ vì để mặc lễ phục. Tất cả mọi người đều cảm thấy rằng bức thư đó là tiếng điểm đầu tiên của hồi chuông cấp báo.

Dobó vẫn còn chờ nhóm tuần tiễu về muộn.

Ông khoanh tay đứng bên cửa sổ nhìn xuống thành phố trải rộng dưới kia. Những dinh thự nguy nga làm sao, những ngôi nhà trắng tráng lệ làm sao! Thế mà thành phố trống không. Chỉ phía dưới lâu đài, bên bờ suối là nhộn nhịp dân thành, những người lính đưa ngựa đi uống nước, những người chở nước vào thành. Phía dưới nữa, trong khu vực thành phố, một người đàn bà quàng khăn vàng đang bước ra khỏi cổng, trên lưng mang một đầy to. Mụ kéo theo hai đứa trẻ nhỏ vội vã đi về phía thành.

– Mụ này cũng vào thành đây. – Dobó lẩm bẩm không vui.

Người võ đồng đứng ngay cạnh Dobó. Cậu mặc áo đônman bằng nhung màu hoa lan. Với mớ tóc dài, với khuôn mặt con gái, cậu giống như một thiếu nữ cải nam trang. Nhưng nếu ai nhìn xuống bàn tay cậu thì sẽ thấy sức mạnh ẩn trong đó. Ngày nào cậu cũng tập phóng thương.

Dobó quay sang cậu, vuốt mái tóc chấm ngang vai của cậu:

– Đêm qua con đã mơ thấy gì thế Kristóf? Con không mơ thấy mình về

nhà ư?

– Không ạ. – Cậu thiếu niên mỉm cười đáp. – Nếu con mơ thấy thế con sẽ xấu hổ, thưa đại úy.

Cậu là người võ đồng duy nhất ở lại trong thành và cũng chỉ vì bố cậu đã viết thư cho đại úy xin đừng gửi cậu về nhà. Ở nhà cậu có dì ghẻ, bà ta đối xử với cậu chẳng tình cảm gì cho lắm. Dobó coi cậu như con trai.

Những võ đồng khác Dobó đã gửi về nhà tất. Họ là những thiếu niên từ mười bốn đến mười sáu tuổi. Trưởng quân của Dobó là trường học võ nghệ đối với họ. Dobó chưa cho phép họ thử thách.

Trong số đó ông còn một võ đồng yêu mến nữa: Balogh Balázs, con trai một trung úy của nhiếp chính György bị ám sát năm trước. Cậu ta còn nhỏ hơn Kristóf một tuổi và là một kỵ sỹ xuất sắc. Hồi tháng tám cậu ta đã khóc mà đi. Cậu ta đau lòng vì thấy Kristóf được ở lại thành còn cậu ta thì không.

– Cứ chờ đấy, nếu tớ trở lại tớ sẽ độ thương với cậu. – Cậu ta nói.

– Chả nhẽ cậu lại nghĩ rằng tớ bảo gửi cậu đi?

Và bản thân Kristóf cũng khẩn khoản xin Dobó:

– Thưa đại úy, xin đại úy cho cả Balázs cũng được ở lại đây.

– Nó không ở lại được. – Dobó đáp. – Nó là con trai của một bà góa, mà lại là con một. Trèo cây dẽ tây còn chả được phép nữa là. Thôi xéo!

Nagy Lukács đem cậu ta đi theo mình để dọc đường sẽ giao trả cho bà mẹ.

– Này, cái cậu Lukács ở đằng ấy lâu quá. – Dobó bảo Mekksey rồi lắc đầu. – Ta e cậu ta lại rơi vào một tai nạn gì rồi.

– Tôi không tin như vậy. – Mekksey đáp. – Tôi không lo cho những

người nhỏ con. Tôi có một điều mê tín đặc biệt là những người nhỏ con thường may mắn trong trận mạc.

– Chính là ngược lại thì có. – Gergely, một người cao chứ không nhỏ, nói. – Người nhỏ không bao giờ cưỡi ngựa vững vàng được như người cao. Trong chiến trận, người nhỏ bị ngựa tha đi, còn người cao thì tha ngựa đi.

Người lính gác cửa báo cáo là những thám tử đã đến.

– Cho họ vào. – Dobó nghiêm nghị trả lời.

Bảy người lính dân ủng màu vàng có cửa đứng ở giữa phòng. Hai người tóc còn ướt. Quả là họ vừa rửa ráy.

Một người tóc ướt bước lên.

– Thưa đại úy, con xin báo cáo, quân giặc đã đến đây, dưới Abony.

– Ta biết rồi. – Dobó đáp. – Tên Thổ đầu tiên cũng đã ở đây rồi, Bakocsai đã đem nó về.

Ông nói điều đó với giọng trách cứ. Người lính mang phù hiệu xanh đỏ của thành phố thở phì một cái và nuốt khan:

– Thưa đại úy, đáng lẽ con có thể đem về ba tên cũng được.

– Thế tại sao người không đem về?

– Thưa chỉ là vì con đã chém vỡ toác đầu cả ba thằng rồi ạ.

Trong phòng ai nghe cũng phải bật cười. Trong số bảy người lính đã bốn người phải buộc băng. Bản thân Dobó cũng mỉm cười:

– Komlósi con ơi, lỗi đây không phải ở đầu giặc Thổ mà ở đầu các người. Nhiệm vụ của các người không phải là đánh nhau mà là đưa tin về. Lính của ngài thượng úy Bornemissza đã đưa tin về. Còn đối với các người thì điều trước hết là lo rửa ráy với chải chuốt, thay áo mới và xoắn ria mép cho vênh. Lính tráng gì mà lại thế, hờ Komlósi Antal?

Komlósi luống cuống nhìn xuống phía trước. Anh cảm thấy Dobó nói đúng nhưng anh vẫn ngừng đầu lên đáp:

– Rồi ngài sẽ thấy, thưa đại úy, con là người lính như thế nào.

Theo báo cáo của các thám tử, hẳn hoi là quân Thổ đang kéo về Eger. Dobó phái đi một đội thám tử mới và ra lệnh cho họ không được xung đột với bọn lính thám báo Thổ, chỉ việc báo về từng giờ cuộc hành quân của chúng. Cho họ đi rồi, ông ngồi xuống bàn.

Lúc đó các viên chỉ huy các đội quân tiếp viện và các sỹ quan trong thành đã tề tựu đủ trong phòng, kể cả năm pháo thủ người Đức. Giáo sỹ Bálint và ông già Cecey cũng đều có mặt.

– Các chiến hữu, – Dobó bắt đầu giữa im lặng trang nghiêm, – các bạn đã nghe đây, điều chúng ta chờ đợi từ lâu nay đã đến.

Giọng của ông như tiếng của một cái chuông lớn. Ông im lặng một phút. Có lẽ ông vừa nín lại một ý nghĩ của mình. Rồi như thể muốn rút ngắn điều định nói, ông tiếp tục với giọng thường ngày:

– Đại úy phó trấn Mekksey vừa trao cho ta bản kê toàn bộ lực lượng trong thành. Tuy các người đại khái đều đã biết cả, nhưng ta vẫn thấy cần thiết phải đọc lên để các người nghe. Gergely, ta yêu cầu anh.

Ông trao tờ giấy cho Gergely, người làm những việc đó dễ dàng hơn và nhanh hơn bác Sukán. Gergely sẵn sàng đọc luôn:

– Lực lượng thành Eger ngày mồng chín tháng chín năm một nghìn năm trăm năm mươi hai...

– Tức là hôm nay. – Dobó nói.

– Hôm nay trong thành có hai trăm kỵ binh bản bộ, bộ binh bản bộ cũng ngần ấy, tám trăm bảy mươi tay súng được gọi vào từ thành phố Eger

và các vùng lân cận. Đại nhân Perényi Ferenc gửi đến hai mươi lăm người; ngài Serédy György đã gửi đến hai trăm.

– Số đó chỉ còn khoảng năm chục nữa mà thôi. – Mekksey nói và liếc nhìn một trung úy có nét mặt xương xương, má gồ hăn ra và cặp mắt nhấp nháy liên hồi.

– Tôi biết làm thế nào được. – Người đó đáp lại. – Bản thân tôi thì vẫn ở đây. – Và anh ta lắc gươm kêu lách cách.

Dobó nói với người trung úy đó, giọng hòa giải:

– Bạn Hegedüs, ở đây có ai nói gì đến bạn đâu? Hunyadi^(*) cũng vẫn từng có những tên lính hèn nhát.

Gergely đọc tiếp:

– Lại thêm hai trăm mười nghìn binh từ Kassa đến. Đây, – chàng liếc nhìn Hegedüs nói, – ở Kassa cũng có những người hào kiệt.

Và chàng tiếp:

– Các giáo sỹ cam gửi đến bốn vệ sỹ. Giáo đoàn Eger gửi đến chín người.

– Chín à? – Bolyky Tamás, chỉ huy những tay súng ở Borsod hỏi to. – Thế mà họ có những hơn một trăm lính tráng.

– Thuê tiền họ cũng chẳng cho, – Dobó trả lời ngắn gọn.

Fügedi, người trung úy của giáo đoàn đứng dậy, nhưng Dobó vẫy bảo anh ta ngồi xuống:

– Ta yêu cầu cậu hãy để khi khác, cậu em ạ. Quỷ nó cũng chẳng xúc phạm đến giáo đoàn. Đọc tiếp đi Gergely, ngắn gọn thôi và nhanh lên.

Gergely nhẹ nhàng, nhanh chóng đọc tiếp. Bản danh sách các hào kiệt rất dài. Sáros, Gömör, Szepes, Ung, mỗi thành phố tự do đều gửi đến một

đội viện binh nhỏ. Chánh xứ Jásza một mình gửi đến bốn chục lính. Mọi người liền hoan hô.

Cuối cùng Gergely lại nâng cao giọng:

– Như vậy là chúng ta có tất cả một nghìn chín trăm người.

Dobó nhìn suốt lượt những người ngồi bên bàn và cái nhìn của ông dừng lại ở chỗ Hegedüs. Ông vừa nhìn người trung úy ở Kassa vừa nói:

– Chúng ta còn có thể tính thêm vào đây những người mà ta đã triệu vào phục vụ trong thành: Mười ba thợ cạo, tám đồ tể, ba thợ nguội, bốn thợ rèn, năm thợ mộc, chín thợ xay và ba mươi tư nông phu, những người sẽ giúp việc bên cạnh súng đại bác. Những lúc thành bị công kích, tất cả những người đó đều có thể cầm vũ khí. Sau đó chúng ta còn tính thêm Nagy Lukács mà hôm lễ trăm quyết Thánh János ta đã phái đi Szolnok cùng hai mươi bốn kỵ binh. Họ có thể về vào bất cứ giờ nào. – Ông nói và ngược lên nhìn Mekksey rồi lại tiếp:

– Kể thế này chúng ta cũng đã có kha khá người rồi đấy, nhưng ta vẫn chờ ở hoàng thượng^(*) sự tiếp viện chủ yếu nhất.

Ông già Cecey chém tay vào không khí và hừm hừm.

– Thôi nào, bác Cecey. – Dobó nói. – Bây giờ không phải như trước nữa đâu. Nhà vua rất biết rằng nếu Eger thất thủ thì ngài có thể cất cái vương miện rất thánh của ngài vào kho.

– Và lúc đó nước Hung sẽ không còn nữa. – Mekksey đứng cạnh Dobó nói thêm.

– Thì còn nước Áo^(*). – Ông già nói.

– Quân đội của nhà vua sẽ kéo đến đây bằng hai đạo lớn, – Dobó nói tiếp, – năm sáu chục nghìn, có lẽ đến hàng trăm nghìn binh mã no đủ và

lượng bổng hậu. Một đạo do công vương Saxon^(*) Móric thống lĩnh, đạo thứ hai do công vương Miksa. Chắc hẳn nhà vua đã nhắc họ không được chậm trễ mà phải vội vã cất quân ngay. Và hôm nay khẩu lệnh của hai đạo quân đó đã là: Eger.

– Có anh thợ làm bánh ở Miskolc nó tin! – Cecey lầu bà.

– Cả tôi cũng tin, – Dobó đáp lại, – đồng thời tôi yêu cầu bác đừng có xen vào lời tôi. Tín sứ của ta. Vas Miklós ngay hôm nay lại sẽ lên đường đi Vienna và nếu dọc đường không gặp quân đội của nhà vua, anh ta sẽ báo cho nhà vua biết việc quân Thổ đến.

Ông quay sang bảo Gergely:

– Sau cuộc họp anh hãy viết ngay lời thỉnh cầu cho hoàng thượng và nhớ kèm theo cả bức thư của bọn Thổ. Anh hãy viết làm sao cho cả đến những quả núi đá cũng phải lăn đến trước Eger.

– Tôi sẽ viết. – Gergely đáp.

– Chúng ta không có lý do gì để chờ đợi quân Thổ với một tâm trạng nặng nề. Tường lũy thì kiên cố, thuốc súng, lương thảo dư dật: chúng ta có thể cố thủ hàng năm cũng được. Nhà vua dù chỉ phái đến đây một nửa quân số của công quốc Erdély thôi cũng đủ cho tất cả bọn Thổ phải cuốn gói khỏi Eger về châu Mohamed. Nhưng bây giờ anh hãy đọc cả bản danh sách thứ hai nữa đi. – Ông bảo Gergely.

Gergely đọc:

– Đại bác phóng bom cỡ lớn một khẩu, đại bác phóng bom cỡ lớn nữa tên là Cóc Tía và Búp Bê, hai khẩu; nhà vua gửi đến ba khẩu, Perényi Gábor gửi đến bốn khẩu, Serédy Benedek gửi đến một khẩu.

– Thuốc súng chúng ta không cân, vì cũng không thể cân hết được. –

Dobó nói xen vào. – Năm ngoái vẫn còn lại một số, nhà vua cũng lại gửi đến một số. Trong phòng đồ thánh, thuốc súng đầy ắp tận mái nhà. Ngoài ra, chúng ta còn có cả diêm tiêu và cối xay để nếu cần, chúng ta sẽ chế thêm thuốc súng. Đọc tiếp đi.

Gergely lại đọc:

– Đại bác bắn tạc đạn bằng đồng kiểu cổ, dùng để phá tường, năm khẩu; đại bác bằng thép cũng loại ấy, năm khẩu; nhà vua gửi đến bốn khẩu bức kích pháo bằng đồng; khuôn đúc đạn chì cho bức kích pháo và cho các tu pháo, hai mươi lăm; tu pháo hai nòng kiểu Praha, hai khẩu; tu pháo để phá đội hình, năm khẩu.

– Chúng ta có thể đối đáp với bọn Thổ được lắm. Nhưng chưa hết đâu. Đọc tiếp đi.

– Tu pháo bằng đồng và bằng thép kiểu Praha và Csernek^(*), ba trăm; súng tay, chín mươi ba; súng tay kiểu Đức, một trăm chín tư.

– Chẳng ăn thua gì. – Cecey la lên. – Một cây cung tốt còn đáng giá hơn tất cả các loại súng^(*).

Ý kiến đó đã gây ra mấy phút lời qua tiếng lại. Cánh già tán thành ý kiến của Cecey, đám trẻ ủng hộ phe chuộng súng. Cuối cùng Dobó phải cắt đứt trận cãi cọ bằng ý kiến cho rằng súng cũng tốt, cung cũng tốt nhưng tốt nhất là đại bác.

Võ đồng Kristóf đặt lên bàn một cái mũ chiến khảm vàng rất tinh xảo và một cái tượng chịu nạn nhỏ bằng bạc. Trên tay cậu còn vắt một cái áo choàng lễ phục không có tay. Cậu đứng sau lưng Dobó, yên lặng giữ cái áo choàng lễ phục trên cánh tay.

Gergely còn đọc một đoạn dài nữa, trong bản kê có tất cả các loại binh khí: thương, lao, lá chắn, các loại đạn, câu liêm, cuốc chim, chùy, giáo mác,

dây ngòi và tất cả các thứ quân khí không phải do các đội viện binh đem theo.

Lúc đó Dobó đứng dậy.

Ông đội cái mũ khảm vàng lên đầu, khoác cái áo choàng lễ phục đại úy bằng nhung đỏ lên vai, tay trái đặt lên đốc gươm và nói:

– Các bạn thân mến và các chiến hữu cùng bảo vệ thành thân mến! Các bạn đã thấy thành lũy; lực lượng bên trong các thành lũy đó giờ đây các bạn cũng đã biết cả. Số phận của miền đất nước còn lại giờ đây đang nằm trong cái thành này.

Căn phòng im phăng phắc, tất cả mọi cặp mắt đều dán vào Dobó.

– Nếu Eger thất thủ thì cả Miskolc, cả Kassa đều không thể đứng vững nổi. Quân Thổ sẽ lay các thành nhỏ rụng như sung. Sức đề kháng sẽ không còn nữa và khi đó lịch sử sẽ có thể ghi tên nước Hung vào cuốn sổ của Nam Tào^(*).

Ông đưa mắt nghiêm nghị nhìn quanh rồi tiếp:

– Thành Eger kiên cố thật, nhưng tấm gương Szolnok sờ sờ ra đó đã chứng tỏ rằng sức mạnh của những bức tường thành không nằm trong đá mà nằm trong tinh thần những người bảo vệ. Trong thành kia toàn những lính mộ ở nước ngoài. Họ đi lính không để giữ thành mà đi để lĩnh lương. Còn ở đây, ngoài năm pháo thủ ra, tất cả đều là người Hung. Ở đây tất cả mọi người đều bảo vệ Tổ quốc của mình. Nếu cần máu chúng ta sẽ đổ máu, nếu cần tính mệnh chúng ta sẽ hy sinh tính mệnh, nhưng đừng để cho những thế hệ mai sau có thể nói được về chúng ta rằng những người Hung đã sống ở đây năm 1552 không xứng đáng mang cái tên Hung.

Mặt trời chiếu qua cửa sổ, rọi vào những binh khí treo trên tường và những bộ áo giáp mắc trên những cái giá cạnh tường. Cái mũ chiến khảm

vàng của đại úy cũng ngồi lên rục rờ. Gergely đứng bên cạnh ông, chàng liếc mắt nhìn ra cửa sổ rồi đưa tay lên che mắt để có thể nhìn lên người chủ súp.

– Sở dĩ ta mời tất cả các bạn tề tựu lại đây, – Dobó tiếp, – là để mỗi người hãy tự suy tính kỹ, kẻ nào quý trọng bộ da của mình hơn tương lai dân tộc, cửa thành vẫn đang còn mở. Ta cần những đấng nam nhi. Chẳng thà ít sư tử còn hơn nhiều thỏ đế. Kẻ nào thấy gân cốt run rẩy trước cơn đông tố đến gần, hãy rời khỏi phòng họp trước khi ta nói tiếp, bởi vì chúng ta cần phải thề giữ vững thành trì với lời thề mà nếu ai phản bội, kẻ đó sau khi chết sẽ không thể còn đứng trước mặt Thượng đế vĩnh hằng.

Ông nhìn sang một bên, chờ xem có ai nhúc nhích không.

Căn phòng im phăng phắc.

Không một ai nhúc nhích.

Người võ đồng châm hai cây bạch lập đặt hai bên tượng chịu nạn.

Dobó nói tiếp:

– Nhân danh Thượng đế vĩnh hằng, chí thánh, chúng ta phải tuyên thệ với nhau về những điểm sau đây.

Ông cầm một tờ giấy đặt ở trên bàn lên và đọc:

– Thứ nhất: từ nay trở đi quân Thổ dù gửi bất cứ một thứ thư từ gì đến, chúng ta đều không nhận, không đọc mà phải đem đốt trước mặt thị chúng.

– Đúng như vậy! – Căn phòng vang lên. – Chúng tôi xin chấp nhận.

– Thứ hai: sau khi quân Thổ đã vây thành, không ai được gọi ra câu gì với chúng cả; bất kỳ chúng gọi vào một điều gì, không được ai đáp lại, bất kể tốt hay xấu.

– Chúng tôi xin chấp nhận!

– Thứ ba: sau khi đã bị vây, trong thành không được tám năm tám ba thì thảo bàn tán.

– Chúng tôi xin chấp nhận!

– Thứ tư: các hạ sỹ quan nếu không được phép các sỹ quan chỉ huy, các sỹ quan chỉ huy nếu không được lệnh của hai đại úy trấn thủ thì không được điều động các đội quân.

– Chúng tôi xin chấp nhận!

Một giọng lạnh lạnh bỗng vang lên bên cạnh Fügedi:

– Tôi muốn xin thêm vào đó một ý nữa!

Người nói lên đó là Hegedüs, chỉ huy toán quân của Serédy. Mặt anh ta ửng đỏ.

– Nói đi. – Mọi người giục anh ta.

– Tôi đề nghị là ngược lại, hai đại úy phải luôn luôn xử trí một cách thống nhất với các trung úy, mỗi khi dù chỉ có một trong số các trung úy yêu cầu phải thảo luận, bất kể là về việc phòng thủ hay bất kỳ một biện pháp quan trọng nào khác.

– Ta chấp nhận điều đó trong thời gian những cuộc công kích tạm hoãn.

– Dobó nói.

– Chúng tôi xin chấp nhận! – Tất cả lại hô vang.

Dobó tiếp:

– Điểm cuối cùng: kẻ nào nói chuyện, hỏi han, trả lời về việc nộp thành cho giặc, hoặc muốn nộp thành bằng bất cứ cách nào: kẻ đó sẽ bị xử tử!

– Cho nó chết đi! – Mọi người hăng hái la lên. – Chúng ta không nộp thành! Chúng ta không phải là lính đánh thuê! Chúng ta không phải như quân Szolnok! – Tiếng hô vang lên từ khắp mọi phía.

Dobó bỏ mũ khám vàng xuống, đưa tay vuốt mớ tóc dài màu xám nhạt rồi ra hiệu cho giáo sỹ.

Giáo sỹ Bálint đứng lên. Ông cũng bỏ mũ xuống và nâng cái tượng chịu nạn nhỏ bằng bạc ở trên bàn lên.

– Các bạn hãy cùng ta tuyên thệ. – Dobó nói.

Tất cả mọi người trong phòng đều giơ tay về phía cái tượng chịu nạn.

– Tôi xin thề với Thượng đế độc tôn vĩnh hằng.

– Tôi xin thề với Thượng đế độc tôn vĩnh hằng. – Tiếng lầm rầm trang trọng vang lên.

– Rằng tôi xin hiến dâng dòng máu và tính mệnh của tôi cho việc bảo vệ thành Eger, vì Tổ quốc và Hoàng thượng. Uy vũ và mưu ma chước quỷ đều không khiến tôi sợ hãi. Tiền tài, danh lợi đều không làm tôi nao núng. Về việc nộp thành tôi sẽ không thốt ra một lời nào, không nghe một lời nào. Bản thân tôi, nếu còn sống, tôi sẽ không đầu hàng, dù ở trong thành hay ngoài thành. Từ đầu đến hết thời gian phòng thủ, tôi sẽ đặt ý muốn của mình xuống dưới thượng lệnh. Xin Thượng đế vĩnh hằng hãy chứng giám cho tôi!

– Hãy chứng giám cho tôi! – Mọi người đồng thanh hô vang.



– Và bây giờ đến lượt tôi thề. – Dobó nói và giơ hai ngón tay về phía cái tượng chịu nạn. – Tôi xin thề dốc hết tâm trí, sức lực và máu của tôi để bảo vệ thành trì và đất nước. Tôi xin thề sẽ có mặt cùng các bạn trong mọi hiểm nghèo! Tôi xin thề sẽ không cho phép dâng thành trì vào tay bất kỳ kẻ nào! Xin đất mẹ hãy đón nhận thể xác và linh hồn con như thế! Xin Thượng đế vĩnh hằng hãy từ bỏ con nếu con không giữ trọn lời thề!

Không ai hồ nghi về điều đó cả. Nét mặt tất cả mọi người bừng bừng dũng khí vì lửa đang bốc cháy trong trái tim họ. Nghe lời thề của Dobó, tất cả mọi thanh gươm đều vung lên loang loáng, mọi người đồng tâm nhất trí hô vang:

– Xin thề! Xin thề!

Dobó lại đội mũ lên và ngồi xuống.

– Vậy thì anh em ạ, – ông cầm một mảnh giấy lên và nói, – bây giờ ta hãy bàn bạc xem nên bố trí lực lượng phòng vệ các tường lũy ra sao. Việc phòng vệ các tường lũy không đòi hỏi sự dàn đều lực lượng vì về phía thành phố và về phía pháo đài Mới, địa thế bằng phẳng lại có thung lũng sâu. Còn phía các pháo đài ở mặt đông và mặt bắc thì có đồi có núi. Chắc chắn chúng nó sẽ đặt đại bác ở đó để công phá tường lũy và tìm cách xông vào.

– Chúng nó sẽ không bao giờ phá vỡ nổi. – Cecey nói.

– Đã đành! – Dobó đáp và lại tiếp. – Sở dĩ ta đã cho triệu một số đông thợ mộc và thợ nề vào thành là để đêm đêm họ vá chữa lại những chỗ bị quân Thổ bắn vỡ. Nơi đó sẽ nhiều việc nhất. Và nếu bây giờ chúng ta có phân chia lực lượng phòng vệ thì cái đó rồi cũng sẽ thay đổi tùy theo mức độ công phá.

– Xin ngài cứ cắt đặt, thưa đại úy, chúng tôi sẽ tán thành. – Nhiều người nói to.

– Ta nghĩ là chúng ta hãy chia lực lượng phòng vệ ra làm bốn đội. Một đội ở cổng chính; đội thứ hai từ chỗ cổng chính đến địch lầu đằng góc; đội thứ ba ở thành ngoài; đội thứ tư ở mặt bắc, xung quanh pháo đài Nhà Ngục. Phù hợp với bốn đội đó, quân dự bị bên trong cũng chia làm bốn. Đại úy Mekcsey đồng nhiệm của ta sẽ chỉ huy số quân dự bị. Trong thời gian bị công kích, ông ta sẽ phải lo việc thay phiên của quân sỹ, đồng thời chủ trì việc bảo vệ thành trong.

– Thế còn ở mặt thành phố? – Hegedüs hỏi.

– Ở đó chúng ta chỉ đặt một số lính canh thôi. Ở bên cổng chỉ hai chục người cũng đủ. Đó là một cái cổng bộ hành hẹp và quân Thổ cũng không

thể thử sức từ phía ấy được.

Ông lại cầm một tờ giấy khác lên:

– Quân số cho các đội ta chia như sau. Ở cổng Cũ, nghĩa là từ cổng chính đến pháo đài Mới, lúc nào cũng phải có một trăm bộ binh. Ở pháo đài Nhà Ngục một trăm bốn mươi, với sỹ quan nữa là một trăm bốn mốt. Dọc pháo đài Sándor một trăm hai mươi, không phải giữ cổng. Từ đó trở lại chỗ cổng một trăm linh năm.

– Thế là bốn trăm sáu mươi sáu. – Gergely nói.

– Trên hai tháp nhà thờ, mỗi cái mười bộ binh. Đây là lực lượng bảo vệ thành trong.

– Bốn trăm tám sáu. – Gergely tính to lên.

Dobó tiếp:

– Bây giờ đến lượt thành ngoài. Trên pháo đài Csabi phải có chín chục người, giữ đến pháo đài Bebek. Từ đó cho đến địch lâu đằng góc, một trăm ba mươi. Từ cổng Cũ đến góc, năm mươi tám. Ở đó còn một tường đá hẹp nối thành trong với thành ngoài. Ở đó cần canh phòng bằng mắt hơn là bằng vũ khí. Vậy ở đó ba mươi tám lính bộ cũng đủ.

Ông liếc nhìn Mekcsey, và tiếp:

– Có thể cử ra chỗ đó những người yếu, và trong thời gian bị công kích thì các thương binh nhẹ cũng được.

– Thiếu một đầy tám trăm. – Gergely nói.

– Còn bây giờ chúng ta sẽ phân phối các sỹ quan ra sao đây? Xin bắt đầu từ ta, ta muốn có mặt ở khắp mọi nơi.

Tiếng hoan hô phấn khởi vang lên.

– Việc của ông bạn Mekcsey đồng nhiệm với ta các ông đã biết. Trong

số bốn ông thượng úy, một ông sẽ ở chỗ cổng Cũ. Ở đó phải có sức khỏe và một ý chí không bao giờ nhụt. Bởi vì có thể thấy trước là quân Thổ sẽ tìm cách đột phá qua cổng đó. Ở đó phải trừng mắt mà nhìn thẳng vào thần Chết.

Pető Gáspár đứng phắt dậy, vỗ ngực:

– Tôi xin lĩnh vị trí đó.

Trong tiếng hoan hô vang dội chỉ có thể trông thấy cái gật đầu ưng thuận của Dobó. Ông lão Cecey chìa tay trái cho Pető.

– Ngoài ra, – Dobó tiếp, – thành ngoài là mặt nguy hiểm nhất. Ở đó quân Thổ sẽ cố sức lấp hào. Ở đó cũng cần gan dạ, lòng yêu nước và sự khinh thường cái chết của các ông thượng úy.

Ngoài Pető còn có ba thượng úy, cả ba đều nhảy phắt dậy.

– Có tôi đây. – Bornemissza nói.

– Có tôi đây. – Fügedi nói.

– Có tôi đây. – Zoltay nói.

– Để các ông khỏi cãi nhau, cả ba ông đều sẽ đến đấy. – Dobó nói.

Các pháo thủ đã được phân chia đại bác từ trước, vì họ chẳng biết một chữ Hung nào cả, tuy nhiên Dobó còn muốn cử một pháo thủ chính. Ai bây giờ? Chẳng còn ai thành thạo về đại bác nữa, chỉ có Dobó. Thế là Dobó nhận luôn.

Thấy căn phòng lại vang dội tiếng hoan hô và thấy mọi người đều nhìn mình, các pháo thủ thấp thỏm hỏi:

– Was ist das? Was sagt er? (*)

Bornemissza quay sang phía họ và giải thích cho năm người Đức biết:

– Meine Herrn, Kapitany Dobó wird sein der haupt bum bum!

Verstanden?(*)

Sau cuộc họp, Dobó cho thổi kèn tập trung toàn thể quân sỹ. Trên quảng trường trong thành, ông nói lại cho họ biết năm lời thề mà các sỹ quan đã nhất trí tuyên thệ trong phòng, ông bảo họ rằng người nào cảm thấy sợ thì bây giờ hãy hạ gươm xuống còn hơn về sau làm nhục chí những người khác. Bởi vì – như ông nói – nỗi sợ hãi là một thứ ôn dịch truyền nhiễm chẳng khác gì bệnh đậu mùa. Thậm chí còn dễ lây hơn. Vì chỉ trong nháy mắt đã lan sang người khác. Tóm lại ở đây, trong những ngày gian khổ sắp tới cần phải có những người vững chí.

Rồi ông giương lá cờ xanh đỏ của thành ra và cầm chập làm một với lá quốc kỳ.

– Các người hãy thề đi!

Đáp lại lời ông, cái chuông của nhà thờ xứ trong thành phố ngân lên.

Nó chỉ ngân lên một tiếng thôi, không nhiều hơn nữa.

Tất cả mọi người đều ngoảnh trông về phía thành phố. Tiếng chuông ngân như một lời kêu cứu. Chỉ một tiếng. Và tiếp theo là sự yên lặng chăm chú trùm lên toàn cảnh vật.

5

Tối hôm đó Dobó mở tiệc khoản đãi tất cả những người ban sáng đã cùng ông tuyên thệ tại sảnh đường.

Dobó ngồi ở một đầu bàn, Mekcsey ngồi đầu đằng kia. Bên cạnh Dobó về phía tay phải là giáo sỹ Bálint, bên trái là Cecey. Ngồi cạnh giáo sỹ là Pető. Pető đáng được trọng đãi ở vị trí đó vì anh của chàng là một bậc công khanh ở chốn cung đình: quan chánh ngự tể của nhà vua. Nhờ ông ta mà họ được nhận thuốc súng và năm pháo thủ từ Vienna gửi đến. Chỉ sau đó mới tiếp đến sự sắp xếp theo tuổi tác hoặc tước vị, một bên thì tính từ Mekcsey trở đi, một bên tính từ Dobó: Zoltay, Bornemissza, Fügedi. Sau nữa là Koron Farkas, trung úy toán bộ binh tỉnh Abaúj; Kendy Bálint và Hegedüs István, các trung úy của Serédy György, những người đã mang theo năm mươi bộ binh; Fekete Lőrinc, người từ Regéc đến với mười lăm lính; Lőkös Mihály, người do các thành phố tự do gửi đến cùng một trăm bộ binh; Nagy Pál, một người khỏe như bò tót và rất gan dạ, chỉ huy ba mươi vệ binh của Báthory György; Jászai Márton, chỉ huy bốn mươi vệ sỹ của cha chánh xứ Jászai; Szenczi Márton, trung úy ở Szepes, người đã dẫn đến bốn chục bộ binh; Bor Mihály, tay súng cự phách, do tỉnh Sáros gửi đến cùng bảy mươi sáu bộ binh; từ Ugocsa đến có Szalacsikai György và Nagy Imre. Người sau do phu nhân Homonnay Gábor gửi đến với mười tám bộ binh; từ Eperjes đến thì có Blaskó Antal.

Tất cả những người kể trên đều là trung úy. Ngồi hàng sau họ là Paksy Jób, viên sỹ quan có vóc người cao nhất từ phía quân đội nhà vua, và

Bolyky Tamás, chỉ huy của năm chục tay súng tinh Borsod. Những người này đến muộn, vì vậy người ta đặt họ ngồi vào giữa những hạ sỹ quan trong thành; Sukán János, người quản lý già; thư lại Imre thủ khóa, người phụ trách hầm rượu vang; thư lại Mihály, viên sỹ quan quân nhu, hoặc như thời đó người ta vẫn gọi: người phát xipô; thư lại Gyöngyösy Mátyás, thư ký của ngài giám mục (thành này vốn thuộc lãnh địa của giám mục); văn thư Boldizsár và một vài người nữa. Dobó không chỉ mời các sỹ quan, mà để cho toàn thành đều có đại biểu trong bữa tiệc, ông còn mời một thập trưởng, một binh nhất, một quý tộc Eger và một nông dân Eger nữa.

Việc bùng thức ăn lên đáng lẽ là việc của bốn – năm lính hầu của Dobó, nhưng để giảm nhẹ công việc cho họ, các thượng úy cũng phái lính hầu của mình vào giúp.

Người võ đồng Tarjáni Kristóf đứng đằng sau Dobó, cậu phục vụ cho Dobó. Cậu đưa thức ăn cho ông, luôn rót cho ông đầy cốc mỗi khi thấy nó vơi đi.

Hôm đó là ngày thứ sáu, vì thế bữa dạ yến bắt đầu bằng món xốt cá măng và tiếp tục với cá vược rán giòn, cá leo và cá tầm rồi kết thúc bằng bánh kem pho mát và mứt khô sắc với quế. Ngoài ra trên bàn còn có ê hề nho, táo, lê và dưa bở.

Vì sao Dobó, con người tiết kiệm, lại mở bữa tiệc này? Để bế mạc buổi lễ tuyên thệ ư? Hay là để cho các sỹ quan còn lạ lẫm nhau có dịp làm quen và trở nên thân thiết? Hoặc giả để khảo sát sức mạnh tâm hồn qua ánh rọi của rượu vang? Không khí ban đầu trang nghiêm gần như không khí trong giáo đường. Những tấm khăn bàn trắng tinh, những thực cụ bằng bạc chạm huy hiệu Dobó, cái thùng rượu chạm trổ treo vào đầu xích sắt phía trên bàn, những bó hoa mùa thu – tất cả mọi thứ đó có cái vẻ lộng lẫy của một đám

cưới hơn là một bữa tiệc tiếp khách bình thường.

Ngay khi rượu vang màu đỏ như thạch lựu đã từ một thùng rượu đẹp rót tràn các cốc sau món cá măng, cũng chưa một ai thấy nóng tai cả. Lời nói cao thượng của Dobó còn ngự trị trong tâm hồn họ, cũng như sau tiếng chuông ngân chúng ta còn băng khuâng lắng nghe cái dư âm trầm trầm vọng dài, dịu dặt.

Sau các món cá rán, lính hầu thay đĩa. Ai nấy đều chờ đợi một người nào đó sẽ phát biểu.

Dobó đắm chiêu ngồi trong chiếc ghế bành bọc da nâu. Mọi người nhìn vào ông.

Trong sự yên lặng đó, tiếng ca vui vẻ của những người phụ nữ nướng bánh bỗng vang lên:

Thích sao em ở cuối làng

Ngang đường ngựa vẫn đưa chàng ra sông.

Ngựa ra sông nước trong ngựa uống

Chàng qua nhà khoe tắm thân trai

Má chàng hồng ửng hây hây,

Bởi em hôn để hồng lây má chàng.

Những đám mây bỗng vụt biến hết. Bầu trời lại quang đãng. Chẳng lẽ những khách mây râu lại trầm mặc khi phái nữ chờ đón hiểm nguy sắp tới bằng lời ca tiếng hát hay sao?

Mekcsey cầm lấy cái cốc bằng bạc trước mặt mình và đứng dậy.

– Các bạn kính mến! – Anh nói. – Chúng ta đang đứng trước những ngày vĩ đại. Bản thân Thượng đế nhân từ cũng đến ngồi bên cửa sổ cung

đình thượng giới mà nhìn xem hai nghìn người ở đây sẽ chiến đấu ra sao với hai chục vạn quân thù. Vậy mà tôi vẫn chẳng thấy ngã lòng. Giữa chúng ta không có một kẻ nào hèn nhát; bởi vì ngay cả các phụ nữ, như chúng ta nghe đấy, cũng vui vẻ ca hát ở ngoài kia. Nhưng giả sử không đúng như vậy chẳng nữa, giữa chúng ta đây vẫn có hai người mà ở cạnh họ thì người ta không thể còn có tâm trạng sợ hãi được nữa. Tôi biết rõ cả hai từ hồi tôi còn trẻ. Một người sở dĩ Thượng đế đã tạo ra là cốt để nêu tấm gương về gan dạ người Hung. Trong ông có sức mạnh của sắt thép, chẳng khác nào thanh bảo kiếm đã trăm rèn. Con người ông đầy nghị lực và sự cao quý. Còn người thứ hai mà tôi cũng biết từ hồi còn trẻ, là một bậc thầy về mưu trí và tính tháo vát. Ở nơi nào có mặt hai người này, tôi cảm thấy vững lòng, hoặc vì tin chắc vào sức mạnh hoặc vì tin chắc vào mưu trí. Họ ở đâu thì ở đó có mặt lòng dũng cảm Hung, trí tuệ Hung, niềm vinh quang của người Hung! Không thể còn ngại hiểm nguy được. Tôi mong các bạn cũng hãy hiểu biết về họ như tôi. Đó là Dobó István, vị đại úy của chúng ta, và Bornemissza Gergely, ông thượng úy của chúng ta.

Dobó đứng lên tiếp nhận những cái chạm cốc rồi cứ đứng như vậy mà trả lời, ông nói:

– Anh em thân mến! Giả sử tôi có nhút nhát như con nai, đến nỗi tiếng sủa của bất cứ đàn chó nào cũng làm tôi run rẩy, thì khi có kẻ đụng đến số phận của dân tộc tôi, tôi vẫn đứng lại và kháng cự. Tấm gương của Jurisics^(*) đã chứng minh rằng một tòa thành ọp ẹp nhất vẫn là một sức mạnh kỳ diệu biết bao nếu có những trang nam nhi trong đó. Thành trì của chúng ta kiên cố hơn Kőszeg và chúng ta cũng cần phải dũng mãnh hơn. Tôi đã biết quân đội Thổ. Tôi đã đứng trên cánh đồng Mohács và đã trông thấy đạo quân của Szulejman^(*), thế mà ria mép tôi vẫn chẳng hề bị động

chạm. Anh em hãy tin tôi, đáng lẽ hai mươi tám nghìn quân Hung đã nghiền nát trăm nghìn quân ô hợp ấy rồi, nếu như có một người biết chỉ huy trận đánh^(*). Hồi đó chẳng có ai chỉ huy, chẳng có ai bày binh bố trận cả. Các đội quân ta không triển khai chống thế trận của địch mà chỉ tiến một cách ngẫu nhiên thôi. Tomori^(*), đáng thương thay, là một trang anh hùng có những kỷ niệm vinh quang thật đấy, nhưng không phải là bậc tướng lĩnh. Ông ta tưởng rằng khoa học làm tướng chỉ gồm trong một tiếng độc nhất: *Theo ta!* Thế là ông ta cầu nguyện một bài, chửi đồng một tiếng rồi hét lớn: *Theo ta!* Thế là đạo quân ta tiến lên như đàn chim én mùa thu, xông thẳng vào giữa đội hình quân Thổ. Quân Thổ tản ra trước mặt quân ta như đàn ngỗng. Còn chúng tôi cứ mù quáng xông lên trước hàng đại bác. Tất nhiên những khẩu đại bác với những viên đạn buộc móc xích đã làm được cái việc mà sức người không làm nổi. Chúng tôi chỉ còn lại bốn nghìn trong số hai mươi tám nghìn. Nhưng nỗi bất hạnh khủng khiếp đó đã cho ta hai bài học lớn. Một là đạo quân Thổ không phải là tập đoàn của những trang dũng sỹ, mà gồm đủ loại dân tứ chiếng. Chúng nhặt nhạnh tất cả mọi loại người và súc vật, chỉ cốt để lấy số đông mà dọa những người yếu bóng vía. Bài học thứ hai là quân Hung dù ít đến đâu vẫn có thể quấy rối và thắng được quân Thổ, nếu bên cạnh lòng dũng cảm họ còn mang theo trí thông minh làm mồi dử.

Bên bàn mọi người chăm chú lắng nghe vị đại úy. Dobó tiếp:

– Trong tình hình của chúng ta đây, trí thông minh phán rằng chân chúng ta phải vững như sắt chông nào viện binh của triều đình chưa kịp tới. Quân địch sẽ bắn phá thành dữ dội và có thể chúng sẽ phá vỡ được tường lũy là cái che chở cho chúng ta được một thời gian nào đó. Nhưng đến lúc đó thì chúng ta cần phải xông ra. Và, như các tường lũy đã từng che chở

cho chúng ta, lúc đó đến lượt chúng ta phải che chở cho các tường lũy. Kẻ địch trèo lên tường lũy sẽ vấp phải chúng ta ở từng kẽ nứt. Không đời nào chúng ta cho phép quân địch giăng số phận của dân tộc Hung ra khỏi tay chúng ta.

– Không! Không! Chúng ta không cho phép! – Tất cả mọi người đều hét lên và đứng bật dậy.

– Tôi xin cảm ơn anh em đã đến đây. – Dobó nói tiếp. – Xin cảm ơn anh em đã mang gươm và trái tim đến đây để phò nguy cho xã tắc. Tôi có một cảm giác vững chắc rằng Thượng đế đang xòe bàn tay của người lên Eger và bảo với ngọn triều vô đạo rằng: *Đến đây thôi và không được xô tới nữa!* Cảm giác đó hãy làm anh em cũng thêm vững vàng, và như vậy tôi tin chắc rằng, cũng ngay tại chỗ này, chúng ta sẽ vui vẻ ăn mừng chiến thắng.

– Chúc cho sự việc sẽ như vậy! – Từ phía vang lên tiếng thét và tiếng cốc bạc, cốc kẽm chạm nhau.

Sau Dobó, Pető đứng lên, đó là chàng trung úy nhanh nhẹn và là nhà hùng biện bình dân bậc nhất trong thành.

Anh ta lắc cổ sang phải một cái sang trái một cái rồi nói:

– Ngài Mekcsey tin ở Dobó và Bornemissza. Hai vị này lại tin vào chúng ta và các tường lũy. Vậy tôi cũng nói cho các bạn biết tôi tin vào cái gì.

– Nói đi! Nói đi!

– Năm nay ngoài những thành khác, hai thành kiên cố đã thất thủ: Temesvár và Szolnok.

– Thế còn Veszprém?

– Ở Veszprém không có người. Tại sao hai thành kiên cố nói trên đã

thất thủ? Với thời gian, rồi đây người ta sẽ nói rằng sở dĩ chúng thất thủ là vì quân Thổ mạnh hơn. Thực ra không phải như vậy. Sở dĩ chúng thất thủ là vì Temesvár do lính đánh thuê Tây Ban Nha bảo vệ. Còn Szolnok thì do lính đánh thuê Tây Ban Nha, Tiệp và Đức. Vậy bây giờ tôi sẽ nói tôi tin vào cái gì. Đó là Eger không do lính Tây Ban Nha, cũng không do lính Đức hay lính Tiệp bảo vệ. Ở đây trừ năm pháo thủ ra, tất cả mọi người đều là con dân Hung, và chủ yếu là con dân Eger. Những con sư tử tự bảo vệ lấy tổ của chúng! Tôi tin vào dòng máu Hung!

Đến đây tất cả mọi khuôn mặt đều nóng bừng bừng, những cái cổ giơ cao.

Đáng lẽ Pető đã có thể kết thúc bài nói của anh, nhưng với sự hào phóng của các nhà hùng biện, anh lại tiếp:

– Người Hung cũng như đá thạch anh. Người ta đánh nó mạnh chừng nào thì nó lại càng tóe lửa mạnh chừng ấy. Vậy thì quý tha ma bắt bọn lính ô hợp ăn sung rụng, uống nước lã của Mohamed, chẳng lẽ hai nghìn dũng sỹ do mẹ Hung sinh đẻ, lớn trên mình ngựa, khỏe nhờ lúa mì Hung và rượu vang huyết bò của Eger^(*) lại không địch nổi bọn chúng hay sao?

Tiếng của anh bị át đi trong tiếng hoan hô, tiếng gươm khua lách cách và tiếng cười náo nhiệt, nhưng anh lại vờ rìa mép một cái, liếc sang bên một cái rồi kết thúc như sau:

– Eger cho đến nay chỉ là một thành phố đôn hậu của xứ Heves mà thôi. Thượng đế hãy cho nó từ nay trở đi sẽ là thành phố vinh quang của cả nước Hung! Chúng ta hãy lấy máu bọn vô đạo mà viết lên tường: *Đừng đụng đến người Hung!* Và rồi một ngày kia, sau bao nhiêu thế kỷ nữa, nếu lớp rêu phong của hòa bình vĩnh cửu trên trái đất đã xanh trên di tích của thành này, con cháu của những thế kỷ sau chúng ta sẽ ngả mũ mà đi qua

đây và có thể nói với cảm giác tự hào rằng: ông cha chúng ta đã chiến đấu ở đây, cầu Trời hãy phù hộ cho cả tro bụi của họ nữa.

Nghe đến đó tiếng hoan hô lại náo nhiệt nổi lên và người ta đã tranh nhau mà hôn diễn giả đến nỗi anh không thể nào còn nói tiếp được. Và thực ra anh cũng không muốn nói thêm gì nữa. Anh ngồi xuống và chìa tay cho Bolyky Tamás, chàng trung úy của đội chiến binh Borsod.

– Tamás này, – anh nói, – hai đứa ta mà ở chỗ nào thì đầu bọn Thổ cứ gọi là ửng ra ở đấy!

– Cậu nói hay đến nỗi ngay bây giờ tớ đã muốn xông vào đánh với hàng trăm tên địch! – Tamás gật đầu lia lịa trả lời.

Sau Pető không ai còn cảm thấy trong mình có đủ nghị lực để đứng lên nói nữa. Nhiều người giục Gergely, nhưng cũng như những nhà thông thái, chàng không thích diễn thuyết. Vì vậy, ai nấy đành quay ra nói chuyện tay đôi với người ngồi bên cạnh và tiếng ồn ào vui vẻ của bữa tiệc tối vang đầy căn phòng.

Dobó cũng hăng lên, khi chạm cốc với người bên này, lúc chạm cốc với người bên kia. Có lần ông chìa cốc cho Gergely chạm, và khi giáo sỹ bỏ đến ngồi cạnh Pető nói chuyện, ông vẫy Gergely đến bên mình.

– Nào, lại đây con. – Ông nói.

Khi Gergely đã đến ngồi bên cạnh, ông tiếp:

– Ta muốn nói chuyện với con về các công tử Török. Ta đã viết thư cho họ, nhưng chỉ vô ích thôi có phải không?

– Chắc thế. – Gergely đặt cốc xuống trước mặt, trả lời. – Tôi không tin là chúng ta sẽ được gặp họ. Jancsi không thích cố thủ trong thành, cậu ta thích chơi với bọn Thổ ở ngoài bãi rộng hơn. Còn Feri không đi xa đến tận

đây đâu, cậu ta không bao giờ rời khỏi vùng hữu ngạn Duna.

– Có thật là tướng công Bálint đã mất rồi chẳng?

– Vâng, đúng thế, tội nghiệp, đã một vài tháng nay rồi. Chỉ cái chết mới cởi được gông xiềng cho ngài.

– Ngài sống quá cái tang của phu nhân được bao lâu nhỉ?

– Được đến mấy năm cơ đấy. Có lẽ đại úy đã biết, phu nhân mất lúc chúng tôi từ Konstantinope trở về. Chúng tôi đến Debrecen đúng lúc người ta đang mai táng phu nhân.

– Phu nhân thật là một phụ nữ tốt. – Dobó trầm ngâm nói và giơ tay ra với cốc rượu như muốn uống vì bà.

– Chắc hẳn trái đất không sinh được nhiều người như thế đâu. – Gergely nói và cũng cầm lấy cốc.

Họ lặng lẽ chạm cốc. Có lẽ cả hai đều nghĩ rằng người đàn bà phúc hậu ấy ở thiên đường cũng thấy cốc rượu nâng lên vì bà.

– Thế Zrinyi? – Dobó lại bắt đầu. – Ta cũng viết cho cả ông ta nữa là hãy đến Eger.

– Đáng lẽ chú ấy đã đến rồi kia, nhưng từ mấy tháng nay chú ấy nhận được tin tên pasa ở Bosnia chuẩn bị tiến đánh chú ấy. Hồi tháng hai tôi có nói chuyện với chú ấy ở Csáktornya. Lúc đó chú ấy đã biết bọn Thổ phát đại binh đi đánh Temesvár, Szolnok và Eger. Chú ấy còn đọc cho tôi viết bức thư lên hoàng thượng cơ mà.

Chàng vừa nói vừa vuốt tóc người võ đồng.

Trước cửa phòng bỗng vang lên tiếng nhạc của mấy cây tiêu và mấy cây kèn:

*Miska đang lội trong bùn
Panni đã đợi bên nguồn từ lâu.*

Dường như có ai đã tiếp một dòng máu mới vào huyết quản mọi người. Theo hiệu của Dobó, người võ đồng dẫn các ca sỹ vào. Ba người thổi tiêu và hai người chơi kèn, cả gã di gan cũng ở trong số đó. Đầu gã đội một cái mũ sắt to, đã han gỉ, có cắm ba cái lông gà trống. Bên sườn gã, một thanh gươm trần lủng lẳng ở đầu dây. Sau hai gót chân đất là một đôi cựa giày to tướng. Gã phồng má lên mà thổi cây kèn kalanet^(*) của gã.

Tất cả đều thích thú lắng tai nghe họ thổi. Khi họ điệp lại khúc nhạc, một giọng nam trung ấm áp bỗng cất lên trong hàng các trung úy:

*Trời mau làm xanh lại những rừng dương
Để ta lại thẳng cương vào tuần mã
Và thử lại thanh gươm đang buồn bã
Cho Thổ Nhĩ Kỳ khóc mếu nhắc tên ta.*

Người trung úy đó là một anh chàng to lớn, ria mép vê xoắn tít. Ria mép của anh ta lúc nào cũng thẳng ngang dưới mũi, đến nỗi đứng sau lưng cũng đã có thể nhận ra được rồi.

- Người trung úy này là ai ấy nhỉ? – Gergely cúi về phía Dobó hỏi.
- Em trai của đại úy trấn thủ thành Komárom, tên anh ta là Paksy Jób.
- Hát hay thật.
- Và rõ là một trang dũng sỹ. Tất cả những người vui hát đều là những chiến sỹ cừ.

Người trung úy còn muốn hát một đoạn khác nữa của bài ca, nhưng anh

ta không nhớ ra. Mấy cây kèn, tiêu đều chờ anh ta bắt đầu.

Trong phút im lặng đó, một người bỗng thét vang lên:

– Giáo sỹ của chúng ta muôn năm!

– Trưởng lão của quân đội ta muôn năm! – Zoltay hô to.

Cecey vui vẻ đáp:

– Có lão cái ông bố già của các anh thì có!

– Người vệ quốc trẻ nhất của thành muôn năm! – Pető hô lên.

Nghe thế Tarjáni Kristóf cũng giơ tay cầm lấy cốc và đỏ mặt chạm cốc với khách khứa.

– Tên Thổ sẽ bị chúng ta nện gãy răng đầu tiên muôn năm! – Gergely hô.

Nhưng không có ai để nhận cái chạm cốc này cả. Tất cả mọi người đều cười và đành chạm cốc với người bên cạnh.

Gã quý tộc Eger có bộ mặt đỏ đứng dậy. Gã hất cái áo khoác màu xanh có cổ đeo trên vai phải ra đằng sau. Gã chùi ria mép bên phải một cái, bên trái một cái, vuốt tóc ra phía sau một cái rồi lên tiếng:

– Người đầu tiên sẽ chết vì Eger, muôn năm!

Gã kiêu hãnh và nghiêm nghị nhìn quanh rồi nốc một hơi cạn cốc mà không chạm với ai cả.

Gã có ngờ đâu gã uống vì chính gã.

Kim của cái đồng hồ to có đế chỉ đến số mười một khi một người lính gác bước vào dừng lại ở ngưỡng cửa và báo cáo:

– Thừa ngài đại úy, quân Thổ đã đến Maklár.

– Đội thám báo hay đội tiền quân?

– Nhiều hơn là một đội thám báo. Dưới ánh trăng chúng kéo đến nom như nước lũ. Chúng tôi thấy rất nhiều trại và nhiều lửa.

– Vậy thì ngày mai chúng sẽ đến đây. – Dobó gật đầu cho người lính gác lui ra sau khi đã dặn từ đây đến sáng không cần phải báo cáo thêm nữa.

Và ông cũng đứng dậy. Đó là dấu hiệu giải tán.

Mekcsey kéo Gergely, Fügedi, Pető và Zoltay vào một góc phòng. Anh nói với họ vài lời rồi vội vàng đến chỗ Dobó.

– Thừa đại úy. – Anh nói và đập cửa giày vào nhau kêu lách cách. – Đêm nay chúng ta có thể xuất kích độ vài trăm người.

– Đến âm ty địa ngục nào thế?

– Đến Maklár.

– Đến Maklár?

– Để chúc cho bọn Thổ được ngon giấc.

Dobó thích chí đưa tay lên vuốt ria rồi bước đến bên cửa sổ làm Mekcsey cũng phải bước theo.

– Hầy, – Dobó đáp, – ta cũng chẳng tiếc. Đối với quân dân trong thành, cái loại việc làm đó có tác dụng khích lệ đấy.

– Chính tôi cũng nghĩ như vậy.

– Nếu có lòng hăng say chiến đấu, gươm sẽ bén ngọt. Nhưng anh thì ta không thả ra đâu.

Mekcsey giật mình.

Dobó bình tĩnh nhìn anh và nói:

– Anh thật như một chú bò tốt. Anh húc bừa vào tất cả mọi gốc cây, rồi một lần nào đó bỗng không tài nào rút sừng ra được nữa. Thế mà anh còn phải chú ý giữ lấy cái đầu của anh chứ, để nhỡ nếu ta có ngã xuống thì anh

phải lập tức nắm lấy quyền chủ soái. Điều này ta chỉ nói riêng với anh thôi. Nhưng còn Bornemissza và các cậu khác thì có thể đi được. Gergely là một tay mưu trí, khó lòng lừa được cậu ta vào bẫy. Anh gọi cậu ta lại đây.

Gergely có mặt ngay.

– Gergely, anh có thể đi được. – Dobó nói. – Nhưng không phải với hai trăm người đâu, chỉ một trăm thôi. Ngàn ấy là đủ. Các anh nên chúng một cú, làm chúng hết một tí rồi phải quay về ngay. Không được để thiệt mạng một ai đấy nhé.

– Thừa đại úy, – cậu bé võ đồng Tarjáni cầu khẩn, – cho con đi theo họ với.

Dobó lại vuốt ria mép một cái.

– Thôi được, ta chẳng tiếc. – Ông nói. – Nhưng lúc nào cũng phải nhớ theo sát thượng úy Gergely đấy nhé. Nếu để chúng nó đánh cho như tử thì đừng có mà về trình diện ta nữa, ta nói cho mà biết.

6

Gergely lao đến trại lính kỵ mã và khi đã vào đến trong phòng, chàng nổ một phát súng ngắn thay cho kèn tập hợp.

Các chiến sỹ lập tức chồm ra khỏi giường.

– Tập hợp quanh ta! – Gergely hét to.

Chàng chọn lấy một trăm trong số những người nhanh nhất.

– Một – hai! Mặc quần áo vào! Khi nào ta nháy mắt đến cái thứ ba, các người đã phải gươm súng sẵn sàng trên ngựa ở chỗ cổng. Còn anh, chạy ngay đến chỗ quan đại úy phó trấn xin một cái cạm bắt tù binh và mang theo. Tất cả phải mang theo súng tay^(*) trong túi yên ngựa!

Gergely chạy xuống cầu thang, vội vã đi về phía chuồng ngựa. Dưới ánh đèn đỏ từ nhà bếp hắt ra, chàng trông thấy một người mặc áo donman màu vàng, đội mũ sắt. Người đó ngồi trên một cái chậu úp sấp, đang ôm một quả dưa hấu trên đùi, lấy thìa xúc ăn. Chân người đó không có giày.

– Người này chẳng thể ai khác ngoài gã di gan của ta. – Gergely tự nhủ và lên tiếng gọi:

– Sarközi!

– Xin ngài cứ sai phái. – Gã di gan đáp và ngồi thẳng người lên.

– Nếu anh theo ta, hôm nay anh sẽ có thể kiếm được ngựa, ngựa nòi hãn hoi.

Gã di gan nhảy phắt dậy.

– Con đi ngay đây. Đến đâu ạ?

– Đến chỗ bọn Thổ. – Gergely vui vẻ đáp. – Bây giờ chúng nó đang ngủ, ta sẽ đánh úp chúng.

Gã di gan gã đầu cúi nhìn xuống đất rồi lại ngồi xuống cái chậu.

– Nói là nói thế chứ không thể được đâu ạ. – Gã trịnh trọng nói.

– Sao lại không thể được?

– Hôm nay con đã cùng với mọi người thề là không rời bỏ thành.

– Chúng ta có thề như thế đâu. Chúng ta thề là sẽ bảo vệ thành đến cùng chứ.

– Có thể là những người khác thề như thế. Con thì con thề là nếu con mà đi ra khỏi thành thì cứ xin trời đánh thánh vật. Cầu Thượng đế phù hộ cho con giữ được lời thề đó!

Nói rồi gã lại ôm quả dưa hấu vào lòng, lúc lắc cái đầu và tiếp tục nhắm nháp.

Chưa đầy mười phút, Gergely đã cùng các chiến sỹ phóng ngựa trên đường đi Maklár, dưới ánh trăng đêm.

Hai người đi phía trước, hạ sỹ Fekete István và binh nhất Bódogfalvi Péter. Qua suối Nước Nóng họ rẽ xuống cánh đồng cỏ. Ở đó đất mềm nuốt gọn tiếng lộp cộp của vó ngựa, một trăm kỵ binh giống như một trăm cái bóng lung linh chuyển động.

Đến cánh rừng liễu Andornak, họ trông thấy ánh lửa của tốp gác đầu tiên.

Péter dừng lại, tất cả mọi người cũng thế.

Mảnh trăng lưỡi liềm giữa những đám mây chỉ chiếu sáng vừa đủ để nhận thấy những cây cối và hình người như những bóng đen tách ra khỏi màn đêm.

Gergely thúc ngựa đến bên Bódogfalvi:

– Xuống ngựa đi. Hãy bò như rắn đến chỗ tên lính gác đầu tiên. Nếu nó có chó đi theo và sủa thì cậu hãy bò trở lại, cũng lặng lẽ như khi đến đó. Nhưng nếu không có chó, cậu hãy vòng ra sau lưng nó, cho nó một nhát. Sau đó cậu hãy quan sát đồng lửa, nếu không còn tên lính gác nào khác ở cạnh đó, hãy ném vào đó nửa vốc thuốc súng. Nhưng ngay chớp mắt đó cậu phải nấp đi, đừng để ai trông thấy.

– Còn ngựa của con?

– Ngựa của cậu đem buộc vào cây này này. Khi nào ta trở lại, cậu sẽ tìm thấy nó.

– Nếu có quân nó ở bên đồng lửa?

– Cậu nhìn quanh cho thật kỹ xem chúng nó nằm những đâu và nằm như thế nào, chỗ nào đông nhất; sau đó mau chóng quay lại.

Họ đứng đến hơn nửa giờ bên bờ suối, cạnh những bụi liễu. Gergely dặn dò binh sỹ:

– Chừng nào còn thấy chúng nó chạy, các cậu cứ tha hồ đâm chém. Không ai được rời xa đồng đội quá một trăm bước, đừng để bị vấp ngã. Khi nào nghe tiếng tù và rúc, lập tức phải quay lại ngay và chúng ta sẽ phi nước đại về thành. Chừng nào tù và chưa rúc, cuộc chơi còn tự do.

Các chiến sỹ đứng quây vòng xung quanh, lắng nghe từng lời chàng nói.

Gergely lại tiếp:

– Chúng nó sẽ hết hoảng và không còn nghĩ đến chuyện kháng cự nữa. Nếu đúng như vậy, các cậu cứ chém vào chỗ dày đặc nhất cho đến khi nào chúng nó tan tác ra mới thôi. Các cậu hãy học lấy một lần và mãi mãi rằng

kẻ nào chiến đấu trên mình ngựa thì phải chém cho thật nhanh để địch thủ không có thì giờ chém lại nữa. Phải chém lia lịa như mưa sa chớp giạt ấy.

Gergely ngừng lời. Chàng quay về phía bọn Thổ nghe ngóng động tĩnh rồi lại quay về phía các chiến sỹ:

– Cái cạm bắt tù binh đâu?

– Có đây, thưa thượng úy. – Một gã người cao trả lời trong hàng quân.

– Cậu giữ dụng cụ đấy à?

– Vâng.

Gã chiến sỹ trả lời và giơ cao một dụng cụ dài giống như cái nạng.

– Cậu biết dùng nó chứ?

– Ngài đại úy đã dạy con.

– Vậy cậu hãy dùng nó mà chệt lấy cổ một tên nào đó rồi quật cái đồ cầu trệ ấy xuống. Nếu chúng ta chop được loại sỹ quan thì mới thật là vẻ vang các cậu ạ. Loại ấy thường ở trong cái lều đẹp nhất và chắc chắn là chỉ mặc một áo cánh mà ngủ. Nếu có thể được ta hãy bắt lấy loại đó.

Chàng lại nghe ngóng rồi nói tiếp:

– Phải trói tù binh lại, nhưng chỉ trói tay nó thôi. Trói quặt tay nó ra sau lưng. Nếu ta bắt được cả ngựa nữa thì có thể cho nó cưỡi và lúc đó cậu Kristóf và cậu, cậu người be bé kia, các cậu hãy kèm nó vào giữa, buộc cương ngựa của nó vào ngựa của các cậu mà đưa nó về. Nếu nó định tẩu thoát, hoặc nói gì, hoặc kêu la, hoặc định tụt xuống đằng sau, các cậu lập tức phải đánh ngay!

– Nhưng nếu ta không bắt được ngựa? – Kristóf hỏi.

– Thì nó phải chạy theo bên cạnh ngựa của các cậu, và các cậu phải vội về thành ngay, không chờ chúng ta nữa.

Hình dáng của anh binh nhất Péter hiện ra bên cạnh mấy bụi cây, anh chạy mà về.

– Con đâm chết tên lính gác rồi. – Anh vừa thở hổn hển vừa nói. – Nó chẳng kịp ới ái gì cả mà chỉ lăn kênh ra như một cái bị. Đồng lửa cháy ở khoảng giữa các lều, có một tên Thổ ra dáng lính hầu ngồi bên cạnh. Tay hắn cầm hài vàng, phấn vàng đặt trên đầu gối.

– Cần vụ sỹ quan. – Gergely nói. – Nói tiếp đi.

– Hàng trăm đứa khác nằm lăn lóc trên bãi cỏ, trên các tấm chăn, giữa một bãi tròn về phía bên trái đồng lửa.

– Chúng nó ngủ chứ?

– Như một bầy gấu^(*).

– Tốt. – Gergely nói. – Bây giờ các cậu hãy dàn ra cách nhau độ mười bước. Khi nào ta nổ súng, tất cả các khẩu súng đều bắn vào giữa bọn địch và các cậu hãy nhảy xổ vào chúng nó như những con sói ấy. Phải thét lên, gào lên và chém, chém lia lịa vào, không phải bổ các cậu đâu mà gượng nhẹ!

Họ chờ cho Péter lên ngựa xong rồi tản rộng ra về phía mặt trời mọc.

Người ngoài cùng là Pető. Từ xa người ta đã có thể nhận ra được anh nhờ ba cái lông đại bàng cắm trên mũ chiến. Tuyến của kỵ đội quành vào thành một hình bán nguyệt và lựa nước chạy theo nhịp phi của Gergely. Bây giờ Gergely đã dẫn đầu.

Chàng cho ngựa chạy nước kiệu nhẹ nhàng bên cạnh dãy bụi cây một chốc, sau đó bất thành lình chuyển sang phi nước đại.

Tiếng rú man rợ của tên Thổ đầu tiên nổi lên trong đêm. Hắn nổ súng vào Gergely. Gergely bắn trả. Trong nháy mắt sau đó, tất cả các khẩu súng

ngắn đều nổ ran và một trăm kỵ sỹ như một trận cuồng phong dữ dội ào ào xông vào đội quân Thổ đang ngủ.

Trong nháy mắt đó, khu lều trại choàng tỉnh dậy trong tiếng ào ào. Tiếng thét của Hung và của Thổ hỗn hợp với nhau thành một cơn bão âm thanh. Những tên địch ngủ dưới đất, thần hồn nát thần tính choàng dậy và đám đông quân Thổ chen lấn nhau, nhảy lên lưng lên cổ nhau, đập nhau chạy tứ tung giữa các lều.

– Giết! Giết! – Tiếng Gergely vang lên lạnh lạnh.

– Allah! Allah akbar^(*)! – Quân Thổ rú.

– Đập chết bọn chó đi! – Pető Gáspár gầm lên đầu đó giữa những cái lều.

Tiếng rú của bọn Thổ chen lẫn tiếng chửi của các chiến sỹ Hung. Gươm vung loang loáng, phủ việt^(*) quất vù vù, vó ngựa nện rầm rập, lều trại gãy răng rắc, chó sủa ăng ăng. Mặt đất cũng rung rinh dưới vó ngựa của một trăm kỵ sỹ.

Gergely thúc ngựa nhảy vào giữa một bầy dị giáo bị kẹt giữa hai cái lều. Chàng chém bên phải, phạt bên trái. Chàng cảm thấy lưỡi gươm của mình lần nào cũng phập vào thân người và đầu giắc rơi rụng, thân giắc ngã nhào trước ngựa chàng như lúa mì thóc sáu khi một con chó săn phóng giữa cánh đồng.

Dưới ánh trăng soi, chàng trông thấy tất cả bầy ngựa của bọn Thổ đang gặm cỏ thành một đàn và những tên chạy trốn đang dùng gươm cong chặt dây hãm rồi nhảy lên mình ngựa.

– Theo ta, các cậu ơi! – Chàng kêu to với Pető lúc ấy vừa đến đó.

Và họ tấn công cả vào bọn đã lên ngựa. Họ chém cả người lẫn ngựa.

Gươm khua loảng xoảng, giáo vụn rã rắc, chùy vung vù vù. Bọn Thổ kinh hoàng nhảy bừa lên ngựa; có khi hai đứa cùng bám lên một ngựa. Đứa nào kịp thì tẩu thoát bằng ngựa, đứa nào không kịp nhảy lên ngựa thì vấp chân lên cổ mà lún vào đê mê tối.

Gergely không đuổi theo chúng nữa. Chàng dừng lại, cho thối tù và thu quân. Các chiến sỹ của chàng từ khắp tứ phía, chạy qua những khoảng cách giữa các lều đến chỗ chàng.

– Quân Thổ đã chạy! – Gergely nói to. – Các cậu hãy mau thu nhặt tất cả những gì có thể mang theo được! Đừng ai buông ngựa ra khỏi tay! Lều nào có lửa cháy ở đằng trước thì hất lửa lên lều!

Các chiến sỹ lại tản đi. Gergely vẩy gươm cho ráo máu và đâm hai ba lần vào vải bạt của một cái lều để lau cho sạch.

– Phù, công việc này thật đáng kinh tởm biết bao! – Chàng nói với Fekete, cũng đang chùi gươm theo kiểu đó.

Sau đó, khi đã không còn thấy bóng quân Thổ ở đâu nữa, chàng gọi Kristóf đến bên mình:

– Ta hãy đi xem các lều một lượt!

Dưới ánh trăng mờ nhạt không thể phân biệt được lều nào là của sỹ quan chỉ huy. Các lều không cùng một dạng, cái thì tròn, cái thì vuông. Và lều nào có sang trọng hơn những cái khác một chút thì đó cũng chỉ là loại lều được gửi đi trước mà thôi. Cho bọn lính thường.

Gergely giật lấy cây cờ đuôi ngựa trên nóc một cái lều và gọi hỏi Kristóf:

– Thế nào cậu cả, cậu có chém không đấy?

– Hai đứa. – Người võ đồng vừa thở vừa đáp.

– Chỉ hai thôi à?

– Những đứa khác chạy mất cả.

Các chiến sỹ đã lũng được cả một vài cái xe. Họ ném lên đó tất cả những thứ không chất lên mình ngựa của họ được nữa: những tấm thảm, những cây cò thêu kim tuyến, những dây thừng ngựa nạm ngọc trang trí trước ức ngựa, những bộ yên cương, mũ sắt, binh khí, nồi chảo và tất cả những thứ gì lọt vào tay họ. Họ còn tháo tung cả mấy cái lều, ném lên xe.

Khi họ về đến thành, trời đã ràn rạng.

Dobó đã sốt ruột chờ họ trên pháo đài. Nếu trận xuất kích thất bại, dân thành sẽ lo âu. Nhưng khi ông trông thấy những con chiến mã và những cái xe chất nặng, trông thấy Gergely từ xa đã giơ cao lá cờ Thổ đánh chum đuôi ngựa, niềm vui sướng sáng bừng trên khuôn mặt ông.

Khi đoàn dũng sỹ rầm rập kéo qua cổng thành, dân thành đã chờ sẵn ở đó và hoan hô họ bằng những tiếng reo vui vẻ.

Các chiến sỹ đã không bị tổn thất mà còn bắt thêm được tù binh. Gã chiến sỹ người cao mang theo một tên Thổ bị nhét giẻ đầy mồm, dẫn thẳng đến trước Dobó. Đến đó anh kéo dài khăn tuyban ra khỏi mồm nó.

– Con xin báo cáo, – anh kiêu hãnh nói, – chúng con đã đem về cả lưỡi.

– Đồ con bò! – Tên Thổ điên tiết thét vào mặt người dũng sỹ.

Dobó vốn không hay cười, nhưng lần này ông cười ha hả đến nỗi chảy cả nước mắt.

– Varsányi, – ông nói với tên tù binh, – vậy là anh đóng vai lính Thổ cừ đấy chứ.

Và ông quay sang người dũng sỹ:

– Thôi, cởi trói cho anh ta đi. Anh ta là điệp viên của ta đấy.

– Con đã định nói với cái đồ ngu này rằng con là người Hung, nhưng hễ con vừa lên tiếng là lần nào nó cũng nện vào đầu con, sau đó nó lại còn nhét giẻ vào mồm con nữa.

Varsányi cay đắng nói và vung tay lên định tát.

Người dũng sỹ chững hững lùi ra một bên.

Dobó vẫy Gergely và Mekcsey lại, rồi nói với người điệp viên:

– Vào đây.

Ông đi vào ngôi nhà hai tầng đứng bên cổng trong, có tháp ở trên mái, và bước vào phòng người giữ khóa cổng. Ông ngồi xuống một cái ghế bành đan bằng rễ cây rồi ra hiệu cho Varsányi nói.

– Thừa đại úy, – người điệp viên vừa xoa bóp căng tay vừa bắt đầu, – vậy là toàn bộ đại quân của chúng nó đã đến. Pasa Ahmed đi đầu. Đêm qua đại quân ngủ lại ở Abony. Chúng nó phái đội tiền quân cùng với bãi Manda đến Maklár. Mẹ kiếp!... – Anh ta nói thêm với giọng đổi khác.

Cái “mẹ kiếp” này là dành cho người dũng sỹ đã lôi anh ta vào Eger. Sợi dây trói còn để lại những lần sâu trên tay anh, đầu anh cũng nhận được vài cú nện bởi vì chắc hẳn là anh đã giãy giụa chống lại bạo lực.

– Vậy tên bãi cũng đã ở đó với các người đấy ư? – Gergely sừng sốt hỏi. – Đáng lẽ chúng ta đã có thể bắt được hắn rồi.

– Khó lòng lắm. – Người điệp viên đáp. – Hắn béo như con lợn của các tu sỹ, ít nhất cũng đến ba tạ nếu không hơn.

– Anh bảo tên nó là gì?

– Manda. Đạn không trúng hắn được. Hắn không phải là một tên bãi từ xưa. Chỉ mới trong mùa hè vừa rồi hắn mới được phong chức bãi, sau trận

hạ thành Temesvár. Ngoài ra bọn lính chỉ gọi hăn là Hajvan.

Gergely mỉm cười nói với hai đại úy:

– Nó là tên Thổ mà tôi đã nói chuyện cách đây mấy tối. Được rồi, đến đây rồi đạn sẽ trúng.

– Nói tiếp đi. – Dobó bảo người điệp viên.

– Sau đó đến bãi đặc mệnh Sokolovics Mehemed. Hăn bắn giỏi lắm. Hăn điều chỉnh các khẩu đại bác và sẽ ra lệnh bắn phát đầu tiên. Chúng nó bảo hăn có đôi mắt có thể nhìn xuyên qua tường. Con thì không tin điều đó.

– Chúng nó có bao nhiêu đại bác?

– Đại bác công thành kiểu cổ chúng có mười sáu khẩu. Đại bác cỡ lớn khác chúng có tám mươi lăm khẩu. Đại bác bắn đạn cỡ nhỏ, hơn một trăm năm mươi khẩu. Đại bác bắn đạn ria rất nhiều. Đạn chúng nó chở trên một trăm bốn chục xe, con còn thấy hai trăm lạng đà tải thuốc súng. Trên một cái xe bốn bò mộng kéo, chúng chẳng chở gì khác ngoài đạn cấm thạch, những viên đạn cỡ bằng những quả dưa hấu to nhất.

– Đoàn quân có được cung cấp dồi dào lương thực không?

– Gạo thì chúng không dư dật lắm. Hiện nay chúng chỉ phát gạo cho sỹ quan thôi. Nhưng bột mì với thịt thì chúng cướp lấy ở khắp mọi nơi.

– Trong quân có bệnh tật gì không?

– Không ạ. Chỉ có bãi Kászon bị ốm ở Hatvan, mà cũng chỉ vì ăn dưa chuột muối mà thôi.

– Còn ai nữa?

– Bãi Arszlán.

– Con của tên cựu tổng trấn Buda ấy à?

– Vâng.

– Còn ai nữa?

– Bêi Mustafa, bêi Kamber, bêi Veli.

– Mẹ kiếp cái tên bêi Veli ấy chứ, – Mekksey lăm bắm. – Ta sẽ bắt nó hát cho mà xem!

– Ta còn cho nó nhảy nữa ấy chứ. – Gergely nói.

– Thế còn tên bêi đạo sỹ? – Dobó hỏi. – Nó là loại đạo sỹ gì?

Varsányi lắc đầu:

– Hắn rất đặc biệt. Cũng là bêi chính thức như những tên khác, nhưng hể ra trận là hắn cởi bỏ áo bêi và mặc áo khoác lông cừu. Vì thế chúng nó mới gọi hắn là bêi Đạo sỹ.

Người điệp viên nói và nhìn Dobó với vẻ không vui, vì từ câu hỏi của ông, anh ta thấy là một điệp viên khác của Dobó đã vượt trước anh ta.

– Hắn là người như thế nào? – Dobó tiếp tục căn vặn. – Hắn chỉ huy đội quân nào?

– Con thấy hắn đi với bọn kỵ binh. Hắn chột một mắt. Trước kia hắn là aga của bọn ionisa và tên thật của hắn là Jumurdzsák.

Nghe đến cái tên ấy, bàn tay của Gergely chột cử động và chuôi xuống đốc kiếm.

– Jumurdzsák. – Chàng nói. – Ngài không nhớ ra ư, thưa đại úy? Chính con đã trốn thoát khỏi tay hắn hồi con còn nhỏ ấy thôi.

Dobó lắc đầu:

– Trong đời ta đã đụng độ với bao nhiêu là tên Thổ đến nỗi nếu ta có quên mất tên này hay tên nọ thì cũng chẳng có gì đáng lạ.

Nhưng ông chột vỗ tay lên trán:

– Sao ta lại không biết hắn cơ chứ. Hắn là em của tên bêi Arszlán. Một

đưa tàn ác như lang sói!

Rồi ông lại quay sang người điệp viên:

– Anh làm gì trong trại quân Thổ?

– Con đã được vào làm lính hầu của tên bêi Manda (quỷ tha ma bắt cái anh chàng ngớ ngẩn đã bắt con về đi), đáng lẽ con đã có thể lấy tin tức về tất cả mọi mưu đồ của chúng.

– Anh làm thế nào mà được vào làm ở chỗ tên bêi?

– Con đánh bạn với thằng hầu cũ của hắn và lúc nào cũng quanh quần bên lều của hắn. Ở Hatvan tên bêi giận thằng hầu cũ và đánh đuổi đi, còn con thì vì hắn đã thấy nhiều lần nên hắn gọi con đến làm, bởi vì con cũng đã biết nấu mực rồi.

– Cái gì?

– Mực. Hắn uống mực cũng như ta uống rượu vang vậy. Sáng, trưa, tối hắn đều chỉ uống mực.

– Có lẽ không phải mực đâu, anh ạ.

– Nhưng rõ ràng là mực mà, đúng thật loại mực đen tốt nấu bằng một thứ đậu gì gì ấy, đắng ơ là đắng, đến nỗi có lần con ném thử mà đến tận ngày hôm sau vẫn còn phải nhổ nước bọt đấy. Chúng nó gọi thứ đậu ấy là cà phê.

Ba vị chỉ huy đưa mắt nhìn nhau, trong bọn họ chưa hề một ai nghe nói đến cà phê cả.

– Thôi, anh làm được đến thế là tốt rồi đấy. – Dobó nói và ngược nhìn ra phía trước. – Quân chúng nó kháo nhau những gì về Eger? Chúng nó có bảo thành này kiên cố không, hay chúng nó cho là chuyện dễ xơi?

– Từ khi Szolnok thất thủ, – người điệp viên đáp, – chúng nó tưởng

rằng tất cả thế giới đều là của chúng nó. Khắp trại quân, nơi nào chúng nó cũng kháo nhau rằng pasa Ali đã viết thư cho Ahmed nói rằng Eger chỉ là một cái chuồng cừu xộc xệch.

– Thế chúng nó chưa hội quân à?

– Bẩm chưa.

Dobó nhìn Mekcsey. Mekcsey mỉm cười nhún vai:

– Rồi chúng nó sẽ thấy trong cái chuồng xộc xệch này có những con cừu dữ đến thế nào.

Người điệp viên nói tiếp:

– Trong trại chúng nó có nhiều quân ô hợp. Đủ tất cả các loại con buôn Hy Lạp, bọn làm xiếc leo dây, bọn Armenia, bọn lái ngựa và di gan đi theo đoàn quân. Nô lệ cũng có một vài trăm, phần lớn là phụ nữ Ternesvár. Họ bị đem chia cho bọn sỹ quan.

– Quân khốn nạn! – Mekcsey gầm gừ.

Người điệp viên lại nói tiếp:

– Nô lệ nam giới thì con chỉ thấy loại thiếu niên thôi, với lại phu xe chở đạn. Bèi Arszlán mỗi ngày nói đến hàng chục lần rằng những người Eger hễ trông thấy đạo quân bạt ngàn là sẽ bỏ trốn ngay, cũng như bọn Szolnok.

– Sức mạnh chính của đạo quân đó là gì?

– Là có đông bọn ionisa và càng đông hơn nữa bọn thiết kỵ. Bọn công binh đào đường ngầm cũng đến. Chúng nó gọi bọn ấy là logumji. Bọn lính kumbaraji cũng đến, đó là bọn dùng thương và ná để bắn hỏa hổ(*) vào thành.

Dobó đứng dậy:

– Bây giờ thì anh đi nghỉ đi. Đến khuya anh sẽ trở lại trại quân địch.

Nếu có gì cần báo cáo, anh cứ việc đến dưới chân thành về phía thành phố và vẫy một cái khăn trắng.

7

Ngoài bãi chợ lập tức bắt đầu một cuộc bán hóa giá. Năm xe chất đầy và tám con ngựa nhỏ giống Thổ.

Người ta lôi viên thư lại phát xipô ra khỏi giường rồi đặt một cái bàn trước mặt anh ta, một người đánh trống bên cạnh, và cử Bódogfalvi Péter làm người xướng giá.

– Bắt đầu từ mấy con ngựa đi. – Pető nói.

– Một con ngựa Ả Rập tuyệt đẹp đây! – Bódogfalvi bắt đầu xướng.

– Cậu xướng cả hai con một lúc đi. – Mekksey bảo.

Bởi vì trong số chiến lợi phẩm có hai con ngựa chiến giống nhau như đúc.

Chẳng có ai trả cho hai con ngựa đó một giá nào cả, tuy thế vẫn bán được. Dobó ủy cho Mekksey mua lấy đôi ngựa tốt đó cho các võ đồng. Mekksey chờ xem có ai lên tiếng không, nhưng tất cả mọi người đều dành tiền để mua binh khí và các loại quần áo. Mekksey bèn mua cả tám con ngựa với giá bốn forint^(*) và dắt về chuồng.

Sau đó đến lượt các cỗ xe, trong đó tha hồ nhiều thứ binh khí đẹp. Với một vài dénár đã có thể mua được một thanh gươm cán nạm ngọc hoặc một khẩu súng có bóng bằng ngà voi. Các phụ nữ đua nhau mua các loại quần áo. Fügedi mua một cây chùy nặng hai chục bảng^(*), Paksy Jób mua một tấm nhung phủ mình ngựa. Zoltay mua một cái mũ chiến bằng bạc có lưới che mặt. Tiền rơi rào rào xuống trước mặt viên thư lại Mihály và gã cầm

cúi ghi hết những ai mua gì, trả được bao nhiêu.

Khi cái xe đầu tiên đã vơi đến đáy thùng, Bódogfalvi vui vẻ kêu lên:

– Bây giờ đến cái hòm bảo vật của vua Darius^(*) danh tiếng đây!

Và với sự giúp đỡ của một người lính nữa, anh nhấc một cái hòm bọc da bê rất đẹp đặt lên bệ xe. Cái hòm đầy kín nhưng không thấy khóa hay then gì cả. Người ta phải dùng rìu mới cạy nắp lên được.

Dân thành tò mò đề lên nhau để xem. Dù trong hòm không có bảo vật của vua Darius chẳng nữa, một vài thứ đồ tế nhuyễn chắc hẳn phải có.

– Tôi muốn mua một vài cái cốc bằng bạc. – Một lão chủ quán rượu trong thành nói.

– Tôi muốn mua một cái khăn lụa thật đẹp. – Một cô gái đi ủng đỏ ao ước.

Bởi vì cô đã thấy người ta ném trên xe xuống hàng đồng quần áo nữ cùng mấy chậu hoa, rõ ràng là một số sỹ quan Thổ đã mang cả vợ đi theo.

– Tôi chỉ muốn một đôi poput^(*) thôi. – Một bà lão nói. – Tôi đã nghe đồn nhiều là người Thổ khâu giày poput tốt lắm.

Nắp hòm bật lên.

Khán giả ngạc nhiên không ít khi thấy một thằng bé độ sáu – bảy tuổi từ trong hòm chui ra. Đó là một thằng bé Thổ da mặt trắng trẻo, mắt như mắt con nai, coi bộ rất hoảng sợ. Tóc nó cắt ngắn, mình mặc một cái áo bé tẹo, một đồng tiền vàng đeo tòn ten ở cổ.

Bódogfalvi chửi:

– Chà chà, tiên sư cái thằng bố đầu ẽnh ương, để trên cành sung của nhà mày chứ!

Và anh méo xệch mặt làm bộ kinh tởm. Mọi người cười ran.

– Quạt chết thằng lỏi con đi! – Một chiến sỹ đứng trên một cỗ xe khác la lên.

– Diệt cỏ phải diệt tận gốc! – Một người khác nói.

Thằng bé òa lên khóc.

– Bước ra đi chứ, cái thằng bố mày! – Bódogfalvi quát lên và túm lấy vai thằng bé nhấc ra khỏi cái hòm rồi ném xuống bãi cỏ khiến nó ngã dúm dúm.

Thằng bé khóc thét lên. Mọi người căm ghét nhìn nó.

– Ôi xấu xí quá! – Một phụ nữ kêu lên.

– Xấu đầu nào! – Một người khác đáp lại.

Thằng bé đã đứng dậy, đôi mắt sợ sệt đắm ướt và cái miệng mếu máo. Mỗi nháy mắt nó lại dụi mắt một cái và kinh hoàng nhìn quanh. Nó không dám khóc to nữa, chỉ thút thít.

– Đập chết nó đi mà! – Một người lính đang đỡ cái lều lại quát lên.

Thằng bé giật bắn mình vì tiếng quát, liền nép vào váy một người đàn bà, giấu mặt vào đó. Ngẫu nhiên đó lại chính là người đã chê nó xấu xí, một cụ đàn bà đã già, mũi khoằm như mỏ diều hâu, người gầy gò, làm việc trong nhóm nướng bánh. Lúc đó tay áo cụ đang xắn lên, đầu chít một cái khăn màu xanh, buộc mũi đằng sau.

– Ồ, sao lại đánh chết! – Lúc này cụ đặt tay lên đầu thằng bé, nói. – Nhớ không phải là một thằng bé Thổ cũng nên. Phải thế không con, con không phải là Thổ nhỉ?

Thằng bé ngẩng mặt lên nhưng không đáp.

– Thì nó còn là gì nữa mới được chứ? – Bódogfalvi nói. – Quần áo nó đây này. Mũ nó đây, màu đỏ, áo donman nó đây, cũng màu đỏ! Đã ai từng

thấy cái quần thụng ống túm như thế này chưa? Có dây gấu quần, có thể rút túm lại như miệng cái túi.

Anh vừa nói vừa ném quần áo của thằng bé xuống đất.

– Annem, – thằng bé cất tiếng, – neredede?

– Nào, đã thấy nó là Hung chưa! – Mụ đàn bà đặc thằng kêu lên. – Nó nói đấy: “anyám gyer ide!”(*).

– Hung đâu mà Hung, hờ bà Vas. – Pető vừa cười vừa nói. – Nó có nói là “gyer ide” đâu, nó nói là “nerede”. Nó hỏi: mẹ nó đâu?

Và anh quay sang bảo thằng bé:

– Jok burda anang! (Mẹ mày không có đây!)

Nghe vậy thằng bé lại khóc òa lên:

– Meded, meded! (Ôi! ôi!)

Mụ Vas quỳ xuống, lặng lẽ mặc quần áo vào cho thằng bé. Quần đỏ, mũ đỏ, dép đỏ, áo donman màu tím. Cái áo donman đã có chỗ vá, đôi dép đã phai màu. Mụ lấy tạp dề lau mặt cho thằng bé rồi nói như kiểu đưa ra một nhận định:

– Phải trả nó về mới được.

Pető chẳng biết nên xử trí ra sao cả.

– Chà! – Bódogfalvi hét lên và tuốt gươm ra. – Thế bọn chó má ấy không tàn sát trẻ con của chúng ta đấy hay sao? Cả trẻ sơ sinh chúng cũng chẳng tha!

– Đâm chết đi! – người lính dờ cái lều kêu lên.

Mụ Vas kéo thằng bé đi và đưa tay lên để người lính đừng đánh.

– Đừng động đến nó!

Thêm hai người đàn bà nữa cũng cầm lấy tay thằng bé.

Khi anh chiến sỹ tra gươm vào vỏ, thằng bé đã biến mất giữa những cái váy và những cái tạp dề đến nỗi giá có dùng chổi sắt cũng chẳng thể tìm ra được nữa.

Sau trận đánh hồi đêm, Gergely cho ngựa chạy xuống suối Nước Nóng. Chàng tắm một cái rồi nhanh chóng quay về. Trước lâu đài chàng gặp một gã thanh niên người mập mạp, mặc áo khoác cộc tay màu xanh. Vai gã vác một cây gậy sắt dùng để dện thuốc nổ vào đại bác, hoặc như người ta thường gọi là cái bàn thuốn. Một cái dây ngòi đen nhem treo ở đầu gậy. Gã chào Gergely.

Khi gã quay nghiêng mặt, Gergely sửng sốt đứng dừng lại.

Cái gã trai tóc hoe, áo khoác xanh này, cái mũi nhỏ như mũi trẻ con này giữa đôi mắt bạo dạn kia...

Có những khuôn mặt khắc sâu trong ký ức của chúng ta như những bức tranh sơn dầu treo trên tường, không hề phai nhạt. Khuôn mặt này và cái dáng vóc này vẫn sống trong ký ức Gergely. Khi chàng bị bắt làm tù binh hồi nhỏ và ngồi trong lòng một cô thôn nữ trên xe, chàng đã trông thấy khuôn mặt này. Người thanh niên bị xiềng chân và chửi rủa bọn Thổ.

Gergely kêu lên với gã: Gáspár!

– Vâng, đúng là tên con. – Gã thanh niên mỉm cười đáp và bỏ mũ xuống. – Ngài làm sao mà biết được tên con, thưa thượng úy?

Gergely không thốt nên lời.

– Chuyện này dù sao vẫn dó dẩn thế nào ấy. – Chàng tư lự. – Bởi vì anh này không thể nào lại là anh kia được. Ta gặp anh kia đã hai mươi năm nay rồi cơ mà.

Tuy nhiên chàng vẫn hỏi:

- Bố anh tên là gì?
- Cũng tên như con, thừa thượng úy: Kocsis Gáspár.
- Còn mẹ anh là Margit phải không?
- Vâng ạ.
- Không phải là bố mẹ anh đã lấy nhau ở Baranya hay sao?
- Thừa, chính thế đấy ạ.
- Họ đã là nô lệ của bọn Thổ.
- Chúng nó chỉ mới đang giải họ đi.
- Nhưng rồi họ được giải thoát.
- Đúng thế ạ.
- Dobó đã giải phóng cho họ.
- Với lại một cậu bé nữa.

Gergely thấy cái nóng bừng lên trên mặt.

- Mẹ anh có đây không?
- Có ạ, bởi vì cha con cũng ở đây. Cha con ở cùng chỗ với con: chúng con bảo quản một khẩu đại bác.
- Mẹ anh ở đâu?
- Mẹ con đến kia kìa!

Một người đàn bà to béo, nét mặt tròn vành vạnh đang từ phía cổng thành đi tới, hai tay ôm hai bình sữa, lưng đeo một cái gùi. Tạp dề của bà cũng đựng đầy cà rốt.

Gergely bước vội tới chỗ bà.

– Thím Margit thân mến! Thím Margit tốt bụng! Hãy để cho tôi hôn má thím một cái nào.

Và trước khi người đàn bà kịp trấn tĩnh, chàng hôn chụt lên cả hai má của bà.

Người đàn bà cứ ngẩn tò te ra mà nhìn chàng.

– Thím ơi, tôi là cái thằng bé mà thím bế trong lòng trên đường đi Pécs đây mà.

– Ô! – Thím sửng sốt nói. – Chẳng lẽ lại là ngài đấy ư, hờ ngài tráng sỹ?

Giọng của thím trầm, dày như tiếng một cây kèn gỗ.

– Tôi đây, thím à. – Gergely mừng rỡ đáp. – Đã bao lần khuôn mặt phúc hậu hồi con gái của thím hiện ra trong ký ức tôi! Và chúng tôi nhớ thím đã an ủi, săn sóc chúng tôi như thế nào trên nóc xe.

Những giọt lệ vui mừng long lanh trong mắt thím Margit.

– Mà ừ cái bình sữa này hộ tao cái, – thím bảo gã con trai, – kéo nó rơi khỏi tay tao bây giờ đây! Thế cái cô bé tí xiu ấy? Cô ấy còn sống nữa không?

– Sống chứ thím. Cô ta bây giờ là vợ tôi đấy. Cô ta ở nhà, ở Sopron. Tôi đã có một cháu trai rồi, tên nó là Jancsi. Tôi sẽ viết cho vợ con tôi biết là tôi đã gặp lại thím Margit tốt bụng. Tôi sẽ viết cho họ biết.

Ôi, tráng sỹ Gergely, con trai anh đang ở đâu? Người vợ đẹp của anh đang ở đâu?

8

Ngày hôm đó, Gergely nằm ngủ dài trên tấm nệm da gấu. Chàng chỉ bừng tỉnh giấc khi trong thành bỗng nổi lên tiếng rào rào, rầm rập rất dữ dội, như thể người ta đang đập phá hàng ngàn cánh cửa.

Chàng vươn vai đứng dậy, đến mở cánh cửa chớp. Thì ra cả thành phố đang chìm trong bể lửa. Tòa nhà thờ xứ to lớn nguy nga, lâu đài giám mục lộng lẫy, nhà thờ Miklós, tòa nhà của các linh mục, nhà xây Sặc Sỡ và tất cả các loại nhà cửa khác đều ngập trong thác lửa cuộn cuộn, trong màn khói ngùn ngụt bốc cao. Tiếng ào ào vượt qua trên đầu chàng và vang động khắp thành, rùng rợn như địa ngục.

Chàng mở cánh cửa sổ phía trong, ngói gỗ bay loạn xạ vụt qua trước mặt chàng. Người ta đang phá nóc tu viện và cả cái mái mới rất đẹp của nhà thờ. Vô vàn ngói men xanh, ngói gỗ^(*), rui, kèo bay tứ tung.

Chàng mở cánh cửa sổ thứ ba, từ đó nhìn ra chàng cũng chẳng thấy gì khác ngoài cảnh đập phá mái nhà. Trên các sân bãi và giữa các ngôi nhà không thấy bóng một ai, nhưng trên các mặt lũy đầy những người.

Chàng nhìn mặt trời, thấy đã quá trưa. Chàng gọi tên lính hầu. Gã không có nhà. Chàng vớ lấy bình nước, rất nhanh nhẹn rửa mặt. Chỉ một phút sau chàng đã tề chỉnh quần áo, đeo gươm và đội mũ cầm lông đại bàng rồi lao xuống thang gác. Chàng vớ lấy một cái lá chắn giơ lên che mình rồi vội vã đi ra pháo đài dưới trận mưa ngói.

Thì ra quân Thổ đang từ thung lũng tràn tới như một dòng thác lũ loang

lổ chực nuốt cả thế giới. Chúng nó kéo đến trong tiếng động âm âm, trong tiếng nhạc kèn trện, trong tiếng trống thì thùng. Những lá cờ đại màu đỏ, màu trắng, màu xanh bay phấp phới pha lẫn vào nhau.

Almagyar, cái làng nhỏ xinh đẹp ven bờ suối Nước Nóng đang cháy. Tất cả mọi ngôi nhà trong làng đều cháy.

Trên đường Maklár, một hàng dài trâu và bò đen trùi trùi dài dằng dặc, hút tầm mắt. Con nào con nấy đều gò lưng kéo đại bác.

Bên sườn núi là bọn rebetji^(*) giáp trụ sáng ngời, và dưới nữa, về phía vườn thú là quân akinji mũ đỏ đông như kiến cỏ. Đằng sau chúng còn biết bao thứ quân khác nữa!

– Ngài đại úy trấn thủ đâu?

– Trên tháp nhà thờ.

Gergely ngược nhìn sang. Trên mái bằng của ngọn tháp Dobó đang đứng quan sát, đầu đội cái mũ dạ màu lông bồ câu thường ngày của ông. Bên cạnh là Mekcsey, Zoltay, Pető, giáo sỹ, Cecey và ông lão Sukán.

Gergely vội vã đi sang bên đó. Một cái thang gỗ dẫn lên tháp. Chàng nhảy ba bậc một. Ở một chỗ ngoặt, chàng đâm sầm phải Fügedi.

– Tại sao thành phố lại cháy thế? – Chàng vừa thở vừa hỏi.

– Đại úy đã ra lệnh phóng hỏa.

– Thế còn ở đây, cảnh đập phá này là nghĩa lý gì?

– Chúng ta phá bỏ các nóc nhà để quân Thổ không còn gì mà đốt nữa.

– Cậu đi đâu đấy?

– Mình đi bảo chúng nó chở nước vào bể. Cậu lên đi. Dobó đã hỏi đến cậu đấy.

Từ đỉnh tháp nhìn ra càng thấy rõ hơn đoàn quân Thổ. Đạo quân trùng

trùng điệp điệp đến tận Maklár, chẳng khác gì một khu rừng chuyển động.

– Đây, Gergely, – Mekksey nói với chàng. – Tôi vừa mới hỏi Kristóf đây, đêm qua các cậu đập chết quân Thổ mà như thế đấy à?

– Quân cầu trệ đã sống lại đấy! – Gergely đáp. – Cái thằng mà Bakocsai đã đem thủ cấp về cũng đang đi đến kia kìa!

Và chàng quay sang Dobó:

– Ta không gửi cho chúng một lời chào có nhân có lễ(*) hay sao?

– Không đâu. – Dobó mỉm cười đáp, rồi thấy Gergely nhìn mình với vẻ dò hỏi, ông hất đầu về phía quân Thổ:

– Kẻ nào đến thì phải chào trước chứ.

Dưới thành phố, đạo quân Thổ tản về phía vườn thú, y như dòng nước lũ chảy quanh hòn đá mà nó gặp trên đường.

9

Đêm hôm đó lại một vài người dân miền trên biển đi mất. Nhưng đã có những người khác đến thay họ: khoảng chừng ba chục nông dân vùng Felnémet. Họ đến với những lưỡi hái^(*) đã uốn thẳng ra. Một người mang cả bàn tuốt lúa đi theo. Tất nhiên những hàng đình trên bàn tuốt lúa đã được đập cho chĩa tua tủa cả ra. Một người to ngang, đeo tạp dề da dẫn họ đến. Vai ông ta vác một cây búa tạ.

Khi cả đoàn dừng lại trước mặt Dobó, ông ta hạ cây búa xuống đất, bỏ mũ ra và nói:

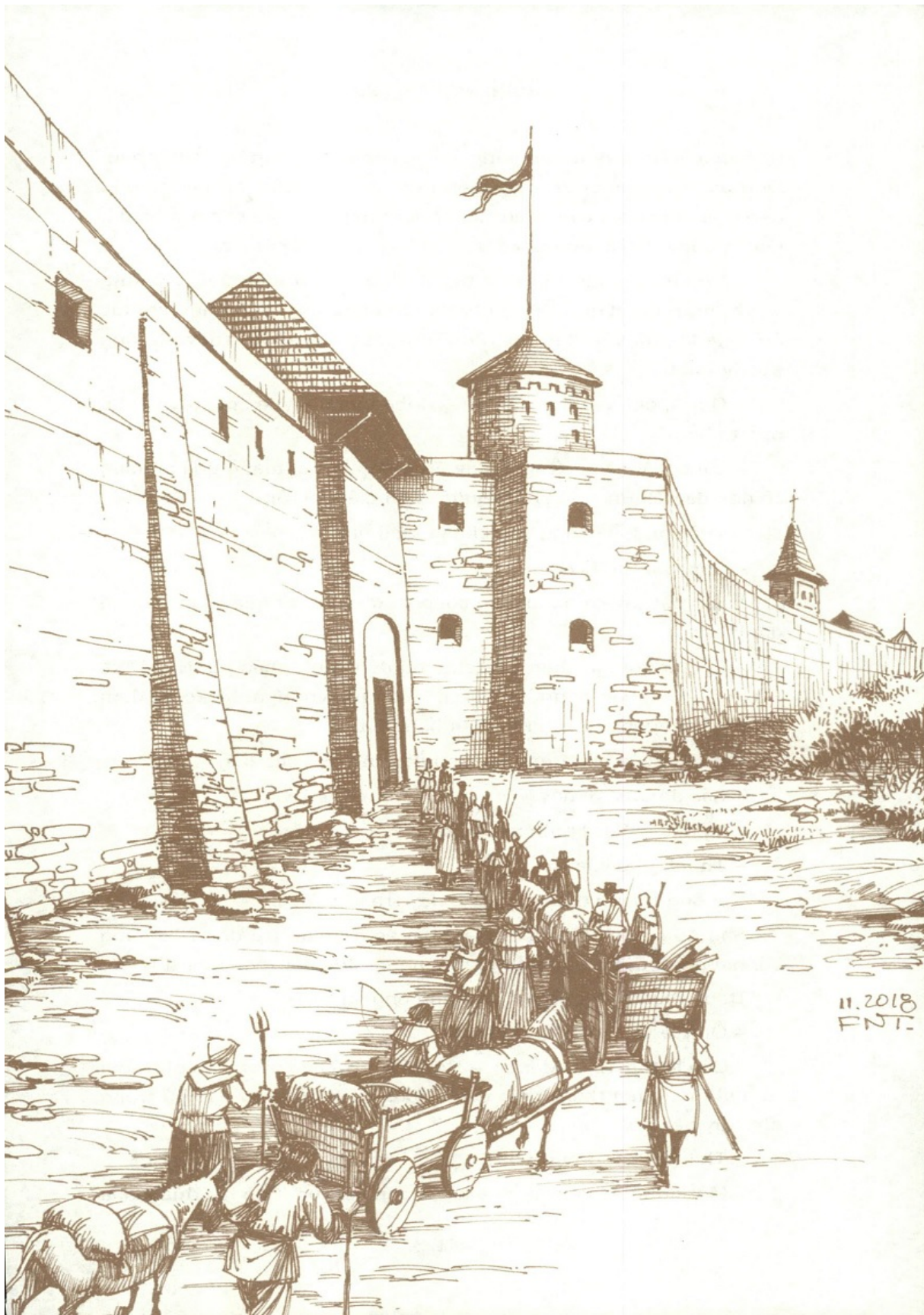
– Chúng tôi là dân ở Felnémet. Chúng tôi vào đây. Tên tôi là Gergely. Tôi là thợ rèn. Nếu cần đập sắt thì tôi đập sắt, nếu cần nện quân Thổ thì tôi nện quân Thổ.

Dobó chìa tay cho ông ta.

Sau họ, những nông dân ở Almagyar, ở Tihamér, ở Abony cũng đem cả vợ con đến. Đám đàn bà xống áo cứ lờ xòe, còn đám đàn ông thì mang dây nặng, cũng có người cưỡi ngựa hoặc đi xe thồ đến.

Một cái xe bò lọc cọc lên thành. Trên xe có một quả chuông to đến nỗi hai bên sườn sát cả vào bánh xe. Một ông già dáng dấp quý tộc đi phía trước xe, cạnh ông là hai công tử mặc áo donman bằng dạ xanh, chân dận ủng đỏ. Một cậu độ hai mươi tuổi, ria mép vê cong lên, cậu kia độ mười sáu, còn đang trẻ con. Mặt họ đều tròn trặn một kiểu và đều rậm nắng, cổ họ cũng ngắn tun tun như nhau. Ông già đeo bên sườn một thanh gươm

rộng bản, vỏ bọc nhung đen, bên sườn hai cật công tử là gờm hẹp lưỡi, vỏ bọc nhung đỏ. Ông già mặc quần áo màu đen, đôi ủng của ông cũng đen.



Bộ quần áo màu tang đó từ xa đã đập vào mắt Dobó, nhưng vì những nông dân ở Felnémet đang làm ông bận rộn nên chỉ lúc ông già kia đã vào đến nơi, ông mới lại trông thấy. Thì ra là ông đốc lý Eger.

– Ô này, ông học sỹ András! – Dobó vừa nói vừa chìa tay ra cho ông ta bắt.

– Vâng, tôi đây. – Ông đốc lý Eger đáp. – Tôi mang quả chuông cổ đến đây. Những cái khác tôi đã chôn giấu cả rồi.

– Thế còn hai chàng trai khảng khái này?

– Con trai tôi đấy.

Dobó bắt tay cả hai chàng công tử đó nữa rồi quay sang người đánh bò:

– Các người hãy đem quả chuông đến cạnh pháo đài Nhà Thờ. Kristóf, – ông bảo người võ đồng, – con nói với ngài Mekksey đem chôn quả chuông đi kéo nhờ đạn bắn phải.

Cái nhìn của ông dừng lại trên đôi ủng đen của ông đốc lý.

– Bác để tang ai đấy?

Ông đốc lý Eger nhìn xuống đất.

– Thành phố của tôi.

Khi ông ngẩng đầu lên, lệ đã đầy trong mắt.

Sau đó còn một người mặc quần áo dạ màu tro đến nữa cùng với hai phụ nữ. Cả hai phụ nữ mỗi người đều dắt theo một đứa bé.

Dobó thân thiện nhìn người đàn ông và hỏi:

– Ông là thợ xây phải không?

– Con là thợ xây ở Maklár. – Người kia trả lời với vẻ gần như tươi tỉnh vì giọng nói thân thiện của Dobó. – Tối qua con đã ngủ trong nhà xây Sạc

Sở.

– Thế còn hai phụ nữ này?

– Một người là vợ con, đứa kia là con gái con. Còn hai đứa kia là hai con trai nhỏ của con. Họ không muốn bỏ con mà đi, vì vậy con bảo có lẽ thế nào cũng kiếm được một túp lều nhỏ ở đây.

– Chỗ thì có đấy, ta không nói về chuyện ấy đâu, nhưng ta thấy đã quá nhiều phụ nữ rồi đấy.

Ông quay sang hỏi Sukán:

– Trong thành có bao nhiêu phụ nữ rồi?

– Cho đến nay là bốn mươi lăm. – Sukán trả lời.

Dobó lắc đầu.

Sau đó lại thêm ba người nữa đến, có một giáo sỹ cũng đi theo họ, một giáo sỹ người gầy, má hóp. Ông ta không có gươm, chỉ có gậy và một cái dây may bằng da chồn.

Dobó mừng rỡ đón ông ta. Đáng lẽ còn cần nhiều giáo sỹ hơn nữa kia, để làm cho các chiến sỹ cảm thấy sự gần gũi của Thượng đế và để có người thuyết pháp. Với lại cũng phải có người làm lễ thánh cuối cùng cho những chiến sỹ hấp hối. Rồi lại còn việc mai táng nữa chứ.

– Cầu Thượng đế phù hộ cho ông. – Dobó nói. – Ta cũng chẳng hỏi tên ông nữa, bởi vì ông đã từ chỗ Thượng đế mà đến đây: Thượng đế đã gửi ông đến với chúng tôi.

– Trong thanh co giao si chưa? – Con người của Nhà chung hỏi. – Co may giao si rồi?

– Chỉ mới có một mà thôi. – Dobó buồn rầu đáp, bởi vì bằng vào cách phát âm của người giáo sỹ này, ông đã thấy rằng ông ta sẽ chẳng phải là

người có thể thuyết pháp được.

Trong khi quân Thổ từ phía nam lũ lượt kéo đến và tỏa ra xung quanh thành phố theo hình móng ngựa, những người dân còn sót lại trong thành phố đều rút cả lên thành. Phần lớn họ đều là nông dân và thợ thủ công, cả vợ và con cái họ cũng đi theo.

Trong bất kỳ thành phố bị chiếm đóng nào cũng sót lại những kẻ lường lự, họ nói:

– Quân Thổ sẽ chẳng đến đây đâu. Năm nào người ta chả dọa thế gian như vậy, nhưng rồi chúng ta già lụ khụ, rồi chết đi mà vẫn chẳng thấy quân Thổ quấy phá gì ta hơn lũ bọ rầy.

Những kẻ như thế thường bị lụt lội và chiến tranh giết hại nhiều hơn cả. Họ là lũ con cháu không bao giờ tuyệt diệt của gia đình “còn rồi chán”(*).

Dobó cũng chẳng lấy việc họ đến làm phiền. Càng nhiều người càng tốt. Phụ nữ và trẻ em tuy không phải là loại khách được ưa thích trong thành, nhưng cũng không thể đuổi họ đi được, vả lại gần ấy chiến sỹ cũng cần phải có bàn tay phụ nữ. Vậy thì cứ để cho họ đến.

Người ta phân phối phụ nữ vào các nhà bếp, các lò nướng bánh. Bác Sukán chỉ chỗ cho tất cả mọi gia đình. Có chỗ mười người, hai chục người phải thu xếp ở trong một phòng. Nói cho cùng, người ta cũng chỉ cần chỗ ngủ ban đêm mà thôi, một chỗ để có thể đặt gói quần áo xuống.

Còn đám đàn ông thì Mekcsey tập trung vào góc pháo đài ở cổng và chừng nào họ chưa tuyên thệ như những người lính, họ vẫn chưa được phép đi sâu hơn vào phía trong thành.

– Chà, – một tay chủ ruộng nho ở Eger nói sau buổi lễ tuyên thệ, – thì chúng tôi vào đây chính là để bảo vệ thành chứ còn gì nữa.

Một người khác tiếp luôn:

– Sở dĩ có thành là để chúng ta gìn giữ.

Mekcsey phát vũ khí cho họ ngay tại chỗ. Gươm, giáo, lá chắn, mũ chiến xếp từng đống từng đống dưới mái vòm của pháo đài. Tất nhiên không phải là những đồ tuyệt hảo của thành Damaskus, của xứ Hindostan, của Derbend, mà chỉ là những thứ quân khí han gỉ thông dụng, từ thế kỷ này qua thế kỷ khác tồn lại trong thành. Ai nấy được tự do lựa chọn theo ý thích của mình.

Một tay thợ may có bộ ria rậm và cặp lông mày cũng rậm chẳng kém gì bộ ria, nói với vẻ rất tự tin:

– Thưa đại úy, những vũ khí này tốt đấy, nhưng con đã mang theo cả cái kéo của con nữa đây.

Gã rút từ trong túi ngực tạp dề ra một cái kéo sáng loáng:

– Nếu bọn Thổ xông vào con, con sẽ dùng cái này xẻ ruột chúng ra!

Một vài người đội thử cả mũ chiến nhưng bởi vì mũ sắt là một thứ đồ vật nặng, lại có vẻ giống cái nồi hơn là loại mũ trụ đẹp đẽ, sáng bóng của các trang dũng sỹ, nên họ bỏ lại cả.

– Để làm gì mũ này cơ chứ!

– Được, rồi các người sẽ thấy để làm gì.

Khi trời đã về chiều, những người lính canh trên tháp chuông báo cáo rằng từ phía Felnémet có một cái xe tứ mã sang trọng đang lướt tới.

Người ta không thể đoán nổi là ai. Xe tứ mã chỉ có ngài giám mục hay đi chứ còn những nhà quý tộc khác thì chỉ những lúc ốm đau mới ngồi lên xe. Mà người ốm thì chẳng ai lại đến đây.

Hai vị đại úy cũng thân ra đứng trên pháo đài quan sát cỗ xe tứ mã đang

lao tới như bay chẳng khác một con rồng.

– Các ngài sẽ thấy đức giám mục đến. – Fügedi, viên trung úy của giáo đoàn nói.

Thấy không ai tin điều đó, anh ta liền lượm lật các dẫn chứng trong lịch sử:

– Từ trước tới nay các vị đó đã chẳng luôn luôn có mặt trong mọi trận mạc đấy hay sao? Chẳng phải hầu hết các vị đó đều đã có mặt ở Mohács hay sao? Chức giám mục đâu chỉ là chức sắc của Nhà chung mà còn là một chức vị trong quân đội nữa. Tất cả các giám mục đều có quân đội riêng của mình. Tất cả các giám mục đồng thời cũng là đại úy.

– Ước gì tất cả các đại úy cũng đều có thể là giám mục. – Dobó đáp.

Có lẽ ông nghĩ rằng giá như vậy thì ông đã có thể chiêu mộ được nhiều lính hơn để chống nhau với bọn Thổ.

– Có khi là tín sứ của nhà vua cũng nên, nhưng ông ta đã bị ốm dọc đường! – Mekcsey có ý kiến.

Nét mặt Dobó liền tươi tỉnh lên, ông nói với vẻ tin tưởng:

– Nhà vua không thể bỏ mặc chúng ta được.

Sốt ruột quá, ông bèn bước xuống cầu thang, đi qua bãi chợ tới chỗ cổng Cũ, nơi có đường xe chạy dẫn lên thành.

Cỗ xe kia là một cỗ xe nhà quý tộc thếp vàng, có mui da. Nó vòng đến cổng phía nam rồi chạy qua cổng vào bãi chợ. Một phu nhân dáng người cao cao, mặc quần áo đen bước ra khỏi xe.

– Ngài đại úy đâu? – Đó là lời nói đầu tiên của bà.

Khi đã trông thấy Dobó, bà vén mạng che mặt lên. Đó là một vị phu nhân khoảng độ tứ tuần, quần áo của bà cho biết bà là một quả phụ.

– Phu nhân Balogh. – Dobó sừng sốt nói và bỏ mũ xuống, nghiêng mình thi lễ.

Người mới đến chính là mẹ của cậu võ đồng mà Dobó đã gửi về nhà theo Nagy Lukács.

– Con trai tôi... – Bà nói với đôi môi run rẩy. – Balázs đâu rồi?

– Tôi đã gửi cậu ta về nhà rồi thôi. – Dobó ngạc nhiên trả lời. – Tôi gửi cậu ta về nhà đã hơn một tháng nay rồi.

– Vâng, tôi biết. Nhưng nó đã trở lại đây.

– Cậu ta không trở lại.

– Nó để thư lại nói rằng nó đến đây mà.

– Không có đâu.

– Nó đã trốn theo Nagy Lukács.

– Cậu ấy cũng chưa trở lại.

Người quả phụ ấn tay lên trán:

– Ôi! Đứa con trai độc nhất của tôi... Thế là nó cũng đã mất nốt!

– Chưa chắc.

– Tôi đã thề bên giường người chồng hấp hối của tôi rằng chừng nào nó chưa lấy vợ, tôi còn chưa để nó dấn thân vào nguy hiểm. Nó là kẻ nối dõi cuối cùng của dòng họ chúng tôi.

– Thừa phu nhân tôn kính, tôi biết lắm. – Dobó thở dài đáp. – Thì chính vì vậy mà tôi đã gửi cháu về nhà. Bây giờ thì xin phu nhân quay về đi, vòng vây quân Thổ hãy còn chưa khép lại.

Và ông phái một đại đội kỵ binh đi hộ tống phu nhân.

Người đàn bà chấp tay vào nhau, khẩn khoản nhìn Dobó:

– Nếu cháu nó có trở lại...

– Cháu đã không còn trở lại đây được nữa. Từ đêm qua thành phố đã bị bao vây. Chỉ có quân đội của nhà vua mới mở được lối vào đây mà thôi.

– Nhưng nhờ nó trở lại với đoàn quân đó...

– Tôi sẽ nhốt chú bé láu cá đó trong nhà tôi!

Người quả phụ ngồi vào xe. Năm mươi kỵ binh đi trước xe, năm mươi kỵ binh đi đoạn hậu. Bốn con ngựa kéo cái xe băng đi như một chiếc lông tơ về phía cổng Sạc Sỡ. Trong số bốn cổng thành chỉ còn mỗi cổng này để mở. Chỉ còn có thể đi qua mỗi cổng này để về phía Szarvaskő hoặc Tárkány.

Mười lăm phút sau, lính canh trên tháp chuông báo rằng cánh trên của đạo quân Thổ đã đến cổng Sạc Sỡ.

Một kỵ binh trong số quân đi hộ tống phu nhân Balogh phi nước đại trở về.

– Trung úy Fekete sai con về hỏi có cần phải phá vòng vây quân Thổ để đưa phu nhân đi ra hay không?

Dobó chạy lên pháo đài. Ông thấy bọn lính thiết giáp Thổ đã trùng trùng bao quanh ngoài cổng và đằng sau chúng bọn axap còn ngoằn ngoèo kéo đến.

– Đừng.

Ông ra lệnh rồi ở lại trên pháo đài. Ông đưa tay lên che mắt nhìn về phía bắc.

– Quân bay đâu, – ông nói với những chiến sỹ túc trực trên pháo đài, – đũa nào tinh mắt? Hãy nhìn về phía Felnémet kia xem.

– Một vài kỵ binh đang đi đến đây. – Một chiến sỹ trả lời.

– Hai chục. – Một chiến sỹ khác nói.

– Hai mươi lăm. – Chiến sỹ lúc này lại nói.

– Nagy Lukács về! – Mekksey kêu lên từ trên pháo đài Nhà Thờ.

Quả thực là Nagy Lukács, viên trung úy vẫn lượn quanh quân Thổ. Anh ta đã phát phơ những chốn quái quỷ nào trong bấy nhiêu lâu? Và làm thế nào mà vào được bây giờ?

Họ phi vùn vụt như thể có một cơn gió lốc cuốn họ đến. Nhưng chậm mất rồi, Nagy Lukács ơi! Quân Thổ đã chặn trước cổng thành.

Nagy Lukács vẫn chưa biết tí gì về chuyện đó cả. Anh từ một quả đồi rẽ quanh xuống phía cổng Sắc Sỡ. Đến đó anh mới nhìn thấy kỵ binh Thổ. Anh giật mạnh cương và kỵ đội bé nhỏ nhanh nhẹn rẽ về cổng Bakta.

Ở đó quân địch càng đông hơn nữa.

– Lukács ơi, bây giờ thì cậu tha hồ mà gãi đầu gãi tai, cả những chỗ không ngứa nữa cơ đấy! – Zoltay vừa cười vừa nói.

– Giá không có kỵ binh địch trước cổng thành, thì thế nào Lukács cũng mở được đường máu qua vòng vây. – Dobó nói, cặp mắt tóe lửa.

Lukács dừng ngựa, nhìn về phía thành. Anh gãi gáy. Các chiến sỹ đứng trên mặt lũy dùng mũ vẫy anh lia lịa.

– Lukács ơi, có gan thì lại đây nào!

Đám ngựa Thổ ở đằng xa bỗng nhiên nhuộm màu loang lổ. Chừng một trăm akinji nhảy lên mình ngựa rượt theo Nagy Lukács.

Nagy Lukács cũng chẳng chậm chạp. Anh cùng hai mươi bốn kỵ binh ra roi và cuộc đua ngựa bắt đầu. Thoạt tiên còn có thể trông thấy những con ngựa nhưng về sau chỉ còn thấy hai đám mây bụi bốc lên đến tận ngọn bạch dương và mau chóng lan về phía Felnémet.

10

Hôm sau là ngày chủ nhật nhưng những quả chuông Eger không còn ngân nga nữa. Quanh thành và quanh thành phố tràn ngập quân Thổ. Trên những sườn núi, sườn đồi, ngàn vạn trại quân đóng chi chít, kéo dài ra tận ngoài xa. Giữa biển lều màu đỏ, màu trắng, đôi chỗ nổi lên những cái lều xanh lá mạ, xanh nước biển, vàng hoặc hồng tươi. Lều trại của bọn lính tráng trông giống những quân bài gập đôi, còn lều trại của bọn sỹ quan là những cái trướng bát giác cao và trang trí sắc sỡ. Làn gió nhẹ thổi phất phơ những lá cờ có quả thao vàng trên nóc trướng của bọn sỹ quan. Trên cánh đồng cỏ Felnémet, trên ruộng nương Kistálya và ở tất cả những nơi nào có cỏ, hàng nghìn và hàng nghìn chiến mã gặm cỏ. Trâu và người vùng vẫy trên suốt cả chiều dài dòng suối. Giữa biển người ồn ào náo động, một vài con lạc đà thỉnh thoảng lại ngược cao cổ lên và khăn tuyban của một vài tên sỹ quan ngồi trên mình ngựa thấp thoáng trắng.

Giữa cái biển màu sắc nhấp nhô đó, thành Eger nổi lên như một hòn đảo cùng với đám cỏ trước thành và đồi Ghế Vua, là quả đồi ở về phía mặt trời mọc, đối diện với bức tường thành cao nhất.

Dobó lại cùng các sỹ quan của ông lên đứng trên tháp chuông mái bằng. Thánh vương István đã cho xây hai cái tháp chuông đó thật là tuyệt: đứng trên đó có thể thấy cách bố trí đại bác của quân Thổ.

Đằng sau thành có một trảng cỏ lớn hình tròn, rộng bằng nửa Đồng Máu^(*) ở Buda. Ngoài trảng cỏ đó là một đồi nho tuyệt đẹp. Kia, quân Thổ đã kéo lên đó ba khẩu đại bác cổ.

Chúng nó còn chưa đắp công sự. Ba chục con trâu cũng chưa bị lừa đi xa, chỉ mới đến vạt cỏ dưới chân đồi. Chúng đang gặm cỏ ở đó. Chỉ còn bày lạt đà ở lại bên các khẩu đại bác, lưng chúng chất đầy những bao màu đen.

– Những bao da. – Dobó giải thích. – Đựng thuốc súng đấy.

Ở đó bọn tốpsi(*) đội tuyban đỏ, vóc người thấp bé đang lăng xăng trước mắt quân dân trong thành. Cái hòng đen ngòm của những khẩu đại bác giờ đây còn câm lặng há hốc về phía thành. Tên chỉ huy tốpsi cúi xuống xem xét kỹ các khẩu súng. Hắn điều chỉnh các khẩu súng hết sang phải lại sang trái, hết lên cao lại xuống thấp.

Một khẩu sẽ nã vào hai tháp chuông, một khẩu nữa sẽ nhắm vào pháo đài giữa phía bắc, pháo đài này che chở cho lâu đài.

– Các anh đã thấy hắn ngắm như thế nào chưa? – Dobó nói. – Hắn không ngắm ở phía trước đại bác mà ngắm từ phía sau.

Một pháo thủ nhô đầu lên khỏi cánh cửa tháp chuông, nói:

– Thưa đại úy!

– Lên đây. – Dobó bảo.

Người chiến sỹ trèo lên. Anh đưa cặp mắt lo ngại nhìn về phía những khẩu đại bác Thổ và đứng nghiêm theo đúng quân phong.

– Thưa đại úy, khẩu đội trưởng Balázs sai con lên hỏi có được bắn trả không ạ?

– Nói với bác ta chưa được bắn chừng nào chưa có lệnh ta. Sau đó anh hãy quay lại đây.

Bọn tốpsi tiếp tục nạp ba khẩu bức kích pháo. Chúng dùng gậy sắt có mấu ở đầu nhồi thuốc súng vào bụng pháo.

– Tôi chỉ thích được đoàng một phát vào giữa bọn chúng. – Mekksey hăm hờ nói. – Đúng vào lúc bọn chúng vừa xong thì cho chúng tung xác lên.

– Cứ để cho chúng vui chơi. – Dobó điềm tĩnh đáp.

– Ước gì ta có thể tập kích vào bọn chúng. – Gergely cũng thấy ngứa ngáy.

– Bây giờ thì không. – Dobó trả lời. – Chúng ta hãy xem chúng nó bắn chác ra sao đã.

Bọn tốp si đã nhồi đá và chì vào họng súng. Bây giờ bốn thằng cầm một cái thuôn và đâm vào họng súng theo nhịp hô.

– Tiên sư cái đồ vô đạo chứ. – Cecey cũng lên tiếng. – Đại úy hiền đệ, vậy chứ đại bác thì để làm gì?

– Bác già thân mến ời, cả bác cũng sôi lên phản đối tôi ư? Rồi đến mai bác sẽ rõ tại sao bây giờ tôi không bắn.

Bọn tốp si lôi từ một bao khác ra những miếng da. Hai đứa cầm hai đầu, một đứa phết mỡ bò lên tấm da. Sau đó chúng lật tấm da lại và gói viên đạn vào phía không phết mỡ.

– Chúng nó định bắn bằng trứng chắc! – Zoltay châm biếm hỏi.

Lúc đó chàng trai pháo thủ đã quay trở lại.

– Người hãy lại đứng trước mặt ta đây này. – Dobó nói. – Lúc này ta thấy người sợ. Vậy hãy nhìn xem: chúng nó bắn vào đây, bắn vào ta đấy. Lại đứng đây, trước mặt ta đây này!

Chàng trai đỏ mặt tía tai đứng ra phía trước Dobó.

Dobó nhìn xuống dưới chân tháp và trông thấy Pető, ông bèn nói chỗ xuống:

– Pető con ơi! Anh có giọng tốt lắm, vậy hãy loa lên một tiếng cho mọi người biết là quân Thổ sắp bắn, đừng có ai hoảng hốt làm gì. Các phụ nữ nếu sợ thì hãy đi lại bên phía có năng.

Bọn tópsi đã nạp xong đạn vào cả ba khẩu đại bác. Ba tên điểm hỏa cầm dây ngòi cháy xòe xòe trong tay. Một tên tópsi đứng phía sau nhổ nước bọt vào lòng bàn tay rồi vừa xoa cổ họng từ dưới lên trên vừa nhìn về phía thành.

Thuốc súng lòe lên, ba khẩu đại bác khạc lửa và khói ra, rồi chín tiếng bùm bùm rung trời chuyển đất liên tiếp vang lên.

Tòa thành rung mình vì tiếng nổ. Sau đó là im lặng.

– Không mùi mẽ gì. – Dobó mỉm cười lên tiếng và đuổi gã pháo thủ xuống.

Khói từ những khẩu đại bác chậm chạp bốc lên.

Nhưng ba khẩu đại bác làm quỷ gì mà có thể phát ra những chín tiếng nổ?

Đó là vì những dãy núi quanh Eger đã lập tức nhắc lại tiếng nổ của đại bác, mỗi tiếng nổ đều được nhắc lại hai lần.

– Chà, vùng này rồi sẽ tha hồ vang lừng nhã nhạc, nếu rồi đây ba bốn trăm khẩu đại bác của bọn Thổ sẽ cùng nhất loạt gầm lên!

Mười lăm phút sau Pető chạy lên tháp chuông. Một gã đồ tể khệ nệ theo sau anh. Gã bưng một quả đạn đang bốc mùi hôi nồng nặc trong hai cánh tay lực lưỡng đưa đến trước Dobó.

– Xin báo cáo, đây là quả đạn. – Pető nói. – Nó đã rơi xuống suối. Những người chở nước đã bỏ nó vào thùng mang lên đây.

– Bảo họ cứ tiếp tục chở nước nữa đi. Chúng ta chưa đóng cổng thành.

– Ta không bắn ư? – Petó cũng hỏi.

– Đang chủ nhật cơ mà, – Dobó mỉm cười đáp, – sao ta lại bắn?

Và ông tiếp tục quan sát cách bọn giặc làm nguội các khẩu đại bác, cách chúng nạp đạn mới vào súng.

11

Sáng hôm sau ba khẩu bức kích pháo đã vào ngôi chòm chòm giữa bãi cỏ, gần bằng nửa khoảng cách của hôm trước. Ngoài ra chúng còn tăng thêm ba khẩu khác nữa.

Chín phát đạn ngày hôm trước thật vô ích, trong thành người ta cũng chẳng thềm đáp lại. Vì vậy chúng đưa đại bác vào gần đến nỗi chỉ còn cách thành một tầm tên bắn.

Dobó đã biết sự việc sẽ diễn ra như vậy. Để chúng nó giật mình sớm làm gì cơ chứ? Và việc gì phải làm lung lay lòng tin của quân dân trong thành bằng những phát súng trả lời bắn vào hư không?

Ông dậy từ lúc trời hừng và thân hành chuẩn bị tất cả những khẩu đại bác đặt ở hướng đó cho câu trả lời. Đã hẳn là ông không gói những viên đạn vào da mà chỉ bôi mỡ bò lên chúng thôi. Thuốc súng ông cũng cẩn thận dùng muôi tự đóng lấy.

– Nào, bây giờ thì lấy chất nén ra. Trai tráng đâu, khá thuận thật chặt vào. Nạp đạn...

Và ông cẩn thận chỉnh hướng chỉnh tầm rất lâu.

Ông chờ cho quân Thổ đăng sau những ụ công sự cũng chuẩn bị xong, sau đó, khi khẩu pháo đầu tiên của quân Thổ lên tiếng, ông hô to:

– Nhân danh Chúa: bắn!

Dây mồi cùng một lúc châm vào mười hai khẩu đại bác và cả mười hai khẩu cùng nổ rền một tiếng.

Những công sự và giá súng của bọn Thổ đồ kèn, vỡ nát. Hai khẩu đại bác Thổ đồ nhào, một khẩu vỡ tan từng mảnh. Tiếng kêu thét giận dữ và cảnh cuống quýt của bọn tốp si đằng sau công sự khiến quân dân trong thành cười ồ cả lên.

– Thế nào bác, – Dobó vui vẻ nói với Cecey, – bác đã hiểu tại sao hôm qua chúng ta không bắn chưa?

Và ông đứng dạng chân trên mặt lầy, hai tay đưa lên vân vê bộ ria mép.

Dân thành chẳng đến nỗi giật mình như Dobó lo ngại. Eger, kể từ khi loài người phát minh ra thuốc súng, vốn là thành phố nghiện bắn súng nhất thế giới. Ngày nay nơi đây vẫn không thể nào tưởng tượng được một hội hè, một cuộc thực tập cứu hỏa, một cuộc thi hát, một buổi liên hoan ngoài trời, một buổi biểu diễn văn nghệ nghiệp dư mà trước khi khai mạc người ta lại không bắn đại bác. Nơi đây, đại bác thay thế cho biển quảng cáo và áp phích. Mà dù đôi khi có áp phích đi chẳng nữa người ta vẫn không bỏ qua đại bác. Trong thành lúc nào cũng có một vài khẩu đại bác bắn ria đặt trên bãi cỏ, ai muốn bắn thì bắn. Vậy làm sao những người dân Eger lại giật mình cho được?

Trong thành cả thảy chỉ có một người khi nghe tiếng đại bác đầu tiên đã ngã lộn từ trên ghế xuống và kêu lên oai oái. Dù tôi không nói chắc độc giả cũng dễ đoán ra được đó là ai.

Các chiến sỹ ta liền chộp ngay lấy cơ hội đó, lôi đức ông kia ra khỏi xó nhà và kéo lên pháo đài trong bộ áo donman vàng, quần đỏ, mũ chiến trên đầu và đôi chân đi đất. Trên pháo đài, hai chiến sỹ giữ lấy hai cánh tay dang rộng của đức ông, hai người giữ lấy chân, một người nữa giơ lưng đỡ lấy lưng của đức ông. Họ kêu to lên gọi bọn Thổ:

– Chúng mày bắn vào đây này!

Cảnh nạp đạn gã di gan còn chịu đựng được, nhưng khi khẩu đại bác lại gầm lên thì gã giật tay ra và với một cú nhảy dựng tóc gáy, gã lao xuống khỏi giàn gỗ. Xuống đến đất, trước tiên gã sờ mình sờ mẩy xem đạn đại bác có rút đi chút gì trên thân thể gã không, rồi gã chạy thực mạng như một con chó săn nòi về phía cổng Cũ.

– Ồi, ời, ời! – Gã kêu la, hai tay đưa lên ôm lấy đầu. – Sao khi tôi đến đây chân tôi lại không bị chuột rút đi cho rồi! Ồi, ời, ời! Sao cái con ngựa chết tiệt ấy khi chở tôi đến đây lại không mù đi cho rồi!

Ngày hôm đó Dobó bắn tan tất cả những khẩu pháo trên đồi Ghế Vua.

Bọn tốp si kêu la và tức tối chạy tán loạn. Hai viên sỹ quan tốp si bỏ mạng. Tên sỹ quan thứ ba được lính nó bỏ lên vải bạt khiêng đi khỏi chỗ những khẩu pháo.

Trên đồi chẳng còn gì khác ngoài những công sự đổ nhào, vỡ nát, ba xác lạc đà, những khẩu pháo bị bắn gãy gục, những cái hòm và những bánh xe đại bác vỡ tan từng mảnh.

Và dường như chừng đó vẫn còn chưa đủ, đến nửa đêm Gergely lại tập kích vào bọn giặc và đoạt về được hai mươi chiến mã cùng một con la.

Thế nhưng giặc Thổ có cơ man nào là người, ngựa và đại bác, nên hừng sáng hôm sau nữa, những công sự đan bằng cành cây đổ đất bên trong đã lại mọc trên đồi. Tất nhiên chúng có bố trí lùi ra xa hơn một chút và đắp những ụ đất to che trước pháo. Trong những quãng hờ giữa các công sự, mười hai khẩu pháo mới lại ghếch nòng về phía thành; bên cạnh các khẩu pháo là bọn tốp si mới với những viên sỹ quan mới.

Mặt trời chưa dậy, tòa thành đã rung lên trong những tiếng rền khủng khiếp, cứ nghe những tiếng đồm độp trầm trầm cũng có thể biết được những viên đạn đang phá tường thành.

Dobó lại cho khai hỏa những đại bác của ông và ông lại lật nhào những công sự và những khẩu pháo của địch, nhưng từ phía sau những công sự đổ nhào, những công sự mới lại nhô lên và những khẩu pháo mới lại xuất hiện.

Bọn tốp si cũng không chạy tán loạn nữa, một đội rebetji cầm roi da có gai sắt ngồi đằng sau chúng nó.

– Ở đó chỉ có thể bắn và chết mà thôi!

– Cho chúng cứ việc bắn, – Dobó nói. – Còn chúng ta thì phải dè sẻn thuốc súng.

Bây giờ chỉ thỉnh thoảng ông mới dùng tu pháo nã xuống để quấy rối công việc của chúng.

Hôm đó quân Thổ cũng chưa chiếm được thành phố. Bộ binh Hung giữ những cổng thành, kỵ binh giữ những cổng thành phố. Quân Thổ còn chưa khai chiến với họ. Chúng cần gì thành phố, chúng cần tòa thành cơ! Ai chiếm được thành, cả thành phố cũng thuộc về kẻ đó.

Đã hai ngày nay bọn sỹ quan cao cấp Thổ cưỡi ngựa dạo khắp các đồi cao và các mỏm núi để tìm cách nhòm ngó vào trong thành, nhưng chỉ có chim mới thấy được, còn bọn chúng thì không. Chúng chỉ thấy những tháp chuông mà thôi. Các tường thành và lớp tường con chạch ngoài lát cạnh cây trong đồ đất, trên mái các pháo đài, che khuất bên trong.

Thế thì chúng bắn vào đâu?

Chúng bắn các tường thành và lớp tường con chạch.

Kể ra cũng có một vài ngôi nhà đẹp ẩn náu ở bên trong. Ngôi nhà thờ lớn với một nửa còn lại cũng vẫn là một công trình tuyệt kỹ của nghệ thuật kiến trúc. Cái tu viện cổ kính bên cạnh nó cũng xây dựng bằng đá chạm trổ. (Từ đó tới nay người lính Hung không bao giờ còn được ở trong một doanh

trại đẹp như thế nữa!) Lâu đài soái phủ thì Dobó đã cho tô điểm thêm lúc ông cưới vợ. Những nghệ sỹ bậc thầy người Ý đã khắc chạm và xây dựng lên, nó có những cửa sổ lồng kính trong khi ở dưới thành phố kia, ngay cả ngôi nhà của đức giám mục cũng chỉ có cửa sổ bằng bong bóng bò mà thôi.

Quân Thổ cứ bắn vô hồi kỳ trận. Pháo của chúng ùng oàng từ tinh mơ đến tối mịt. Đạn pháo làm vỡ tường và phá lỗ chỗ lớp con chạch bằng cành cây đan trên mặt lũy. Khi mặt trời lặn xuống đằng sau dãy núi Bakta, tất cả các khẩu pháo của chúng cùng bắn ra một loạt rồi tiếng đọc kinh Allahu akbar^(*)... thành kính của bọn đạo sỹ trong trại quân vang lên khắp nơi.

12

Hai tên pasa lắc đầu. Cả hai đều là những kẻ già đời trong trận mạc, chúng đã để lại đằng sau bao cảnh đổ nát ở những nơi chúng đi qua, và đế quốc của xuntan ngày càng rộng lớn.

– Phải đánh vào thành phố! Ở đó cũng phải đặt đại bác để công phá tường lũy!

Thế là ngày thứ tư chúng đánh vào thành phố. Việc đó chỉ là một trò trẻ đối với đạo quân ấy. Một ngàn cái thang và một ngàn tên lính trẻ...

Các chiến sỹ gác cổng của ta đã được lệnh phải rút về ngay khi quân Thổ xuất hiện trên tường thành. Vì thế họ đã rời khỏi cổng thành phố và hàng ngũ chỉnh tề kéo về thành trong nhịp trống hành quân.

Bêi Arszlán bèn ra lệnh kéo bốn khẩu bức kích pháo lớn đến bên nhà thờ Đức Mẹ và chĩa lên các pháo đài, nơi những đại bác của quân Hung đang đứng im hơi lặng tiếng.

Arszlán đã bắn khá hơn. Đạn của hắn phá thủng những tường thành và lớp con chạch về phía thành phố. Phần lớn số đạn vãi đi một cách phí phạm, nhưng viên nào đã trúng thì đều khoét thủng tường thành.

Hôm đó quân Thổ gỡ thánh giá xuống khỏi tháp chuông các nhà thờ trong thành phố và cắm nửa vầng trăng thay vào đó. Chúng vứt các bệ thánh ra cửa, đốt cháy các bức tranh. Đến trưa bọn giáo sỹ đạo Hồi đã từ trên cửa sổ các tháp chuông gào lên bằng một giọng ê a kéo dài: Allahu akbar! Ashádu anna la ilaha ill Allah! Ashádu anna Mahamed arrasulu

Allah! Heija alassalah! Heija alalfalah! Allahu akbar! La ilaha ill Alláh! (Allah chí cao! Không có chúa trời nào khác ngoài Allah nữa! Mohamed là kẻ thay mặt của Người! Các người hãy đến đây cầu nguyện! Các người hãy đến đây tỏ lòng tôn kính Allah! Allah chí cao! Ngoài Allah không còn chúa trời nào khác nữa!)

Khi họ cùng nhau ăn trưa, Dobó lặng lẽ, nghiêm nghị.

Chưa có tin tức gì của triều đình cả. Đêm qua người điệp viên đã từ chỗ giám mục Eger trở về. Đức giám mục trả lời rằng không có lính, nhưng ngài sẽ cầu nguyện cho quân dân trong thành. Khi nghe lời nhảm đó, trên khuôn mặt Dobó không một thứ thịt nào rung động, chỉ đôi lông mày nhú lại gần nhau hơn.

Sự việc của Nagy Lukács cũng làm ông thêm buồn. Anh là một sỹ quan gan góc của ông. Lúc nào anh cũng thích vờn bên cạnh quân Thổ, bất thành lính tập kích vào đạo quân khổng lồ đó rồi biến mất ngay. Bây giờ anh ta còn làm sao trở về được nữa, một khi thành đã bị vây quanh và lều trại quân Thổ trùng trùng điệp điệp đến tận Felnémet! Hay có lẽ anh ta đã mất mạng rồi cũng nên...

Giữa bữa ăn, quân sỹ vào báo là một viên đạn đại bác đã bắn chết Nagy Antal.

Gergely nhảy phắt dậy:

– Thưa đại úy, tôi xin phép được xuất kích đánh vào bọn Thổ! Tôi lấy làm xấu hổ là chúng ta đã bỏ trống các cổng thành phố mà không chém một nhát nào!

Budaházi, một sỹ quan khỏe mạnh lực lưỡng, cũng lên tiếng:

– Thưa đại úy, hãy cho quân Thổ thấy rằng không chỉ ban đêm chúng ta mới dám đánh ra, mà ngay cả ban ngày nữa.

Petó cũng ồm ồm nói:

– Dù ta có ít chẳng nữa, một trăm người chúng tôi cũng xin tấn công vào một trăm ngàn chúng nó.

– Thế thì tốt. – Dobó trả lời, đôi mắt vui tươi hân lên. – Nhưng các anh cũng không nên vì vậy mà bỏ dở bữa ăn trưa lại đây.

Rồi ông không nói gì về quân Thổ nữa. Chỉ đến sau bữa ăn ông mới dặn:

– Các anh tập kích vào bọn bộ binh ở bên cạnh nhà thờ ấy. Các anh xéo qua chúng nó theo một đường vòng rồi phải phóng về ngay. Chỉ được đánh bọn ở trên đường đi của các anh. Không được tập hợp, bày trận và chờ đợi hiệu lệnh gì hết, vì như thế các anh sẽ phải bỏ mạng lại dưới đó mất. Các anh có thể đi một trăm người.

Các sỹ quan vội vàng cầm lấy vũ khí và mặc giáp. Lên ngựa! Tất cả quân sỹ đều muốn đi theo họ nhưng Gergely chỉ chọn lấy những chàng trai lực lưỡng nhất.

Bọn axap, logumji, piát^(*) đang ăn trưa trên bãi cỏ trước nhà thờ. Hôm nay bữa trưa của chúng chỉ có mỗi một món súp và chúng đã giặt thìa trở lại vào thắt lưng da hoặc thắt lưng vải. Bây giờ chúng ăn bánh mì với hành tía. Một vài tên ăn dưa hấu, vài tên khác ăn dưa chuột hoặc những thứ rau xanh khác sau món súp. Tất cả những cảnh đó đứng trên thành đều thấy rõ. Chỉ một dòng suối và một bãi chợ ngăn cách chúng với mảnh đất tự do. Bên cạnh dãy lều chợ có cả một bày ionisa đến nghỉ. Chúng đang lúc phờn lăm. Một tên lính khéo tay tung gươm và một quả dưa bỏ lên cao. Trước hết hẳn bắt lấy thanh gươm, sau đó dùng mũi gươm đón được quả dưa.

Có thể thấy hẳn đang đánh cuộc, vì một tên ionisa mang dưa hấu đến cho hẳn.

Chúng nó bàn tán một hồi, sau đó tên ionisa tung quả dưa hấu lên, một tên khác tung gươm lên. Một tên ionisa thứ ba từ phía sau giật tay tên làm trò. Quả dưa hấu rơi bịch xuống đất và cả bọn lăn ra cười khoái chí.

Cổng thành vẫn mở và những nông dân trong thành vẫn liên tục chở nước lên hoặc cho ngựa đi uống nước. Nếu bọn Thổ xông vào cổng thì được cái gì cơ chứ? Lại một vài viên đạn vào sườn mà thôi. Bọn Thổ biết rằng cửa thành tuy mở đấy nhưng chẳng khác nào miệng sư tử, trong đó có những cái răng nhọn sắc. Bọn ionisa để ý thấy việc cho ngựa xuống suối uống nước bỗng nhiên ngừng lại, việc chở nước cũng chấm dứt.

Sự ngừng lại chỉ mới vài ba phút, làm sao chúng đã có thể nghi ngờ được! Ngay cả việc có thêm đông người xuất hiện trên mặt thành, đặc biệt là cung thủ và pháo thủ, chúng cũng chưa trông thấy nữa là. Nhưng tiếng vó ngựa dồn dập nổi lên đã làm chúng giật mình. Khi chúng ngược mắt nhìn lên, những khẩu đại bác trên mặt thành đã nổ rền, và tất cả mọi thứ đinh sắt, đạn chì, mảnh gang vụn rào rào bắn vào mặt chúng. Từ trong cổng thành, một đoàn dài kỵ binh rầm rập phóng ra.

Như một cơn lốc, họ nhảy vun vút qua suối và tới chùng mà bọn địch sờ được đến gươm thì a ha, ô hô! – họ đã đâm chém tới tấp. Tràn qua bọn chúng, họ xông thẳng đến cái quảng trường lớn tròn cỏ mà chiều chiều tòa giám mục vẫn ngả bóng dài lên đó.

Những tên bộ binh Thổ hoảng hốt nhảy phắt dậy nhìn về phía bãi chợ. Một số tên co giò chạy, một số đứng lại và rút gươm ra.

Đoàn kỵ mã đã rầm rập phóng tới. Những con chiến mã bị cựa giầy thúc phi lồng lên như một bầy rồng dữ. Hàng mấy trăm tên Thổ chạy bổ nhào bổ nhào chẳng khác gì đàn cừu kinh hoàng trước bầy sói. Các chiến sỹ Hung bám riết sau lưng.

Nhưng viện quân của chúng đã từ các đường phố đổ xô lại: quân kỵ akingi và bọn gơnlư^(*), bọn lính bắn súng và đám ionisa vác giáo.

Kia, một tên ionisa đội mũ trắng đang chĩa giáo vào Gergely, hẳn muốn đâm chàng ngã ngựa. Thanh gươm trong tay Gergely loáng lên hai lượt, sau nhất đầu cây giáo gãy làm đôi, sau cái loáng thứ hai tên Thổ ngã bật ngựa.

– Jesus! Jesus! – Người ta hét lên trên các pháo đài.

– Allah! Allah! – Bọn Thổ kêu rống.

Đoàn chiến sỹ Hung ngày càng cho ngựa tản rộng ra tung hoành giữa bọn giặc. Gươm họ vung lên lấp loáng. Tuy vậy một tên ionisa vẫn đâm thủng ức con ngựa của Horváth Mihály. Con ngựa ngã nhào. Horváth nhảy xuống và chém một nhát chết tươi tên ionisa, rồi lại một tên nữa. Gươm anh bị gãy trong xác tên giặc đó. Anh đành xử tên thứ ba bằng một quả dăm vào sống mũi rồi chạy bộ theo sau đoàn kỵ binh, qua quảng trường trống trải để về thành.

Những người khác vẫn tiếp tục xông tới trước. Vó đàn ngựa cũng xéo chết vô khối! Budaházi đang vừa vung cao thanh gươm để chém một nhát kinh hồn thì những tên ionisa bị dồn vào một đầu nhà nổ súng vào họ. Thanh gươm rơi ra khỏi tay Budaházi. Anh quay ngựa lại và nằm gục lên cổ ngựa phi về thành.

Thấy thế những người khác cũng quay ngựa về.

Trên phố chính, hàng nghìn tên akingi đến cứu viện đang rầm rập phóng xuống như một cơn lốc lớn. Gergely kịp thời tránh đường bọn chúng và lượn vòng chữ S về phía phố Giáo Đoàn. Phố này cũng đầy bọn Thổ nhưng lính bộ nhiều hơn kỵ binh và cảnh đâm đầu chạy trốn của bọn lính bộ đã khiến bọn kỵ binh Thổ bối rối, bởi vì chúng còn phải lo kiểm soát ngay cả

bọn lính của chúng nữa. Thêm vào đó bọn gureba Ba Tư cũng từ phía trước đổ đến với một số đông đáng sợ. Nhưng chúng đã nhào tới đại đội kỵ binh đang say cuồng tả xung hữu đột của chúng ta một cách vô ích! Một đường máu mở ra giữa hàng ngũ chúng và chúng ngã nhào ra hai bên như lượm lúa bị luồng gió dữ cuốn vãi ngổn ngang.

Bây giờ mới thấy bên cạnh đàn ngựa Hung to, khỏe, những con ngựa nhỏ phương Đông yếu đuối đến mức nào. Khi họ xông vào chúng, mười kỵ mã Hung đè bẹp hàng trăm kỵ mã Thổ. Và khi một chiến sỹ Hung đã nhào đến một tên Thổ nào đó thì tên Thổ đó sẽ không bao giờ còn có thể làm nên quan lớn ở cái thành Eger này nữa.

Họ đã rầm rập trở về.

– Tránh cổng ra!

Tiếng hò reo mừng thắng trận của quân dân trên mặt thành hòa lẫn với tiếng reo khải hoàn của những người chiến đấu trở về.

Dobó lo lắng thấy bọn akinji và bọn rebetji vẫn từ các phố nhỏ ùn ùn xông ra tiếp viện. Ông hô bắn. Trên mặt thành những khẩu súng nổ rền và dây cung bật tanh tách. Tốp đầu của đội quân Thổ khựng lại làm nghẽn cả đường.

Trong lúc đó một tiếng rú man dại chát tai nổi lên trên mặt thành – chát tai như tiếng lửa rống. Tất cả mọi người đều nhìn về phía đó. Thì ra gã di gan đang rống lên ở đó. Gã vừa giận dữ nhảy nhót vừa dứ dứ thanh gươm về phía quân Thổ.

– Bọn Thổ chó đẻ cứ đứng đấy! Mày sẽ chết!

Trong cơn bối rối đó của bọn Thổ, các kỵ sỹ của chúng ta vui vẻ phóng lên thành và rầm rập phi qua cổng trên mình những con chiến mã đầm mồ hôi, máu me dính bết, mồm sùi bọt mép, giữa tiếng hò reo đặc thắng của

quân dân trong thành.

Cuộc chiến đấu kéo dài không đầy mười lăm phút, nhưng quảng trường Nhà Thờ, bãi chợ và phố Giáo Đoàn ngập đầy xác chết, thương binh và những con ngựa què. Bọn giặc Thổ bị quấy rối giận sùi bọt mép kéo nhau rút lui, và từ ngoài xa, chúng ngoái lại khoa năm đấm lên.

Ngày hôm ấy Dobó cũng chưa ra lệnh đóng cánh cổng về phía con suối. Hãy cứ để cho dân thành đi ra đi vào từ sáng tới tối. Hãy để cho bọn Thổ thấy rằng Eger bình tĩnh chờ đợi cuộc vây hãm.

Cánh cổng mở thông thoáng. Quanh cổng chẳng thấy một người lính gác vũ trang nào. Nhưng thực ra phía trong có một trăm hai mươi xạ thủ sẵn sàng và một người lính canh ngồi bên cửa sổ trên tháp cao, hễ anh ta ra hiệu một cái là cây đại phong cầm sẽ lập tức sập xuống, đó là những cây sắt to đứng chắn giữa vòm cổng theo hình những cái còi đại phong cầm. Dịch vào phía trong chút nữa, một khẩu đại bác bắn đạn ria cũng chăm chú nhìn ra cái khoảng trống dưới vòm cổng. Còn cái cầu treo thì dù có người đứng đầy ở trên cũng vẫn có thể kéo lên được.

Những người lính có ngựa và những người chở nước cứ tha hồ ra vào. Những người lính có ngựa cho ngựa uống nước, những người chở nước chuyển nước vào cái bể đá trong thành. Trong thành cũng có giếng đầy, nhưng một cái giếng không thể đủ nước cho hai nghìn người và ngàn ấy ngựa. Cho nên cứ việc chở nước lên, được bao nhiêu hay bấy nhiêu!

Bọn lính Thổ cũng cho ngựa ra uống ở bờ suối bên kia. Những tên bộ binh Thổ cũng ra đây uống nước suối, cửa đập đã hạ xuống, nước suối dâng đầy. Ở giữa dòng, nước đến ngang thắt lưng. Quân Thổ cũng để yên cửa đập: chúng còn cần nhiều nước hơn nữa, mà ngày nào cũng cần.

Không phải chỉ cần cho vô số súc vật mà còn cần cho ngàn vạn con người. Trong thành phố không có giếng, cả thảy chỉ có hai cái giếng cần vọt bên sườn núi mà thôi.

Người nông dân Eger đi chở nước đã quen bọn Thổ, và lại ban sáng họ đã thấy quân trong thành đuổi đánh, giày xéo lên bọn chúng như thế nào, vì vậy khi ra suối vục thùng múc nước, họ không thể nhịn không nói chỗ sang bên bọn Thổ:

– Sang đây ông bạn, có dám thì sang đây.

Một tên Thổ tuy không hiểu lời nói nhưng cũng trông thấy cử chỉ ra hiệu bằng đầu. Thế là nó cũng ra hiệu: – Mày sang đây cơ!

Một tên Thổ khác cũng mỉm cười, cũng mời mọc. Một lát sau đã có đám sáu tên Thổ với cũng ngần ấy người Hung mời mọc lẫn nhau.

Một tên người Kurd hộ pháp, đội tuyban cẩu bắn đang rửa cái chân bị thương bên kia bờ. Quần xắn quá gối. Hắn đứng dậy và bước xuống suối, chìa cái mặt to bè bè có bộ ria hoe hoe về phía những người Hung.

– Thì tao đây, chúng mày cần gì nào?

Những nông dân của chúng ta không nhảy tránh đi. Họ cũng vịn quần đùi vào thắt lưng đứng dưới nước. Một người nhanh như chớp chớp lấy tay tên lính Thổ và giật mạnh sang phía họ.

Khi những tên Thổ khác kịp nhận ra thì bốn nông dân đã xô đẩy, lôi kéo tên Kurd vào giữa những cái xe chở nước. Những người khác chĩa giáo về phía những tên dị giáo đang nhảy xuống nước.

Tên Kurd gào thét, vật vã. Nhưng những cánh tay lực lưỡng giữ chặt lấy nó. Áo donman, cúc và dây khuy đứt tuột khỏi người nó. Cái tuyban rơi ra khỏi đầu nó. Mũi nó hộc máu. Nó kêu “*Jetisin*” (cứu với!) và quăng

mình xuống đất. Nhưng sự cứu viện không đến và người ta túm lấy chân nó lôi đi nhanh đến nỗi nó không thể nào đứng dậy được, cứ thế mà trượt qua cổng thành.

Người ta đưa nó đến trước Dobó.

Tên lính Thổ không còn kiêu hãnh như trước nữa. Nó phủi bụi trên mình rồi vòng tay lên ngực, cúi mình chào thật thấp.

Dobó sai dẫn nó vào phòng làm việc và cho gọi Bornemissza vào phiên dịch. Ông ngồi bên cạnh một bộ giáp sắt treo trên cọc. Ông cũng chẳng ra lệnh xích tên Thổ lại nữa.

– Tên mày là gì?

– Jekidj. – Tên Thổ đáp và run lên, phần vì câu phần vì sợ.

– Mày ở dưới trướng của ai?

– Của pasa Ahmed.

– Mày là gì?

– Piát.

– Thế nghĩa là lính bộ?

– Vâng, thưa ngài.

– Mày đã từng dự trận bao vây Temesvár?

Tên Thổ chỉ xuống chân, ở gần mắt cá một vết sẹo to bằng bốn đốt tay đỏ lừng.

– Thưa ngài, con đã ở đó.

– Vì sao tòa thành đó của chúng ta bị hạ?

– Allah muốn như vậy.

– Hãy nói với ta cho thật, nếu ta bắt được một lời nói dối, ngươi sẽ đến

ngày tận số.

Dobó nói và giơ khẩu súng ngắn lên.

Tên Thổ cúi mình xuống. Cặp mắt nó để lộ rằng nó sẽ không nói dối.

Dobó không nắm được tất cả sự việc về cuộc vây hãm Temesvár. Ông chỉ biết Temesvár đã được củng cố vững chắc hơn Eger và đạo quân tấn công chỉ bằng nửa nơi đây, vậy mà chúng vẫn chiếm được thành.

Dự cuộc hỏi cung trong phòng lúc ấy có một vài sỹ quan vừa đổi phiên xong đang nghỉ ngơi: Pető, Zoltay, Hegedüs, Bolyky Tamás, võ đồng Kristóf và András, viên đốc lý Eger. Họ ngồi quanh Dobó, chỉ có chú võ đồng là đứng sau lưng Dobó, khuỷu tay tì lên lưng ghế. Tên tù binh chân đất, đầu trọc đứng trước Dobó cách chừng bốn bước. Đằng sau tên tù binh là hai người lính cầm giáo.

– Chúng mày tới thành Temesvár vào lúc nào?

– Ngày mồng năm tháng Rejép (27 tháng sáu).

– Lúc đó chúng mày có mấy bích kích pháo?

– Pasa đại nhân mang theo mười hai khẩu zabuzan^(*).

Bolyky quát:

– Nói láo!

– Nó không nói láo đâu! – Dobó đáp. – Bởi vì Ali cùng mấy khẩu kia đi đánh miền Thượng địa.

Rồi ông hỏi tiếp tên dị giáo:

– Pasa Ali hợp quân cùng chúng mày với mấy khẩu zabuzan?

– Bốn khẩu. – Tên Thổ đáp.

– Điệp viên của ta cũng nói mười sáu khẩu bích kích pháo cả thảy.

Ông lại quay sang tên Thổ:

– Mày hãy nói cho ta biết chúng mày đã tấn công thành ấy theo trình tự như thế nào. Ta không giấu mày, ta hỏi là vì việc bảo vệ của chúng ta. Nếu mày muốn đánh lạc hướng ta, dù chỉ bằng một lời, mày sẽ sa vào tay thần chết. Nếu mày nói thật, sau cuộc vây hãm ta sẽ tha cho mày được yên lành mà về.

Điều đó được nói lên bằng một giọng chắc nịch đến nỗi có thể đem từng lời đúc vào khuôn thép.

– Thừa tướng quân đại nhân! – Tên Thổ nói với giọng hồ hởi hẳn lên vì sự biết ơn. – Sự cứu rỗi linh hồn con xin hãy thể hiện ra đầu lưỡi.

Rồi nó nói, lúc đó đã bạo dạn hơn và trôi chảy hơn:

– Ở đó cũng y như ở đây, pasa đại nhân nhằm lấy những đoạn tường và những phần yếu nhất của tòa thành rồi cho bắn phá mãi đến khi có thể dùng thang được.

– Ở đó phần nào đã là phần yếu nhất?

– Thừa ngài, đó là tháp nước. Chúng con chỉ với những trận chiến đấu ác liệt mới chiếm được thành. Người rụng như cỏ dưới lưỡi hái. Ở đó một mũi tên đã cắm vào chân con. Sau khi tháp nước bị chiếm, lính Đức và lính Tây Ban Nha nhấn ra rằng chúng thuận đầu hàng nếu người ta để cho chúng yên lành kéo đi. Pasa bèn lấy danh dự ra hứa sẽ không khùng bố chúng.

Trong khi tên Kurd nói, ngoài kia đại bác gầm thét không ngừng, và khi nó vừa nói đến đó, kèm theo một tiếng nổ và tiếng răng rắc rất dữ dội, trần nhà của soái phủ bị xuyên thủng. Một viên đạn đại bác to bằng đầu người cùng với vôi vữa trên trần rơi xuống khoảng giữa Dobó và tên Thổ. Viên đạn còn quay tít.

Tên Thổ sợ hãi lùi lại. Nhưng Dobó chỉ liếc nhìn viên đạn đang bốc mùi thuốc súng hôi nồng và dường như không có việc gì xảy ra cả, ông điềm tĩnh ra hiệu:

– Nói tiếp đi!

– Dân trong thành, – tên Thổ nói tiếp, – dân trong thành...

Hơi thở của nó đứt quãng đến nỗi nó không thể tiếp tục được nữa.

Vỗ đồng Kristóf rút trong túi ra một cái khăn tay có viền thêu và phủi bụi vôi trên mặt, trên mũi, trên áo quần của chủ tướng. Trong lúc đó tên Thổ đã kịp lấy lại hơi.

– Nói tiếp đi! – Dobó bảo.

– Dân chúng muốn đem tất cả của nả đi. Và đó chính là điều sai lầm. Losonczy yêu cầu một ngày để chuẩn bị. Quân lính chúng con thấy rằng người ta đang tước chiến lợi phẩm của mình và sáng hôm sau, khi bọn rợ Hung bắt đầu kéo ra, chúng con nhìn đầy căm tức. Chúng ta đã chiến đấu ở đây hai mươi lăm ngày để giờ đây người ta đem tất cả đi ư? – Chúng con bảo nhau thế và bắt đầu thò tay vào cướp giật các xe tải. Dân Cơ Đốc không chống cự lại, vì vậy việc cướp giật mỗi lúc một tham tàn hơn. Đặc biệt lính chúng con cướp giật trẻ con và phụ nữ trẻ. Thưa ngài, ở Istambul người ta cũng chẳng bán những cô gái đẹp hơn những cô ở đó.

– Thế nhưng viên pasa không đặt quân bảo vệ họ ư?

– Ông ta có đặt, nhưng vô ích. Khi hàng lính Cơ Đốc tiếp theo ra, bọn chúng con giật lấy một tên: một võ đồng khôi ngô của Losonczy. Tên võ đồng kêu lên. Losonczy nổi xung và tất cả bọn lính Hung đều dấy loạn. Chúng tuốt gươm ra và xông vào chúng con. May cho chúng con là đúng bọn lính thiết giáp rebetji đứng ở chỗ ấy chứ không thì họ đã mở được

đường máu ra khỏi trùng vây rồi.

Dobó nhún vai:

– Bọn rebetji ấy ư? Mà y tưởng rằng hễ kẻ nào khoác một tí sắt lên người là lập tức trở thành vô địch ngay sao? Không phải giáp sắt đã làm được chuyện đó đâu, mà chỉ vì họ ít người quá.

Một viên đạn khác lại rơi vào phòng. Nó xuyên qua những lá cờ đã phai màu vẫn trang trí bức tường và làm thủng cả trần nhà.

Tất cả những người ngồi đó đều đứng dậy. Hegedüs đi ra ngoài. Những người khác thấy Dobó vẫn ngồi bèn nán lại.

– Pasa Ahmed dựng trường ở đâu? – Ông hỏi tên Thổ.

– Bên cạnh suối Nước Nóng, trong vườn Bách Thú.

– Ta đã biết mà. – Dobó vừa đáp vừa nhìn các sỹ quan của mình.

Rồi ông lại quay sang tên Thổ:

– Mà y thử nói xem, sức mạnh lớn nhất của đạo quân này là gì?

Ông nhìn xoáy vào mắt nó.

– Bọn ionisa, bọn pháo binh, đám quân muôn vạn. Pasa Ali đại nhân là một tướng lĩnh thông thuộc binh thư. Một tay ông ban phần thưởng hậu, còn trong tay kia là cây roi có gai thép, khi ông ta ra lệnh mà đứa nào không tiến lên thì bọn iaxaun^(*) sẽ dùng roi có gai quất họ.

– Và cái gì là chỗ yếu của nó?

Tên Kurd suy nghĩ và nhún vai.

Mắt Dobó như đôi kiếm nhọn chĩa thẳng vào nó.

– Thật con không thể nào trả lời khác hơn, cho dù con có trải tâm can con ra trước chân ngài như thể một trang sách mở cũng thế thôi. Thừa đại nhân, con chỉ có thể nói rằng khi đạo quân này chia làm hai nó cũng rất

mạnh. Bởi vì đạo quân này đã triệt hạ chừng ba chục thành trì kiên cố và chưa ở đâu người ta thắng được nó cả, vậy thì con biết nói cái gì là điểm yếu thừa ngài?

Dobó ra hiệu cho hai người lính đứng sau tên tù binh:

– Trói nó lại và điệu vào ngục tối.

Rồi ông cũng đứng lên.

Viên đạn thứ ba bay vào chỗ ông ngồi. Nó phá vỡ cái ghế bành chạm trổ rất đẹp thành từng mảnh vụn và tiếp tục xoay xoay bên cạnh cột nhà.

Dobó chẳng hề quay lại. Ông cầm lấy cái mũ sắt thường ngày từ tay Kristóf, chụp lên đầu.

Ông đi lên nóc pháo đài Nhà Ngục đứng xem khẩu súng nào bắn phá soái phủ.

Chẳng lâu lắc gì ông đã trông thấy. Ông hướng vào nó ba khẩu pháo của ông và cho bắn cùng một lúc.

Những công sự đổ nhào. Bọn tốp si bối rối chạy nháo nhác. Khẩu súng câm họng. Dobó đã không phung phí thuốc súng của ông.

– Phát súng oanh liệt quá! – Gergely phấn khởi reo lên.

Khi họ đi xuống thang gác pháo đài, chàng mỉm cười với Dobó và kéo ông vào trong góc cầu thang:

– Thừa đại úy, quả là ngài đã bắt tên Thổ hứa, nhưng ngài lại quên không bắt người phiên dịch hứa.

– Chẳng lẽ anh đã bỏ queo khẩu cung của nó?

– Hẳn đi ấy chứ. Khi đại úy hỏi cái gì là sức mạnh nhất của quân Thổ, tôi đã bỏ sót một điều. Tên Thổ nói là Ali với bốn khẩu bích kích pháo của mình có thể phá hoại nhiều hơn Ahmed với mười hai khẩu. Vậy có thể

đoán trước là Ali sẽ bắn phá thành trì cho đến khi nào tất cả tường lũy đều đổ sụp.

– Mời hẳn cứ việc. – Dobó điềm tĩnh đáp lại.

– Đây, tôi chỉ giấu điều đó thôi. – Gergely kết thúc. – Nếu đại úy thấy nên thì cứ báo cho các sỹ quan khác biết nữa.

– Anh làm như vậy là tốt đấy. – Dobó vừa đáp vừa chìa tay ra. – Chúng ta không được phép để những nỗi lo âu đè nặng lên dân thành. Nhưng ngay bây giờ ta cũng nói với anh điều mà tên bộ binh người Kurd không biết: cái gì là điểm yếu của đạo quân ấy.

Ông đứng tựa lưng vào tường pháo đài và khoanh tay lại.

– Mười sáu khẩu zabuzan, – ông tiếp, – có lẽ ngày mai sẽ cùng nhất tề làm việc. Rồi chúng nó sẽ đồng thời bắn cả một trăm – hai trăm khẩu pháo khác nữa. Chúng nó sẽ phá vỡ những cánh cổng trên tường thành và làm sập những tháp canh. Nhưng việc đó đòi hỏi thời gian hàng mấy tuần lễ. Trong thời gian đó cần phải cung ứng cho đạo quân trùng điệp này ăn. Anh tưởng là chúng nó có thể chở theo ngần ấy lương thảo để thừa đủ cho đạo quân này hay sao? Anh tưởng lúc nào chúng nó cũng có thể kiếm ra cái chỗ còn thiếu hay sao? Và nếu sương tháng mười đuổi kịp chúng nó ở đây, anh nghĩ rằng cái dân lớn lên ở xứ nóng này, với dạ dày lép kẹp và bộ da tê buốt, sẽ chịu trèo lên các tường thành này hay sao?

Một viên đạn đại bác rơi xuống bên cạnh họ, khoét đất thành một cái hố.

Dobó ngừng nhìn lên các pháo thủ và tiếp:

– Dân chúng cũng gan góc chừng nào họ còn thấy chúng ta gan góc. Cái chính là ta phải cố thủ thành trì cho đến lúc quân giặc cạn lương, cho đến lúc thời tiết trở rét, cho đến lúc quân đội triều đình đến kịp.

– Nhưng nếu chúng nó sẽ có đủ cái ăn? Nếu sương muối sẽ không sa vào tháng mười? Nếu quân đội triều đình dừng lại dưới Győr^(*)?

Giả sử Gergely nêu lên những câu hỏi ấy với một trọng âm mà qua đó người ta có thể nghĩ ngay đến một câu hỏi thứ tư nữa thì có lẽ Dobó đã lập tức cho cùm ngay chàng lại. Nhưng Gergely hỏi với một nét mặt cởi mở, gần như là mỉm cười. Có lẽ chàng cũng không cốt cho Dobó phải trả lời, mà chỉ vì họ đang nói chuyện một cách tin cẩn, và vì để đáp lại lời Dobó, chàng cũng không thể trả lời khác được.

Dobó nhún vai:

– Giám mục Eger đã chẳng nhắc là ông ta cầu nguyện cho chúng ta đấy ư?

Chiều tà hôm đó một phụ nữ quần mình trong áo choàng đen vội vã đi qua bãi chợ. Không có ai theo mục ngoài một đứa bé da đen ánh chừng mười lăm tuổi, với một con chó becje lang rất to.

Đến bên suối, con chó nhảy xuống nước còn người đàn bà cứ đi đi lại lại trên bờ, vừa đi vừa bẻ ngón tay. Chốc chốc mục lại nhìn về phía cổng thành. Sẩm tối người ta thường kéo cổng lên^(*) và khóa bằng chín cái khóa. Có lẽ người đàn bà đang chờ đến lúc ấy. Và khi người ta kéo cổng lên, mục lội qua suối mà không hề vén quần áo lên.

Đến trước cổng, mục kêu lên gần như bật khóc:

– Con trai tôi! Enim fiam!

Người ta báo với Dobó rằng có mẹ thằng bé Thỗ ở ngoài cổng.

– Cho mục ta vào, nếu quả mục ta muốn vào. – Dobó đáp.

Trên mặt cầu treo đồng thời cũng là cánh cổng ấy có một cửa sắt hẹp. Người ta mở cửa đó cho người đàn bà. Nhưng mục ta hoảng hốt lùi lại. Con

chó sủa văng lên.

– Con trai tôi!

Mụ đàn bà lại kêu lên và nhắc nhắc một cái gì như cái ví. Mụ dốc cho những đồng tiền vàng rơi rủng rẻng vào bàn tay kia.

Cánh cổng lại đóng kín.

Mụ đàn bà lại đến gần, vừa bẻ ngón tay vừa đi đi lại lại trước cổng. Mụ kéo chàng mạng lên và lấy khăn tay trắng lau nước mắt chảy dòng dòng. Mụ không ngừng kêu khóc:

– Szelim! Con trai tôi!

Cuối cùng rồi mụ cũng đâm vào cánh cửa sắt.

Cánh cửa lại mở ra, nhưng mụ lại lùi bước.

Lúc đó Gergely xuất hiện trên pháo đài trên cổng, chàng cầm tay một thằng bé kéo lên.

– Szelim! – Mụ đàn bà Thổ rú lên, hai tay chìa về phía đứa bé.

– Mẹ ơi! – Thằng bé cũng kêu lên và giơ cánh tay còn tự do về phía mẹ nó.

Con chó vừa nhảy vừa kêu ăng ăng, thỉnh thoảng lại sủa văng lên một tiếng.

Gergely không được nói vọng ra ngoài thành nhưng thằng bé có thể nói được. Nó gọi xuống cho mẹ nó biết như sau:

– Mẹ ơi, sau cuộc vây hãm mẹ có thể đổi lấy con ra bằng tù binh Cơ Đốc.

Mụ đàn bà quỳ xuống và, như thể muốn ôm choàng lấy con qua không trung, mụ dang hai cánh tay ra. Khi đứa bé đã biến mất, mụ ném theo rất nhiều cái hôn.

Tối đó bóng đêm đen đặc trùm lên thành, lên thành phố, lên những quả núi, trùm kín trời, trùm kín cả thế gian.

Dobó đi nằm muộn, nhưng đến nửa đêm lại dạo qua khắp các pháo đài. Ông mặc áo choàng dạ, đội mũ nhung đen, tay cầm bản danh sách các toán lính gác.

Người thượng úy trực đêm vào giờ đó là Zoltay. Anh ta cũng khoác áo choàng lên người vì đêm khá lạnh. Khi anh trông thấy Dobó trên pháo đài Sándor, anh lặng lẽ giơ gươm lên chào.

– Anh có gì nói không? – Dobó hỏi.

– Tôi vừa đi xem xét xung quanh. – Zoltay đáp. – Tất cả mọi người đều ở vị trí của mình.

– Đám thợ nề?

– Họ đang làm việc.

– Hãy đi theo ta. Ta tin ở anh, nhưng cần để cho lính gác thấy rằng ta cũng chú ý.

Ông trao bản danh sách cho Zoltay và họ lần lượt đi qua các pháo đài. Chỗ nào Zoltay cũng điểm danh. Bóng tối phủ kín những khẩu pháo trên tất cả mọi pháo đài. Những người lính đứng canh súng trông như những cái bóng đen. Trước những vòm cửa pháo đài và tường thành, lửa bập bùng ở các trạm gác. Những người lính chờ lượt đổi gác sưởi ở đó.

Trong thành yên lặng, chỉ đôi khi mới nghe vọng lại tiếng lạch cạch khe khẽ của đám thợ nề, họ đang trát vữa.

Dobó đứng ra bên mép pháo đài. Cứ năm phút một, ánh đèn lại hắt ra từ những lỗ châu mai. Cây đèn treo đầu ngọn giáo vỗ cánh sáng đến vài chục sải lên tường và qua cả hào ngoài. Sau đó người ta rút giáo về và đôi

cánh sáng lại từ một pháo đài khác phóng vào đêm tối.

Dobó dừng lại ở cổng phía tây. Người lính gác chào. Dobó cầm lấy cây giáo của anh ta và sai anh ta đi gọi người giữ cổng.

Người lính gác chạy lộp cộp lên cầu thang. Từ trên đó vọng xuống tiếng anh ta đánh thức người giữ cổng:

– Bác Mihály!

– Ấy.

– Theo tôi ngay.

– Làm gì thế?

– Ngài đại úy ở đây đấy.

Một tiếng động (bây giờ anh kia nhảy ra khỏi giường). Hai tiếng cộp cộp (Anh kia kéo ủng lên). Một tiếng lách cách (Anh ta đã vớ lấy gươm). Tiếng rầm rập (Anh ta chạy xuống cầu thang gỗ).

Và con người có bộ ria mép đồ sộ, quần mình trong chiếc áo choàng lông cừu đứng nghiêm trước mặt Dobó. Một bên ria mép của gã vểnh lên, bên kia quặp xuống.

Dobó trả lại giáo cho người lính gác và bảo:

– Trước hết, nếu đã là một chiến sỹ, người đừng gọi thập trưởng là bác Mihály, cũng đừng bảo: Theo tôi ngay; mà phải nói là: Thưa thập trưởng, ngài đại úy gọi. Như thế mới đúng. Nhưng thôi, trong lúc bị vây hãm thì thế nào cũng được. Việc đáng buồn hơn là lời người nói thế mà đúng. Kẻ nào mặc áo lót quần đùi đi ngủ, kẻ đó không phải là ông thập trưởng mà chỉ là bác Mihály. Ước gì có một viên đạn bảy mươi bảy bảng rơi xuống giữa giấc mơ của một viên thập trưởng giữ cổng như thế! Vậy ra người ta có thể cởi quần áo mà ngủ trong một cái thành bị vây cơ đấy?!

Nghe câu hỏi đó, bên rìa mép chỉ thiên của Mihály cũng quắp nốt xuống, nhưng chẳng ai trả lời cả. Dobó lại tiếp:

– Từ hôm nay trở đi, đêm nào nhà người cũng phải ngủ dưới vòm cổng này, hiểu chưa?

– Con hiểu rồi ạ.

– Điều thứ hai mà ta muốn nói là chúng ta không hạ cửa xuống vào mỗi buổi sáng nữa, ngược lại chúng ta hạ cây đại phong cầm xuống, trừ một cọc, hễ khi nào cuộc tấn công bắt đầu, nhà người sẽ hạ nốt xuống mà không cần chờ lệnh nữa.

– Con hiểu rồi ạ.

Không đầy năm phút sau, từng cái từng cái một, những cọc sắt nhọn, to bằng bắp tay lao phập xuống nửa trong vòm cổng, như những cây còi đại phong cầm chặn kín lấy vòm cổng. Chỉ còn một cọc vẫn treo lơ lửng, vừa đủ chỗ cho một người có thể đi ra đi vào được.

Dobó bước từng bước lên pháo đài Nhà Thờ. Ở đó ông cũng kiểm tra các khẩu pháo, xem xét những pháo thủ ngủ và những pháo thủ thức canh. Sau đó ông khoanh tay lại đứng nhìn vào bóng đêm xa xăm.

Bầu trời tối đen, nhưng mặt đất, trong khoảng tầm mắt còn thấy được, lung linh bởi hàng nghìn ngôi sao đỏ. Đó là lửa trại quân của bọn Thổ.

Ông cứ đứng như thế mà nhìn mãi.

Và lúc đó, giữa đêm khuya yên ắng, từ một chỗ gần thành về phía đông, một tiếng loa lạnh lói bỗng vang lên từ đáy sâu bóng tối.

– Bornemissza Gergely! Trung úy của triều đình! Người có nghe thấy không?

Yên lặng, một sự yên lặng kéo dài.

Rồi tiếng loa lại văng lên:

– Nơi người có một cái nhẫn Thổ. Chỗ ta có một đứa bé Hung. Cái nhẫn ấy là của ta. Đứa bé này là của người.

Yên lặng.

Tiếng loa lại nổi lên:

– Nếu người muốn lấy lại con trai người, hãy đến chỗ cổng phía bãi chợ. Hãy trả lại cho ta cái nhẫn, ta sẽ trả lại con trai người. Hãy đáp lại lời ta, Bornemissza Gergely!

Dobó nhận thấy tất cả những người lính gác đều quay mặt về phía tiếng kêu, mặc dù đêm tối đen không thể nhìn thấy gì hết.

– Đừng ai cả gan đáp lại đấy! – Ông hăm hăm nói và vỗ vào guơm làm nó kêu lách cách.

Chẳng một ai đáp lại.

Tên gọi loa lại tiếp:

– Nếu người không tin lời ta, rồi đây người sẽ tin, khi ta ném thủ cấp con trai người vào trong đó.

Dobó liếc nhìn sang hai bên rồi lại lắc guơm lách cách:

– Các người đừng có mà cả gan nói với ngài Bornemissza đấy nhé! Kẻ nào dám đưa chuyện này ra nói hoặc với ngài thượng úy, hoặc với bất kỳ người nào khác, thề có Chúa Trời chứng giám, ta sẽ sai nọc ra đánh hai mươi lăm trượng.

– Xin cảm ơn đại úy. – Một giọng khản đặc từ phía sau Dobó đáp lại.

Đó là Bornemissza, chàng quấn một dây ngòi đen vào mũi tên và vừa tẩm vào nhựa hắc ín vừa nói tiếp:

– Đêm nào chúng nó cũng loa vào một điều ngu xuẩn như vậy. Đêm

qua chúng nó gọi Mekksey và bảo vợ anh gửi lời chào kính trọng: vợ anh đang tiêu khiển trong doanh trường của Bêi Arszlân.

Chàng nhúng mũi tên vào một bình dầu và tiếp:

– Vợ con tôi đều ở Sopron. Họ không hề đi khỏi nơi đó, mùa đông cũng như mùa hè.

Tên gọi loa lại lên tiếng:

– Người có nghe thấy không, Bornemissza! Con trai người đang ở với ta đây. Một giờ nữa người đến chỗ cổng thì sẽ thấy.

Gergely đặt mũi tên lên dây cung. Chàng châm vào lửa rồi giật lên, bắn về phía tên gọi loa.

Mũi tên lửa bay qua đêm tối như một ngôi sao chổi và trong một khoảnh khắc soi tỏ ngọn đồi nơi mặt trời thường vẫn quen nhô lên.

Trên đồi có hai tên Thổ mặc áo caphotan đang đứng. Một tên cầm ống loa trong tay, tên kia có một mặt che bằng khăn trắng. Chẳng có đứa trẻ nào đứng bên chúng cả.

Đêm ấy còn xảy ra một việc khác nữa.

Varsányi xin vào cổng và vội vàng đi thẳng đến chỗ Dobó. Dobó vẫn đang đứng trên pháo đài Nhà Thờ, giơ tay sưởi lửa.

– Thưa ngài, – người điệp viên nói, – con về đây để báo tin ngài biết, tất cả các khẩu zabuzan đã đặt xong. Từ phía sân Hécey chúng cũng sẽ nổ súng. Ngoài ra toàn bộ tu pháo và pháo bắn đạn ria cũng sẽ lên tiếng. Về phía thành phố, các khẩu zabuzan sẽ công phá tường thành từ hai địa điểm, về phía các quả đồi thì từ ba địa điểm, còn các loại pháo khác sẽ tuôn đạn ra từ năm chục địa điểm ở khắp tứ phía. Trong buổi cầu kinh trưa, bọn kumbaraji sẽ xông ra và dùng thương, dùng nỏ bắn đá vãi hỏa pháo vào

thành. Ôi ôi ôi! – Anh ta thêm, gần phát khóc.

– Như vậy nghĩa là chúng nó sẽ bắn phá pháo đài Nhà Ngục, thành ngoài và cổng Cũ, – Dobó điềm tỉnh nói. – Còn gì nữa?

– Chúng nó sẽ bắn phá tất cả, thưa đại úy!

– Người có gì nói nữa không?

– Thưa ngài không ạ, chỉ có điều là giá như... nếu chúng ta đã ít ỏi như vậy... Có lẽ tốt hơn... Và một tai họa như thế này...

Anh ta không nói được hết vì Zoltay đã giáng vào mặt anh ta một cái tát đến nỗi vọt cả máu mũi lên tường.

Dobó giơ tay ra giữa hai người cản lại.

– Đừng đánh!

Và thấy Varsányi đưa tay lên quệt mũi rồi nhìn Zoltay với bộ mặt thiếu ngủ, Dobó nói với giọng xoa dịu:

– Người không biết ư, hể kẻ nào dám nói đến việc dâng thành ra hàng là sẽ bị tội chết?

– Con là điệp viên. – Varsányi lúng túng. – Sở dĩ người ta trả lương cho con là để con có gì thì nói cho bằng hết.

– Thôi đủ rồi. – Dobó bảo. – Ngay đêm nay người cũng sẽ phải tuyên thệ. Sau đó ta sẽ nghĩ cách để người có thể dùng vàng mà quệt mũi. Hãy theo ta.

Họ đi qua bên cạnh giếng nước, nơi Gergely đang cùng gã di gan và bốn nông dân nhồi những quả thủ pháo. Năm người sản xuất thủ pháo suốt đêm ngày ở đó. Gergely đã dạy cho họ cách làm và sở dĩ họ phải làm việc cả ban đêm là để nhờ có bị tấn công bất ngờ cũng khỏi phải cuống quýt.

Dobó gọi Gergely lại. Cả ba cùng đi vào soái phủ.

Vào đến nơi Dobó rút ngắn kéo ra và quay sang bảo Gergely:

– Anh viết thư báo cho Szalkay biết rằng cho đến nay nhà vua và đức giám mục chưa gửi một sự cứu viện nào đến đây cả, và bảo ông ta hãy thúc giục các trấn và các thành phố đến cứu viện.

Trong khi Gergely viết thư, Dobó làm lễ tuyên thệ cho Varsányi ở phòng bên cạnh.

– Thưa ngài, – Varsányi nói sau khi tuyên thệ, – con biết mình phục vụ ai. Nếu thành này giữ được, con sẽ không bao giờ phải mặc đồ cải trang Thổ Nhĩ Kỳ nữa.

– Người nói đúng đấy. – Dobó đáp. – Nhưng giả sử người không chờ đợi một sự ân thưởng nào thì cũng cứ phải phục vụ như thế vì Tổ quốc.

Trên bàn có một bình rượu vang, ông đẩy đến trước mặt người điệp viên:

– Uống đi, Imre^(*).

Người điệp viên đang khát. Anh ta dốc bình lên tu.

Khi anh ta chùi ria mép, cặp mắt anh ta lộ vẻ muốn tỏ lời cảm ơn, nhưng Dobó đã chặn trước:

– Người không cần trở lại chỗ quân Thổ. Hãy đem bức thư này đến Szarvaskő ngay đêm nay, rồi chờ ở đó cho đến khi nào Vas Miklós từ chỗ nhà vua và đức giám mục trở về. Nếu có thể, người hãy đem cả anh ta vào. Nếu không được thì chỉ mình người về thôi. Trong trại quân Thổ có thường dùng khẩu lệnh không?

– Thưa ngài, không đâu ạ. Nếu ai mặc quần áo Thổ, lại biết một vài tiếng Thổ nữa thì có thể tha hồ đi lại giữa bọn chúng như thể cùng một bọn. Nhưng giá mà ngài thượng úy đừng có tát con một cái như thế!...

Ở phòng bên vang lên tiếng cửa giày của Gergely. Dobó bèn đứng dậy để sang nghe bức thư.

13

Ngày hôm sau, 16 tháng chín, tiếng gầm thét của những khẩu đại bác đã gọi mặt trời nhô lên đằng sau những dãy núi.

Mặt đất run rẩy. Từ các bãi pháo, khói bay lên như những đám mây màu nâu hòa lẫn vào mây trời và ngay trong giờ đầu tiên đã che kín cả mặt trời, cả biển xanh lồng lộng của bầu trời.

Các pháo đài và tường thành rên rỉ, rạn nứt. Đạn to, đạn bé đua nhau vãi vào thành trong. Tên lửa và hỏa pháo rơi như mưa. Đạn đại bác lao xuống và quay lông lốc khắp nơi. Từ nay trở đi, tính mạng của người và vật không còn được an toàn nữa.

Nhưng những người trong thành cũng đã sẵn sàng chờ đón mỗi nguy đó. Dobó đã cho thổi kèn đánh thức quân lính dậy từ khi trời còn tối. Một bộ phận đi đắp cao thành con chạch về những hướng mà người ta đã biết chắc rằng hôm sau đạn sẽ từ nhà chánh xứ Hécey theo đó bay vào. Một bộ phận khác được lệnh mang tất cả số da còn lại trên trần nhà kho ra ngâm vào các bồn nước. Những người khác nữa vác xà gỗ, thùng gỗ và những bao tải chất đầy đất ra thành ngoài, đến pháo đài Nhà Ngục và đến các cổng thành, để hễ nơi nào bị phá vỡ, tất cả vật liệu hàn khẩu sẽ sẵn có ngay.

Tất cả xô và nồi có trong thành, hễ còn rỗng, là phải đổ đầy nước vào. Người ta khuân tất cả mọi thứ không cần thiết ra khỏi các phòng ở tầng một, tầng hầm và đặt giường vào đó. Củ cải, bí đỏ, bắp cải muối – tất cả những thứ mà đạn không thể sát hại được – đều được chuyển lên các tầng trên để dành chỗ cho những người làm việc hoặc nghỉ ngơi.

Người ta còn đào sâu cả chuồng súc vật. Ngựa và bò chuyển xuống sâu hơn nửa sải tay.

Người ta đắp đất vào các sườn nhà phía bắc và phía đông. Những nơi đạn đã rơi xuống bãi chợ người ta đào hào và đắp đất ra phía trước. Đạn bay đến đều cắm phập vào ụ đất.

Trong thành đã không còn gì có thể cháy được, ngoài mái chuồng gia súc, với lại một vài đồng cỏ khô, một đụn lúa nhỏ, một đồng rạ lót chuồng ở trước chuồng gia súc.

Dobó ra lệnh dỡ cả mái chuồng xuống, lấy da bò ướm phủ kín mấy đồng cỏ, đụn lúa và xúc đất phủ phía ngoài đồng rạ.

Để chữa cháy cho những gì còn có thể bén lửa như trần nhà và các giàn gỗ đi lên mặt lũy, ông sai phân phát những tấm da đã tẩm nước đi các nơi.

Tiếng gầm của những khẩu đại bác bắt gặp tòa thành trong công việc đó. Viên đạn đầu tiên nặng nửa tạ rơi trúng nhà bếp, làm vỡ một lô xoong chảo.

Các bà phụ nữ đang lúc nhóm lửa và chuẩn bị nhồi bột, lấy mỡ, lấy thịt nướng để nấu cho các chiến sỹ. Viên đạn khổng lồ rơi vào bếp làm họ phát hoảng, đập lên đầu lên cổ nhau mà chạy nhào ra khỏi nhà bếp, người nào không kịp ra cửa chính thì trèo qua cửa sổ.

Viên đạn vẫn nằm lăn ở đó mà tiếp tục quay giữa đồng xoong chảo, đĩa gỗ và nồi đất vỡ.

Mekcsey đứng ở chỗ chuồng gia súc trông thấy viên đạn bắn vỡ mái nhà bếp liền chạy lại.

– Cái gì thế? – Chàng vừa quát lên hỏi họ vừa dang rộng hai tay để chặn họ lại.

– Đạn bắn vào.

– Quay lại! Quay lại! Các bà hãy đi theo tôi!

Anh vội bước vào nhà bếp, cầm lấy hai quai của một chậu nước, bưng nó lên tưới vào viên đạn.

– Nào, – anh nói và lấy chân đạp viên đạn vào góc nhà, – các bà tiếp tục nấu nướng đi. Viên đạn bắn vào từ phía bên trái, vậy các bà hãy làm việc ở nửa bên trái nhà bếp. Tất cả xoong chảo để bên kia phải đem sang bên này và đừng ai đi lại ở nửa bên ấy. Ở nửa bên trái này không nguy hiểm gì.

– Ôi! – Một bà tái mặt rên rỉ. – Đêm qua con gà mái nhà tôi nó lại gáy cơ chứ. Ngày tận thế đã đến đây rồi.

– Nó là con gà trống đấy. – Mekcsey bảo.

– Nhưng rõ ràng là gà mái, ngài đại úy ạ.

– Nào, nếu đúng là gà mái thì các bà hãy đem nấu bữa trưa cho tôi, như vậy nó sẽ không gáy nữa!

Đám phụ nữ còn làm dấu thánh một vài phút, nhưng sau đó, khi viên đạn thứ hai phá thùng mái nhà rơi xuống, tự họ mức nước gội cho nguội đi và lăn đến bên cạnh viên kia.

Cơn bão đạn đã làm cho cả thành bối rối. Cho đến sáng hôm đó, đại bác chỉ nổ ở một chỗ, và nếu đôi khi đạn có rơi vào, họ đã biết cần phải tránh những bức tường chỉ dọi nắng ban mai và những bức tường ánh nắng không bao giờ dọi đến. Nhưng giờ đây, khi đạn đã rú rít và rơi chan chát vào tất cả mọi phía, to nhỏ đủ các cỡ từ quả dưa hấu đến quả hồ đào; họ không còn biết nơi nào là an toàn nữa.

Bây giờ thì mọi người tranh nhau lấy tất cả mũ sắt, tất cả giáp sắt, dù

xấu xí đến đâu. Cho đến nay chỉ có gã di gan mang giáp trụ, mặc dù vẫn đi chân đất, nhưng bây giờ, khi đạn rơi chan chát, phầm phập, lộp bộp vào khắp nơi, khi đám thợ cạo, ngay trong giờ đầu tiên đã phải rắc phèn và khâu cho mười người bị thương, ai nấy đều vội vã đến các kho binh khí để khoác lên mình một bộ giáp sắt càng dày càng tốt.

Hai vị đại úy cùng các thượng úy trong mười lăm phút đầu tiên đã đi đến khắp mọi chỗ trong thành.

– Các người đừng sợ! – Giọng Dobó vang lên như sấm.

Và tiếng các thượng úy gọi vang khắp nơi như tiếng vọng:

– Đừng sợ! Hướng đạn rơi không đổi. Nơi nào đạn đã rơi thì đừng đi qua!

Họ nói thế nhưng bản thân họ vẫn đi khắp mọi nơi.

Quả nhiên không đầy một giờ sau, chính những viên đạn đã chỉ cho mọi người thấy những ngôi nhà, bức tường nào là nguy hiểm. Đạn làm rụng tất cả lớp vữa trát tường, chỗ nào nhà xây bằng sa thạch thì đạn găm vào đó nhiều đến nỗi đen cả bức tường.

Ngược lại một số tường vẫn nguyên vẹn, vẫn trắng toát. Dù đôi chỗ có bị đạn rơi vào thì cũng chỉ do nó từ một bức tường khác nẩy sang. Tất cả những bức tường như thế giờ đây trở thành những bức tường bảo hộ, nơi dân thợ có thể làm việc, lính tráng có thể nghỉ ngơi.

Sự thực trong thành cũng chẳng còn nhiều bức tường như thế.

Giữa cơn đông ầm ầm đó của chết chóc, Dobó khi xuất hiện ở pháo đài này, lúc lại đến pháo đài kia.

Giờ đây ông đã đội mũ sắt sáng loáng, mang giáp hộ thân, giáp tay và giáp chân; bàn tay cũng đeo găng sắt.

Chỗ này ông sai sửa lại những ụ công sự bảo vệ pháo, chỗ kia ông điều chỉnh pháo.

– Chỉ cần bắn những cái nào chắc chắn thôi. – Ông bảo. – Ta phải dè sẻn thuốc súng, các người ạ!

Đó là điều duy nhất mà dân trong thành không hiểu.

– Báu gì cái thứ thuốc súng này. – Đám nông dân lâu bầu với nhau. – Có thuốc súng mà không bắn thì để làm gì?

Và không một ai trong thành lại không ngứa tay muốn bắn. Thì ai chả thấy quân Thổ đã ở ngay đây dưới mũi chúng ta: vậy phải diệt trừ những tên côn đồ hung bạo ấy đi chứ, hay ít ra cũng phải làm cho chúng nó sợ mà lùi ra xa thành đi chứ.

Tuy vậy họ không dám nói với Dobó. Cuộc vây hãm càng trở nên quyết liệt bao nhiêu, ông càng nắm chắc trong tay bấy nhiêu tất cả mọi quyền chỉ huy.

Bọn Thổ lúc này đã tràn ngập cả đồi Ghế Vua. Lều trại, cờ xí san sát khắp nơi quanh thành, và giữa những khoảng trống là bọn lính ăn mặc pha tạp lúc nhúc ồn ào.

Quân nhạc Thổ vang lên khi ở chỗ này, lúc ở chỗ kia, tiếng kèn, tiếng trống, tiếng thanh la đệm theo tiếng âm âm như sấm không ngừng không dứt của hàng trăm khẩu đại bác.

Ở những quãng thành không bị đại bác bắn phá, bọn kumbaraji ném thủ pháo và bọn cung thủ ionisa bắn tên lửa vào.

Thật là một cơn bão đạn và mưa tên lửa.

Tất nhiên tên lửa và thủ pháo nổ còn làm cho dân thành hoảng hốt hơn cả đại bác. Nhưng những người chỉ huy dày dạn đã dạy cho họ cả cách

tránh những thứ đó.

Khi những quả thủ pháo đầu tiên bay vào và vừa xì xì vừa nhảy lóc cóc vừa phụt ra những tia lửa đỏ chói, Dobó cũng thân hành giật lấy một tấm da ướm và chụp lên một quả. Những người dân kinh ngạc nhận thấy chẳng những quả thủ pháo không nổ tan xác ngài đại úy, mà chỉ lục đục dưới tấm da một tí rồi tịt đi ngay.

Những quả thủ pháo sau đó đã do lính tráng dập tắt. Thứ thủ pháo đó đều làm bằng gỗ hoặc bằng thủy tinh.

– Chúng ta sẽ giới thiệu cho bọn Thổ biết những thứ khá hơn!

Gergely nói và sai mang ra những quả hỏa hổ do chàng chỉ huy chế tạo suốt cả tuần qua.

Dobó đặt tay lên vai Gergely.

– Hăng gượng.

Đại bác vẫn gầm thét liên hồi từ sáng đến tối và cơn mưa chết chóc vẫn trút xuống. Những viên đạn nặng nửa tạ của những khẩu zabuzan phá ra trên tường thành những mảng to bằng cánh cửa một. Những viên đạn nhỏ nhưng nặng của tu pháo và pháo bắn ria bẻ gãy những hình chạm trổ tuyệt mỹ của nhà thờ và làm thủng lỗ chỗ bức tường hậu của soái phủ.

Lúc bình minh, khi toán lính trực canh vừa chiếm lĩnh vị trí sau dãy tường con chạch, đạn từ những khẩu tu pháo của bọn Thổ đặt phía sau rơi xuống họ như mưa đá.

– Nằm xuống! – Gergely hô to.

Một trăm năm mươi chiến sỹ nằm ép bụng sát đất. Gergely núp vào sát tường. Đạn rít qua trên đầu họ và cắm phập phập vào tường thành. Dãy tường con chạch trên mặt thành liền giống như một cái sàng.

Một lát nghỉ tiếp đến. Bọn Thổ đã bắn xong tất cả các khẩu pháo, chúng đang nạp đạn.

– Đứng dậy! – Gergely hô.

Năm người nằm không dậy nữa.

– Khiêng họ vào trước nhà thờ. – Gergely buồn bã nói. – Trong số các người có ai bị thương không?

Mười lăm người máu me lặng lẽ bước ra khỏi hàng.

– Các người hãy đến ngay chỗ nhóm thợ cạo.

Chàng lắc đầu và cất tiếng nguyên rủa. Sau đó chàng bảo các chiến sỹ:

– Các cậu ạ, chúng ta không thể nằm ép bụng ở đây suốt ngày được. Hãy lấy xẻng ra đây mà đào hào.

Khoảng mười người chạy đi vác xẻng và một lát sau tất cả mọi chiến sỹ đều hì hục đào. Chưa đầy một giờ sau các chiến sỹ đã đào được một cái hào sâu có thể đứng đến ngang ngực.

Gergely chờ cho bọn Thổ bắn xong loạt đạn mới rồi nhảy lên khỏi hào, vội vã đi vào thành trong để báo cáo với Dobó về việc đào hào.

Bên cạnh tu viện, chàng bắt gặp thằng bé con Thổ Nhĩ Kỳ đang chơi cạnh ống máng. Nó đang dùng thìa moi một viên đạn đại bác bốc khói ra khỏi tường. Thằng bé chắc hẳn vừa trốn khỏi nhà bếp và đang đứng ở một chỗ đạn rơi không ngớt.

– Hajde! (Cút ngay khỏi chỗ này!) – Gergely quát to.

Thằng bé giật mình quay về phía Gergely. Nó đứng tựa lưng vào tường, tái mặt và đưa cặp mắt sợ sệt nhìn chàng, hai tay nó bấu vào tường như thể đang tìm váy mẹ.

Một loạt đạn mới xuyên vào tường làm vữa rơi lả tả. Một viên đạn đen

thui to bằng nắm tay cắm phập vào tường phía trên vai thẳng bé và để lại quanh cái lỗ một quầng đen bấn thiêu.

Gergely nhảy lại chỗ đó. Chàng bế xốc thẳng bé lên và đem vào soái phủ.

Chiều tối hôm đó, mặt trời lặn sau những đám mây xám về phía Bakta. Trong có một phút, nó lóe ra một dải vàng rực rỡ đến tận giữa đỉnh trời rồi biến mất giữa những cụm mây màu máu để đi chiếu sáng cho những con người ở một miền đất khác hạnh phúc hơn, những kẻ đêm nay có thể ngả đầu lên gối bên tiếng râm ran êm ả của bầy cánh cam mùa thu.

Trong thành Eger, công việc chỉ bây giờ mới bắt đầu.

Khi loạt súng cuối cùng của bọn tốp si vừa nổ xong, những người thợ nề cầm lấy bay trát vữa, những người nông dân vác đá, vác đất, vác xà, chuyển nước, cát và bắt đầu việc hàn gấp lại những lỗ hổng.

Những tay súng nằm phục bên rìa mặt lũy, những người thợ làm việc bên những lỗ hổng.

Thình thoảng một phát đạn ria lại vang lên, khi ở pháo đài này, lúc ở pháo đài kia. Viên đạn bay lên cao nổ tung giữa không trung và trong một thoảng, chiếu sáng lòai bãi trống ở trước thành với ánh sáng màu đỏ. Đó là những viên pháo sáng. Giờ đây đã phải cần đến chúng. Người ta đề phòng quỷ kế của bọn Thổ.

– Làm đi, các người làm đi! – Đây đó vang lên tiếng thúc giục của các sỹ quan.

Một thợ nề theo dây tụt xuống phía ngoài thành để dùng đinh đĩa đóng thanh xà bắc ngang lỗ hổng vào mặt tường bên ngoài.

Từ phía dưới, ánh lửa sáng chớp chớp. Một cơn mưa đạn trút lên những

người thợ. Sau đó còn nhiều ánh lửa lóe lên và nhiều tiếng súng nổ ran. Ánh lửa của những khẩu súng Thổ soi sáng hai đại đội ionisa nằm phục trước chân thành.

Từ trên mặt thành một loạt đạn trả lời chúng.

Nhưng người thợ nề đã rơi xuống dưới chân thành phía bên ngoài.

– Chỉ làm việc bên trong thôi! – Tiếng Pető vang lên.

Và những người thợ vẫn tiếp tục làm việc giữa những loạt súng chốc chốc lại rộ lên của bọn tữphensi(*).

Lúc nửa đêm, tiếng tù và của người gác cổng bỗng rúc lên.

Dobó đang ngồi trên một thùng thuốc súng, ông ngừng phất đầu lên.

– Nào, phúc thư của nhà vua đây rồi.

Quả thực chưa đầy năm phút sau, hai người đầy máu me thở hổn hển đã đứng trước mặt Dobó. Cả hai đều mặc trang phục Thổ. Thanh gươm dính máu vẫn nằm trong tay họ chứng tỏ vào được thành Eger không phải chuyện dễ dàng.

– Nào. – Dobó giục. – Các người nói đi chứ.

Một trong hai người đó là Varsányi, anh ta vừa đi ra đêm qua. Người kia là Vas Miklós, người mang lá thư của pasa Ahmed đến chỗ nhà vua.

Varsányi vẫn thở hồng hộc.

– Suýt nữa thì bị chúng nó giết!

Vas Miklós tra thanh gươm còn dính máu vào vỏ rồi ngồi xuống nền đất đầy bột đá. Anh ta lôi chiếc ủng da vàng ra khỏi chân, rút dao ra cạy đế giày lên. Trong đó có một phong thư, anh trao cho Dobó. Chỉ lúc đó anh mới cất tiếng được:

– Con đã gặp đích thân ngài giám mục. Ngài gửi lời chào kính trọng

đến đại úy. Ngài giám mục đích thân mang thư đến chỗ hoàng thượng. Đây là lời phúc đáp.

– Người thứ ba đã bị chúng nó giết mất. – Varsányi nói.

– Người thứ ba nào? – Pető hỏi ngay.

– Szúrszabó István, một chiến sỹ của ta. Anh ta cũng bị mắc kẹt ở bên ngoài. Anh muốn vào cùng với chúng con. Chúng nó đã dùng giáo đâm chết anh ngay trước cổng thành.

Anh ta thở một hơi dài rồi lại tiếp:

– Chúng con không hề nghĩ là lại gặp bọn Thổ ở ngay cổng thành. Khi vào đến nơi, con thối cái còi của con. Con vừa thổi còi lên, lập tức mười tên Thổ đã từ bên cổng thành ập đến. Úi chà chà! May mà trời tối, với lại người của ta đã lập tức mở cổng kịp thời. István bị chúng nó đâm ngã ngay trước mặt con, con vừa vịn kịp nhảy vào.

Trong lúc đó Dobó đã bẻ dấu niêm phong, mà thực ra cũng đã vỡ nát dưới gót giày, và nghiêng xuống ngọn đèn đọc bức thư. Nét mặt ông mỗi lúc một tối sầm lại. Cặp lông mày đã hoàn toàn nhú sát lại gần nhau. Khi đọc đến cuối bức thư, ông hất đầu một cái và nhét bức thư vào túi.

Pető rất muốn hỏi nhà vua viết những gì. Nhưng Dobó đưa cặp mắt tối sầm liếc nhìn quanh rồi quay về phía Varsányi:

– Nhà người đã trao bức thư cho ngài Szalkay rồi à?

– Thưa ngài, con đã đưa rồi ạ. Ông gửi lời chào ngài, ông ấy đã viết suốt cả buổi sáng và xong được bao nhiêu thư, ông ấy liền sai ngân ấy phi mã gửi đến khắp nơi ngay trong buổi sáng.

– Các người còn việc gì nói nữa không?

– Con không có gì nói nữa. – Vas Miklós nói. – Ngài giám mục đã tiếp

con rất ân cần. Ở chỗ hoàng thượng cũng thế, tất cả mọi người đều vui lòng tiếp, nhưng con bị một nhát chém vào đầu, con muốn được đến ngay chỗ thợ cạo.

– Pető con ơi, – Dobó nói, – sáng mai anh đừng quên nói với Sukán ghi tên hai người này vào danh sách những người mà sau cuộc vây hãm chúng ta sẽ xin nhà vua ban thưởng cho họ.

– Thưa ngài, – Varsányi vừa nói vừa đưa tay mân mê yết hầu. – Con còn có điều báo cáo.

Dobó nhìn anh ta.

– Đó là, – Varsányi tiếp, – Nagy Lukács bảo con xin với ngài cho thả một vài cây đuốc ở chỗ cổng chính. Anh ấy muốn trở về trong đêm...

– Ta sẽ sai gông cổ nó lại, – Dobó giận dữ quát lên, – rồi ta sẽ dạy cho nó biết thế nào là chậm trễ!

Một người đeo thùng sau lưng mang nước lên cho thợ nề vội vã đi qua bên cạnh họ. Dobó đứng né sang một bên và gọi to lên bảo đám thợ nề:

– Đặt ngang thanh dầm ấy lại, đừng để dọc như thế!

Rồi Dobó lại quay sang Varsányi.

– Có lẽ cái anh chàng Lukács ấy tưởng rằng... Được rồi, hăn cứ việc mà đến trước mặt ta!

Varsányi gãi gãi cằm và cầu khẩn nhìn Dobó:

– Thưa ngài, anh ấy rất lấy làm hối hận là đã bị mắc kẹt ở ngoài. Thật anh ấy buồn rầu không biết để đâu cho hết.

Dobó mất bình tĩnh đi đi lại lại dưới cây đèn.

– Chỉ là chuyện điên rồ! Cái anh chàng ấy nghĩ thế nào cơ chứ? Vả lại hăn nhả nhe cái gì cũng mặc, không tránh khỏi hình phạt đâu. Ngay đêm

nay các người lại phải quay ra, mang thư đến chỗ ngài giám mục, đến chỗ nhà vua một lần nữa. Miklós, nhà người còn có thể đi nổi nữa không?

Miklós đắp khăn lên đầu. Trên khuôn mặt trai trẻ của anh, máu từ phía bên trái ứa ra như suối, cái khăn đã đỏ lòe vì máu.

– Nổi ạ. – Anh sẵn sàng trả lời. – Vậy thì để đến Szarvaskő con sẽ bảo khâu lại đầu cũng được.

14

Đổ nát mỗi ngày một lan rộng trên những tường thành. Bây giờ đã nhiều người làm công việc của thợ nề hơn. Đêm đêm số lính gác cũng đông hơn. Hôm sau, khi những đại bác Thổ lại lên tiếng, vừa từ các mặt thành vọt lên cao hàng chục sải và những viên đạn bắn vào đó nằm lại vĩnh viễn trong tường.

– Chúng mày cứ bắn nữa đi! – Lão già Cecey la lên. – Cứ lấy sắt mà gia cường mặt lũy cho chúng tao.

Nhưng đến ngày thứ mười, quân Thổ thức dậy đã thấy có những chỗ đổ nát không hàn gắn được. Trong một đêm người ta không còn chữa nổi tất cả những chỗ bị bắn vỡ.

Cuối tuần thứ hai một lão nông dân già khoác áo lông cừu đến trước cổng xin vào. Áo lông cừu trên người lão không phải áo vùng Heves^(*), tuy vậy người ta vẫn để lão vào.

Dobó tiếp lão trên bãi chợ. Ông đã biết rằng chúng nó lại gửi thư đến.

– Lão người ở đâu? – Ông giận dữ hỏi.

– Thưa ngài, con là dân vùng Csábrág.

– Lão tìm gì ở đây?

– Thưa ngài, con chở bột mì đến cho bọn Thổ ạ.

– Bao nhiêu?

– Dạ... dạ, mười sáu xe ạ.

– Ai gửi lão đến đây?

- Ông tổng quản ạ.
 - Nó không phải là quản mà là đồ Hung gian mặt hạng!
 - Dạ bẩm ngài... Chúng con đành phải khuất phục. Chúng con không muốn lâm vào cảnh như bên láng giềng ạ.
 - Láng giềng đó là ai vậy?
 - Thưa ngài, thành Drégely ạ.
 - Lão mang thư đến phải không?
 - Dạ... dạ, quả con có mang...
 - Từ chỗ bọn Thổ đến phải không?
 - Vâng thưa ngài, từ đấy đến ạ.
 - Lương tâm lão có bảo lão rằng khi lão nhận mang thư đến đây là đã làm một việc tội lỗi hay chẳng?
 - Thì... Con có biết trong thư có gì đâu ạ?
 - Quân Thổ lại có thể gửi một cái gì tốt đẹp đến sao?
- Lão già không đáp.
- Lão có biết đọc không?
 - Bẩm không ạ.
- Dobó quay sang bảo đám phụ nữ.
- Các người mang một nồi than đỏ ra đây.
- Họ mang ra và đổ than xuống đất. Dobó ném bức thư vào đống than hồng.
- Bắt lấy cái thằng già bán nước này và đút mũi nó vào khói. Đồ vô loài, nếu mi không biết đọc thì hãy ngủ đi!
- Sau đó ông sai gông cổ lão già đó lại và bêu giữa bãi chợ: hãy để cho

dân thành thấy kẻ nào nhận thư bọn Thổ thì sẽ ra sao.

Các sỹ quan cũng chứng kiến cảnh đó. Dân chúng cũng kéo nhau đến; họ cười, nhìn lão già chảy nước mắt nước mũi vì khói và vì cay đắng.

– Thấy chưa đồ thổ tả. – Gã di gan bảo lão. – Can có gì mà làm phu trạm?

Bức thư rời ra từng tờ khi đỏ, khi đen trên đám than hồng. Khi nó đỏ, những hàng chữ hiện lên như những họa tiết trang trí màu đen; đến khi những trang giấy đã thành than, những hàng chữ lại đỏ rực lên ngoằn ngoèo một lát trên nền đen.

Gergely cũng đứng đó.

Khi lão nông dân bước vào cổng, tất cả mọi khẩu đại bác đều im tiếng. Bọn Thổ chờ sự trả lời.

– Thừa đại úy, – Gergely nói khi họ đã bước ra khỏi đám đông, – tôi đã vô tình đọc thấy một dòng trong bức thư kia.

– Anh đọc làm gì? – Dobó nhún vai đáp. – Ta không đọc, tuy vậy ta vẫn biết.

– Đáng lẽ cũng chẳng nên nói đến làm gì, – Gergely tiếp, – nhưng mà cái câu đó thật quá vô đạo, vì vậy tôi đã không thể dừng được mà không nói với ngài.

Dobó không bảo nói đi, cũng không bảo đừng nói.

Thế là Gergely lại tiếp:

– Câu ấy như thế này: *Hay là quan tài của người đã đóng xong rồi, hờ Dobó István?*

Dobó hừm hừm:

– Xong rồi. Như vậy là chúng muốn hỏi ta đã chuẩn bị sẵn sàng để chết

hay chưa chứ gì? Về một điều đó, ta sẽ trả lời cho chúng biết.

Mười lăm phút sau một cỗ quan tài sơn đen xuất hiện trên tường thành. Hai đầu móc vào xích sắt buộc vào hai ngọn thương. Các chiến sỹ cầm hai cây thương vào kê đá.

Những khẩu đại bác Thổ lại gầm vang.

15

Đến tối hôm lễ Thánh Mihály đã có khoảng mười lăm lỗ hổng lớn há miệng toang hoác trên các tường thành.

Nhiều nhất là trên tường thành ngoài, cảnh đổ vỡ lớn thứ hai là ở pháo đài góc đông nam. Thứ ba và thứ tư là ở về phía nam, nơi đó chúng đã bắn vỡ cổng. Cái tháp canh cao bị bắn phá đến nỗi người ta không thể hiểu cái gì còn giữ được cho nó chưa đổ xuống, đặc biệt ở đoạn lưng chừng tháp.

Dân thành đã không còn đủ sức vá những lỗ hổng, chữa lại tường. Có thể thấy trước là dù tất thảy mọi người có ra làm việc chẳng nữa, một nửa số chỗ đổ vỡ vẫn không thể hàn vá kịp.

– Nhưng các người ạ, ta vẫn cứ phải làm đi!

Lúc nửa đêm, Dobó gọi các sỹ quan của ông lên pháo đài Nhà Thờ và sai bắn pháo sáng lên trời.

– Các người hãy nhìn xem. – Ông nói. – Những đụn đất kéo dần vào đây kia kìa, thật y như đàn chuột chù thỉnh thoảng lại dũi xuống dưới mặt đất, những giao thông hào kia đều đầy bọn Thổ.

Đêm hôm đó quả thật quân Thổ đã tiến vào gần tất cả những tường thành. Có thể thấy ở khắp mọi hướng trong một tầm gần, những lá cờ vàng đỏ của bọn ionisa, những cái thang công thành nằm dài trơn tru giữa các lều trại và những cái lều ionisa bằng khố tải, trong mỗi chiếc như thế có chừng mười – hai mươi tên nằm ngủ. Lúc này, đó là tuyến trong của vòng vây.

– Các con ơi. – Dobó lại nói. – Điều này có nghĩa là ngày mai chúng nó sẽ tấn công vào thành. Tất cả mọi người hãy ngủ ở ngoài này.

Ông ra lệnh đặt pháo bắn đạn ria và súng kíp ở những nơi tường thành bị vỡ. Những khẩu đại bác cũng được chỉnh hướng về những phía đó. Tất cả thương, giáo, hỏa hổ, cuộc chim, lưỡi hái, nghĩa là tất cả những gì có trong kho binh khí dự trữ của thành đều được đem ra dựng dọc quanh tường thành.

Rồi ông bắt tay tất cả các sỹ quan.

– Các con ơi. – Ông nói. – Tất cả các con đều đã biết nhiệm vụ của mình. Bây giờ đi ngủ đi, được ngần nào hay ngần ấy. Chúng ta cần phải đánh lùi đợt tấn công này.

Lúc đó một tiếng ồn ào khác thường từ phía thành phố vẳng đến. Tất cả bọn họ đều chú ý về phía đó.

Trước cổng thành về phía con suối, tiếng còi của Varsányi lãnh lối vang lên.

– Mở cổng mau! – Dobó hét.

Dưới thành phố tiếng ầm ĩ mỗi lúc một tăng. Tiếng vó ngựa, tiếng binh khí chạm nhau, tiếng súng nổ. Một giọng Hung la lớn:

– Mở cổng ra! Lukács về đây!

Người trực gác cổng là trung úy Vajda János. Anh lập tức sai đốt đuốc soi ra ngoài. Thì ra đội quân của Nagy Lukács trong một hàng dài, đang cố sức chọc qua bọn lính thiết giáp Thổ nghỉ đêm ở bãi chợ để tiến về phía thành.

– Hạ đuốc xuống! Chiếu vào dưới cổng! – Vajda hét, bởi vì anh lập tức thấy ngay rằng để đội quân đó tiến về trong bóng tối thì có lợi cho họ hơn.

Người ta lập tức hạ cầu xuống và kéo cây đại phong cầm lên.

– Những người có súng, có giáo đến ngay quanh cổng!

Các dũng sỹ của chúng ta nối nhau thúc ngựa nhảy vào cổng. Bọn Thổ gào thét ủa theo sát gót họ.

Một trận xô xát đẫm máu bắt đầu dưới vòm cổng.

Một tên piát đi chân đất lẹ như con mèo, thoăn thoắt leo lên dây xích cầu treo, thanh gươm cong ngậm ngang trong mồm. Người lính gác cầm đuốc đã trông thấy nó. Hai bên gươm gươm nhìn nhau một phút, rồi người gác quật đầu đuốc lửa vào mặt hấn một cái mạnh đến nỗi tên Thổ rơi tòm xuống khoảng tối đen.

Trong lúc đó những tên Thổ khác không ngừng hò hét Allah akbar (Thượng đế chí cao), chen nhau xông vào dưới cổng.

– Kéo cầu lên! – Dobó thét.

Loạt đạn của các xạ thủ nổ rền át mất giọng của ông.

– Cầu không thể kéo lên được! – Người gác cổng gào đáp lại.

Ai cũng thấy cầu đầy quân Thổ.

Lúc đó Gergely vừa đến nơi. Chàng giật lấy cây đuốc trong tay một người gác và cố tiến đến chỗ khẩu súng cối.

Trong nháy mắt sau đó, khẩu cối khạc lửa, gầm lên và quét quang một vệt rộng giữa bọn Thổ chen chúc trên cầu.

Cái cầu khục khặc, cốt kết nâng dần lên qua trục vít to bằng cái bánh xe cút kít và nhấc bổng cả bọn Thổ lên theo.

Bên trong, những cọc sắt của cây đại phong cầm sập xuống, bên ngoài cái cầu ộp lên, khoảng chừng năm chục tên Thổ mắc kẹt trong một khoảng hẹp dưới vòm cổng. Chúng điên khùng quay cuồng, đập phá lung tung cho

đến khi ngã chồng lên nhau thành đồng dưới những loạt đạn và những ngọn giáo xĩa vào.

Vài phút sau dưới vòm cổng tối om chỉ còn lại một đồng hình người thở dốc, quần quai.

Dobó đã đứng trên bãi đất trong cổng.

Dưới ánh đuốc, hai mươi hai kỵ sỹ đầu trần đứng sắp hàng trước mặt ông.

Một người thấp, vai rộng, bước lên, dừng lại trước Dobó, vừa thở vừa nói:

– Xin báo cáo đại úy, tôi đã về.

– Lukács con ơi! – Dobó xúc động trả lời. – Người đáng được một cái cùm vào chân lắm, đồ lông bông lêu lổng! Nhưng lại cũng đáng được một vòng vàng đeo vào cổ, chàng dũng sỹ gan dạ, trung thành của ta ạ!

Và ông ôm lấy người chiến sỹ của mình, hôn lên má.

– Vậy các người làm thế nào mà vào được?

– Thưa đại úy, chúng con đã phải chờ cho đến khi chém được một số quân Thổ đủ để lấy cho mỗi người một cái tuyban và một áo khoác. Chúng con thường từ Szarvaskő xuất kích ra, và đến đêm nay chỉ còn thiếu hai tuyban nữa mà thôi. Varsányi đưa cho chúng con mượn cái còi của anh ta. Giá như ở bãi chợ có cả kỵ binh thì chúng con đã có thể vào một cách êm thấm. Nhưng bọn bộ binh đã đánh hơi biết được chúng con không thuộc bọn chúng, thế là chúng nó tấn công vào chúng con.

– Thiếu những ai?

Các chiến sỹ đưa mắt nhìn nhau. Ánh đuốc ban đêm chỉ soi rõ một nửa mặt họ.

Người nào người nấy đều chảy máu, máu thấm đỏ cả quần áo, cả mình ngựa.

– Gábor. – Một tiếng nói khe khẽ.

– Bicskei. – Lại có tiếng.

– Balkányi...

– Soós Gyuri...

Mắt Dobó chợt ngừng lại trước một chiến sỹ nhỏ nhắn có bộ tóc như con gái, đứng lùi về phía sau hàng và giấu mặt vào bên cổ ngựa.

– Balázs! Con đấy ư? – Ông kêu lên, trái tim ông cũng nhói lên một cái.

Chú thiếu niên bước lên, quỳ một chân xuống, đặt thanh gươm đâm máu đang cầm trong tay xuống bên chân Dobó và lặng lẽ cúi đầu.

Đúng là Balogh Balázs, chú võ đồng bé nhất của ông.

16

Đêm đó, trừ tám mươi tay súng, tất cả mọi chiến sỹ đều được ngủ. Họ ngủ cạnh những tường thành, trên lớp rơm rạ trải dưới chiến hào. Gươm giáo đặt ngang trên người hoặc để bên cạnh.

Trên kia, bên tường con chạch, những tay súng đặt súng lên tường; súng đã nhồi thuốc, sẵn sàng nhả đạn, được phủ một lớp giẻ rách, vải mỏng để che sương.

Cứ độ mười – hai mươi bước lại có người đứng gác giữa những người ngủ. Cạnh các khẩu pháo, trong các tháp canh cũng vậy. Phía bên thành phố ít người gác nhất.

Còn những ai không phải là chiến sỹ thì đều thức làm việc.

Tất cả mọi nông dân có trong thành, những đồ tể, thợ xay bột, thợ nguội, thợ mộc, bốn người thợ rèn, hai tay lái chó và cả gã di gan nữa đều được Dobó cử đến giúp việc đám thợ nề.

Người ta đặt những cây gỗ dài nhất vào các chỗ tường đổ. Đất, ván gỗ và cát, và bao nhiêu đá có thể chuyển đến được trong sự bề bộn của công việc vội vàng, đều được ném vào các chỗ tường đổ. Cánh cổng bị bắn vỡ thì phải lấy đất, đá, cát và những thùng gỗ tọng đầy đất để lấp chặt lại. Súng cối được đặt phía trong và phía trên cổng, pháo bắn ria và tu pháo đặt hai bên, người ta chuyển đến đây tất cả những khẩu súng nào có thể điều động được.

Bọn tũphensi đứng dưới những hào sâu, thỉnh thoảng lại bắn lên, mỗi

khi có một người thợ nào xuất hiện ở những chỗ tường đổ. Vậy mà họ vẫn cần phải xuất hiện, vẫn phải nhô người ra, mặc dù họ đã dùng những ụ cản đạn bằng nhánh cây để che tầm mắt nhìn lên như thế nào đi nữa.

Bên tháp Góc, Bolyky Tamás đôn đốc việc lắp chỗ sụt lở. Ở đó, vì tường bị sụt sâu đến ba sải tay, người trung úy ở Borsod phải sai lấy chảo, lấy xích sắt buộc chặt những thanh gỗ đặt hai bên mép tường. Một công việc nguy hiểm. Thỉnh thoảng cần phải nhô người ra và mỗi lần như thế, bọn ionisa ở dưới kia đều nổ súng.

Người ta bắn trả lại chúng, vô ích, vài hỏa hổ xuống cũng chẳng ăn thua, bọn chúng đã quây kín chỗ nấp bằng ụ đất và đường con chạch đến nỗi chỉ còn thấy mũi súng của chúng thò ra mà thôi.

Thêm vào đó ánh đèn của những người trong thành lại soi rõ mục tiêu cho chúng.

– Đưa gỗ lên! – Bolyky Tamás ra lệnh.

Đám nông dân đứng ở chỗ đóng gỗ thanh, nhưng đêm đó đã ba người trong bọn họ phải chuyển đến chỗ thương binh.

– Đưa gỗ lên! – Bolyky lại kêu.

Đám nông dân vẫn đứng ngần ngừ.

Người trung úy bước lên chỗ tường sụt và lại thét lên:

– Nhúc nhích đi chứ! Lên đây! Lên đây!

Những thanh gỗ thoăn thoắt bay lên. Từ phía dưới, súng Thổ nổ như ngô rang. Trên này búa đóng chan chát, và xích sắt rít lên, kêu lách cách, riết chặt những thanh gỗ lại với nhau.

– Đứng sợ! – Người trung úy xứ Borsod quát lên.

Không một ai còn dám sợ nữa.

Một viên đạn đập chát vào cái mũ sắt của người trung úy, làm gãy cái mỏ bạc cắm lông trên mũ.

– Nhanh lên, nhanh lên!

Người trung úy lại hò hét và giật lấy một cây gỗ, dùng xích buộc chặt vào một thanh xà khác.

– Tamás! – Mekksey gọi chỗ lên. – Xuống ngay!

Bởi vì đạn cắm vào tháp dày đặc, và dưới kia, súng Thổ càng nổ rền.

– Tôi xuống ngay đây.

Bolyky Tamás đáp và lại cúi xuống để giúp đưa một thanh gỗ khác lên. Anh sững lại trong cái tư thế cúi xuống, như thể đã hóa đá.

– Tamás! – Mekksey bồi hồi kêu lên.

Tamás quỳ khụy xuống. Cái mũ sắt rơi ra khỏi đầu, làn tóc dài màu xám xõa ra đằng trước.

Mekksey lao lên, bế Tamás xuống khỏi quãng tường sụt và đặt anh nằm xuống góc trong tường pháo đài.

– Đưa đèn lại đây!

Mặt Bolyky Tamás đã trắng nhợt như sáp. Máu chảy dọc theo râu anh nhỏ giọt xuống lớp bụi vôi trắng trên nền đất.

– Tamás! Cậu còn nói được nữa không? – Mekksey hỏi và ứa nước mắt nhìn anh.

– Được. – Tamás thều thào. – Các bạn hãy chiến đấu... Vì Tổ quốc...

Đèn và những cây đuốc tẩm hắc ín cắm vào đỉnh cháy rải rác trong thành. Dobó cưỡi ngựa đi từ chỗ sạt lở này đến chỗ sạt lở khác.

Cái tháp trên cổng Cũ khiến ông lo ngại nhất. Đại bác Thổ đã bắn vỡ cả

cổng, làm hư hỏng cả tháp. Cái cầu thang vòng đã lộ ra đen đen ở mặt phía nam, và cũng đã gãy mất bốn bậc.

Cánh cổng còn có thể lắp kịp, nhưng để xây lại cái tháp thì không còn thời gian nữa. Nếu ngày mai chúng nó vẫn bắn cái tháp thì sẽ ra sao? Cái tháp ấy là địa điểm quan sát và là nơi đặt súng bắn về hướng nam: nếu nó đổ, tòa thành sẽ mất một điểm mạnh rất đáng kể.

Ông phái bốn chục tay súng giỏi đến đó. Họ phải ngủ tại đó với khẩu súng đã nhồi sẵn thuốc, sẵn sàng chiến đấu.

– Ngủ đi! – Ông kêu lên bảo họ. – Chỉ cần hai người thức canh ở mấy cửa sổ là đủ!

Rồi ông quay ngựa lại, tể đến chỗ tháp đằng góc.

– Cái gì ở đây thế? – Ông la lớn. – Sao các người không làm việc?

– Thưa ngài, – một người thợ nói với giọng run run, – vừa trong phút này đây chúng nó đã bắn chết ngài trung úy Bolyky.

Lúc đó người ta khiêng chàng trung úy xuống cầu thang, trên một tấm ván khênh đá. Chân anh lủng lẳng thò xuống cuối tấm ván. Hai tay không đeo găng, cài vào nhau, đặt trên tấm giáp hộ tâm. Mekcsey cầm cái mũ sắt của người chết đi theo sau.

– Anh ấy chết rồi ư? – Dobó hỏi.

– Vâng. – Mekcsey buồn rầu đáp.

– Tiếp tục làm việc đi! – Dobó gọi lên pháo đài.

Ông xuống ngựa, bỏ mũ ra, bước đến bên người đã chết, lặng lẽ, buồn rầu nhìn anh ta.

– Cầu Thượng đế phù hộ cho anh, Bolyky Tamás. Hãy đứng lại trước mặt Thượng đế: hãy chỉ cho Người xem vết thương của anh, và hãy chỉ cả

xuống cái thành này nữa.

Ông đứng đó đầu trần, buồn rầu nhìn theo họ cho đến khi cây đèn biển mất dạng sau góc chuồng súc vật. Lúc đó ông lại lên ngựa và vội vã đi ra đằng sau soái phủ, đến một chỗ sạt lở khác.

Ở đó Zoltay đang chập vật với một cuộn chảo lớn để buộc các thanh gỗ vào nhau đem lấp chỗ vỡ. Bản thân anh cũng xúm vào giúp kéo dây, giữa chừng thỉnh thoảng anh quát bảo người này người nọ:

– Đừng sợ hỏng dây, không phải bằng xúc xích đâu mà sợ! Cầm lấy, Jancsi, chắc vào chứ! Kéo thật mạnh vào, như thể kéo hoàng đế Thổ lên giá treo cổ ấy.

Và những thanh gỗ răng rắc ép sát vào nhau. Những người thợ mộc đóng đai sắt ôm xung quanh, rồi đất, đá và cát tuôn đổ rào rào để lấp chỗ vỡ mà đại bác Thổ đã phá ra trên tường thành.

Dobó gọi lên bảo Zoltay:

– Anh xuống đây!

Zoltay thả cái dây xuống nhưng còn ngoái lại thét lên một lần nữa:

– Đóng đinh đĩa vào, càng nhiều càng tốt!

Dobó đặt tay lên vai anh.

– Đi ngủ đi con. Ngày mai cần phải có sức!

– Chỉ một vài thùng nữa...

– Xéo đi ngủ ngay! – Dobó quát anh. – Một! Hai!

Zoltay đưa tay lên vành mũ rồi lặng lẽ bước đi.

Dobó không muốn người ta làm trái ý ông.

Ông còn đuổi Fügedi và Pető vào nữa, sau đó ông cũng xuống ngựa trước soái phủ, giao ngựa cho người lính gác cửa và đi vào phòng riêng.

Cái phòng nhỏ ở tầng một, nơi ông ở từ hôm giặc bắt đầu bắn phá, được chiếu sáng bởi một cây đèn treo bằng gỗ màu xanh. Trên bàn có thịt nguội, rượu vang và bánh mì. Dobó cứ đứng như thế cầm bánh mì lên, bẻ một mẫu.

Từ phòng bên cạnh, một phụ nữ tóc hoa râm, mặc tang phục mở cửa bước vào, tay bà cầm cây nến. Trông thấy Dobó, bà bước hẳn vào phòng.

Đó là phu nhân Balogh, mẹ võ đồng Balázs.

Người phụ nữ quý tộc nhỏ nhắn, khí khái này ngay từ lúc bị kẹt lại trong thành đã lập tức thích ứng với tình thế. Bà cáng đáng công việc của người vợ viên giữ cổng và nấu ăn cho Dobó, bà lo lắng về tất cả mọi thứ.

– Công tử thế nào rồi? – Dobó hỏi.

– Cháu nó ngủ rồi. – Phu nhân trả lời. – Người nó bị những sáu vết thương. Trên ngực, trên đầu, ở tay. Nhưng ngài đại úy, ngày ngài không ăn, đêm ngài không ngủ, chuyện này không thể tiếp tục như thế nữa được. Nếu ngày mai ngài cũng không về ăn trưa, tôi sẽ đích thân bưng theo ngài cho đến khi nào ngài ăn hết.

– Tôi không có thì giờ. – Dobó đáp và dốc cạn cốc. – Giường của tôi đã trải chưa ạ?

– Ba ngày đêm nay nó vẫn thế.

– Nào, vậy thì hôm nay tôi sẽ ngả mình một cái (quả thực ông đã ngồi xuống). Cậu bé không bị vết thương nào to chứ?

– Trên đầu nó có một vết chém dài lắm. Những vết kia nhờ được cái áo đônman bằng da đỡ cho một phần, cũng nhờ ơn Trời! Tay chân nó cử động dễ dàng.

– Thưa phu nhân tôn kính, phu nhân cũng phải đi ngủ đi thôi. Hôm nay

tôi cũng sẽ làm thế. Tôi phải nghỉ ngơi một chút. Chúc phu nhân ngon giấc.

Ông nhìn ra ngoài trời và lại bước ra khỏi phòng.

Cái áo khoác dài mặc ban đêm của ông treo ở tiền sảnh. Ông khoác lên người rồi vội ra pháo đài Nhà Ngục. Ông bắt gặp Gergely ở đó đang sai một gã thanh niên vác một bì da to tướng lên phía trên.

– Cái gì thế này? – Ông giận dữ bảo chàng. – Té ra anh còn thức hờ? Không phải ta đã ra lệnh cho anh đi ngủ ư?

– Tôi đã ngủ rồi. – Gergely đáp. – Nhưng tôi chợt nhớ là sương sa xuống pháo. Tôi đã sai đem thuốc súng khô đến tất cả các nơi.

Dobó gọi xuống chỗ súng cối bắn pháo sáng:

– Bắn!

Khẩu cối xòe xòe, nổ vang. Viên đạn hắt lửa ra ở độ cao một trăm sải, và nổ bùng bùng, soi sáng quanh thành.

Trại quân Thổ nằm im quanh thành. Đây đó chỉ có những tên lính gác bẻ cổ áo lên đến tai ngồi trước các đội quân.

Dobó theo Bornemissza lên pháo đài Nhà Thờ xem cách chàng thổi thuốc ẩm ra khỏi các lỗ điểm hỏa, cách chàng cẩn thận rắc thuốc khô lên, cách chàng nhìn xem dây ngòi, gậy nhồi thuốc, môi đóng thuốc và đạn có để đúng chỗ hay không.

Sau đó Dobó ở lại. Ông đứng khoanh tay trên mỏm pháo đài, bên khẩu đại bác Búp Bê. Trong cái lặng lẽ mênh mông đang nghe ngóng xung quanh, ông ngừng lên nhìn trời. Bầu trời đầy mây, không ánh trăng. Chỉ có một vài ngôi sao trắng le lói trên một khoảng trời nhỏ.

Dobó bỏ mũ ra, quỳ xuống, ngừng mặt lên trời. Ông chắp tay, lầm rầm cầu nguyện:

– Thượng đế của con! Người đang thấy cái thành nhỏ đổ nát dần của chúng con và nhóm người quyết tâm này trong đó... Trong cái vô cùng vô tận của Người, thế giới trần tục này nhỏ không đáng kể. Ôi, nhưng đối với chúng con, đây lại là tất cả! Nếu cần đến cuộc đời chúng con, xin Người hãy lấy đi! Chúng con hãy rơi rụng đi như cuộng cỏ dưới đà lia lưỡi hái! Chỉ cần đất nước này tồn tại... Cái nước Hung nhỏ bé này...

Mặt ông tái nhợt, lệ trào ra khóe mắt. Với khuôn mặt đầm đìa nước mắt, ông lại tiếp:

– Maria, mẹ của Jesus, người mẹ bảo trợ của nước Hung! Chúng con vẫn hằng mang ảnh Người trên lá cờ của chúng con! Tên của Người hàng triệu đôi môi vẫn ca ngợi bằng tiếng Hung! Xin hãy đoái thương đến chúng con!

Thánh vương István! Từ thượng giới Người hãy nhìn xuống đây! Hãy nhìn xuống đất nước đang bị tiêu diệt, dân tộc đang đau khổ của Người! Hãy nhìn Eger, nơi những bức tường nhà thờ của Người đang đứng và nơi nhân dân hằng ca ngợi đấng vạn năng bằng tiếng nói của Người, bằng tôn giáo của Người. Người hãy dậy đi trong doanh trường thiên đình, Thánh vương István, ôi, Người hãy phủ phục xuống chân Thượng đế! Thượng đế! Thượng đế! Xin hãy dành trái tim của Người cho chúng con!

Cái khoảnh nhỏ quang mây trên trời kia như thể cái cửa sổ của thiên đình, trong đó những ngôi sao là những cây nến trắng...

Dobó lau nước mắt rồi ngồi lên giá gỗ khâu đại bác. Chìm sâu trong lo nghĩ, ông ngồi không động, nhìn vào khoảng tối om dưới chân thành.

Trại quân Thổ ngủ yên với tiếng rì rào khe khẽ. Không trung rung động vì hơi thở của hàng chục vạn con người.

Dobó tựa lưng, tì tay lên nòng đại bác. Đầu ông mỗi lúc một gục thấp

xuống, cuối cùng gục lên cánh tay: ông đã ngủ thiếp đi.

Ở phía chuồng súc vật, một tiếng gà trống chưa cứng cựa tè tè te cất lên, liền đó là một tiếng gáy ồ ồ. Về phía đông, một dải màu xám nhạt tách bầu trời tối đen ra khỏi những ngọn đồi.

Bình minh.

Dường như những cục đất của địa cầu bỗng nhiên chuyển động ở dưới kia. Tiếng lịch kịch khe khẽ nổi lên trong một khoảng rộng xa tít. Mặt đất dồi lên như những làn sóng đen ngòm, và tiếng lịch kịch, rì rầm ngày một vang âm. Một đôi tiếng chuông lắc cũng đã hòa vào tiếng lịch kịch, và một đôi tiếng còi khe khẽ nữa. Dải màu xám ở đằng chân trời ngày một rộng, màu đen trên bầu trời đã chuyển thành một cái chàng mạng có thể nhìn thấu qua.

Đã có thể nhìn thấy bóng phấp phới của những lá cờ ở dưới kia. Đã có thể nhìn thấy những tốp tuyban, những cái thang mảnh khảnh chĩa lên trời, lắc la lắc lư tiến về phía chân thành.

Bầu trời đằng đông sáng rất nhanh. Màu hồng đã thế chỗ dải màu xám và những cái tháp không mái, những bức tường đổ của tòa thành đã nhô ra khỏi lớp sương mù lạnh lạnh đang tan dần.

– Thừa chủ tướng. – Bornemissza gọi và đặt tay lên vai Dobó.

Dobó choàng dậy:

– Anh đấy à, Gergely?

Ông nhìn xuống đám lính Thổ bạt ngàn nhấp nhô.

– Cho thổi kèn báo thức đi!

Cái kèn của pháo đài lạnh lạnh vang lên. Tám kèn khác lập tức trả lời nó. Binh khí va loảng xoảng. Tiếng rậm rịch và tiếng người vang vang khắp mọi nơi. Những cái hào trên thành ngoài cũng nhộn nhịp lên. Quân lính đã sắp hàng trên các pháo đài và trên các mặt lũy.

Dobó nhảy lên ngựa, trong ánh sáng của buổi bình minh, ông quan sát cách bố trí, những chỗ tập trung của các binh đoàn Thổ.

Bọn chúng bố trí đông nhất ở mạn thành phía các lâu đài.

– Hề bọn chúng xông lên mặt thành là ném hỏa hổ xuống ngay!

Dobó ra lệnh ở khắp mọi nơi.

Võ đồng Kristóf gặp đại úy ở bãi chợ. Chú cười trên một con ngựa Thổ nhỏ màu xám, mặc áo khoác màu xanh thẫm.

– Thừa chủ tướng, con mang áo giáp ra chứ ạ?

– Đừng. – Dobó đáp. – Ta vào ngay bây giờ.

Nhưng ông không đi vào. Trong ánh sáng mỗi phút một tăng, ông tế ngựa từ pháo đài này qua pháo đài khác để xem mọi người chuẩn bị ra sao.

– Các người nhớ chỉ bắn vào những chỗ đông đặc thôi! – Ông bảo các pháo thủ. – Cái chủ yếu hiện nay là hỏa hổ và thương, giáo.

Sau đó ông lại la to:

– Chừng nào bọn Thổ chưa bắn xong tất cả các khẩu đại bác, các người đừng có lên mặt thành.

Hỏa hổ đã sẵn sàng từng đồng hình tháp, cạnh những chỗ tường vỡ. Người ta đã chế tạo suốt mấy tuần nay. Gergely đã cho đặt thêm vào giữa một liều thuốc nữa, với liều thuốc đó, hỏa hổ trở nên mạnh gấp đôi. Khi người ta ném xuống chúng nổ lần đầu, khi cái nhân bắn ra, chúng sẽ nổ lần

thứ hai. Sau đó những tia lửa trắng cháy đến hàng mấy phút từ trong hỏa hổ phụt ra tứ tung, kẻ nào bị nó bắn vào quần áo, vào mặt, nhất định phải nhảy lùi ra xa. Quân Thổ không biết chế tạo loại hỏa hổ như thế.

Võ đồng Kristóf chờ chủ tướng trước cửa soái phủ một lát, sau đó khi cậu thấy ông phóng ngựa đi hết pháo đài này sang pháo đài khác mỗi lúc một nhanh hơn, cậu đi vào phòng, mang ra đặt lên ngựa tấm giáp hộ tâm, giáp che tay, giáp che đùi, cặp cái mũ chiến vào nách rồi ra đón gặp Dobó ở chỗ tháp Góc.

Dobó cứ ngồi nguyên trên ngựa mà mặc bộ quần áo sắt vào người. Kristóf cũng ngồi trên ngựa lần lượt trao cho ông tấm giáp hộ tâm, giáp che tay, găng tay sắt. Rồi cậu nhảy xuống thắt đai giáp che đùi cho chủ tướng. Cuối cùng cậu trao cái mũ chiến khảm vàng lên cho ông.

– Con mang cái kia ra đây. – Dobó bảo. – Cái mũ thép ấy.

Lúc đó trời đã sáng bạch, đến mức có thể thấy rõ ràng các binh đoàn Thổ ở dưới kia. Dưới chân thành, trong những dãy hào, hàng ngàn tuyban và mũ chiến nhấp nhô. Nhưng chúng nó vẫn đứng một chỗ – chúng đang chờ hiệu lệnh để bắt đầu đợt công kích.

Chúng không phải chờ lâu. Khi ánh sáng đã tăng đến độ có thể thấy rõ những bậc nhấp nhô ở những nơi tường bị phá, những hòn đá nhô ra và những hàng gỗ, trong trại quân Thổ tiếng hát cầu kinh thành kính của các tu sỹ Hồi giáo đồng thanh nổi lên ở hàng trăm chỗ quanh thành. Đám quân trùng điệp, trong tiếng lách cách lan đi rất xa, nằm phủ phục úp mặt xuống đất rồi lại quỳ lên.

Như tiếng ì ầm của một cơn dông đang đến gần, đám quân dị giáo khổng lồ lăm rằm khấn khứa:

– Allah... Tiên tri Mohamed của chúng con... Người hãy làm cho trái

tim chúng con trở thành dũng cảm... Người hãy dang rộng những cánh tay vô địch của Người... Người hãy làm tắc họng súng khạc lửa của chúng nó... Người hãy biến bọn vô tri vô đạo đó thành bầy chó để chúng cắn xé chí tử lẫn nhau... Người hãy phái cơn gió lốc đến chỗ chúng nó để quật chúng nó xuống đất, cho mắt chúng nó đầy bụi... Người hãy bẻ gãy xương chân chúng nó để chúng nó không thể nào đứng vững trước chúng con... Tiên tri vinh quang của chúng con, xin Người hãy làm nhục chúng nó để chúng con có thể rạng rỡ trên thân chúng nó và để đất nước của Người vĩnh viễn phồn vinh!

Rồi chúng nó nhảy dậy trong tiếng lách cách ầm ỉ.

– Bismillah! (Nhân danh Thượng đế!)

Đại bác và súng tay Thổ nhất loạt nổ rền. Tường thành rung chuyển, những chỗ hàn khẩu lại nứt vỡ lung tung bởi vô vàn đạn đại bác bắn tới. Tên và đạn súng tay rơi như mưa rào xuống dãy tường con chạch trên các pháo đài. Không gian sặc sụa mùi thuốc súng. Hòa vào tiếng nổ rung trời chuyển đất là tiếng ầm ỉ của trống trận, kèn co, kèn đại và tiếng gào thét Allah của trăm ngàn tên Thổ.

Từ các chiến hào, bọn axap, ionisa, deli, rebetji và tất cả các loại bộ binh Thổ nhảy lên đông như châu chấu. Rừng thang vượt thành bay về phía các đoạn tường và pháo đài bị bắn vỡ, từ phía sau những cái thang, cơn mưa tên bay rào rào lên các mặt lũy theo những đường vòng cung lớn.

Đội quân nhạc Thổ lanh lảnh vang lên.

Nhưng từ phía trên, câu trả lời cũng ập xuống. Những khẩu đại bác chúc nòng xuống khạc lửa, sắt, chì, mảnh chai, mảnh sành vào những chỗ quân Thổ tập trung dày đặc nhất. Hàng trăm tên ngã gục trên vũng máu, hàng ngũ chúng lay động, ngã nghiêng. Nhưng ngay phút đó, hàng trăm tên

khác đã lại chen chúc nhau đạp qua những tên vừa ngã xuống.

Những cái thang vượt thành va lách cách vào đá, vào sắt, vào gỗ, và đám đông gần như chạy, thoăn thoắt leo lên phía mặt lũy, khiên che trên đầu, một tay cầm giáo hoặc kích, thanh gươm cong ngậm ngang mồm.

Hai mươi bảy lá cờ Thổ phấp phới, phần phật dẫn đoàn quân leo lên thang ở phía sau các lầu đài, nơi những chỗ tường đổ.

– Allah akbar! La ilia il Allah! Ja kerim! Ja rahim! Ja fettah! (*)

Tiếng gào thét điên cuồng không ngừng nổi lên như bão tố.

– Lên tường! Lên tường! – Ở trên thành tiếng hô cũng vang lên khắp nơi.

Và các mặt tường đầy người. Đến bây giờ hỏa hổ mới bắt đầu ném xuống. Người ta dùng tay mà ném xuống những quả thủ pháo cháy xèo xèo, sau đó phụt lửa và cuối cùng nổ ran. Hàng ngàn tia sét rơi xuống – nổ rền – bắn tung tóe. Tiếng kêu thất thanh, tiếng gào thét, khói, tiếng nổ đùng đùng, mùi khét lừ huỳnh, thật là cảnh địa ngục. Cuốc chim, lưỡi búa nện chan chát lên đầu móc sắt của những cái thang. Một đôi cái thang khi rơi xuống có đến hai chục đứa bám theo. Chúng nó lăn xuống đè gãy xương nhau và mở ra một lối giữa đám đông lúc nhúc dưới chân thành. Nhưng chỉ một phút sau, đợt sóng mới của đám đông vỡ trang lại tràn lên lấp chỗ của chúng, và bên cạnh những thang đã móc được vào tường, những thang mới vẫn nhô lên. Allah!

Trên pháo đài góc, nơi mà từ tối hôm qua đã được đặt tên mới là pháo đài Bolyky, Gergely và Zoltay cùng chỉ huy.

Cơ bản công kích ở đó còn găm thét mạnh mẽ hơn ở ba chỗ tường vờ khác, bởi vì ở đó chỗ vờ to hơn. Quân tấn công cũng đông hơn.

Những quả hỏa hổ quét rơi hàng trăm và hàng trăm tên leo thang, từ bên mạn sườn, người ta cũng bắn vào bọn chúng. Nhưng đối với bọn Thổ, cuộc sống có chi là quý giá khi chúng đông đến ngần ấy đứa. Chỉ cần mười tên đột phá được vào cùng một lúc là cả đạo quân sẽ theo sát gót chúng, chen chúc nhau đổ vào như một dòng thác lớn cho mà xem!

Vì vậy cần phải có người làm đê cản chúng lại!

Đã một giờ qua, hỏa hổ đánh lui những tên cố sức leo lên không bao giờ đứt đoạn, nhưng lúc nào cũng vẫn còn thang và bọn địch trên thang. Hễ một cái thang lớn mà mắc được vào đá là chúng nó đã chuyển ngay lên cho nhau những đoạn thang nhỏ hơn để trèo tiếp lên mép thành phía trên.

– Giật cái thang lên! – Gergely kêu to.

Và trước sự ngỡ ngàng sững sờ của bọn Thổ, chẳng những người ta không chặt phá thang, mà khi bọn chúng vừa giơ lên, ở trên đó người ta nhanh nhẹn bắt lấy và giật lên.

Người ta đã giật lên được năm cái thang của chúng, khi một tên Thổ mặc áo giáp bằng đồng vàng đưa cái thang của hắn lên và hắn cũng lập tức đeo lên theo.

– Kéo nó lên! – Gergely kêu to và thọc cán thương vào giữa hai bậc thang, bẩy lên.

– Các người mau giúp ta!

Cái thang vòng lên ra xa tường như một cái cầu treo, ở đẳng cuối thang tòng teng tên Thổ mặc giáp đồng. Trong tay hắn cầm một cây giáo dài có đính ngù. Nhưng khi bị nhắc bổng lên giữa không trung, hắn buông rơi cái mộc và cây giáo, hai tay bấu vào nấc thang cuối cùng.

Hắn lủng lẳng giữa không trung.

Đoàn quân ở bên dưới gào rú.

Gergely muốn kéo hẳn vào nhưng không có thì giờ. Một tên axap đội mũ lông nhảy thoát lên một cái thang nhỏ khác, phải xử trí với tên đó.

– Lật úp nó xuống! – Chàng kêu lên với bốn thanh niên đang kéo cái thang.

Rồi chàng rút cây thương lên, đâm phập vào vai tên axap. Tên axap lao đảo trong một phút, máu trào ra thấm đỏ suốt cánh tay. Sau đó hẳn ngã lộn tùng phèo xuống, cuốn theo khoảng mười tên nữa trong số những tên đang cố vượt lên.

Trong lúc đó mấy chàng trai cũng tuân lời chàng: họ lật cái thang lại. Tên Thổ mặc giáp đồng phải lựa chọn: hoặc gãy tay hoặc bay một quãng hai chục sải giữa không trung.

Hắn chọn cái sau.

Một tên Thổ đánh trống, đang khua cái trống hình giống cái bánh xipô, đứng cách chân thành khoảng mười sải tay đã bị tên mặc áo giáp đồng rơi vào đúng giữa đỉnh đầu và cùng hẳn lăn ra giữa đồng xác chết.

Nhưng cái đó có gì là đáng kể giữa đám trăm ngàn quân!

Một cái khiên da cá sấu vừa nhô lên. Không thể trông thấy tên Thổ ở bên dưới. Ngọn thương trượt đi trên mặt khiên nhẵn. Tên Thổ ranh khôn chắc hẳn đã móc phần giữa khiên vào cái đỉnh nhọn trên mũ chiến của hẳn. Dù người ta đâm hẳn bất cứ từ phía nào, cái khiên chỉ chao đi và ngọn thương sẽ trượt vào không khí.

Hấp một cái, Gergely đã nhảy tới.

– Phải thế này này!

Chàng trở ngược cán thương ra phía trước và quật xuống dọc theo

người tên Thổ có khiên da cá sấu. Tên Thổ ngã lộn đầu xuống.

Tiếng gào thét vẫn vang lên không ngừng:

– Allah akbar! Ja kerim! Ja fettah!

Đôi khi có cả tiếng Hung nữa:

– Chúng mày nộp thành đi!

– Đây này! – Zoltay đáp và bằng một nhát cuốc chim kinh hồn, anh quật thùng cái khiên, cái mũ sắt và cái sọ dừa.

Anh đứng ở đầu bên kia chỗ tường vỡ và chỉ làm việc bằng cuốc chim. Cái tường che đến ngang lưng anh. Anh nhường công việc bằng thương cho quân sỹ. Anh đích thân đứng trên một đoạn tường xếp bằng gỗ thanh, nơi thang rất dễ móc vào, nơi thang đặt san sát bên nhau và đám đông vũ trang dày đặc chen chúc nhau xô lên.

Anh đã ra lệnh chặt gãy một hai cái thang, nhưng sau đó anh thét lớn:

– Cứ nhè đầu chúng nó thôi, các cậu ạ!

Và anh cũng đứng ra phía trước để đích thân đón tiếp những kẻ xâm nhập. Giáp của anh bằng thép. Cán cuốc chim của anh dài như một cây côn.

– Cứ lên đây, đồ nhọ nhem, lên đây, để tao đánh vỡ cái mồm đẹp đẽ kia của mày ra!

Anh khích lệ một tên da đen đang giơ một cái khiên tròn, nhẹ, đan bằng sậy và tiến lên, từ phía sau cái khiên, lòng mắt trắng dã của hắn cứ lóe ra. Khi đến còn cách một sải tay, hắn co tròn người lại như một viên đạn, tiếp tục tiến lên. Ý định của hắn là đến bậc thang trên cùng hắn sẽ bất thành linh bật dậy, lao ngọn giáo vào Zoltay và nhảy lên mồm pháo đài.

Chức tổng đốc Eger đã được hứa phong cho kẻ nào cầm được ngọn cờ

chiến thắng trước tiên. Quân dân trong thành cũng biết điều đó.

Con báo đen vẫn tiếp tục vọt lên. Nổi gót hăn, một tên rebetji râu rậm, mồm sùi bọt mép, hét vang Allah akbar (Thượng đế chí cao!). Sau lưng hăn, một lá cờ đuôi ngựa cán ngắn giắt ở thắt lưng. Mồm hăn ngậm ngang một thanh gươm cong rộng bản tuốt trần.

– Allah akbar! Ja kerim! Ja rahim!

Zoltay giật tấm lưới che mặt xuống, vừa đúng lúc. Tên da đen bật thẳng người dậy, đâm ngọn giáo lên và cắm gãy mũi giáo vào bộ phận che cằm của cái mũ chiến.

Trong nháy mắt đó, cái cuốc chim bổ chát vào hăn và tên da đen từ bậc thang ngã vào không trung, rơi lộn đầu xuống.

Đến lượt tên rậm râu ở dưới hăn. Thằng này không cầm giáo trong tay mà cầm một cái chùy cầm đinh lờm chớm, buộc vào một đoạn xích. Đầu chùy lủng lẳng đầu sợi xích.

Zoltay giật phắt đầu tránh cú đánh rồi quật cuốc chim trả miếng mạnh đến nỗi tay tên Thổ rậm râu bị gãy, lủng lẳng một bên.

Tên Thổ đánh đu bằng một tay, kêu gào được một lát nữa nhưng cú đánh thứ hai đã làm hăn cảm hòng. Cái xác to lớn lặn xuống dọc thang, quét theo cả những thằng sống.

– Ta gửi lời chào kính trọng tới Tiên tri của mày! – Zoltay quát với theo.

Việc nói chuyện với quân Thổ bị cấm, nhưng Zoltay trong cơn hăng chiến đấu đã quên mất điều đó. Rõ ràng là anh không thể chiến đấu mà không gửi gắm vào mỗi cú đánh một câu gì đó. Những câu hò hét của anh làm tăng thêm lòng hăng hái của toán binh sỹ chiến đấu bên cạnh anh rất

nhiều.

– Đánh đi con, János! – Anh kêu to với một chiến sỹ bên cạnh. – Đánh như thiên lôi ấy! Pập! Thằng này cũng chẳng trở thành tổng đốc Eger được!

– Chờ gì nữa! – Anh nói to với một người khác. – Có lẽ cậu còn chờ để nó hôn cậu chẳng? Pập! Tiên sư cha nó!

Rồi khi một tên gureba đội tuyban, mặc áo giáp bằng thép lại xông lên trước mặt anh, anh thét lên với những người đứng bên cạnh: – Các cậu hãy xoa nhẹ nó như thế này này!

Anh đánh trúng vào cổ nó. Máu vọt lên tường và tên gureba vừa quay tròn theo chiều nằm nghiêng vừa rơi xuống.

– Chúc mày rơi đến tận đáy âm phủ! – Anh quát theo.

Mặt trời đã tỏa nắng, có thể thấy nắng qua màn khói của những khẩu đại bác trong thành. Đôi khi một cơn gió lửa khói sang một bên, ta có thể thấy rất đông quân địch mang khiên thép, vác những cây cờ có quả thao mạ vàng, vẫn tràn tới với ánh sáng lấp lánh đến chói mắt.

Dobó ngồi trên mình ngựa tể từ chỗ bị tấn công này đến chỗ khác. Nơi này ông chinh hướng đại bác, nơi kia ông ra lệnh đưa thương binh đi. Ông giục giã nạp thuốc súng và điểm hỏa. Ông cho chuyển thương, giáo đến những chỗ binh khí đã gần hết. Ông khích lệ, ngợi khen, la mắng. Ông liên tục phái hai võ đồng của mình chạy đến chỗ đội dự bị do Mekcsey phụ trách ở thành trong.

– Một trăm người đến chỗ các lâu đài! Năm chục lên pháo đài Bolyky! Năm chục ra cổng Cũ!

Các đội quân cứ sau nửa giờ chiến đấu lại được thay phiên. Họ kéo

nhau về nghỉ trước hai quán rượu trong thành, mồ hôi nhễ nhại, máu me bê bết, sặc sụa mùi thuốc súng, nhưng đầy hăng hái và, hơi khoe khoang đôi chút, họ kể cho những kẻ chưa ra chiến đấu nghe những hành động anh hùng của họ. Nỗi khát khao được lao ngay vào chiến đấu cháy bỏng trong những người kia. Bản thân Mekcsey cũng điên người lên vì không được chiến đấu mà phải lảng tránh trên sân thành và phải bằng lòng với việc phái toán quân này, toán quân kia đi theo lời nhắc của Dobó, và nói với họ những lời khích lệ:

– Số phận của Tổ quốc đang ở trên đầu thương mũi giáo của các người đây!

Những toán quân với nét mặt đỏ bừng bừng, vội vã lao mình vào cơn bão đang gầm thét.

Những cái thang vượt thành đã nhầy nhụa máu. Quanh những cái thang, tường thành đã trở nên màu đỏ. Dưới chân thành, xác chết và bọn tử thương chất thành những quả đồi máu me quăn quại. Nhưng hàng ngàn và hàng ngàn tên giặc mới vẫn la hét leo lên đông tử thi. Kèn lạnh lạnh, trống thì thùng, đội nhạc binh vang dội và tiếng reo xung trận ở trên mặt thành vẫn hòa vào tiếng gào Allah không dứt không ngừng. Ở dưới kia là tiếng quát tháo ra lệnh của bọn iaxaun, tiếng gầm của đại bác, tiếng đoàng đoàng của súng tay, tiếng ùng ục của thủ pháo, tiếng ngựa hí, tiếng những tên hấp hối thở dốc, rên rỉ, tiếng những cái thang răng rắc, ken két.

– Lên đây tổng đốc, lên đây! Pập!...

– Nói cho Tiên tri nhà mi biết, cú này là Zoltay đánh đấy! – Tiếng thét vang lên từ trong đám khói bao phủ pháo đài.

Tiếng gào rống thú vật và tiếng súng cối nổ át những tiếng thét của người dũng sỹ. Nhưng những hình thù chen chúc quanh anh và điệu múa

nhánh loang loáng của binh khí cho người ta thấy toán quân ở đó đang làm việc cật lực.

Khói che mờ cả mặt trời. Quanh chu vi thành, khói cũng bốc lên cuộn cuộn, qua lớp khói đó, thỉnh thoảng lại lấp loáng một quân đoàn Thổ đội mũ sắt, hoặc nhô ra màu nâu nâu của một đàn lạc đà chở thuốc súng và phấp pha phấp phới những lá cờ đại, cờ đuôi nheo.

Ở pháo đài cổng Cũ nhiều người phải thay phiên nhất. Pető Gáspár chỉ huy ở đó. Mỗi một lần rừng thang thừa đi, quân Thổ lại dùng những viên đạn đá nặng hàng tạ công phá tường thành và lớp tường bôi. Chúng dùng cuộc chim và thuốc để phá cánh cổng đã lèn chặt, ba cọc sắt trong số hàng cọc của cây đại phong cầm đã bị gãy.

– Năm trăm! – Dobó hét to với Kristóf.

Và Kristóf hồi hả quay ngựa, phi đi gọi năm trăm người.

Số đó đã hầu như là toàn bộ lực lượng dự trữ còn lại.

Mekcsey chụp mũ sắt lên đầu và cùng mười người chạy đến cổng Cũ. Nếu chúng nó phá được vào, công việc của anh cũng sẽ bắt đầu: việc cố thủ thành trong.

Dưới vòm cổng và trên pháo đài, bọn Thổ rụng như ruồi. Từ trên tháp, những tay súng của chúng ta bắn liên hồi khiến chúng đổ gục thành từng gò đồng. Giọng nói như sấm của Pető Gáspár thôi thúc vang lên:

– Theo ta, hỡi các chú! Đừng lui bước! Hai tay chứ, mẹ kiếp nó!

Bản thân anh dính đầy máu đến nửa người, anh quật, anh chém lia lịa, khi dùng gươm, khi dùng cuộc chim, có lúc lại dùng thương.

– Jesus, cầu Chúa phù hộ!

– Allah! Allah!

Khi bọn leo thang đã vội đi, tiếng kêu “Nước! Nước!” vang lên khắp nơi.

Đám phụ nữ dùng bình sành, cốc vại bằng gỗ đưa nước đến dưới pháo đài. Petố giắt lấy một cốc vại bằng gỗ. Anh đẩy tấm lưới che mặt lên, uống ừng ực đến nỗi nước chảy tràn ra hai bên mép như hai dòng suối nhỏ xuống áo giáp, nước tiếp tục chui qua áo giáp ra khuỷu tay, đầu gối, gót chân như chảy từ trong ống máng ra vậy. Nhưng trong cơn giận dữ và khát đến khô người, anh chẳng hề để ý đến điều đó.

Vừa đưa cái cốc ra khỏi miệng, anh thấy một tên Thổ nhảy lên mặt thành. Một tay hấn cầm cờ, tay kia hấn chém thực mạng. Đằng sau hấn nhô lên một cái đầu Thổ thứ hai, rồi cái thứ ba.

– Hừ, tiên sư cha chúng mày!

Và anh chộp lấy ống chân tên Thổ giắt nó vào. Anh cùng nó lăn xuống cầu thang. Khi vướng vào một chỗ nào đó, anh bóp lấy cổ nó và dùng nắm đấm đi gang sắt đánh vào mặt nó.

Sau đó anh lại nhảy dậy, bỏ tên Thổ bị bóp chết dờ đó cho đám nông dân ở dưới chân pháo đài, và vội vã quay lên. Anh nhanh tay chém sa sả trong một nháy mắt về cả sáu hướng.

– Allah akbar!

Quân Thổ đã lúc nhúc trên tường. Một tên akinji đã vượt lên được đến tháp canh. Hấn cầm cờ lên. Dưới kia tiếng gào đả thẳng nổi lên như bão cồn chào mừng lá cờ. Jesus, lạy Chúa! Có thể chứ, nó không phát phơ ở đó được đến hai phút. Những dũng sỹ của chúng ta nhào tới bổ vỡ sọ những tên sẵn số lên tiếp sau. Một dũng sỹ Hung đội mũ sắt gỉ đã như một con mèo trèo theo tên akinji ra ngoài móm. Anh đặt chân lên một móm đá và giáng lên hấn một đòn khủng khiếp. Anh chặt đứt phăng cánh tay tên Thổ

cầm cờ khiến cây cờ cùng theo cánh tay từ trên cao rơi xuống.

– Cậu là ai? – Pető mừng rỡ hét lên dưới thành.

Chàng dũng sỹ quay lại, kiêu hãnh kêu to trả lời:

– Komlósi Antal!

Từ phía dãy lâu đài, chú võ đồng Balázs phi ngựa đến. Một bên đầu chú buộc khăn trắng, tuy vậy chú vẫn phi như bay dường như không có chuyện gì xảy ra cả.

– Chỗ soái phủ, hàn khẩu đã bị vỡ! – Chú la to.

– Một trăm người. – Dobó đáp lại.

Trong khi chú thiếu niên chạy đến chỗ Mekksey, ông cúi rạp mình ra phía trước, tể nước đại đến dãy lâu đài.

Quân Thổ đã phá vỡ chỗ hàn khẩu. Những thanh gỗ từ trong tường chĩa ra như xương lườn con cá rán. Bọn Thổ bâu lên tường đông nghịt như đàn kiến lửa. Dobó nhảy lên mặt thành. Ông bổ đôi đầu một tên Thổ, đá một đứa khác lăn tòm xuống và hét to:

– Hất gỗ ra ngoài!

Cho tới lúc đó các chiến sỹ vẫn dùng cuộc chim kéo các thanh gỗ vào phía trong. Nghe lệnh Dobó, họ nhất loạt bẩy ra phía ngoài. Những thanh gỗ quét theo cả bọn dị giáo gào thét xuống khỏi thang. Một lỗ hổng to tướng toang hoác trên tường. Đẳng nào cũng thế: một hai sải tay cao hơn hay thấp hơn thì vẫn phải chiến đấu chống bọn giặc xông lên.

Một viên đạn quật gãy lá cờ Hung xuống khỏi mặt lũy, rơi xuống giữa bọn Thổ. Và đây, mảng tường vỡ to cũng có lợi: một chiến sỹ Hung nhảy qua lỗ hổng ra ngoài, chém vào mặt một tên Thổ rồi giật lá cờ đem vào trước khi chúng nó kịp xông đến chém anh.

– Török László, ta thấy người rồi, con ạ! – Dobó mừng rỡ kêu to.

Đạn đại bác đập vào tường, tung bụi đá đầy mắt các chiến sỹ. Phía trước Dobó, một người thấp nhưng to chắc, ngã tựa vào tường, lăn xuống dọc chân tường. Cái mũ sắt rơi ra khỏi đầu người đó, lăn đến bên chân Dobó.

Dobó dụi mắt, nhìn xuống: András năm đó, người đốc lý của Eger. Tay ông vẫn khư khư nắm chặt thanh gươm. Từ cổ ông, dòng máu chảy ra theo một vết dài giống như cái cà vạt bị sổ.

Nhưng kìa, cả hai võ đồng của Dobó đang từ phía cổng Cũ chạy tới. Ông vội liếc nhìn lên tháp canh cổng Cũ: những lá cờ Thổ dính đuôi ngựa đã phất phơ ở đó, một, hai, năm... Có đến hàng chục cái.

Và qua những lỗ thủng trên tháp canh, súng nổ chĩa vào phía trong. Bọn ionisa lại đang trèo lên phía ngoài tháp canh. Một tên ngậm một lá cờ đỏ to tướng giữa hai hàm răng, định cắm lên đỉnh tháp.

Trong thành tiếng kêu kinh hoàng chạy lan từ đầu này tới đầu kia, xung quanh thành tiếng thét đặc thảng của trăm ngàn tên Thổ lay động cả không trung.

– Allah! Ja kerim! (Allah! A chúng mày ơi!)

Những bộ mặt Hung tái mét.

Dobó nhảy lên mình ngựa phi đến pháo đài Nhà Thờ. Ông chĩa các khẩu đại bác vào ngang sườn tháp canh, và trong khi độ ba trăm tên ionisa hò reo đặc thảng bầu đặc trên tháp, ba khẩu đại bác nhất loạt gầm lên. Cái tháp rung mình đổ xuống trong tiếng rầm rầm dữ dội. Bụi vôi từ đồng vụn bốc lên mù mịt như mây, và từ giữa đồng đá, máu giặc Thổ chảy ra như rượu vang từ máy ép trong mùa nho.

Những tên khác đang xô đẩy nhau trước cổng và trên tường, nghe thấy tiếng trời tan đất sập đó liền kinh hoàng quay trở lại, và chưa đầy năm phút sau, những cái thang vượt thành đã vắng ngắt. Chỉ còn la liệt cái khối đầm máu của những xác chết và những tên hấp hối bao phủ xung quanh cổng Cũ và vùng kế cận.

Về trưa cuộc chiến đấu ở các nơi khác cũng ngừng dần. Hàng ngàn tên Thổ bị chết và bị thương, ám khói, máu me nằm ngổn ngang dưới chân thành; không trung run rẩy vì những tiếng kêu “ej va”! và “medet” (Ái ái! Ối, ối!) rền rĩ của bọn bị thương. Chả khác gì tiếng cừu rống.

Không một quyền lực nào của bọn iaxaun có thể thúc ép quân lính chúng tiếp tục tấn công trong ngày hôm đó nữa.

Nhưng bãi chợ trong thành cũng đầy thương binh.

Tất cả thợ cạo và phụ nữ đều bận rộn ở đó quanh các thương binh với chậu nước, giẻ lau, vải băng, phèn và rượu sa tiền.

Những người bị bắn gãy tay hoặc gãy chân được chăm sóc trước tiên. Biết thế nào người ta băng bó như thế. Những người khác phải tạm băng lòng với việc rửa vết thương do các phụ nữ đảm nhiệm. Phần lớn im lặng chịu đựng đau đớn và chờ đến lượt, nhưng cũng có một số rên rỉ thảm thiết.

– Lạy Chúa tôi! Lạy Chúa tôi! Chúng nó bắn hỏng mất một mắt của tôi rồi. – Một chiến sỹ trẻ tên là Arany Mihály, xạ thủ người Eger, vừa khóc vừa lấy ống tay áo bị cháy mép ấn lên khuôn mặt đầy máu.

Petó cũng ngồi ở đó, trên một cái ghế rơm phủ áo khoác lông kiêu nông dân, giữa những người khác. Chỗ mắt cá chân của anh bị một vết thương to đến nỗi máu chảy đọng thành vũng ở dưới ghế.

– Miska^(*), đừng khóc ôm tôi lên nữa! – Anh bảo người lính. – Chẳng

thà cậu sống với một mắt trong thành Eger còn hơn nguyên vẹn cả hai mắt mà bị quân Thổ nó treo cổ lên!

Và anh cắn chặt răng chịu đựng cho người thợ cạo dùng rượu sa tiền rửa vết thương đau ghê gớm ở chân.

Các tử sĩ nằm thành từng hàng trong cửa nhà thờ, máu me, tươi tắn, lấp lánh và bất động.

Dobó xuống ngựa, cởi mũ chiến ra, đi qua giữa các tử sĩ, cặp mắt đắm lệ.

Người đốc lý Eger cũng nằm ở đó. Mái tóc hoa râm của ông bị máu nhuộm đỏ. Trên cái ủng đen phủ đầy bụi của ông còn thấy vết máu của một phát đạn. Hai người con trai quỳ gối bên cạnh.

Một phần các chiến sĩ người ngợm ám khói, rách tươi tắn, mồ hôi nhễ nhại, bê bết máu me ngồi trên bãi chợ. Hai người cầm cờ ngồi ở hai đầu.

Dobó bảo võ đồng Balázs:

– Con đem lá cờ của thành phố lại đây!

Ông tháo lá cờ hai màu xanh đỏ của thành phố ra khỏi cán và đắp lên người ông đốc lý Eger – làm khăn liệm.

PHẦN NĂM

NGUYỆT THỰC

1

Viên đại úy thành Szarvaskő đứng tối ngày trong tháp cao lắng nghe tiếng đại bác gầm từ Eger vọng đến.

Ở Szarvaskő nắng thu rất đẹp. Lá rừng mới bắt đầu ngả vàng từ vài hôm nay, và vì ngày nào trời cũng mưa nhưng đêm nào trời cũng quang tạnh, nên quanh các gốc cây và ven suối lại xanh non mơn mớn. Cứ như không phải tiết thu mà đang mùa xuân.

Szarvaskő cách Eger cũng bằng từ Isaszeg đến Gödöllő hoặc từ Siófok thẳng đường thủy qua Füred^(*). Chỉ có điều là nó nằm giữa các dãy núi; núi tiếp núi từ Felnémet đến Gömör, chỉ có một con đường hẻm, hẹp và ngoằn ngoèo dẫn vào đó.

Sáng sáng khi đại bác lên tiếng, mây tụ lại nhiều, tối sầm cả bầu trời, và không đầy một giờ sau mưa đã rơi. Đôi khi có cả mưa bắn. Gió đưa khói đến lẫn trong mây và đôi khi mưa tưới bắn các bức tường và sân thành Szarvaskő, những quả núi đá, những bông hồng mùa thu của ngài đại úy, cứ như người ta gội nước rửa ống khói ở thượng giới xuống vậy.

Szarvaskő là một tòa thành nhỏ cũng như Drégely, xây trên một quả núi đá cao. Đối với người trông thấy lần đầu tiên, nó giống một tòa thành được đẽo ra từ đỉnh nhọn quả núi. Chả là vì nó nhỏ quá. Trong thành vền vện có ba ngôi nhà, cái sân của nó chỉ vừa đủ cho một cỗ xe quay đầu. Bảo nó là một biệt thự đi săn có lẽ đúng hơn. Chỉ có thể dùng nó làm chốn dung thân trong cái thời người ta còn chưa biết đến đại bác. Còn ở cái thời xảy ra câu chuyện của chúng ta đây cùng lắm nó cũng chỉ có thể dùng làm chỗ nghỉ

chân cho những đội quân kéo đến Eger hoặc làm một trạm chuyển thư tín mỗi khi Eger bị vây hãm.

Nếu Eger thất thủ, ngài Szalkay Balázs có thể lên ngựa cùng bốn mươi chín tên lính của ngài mà đi lên các tỉnh miền bắc, đến chỗ họ hàng của ngài – nếu quả ngài không muốn làm như Szondy cáu tiết hoặc như Nyári Lőrinc, viên đại úy thành Szolnok, hôm mồng bốn tháng này đã một mình đứng giữa cổng thành cự địch với cả trăm ngàn tên Thổ.

Ngài Szalkay Balázs đứng trong tháp cao của thành với cái áo khoác mùa thu có cổ, màu nâu sẫm, dài bén gót khoác trên vai, với cái mũ lông cáo trên đầu. Ông lo lắng đưa cặp mắt xanh ươn ướt dăm dăm nhìn ngọn núi cao đã ngăn không cho ông nhìn thấu tới Eger. Không thể thấy Eger thì ông nhìn ngọn núi. Mà giả dụ có nhìn về hướng khác chẳng nữa ông cũng chỉ thấy núi mà thôi, bởi vì những quả núi đứng gần đến nỗi với một khẩu súng tốt ông có thể bắn trúng một con nai gặm cỏ ở bất cứ sườn núi nào.

Dưới chân thành có một vài túp nhà nhỏ và con suối Eger. Con đường xa lộ rải đá chạy dọc ven suối.

Thế là ngài Szalkay đứng trong tháp cao của thành mà nhìn cái hư không.

Yên lặng bao trùm quanh ông. Chả trách ông Balázs nhà ta suýt ngã ngựa khi người lính gác đứng sau lưng ông đột nhiên rúc một tiếng tù và.

– Có người đến. – Người lính gác nói để thanh minh khi anh ta thấy chủ tướng giật mình vì tiếng tù và bất ngờ, giơ tay lên định tắt.

– Đồ bò! – Balázs quát anh ta. – Tao đã ở ngay đây rồi, mày còn rúc điếc tai tao làm gì nữa!

Ông nhìn xuống con đường hẻm lượn quanh co theo triền núi, quả nhiên ông trông thấy hai kỵ sỹ. Họ có vẻ quý tộc. Người nhỏ hơn có lẽ là

võ đồng. Có lẽ họ từ xa đến, bởi sau lưng họ yên ngựa chất đầy một bọc to. Vai họ đeo súng ngắn nòng. Cả hai đều mặc áo khoác dài chấm bàn đạp.

– Những người này không phải từ Eger đến. – Szalkay suy nghĩ và buột thành tiếng.

– Có lẽ là Vas Miklós. – Người gác tháp canh nói.

Anh ta định lợi dụng lời nói của chủ tướng để làm quên sự ngu ngốc ban nãy của mình. Nhưng anh ta gặp ngày rủi: sự bực tức lại khiến Balázs nổi xung:

– Đồ bò đực. Vas Miklós đã làm sao mà đến được! Hả, đồ bê con! Mà ý tưởng Vienna cũng gần như làng Apát đấy hử! Đồ con la.

Từ khi giặc Thổ đánh phá Eger, con người tốt bụng này lúc nào cũng dễ cáu bẳn. Thêm nữa, giờ đây ông đang lấy làm xấu hổ trước mặt người lính của mình vì đã giật thót người khi nghe tiếng tù và, cho nên suýt nữa ông nuốt chửng anh ta.

Người lính gác ngượng đỏ mặt. Anh không dám nói thêm gì nữa. Ông Balázs nhà ta cầm lấy đốc gươm, đi xuống cầu thang vòng để xem thử ai đến, bởi đã hai ngày nay chỉ toàn người từ đây ra đi, còn đến thì không một ai đến cả.

Một chàng trai rất trẻ, da mặt trắng xanh, có cái nhìn gan góc đứng ở sân thành. Chàng ta không có ria cũng chẳng có râu. Đằng sau chàng, một thiếu niên có vẻ võ đồng giữ cương hai con ngựa. Khi thấy chủ nhà, chàng trai đi đến trước mặt ông, bỏ mũ ra với một động tác vung tay rất rộng, nghiêng mình chào:

– Tôi là em của Bornemissza, thượng úy ở Eger. Tên tôi là János. Cậu thiếu niên đây là học sinh Réz Miklós. Anh cậu ta cũng đang ở trong thành Eger.

Szalkay đưa tay ra bắt tay Bornemissza János nhưng không bắt tay người kia. Con mắt lão luyện của ông nhận ra ngay người đó không phải là quý tộc.

– Chào cậu. – Ông nói. – Ta không quen anh cậu, nhưng nếu cậu gặp anh ta, ta xin gửi lời chào. Cậu là khách quý của ta.

Và bằng một cử chỉ ân cần, ông chỉ tay về phía cửa.

– Xin cảm ơn ngài. – Chàng trai đáp. – Tôi không đến đây để làm khách, mà chỉ để hỏi một vài câu thôi. Tôi muốn được biết ngài có tin gì về Eger không?

Szalkay nhún vai và chỉ về phía Eger.

– Cậu cũng có thể nghe đấy!

– Vâng, tôi nghe hai bên đối pháo.

– Đã mười chín hôm nay rồi.

– Thành kiên cố lắm nhỉ?

Szalkay lại nhún vai:

– Quân Thổ cũng mạnh.

– Có đủ lính không?

– Hôm mồng mười họ có cả thảy một nghìn chín trăm ba mươi lăm người. Từ đó tới giờ chúng nó liên tục bắn phá họ.

– Nhà vua không gửi viện binh đến ư?

– Cho đến nay thì không.

– Đức giám mục?

– Cũng không.

– Nhưng họ vẫn chờ chứ?

– Chờ thì họ vẫn chờ. Nhưng ta đừng nói nhiều thế, cậu em ạ. Vào đây nghỉ cho hết mệt đi đã. Nhìn ngựa của cậu, ta biết cậu đã khởi hành từ sáng sớm.

Balázs đã lộ rõ vẻ không thích thú gì cái việc đứng ngoài sân mà nghe những câu hỏi dồn dập của người mới đến. Từ này ông đã muốn đến ngồi bên bàn lắm rồi, chỉ có tiếng vang âm của trận công thành giữ ông lại trên tháp cao mà thôi. Trời đã trưa mà ông thì chưa ăn sáng.

– Thưa ngài, – người khách nói khi vào đến cửa, – cậu thiếu niên đi theo tôi là một sinh viên khoa thần học.

– Sinh viên à? Vậy thì... Này, cậu sinh viên! – Ông ta gọi, vẻ trịch thượng.

Ông chỉ phòng cho khách rồi mời khách rửa bằng nước thơm. (Varsányi mang từ trại quân Thổ đến cho ông một ít dầu hoa hồng. Ông muốn khoe khoang đôi chút).

Khi hai người khách bước vào phòng ăn, bàn đã bày sẵn, một con thỏ rán đang bốc hơi thơm phức trên bàn.

– Lại thỏ à? – Balázs quắc mắt hỏi mục hầu bếp.

Thấy hai chàng trai bước vào, ông phân trần:

– Chúng tôi bây giờ toàn sống bằng thịt thỏ. Tất cả thỏ ở Eger đều chạy tạt sang bên này để tránh tiếng động.

János sau khi đã cởi bỏ áo khoác, đến phòng ăn trong cái áo lụa Damaszt màu anh đào bó sát người. Người sinh viên chỉ mặc cái áo sợi đay. Ngang lưng cả hai người đều có thắt lưng da cùng một kiểu, bên thắt lưng là thanh gươm kiểu Hung.

Trên bàn không có thực cụ gì khác ngoài cái thìa. Thời bấy giờ mỗi

người đều cắt lấy thức ăn bằng dao riêng của mình. Cái đĩa chỉ dùng trong nhà bếp.

Hai người khách đều thò tay vào thắt lưng, chỗ đeo dao con. Con dao của chàng trai nhiều tuổi hơn mạ vàng, có cán nạm ngọc trai. Của người sinh viên chỉ là một con dao thường cán gỗ làm ở Fejér.

– Tôi thích thịt thỏ. – Bornemissza János đáp. – Và món này làm tuyệt lắm. Ở chỗ chúng tôi người ta nấu cách khác. Thưa đại úy, chẳng hiểu ngài có biết gì về ông anh tôi không?

– Nấu cách khác à? – Szalkay hỏi.

Ông quan tâm đến khoản thịt thỏ nhiều hơn.

– Vâng, khác. – Bornemissza János trả lời. – Ở chỗ chúng tôi người ta rửa con thỏ bằng rượu vang, sau đó bắc lên bếp với một ít nước sôi. Người ta bỏ cả một lát bánh mì vào trong bụng nó mà nấu. Nhưng phải chú ý cho nước đừng sôi lên sùng sục. Khi nước đã sôi, người ta bắc xuống, lấy thịt ra và lọc nước luộc. Sau đó cho đinh hương, hồ tiêu, nghệ và gừng vào. Nhưng liệu nội nhật ngày hôm nay chúng ta có thể biết được chuyện gì xảy ra trong thành không nhỉ? Có thể anh tôi đã hy sinh rồi thì sao?

Và mắt chàng rưng rưng lệ.

– Thế người ta không cho dấm vào ư? – Szalkay lại hỏi tiếp mà không hề ngừng nhìn lên.

– Sao lại không, nhưng chỉ đến cuối cùng, khi lại cho thỏ vào nước luộc lần thứ hai. Ngay ngày hôm nay chúng tôi phải vào Eger.

Szalkay mút hết cái xương đùi thỏ rồi chạm cốc với hai người khách. Họ không uống rượu vang.

– Hừm. – Szalkay lên tiếng.

Ông lấy khăn bàn lau ria mép rồi nhìn họ và lại thốt ra:

– Hừm.

Ông im lặng một lát. Sau đó ông chột chống khuỷu tay lên bàn và cất tiếng hỏi:

– Vào thành Eger à?

– Vâng, vâng. – Bornemissza János tái mặt trả lời. – Ngay tối hôm nay.

– Hừm. Tôi muốn được biết các vị định vào bằng cách nào? Như chim chằng? Hay như những hồn ma chui qua lỗ khóa?

– Như chuột chũi ấy, ông anh thân mến ạ.

– Chuột chũi?

– Tòa thành còn có cả những đường ngầm nữa.

– Những đường ngầm? – Szalkay hỏi và lắc đầu.

Bornemissza János thò tay vào ngực lấy ra một tờ giấy đặt xuống trước mặt Szalkay.

– Đây: những nét màu đỏ này.

– Tôi biết rồi. – Szalkay trề môi nhìn bản vẽ. – Những đường ngầm ấy tuy có ở đây thật đấy, nhưng ở đằng kia thì không có nữa đâu. Người ta đã bắn sập tất cả từ thời Perényi rồi kia.

– Người ta đã bắn sập?

– Sập chứ. Khi Perényi cắt đôi nhà thờ của Thánh vương István, người ta đã phát hiện ra những đường ngầm và người ta đã bắn đại bác vào tất cả những con đường ấy. Tất cả đều đã đổ sập. Không phải người Hung đào những con đường ấy. Người Hung không nghĩ đến chuyện tháo chạy khi xây thành.

– Chắc chắn như vậy chứ? – Bornemissza János hỏi.

- Chắc chắn như việc chúng ta đang ngồi ở đây vậy.
- Nhưng đã thật hoàn toàn chắc chắn đâu? Ngài làm sao mà biết được điều đó chắc chắn đến như thế?

Szalkay nhún vai:

– Các tín sứ của Dobó thường đến chỗ tôi. Họ đi đi về về qua doanh trại Thổ. Mấy hôm trước chúng nó đã đâm chết một người trong bọn họ. Nếu như có, dù chỉ một con đường, cậu nghĩ họ lại không ra vào theo lối đó sao?

Chàng Bornemissza trẻ tuổi yên lặng ngẫm nghĩ. Cuối cùng chàng ngừng đầu lên.

- Thế tín sứ khi nào ra đây, hoặc khi nào sẽ vào?
- Hiện giờ có hai người đang ở ngoài! Một người là Vas Miklós, người kia là Szabó Imre. Dobó phái họ đến Vienna, chỗ nhà vua.
- Bao giờ họ trở lại? Khi nào họ đi vào thành?
- Vas Miklós có lẽ một tuần nữa, Szabó có lẽ hai tuần nữa. Tuần nào cũng có một tín sứ từ đây ra đi.

Lệ nhòa mi mắt người hỏi tin. Chàng ta tái mặt nhìn ra phía trước với đôi mắt đăm lệ.

Szalkay dốc cạn cốc rượu. Ông lại hừm một tiếng rồi ngả người ra đằng sau trong chiếc ghế bành và vừa liếc nhìn qua đuôi mắt vừa nhẹ nhàng nói:

– Cậu Bornemissza János, cậu hãy nghe đây! Cậu không phải là János cũng như thế tôi không phải là Abraham^(*). Và cậu không phải là em của Bornemissza cũng như thế tôi không phải là giám mục Eger vậy. Cô là phụ nữ, cô em ạ, dù cho cô có mặc áo đônman gì đi nữa, cô cũng không thể đánh lừa nổi con mắt của tôi.

Người khách vội đứng dậy đáp:

– Ngài Szalkay, xin ngài thứ lỗi. Không phải tôi giấu ngài là để đánh lừa ngài đâu, mà để ngài đừng cản đường tôi. Tôi là vợ Bornemissza Gergely.

Szalkay đứng dậy, nghiêng mình đáp lễ:

– Tôi xin sẵn sàng giúp đỡ phu nhân.

– Cảm ơn ngài. Vậy bây giờ tôi sẽ nói vì sao tôi đến đây. Chồng tôi có một cái bùa hộ mệnh Thổ Nhĩ Kỳ. Cái tên vốn là chủ cái bùa đó đã bắt mất con trai của chúng tôi và đem đến Eger đây. Hắn tưởng rằng cái bùa hộ mệnh đó ở chỗ chồng tôi. Ngài xem, nó đây.

Người thiếu phụ thò tay vào ngực lấy ra một cái nhẫn Thổ tuyệt xảo treo đầu một sợi dây.

Szalkay chăm chú nhìn cái nhẫn.

Người thiếu phụ nói tiếp:

– Tôi đã sai quân lính ở Sopron tìm kiếm tên Thổ đó một thời gian, nhưng vì họ không tìm thấy hắn nên tôi phải đuổi theo hắn tới đây. Người Thổ mê tín lắm. Cái bùa hộ mệnh này là tất cả đối với hắn. Nếu có thể, hắn sẽ giết chồng tôi. Nếu không thể, hắn sẽ giết con trai tôi. Nếu như cái nhẫn ở chỗ chồng tôi thì có lẽ họ còn có thể nói chuyện với nhau được, chồng tôi sẽ trả lại cái nhẫn, hắn sẽ trả lại đứa bé.

Szalkay lắc đầu:

– Phu nhân thân mến ạ, những người ở Eger đã thề không lời qua tiếng lại với bọn Thổ, không nhận một lời bán tin nào của chúng. Kẻ nào trò chuyện, hẳn nhe với bọn Thổ thì dù là quan hay lính đều sẽ bị tử hình.

Ông già vừa gãi gáy vừa tiếp:

– Giá phu nhân đến đây hôm qua thì hay biết mấy. Nhưng ai biết họ có lọt được vào không?

Viên đại úy nghĩ đến Nagy Lukács.

– Bây giờ thì chẳng nào cũng thế. – Người thiếu phụ đáp. – Ngay hôm nay tôi phải vào thành! Tôi chưa thể là sẽ không nói chuyện với quân Thổ.

– Nhưng phu nhân nghĩ thế nào chứ? Hẳn là hai người không định mở đường máu qua trại quân Thổ?

– Chúng tôi sẽ cải trang mà đi.

– Nếu cải trang, quân trong thành sẽ bắn chết các bạn.

– Chúng tôi sẽ gọi lên.

– Thế thì các bạn sẽ rơi vào tay quân Thổ ở ngoài thành. Các cổng thành đều đã lấp kín. Có thể hôm nay người ta đã xây bít lại rồi cũng nên.

– Vậy tín sứ của Dobó năm hôm nữa làm sao mà vào được?

– Rất nguy hiểm, vả lại anh ta biết chắc trong thành chờ anh ta ở cổng nào. Anh ta có còi, có khẩu lệnh. Anh ta biết tiếng Thổ. Các bạn phải chờ anh ta, nếu quả các bạn muốn lao vào nguy hiểm bằng bất cứ giá nào.

– Thế nếu tôi đội khăn trắng mà đi? Nếu tôi nói với chúng rằng tôi muốn tìm một võ quan tên là Jumurdzsák?

– Phu nhân đẹp và trẻ. Nếu như chúng nó coi phu nhân là nam giới đi nữa thì phu nhân vẫn có giá trị đối với chúng như nữ giới vậy. Tên lính đầu tiên bắt được phu nhân sẽ trói phu nhân vào trong lều của nó.

– Nhưng nếu tôi viện đến một tên võ quan.

– Ở đó có hai trăm nghìn người. Chúng nó không biết hết tên các sỹ quan. Chúng nó lại không cùng một tiếng nói. Ba Tư, Ả Rập, Ai Cập, Kurd, Tatar, Serbia, Albania, Croatia, Hy Lạp, Armenia – hàng trăm giống

người pha tạp. Tên các võ quan của chúng cũng chỉ bọn trong cùng binh đoàn mới biết. Cái thứ tên ấy cũng không phải tên thật của các võ quan, mà tự chúng đặt ra. Giả dụ một tên võ quan có mũi to thì bất kể tên hắc là Ahmed hay Hassan, giữa chúng nó với nhau chúng chỉ gọi là Mũi to hay Voi mà thôi. Nếu một tên tóc đỏ, tên hắc sẽ là Sóc hoặc Đồng điều. Nếu người gầy và chân dài, chúng nó sẽ gọi là Cò hương. Và bao nhiêu tên khác nữa đại loại như thế. Ở đó tên gọi của tất cả bọn chúng là cái tên có thể giúp chúng dễ nhận ra hình dạng nhất.

Người thiếu phụ thất vọng cúi đầu xuống:

– Vậy ông anh bày cho em một kế gì đi.

– Lời khuyên của tôi là chúng ta hãy chờ một người tín sứ đi vào. Dù đó là Vas Miklós hoặc một người nào khác, phu nhân hãy đưa cái nhẫn cho anh ta, anh ta sẽ mang nó vào. Lúc đó ngài Bornemissza Gergely tự khắc sẽ tìm ra cách nói chuyện với tên Thổ.

Đó quả là một lời khuyên thông thái. Nhưng hồi ôi, trái tim đang giãy giụa của người mẹ không biết đến chữ *gượng*. Nó chỉ thấy cái chết đang lơ lửng trên đầu những người thân yêu. Phải giơ mộc ra chặn cái chết đó càng sớm chừng nào càng tốt chừng nấy!

Éva mở bản đồ thành Eger ra, đắm mình rất lâu vào việc xem xét. Sau đó nàng ngừng đầu lên nói:

– Nếu người ta xây dựng cái thành này trước khi dân Hung di cư vào, những người thời nay không thể nào còn biết được có gì bên dưới nó. Đây, cái nhà thờ ở đây, từ đây ba đường hầm tỏa đi ba nơi. Quả có thể người ta đã bấn sập những đường hầm này. Nhưng đường hầm thứ tư ở đây, nó đi xuyên qua dưới soái phủ ngày nay và ở xa ba đường hầm kia. Người ta không thể tìm ra được đường hầm này khi xây pháo đài Sándor. Có thể họ

biết đến nó, mà cũng có thể không. Cửa vào của đường hầm này ở đâu, hờ Miklós?

Nàng đẩy mảnh giấy đến trước mặt cậu thiếu niên.

– Ở chỗ mấy cái lò gạch. – Người thiếu niên nói sau một phút xem xét.

– Ở đó có lò gạch không? – Người thiếu phụ hỏi Szalkay.

– Có. – Szalkay trả lời. – Ở mạn đông bắc thành.

Người thiếu niên đọc dòng chữ nhỏ li ti hạt vừng:

– *Lò gạch ở đông bắc. Tảng đá tròn và dẹt, cách cây hồ đào mười bước về phía nam. Đó là cửa vào.*

– Ở đó có cây hồ đào à? – Người thiếu phụ lại hỏi.

– Cái đó thì tôi không nhớ. – Szalkay đáp. – Cả đời tôi mới đến đấy có một lần, từ cái thời ông Perényi cơ.

– Cái lò gạch có xa thành không?

– Không xa đâu. Có lẽ độ mười lăm phút đường đất.

– Thế thì ở đó cũng có quân Thổ.

– Có hẳn đi chứ lị. Nếu không có quân chính ngũ thì cũng là dân đi theo đoàn quân: nông dân và những loại người khác tương tự.

– Ngài có thể cho chúng tôi vài bộ quần áo Thổ được không?

– Được.

– Có cả áo khoác đeli nữa chứ?

– Có, nhưng chỉ mỗi một cái thôi. Mà nó cũng bị xẻ đôi suốt từ trên xuống dưới.

– Tôi sẽ khâu lại. – Người thiếu phụ nói. – Tôi đã có lần đi xa mặc giả làm đeli. Không ngờ việc đó lại có ngày giúp ích cho tôi.

Nàng tì trán vào lòng bàn tay, suy nghĩ. Bỗng nàng lại giẫy nảy lên:

– Không, tôi không thể chờ đến khi khâu xong áo khoác được. Mà như thế này còn tốt hơn. Xin cảm ơn sự tiếp đãi ân cần của ngài.

Nàng chìa tay ra cho viên đại úy.

– Nhưng có điều phu nhân không...

– Chúng tôi khởi hành ngay bây giờ.

Viên đại úy đứng dậy chặn lấy cửa.

– Tôi không thể để cho phu nhân đi được! Vào chốn hiểm nghèo một cách mù quáng như thế này... Nếu vậy suốt đời tôi sẽ lên án bản thân mình vì phu nhân.

Éva rơi phịch xuống ghế.

– Ngài nói đúng. – Nàng thở dài nói. – Chúng tôi phải đi bằng cách khác, cần phải nghĩ ra cách gì đó để khỏi bị chúng bắt.

– Chính thế. – Ông Balázs đáp lại và cũng ngồi xuống. – Nếu có một khả năng hé ra dù chỉ bằng sợi tóc, tôi lập tức xin để phu nhân đi.

2

Về phía đông bắc thành Eger có một quả núi cao gọi là Eged. Chính ra tên thật của nó đáng lẽ là núi Thánh Egid hoặc Thánh Egyed, nhưng bởi dạ dày Hung không bao giờ tiêu nổi cái tên Egyed, nên đến nay tên quả núi đó cũng vẫn chỉ là Eged. Nó cách xa thành Eger cũng bằng từ núi Thánh Gellért đến Kőbánya^(*). Nhưng nó cao hơn và đồ sộ hơn rất nhiều.

Nếu một người có cánh tay thật khỏe đứng trên thành Eger bắn một phát tên có đuôi bằng lông ngỗng về phía quả núi đó, mũi tên sẽ bay qua quả đồi, nơi một đàn đại bác Thổ đang gầm ghè, và sẽ rơi vào một thung lũng, nơi đám dân ô hợp ở. Cái thung lũng ấy giờ đây là của bọn con buôn, lái ngựa, thợ cạo, đạo sỹ, lang băm, thợ mài, bọn bán bánh kẹo và nước hoa quả, bọn làm xiếc, bọn buôn nô lệ, hàng tầm tầm, dân di gan và những loại người tương tự. Từ đó, hằng ngày chúng đi vào trại quân mua bán, đổi chác, rình đồ rơi vãi, tiêu khiển bọn lính, chữa bệnh, ăn cắp, lừa đảo, tóm lại: đến *sống* giữa bọn lính tráng.

Ngày mồng hai tháng mười, ba ngày sau cuộc công kích vào dịp lễ Thánh Mihály, một chàng deli trẻ tuổi từ cánh rừng Tárkány đi tới chỗ đó. Chàng ngồi trên ngựa, mình mặc quần đi ngựa hẹp ống, chân dận ủng màu vàng, khoác áo choàng lông lạc đà. Chàng không đội tuyban mà chụp cái mũ may liền vào áo choàng lên đầu theo tập quán những người deli. Gươm cong giắt quanh người, vai đeo cung và ống tên. Chàng lừa một thiếu niên Hung bị xiềng chân đi trước. Người thiếu niên lại lừa một con bò đực. Có thể thấy ngay người thiếu niên và con bò là chiến lợi phẩm của chàng deli.

Mạn đó có ruộng nho. Năm nay dân Hung không hái quả. Nhưng những ruộng nho đầy rẫy quân Thổ. Nhìn về bất cứ phía nào cũng thấy bọn Thổ đội tuyban hoặc mũ lông nhấp nhô giữa những ruộng nho.

Một vài tên gọi to lên với chàng đeli trẻ tuổi:

– Mày nhặt cái của chiến lợi phẩm tuyệt vời ấy ở đâu thế?

Nhưng chính lúc đó hai người kia lại lừa con bò đực đi một cách bực tức nhất. Họ không đáp lại.

Chàng đeli: Éva.

Người tù binh: Miklós.

Ở mạn này không có lính gác hoặc nếu có chúng cũng sục sạo trong ruộng nho. Lính gác làm gì cơ chứ, khi ngoài này không có địch? Phu nhân Bornemissza đến thung lũng có lò gạch mà không bị chặn hỏi gì cả, nơi đây những lều vải bẩn thỉu và lịch sự xen lẫn với nhau, chó và bọn gái giang hồ di gan đông đúc, ầm ĩ xung quanh họ. Rồi bọn con buôn chen qua những người khác đến chỗ họ:

– Mày bán thẳng con trai bao nhiêu nào?

– Tao trả giá nó năm mươi piaster.

– Tao trả giá nó sáu mươi gurus.

– Tao trả bảy mươi.

– Tao trả con bò đực hai mươi piaster.

– Tao trả ba chục.

– Bốn chục đấy.

Chàng đeli không thèm nói với chúng. Cây giáo trong tay chàng lúc thì giơ ra để giữ con bò, lúc thì giữ người tù binh. Ngọn roi trong tay người tù binh quất đen đét.

Từ sườn núi trông nho họ rẽ xuống chỗ lò gạch. Ở đây bộ mặt thế gian lại càng hỗn tạp hơn. Dân di gan lấy gạch xây nên những túp nhà thấp lè tè, phủ bằng bồi hoặc bằng vải bạt thay cho mái ngói. Trong những lò gạch cũng có một vài gia đình di gan ở. Chúng đang nấu nướng hoặc nằm dài dưới ánh nắng mùa thu.

Cây hồ đào cổ thụ vẫn còn đứng đó và còn sống. Một tên lái ngựa nào đó đã đến ở dưới gốc cây. Éva chỉ nhìn vào cái chỗ cách cây mười bước về phía nam. Đó là chỗ đứng của đàn ngựa. Cạnh đó là cái lều bốn cọc của tên lái, trước lều có viết một câu bằng chữ Thổ trích từ kinh Koran:

Fakri fakhiri. (Cảnh nghèo túng là niềm kiêu hãnh của tôi).

Dân lái buôn Thổ không bao giờ viết tên mình lên cửa hiệu mà chỉ viết một vài chữ lấy từ kinh Koran.

Éva đã trông thấy hòn đá. Xưa kia nó đã từng là thớt cối xay. Nó nằm đây có lẽ đã lâu lắm. Nó đã lún xuống đất đến nỗi chỉ còn một nửa tai nhô lên. Ở chính giữa cỏ đã mọc cao, rêu và chua me đã phủ kín mình nó.

Éva lừa con bò đực và người tù binh của mình vào giữa đàn ngựa. Nàng cầm ngọn giáo vào cái lỗ ở giữa thớt cối xay đá. Tên lái buôn nghiêng mình bước ra.

– Mày bán thẳng nô lệ bao nhiêu? – Hắn vừa hỏi vừa vuốt râu cằm.

Éva giả vờ đóng vai người câm. Nàng chỉ vào môi mình rồi lắc đầu.

Lính câm không phải là của hiếm. Nếu gặp một người nào đã vừa câm, lại vừa không có râu ria gì cả, người Thổ lập tức hiểu ngay kẻ đứng trước mặt hắn là một tạo vật mà khi không làm đeli thì nghề kiếm cơm là cách sống bằng những thứ không phải của mình.

Tên Hy Lạp liền nói:

– Otuz gurus (Ba mươi piaster).

Éva ra hiệu chỉ bán con bò đực thôi.

Tên Hy Lạp nhìn kỹ con bò cả đằng trước lẫn đằng sau. Hắn đánh giá bằng một động tác nâng yếm con bò lên rồi mặc cả một giá mới:

– Jirmi gurus (Hai chục piaster).

Éva lắc đầu.

Tên lái mặc cả ba chục rồi ba mươi lăm đồng.

Trong lúc đó Éva đã ngồi xuống phiến đá và đau đớn nắn bóp bắp chân. Nàng đã buộc thịt sống vào quanh bắp chân. Nước thịt sống đã ngấm qua làn da xanh.

Khi tên Hy Lạp đã mặc cả đến ba mươi lăm đồng, Éva dùng mũi giáo vạch những ký hiệu để tỏ ý nàng cần một cái lều ở ngay chỗ đó.

Tên Hy Lạp thấy chàng deli bị thương, người xanh nhợt và mệt mỏi đến mức gần ngất đi được. Hắn hiểu chàng deli muốn nghỉ ngơi cho qua cái phần thời gian còn lại của cuộc vây thành. Hắn sai người hầu mang ra ba bốn cái lều vải rách, vá chằng chịt.

– Chọn đi.

Éva chọn lấy cái lều to nhất, đó là cái vá nhiều chỗ nhất, rồi chỉ con bò ra hiệu có thể dắt đi. Tên lái chê con bò còn ít. Éva cho thêm tên lái cả con ngựa nhưng ra hiệu cho hắn hiểu nàng muốn nhận cái lều sau khi đã dựng.

Tên lái ưng thuận. Hắn sai hai tên hầu da đen căng lều ngay trên chỗ Éva ngồi.

Việc đó thế là trôi chảy trót lọt.

– Trời đã giúp chúng ta! – Éva thầm thì nói, khi cùng Miklós còn lại một mình trong lều.

Bây giờ chỉ còn một vấn đề: làm thế nào và bao giờ họ có thể nhắc phiến đá lên? Họ chỉ cần kiếm lấy một cái cọc nữa mà thôi. Họ sẽ cắm nó vào lỗ ở giữa thớt cối xay đá mà bẩy nó lên.

Kiểm một cái cọc cũng chẳng đến nỗi khó khăn gì lắm. Họ chỉ cần lấy một cái cọc chỗ ràn quây ngựa. Họ làm việc đó vào ban đêm.

Đại bác nổ liên hồi kỳ trận bên kia đồi và những khẩu tu pháo cỡ nhỏ hơn từ trong thành cũng dậm mau tiếng vào. Đôi khi mùi khói thuốc súng hôi nồng thoảng cả đến đây. Giữa những tán lá, họ trông thấy cả một ngọn tháp của thành. Nó đã bị hủy hoại như một cây nến bị chuột gặm, tuy vậy họ vẫn vui mừng nhìn nó. Ngọn tháp đó chỉ cái chỗ mà ngay trong đêm nay họ sẽ đi đến.

Mớ người tứ chiếng trăm loài đó ầm ĩ suốt ngày xung quanh họ. Đôi khi cả bọn lính cũng xuất hiện ở đó. Phần lớn chúng đến mua ngựa hoặc tìm người bán thuốc dẫu. Những thứ bùa, khánh của dân di gan cũng bán được rất chạy. Chúng chẳng tin tưởng gì lắm, tuy vậy vẫn cứ mua. Một tên axap người lông lá, đeo bùa khánh đầy trên ngực như một vòng hoa.

Éva nằm duỗi thẳng trên cái áo choàng.

– Cậu nghĩ thế nào hử Miklós: tôi không thể tìm được con trai tôi hay sao? Tôi đã đến được chốn đây, vậy tôi cũng có thể vào đến cả trong kia nữa.

– Phu nhân đã lại nghĩ đến chuyện ấy rồi ư?

– Trong bộ y phục này không ai ngăn cản tôi đâu. Tôi có thể tìm, tôi có thể tìm thấy trong đạo quân này cũng được. Tôi sẽ đến trước mặt Jumurdzsák và nói với hắn: nhân mày đây, trả lại con trai cho ta!

– Hắn sẽ lấy cái nhân mà không trả thẳng bé lại.

– Ôi, con thú dữ nghịch thiên vô đạo!

– Mà nếu hăn không như vậy... Nhưng dù hăn có lương thiện đi nữa, sự thế sẽ ra sao nếu trong trại quân một võ quan nào đó sẽ ra mệnh lệnh cho phu nhân? Có thể có những đội quân mà lính đeli không được phép đi lẫn vào. Khu vực pháo chắc hăn cũng là nơi cấm. Lập tức chúng nó sẽ nhận ra phu nhân là kẻ lạ trong trại quân này.

– Chúng nó sẽ bắt...

– Mà nếu chúng nó không bắt, Jumurdsák cũng không để phu nhân lọt khỏi tay nó.

Éva thở dài. Nàng mở tay nải, lấy bánh mì và thịt gà nguội ra bày lên thớt cối xay.

– Ăn thôi, Miklós.

Cuối cùng, trời cũng tối. Đại bác ngừng nổ. Trong bóng tối chẳng bao lâu tất cả mọi người đều đi ngủ.

Éva lấy từ trong tay nải ra một gói nến, rồi dùng đá lửa châm lên.

Khoảng nửa đêm Miklós lên ra ngoài, vài phút sau trở về với một cái cốc to bằng bắp tay.

Họ cắm vào thớt cối xay, bầy phiến đá đi chỗ khác. Dưới phiến đá không có gì khác ngoài nền đất sét ẩm đen đen với một vài con bọ đen.

Éva lấy chân giậm vào chỗ đặt phiến đá. Cái giậm chân đó là câu hỏi đối với mặt đất: mi có rỗng hay không đấy?

Mặt đất trầm trầm đáp lại:

– Tôi rỗng đây.

Éva lấy trong tay nải ra một cái xẻng. Nàng cắm vào cán giáo và bắt đầu đào. Miklós dùng tay cào đất.

Ở độ sâu hai gang tay, lưỡi xẻng chạm vào ván gỗ.

Đó là một tấm gỗ sồi dày và chắc, nhưng nay đã mục. Họ đào ra, nhấc nó lên. Dưới nó là cái miệng há hốc của một hầm đá tối om, rộng bằng chỗ thắt lưng người.

Họ phải đi xuống mười bậc thang. Ở đó hầm đá mở rộng dần, vách đá ghép như kiểu hầm rượu, có thể đứng thẳng người mà đi được.

Không khí nặng nề. Đường hầm tối om om. Đây đó diêm tiêu điểm hoa trắng lên vách đá. Những viên đá phả hơi lạnh ẩm ướt.

Miklós đi trước cầm nến. Đôi khi họ đi qua những vũng nước ngập đến mắt cá chân, đôi khi họ vấp phải những viên đá từ vòm hầm rơi xuống. Những lúc đó Miklós nói với lại:

– Cẩn thận, có đá giữa đường.

Nền đất đôi khi âm âm dưới chân họ. Dưới đó chắc hẳn còn có một đường hầm khác nữa. Giống người nào đã có thể xây dựng nên? Khi cái thành này được xây nên, loài người còn chưa viết sử. Ai biết được những giống người nào đã từng sống trên mảnh đất này trước chúng ta?

Miklós lại nói ra phía sau:

– Cẩn thận đấy, phải khom lưng xuống!

Con đường còn đồ dốc một quãng dài, vòm trần mỗi lúc một thấp, sau đó con đường cao dần lên nhưng vòm trần thì không.

Miklós đã đi bằng bốn tay chân. Éva đứng lại, nàng bảo:

– Cậu cứ đi lên trước xem sao, Miklós ạ. Nếu đường hầm bị tắc, ta phải trở lại lấy xẻng.

Miklós tiếp tục bò. Ánh nến mỗi lúc một nhỏ, cuối cùng biến mất. Éva còn lại một mình trong bóng tối. Nàng quỳ xuống và cầu nguyện:

– Ô, lạy Chúa tôi... người cha của linh hồn phiêu bạt đáng thương của con! Người có thấy con ở đây trong hầm sâu mù mịt này chẳng?... Chỉ còn vài bước chân ngăn cách con với Gergely của con mà thôi... Người đã xe chúng con với nhau để chúng con phải chia lìa nhau một cách bất hạnh như thế này chẳng?... Con hướng mặt con, hướng trái tim run rẩy của con về phía Người... Lạy Chúa tôi, nơi đây, dưới gót chân thù địch, trong lòng đất sâu tăm tối, con xin Người hãy cho con đến được bên chàng!

Ánh sáng lại xuất hiện. Ngay sau đó Miklós cũng hiện ra. Cậu ta bò sát bụng rồi dần dần lom khom bò ra từ bóng tối dày đặc.

– Đường hầm thắt lại độ vài chục bước, sau đó lại rộng ra trên một chiều dài mười bước. Đến đó đường chia hai ngã, nhưng cả hai đều đã bị sập.

– Cậu quay lại lấy xẻng đi, Miklós. Chúng ta phải đào đến sáng. Nhưng mỗi giờ cậu lại phải ra trước lều một lát Miklós ạ, để chúng nó khỏi nghi.

Chàng trai lặng lẽ vâng lời.

– Nếu tôi đến được chỗ chồng tôi, chúng tôi sẽ đền ơn tấm lòng tốt của cậu. – Éva nói. – Dobó yêu chồng tôi như em trai. Chồng tôi sẽ đưa cậu vào làm thư ký bên cạnh Dobó.

– Tôi không nhận đâu. – Miklós đáp. – Thằng bé lạc mất là do sự sơ suất của tôi, tôi phải giúp phu nhân tìm bằng được. Để tìm được cháu, tôi sẽ cầm gậy viễn du và đi vào trường học.

Cậu Miklós tốt bụng đáng thương ơi! Cậu sẽ chẳng bao giờ đến trường học nữa!

3

Cuộc công kích vào dịp lễ Thánh Mihály kéo dài đến trưa. Buổi chiều cả hai bên đều để cho đại bác ngưng. Trong thành vang bài kinh *Circumdederunt*^(*). Xung quanh chân thành, các tuyên úy và đạo sỹ Hồi giáo thu nhặt xác chết và những thương binh không thể tự mình lên xe được nữa.

Mặt trong và mặt ngoài tường thành đều đọng máu đen ngòm. Trên các pháo đài và ở bốn chỗ đột phá khẩu, các bà phụ nữ rắc tro, rắc vôi bột lên các vũng máu. Người đao phủ trong thành vứt xác những tên ionisa bị tháp gác đổ đè chết xuống chân thành. Người ta đem những lá cờ của chúng vào phòng hiệp sỹ. Vũ khí của chúng người ta vứt cho binh lính: ai thích cái gì chọn lấy cái ấy, không mất tiền. Trong quần áo, trong thắt lưng hoặc trong mũ tất cả mỗi tên ionisa, người ta đều tìm thấy tiền bạc, tiền đồng, đôi khi có cả tiền vàng nữa, không nhiều lắm. Người ta bỏ vào bị, niêm phong lại rồi cất vào cái hòm của thành, để sau cuộc vây hãm sẽ chia nhau.

Ngay sau bữa trưa, Dobó phái những chiến sỹ còn xung trận ít thời gian nhất ra chữa tường thành. Trước hết họ dọn sạch đồng đá của cái tháp đổ. Đến sẩm tối họ vẫn còn lôi từ trong đồng đá ra xác những tên Thổ bị nén vào đó.

Cả bọn trẻ con cũng được Dobó giao việc:

– Các cháu ơi, đi nhặt đạn đại bác vương vãi lại một chỗ đi. Viên nào to thì mang đến các khẩu pháo to, viên nào nhỏ thì mang đến các khẩu pháo nhỏ dưới chân các pháo đài ấy!

Đêm đó trung úy Hegedüs ngủ ngoài pháo đài Sándor cùng Gergely.

Trời đêm lạnh lạnh. Mảnh trăng hình lưỡi liềm rộng bản sáng trưng giữa ngàn sao. Gergely sai mang nóp rơm đến dưới một vòm cổng cho mình và hai bạn trung úy. Một đồng lửa cháy trước vòm cổng.

Khi họ nằm xuống trong làn hơi ấm áp của đồng lửa. Hegedüs lên tiếng:

– Gergely, cậu là một nhà thông thái. Tớ cũng đã từng đi học nghề cha cố, nhưng rồi bị đuổi. Hôm nay tớ đã đánh ngã bốn chục tên Thổ bằng cánh tay này của tớ. Trong số đó có một tên hai lần xông vào đánh tớ. Vậy cậu không thể bảo là trong con người tớ không có lòng dũng cảm.

Gergely đã mệt lắm và buồn ngủ. Nhưng giọng nói của Hegedüs run lên sao mà khác thường. Chàng bèn nhìn anh ta. Viên trung úy ngồi trên cái nóp rơm, ánh lửa soi sáng khuôn mặt và cái áo choàng xanh thẫm dài đến mắt cá của anh ta. Anh ta nói tiếp:

– Tuy vậy nhiều khi tớ vẫn ngẫm nghĩ, con người vẫn cứ là con người bất kể đầu hăn có cạo trọc hay không. Và như vậy chúng ta thực ra đang giết người.

– Thì đã hăn... – Gergely ngái ngủ làu bàu.

– Và chúng nó cũng giết chúng ta.

– Tất nhiên là chúng nó giết. Nếu chúng nó trèo lên tường thành không phải với vũ khí mà với bầu rượu, chúng ta cũng sẽ đón tiếp chúng bằng bầu rượu. Rượu vang sẽ chảy thay máu.

– Cái đó thật rõ ràng. – Hegedüs đáp.

Anh ta nuốt nước bọt và quay nghiêng mặt nhìn vào đồng lửa như một người lưỡng lự không biết nên nói hay đừng. Cuối cùng anh ta hỏi:

– Lòng dũng cảm là cái gì?

– Cậu vừa nói rằng cậu đã đánh ngã bốn chục tên Thổ, thế mà cậu còn hỏi lòng dũng cảm là cái gì ư? Thôi nằm xuống, ngủ đi! Cậu cũng mệt rồi đấy.

Hegedüs nhún vai:

– Nếu giữa chúng ta có một người thông minh mà trí tuệ bằng trí tuệ của tất cả bọn ta cộng lại, hoặc nói giả dụ bằng trí tuệ của tất cả mọi người trên thế gian này gộp lại, tớ tin rằng người ấy sẽ chẳng dũng cảm đâu.

Anh ta nhìn Gergely. Ánh lửa chiếu thẳng vào mặt Gergely, còn ở anh ta, lửa chỉ soi sáng đường viền quanh những cục xương lồi ra trên khuôn mặt.

Với câu đó anh ta định nói gì nhỉ?

Gergely nhắm mắt lại và ngái ngủ trả lời:

– Trái lại chính người đó mới sẽ là người dũng cảm nhất. Vì đâu cậu lại nghĩ rằng một người như thế sẽ không dũng cảm?

– Vì rằng người đó sẽ biết giá trị cuộc sống hơn. Đành rằng chúng ta đang ở đây trên đất này, điều đó chắc hẳn đi rồi, nhưng nếu quân Thổ lấy mất đầu của ta đi, không chắc chúng ta còn tiếp tục tồn tại nữa không... Cái gì hiện có, một người trí tuệ vĩ đại như thế sẽ không dễ dãi vứt đi chỉ vì mong được thiên hạ khen: anh ta đã là một người trung trực!

Gergely ngáp rồi trả lời:

– Chỉ một đầu óc tầm thường mới khư khư ham sống. Nếu một người có đầu óc ngu dốt mà can đảm là vì không hiểu cái chết. Người có đầu óc mạnh mẽ sở dĩ can đảm vì anh ta hiểu rõ.

– Cái chết ấy à?

Gergely chống khuỷu tay nhóm dậy:

– Chính thế. Kẻ có đầu óc ngu muội sống cuộc sống súc vật. Súc vật không hiểu biết cái chết. Cậu hãy xem con gà mái chẳng hạn: nó bảo vệ đàn gà con của nó quyết liệt biết chừng nào. Nhưng hễ con gà con quay lơ ra chết, nó sẽ bỏ đi không chút tiếc thương. Nếu nó hiểu cái chết như một người bình thường, có phải là nó đã tiếc thương khóc lóc rồi không? Vì như vậy nó sẽ biết con nó đã bị mất cuộc sống. Nhưng một kẻ đã không có khái niệm về cái chết, hẳn cũng chẳng thể có ý thức gì về cuộc sống. Và bây giờ ta hãy xem một người có đầu óc mạnh mẽ. Người đó can đảm chính vì cảm thấy rằng thể xác không phải là tất cả. Người đó cảm thấy ở mình tâm hồn nhiều hơn thể xác. Con người càng sống nhiều bằng tâm hồn bao nhiêu, đối với anh ta thể xác càng ít giá trị bấy nhiêu. Những đấng anh hùng, những vĩ nhân trong lịch sử thế giới đều là những con người sống nhiều bằng tâm hồn. Tất cả. Nào, bây giờ chúng ta ngủ đi thôi.

Tuy vậy, để làm Hegedüs yên tâm, chàng trầm ngâm nói tiếp:

– Chúng ta đã ở đâu trước khi bước vào cuộc sống, chúng ta sẽ về đâu sau khi từ giã cõi đời, điều đó trong cái vỏ thể tục này chúng ta không biết. Nhưng giả sử chúng ta biết thì rồi sẽ ra sao? Nếu thế thì chúng ta sẽ không còn suy nghĩ về những sự việc hiện tại nữa mà cứ nghĩ người quen này người thân nọ đang làm gì ở thế giới bên kia, với lại công việc ở chỗ đó ra sao, những công việc mà chúng ta cũng đã từng tham dự, và nó sẽ tiếp tục như thế nào.

– Được rồi, được rồi, – Hegedüs nói, – tớ được nghe các giáo sỹ nói như thế cũng đã nhiều lần. Nhưng cuộc sống trần thế này chắc chắn có giá trị của nó, và không phải là để cho một tên vô đạo tứ chiếng nào đó có được mục tiêu mà chém.

Đồng lửa cháy lép lép, mạ vàng những thanh gươm, những tấm giáp đặt cạnh cái nóp rơm. Cái gối của Gergely là một cái khiên da. Chàng lại nằm xuống và rất buồn ngủ đáp lại:

– Cậu Hegedüs tốt bụng ời, cậu nói toàn chuyện vớ vẩn. Con người, súc vật đôi khi mù quáng mà làm được việc tốt, người có tri thức luôn luôn biết chắc việc mình làm. Cậu cũng biết việc bảo vệ Tổ quốc là một sự nghiệp lớn và thiêng liêng, cũng như khi đưa con bảo vệ bà mẹ đẻ ra nó.

Chàng kéo áo choàng che kín tai và tiếp:

– Ở đâu có ghi thành văn bản, trong bộ luật nào, rằng một người nào đó phải bảo vệ mẹ mình, nếu cần, bằng cả tính mệnh nữa? Con vật chắc chắn không bảo vệ mẹ nó. Nhưng con người, kẻ ngu ngốc nhất cũng như người thông thái nhất, lăn xả vào đũa đánh mẹ mình, và dù có chết anh ta cũng cảm thấy không thể nào hành động khác được.

Cái giọng ngái ngủ của chàng lại tiếp:

– Quy luật thiên đấng đôi khi chi phối ý muốn của người ta. Tình yêu là một quy luật thiên đấng. Tình yêu mẹ với tình yêu Tổ quốc là một. Quân Thổ không thể giết nổi tâm hồn. Nhưng mà thôi, mặc kệ lão Pontius^(*) của cậu, cậu cho phép tớ ngủ thôi! Cậu triết lý vào những lúc như thế này ư? Tớ lại choảng cái khiên tôi này vào người cậu bây giờ.

Hegedüs không nói gì nữa. Anh ta cũng nằm dài trên nóp rơm. Trong thành không còn nghe tiếng gì khác ngoài tiếng bước chân đều đều của những người lính gác, với lại tiếng rì rầm khe khẽ của một cái cối xay và những bước chân lộp cộp của con ngựa kéo cối xay đó.

...

Sáng hôm sau đại bác không lên tiếng. Nhưng trại quân ồn ào nhao nhao đằng sau những ụ cản bằng đất của quân Thổ.

– Bọn Thổ lại viết thư rồi. – Dobó nói.

Trong tay ông có một tờ giấy trắng. Ông ra lệnh thổi kèn tập hợp. Hai phút sau, những chiến sỹ đang phiên nghỉ đã tề tựu trong hàng ngũ chiến đấu.

Dobó nói:

– Hỡi quân sỹ! Sở dĩ ta gọi các người lại đây là cốt để ngợi khen các người. Các người đã dũng mãnh đánh lui đợt công kích đầu tiên vào thành một cách xứng đáng với danh dự người lính Hung. Ta không hề thấy một kẻ hèn nhát nào trong số các người. Các người thật xứng đáng với danh hiệu anh hùng! Sau khi quân Thổ rút khỏi nơi đây, ta sẽ đích thân đi tới chỗ hoàng thượng để xin ban thưởng cho các người. Nhưng cho tới khi ta có thể thực hiện được điều đó, trong số các người có bốn người mà ta cần phải tặng thưởng bằng ngân quỹ ít ỏi của thành. Bakocsai István, Török László, Komlósi Antal, Soncy Szaniszló hãy bước ra khỏi hàng.

Bốn dũng sỹ bước ra khỏi hàng đến đứng trước mặt Dobó. Đầu cả bốn người đều buộc bằng.

Dobó nói tiếp:

– Quân giặc đã vượt được lên mặt tường ngoài và đã cầm được lá cờ đầu tiên. Chiến sỹ Bakocsai István đã một mình xông vào giữa đoàn quân ionisa, giằng lấy lá cờ khỏi tay tên Thổ và ném xuống. Trong khi chưa nhận được ân tứ của nhà vua, ta cất nhắc anh ta lên chức thập trưởng và thưởng cho năm mươi dénár và một bộ quần áo mới.

Lão quản lý Sukán đếm năm chục dénár vào lòng bàn tay người dũng

sỹ.

Dobó nói tiếp:

– Đạn đại bác đã quét đổ lá cờ của thành cùng với mảng tường. Lá cờ đã rơi ra ngoài, vào giữa bọn Thổ. Török László đã một mình nhảy ra khỏi kẻ tường và đem được lá cờ về. Trong khi ân tứ của nhà vua chưa đến, anh ta được thưởng một forint trong ngân quỹ của thành và một bộ quần áo dạ.

Người dũng sỹ đắc thắng liếc nhìn quanh. Sukán đếm tiền thưởng vào tay anh ta.

Dobó lại tiếp:

– Ở cổng Cũ quân giặc cũng đã cầm được một lá cờ; Komlósi Antal đã xông lên tường chặt gãy lá cờ đó xuống cùng với bàn tay phải của tên Thổ. Trong khi ta chưa có thể đề nghị nhà vua ban thưởng, anh ta được nhận hai forint và một bộ quần áo.

Còn lại người dũng sỹ thứ tư.

– Soncy Szaniszló, – Dobó nói, – khi chỗ hàn khẩu bị vỡ và đáng lẽ quân Thổ đã ùa nhau vào hàng trăm tên, một mình người đã nhảy lại chỗ đó và, không hề nhìn xem chúng có bao nhiêu đứa, người đã choảng sút đầu vỡ trán quân xâm lược, cho tới khi quân cứu viện kịp đến. Phần thưởng của người, ngoài ân tứ của nhà vua, giờ đây chỉ có hai thước dạ tốt và một forint.

Dạ thời đó cao giá lắm và bởi chừng quân lính không mặc đồng phục, một bộ quần áo dạ chắc dùng suốt cả đời. Còn phần tiền, chúng ta nên biết toàn bộ niên bổng đại úy trấn thủ của Dobó chỉ có sáu trăm forint và cái mà ông gọi là ngân quỹ của thành, chúng ta phải hiểu đó là tiền túi của ông.

Dobó còn nói thêm:

– Ta quy định phần thưởng này không phải theo mức độ dũng cảm của các người mà tùy theo túi tiền của thành. Ngoài các người ra trong hàng ngũ còn nhiều người khác cũng đã làm được những việc anh hùng. Chính ta đã thấy có một đôi người giết được hàng dăm chục tên Thổ. Để khỏi nói đâu xa, đây có Nagy Lukács và đội quân của anh ta. Các người đã biết anh ta làm những gì! Vậy bây giờ các người phải hiểu: ta chỉ muốn tuyên dương những người xuất sắc đặc biệt nhất, những người đã vì Tổ quốc mà dấn thân mình vào nơi nguy hiểm chắc chết mười mươi.

Từ phía cổng có tiếng kèn vang lên và một phút sau, một người nông dân xa lạ đi qua bãi chợ về phía Dobó. Tay y cầm một bức thư.

– Thôi, ai đi làm việc nấy. – Dobó bảo quân sỹ.

Ông còn nói với Mekksey một điều gì đó, rồi khi người nông dân đến nơi, ông khinh bỉ nhìn từ đầu tới chân, sau đó ông lên ngựa đi thẳng.

Các võ quan tiếp người nông dân.

Lá thư, không hề được đọc, bị xé làm đôi. Người ta ném một nửa vào lửa, một nửa nữa người ta nhét vào mồm gã nông dân:

– Ăn cái của mày đã mang đến này đi, đồ chó!

Sau đó y cũng bị điệu vào ngục và có thể tha hồ mà ngẫm nghĩ, phục vụ quân Thổ bất cứ cách nào cũng chẳng có lợi.

Tên người đó là Sári András, quân Thổ đã đem y theo từ thành Fejér.

Đoàn quân dị giáo chờ suốt một giờ xem người kia có trở ra nữa hay không. Khi chúng thấy những người Eger không phúc đáp cho chúng, tất cả đại bác của chúng lại gầm lên quanh thành. Trong những hào đào dưới chân thành, chập ních lính chiến đấu Thổ.

Nhưng nếu cho đến nay trại quân Thổ chỉ vang rền tiếng thét Allah và

những câu phi báng, thì giờ đây khắp quanh thành đều vang lên lời kêu gọi bằng tiếng Hung:

– Chúng mày đầu hàng đi! Nếu chúng mày không chịu hàng, cái chết của chúng mày sẽ thê thảm!

Tiếng khác:

– Chúng mày tưởng mãi mãi có thể đánh lui được những đợt công kích hay sao? Đó mới chỉ là trận thử sức thôi! Cả hai nhì chúng ta cũng sẽ không tha!

Lại tiếng khác:

– Chúng mày hãy bỏ mặc Dobó ở đây! Dobó là thằng điên! Nếu nó muốn chết, cứ việc chết một mình! Ai đi ra cổng thành sẽ không bị xâm phạm gì hết! Có thể mang tiền và binh khí đi theo!

– Ai muốn đi ra cứ việc buộc khăn trắng lên ngọn giáo! – Một tên xpahi đội mũ có chóp nhọn từ dưới hào rống lên.

– Kẻ nào mở cửa cho chúng ta vào sẽ được thưởng nghìn vàng! – Một tên aga ionisa đội mũ cắm lông đà điểu la lớn.

Nghe thế có ba người chĩa súng bắn, nhưng hắn đã kịp thời thụt xuống.

– Dobó là đồ hóa dại! – Từ một phía khác tiếng gọi lại vang lên. – Chúng mày đừng có điên! Kẻ nào ra khỏi thành đầu tiên sẽ được thưởng một trăm đồng vàng, hai chục đứa ra sau đó được mỗi đứa mười đồng vàng, và chúng mày có thể yên ổn mà đi!

Những tên lính già biết tiếng Hung trong trại giặc đã hò la như vậy. Chúng còn gọi cả bằng tiếng Tiệp, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý nữa.

Còn dân trong thành không trả lời chúng, chẳng bằng tiếng Hung,

chẳng bằng tiếng Tiệp, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha, cũng chẳng bằng tiếng Ý.

Tiếng gọi hàng mỗi lúc một vang lên. Điều hứa hẹn mỗi lúc một hấp dẫn, sự đe dọa mỗi lúc một ghê rợn. Cuối cùng Gergely điều lính trống, lính kèn, lính tù và của mình lên mặt thành và mỗi khi một tên Thổ nào ở dưới kia bắt đầu gào, trống lại khua rộn, tù và châm biếm rúc lên, hoặc kèn lanh lảnh át đi. Việc đó làm cho dân thành tươi tỉnh lên. Ở các mạn khác người ta cũng điều lính trống, lính kèn ra, ba người thổi tiêu dài trong thành cũng kiếm được việc làm. Các chiến sỹ, ai có lá chắn bằng sắt, thấy đều gõ lên xoang xoảng. Cảnh ồn ào địa ngục đó bóp chết tất cả mọi tiếng gọi chiêu hàng khác.

Trung úy kỵ binh Paksy Jób xin phép Dobó cho xuất kích đánh bọn gọi hàng. Chàng trung úy ấy là một chàng trai cao đẹp, sức khỏe như Heracles^(*). Bộ ria của anh, khi sáng sáng anh kéo nó ra, dài đến mang tai. Khi xung trận anh sử một thanh mã tấu. Chỉ một nhát anh đã bổ đôi một cái đầu Thổ đội mũ sắt, đến nỗi cái mũ sắt chắc chắn ấy cũng rời ra làm hai mảnh.

Anh chỉ xin một trăm người.

– Đừng rắc rối, chú Jób ạ. – Dobó đáp. – Nhỡ có chuyện gì thì khốn.

Nhưng Paksy Jób đang bùng bùng giận dữ. Anh hạ thấp dần yêu cầu như Abraham trên đường Sodom^(*):

– Chỉ năm chục thôi. Chỉ hai chục thôi vậy.

Cuối cùng anh chỉ còn xin có mười người để được tung hoành một chuyến.

Đáng lẽ chừng ấy thôi Dobó cũng chẳng cho phép đâu, nhưng mà lúc đó rất nhiều chiến sỹ ngựa tay cũng đã sắp hàng thành từng toán bên cạnh

Paksy. Mặt đỏ bừng, họ kêu nài:

– Quan đại úy! Quan đại úy!...

Dobó ngại rằng nếu ông còn tiếp tục phản đối, họ sẽ không coi đó là sự thận trọng khôn ngoan nữa mà cho rằng ông đã thấy lực lượng trong thành quá ít. Vì vậy ông nhún vai:

– Nếu quả các người đang có cái thú muốn được người ta đánh cho vỡ đầu thì cứ việc mà đi.

– Bao nhiêu người ạ? – Paksy hỏi, gần như thét lên vì mừng rỡ.

– Hai trăm. – Dobó đáp.

Cánh cổng mở ra phía con suối vẫn còn nguyên lành. Paksy chọn lấy hai trăm người của mình rồi xông ra.

Việc đó diễn ra vào khoảng trưa.

Con suối đầy quân Thổ đang cho ngựa và lạc đà uống nước dọc ven bờ. Trước cổng chủ yếu là bọn akinji đang cho ngựa uống.

Hai trăm chiến sỹ ập xuống đầu chúng như tia chớp. Bọn akinji rụng như sung. Paksy đi trước mở đường xuyên qua giữa bọn chúng, áo giáp và sườn bên phải con ngựa của anh đỏ lôm những máu – các chiến sỹ khác cũng noi gương anh, và toán quân akinji hoảng hốt kêu la, đạp lên nhau mà chạy, mãi cho đến lúc hàng ngàn tên ionisa từ hai phía xông vào họ mới thôi.

Dobó truyền thôi kèn thu quân.

Nhưng những chiến sỹ ở dưới kia không nghe thấy. Hăng tiết lên trong cơn xô xát; họ chém giết cả bọn ionisa.

Con ngựa của Paksy chột giật mình trước một con lạc đà và nhảy né sang bên. Trong nháy mắt đó Paksy đang bổ một nhát chém khủng khiếp

xuống một tên xpahi mặc áo lưới thép. Anh ngã nhào xuống khỏi mình ngựa. Chúng nó đâm vào ức con ngựa. Con ngựa ngã đè lên chân Paksy và nằm nguyên đó bên cạnh anh.

Các chiến sỹ khác thấy thế liền xúm quanh Paksy và vùng gươm chém sa sả để người trung úy có thì giờ đứng dậy. Nhưng Paksy không đứng dậy. Chân anh đã bị trật khớp. Trong tư thế ngồi như thế, anh vẫn hăng máu múa tít thanh gươm, đâm chém tứ phía. Cái mũ sắt rơi ra khỏi đầu.

Một tên ionisa chém xuống đầu anh.

Trên mặt thành những tiếng kèn mạnh mẽ vang dội: Quay về! Quay về!

Đoàn chiến sỹ quay lại, mở đường qua vòng vây Thổ. Chỉ còn mười người ở lại bên cạnh Paksy. Một rừng giáo liên tua tủa vây kín lấy họ.

– Đầu hàng đi! – Bọn Thổ gọi họ.

Mười chiến sỹ, lần lượt người nọ sau người kia, hạ gươm xuống.

– Đồ hèn nhát! – Từ trên thành mọi người giận dữ gọi vọng xuống.

Khó khăn lắm mới giữ được Mekksey để anh khỏi xông ra.

Một giờ sau, quân địch dựng lên một bục gỗ cao hình cái đĩa trên đồi Ghế Vua. Trên bục gỗ đó, trước mắt quân dân trong thành, tên đao phủ Thổ dùng bánh xe sắt bẻ gãy xương các dũng sỹ Eger bị thương, tất cả, trừ Paksy.

4

Cho tới lúc đó Eger chỉ căm thù quân Thổ, từ lúc đó trở đi họ còn ghê tởm chúng. Đám phụ nữ bật khóc. Quân sỹ muốn xông ra. Nhưng Dobó đã sai khóa chặt cổng.

Sau hành động tàn bạo nhục nhã đó, pasa Ali cho gọi chỗ vào thành:

– Chúng mày nên biết đạo quân của nhà vua đến cứu viện cho chúng mày đã bị chúng tao đánh tan tác! Không còn khoan hồng nữa! Nếu chúng mày không đầu hàng, tất cả chúng mày đều sẽ bị hành hình như những đứa ở đây.

Dân thành tái người khi nghe lời gọi đó. Hành động dã man của bọn Thổ đã khiến cả những người lính trống sừng sờ đến nỗi quên cả đánh trống để át tiếng gọi.

– Bọn dê hèn nói dối đấy! – Gergely nói với đám quân sỹ đứng xung quanh. – Chúng nó nói dối cũng như đêm đêm chúng vẫn kêu gào là vợ chúng ta, người yêu chúng ta, con cái chúng ta đã bị bắt. Đạo quân nhà vua sẽ đến. Chúng ta có thể đợi họ đến trong bất cứ giờ nào.

– Nhưng ngộ chúng nó không nói dối? – Một giọng sống sượng vang lên sau lưng chàng.

Không thể, mặt Gergely cũng đã tái rồi; nghe câu hỏi đó mặt chàng trắng bệch đến nỗi có thể đếm được từng sợi râu.

Trung úy Hegedüs là người đã nói câu đó. Gergely nhìn thẳng vào mặt anh ta, tay dè dốc gườm xuống và đáp:

– Ái chà, ngài trung úy! Đáng lẽ ngài cũng phải biết đôi điều về tục lệ của các đạo quân chứ, kẻ địch thường cướp lấy những lá cờ của đạo quân đã bị đánh tan. Nếu quả thật chúng đã đánh họ tan tác, chúng lại không giơ những lá cờ lên khoe hay sao?

Rồi chàng nhìn anh ta từ đầu đến chân.

Việc đó xảy ra trên pháo đài Nhà Thờ. Dobó cũng đứng trên pháo đài, xa hơn một chút. Cạnh ông, Cecey tì người lên cái nạng, Zoltay, Fügedi và giáo sỹ Márton cũng đứng đó. Giáo sỹ mặc áo trắng, quàng khăn lễ. (Ông vừa mai táng một người chết vì bị thương nặng).

Chỉ khi nghe tiếng nói của Gergely, Dobó mới bắt đầu chú ý. Ông kinh ngạc nhìn Hegedüs.

Cecey cũng quay lại, ông quát Hegedüs:

– Nói mới ngu chứ! Cậu muốn làm cho người của ta sợ hãi à?

Hegedüs tức tối nhìn trả lại Gergely:

– Ta là một chiến sỹ nhiều tuổi hơn ngươi, đồ nhãi con ạ! Sao ngươi dám lên giọng dạy ta! Sao ngươi dám nhìn ta hỗn xược như thế!

Và thanh gươm của y đột ngột rút ra khỏi vỏ.

Gergely cũng rút gươm ra.

Dobó bước vào đứng giữa hai người:

– Sau cuộc bao vây, các ngươi có thể thanh toán với nhau! Chừng nào thành còn bị vây, chớ có cả gan rút gươm mà đánh nhau!

Hai sỹ quan bất hòa đành tra gươm vào vỏ. Giọng lạnh lùng, Dobó ra lệnh cho Hegedüs đến phục vụ ở cổng Cũ trong đội của Mekcsey, còn Gergely nếu không có lý do quan trọng thì phải rời khỏi thành ngoài.

– Sau ngày giải tỏa!... – Hegedüs còn nói một lần nữa với một cái liếc

đe dọa.

– Tôi không trốn đâu. – Gergely đáp, giọng lạnh như băng.

Việc bất hòa đó làm Dobó mất vui. Khi hai võ quan đã đi khuất theo hai hướng khác nhau, ông quay sang bảo Cecey:

– Chúng ta sẽ ra sao nếu các võ quan cũng coi nhau là cừu địch? Họ sẽ làm thế nào mà đồng tâm chiến đấu! Cần phải hòa giải bọn họ!

– Quý bắt cái bọn Kassa ấy đi. Con trai tôi nói đúng.

Họ đi bộ qua bãi chợ. Từ trong quán rượu tiếng hát vọng ra, và khi họ vừa vặn tới đó, ba người lính ngật ngưỡng nhào ra, tay quàng vào cổ nhau. Với những động tác Laocoön^(*), ba người lính chân nam đá chân chiêu đi về phía dãy nhà doanh trại. Người ở giữa là Bakocsai, anh ta gào lên câu cuối cùng của một bài hát:

– Chúng ta không bao giờ chết!

Khi những anh chàng phồn chí ấy trông thấy Dobó, họ vội buông nhau ra và đứng lại như những cái tháp Pisa^(*), mắt lăm lét, im bất.

Dobó đi qua bên họ không nói gì cả, và dừng lại trước cửa quán.

Trong quán người ta đang hò hét âm ỉ. Török László đang vung vẩy cái khăn mới đây vừa dùng buộc cánh tay bị thương của anh. Komlósi dùng cốc thiếc gõ lên bàn. Soncy Szaniszló đang gào những người thối tiêu. Cạnh họ còn ba chiến sỹ nữa đang giúp họ uống cho hết chỗ tiền thưởng vì lòng anh dũng.

Dobó quay sang bảo người võ đồng:

– Gọi hai người chủ quán lại đây.

Một phút sau cả hai đã đến: Debróy György trong cái áo ngắn xắn tay, Nagy László trong cái tạp dề màu xanh có túi ngực. Hai người bối rối đứng

trước cặp mắt giận dữ của ngài đại úy.

– Các ông chủ quán! – Dobó cao giọng nói. – Nếu ta còn thấy lính say trong thành một lần nữa, ta sẽ sai treo cổ kẻ nào đã để cho họ uống quá chén!

Rồi ông quay người đi tiếp.

Đến đêm người ta lại xếp đá vá những chỗ tường bị đại bác bắn vỡ trong ngày. Dobó chỉ ngủ một hai tiếng. Suốt ngày thâu đêm lúc nào cũng có thể thấy ông khi ở chỗ này, lúc ở chỗ nọ, có thể nghe cái giọng cắt đặt trầm trầm, điềm tĩnh của ông.

Khuya đêm thứ ba sau đợt công kích, một tiếng gọi to khỏe lại vang lên từ ngọn đồi phía đông:

– Người có nghe thấy không, Dobó István! Địch thủ cũ của người, bêu Arszlán, có lời chào người. Danh dự của ta cũng trong sạch như thanh kiếm của ta. Người chưa bao giờ có thể nghe chuyện xấu về ta.

Một phút nghỉ, sau đó:

– Các người đừng quay quắt lấy cái chết của Losonczy István ra mà làm ví dụ! Chính bản thân ông ta là nguyên nhân gây ra cái chết đó! Nhưng nếu các người không tin, ta xin lấy bản thân ta làm con tin! Ta không sợ một mình đi vào chỗ người, nếu người chịu đựng cờ trắng! Các người hãy bắt giữ ta cho tới khi nào các người đã kéo ra khỏi thành, và nếu một người nào trong số đoàn quân kéo ra bị động đến một sợi tóc, các người hãy lập tức giết ta đi. Ta đang gọi đây: bêu Arszlán, con trai của pasa lừng lẫy danh vọng Mohamed.

Yên lặng tiếp đến, dường như kẻ chiêu hàng đang chờ lời đáp lại.

Nhưng ngay từ những tiếng đầu tiên, Dobó đã lên ngựa phi sang pháo

đài khác. Bằng cách đó ông tỏ rõ cho mọi người biết, đối với lời dụ dỗ của giặc Thổ ông điếc tới mức độ nào.

Chỉ các chiến sỹ nghe phần tiếp tục của lời kêu gọi.

– Ta biết rằng cá nhân ta đã là một bằng chứng đầy đủ đối với người. Nhưng nếu chưa đủ đối với sỹ tốt của người, chúng ta có thể rút toàn bộ trại quân lui ra ba dặm. Chừng nào các người chưa đi ra khỏi thành ba dặm về hướng đối diện, chừng đó không một người Thổ nào xuất hiện. Dobó István vũ dũng, hãy trả lời cho ta hay!

Tòa thành yên lặng.

5

Lúc nửa đêm Dobó trông thấy một người lính trẻ ở trước cửa kho thuốc súng, anh ta đang đội mấy cái khay to trên đầu.

– Cái gì thế?

– Thượng úy Gergely sai lấy những cái khay trong nhà bếp ra.

– Thượng úy đâu rồi?

– Bấm trên pháo đài Nhà Ngục.

Dobó phóng ngựa đến đó. Ông xuống ngựa, vội vàng đi lên pháo đài. Ông bắt gặp Gergely dưới chân tường, nơi một ngọn đèn chiếu sáng. Gergely đang cúi xuống xem xét một khay nước, chân quỳ xuống, bất động, mặt tái đi, nghiêm nghị.

– Gergely!

Gergely đứng dậy, chàng nói:

– Tôi không biết đại úy vẫn còn thức. Ngoài ra tôi đã báo cáo với Mekksey về việc sai theo dõi những khay nước.

– Chúng nó đào đường ngầm à?

– Chắc thế. Chúng ta đã đánh lui đợt công kích, cho nên có thể thấy trước là chúng nó sẽ đào đường ngầm.

– Được. – Dobó đáp. – Đám lính trống cũng hãy đặt trống xuống đất và rắc hạt đậu lên mặt.

– Và đạn chì nhỏ nữa.

Dobó từ trên pháo đài gọi với xuống bảo võ đồng Kristóf:

– Con hãy đi đến khắp các vọng gác và bảo họ cứ sau một tua lại phải chú ý xem xét mặt trống và mặt khay nước. Hễ thấy mặt nước rung rinh hoặc đậu và đạn chì lao xao trên mặt trống là phải lập tức báo ngay.

Rồi ông quàng lấy tay Gergely kéo vào phía trong.

– Gergely, con thân mến. – Ông nói với chàng bằng cái giọng của cha chú mà thường ông chỉ dùng để nói với các võ đồng. – Ta chú ý theo dõi con đã một tuần nay. Con có việc gì thế? Con có hay như thế này đâu.

– Thưa ngài, – Gergely trả lời giọng run run, – tôi không muốn đem câu chuyện đó ra làm ngài phải nghĩ ngợi thêm. Nhưng ngài đã hỏi thì tôi xin nói. Kể từ khi chúng nó hãm thành, đêm nào chúng cũng gọi chỗ vào rằng con trai tôi ở chỗ chúng nó.

– Chuyện dối trá!

– Tôi cũng đã nghĩ thế. Thoạt đầu tôi cũng chẳng thêm để ý. Nhưng cách đây một tuần, chúng ném vào thành một thanh gươm nhỏ. Đó là thanh gươm của con trai tôi.

Vừa nói thế chàng vừa rút dưới áo đônman ra một thanh gươm nhỏ có vỏ bọc nhung.

– Thưa đại úy, thanh gươm này đây. Tôi biết ngài không nhớ ra nó nữa. Vậy mà chính ngài đã cho tôi thanh gươm này khi chúng ta gặp nhau lần đầu tiên. Sau này tôi đã cho con trai tôi khi tôi từ biệt nó đến đây. Cái này làm sao lọt vào tay bọn Thổ được?

Dobó ngấn ra nhìn thanh gươm.

Gergely lại tiếp:

– Tôi để vợ con tôi ở lại Sopron. Mạn đó không có bọn Thổ nào đến cả.

Nếu đưa nào bén mảng đến, người ta sẽ đánh chết ngay. Còn vợ tôi thì không rời khỏi chốn đó, vì cũng chẳng còn biết đi đến bà con nào khác nữa.

– Khó hiểu thực. – Dobó lắc đầu đáp. – Có lẽ thanh gươm đã bị đánh cắp rồi chuyển đến chỗ hàng tầm tầm, đến chỗ lính Thổ?

– Nếu vậy làm sao chúng lại biết là thanh gươm của con trai tôi? Và còn một mối liên quan nữa trong việc này, nó cứ như một con rắn cắn xé trái tim tôi. Cái tên Jumurdzsák này, hoặc nói cách khác là cái tên bãi Đạo sỹ này trước đây có một vật hộ mệnh. Vị giáo sỹ Gábor, người thầy đã quy tiên của tôi, đã lấy mất của hắn cái đó và đã để lại cho tôi. Từ đó cái tên Thổ điên ấy cứ ra sức tìm. Làm sao hắn lại biết được vật đó ở chỗ tôi? Tôi không thể hiểu nổi. Nhưng chắc chắn là hắn biết, vì hắn đòi tôi.

– Và anh nghĩ rằng con trai của anh quả thực ở chỗ hắn ư? Vậy thì quý tha ma bắt cái nhẫn ấy đi, hãy ném ra cho hắn!

Gergely bỏ mũ sắt ra lấy khăn lau trán.

– Nhưng chính điều này mới thật lạ lùng, cái nhẫn không có ở đây. Tôi đã để nó ở nhà.

– Trí khôn của ta đến tắc tị mất. – Dobó lắc đầu nói. – Ta... nghĩ nếu giả dụ đã có những tên Thổ lang thang ở Sopron... hừm... thì tên bãi đã cướp cái nhẫn đi rồi, chứ không phải là cướp thẳng bé.

– Tôi cũng điên đầu lên trong giả thiết ấy đấy. – Gergely đáp.

– Và anh nghĩ rằng con anh quả thực có ở đây à?

– Cứ bằng vào thanh gươm nhỏ đã từ Sopron chuyển đến đây, tôi bắt buộc phải nghĩ rằng con trai tôi cũng có thể bị đưa đến đây lắm.

Họ đã đến soái phủ. Dobó ngồi xuống cái ghế đá hoa trước lâu đài,

dưới một cây đèn.

– Anh cũng ngồi xuống đây.

Ông chống hai khuỷu tay lên đầu gối nhìn ra phía trước. Cả hai đều im lặng. Cuối cùng Dobó phát vào đầu gối một cái và nói:

– Ngay đêm nay chúng ta sẽ có thể biết lời bọn Thổ có đúng hay không.

Ông bảo với người lính gác đang đi đi lại lại trước soái phủ:

– Miska, người hãy đi vào nhà ngục dẫn tên Kurd ra đây, cái tên mà người ta bắt được bên bờ suối ấy.

Phu nhân Balogh từ trong cửa sổ nói vọng ra:

– Ngài đại úy, cái áo khoác ngoài của ngài...

Vì trên người Dobó chỉ có áo đônman, một cái áo đônman bằng da nai màu xám, mà khí đêm thì quả thực đã lạnh.

– Cảm ơn phu nhân. – Dobó đáp. – Tôi đi ngủ ngay bây giờ đây. Pető thế nào?

– Anh ta nói mê nói sáng và rên rỉ.

– Ai sẽ túc trực bên cạnh anh ta?

– Tôi đã cho gọi vợ Kocsis Gáspár vào. Nhưng chừng nào anh ta chưa yên lặng, cả tôi cũng sẽ thức.

– Không có lý do gì phải làm như thế. – Dobó đáp. – Tôi đã thấy vết thương. Nó sẽ lành thôi. Phu nhân đi ngủ đi!

Người lính gác dẫn tên Kurd đến.

– Cởi xiềng cho nó. – Dobó bảo anh ta.

Tên Kurd vòng tay lên ngực, cúi rạp người chờ đợi.

– Đồ dị giáo, mày hãy nghe ta nói đây. – Dobó nói.

Gergely dịch từ đầu đến cuối.

– Mày có biết tên bãi Đạo sỹ không?

– Bẩm có ạ.

– Hình dạng hãn thế nào?

– Chột một mắt. Hãn mặc áo đạo sỹ, nhưng bên trong là áo giáp.

– Đúng hãn đấy. Mày là người ở đâu?

– Thưa ngài ở Bitlis.

– Mẹ mày còn sống không?

– Thưa ngài còn ạ.

– Gia đình mày?

– Con có hai đứa con ạ.

Và hãn bật khóc.

Dobó nói tiếp:

– Ta sẽ thả mày ra, nhưng mày phải trung thực làm một việc của ta giao.

– Thưa ngài, con sẽ là nô lệ của ngài đến trọn đời.

– Mày hãy đi đến chỗ bãi Đạo sỹ. Nơi hãn có một thằng bé Hung bị bắt. Mày bảo tên bãi rằng nếu sáng mai hãn dẫn thằng bé ấy đến chỗ cổng nhìn ra con suối, nơi mày bị bắt, hãn sẽ có thể đổi thằng bé lấy cái mà hãn muốn. Khi đến, chúng mày phải vấy khăn trắng.

– Thưa ngài, con đã hiểu.

– Một người của chúng ta sẽ ra cổng đón thằng bé và mang theo cái nhẫn của tên bãi. Còn mày dẫn thằng bé từ chỗ tên bãi đến trao cho người của ta. Nhưng mày phải thề là sẽ làm trọn cái điều chúng ta đòi hỏi.

– Dạ thưa ngài, con xin thề ạ. – Tên Kurd đáp.

Kristóf đã đến đứng bên cạnh. Dobó quay sang bảo chú:

– Kristóf, con hãy đi vào phòng kỹ sỹ. Trong góc phòng có một đồng đồ đạc Thổ, trong số đó có một quyển sách nhỏ. Con hãy mang quyển sách nhỏ ấy ra đây.

Quyển sách đó là quyển kinh Koran, những tên lính Thổ biết đọc đều mang nó theo trong người. Quyển sách bọc bìa da và có vòng sắt ở góc, trong vòng sắt xâu một sợi dây. Bọn Thổ biết đọc thường đeo nó ở ngực. Tên Kurd đặt ngón tay lên quyển kinh Koran và thề. Sau đó hăm phủ phục xuống chân Dobó. Hăm hôn nền đất và mừng rơn đi ra.

– Nhưng thưa ngài, – Gergely giọng run run nói, – nếu tên Thổ thấy chúng ta lừa nó...

Dobó điềm tĩnh trả lời:

– Nếu như có thằng bé ở chỗ nó thì nó đã dẫn ra cho ta thấy rồi. Tất cả bọn Thổ đều dối trá. Ta chỉ muốn làm cho anh yên lòng đó mà thôi.

Gergely phấp phỏng đi vội lên pháo đài để ngủ lấy một chút trước khi trời rạng. Khi chàng đi qua bên cạnh mấy cái cối xay, từ trong bóng tối văng ra một tiếng “huýt”, nói đúng hơn là một tiếng “suyt”.

Gergely nhìn về phía đó. Chàng trông thấy gã di gan đang quỳ trên đồng rơm và vẫy chàng.

– Nào, anh muốn gì thế? – Gergely hỏi, giọng không vui.

Gã di gan đứng lên thăm thì:

– Thưa đại nhân Gergely, trong vườn có trộm.

– Thế à?

– Lúc đầu hôm, con chữa miếng sắt quai hàm cho cái mũ của một người lính Kassa ở chỗ cổng Cũ. Con nghe ngài trung úy Hegedüs đã nói là khi thành bị vây, đáng lẽ tiền lương phải trả gấp đôi. Đám lính cần nhân đại nhân Dobó đấy. Họ bảo quân Thổ hứa đủ mọi cái tốt đẹp, còn đại nhân Dobó chẳng hứa gì sất. Cần phải lựa chọn.

Hơi thở của Gergely tắc lại.

– Họ nói như thế trước mặt anh à?

– Trước tất cả đám lính tráng. Đáng lẽ con cũng chẳng nói đâu. Nhưng nếu đã phải sợ thì con còn sợ quân Thổ hơn ngài trung úy ở Kassa.

– Đi theo ta. – Gergely bảo.

Chàng đi tìm Mekcsey và bắt gặp anh ở chỗ đám thợ nhồi thuốc súng vào vỏ đạn.

– Pista, – chàng bảo anh, – anh hãy nghe Sárközi kể.

Rồi chàng bỏ họ lại ở đó.

6

Sáng ra, khi Dobó bước ra cửa soái phủ. Hegedüs đã chờ ông ở đó.

– Thưa ngài! – Y vừa nói vừa đưa tay lên mũ chào. – Tôi có điều muốn báo cáo.

– Gấp à?

– Không gấp lắm.

– Vậy theo ta. Đến chỗ cổng sẽ nói.

Gergely đã đứng trên cổng, cả Mekcsey, Fügedi cũng đứng đó cùng chàng. Lớp bồi đã che khuất họ không để bọn Thổ đang nhốn nháo ngoài suối trông thấy.

Dobó nhìn xuống thành phố qua kẽ lớp bồi, sau đó quay lại hỏi Gergely:

– Chưa có ai à?

– Chưa ạ. – Gergely đáp rồi liếc nhìn Hegedüs.

Hegedüs đưa ngón tay lên vành mũ nửa chào nửa vẫy. Gergely cũng vậy, nhưng họ nhìn nhau lạnh nhạt.

Dobó nhìn Hegedüs, chờ báo cáo.

– Thưa ngài, – Hegedüs nói, – tôi cần phải nói rằng tôi đã nghiệm thấy có đôi chút bất mãn giữa đám lính tráng.

Mắt Dobó giương tròn xoe.

– Rất tiếc, – Hegedüs vừa lẩn tránh cái nhìn của Dobó vừa tiếp, – giữa

bọn họ có những người lính già đã biết cái khoản ấy... Cái khoản tiền công cố thủ. Hôm qua họ đã chờ suốt ngày để mong được lĩnh khoản tiền ấy như mọi lúc và mọi nơi vẫn thường quen. Đến tối họ đã nói vung lên. Tôi nghĩ nếu mình mắng át họ đi, sự bất mãn sẽ chỉ càng tăng. Bởi vậy tôi đã để cho họ nói. Họ yêu cầu tôi nói cho ngài biết nguyện vọng của họ.

– Trước hết, đáng lẽ ngài đã không được phép quên, ngài trung úy ạ, là trong thành không có chỗ cho bất cứ một sự xì xào thậm thụt nào. Thứ hai, về khoản tiền công cố thủ, ở đây kẻ nào không chiến đấu vì Tổ quốc mà vì tiền công thì cứ việc đến chỗ ta – hẳn sẽ được lĩnh.

Dobó trả lời rồi bước đi khỏi chỗ viên trung úy, nghiêng mình ngó qua lớp bồi.

– Chúng đã đến. – Gergely lên tiếng.

Từ giữa đám lính Thổ, tên Kurd đi ra, hẳn đã được võ trang, hai tay dắt hai đứa bé Hung, cả hai, đều mặc áo cộc tay, quần xà lỏn, chân đi đất, đều có vẻ con nhà nông, vì tên Kurd bước những bước dài, hai đứa bé phải chạy lon ton bên cạnh.

Cách chúng chừng một trăm bước có thể trông thấy tên đạo sỹ chột. Hẳn cưỡi ngựa theo sau tên Kurd nhưng đến tầm bắn thì dừng lại và đứng thẳng người trên bàn đạp nhìn về phía thành.

– Hai đứa bé này không phải con tôi! – Gergely nói với nỗi mừng rỡ cuống quýt.

Thực thế, hai đứa bé nhiều tuổi hơn Jancsika của chàng; một đứa chừng mười tuổi, một đứa độ mười hai.

Tên Kurd dừng lại trước cổng thành, gọi to lên:

– Ngài bệi gửi hai đứa đến thay cho một đứa. Chúng mày đưa cái nhẵn

ra rồi ngài sẽ gửi cả đĩa thứ ba đến nữa.

Dobó nói lên với người lính gác trên tháp canh:

– Bác hãy nhô ra ngoài, lấy tay vẫy cho tên Kurd kia hiểu là nó có thể cút đi được đấy.

...

Ngày hôm đó quân Thổ cũng vẫn bắn phá tường thành như trước. Những khẩu zabuzans to họng làm việc chậm chạp nhưng với sức mạnh kinh khủng. Đồng thời với mỗi một tiếng nổ, tường vỡ rào rào, đôi khi còn nghe được cả tiếng ầm của từng chỗ đổ sập.

Nhưng tuy vậy ngày hôm đó vẫn có một cái gì thay đổi, những người lính gác đã báo cáo điều đó từ sáng sớm.

Kỵ binh Thổ đã rút ra xa thành. Không đâu còn thấy bóng dáng những tên akinji mũ đỏ, những tên xpahi mặc giáp sáng chói, những tên betli quân phục tạp nham, những tên deli choàng áo rộng, những tên gonuylu cưỡi giống ngựa bé nhỏ, những tên gureba, những tên mưxenlem^(*) và bọn xilida. Mà ngay cả chín trăm con lạc đà của trại Thổ cũng biến đâu mất.

Chuyện gì đã xảy ra vậy?

Quân dân trong thành tíu tít đi lại, nét mặt mừng vui hơn hớn. Cả gã di gan cũng đến chỗ thợ mài nhờ mài sáng một thanh gươm đã bén gỉ. Bên những lò nướng bánh, lời ca của các phụ nữ vang lên. Bọn trẻ đùa nghịch ở bãi cỏ trên gò cạnh lò bánh, bọn con trai chơi trò đánh trận giả, bọn con gái chơi rồng rắn:

Katoka nhà Újvári

Váy lông vàng diện gấm còn chi

Ngựa cô đòi ăn ngô ăn thóc

Mẹ cô đòi cheo vàng cheo ngọc

Chuối hạt cho cô nữa rồi đi.

Người hầu của phu nhân Balogh dẫn thằng bé Thổ đến đó. Nó ngây người nhìn trò chơi.

– Chúng mày cho thằng này vào chơi với! – Người hầu nài bọn con trai.

– Không được. – Các em trả lời.

Bọn con gái bèn nhận cho vào chơi. Thằng bé Thổ không hiểu các em hát gì nhưng cũng nghiêm chỉnh quay lộn với chúng.

Nhưng nguyên do của sự mừng rỡ, vui vẻ đó là gì vậy?

Kỵ binh Thổ đã biến đi. Chắc hẳn đạo quân cứu viện đã tới gần. Đạo quân của nhà vua! Nếu kỵ binh Thổ không đi nghênh chiến với đạo quân đó thì còn đi đâu nữa?

Những người lính trống càng vui vẻ khua trống át những lời chiêu hàng gọi chỗ vào thành. Người cầm dùi cái trống đại của thành chốc chốc lại nhảy lên mặt thành phía có quân địch léo nhéo mà nện thùng thùng át tất cả mọi tiếng kêu.

Những truyền đơn cũng rơi vào thành. Chúng nó gài theo mũi tên bắn vào. Không ai đọc cả. Ai nhặt được đều ném vào lửa, còn những mũi tên họ đem đến cho lão Cecey.

Ông lão ngồi tối ngày trên pháo đài Nhà Ngục, và mỗi khi quân Thổ lấp ló đến gần, ông lại giương cung bắn xuống.

Chỉ có nét mặt của Dobó là vẫn nghiêm nghị không đổi.

Khi ông leo lên tháp canh này, khi ông leo lên tháp canh kia để dò xét quân địch. Đôi khi ông nhìn rất lâu về phía núi Eged, đôi khi ông lại lắc đầu. Có lần ông gọi Mekksey vào soái phủ.

– Chú ạ. – Ông vừa ngồi xuống vừa nói. – Cái tay Hegedüs ấy không vừa ý ta chút nào cả. Chú hãy cho người theo dõi y.

– Tôi đã cho người theo dõi rồi.

– Y nói chuyện với ai, nhòm ngó những đâu, đặt chân đến chỗ nào, ta cần phải biết từng giờ từng phút.

– Vâng, chúng ta sẽ biết.

– Nhưng đừng để cho y đánh hơi thấy, nếu không y sẽ làm cho ta bị bất ngờ đấy.

– Y không biết được đâu.

– Nếu trong thành có nổi loạn thì chúng ta sẽ hết đường. Ta có thể làm cái việc sai bắt giam y lại, nhưng ta cần phải biết có những ai hùa theo y nữa. Ta cần phải cắt bỏ cái phần mục nát sao cho đừng sót lại một tí gì. Chú sai ai theo dõi đấy?

– Gã di gan.

– Đáng tin cậy không?

– Gã đáng tin cậy lắm. Hôm qua gã đã làm việc ở giữa đám lính Kassa, hôm nay lại sẽ tìm được việc ở đó. Tôi đã bảo gã nếu có công trong việc này thì gã sẽ được thưởng một con ngựa tốt với toàn bộ yên cương lành lặn. Gã sẽ giả vờ về hùa với chúng nó. Nếu có chuyện gì xảy ra chúng ta sẽ biết ngay.

– Chú không còn người nào khác đáng tin cậy hơn nữa hay sao?

– Có thì còn có, nhưng đám lính Kassa sẽ không tin người đó. Với gã di gan, chúng nó sẽ coi thường và không thèm giữ gìn trước mặt gã.

– Gã chỉ cần dò biết những kẻ cầm đầu!

– Tôi cũng bảo gã như thế.

– Vậy thì được. Ta đi đi.

– Thừa đại úy tổng trấn, – Mekcsey đổi giọng nói, – những dấu hiệu bên ngoài tỏ ra rằng quân đội nhà vua đã đến.

Dobó nhún vai, buồn bã đáp:

– Có thể là có đạo quân đến. Nhưng những dấu hiệu được tất cả các anh giải thích bằng việc đó, với ta chúng không có nghĩa là đạo quân nhà vua đã đến.

Mekcsey ngó người nhìn Dobó.

Dobó dang rộng hai cánh tay:

– Bọn giám trận đều đang ở đây cả. Ta đã trông thấy cả hai tên thống tướng cùng cưỡi ngựa ở mạn Almagyar. Chúng chưa điều đi một khẩu đại bác nào. Hai cánh quân của chúng cũng còn ở đây cả.

– Vậy có chuyện gì nhỉ? – Mekcsey ngượng ngùng hỏi.

Dobó lại nhún vai:

– Không thể có việc gì khác hơn, cậu em ạ, chỉ có thể là chúng nó đi vào rừng.

– Vào rừng?

– Vào rừng, với lại vào các ruộng nho. Ta nghĩ rằng hai tên thống tướng muốn tìm cách hạ bớt chiều cao tường thành. Chúng sai quân đi chở cành cây và lấy đất. Chúng sẽ lấp cái hào của ta và đắp gò đất lên ở những chỗ tường sạt lở. Có điều Pista thân mến này, điều này ta chỉ nói với cậu thôi.

Hãy cứ để cho quân dân trong thành mừng rỡ vì chuyện có quân cứu viện đến.

Ông chìa tay ra cho người bạn đồng nhiệm và trù mến nhìn anh ta. Sau đó ông quay vào cái phòng chỗ Petó nằm.

Trời vừa sẩm tối, các toán kỵ binh Thổ lại lúc nhúc bò ra.

Dưới ánh một quả pháo sáng có thể trông thấy tất cả bọn kỵ binh đều cầm cương dắt ngựa, và mỗi một con ngựa đều tải nặng cành cây. Đàn lạc đà dài dằng dặc thì chở những bao tải đầy ắp. Khi chúng từ trên núi Bajusz rẽ xuống, đàn lạc đà đi hàng một, con này nối con kia.

Dobó chĩa nòng những tu pháo và những khẩu cối xuống, bắn vào giữa đội hình quân địch. Nhưng đêm tối mỗi lúc một dày đặc và số kỵ binh địch không hề giảm bớt. Dobó ngừng nã đại bác, chỉ ra lệnh cho những tay súng trường thỉnh thoảng bắn vào bọn chúng.

Quân Thổ rộn rịp làm việc dưới chân thành. Cành cây và dây nho ném lên nhau nghe roàn roạt. Xen vào giữa là tiếng hô của bọn quan giám trận đang cắt đặt.

Dobó sai đem phần lớn đèn trong thành đến những chỗ tường vỡ. Người ta để đèn ở những chỗ có thể soi sáng ra ngoài tường thành, nhưng từ phía dưới không thể dùng tên hoặc dùng đạn mà bắn trúng được.

Bên trong thành tối đen, chỉ rải rác đây đó mới có một ngọn đèn. Ánh sáng hắt ra từ lò bánh chiếu sáng vùng cổng Cũ. Đám phụ nữ lúc này cũng vẫn vừa làm vừa hát.

– Họ cứ hát nữa đi. – Dobó nói. – May mắn không bao giờ là bỏ những nơi có tiếng hát.

Quãng nửa đêm, Mekcsey đứng trên tháp canh pháo đài Bolyky theo

dõi xem quân Thổ có rục rịch chuyển sang công kích ban đêm hay không. Các võ quan khác cũng chia nhau đi khắp nơi trực đêm.

Mekcsey khum hai bàn tay lại đặt sau tai và cúi xuống, tia mắt anh cố sức xuyên qua màn đêm.

Có ai từ phía sau giật giật áo đônman của anh.

Gã đi gan.

Gã đi dép ionisa đến đây, trên đầu gã đội một cái mũ sắt cắm đầy lông đuôi gà trống. Một bên sườn đeo gươm, sườn bên kia đeo gươm cong kiểu Thổ có cán màu trắng.

– Suyt... – gã nói về bí ẩn, – suyt!...

– Cần gì đấy?

– Con đã cảm thấy dây cương con ngựa tốt trong tay con rồi.

– Mà biết được chuyện gì rồi à?

– Ôi ối!

– Mà có cả chứng cứ nữa chứ?

– Có ạ, chỉ cần bắt lấy nữa thôi.

– Thế thì bắt đi, đồ chó đẻ.

– Con bắt ư? Xin mời ngài đi theo con, rồi sẽ thấy. Nhưng phải quàng lên.

– Đi đâu?

– Đến chỗ bể nước. Hegedüs đã xuống dưới ấy. Giời ơi là giời!

– Một mình à?

– Ba tên lính của ông ta đứng canh bên cửa bể nước.

Mekcsey học tốc lao xuống cầu thang.

Đến dưới chân tháp, anh gọi sáu chiến sỹ lại bên mình và bảo:

– Đi theo ta, không mang binh khí gì cả! Bỏ ủng ra! Đem theo dây da hoặc dây thừng!

Sáu chiến sỹ lặng lẽ tuân lệnh.

Khi họ đã xuống khỏi pháo đài, Mekksey nói tiếp mệnh lệnh:

– Chúng ta đi đến chỗ bể nước. Ba người lính đang ngồi ở đó, hoặc có thể đứng, hoặc có thể nằm. Các người hãy từ đằng sau xông lên bắt lấy chúng và trói cổ lại. Sau đó dẫn chúng vào ngục giao cho người cai ngục, bảo anh ta giam chúng lại. Không một tiếng kêu, một tiếng động nào đấy nhé!

Khu vực bể nước tối đen, ánh sáng chỉ chiếu tới đỉnh một cái cột cà khỗ. Bắt đầu từ chỗ đó sáu chiến sỹ đi bằng bốn chân tay. Gã di gan làm dấu thánh giá lên người.

Vài phút sau có tiếng lách cách, huỳnh huých, tiếng chửi rủa văng lên ở khu vực bể nước, Mekksey liền chạy đến.

Ba tên lính kia đã bị trói nằm dưới đất. Cả hai cánh cửa bể nước mở toang. Mekksey cúi nhìn vào. Dưới ấy là bóng tối lặng lẽ.

Anh quay lại khe khẽ hỏi gã di gan:

– Ở đây à?

– Chính con đã trông thấy lúc ông ấy đi xuống.

– Trung úy Hegedüs à? Mà không nhầm chứ?

– Ông ấy đấy ạ!

– Chạy mau đến chỗ ngài đại úy trấn thủ. Tìm ở chỗ pháo đài Mới ấy. Bảo là ta mời ngài đến đây! Dọc đường nhớ nói với thượng úy Gergely phải ngay nắm tay súng đến.

Gã di gan co giò chạy.

Mekcsey tuốt gươm cầm tay, ngồi xuống bậc cầu thang dẫn xuống bể nước.

Lúc đó ở dưới kia tựa hồ có những tiếng động văng vẳng.

Mekcsey đứng dậy, đóng một bên cánh cửa che cầu thang.

Ở phía trên nghe rõ tiếng bước chân đi đến của năm tay súng và, gần như cùng một lúc với họ, Dobó đến cùng võ đồng Kristóf. Người võ đồng xách một cái đèn soi đường cho Dobó.

Mekcsey ra hiệu cho họ nhanh nhanh lên. Những tiếng động dưới bể nước lúc đó đã to dần.

– Đẳng này, đẳng này! – Một giọng trầm vang lên dưới sâu.

Dobó ra lệnh cho năm tay súng lên cò, họ phải kê súng lên mép hầm cầu thang bể nước, chĩa nòng xuống. Sau đó ông nói:

– Kristóf, đến chỗ ngài Gergely lấy thêm hai chục người nữa lại đây.

Ông cầm lấy cây đèn trong tay chú, đặt xuống bên chân cột để ánh sáng khỏi chiếu vào hầm.

Dưới sâu có tiếng lách cách của binh khí, tiếng bước chân lạo xạo.

– Đẳng này, đẳng này! – Tiếng nói nghe đã rõ hơn.

Một tiếng bơm mạnh vào nước... liền đó một tiếng bơm khác... Tiếng kêu Ej vá (úi chà). Meded! (Ồi). Lại những tiếng tồm tồm...

Cánh cửa che cầu thang kêu đánh cộp. Rồi một người nhô đầu lên. Dobó vớ cái đèn lên, soi vào mặt y.

Đó là trung úy Hegedüs, mặt y xám ngắt như chì.

Mekcsey thòp lấy cổ áo y.

– Bắt nó lại! – Dobó quát.

Những bàn tay mạnh mẽ vồ lấy viên trung úy, lôi y ra khỏi hầm.

– Tước vũ khí!

Dưới kia tiếng lồm bồm vẫn mỗi lúc một văng lên nhiều hơn, rồi tiếng kêu bối rối loạn xạ:

– Jetisin! Jetisin! (Cứu với! Cứu với!)

Dobó rọi đèn xuống một thoáng. Thì ra dưới đó rất đông bọn Thổ đội tuyban, binh khí tua tủa, đang dò dẫm trong bể nước rộng, tối thăm thẳm, và ở một đường hầm bên cạnh những tên khác vẫn đẩy nhau ùa vào.

– Bắn! – Dobó thét.

Năm tay súng nhả đạn vào hầm.

Cái hầm nước âm vang như một khẩu đại bác. Tiếng la hét tức tối đáp lại.

– Cậu ở lại đây nhé. – Dobó bảo Mekksey. – Cần phải đi vào trong đường hầm, đi đến tận cùng. Nếu nó xuyên ra ngoài thành, chúng ta sẽ lấp lại, trát kín lại. Lúc nào cũng phải cử một người lính gác đứng bên tường.

Rồi quay sang đám chiến sỹ, ông trở Hegedüs và các đồng lõa của y:

– Lấy gong sắt gong chúng nó lại! Nhốt riêng chúng nó ra từng đứa!

Và ông lại quay về pháo đài.

Từ dưới hầm sâu, Mekksey nghe một tiếng Hung vọng lên:

– Cứu với!

Anh soi đèn xuống. Một tên Thổ đội mũ da đang quần quai trên xác những tên chết đuối; hắn đã kêu cứu.

– Các người hãy dùng một cái dây xuống. – Mekksey bảo. – Nhờ tên

này cũng là người trong thành.

Cạnh đó có một sợi dây kéo nước, người ta thả cả gầu xuống. Tên sắp chết ngạt bấu vào gầu, ba chiến sỹ kéo hẳn lên.

Lúc lên đến nơi, hẳn há hốc miệng ra thở như một con cá leo bị kéo lên bờ.

Mekcsey soi đèn vào mặt hẳn. Đó là một tên akinji ria mép rất rậm. Nước từ ria mép và quần áo hẳn nhỏ ròn ròn.

– Mày là người Hung à? – Mekcsey hỏi.

Tên kia vội quỳ thụp xuống:

– Thưa quan, mày tha cho tao!

Bằng cách gọi Mekcsey là mày như thế, gốc tích Thổ của hẳn lòi ra.

Suýt nữa Mekcsey xô hẳn trở lại xuống hầm sâu, nhưng anh đã kịp nghĩ đến việc để hẳn lại làm chứng thì tốt hơn. Anh bảo các chiến sỹ:

– Tước vũ khí của hẳn đi và giam hẳn vào chỗ mấy gã nông dân chuyên thư ấy.

7

Ngày hôm sau, mồng bốn tháng mười, mặt trời mọc chiếu sáng một dải đất cao mới đắp xung quanh thành. Con hào sâu bao quanh thành về phía bắc giờ đây đã bị lấp từng quãng. Nơi trước kia là hào giờ đây đã thành gò.

Những gò đất mới đắp nhô lên đối diện với những chỗ tường vỡ. Bên dưới là bồi, cành cây khô, dây nho khô buộc thành bó, bên trên là đất. Chắc hẳn quân Thổ sẽ tiếp tục công việc đó cho đến khi một vài gò đất đã cao đến mức có thể đặt pháo bắn thẳng vào trong thành và có thể xung phong vào thành không cần thang.

Dobó quan sát công việc của chúng. Ông lặng lẽ, nét mặt bình tĩnh quan sát tất cả mọi hướng. Sau đó ông cho mời các sỹ quan. Ông mời vào phòng hiệp sỹ bốn viên thượng úy, một trung úy, một viên quản, một thập trưởng và một binh nhất, cả viên thư lại Mihály người phát bánh, cũng được mời vào.

Cái bàn đã được phủ một tấm dạ xanh lá cây. Trên bàn đặt một cái tượng chịu nạn và hai cây nến cháy hai bên. Trong góc phòng là người đao phủ mặc quần áo dạ màu đỏ. Than đỏ hồng trong cái lồng ấp bên cạnh. Tay gã cầm một cái quạt gió. Bên cạnh cái lồng ấp còn có những thỏi chì và những cái kìm.

Dobó mặc quần áo dạ đen. Cái lông đại bàng của hàm đại úy cắm trên chòm mũ sắt. Một tờ giấy trắng đặt trước mặt ông.

– Các chiến hữu, – ông nói, nét mặt nghiêm nghị gần như cau lại, – sở

dĩ chúng ta hội họp lại đây là để xét xử trường hợp của trung úy Hegedüs và các đồng lõa của y. Hành động của chúng chứng tỏ chúng là những tên phản bội. Chúng ta sẽ xét xử chúng một cách phù hợp với lương tâm.

Rồi ông ra hiệu dẫn các tội nhân ra.

Gergely đứng lên nói:

– Thưa các ngài, trong việc này tôi không thể làm quan tòa được. Tôi đang có điều bất hòa với bị cáo. Xin các ngài hãy cho tôi rút khỏi ghế buộc tội.

Mekcsey cũng đứng dậy nói:

– Tôi chỉ có thể làm chứng mà thôi. Không ai có thể vừa làm quan tòa lại vừa làm chứng được.

– Vậy ông hãy làm chứng. – Những người ngồi quanh bàn trả lời.

Gergely rời khỏi soái phủ. Mekcsey đi ra tiền sảnh.

Lính gác dẫn Hegedüs cùng ba đồng lõa của y vào, cả tên Thổ nữa.

Hegedüs tái mét mặt. Những quầng thâm viền quanh mắt y. Y không dám ngừng nhìn lên.

Dobó chỉ để y lại, những tên kia ông bảo dẫn ra ngoài.

– Người hãy nói cho chúng ta hay. – Ông nói. – Việc đưa đường cho quân Thổ là việc gì thế?

Hegedüs thu hết can đảm, ấp úng thanh minh:

– Tôi chỉ muốn lừa quân Thổ vào bể nước. Tôi không muốn nộp thành cho giặc. Bể nước thì rộng. Chúng tôi tìm thấy một lối hẹp đi vào qua bể nước. Tôi nghĩ nếu chính tôi tiêu diệt được hàng nghìn tên Thổ, công đầu sẽ thuộc về tôi.

Dobó bình tĩnh nghe từ đầu đến cuối. Các sỹ quan cũng chẳng hỏi han

gì y cả. Khi y không còn gì nói nữa, Dobó sai dẫn y đứng sang một bên rồi lần lượt gọi từng tên lính vào.

– Chúng con, – tên đầu tiên nói, – chúng con không thể làm gì khác ngoài lệnh của ngài trung úy. Chúng con phải vâng lời khi cấp trên ra lệnh.

– Nó ra lệnh như thế nào?

– Ngài trung úy ra lệnh cho chúng con đứng trên miệng bể nước để ngài đưa một vài tên Thổ vào.

– Nó nói sao, để làm gì?

– Để bàn việc nộp thành.

Dobó nhìn viên trung úy. Hegedüs lắc đầu:

– Không đúng. Nó nói dối.

– Con mà nói dối à? – Gã lính tức giận nói. – Thế ngài trung úy đã chẳng bảo là quân Thổ hứa đủ mọi điều tốt đẹp, còn chủ tướng Dobó chẳng hứa điều gì tốt cả, đến như tiền công cố thủ cũng không muốn trả.

– Nói láo. – Hegedüs nhắc lại.

Người ta dẫn tên lính thứ hai vào.

– Tại sao chúng mày lại ở bên giếng?

– Chúng con chờ quân Thổ ạ. – Gã buồn rầu đáp. – Ngài trung úy bảo rằng trước sau rồi thành cũng lọt vào tay quân Thổ, vậy chẳng thà được tiền còn hơn là đổ máu. Nếu chúng ta không nộp thành, chắc chắn chúng ta sẽ chết.

Dobó sai dẫn cả gã thứ ba vào.

– Con không biết gì cả ạ, – gã ấp úng, – con được phái đến bên giếng thôi ạ, chứ còn tại sao, con không biết ạ.

– Trung úy Hegedüs không bảo mày rằng điều đình với quân Thổ thì tốt

hơn hay sao?

- Cái ấy thì có đấy ạ.
- Lần đầu tiên trung úy nói vào lúc nào?
- Vào buổi tối sau đợt đại công kích ạ.
- Trung úy nói thế nào?
- Trung úy nói là ấy... rằng trung úy bảo là: chúng ta ít người, quân giặc thì đông, rằng là đấy, những thành khác cũng có giữ được đâu, vậy mà lúc đó quân Thổ còn đi riêng làm hai đạo.
- Trung úy Hegedüs có nói gì về khoản tiền cổ thủ không?
- Có ạ. Trung úy nói đáng lẽ chúng con phải được lĩnh gấp đôi tiền.
- Còn về việc nộp thành thì trung úy nói sao?
- Nói rằng là ấy... trung úy bảo rằng, thì quân Thổ thế nào rồi cũng lấy được thành, vậy thà để chúng nó trả tiền cho, còn hơn là để đầu cũng mất.
- Thế quân lính nói lại thế nào?
- Dạ, không nói gì cả. Khi quân Thổ gọi vào, chúng con chỉ nói chuyện bên cạnh đồng lửa thôi ạ.
- Các người không đối đáp với chúng ư?
- Không ạ. Chỉ có ngài trung úy nói chuyện với chúng vào lúc khuya mà thôi.
- Nói bằng cách nào?
- Nói qua một kẻ nứt ở chỗ cổng Cũ ấy ạ. Trung úy đi đến chỗ ấy và nói chuyện đến ba lần cơ ạ.
- Với quân Thổ à?
- Với quân Thổ ạ.

– Và khi quay về, trung úy nói gì?

– Trung úy nói là quân Thổ để cho tất cả mọi người rút đi không động chạm gì đến, không chém ai cả. Ngoài ra còn trả cho toán lính Kassa mỗi người mười đồng vàng, với lại hai pasa gửi thư có tướng ấn đến để bảo đảm lời hứa.

– Trong số lính ở đấy, mấy người nghe nói về chuyện đó?

– Độ mười người.

– Thế tại sao các người không báo cho ta biết? Các người chẳng đã thề không nói chuyện về việc nộp thành hay sao?

Gã lính im bật. Dobó tiếp:

– Đáng lẽ bốn phận của các người là phải báo cáo ngay về câu chuyện của ngài trung úy!

– Chúng con không dám ạ.

– Tóm lại: các người đã rắp tâm trao thành vào tay giặc Thổ. Những ai đồng tình vào việc này?

Gã lính kể ra bảy tên nữa, sau đó gã phân trần:

– Chúng con, thưa ngài đại úy, chúng con không đồng tình đâu ạ, chúng con chỉ tuân theo mệnh lệnh. Chỉ có ngài trung úy nói thôi, ông ta đã ra lệnh cho chúng con ạ.

Bức tường bị viên đạn bắn vào kêu lên một tiếng. Những bộ giáp treo trên dây cộc rung lên lách cách. Một mớ vôi vữa trên tường rơi xuống sàn nhà.

Dobó nhìn các quan tòa:

– Ai còn gì hỏi nữa không?

Các quan tòa ngồi bên bàn hầu như cứng đờ cả người. Cuối cùng viên

quan tòa binh nhất lên tiếng hỏi:

– Mười người lính đã đồng tình vào việc giao thành cho quân Thổ à?

Gã lính tái mặt, nhún vai:

– Người lính không thể muốn gì khác ngoài điều mà sỹ quan của mình muốn.

Không còn câu hỏi gì khác.

– Đang còn tên Thổ nữa. – Dobó nói. – Dẫn nó vào đây.

Tên Thổ cúi vái ba lần rồi mới đi tới trước cái bàn. Tới đó hấn đứng khom lưng xuống, tay vòng lại trước ngực.

– Tên mi là gì? – Dobó hỏi.

– Jusuf.

– Jusuf, tiếng Hung nghĩa là József. Đứng thẳng người lên!

Tên Thổ đứng thẳng lên. Hấn là một tên akinji khoảng chừng ba chục tuổi, người chắc nịch, bắp thịt nổi cuồn cuộn. Cái mũi bị tẹt và vết sẹo đỏ trên đầu chứng tỏ hấn đã từng xông pha nhiều trận mạc. Trả lời các câu hỏi, hấn nói hấn đã ở nước Hung mười năm nay, hấn đã đứng bên tường thành khi Hegedüs hỏi qua kẻ nứt: – Ê, bọn Thổ, đứa nào biết tiếng Hung?

– Nó nói láo. – Hegedüs lầm bầm. – Zoltay cũng luôn luôn nói chuyện với quân Thổ đấy thôi.

– Tôi? – Zoltay hỏi như quát lên.

– Đúng cậu nói. Mỗi lần có đợt công kích cậu đều luôn luôn kêu to lên với chúng nó.

Zoltay tái người đi vì giận, nhảy dậy khỏi ghế ngồi.

– Tôi đề nghị điều tra về bản thân tôi. Tôi không thể tiếp tục ngồi trên ghế quan tòa nữa. Còn mỗi khi tôi đánh tôi lại kêu lên một tiếng, cái đó có

thế. Nhưng đó chỉ là tiếng chửi. Đó không phải là lầm lỗi! Nói như vậy là nghĩa lý gì?

Dobó nói để anh bớt giận:

– Tất cả chúng ta đây đều biết cái thói quen đó của anh, và chẳng ai vì thế mà nói anh. Nhưng vì anh đã nổi giận đối với kẻ bị cáo, chúng ta miễn cho anh khỏi việc xét xử.

Zoltay cúi chào và đi ra. Dobó lại nhìn tên Thổ.

Bằng một thứ tiếng Hung cà khỗ, hắn kể rằng Hegedüs đã nói chuyện với một tên aga, sau đó với bãi Arszlán ở chỗ cổng Cũ. Hegedüs đã đề nghị tên bãi hứa lời hứa danh dự làm chứng và đưa một trăm đồng vàng. Hegedüs đã nói đến đêm sẽ đưa đường cho tất cả đạo quân vào thành, chỉ cần đào hầm bên cạnh cổng chỗ vẫn thường đặt cái trống đồng lớn. Y (hắn chỉ Hegedüs) nói là một đêm y đã đi trong bể nước và tìm thấy một đường hầm, nhưng đường hầm đó đã bị lấp ở chỗ cổng Cũ. Ở chỗ lấp y nghe tiếng trống đồng đánh ngay trên đầu và nghe cả tiếng bước chân của bọn lính, như vậy không cần phải đào nhiều lắm. Đến mười hai giờ đêm, y sẽ chờ bọn kia. Nhưng bọn kia cũng cần phải bảo đảm sẽ không phạm đến những người lính Kassa đứng ở chỗ cổng Cũ. Chúng nó thỏa thuận. Nửa đêm Hegedüs xách đèn dẫn đường cho chúng. Bọn ionisa, axap và piát lẫn lộn cùng vào. Ba nghìn tên đi vào đường hầm. Những bộ phận khác của đạo quân, có trời biết bao nhiêu nghìn tên, chờ hai cửa thành sẽ mở. Nhưng một sự cố đã xảy ra là cái đèn của Hegedüs bị va vào tường ở chỗ góc bể nước và tắt ngấm. Y tiếp tục dẫn tốp đầu đi trong bóng tối. Y biết đường đi nhưng thành bể nước hẹp, trong bóng tối y có thể đi được nhưng đám lính tốp đầu chen chúc nhau nên ngã xuống nước.

– Mi có biết về chuyện bãi Đạo sỹ cướp mất đứa con trai của một

thượng úy bên chúng ta không? – Dobó hỏi.

– Có ạ. Đã hai tuần nay người ta tìm đứa bé ấy khắp trong các trại. Ngài bêu sai tìm. Người ta đã ăn cắp mất của ông ta, hoặc giả đứa bé đã trốn mất vào ngày thứ ba sau khi đến đây.

Dobó nhìn Hegedüs và nói:

– Đồ khốn kiếp!

Hegedüs quỳ sụp xuống:

– Xin các ngài khoan thứ, xin các ngài đoái thương đến thân tôi: Tôi đã lầm lạc, đầu óc tôi đã lú lẫn.

– Mi có thú nhận là mi đã muốn trao thành vào tay quân địch hay không?

– Tôi xin nhận.

Cuộc thảo luận không kéo dài quá một tiếng đồng hồ.

Sau đó, trung úy Hegedüs đã lủng lẳng giữa bãi chợ, trên cái giá treo cổ đóng vội bằng một thanh xà. Fügedi loa to với dân thành:

– Tất cả những kẻ phản bội lời thề, bất kể lính thường hay sỹ quan mà muốn trao thành vào tay giặc Thổ đều chết như thế này cả!

Ba gã lính trơn bị xẻo tai dưới giá treo cổ. Bảy tên nữa bị xiềng chân và sai đi phục dịch ở trong thành.

Còn tên Thổ, người ta ném nó ra ngoài thành qua bức tường cao ở phía tây cho nó rơi xuống gẫy cổ giữa đồng bọn.

Dân thành có thể thấy rằng Dobó không đùa.

8

Tình mẹ. Người mạnh hơn tất cả mọi sức mạnh trên đời! Người là ánh dương nấu trong cơ thể con người! Người là ngọn lửa thiêng từ trái tim Thượng đế giáng trần, là sự dịu dàng mà vô địch, không sợ cả cái chết!

Người, kẻ đã từ bỏ mái nhà yên ổn, gối êm đệm ấm, tất cả gia tài châu báu để cải hình đổi dạng vượt qua cái chết trùng trùng điệp điệp mà đến với những người thân yêu đang bị hiểm nguy đe dọa của Người! Người, kẻ chui xuống lòng sâu quả đất, với thanh gươm mỏng mảnh mà muốn vượt qua tường thành, bức tường thành mà hàng trăm ngàn con dã thú vũ khí tua tủa lúc nhúc phía trước mặt đang phải gào thét một cách bất lực! Người, kẻ không biết đến những việc gọi là không thể được mỗi khi nói về người mà Người yêu, dù có phải đồng nguy cộng khổ, cùng chịu chết với họ chẳng nữa – Ôi trái tim phụ nữ, ta xin bái phục Người!

Suốt hai đêm, hai ngày họ đào cật lực qua những chỗ sụt của đường hầm, trong cái lạnh lẽo ẩm ướt dưới những vòm trần lúc nào cũng chỉ chực đổ. Đôi chỗ đường chỉ bị lấp có vài bước, sau một giờ lao động họ đã có thể chui qua. Nhưng đôi chỗ họ phải trầy trật với cả những tảng đá, mà cánh tay phụ nữ yếu đuối cũng như cánh tay của người thiếu niên mười lăm tuổi chẳng lấy gì làm mạnh khỏe cho lắm, đều không quen với loại công việc như vậy.

Đêm mồng ba tháng mười, khi trại giặc vừa yên ngủ, họ mang theo tất cả số lương thực. Theo tính toán của họ thì tòa thành chỉ còn cách họ chừng trăm bước. Họ hy vọng sẽ không phải quay trở lại nữa.

Và họ làm việc suốt đêm.

Ở dưới đất họ không thể biết được khi nào trời hửng, khi nào mặt trời lên. Suốt đêm họ nghe tiếng vó ngựa chồm đất và chồm cành cây, họ nghe cả tiếng nổ của tu pháo và các cỗ đại bác trong thành. Ở dưới đó họ cứ ngỡ là có tấn công ban đêm và họ làm việc càng hăng hái hơn để có thể lọt vào thành được.

Nhưng ngoài kia trời đã hửng, bình minh đến, rồi mặt trời nhô lên sau những dải núi xứ Borsod. Gia nhân của tên lái ngựa Thổ trông thấy cảnh hoang vắng của cái lều bèn nhòm vào. Hòn đá bị văng sang một bên và cái miệng hầm rộng làm chúng vô cùng kinh ngạc. Vì bọn kỵ binh đã lại tản đi khắp nơi để thu nhặt cành cây, tên lái ngựa đích thân chạy bổ đến chỗ một tên võ quan đeli và hầu như run lên vì mừng rỡ, báo cáo:

– Thừa quan, con xin trao thành vào tay quân đội. Đêm qua con vừa phát hiện ra một đường hầm!

Đông đảo bọn đeli, bọn akinji, bọn betli, và gureba lập tức bỏ cành cây, bỏ ngựa giữa đồng. Tiếng kèn tập hợp vang động. Lính của tất cả các cơ ngũ chen chúc xáo trộn vào nhau, binh khí va chạm lách cách, reo hò xô nhau qua miệng hầm xuống lòng đất. Tên lái ngựa cầm đuốc dẫn đường.

Trong lúc đó, hai linh hồn đáng thương đang trườn bò, bì bõm, dọn đất, vãn đá, cố gắng tiến lên phía trước. Đến một chỗ con đường lại trở nên dốc và mở rộng ra, có những hòn đá khô ráo. Họ đi vào một cái phòng ngầm rộng, hình tam giác và ẩm ướt.

– Chúng ta đang ở bên dưới con hào ngoài thành thì phải. – Miklós nói.

Nhưng hai góc kia của cái phòng ngầm đều bị đất sụt lấp kín. Trong hai góc đó, góc nào có lối đi?

Ở một góc, đất sụt võng xuống hình yên ngựa. Trên đỉnh có một lỗ hổng nhỏ, may lắm cũng chỉ đút lọt năm tay. Ở góc kia, bên cạnh lớp đất sụt có một kẽ nứt nhỏ.

– Ở đây con đường chia hai ngã, – Miklós nói, – vấn đề bây giờ là chúng ta phá lối nào?

Cậu đứng lên mấy hòn đá, giơ cây nện vào chỗ lỗ hổng. Ngọn lửa lay động. Cậu lại thử ở chỗ kẽ nứt phía bên trái. Ở đó ngọn lửa cứ đứng yên. Cậu cầm cây nện lên vành mũ rồi búa vào hòn đá ở trên cùng. Éva đến giúp sức. Hòn đá lộc cộc lăn qua những hòn khác.

– Một hòn nữa! – Miklós nói.

Cả hai lại cố sức kéo. Hòn đá này không chịu nhượng bộ.

– Ta phải đào những hòn đá nhỏ ở xung quanh nó ra.

Miklós nói rồi cầm lấy xẻng hót lớp đất sỏi xung quanh hòn đá. Sau đó họ lại búa vào nó. Hòn đá lung lay.

Miklós thở phào một cái, đưa tay lên lau mặt.

– Mệt quá. – Cậu mới mệt nói.

– Nghỉ một tí. – Éva đáp.

Họ ngồi xuống một hòn đá. Miklós nằm lăn ra và ngủ thiếp đi ngay trong phút ấy.

Éva cũng choáng váng, mệt tưởng chết được. Quần áo nàng ướt sũng đến ngang đầu gối, bùn lấm be bét, tay nàng rơm rớm máu. Vì cứ phải cúi lên cúi xuống nhiều, tóc nàng xổ tung ra, một nửa lấp trong áo đônman, một nửa xỏa ra ngoài áo, phất phơ vờn quanh cổ.

Nàng cầm cây nện soi vào cả hai lỗ hổng. Cả hai đều chỉ con đường tự do.

– Ta nghỉ một tí. – Nàng vừa gấn cây nển xuống mặt hòn đá vừa nói. – Nhưng ta không ngủ đâu, không, ta chỉ nghỉ thôi.

Vừa ngả lưng ra phía sau, nàng đã nghe tiếng vang khe khẽ ở đằng trước. Nàng nhúu lông mày nhìn vào bóng tối phía trước mặt: tiếng ồ ạt ở trên kia hay ở dưới này?

Từ đằng kia đường hầm, một tia sáng đỏ vụt hiện ra.

– Miklós! – Éva rú lên, lay cậu thiếu niên. – Chúng nó đến đây!

Người thiếu niên mệt mỏi giương mi mắt lên.

– Chúng nó đến đây! – Éva tuyệt vọng nhắc lại và đưa tay lên đốc gươm.

Thanh gươm chỉ còn lại cái vỏ. Nó đã nằm lại ở một chỗ hầm sụt nào đó, nơi họ bắn đá. Những thanh gươm cong cài quanh thắt lưng nàng cũng đã bị gãy hết trong lúc làm việc, cả con dao găm cũng vậy. Trong tay họ không có gì nữa.

Ánh sáng càng đến gần càng rõ dần.

Éva thu hết sức lực bấu vào tảng đá. Miklós cũng vậy. Cây nển của họ tắt phụt. Tảng đá nhúc nhích nhưng vẫn không chịu nhường bước.

Họ rụng rời nhìn tên lái ngựa cầm đuốc từ trong bóng tối nhô ra, và cạnh hắn tên aga hộ pháp, ria dài lòng thòng, quanh thắt lưng lấp lánh những thanh gươm cong.

Sau đó là những bàn tay chụp xuống người họ.

Tên aga đưa mắt nhìn cái công việc đang làm dở và nhanh chóng quyết định.

– Nhài con, cầm lấy cây đuốc! Ở đây mày đã biết đường rồi. – Hắn bảo Miklós.

Miklós không hiểu lời nói, cậu chỉ biết chúng nó ấn cây đuốc vào tay cậu. Chỉ một loáng bọn lính giặc đã dỡ hết những tảng đá nặng. Con đường rộng bằng hai tầm người đã mở thông. Căn phòng ngăm chặt ních lính địch.

– Mày sẽ dẫn chúng tao đi. – Tên aga bảo Miklós. – Còn tên kia, – hăn nhìn sang Éva nói tiếp, – ở lại đây. Nếu mày dẫn chúng tao đi lạc hướng, tao sẽ quăng con đàn bà này vào giữa đám lính.

Một tên ionisa dịch lời hăn nói.

É va nhắm mắt lại.

Tên aga ngoái nhìn về phía sau ra lệnh:

– Một deli giữ lấy nó!

Rồi hăn xô Miklós đi lên trước.

Một tên deli đến đứng bên cạnh Éva, những đứa khác tiếp tục đi. Nhưng vì tên aga không nói đích đứa nào phải giữ tù binh nên tên deli liền chuyển ngay sang cho một tên deli khác.

– Mày giữ lấy nó!

Tên này cũng đứng canh một lát, nhưng rồi hăn sực nhớ ra rằng những kẻ nào vào được thành trước tiên sẽ được phong quan to đến mãn kiếp, hăn liền định chuyển tù binh cho một tên mưxenlem.

– Tao không giữ đâu. – Tên mưxenlem trả lời và tiếp tục bước đi.

Tên deli cáu tiết uất người.

– Được, để tao giữ cho, mày cứ đi đi. – Lúc đó một tên axap nhỏ bé đội mũ lông bảo tên deli như vậy rồi tuốt gươm cong đến đứng bên người thiếu phụ.

Éva dờ sống dờ chết tựa người vào vách. Những tên lính ăn mặc đủ các

loại trang phục khác nhau, bắn thiêu, nồng nặc mùi thuốc súng và mùi hành, hấp tấp bước qua bên cạnh nàng... Đứa nào đứa nấy gương đều đã tuốt trần lăm lăm trong tay, mắt tất cả chúng nó đều đã cháy rực niềm hy vọng chiến thắng.

Thình thoảng một tên lính cầm đuốc soi đường trước một tốp lính mới lại đi đến. Cũng có một đôi tốp chỉ dò dẫm trong bóng tối mà đi vào. Binh khí lách cách loảng xoảng trên mình chúng. Một tên địch vác trên vai một lá cờ lớn màu đỏ.

Chợt một tiếng rầm rầm xa xăm bỗng văng lên tựa hồ như sấm ran trong lòng đất. Con đường hầm, từ chỗ đổ vào phòng ngầm lui về phía sau một quãng dài đổ sập xuống. Tiếng rầm rầm kéo dài đến mấy phút. Đá lở, đá lăn phát ra tiếng động trầm trầm. Sau đó không một kẻ nào còn có thể vào thêm được nữa.

Từ hướng hầm sập có tiếng rên la và tiếng thở dốc văng đến. Về phía ngược chiều lại là tiếng lách cách khe khẽ của khối binh khí đang đi xa dần.

Tên lính canh người thiếu phụ bỗng nói bằng tiếng Hung:

– Cô đừng sợ!

Và y cầm lấy tay người thiếu phụ hỏi:

– Cô là ai?

Người thiếu phụ không thốt nổi nên lời.

– Cô là người Hung chứ?

Người thiếu phụ gật đầu.

– Cô hãy đi theo tôi. – Tên axap nói. – Ở đây con đường rẽ hai ngã. Nếu tôi mở được lối kia chúng ta sẽ thoát. Nhưng nếu chỗ này cũng bị sập

nữa...

Éva lại cảm thấy cái dòng sự sống luân chuyển trong mạch máu của mình.

– Bác là ai? – Nàng tỉnh người lại, hỏi.

– Tên tôi là Varsányi. Tôi muốn làm điều tốt cho cô.

Anh ta lấy từ trong thắt lưng một thỏi thép và đá lửa rồi đánh lửa lên. Cái bụi nhùi mau chóng bắt lửa. Làn khói thơm hòa lẫn vào không khí ngột ngạt của đường hầm. Anh ta giơ bụi nhùi lại chỗ cây nến và thổi. Cây nến cháy bùng lên. Căn phòng lại tràn đầy ánh sáng.

– Cô hãy cầm lấy cây nến này.

Anh ta bước đến chỗ đất sụt phía bên trái và chỉ lắc một cái đã làm lung lay những hòn đá. Anh nhỏ người nhưng khỏe sức. Những hòn đá vuông to lần lượt lăn đi, hòn lăn ra ngoài, hòn lăn vào trong. Chẳng bao lâu đã có một lỗ hổng vừa đủ cho một người có thể chui qua.

Anh cầm lấy cây nến trong tay người thiếu phụ và đi lên trước. Một bàn tay anh xò ra che trước ngọn nến. Anh đi vội đến nỗi Éva phải khó khăn lắm mới theo kịp.

Con đường chỗ đó đã quang hơn nhưng họ vẫn cứ còn phải đổ dốc.

Varsányi bỗng nhiên quay người lại hỏi:

– Cô là ai? Có lẽ cô từ chỗ hoàng thượng đến chăng?

– Từ đây đến. – Éva trả lời, cứ như thể đang nói mê.

– Chúng tôi có nhận được viện binh không?

– Tôi không biết.

– Thôi, chẳng nào cũng thế. Phải chi tôi biết được chúng ta đang ở đâu. Chúng ta phải đi gấp lên để vào trước bọn Thổ.

Con đường đã dốc lên. Ở hai bên đường đôi khi đã thấy một vài phòng ngách. Còn những hòn đá thì lại màu nâu và hơi ẩm lấp lánh như sương trên vách đá.

– Chúng ta vào đến trong thành rồi. – Varsányi nói. – Chúng ta sẽ chui ra ở chỗ bể nước chứ không sai.

Một đồng vữa trắng ngăn con đường lại, mùi vôi nồng nặc phả đến chỗ họ.

Varsányi chửi:

– Cha chả, purgatorium^(*) cho cái thế giới cay cực này!

– Cái ấy nghĩa là gì?

– Không có gì cả, nào. Tôi sẽ trèo lên trước. Cô cầm lấy cây nến này.

Anh nằm áp bụng lên đồng vữa, bò qua. Éva thò tay đưa cây nến sang. Varsányi đã đứng ở phía trong, anh cầm lấy cây nến và lâu bầu cái gì không rõ. Rồi anh giúp Éva bò qua đồng vữa.

Họ đứng trong một căn hầm rộng và trắng lóa. Từ phía trên, tiếng kinh cầu siêu vẳng xuống: bài *In Paradisum deducant te angeli*^(*) và từ cao hơn nữa, ánh sáng ban ngày le lói lọt xuống.

Căn hầm đầy những quan tài trắng để chồng chất lên nhau, và khắp xung quanh là vôi pha loãng. Trên mép các quan tài, vôi khô đi thành những viền tua tua. Một bên vách căn hầm, cạnh đồng quan tài, một xác chết mặt gầy gầy có ria mép, mặc áo, nhô ra khỏi bể nước vôi trong tư thế nghiêng nghiêng. Ánh sáng phía trên lọt xuống chiếu sáng khuôn mặt xác chết, một sợi dây lưng lỏng trên cổ.

Varsányi kinh ngạc nhìn cái xác đó. Rồi anh ngoái nhìn lại.

Éva ngã lăn trên mặt đất sau lưng anh, bất tỉnh nhân sự.

Trong thời gian đó, người thiếu niên phải đưa đường cho quân Thổ đi.

Thoạt đầu cậu sững sờ vì khiếp hãi, nhưng sau đó cậu nghĩ rằng nếu chui lên được vào trong thành cậu sẽ hô hoán lên. Ý nghĩ đó làm cậu cứng rắn lên. Không chút nao núng, cậu giờ đuốc khi đi trước tên aga, khi đi bên cạnh hắn.

Chẳng mấy chốc, cậu và chúng nó cũng đi ngược lên. Không gặp trở ngại gì, cậu và chúng nó đến chỗ một bức tường xây bằng thứ sa thạch giống như thứ đá ở khắp mọi nơi trong khu vực Eger, lớp hồ xây tường tỏ ra người ta xây nó chưa lâu lắm.

– Phá nó ra! – Tên aga ra lệnh.

Lớp hồ chẳng mấy chốc đã rời rã dưới mũi thép của những thanh gươm cong và những ngọn giáo. Chúng nó chỉ hơi vất vả gỡ vài ba hòn đá đầu, những hòn sau dễ dàng xê dịch trước sức mạnh của những cánh tay rắn như thép. Tuy vậy, chúng nó vẫn phải làm hơn một tiếng đồng hồ. Khi kẻ hở đã lớn bằng bề ngang con người, tên aga ra lệnh cho Miklós lách qua.

Cậu và chúng nó lọt vào một nơi giống như một cái hầm rộng. Khắp nơi đầy những thùng là thùng. Chỉ có điều đặc biệt là chỗ đó có vẻ giống một cái phòng hơn là một cái hầm. Trên tường có cả một bức tranh lớn đã rách, ngay bên dưới bức tranh là một cái bồn tròn. Trên bức tranh còn có thể thấy hai cái đầu. Một cái có râu, nét mặt buồn rười rượi. Cái thứ hai là đầu một thiếu niên, cũng buồn, đang gục vào ngực người có râu. Trên đầu họ có vòng hào quang. Bên dưới đầu người thiếu niên bức tường trắng lộ ra giữa những xơ vải rách.

– Binh khí cầm tay! – Tên aga khe khẽ truyền lệnh ra phía sau. – Im lặng tập hợp. Im lặng! Im lặng!... Khi nậy cửa không được phép hò hét! Nếu không thấy ai, chúng ta sẽ chờ những người đến sau! Những tên cầm

cờ phải lập tức vọt lên mặt thành!

Thấy những tên đứng quanh gập đầu tuân lệnh, hăn lại tiếp:

– Chúng ta sẽ xung phong về phía cổng. Không có khoan hồng! Việc trước hết là tước khí giới bọn lính gác ở đó và mở cổng. Chúng mày hiểu chưa?

– Hiểu rồi ạ. – Tiếng đáp của bọn lính khe khẽ vang lên.

Tên aga bước lên trước và chợt trông thấy cái bồn to chứa đầy thuốc súng ở trước cánh cửa sắt. Hăn hoảng hốt khựng lại.

Chúng nó đang ở trong kho thuốc súng. Trong những cái thùng to kia, không phải rượu vang mà là thuốc súng. Nhưng Miklós cũng đã biết cậu và chúng nó đang ở đâu. Đến bên cái bồn to, cậu quay ngoắt lại. Cậu nhìn suốt cái đám đông vũ trang đang chen chúc nhau. Mặt cậu tái đi, đầy vẻ trang trọng. Cậu giơ cây đuốc đang cháy lên, dúi vào bồn thuốc súng.

9

Khi người ta dòng cái quan tài xuống, Varsányi kêu to lên với họ: – Hê, bà con ơi!

Nghe tiếng kêu, những khuôn mặt sừng sốt xuất hiện ở bên trên, quanh cửa miệng hầm mộ. Một cái đầu trần, cái thứ hai đội mũ sắt gỉ, có quai da mắc vào cằm.

Varsányi lại kêu với lên:

– Tôi đây, Varsányi đây! Kéo tôi lên với!

Anh bế Éva lên tay rồi bước từ quan tài này sang quan tài khác mà đến chỗ mấy cái dây thừng. Anh buộc hai cái thừng vào nhau rồi ngồi vào. Người ta kéo anh lên.

Bên miệng hầm mộ không có ai khác ngoài hai giáo sỹ và hai nông dân dòng dây. Mấy người đó ngạc nhiên nhìn Éva nằm như một xác chết trên đám cỏ, nơi Varsányi đặt nàng xuống.

– Các bác lấy nước lại đây! – Varsányi bảo hai nông dân.

Trong nháy mắt đó một tháp lửa đỏ đòng đọc phụt lên từ dưới pháo đài Nhà Thờ. Cột lửa phụt lên đến tận trời, những mảnh gỗ đen, những thanh xà, đá cục, gỗ súc, thân người cũng bay lẫn theo trong đó.

Một tiếng nổ lay chuyển tòa thành, vang to đến nỗi tất cả mọi người diếc đặc tai và ngã dúi dụi.

Từ không trung giội xuống một cơn mưa đá, máu, binh khí và gỗ thanh, gỗ thối.

Một sự yên lặng như chết kéo dài đến hàng chục phút tiếp theo tiếng nổ đó. Yên lặng như chết không những ở trong thành mà cả ở ngoài thành, trong trại quân Thổ cũng thế.

Tất cả mọi người choáng váng, sững sờ.

Trời đã sập xuống chẳng? Hay là đất vừa mở miệng để cho núi lửa tuôn lên thành địa ngục phủ ngập cả thế gian trong thác lửa khủng khiếp của ngày tận thế? – không một ai hiểu.

– Mười kể giặc Thổ! – Đó là ý nghĩ độc nhất trong thành, trong tất cả mọi người.

Thành mất rồi! – Đó là cảm giác độc nhất đã làm hóa đá những trái tim vừa ngừng đập. Gergely lúc đó đang buộc những bình đầy chất giết người dưới chân pháo đài Sándor. Luồng gió của vụ nổ quạt ra đã xô chàng vào những tấm lá chắn treo trên dây đỉnh, phủ kín tường. Khi ngược mắt lên, chàng trông thấy cột lửa tỏa rộng dần như cái phễu đỏ rực cả bầu trời, trong cột lửa đó có một cái bánh xe cối xay đen ngòm, xung quanh cái bánh xe là người nằm ngửa, quay tròn, rơi xuống và cả một cái cẳng chân còn nguyên, không có đùi.

Chàng còn đủ tỉnh trí để nhảy vào dưới vòm pháo đài, nhưng trong phút đầu tiên đó, cả chàng nữa cũng ngây bộp mặt bần thần điếc đặc ra mà nhìn.

Trong giây lát tiếp sau đó, dân thành nhốn nháo cả lên. Dân thường chạy ngược chạy xuôi, quân lính vứt bỏ binh khí, phụ nữ kêu khóc, những con chiến mã giật đứt dây cương, dây hãm, điên cuồng chạy lồng lên khắp nơi.

Dưới kia, trại giặc Thổ vang tiếng hò la đặc thẳng, những cái thang vượt thành giơ cao và hàng ngàn tên giặc tràn về phía thành.

– Tận số rồi! – Tiếng kêu vang lên khắp nơi trong thành.

Phụ nữ túm chặt lấy tay con cái họ, hoặc bế xốc vào lòng mà chạy nhón nhác qua những hòn đá, qua những thanh xà đen nhẻm bồ hóng, qua những khúc gỗ đang cháy dở. Tất cả mọi người đều bỏ chạy nhón nhác mà chẳng ai biết chạy đi đâu.

Từ không trung, tuyết đen dày đặc lả tả rơi xuống. Dày đặc đến nỗi cách nhau mười bước đã không thể nhìn thấy gì nữa. Đó là muội than. Nó bay xuống phủ khắp thành, tựa hồ như muốn khoác áo tang lên tòa thành.

Những xác chết nát bét, những chân tay người hoen máu nằm lầy lắt trên những hòn đá và những thanh gỗ rải rác khắp nơi.

Dobó đầu trần, gò cương ngựa phi đến chỗ xảy ra vụ nổ và ra lệnh cho quân sỹ lên mặt thành.

– Không có gì xảy ra cả! – Ông quay sang hai bên thét to. – Chỉ có hai mươi bốn tấn thuốc súng trong kho đồ thánh đấy thôi!

Tất cả các sỹ quan cũng đều nhảy lên ngựa và lấy lời Dobó để trấn an dân thành ở khắp mọi nơi:

– Tất cả mọi người hãy trở về vị trí! Chỉ có hai mươi bốn tấn thuốc súng...

Mekcsey nổi cáu dùng một cái cán thương gãy đánh những người lính bần thần và không tuân lệnh.

– Cầm lấy vũ khí, đồ chó Do Thái^(*)! Lên mặt thành!

Bản thân anh cũng nhảy xuống ngựa, giật lấy một cây thương cán to, lao lên mặt thành.

– Theo ta, bố quân sỹ! Kẻ nào đáng mặt nam nhi hãy theo ta!

Một loạt đạn dài đón tiếp những tên Thổ đang leo thang. Những chiến

sỹ ở quảng trường thành trong không có lệnh cũng chạy lên mặt thành, và chùy, thương, gươm, cuốc chim vung lên tới tấp.

Quân Thổ cũng xô đẩy nhau tiến thoái một cách hỗn loạn, và ở bên ngoài thành sự bối rối cũng chẳng kém gì ở bên trong.

Chúng nó ồ ạt xông đến đông nhất ở chỗ xảy ra vụ nổ. Từ trên pháo đài của mình, trong cơn mưa muội than, Gergely trông thấy đoàn quân Thổ pha tạp đồ xô về phía pháo đài Nhà Thờ.

– Anh ở đây nhé! – Chàng kêu to lên bảo Zoltay, rồi tuốt gươm ra lao đến pháo đài Nhà Thờ.

Dọc đường chàng chạy qua bên cạnh những cái vạc lớn. Đó là những cái vạc nấu súp cho những người nghỉ phiên buổi trưa, đáng lẽ bây giờ họ đã vào ăn rồi. Gergely liếc mắt nhìn tám cái vạc lớn, món súp thịt thái nhỏ đang bốc hơi nghi ngút, sôi lục đục. Chàng xỏ đòn qua quai một cái vạc rồi gọi người nông dân phụ trách việc chia khẩu phần:

– Bác cầm lấy! Những cái vạc kia cũng khiêng nốt ra pháo đài!

Khi họ lên đến pháo đài, chàng gọi vạc súp nóng bỏng lên bọn Thổ đang chen chúc leo thang.

...

Khi tỉnh lại, Varsányi thấy người thiếu phụ vẫn nằm trên đất trước mặt mình. Hai người giáo sỹ đã để nguyên cả khăn lễ áo lễ như thế mà leo lên mặt thành, còn hai người nông dân chạy về hai ngả, chắc là đến chỗ các khẩu đại bác.

Varsányi xốc Éva lên vai như kiểu người ta vác một cái bì và đem vào soái phủ. Anh nghĩ: nếu là sứ giả thì nên đem lại cho phu nhân Balogh để

bà vấy nước cho cô ta tỉnh lại.

Chỉ sau khi đã đánh lui đợt công kích, người ta mới đến quan sát xem vụ nổ đã gây ra thiệt hại đến nhường nào.

Phía bên phải pháo đài Nhà Thờ cùng với kho đồ thánh giờ đây là một cái hố toang hoác đen ngòm. Ở chỗ đó tường thành đã sụp đổ cùng với cả phần mới xây lại hồi đêm, và hai cái cối xay vẫn làm việc ở đó giờ đây chỉ còn lại hai đồng đồ nát. Sát tường kho đồ thánh, trước kia có ba chục con bò thịt đứng ở đó, giờ đây chúng nằm chết còng queo trong vũng tiết của chính chúng.

Người ta tìm thấy xác của tám người lính đang phiên nghỉ bị xé ra từng mảnh. Một trung úy cũng bị thiệt mạng: Nagy Pál, người mà Báthory György đã gửi đến cùng với ba chục tay súng từ thành Erdőd.

Trong số những người lính đứng gần đó cũng nhiều người bị thương. Một hòn đá từ chỗ nổ bắn ra đã phang cụt cánh tay ở sát bả vai của một dũng sỹ tên là Horváth Gergely. Anh ta chết ngay hôm đó, ngay hôm đó người ta thả anh xuống hầm mộ.

Quân dân trong thành chỉ thực sự tỉnh táo lại khi thấy quân Thổ không đột nhập được vào thành.

– Thượng đế phù hộ chúng ta đấy! – Dobó vừa kêu lên vừa đưa tay vuốt tóc và ngược nhìn trời. – Bớ các dũng sỹ, hãy tin vào Thượng đế.

Chính ra món súp đã đẩy lùi đợt công kích. Quân Thổ đã từng dạn dày với lửa, với lưỡi gươm, với ngọn thương mũi giáo, nhưng cái khoản nước súp bỏng dầy thì chúng không quen. Khi dòng nước súp cay xè, nóng bỏng trút xuống cái thang đầu tiên, bọn lính giặc cứ như thể bị ai cầm chổi mà quét xuống. Đám quân chen lấn nhau dưới chân thang cũng nhảy tứ tung. Đứa ôm lấy tay, đứa sờ lên cổ, đứa bưng mặt. Bọn chúng đưa mặt lên che

đầu, tháo chạy khỏi chân thành.

Quân dân trong thành thở phào.

Dobó triệu những người thợ xay bột và thợ mộc đến rồi bảo:

– Các người hãy mau thu nhặt lấy những bộ phận còn lại của hai cái cối xay. Từ hai cái các người hãy làm lấy một cái cối nghiền thuốc súng. Còn thiếu gì nữa thì mấy tay thợ mộc đẽo ngay đi!

Rồi ông nhìn quanh:

– Viên quản lý đâu rồi?

Một hình người đen nhẻm từ góc tường tu viện bước ra, vừa thối muội than bám lên bộ ria vừa phẩy phẩy bộ râu, đến đứng trước Dobó. Đó là lão Sukán.

– Bác Sukán, – Dobó bảo, – bác xuất diêm sinh, lưu huỳnh và than trong kho cho họ. Hết cối nghiền làm xong, đám thợ xay bột sẽ nghiền thuốc súng.

Chỉ đến lúc đó ông mới nghĩ đến việc đi rửa ráy. Chính ông cũng đen nhẻm chẳng khác gì một người thợ thông ống khói.

Trong cửa soái phủ có một người đen nhẻm đang ngồi, anh ta ăn mặc pha kiểu Thổ, tay cầm một miếng bí nướng to và dùng thìa xúc ăn. Khi trông thấy Dobó anh ta liền đứng dậy.

– Varsányi, người đẩy ư?

– Thưa ngài, chính con đây ạ.

– Người mang tin gì về đấy?

– Thưa ngài, con mang sứ giả của triều đình vào thành đấy ạ. Một phụ nữ.

Dobó đi gần như chạy đến chỗ Balogh phu nhân.

– Sứ giả đâu? – Ông hỏi ngay.

Phu nhân đang ngồi bên giường Pető. Bà dùng lựa đồ lót vào trong cái mũ sắt, cái mũ sắt của con trai bà.

– Sứ giả nào? – Bà ngạc nhiên hỏi lại. – Chỉ có một phụ nữ đến thôi.

– Thế người phụ nữ ấy đâu?

Balogh phu nhân mở cửa vào phòng bên cạnh rồi lại khép cửa lại.

– Cô ấy đang ngủ. – Bà nói. – Chúng ta đừng làm kinh động. Cô ấy bị kiệt sức ghê lắm, tội nghiệp.

Dobó mở cửa vào.

Éva nằm trong giường, một cái giường sạch sẽ, trắng tinh. Chỉ có đầu nàng thò ra ngoài, xanh xao, ngập sâu đến một nửa vào trong gối, mái tóc xõa tung viền quanh khuôn mặt.

Dobó sửng sốt nhìn khuôn mặt phụ nữ mà trong giấc ngủ cũng đượm màu gian khổ chết chóc. Ông không quen khuôn mặt ấy.

Ông quay ra và lại hỏi:

– Cô ấy không mang thư tín gì ư?

– Không.

– Cho tôi xem quần áo của cô ấy. Cô ấy là ai?

Balogh phu nhân nhún vai, rồi khấn khoản nhìn Dobó:

– Cô ấy bảo chúng tôi đừng hỏi tên cô ấy. Cô ấy e rằng ngài sẽ không vui lòng gặp cô ấy.

– Cho tôi xem quần áo của cô ấy!

Balogh phu nhân đem từ ngoài hành lang vào một bộ quần áo lính Thổ dính đầy vôi và bùn. Đôi ủng nhỏ nhắn màu vàng lưu huỳnh có dính cả cựa

giày. Trong thắt lưng có hơn năm chục đồng tiền vàng của Hung, vỏ của một thanh gươm và hai cái gươm cong đã gãy.

– Phu nhân nắn hết các túi xem.

Trong một cái túi có giấy kêu sột soạt.

– Đây rồi đây. – Dobó nói và dùng bàn tay đang đen nhẻm mà gỡ tờ giấy gấp cẩn thận ra.

Đó là bản đồ của tòa thành.

Trong các túi khác không còn gì nữa, ngoài một cái khăn tay với một đôi găng nhàu nát. Họ nắn cả các đường chỉ khâu trên quần áo, rồi tháo cả chỉ ra. Họ bóc tung cả đôi ủng. Không có gì hết.

– Không có ở chỗ cô ấy trong giường ư?

– Không có. – Balogh phu nhân đáp. – Tôi đã đưa cả áo cho cô ấy nữa đấy. Ôi, cô ấy đã mệt đến quy cả người... Có lẽ lâu lắm cô ấy chưa được ngủ. Cô ấy đã đi vào bằng đường hầm, qua con đường xác.

Dobó gọi Varsányi vào.

– Người bảo là sứ giả?

– Thì con đã hiểu ra như vậy.

– Thế cô ấy nói không rõ à?

– Thưa ngài, chúng con đã kịp nói chuyện gì đâu. Chúng con vào theo đường hầm gần như là chạy ấy.

– Đường hầm nào?

– Dạ đường hầm qua hầm mộ.

– Ở đó cũng có đường hầm cơ à?

– Thưa ngài, bây giờ thì không còn nữa ạ.

- Quân Thổ còn lương thực không?
 - Thịnh thoảng có một chục – vài chục xe bột đến, với lại một hai bầy cừu. Có Trời biết chúng nó kiếm được ở đâu! Gạo chúng nó đã hết từ lâu.
 - Như thế nghĩa là chúng nó chưa đói?
 - Cho tới nay thì chưa mấy khi.
 - Người còn biết gì về tình hình trong trại giặc?
 - Con chỉ biết một điều nữa là chúng nó đào hào về phía đồi Ghế Vua.
 - Đào hào vào thành à?
 - Chắc thế, bởi vì bọn công binh làm.
 - Tại sao người không vào sớm hơn? Đáng lẽ người đã phải đưa tin về việc chớ canh cây.
 - Dạ, không thể nào vào được ạ. Chúng nó cắt những tên ionisa khỏe mạnh nhất đến trước cổng thành, mà con thì không có quân phục ionisa. Nếu con muốn vượt qua chúng nó để vào thì sẽ làm chúng nghi ngay.
 - Vậy bây giờ người ở lại trong thành thôi. Hãy đến trình diện với ngài Bornemissza Gergely và báo cáo cho ngài biết chúng nó đào đường ngầm ở phía nào. Sau đó người quay về đây và túc trực quanh soái phủ.
- Trong tay ông còn cầm tờ giấy vẽ bản đồ. Ông cho gọi Mekcsey đến và bảo:
- Anh cầm lấy tấm bản đồ này. Trên bản đồ có vẽ những đường hầm. Ta cũng không hề biết trên đời lại có một tấm bản đồ như thế này cơ đấy. Anh gọi ngay các thợ nề lại và sai họ nếu còn đường hầm nào thông thì xây tường vít kín đi. Trước hết là phải xây tường chặn con đường ở dưới hầm mộ.
- Ông còn giao cho hai võ đồng một vài việc nữa rồi mới đi tắm. Tắm

xong ông lại mặc võ phục vào, đeo cả giáp chân, sau đó ông ngả mình lên tấm kỷ bọc da gấu.

Mỗi khi cơn buồn ngủ đến đè trĩu tâm trí ông, dù ban ngày hay ban đêm, ông cũng chỉ ngủ như vậy. Các chiến sỹ trong thành đồn nhau rằng ông không bao giờ ngủ.

10

Chỉ đến tối Dobó mới nói chuyện được với Éva.

Lúc đó Bornemissza phu nhân đã dậy. Nàng mặc bộ quần áo nội thất nhẹ nhàng. Chắc nàng đã lấy trong số y phục phụ nữ chiến lợi phẩm mà chồng nàng thu được trong lần xuất kích đầu tiên. Những bộ quần áo nữ ấy không thể bán hóa giá được, nên người ta cất vào một căn phòng bỏ trống trong soái phủ. Sau cuộc bao vây sẽ phát cho dân nghèo vẫn còn tốt chán.

Dobó nói chuyện với nàng trong bữa cơm tối.

– Phu nhân là ai? – Đó là lời đầu tiên ông nói với nàng, bởi ông thấy ngay nàng không phải là một người đàn bà bình thường.

Võ đồng Balázs đứng sau lưng Dobó. Balogh phu nhân cũng đang bận rộn ngay trong phòng, lúc đó bà đặt bình rượu vang đỏ bên cạnh món bít tết cừu, rồi châm thêm một cây nến nữa bên cạnh hai cây bạch lập.

– Tôi không hiểu là tôi có quyền nói trước mặt người khác ngoài hai chúng ta được không. – Eva đáp. – Không phải vì Balogh phu nhân đâu, mà vì tôi không biết ngài đại úy trấn thủ có cho phép tôi được công khai xưng tên ra hay không.

Theo hiệu tay của Dobó, người võ đồng lui ra, Balogh phu nhân cũng rời khỏi căn phòng.

Éva nói:

– Tôi là vợ của Bornemissza Gergely.

Con dao ăn rơi khỏi tay Dobó.

Với vẻ nhìn lo lắng, Éva nói tiếp:

– Tôi biết rằng ở một chỗ như nơi đây, trong một công việc như thế này mà có đàn bà bên cạnh là không tốt. Nhưng xin ngài hãy tin tưởng, tôi sẽ không nài nỉ chồng tôi rời khỏi cuộc chiến đấu.

– Mời phu nhân ngồi xuống. – Dobó đáp. – Tôi xin phép được vừa ăn vừa tiếp phu nhân. Xin mời phu nhân cùng ăn với tôi.

Nhưng đó chỉ là những lời lạnh lùng.

– Xin cảm ơn. – Éva trả lời và bả hoải ngồi xuống.

Họ im lặng đến mấy phút, sau đó Dobó mới lên tiếng:

– Gergely biết phu nhân ở đây rồi ư?

– Chưa. Và chắc như vậy là tốt.

– Hà, phu nhân thân mến, – nghe vậy Dobó nói với cái nhìn giờ đây đã hiền từ hơn, – phu nhân đã giấu tên mình đi là rất đúng. Gergely không được phép biết phu nhân có mặt ở đây. Trong vấn đề này tôi rất kiên quyết. Cuộc vây hãm không còn có thể kéo dài lâu nữa: đoàn quân cứu viện nhất định phải đến. Vì sao phu nhân lại đến đây?

Éva ứa nước mắt nói:

– Thằng con tôi...

– Thế ra chúng nó đã cướp đi thật ư?

– Vâng.

– Và cái nhẫn?

– Nó đây. – Éva vừa đáp vừa lôi cái dây đeo ở cổ ra.

Dobó liếc nhìn cái nhẫn. Ông uống một hớp rượu, rồi đứng dậy.

– Phu nhân lấy gì bảo đảm sẽ không nói chuyện với Gergely?

– Thưa đại úy, tôi phục tùng tất cả mọi mệnh lệnh của ngài. Tôi biết rằng...

– Phu nhân có hiểu tại sao không được phép nói chuyện với Gergely không?

– Tôi có nghĩ đến.

– Gergely là trí tuệ của thành. Không được phép thu hút suy nghĩ của cậu ấy khỏi công việc bảo vệ thành một phút nào cả. Phu nhân còn biết những ai ở đây nữa?

– Mekcsey, Fügedi, Zoltay. Thầy tôi cũng ở đây, bác Bálint nữa, ông giáo sỹ của chúng tôi ấy mà.

– Phu nhân không được phép ra khỏi mấy căn phòng của Balogh phu nhân. Phu nhân hãy lấy danh dự mà hứa đi!

– Tôi xin hứa.

– Phu nhân hãy thề đi!

– Tôi xin thề!

– Còn tôi xin hứa sẽ làm tất cả để tìm bằng được cậu con trai của phu nhân. Phu nhân đưa cái nhẫn bùa đây cho tôi.

Éva đưa nhẫn cho ông.

Dobó thắt quai mũ chiến, rồi chìa tay cho người phụ nữ trước khi đi gang.

– Xin phu nhân thứ lỗi cho về việc tôi đã thô bạo như vậy. Nhưng không thể làm cách nào khác được. Phu nhân hãy coi mấy căn phòng và đồ đạc để lại đây của vợ tôi như của mình.

– Còn một điều nữa. – Éva nói. – Tôi sẽ nói gì với Balogh phu nhân: tôi là ai?

– Phu nhân muốn nói gì thì nói, miễn là Gergely đừng biết.

– Anh ấy sẽ không biết được đâu.

Dobó chào nàng, bước ra cửa, gọi người dắt ngựa của ông lại.

Về tối trời nổi gió mạnh. Gió thổi bạt tro và muội than ra khỏi thành.

Dobó gọi đám thợ nề và nông dân đến những chỗ sụt lở do vụ nổ gây ra, và bảo họ:

– Các người nhặt nhanh những hòn đá nằm ngổn ngang kia lại! Phải xây lại cái tường, mà nhớ đừng làm sao để tránh được đạn thì đứng.

Đoạn ông đi lên chỗ khẩu đại bác Búp Bê, ngồi lên khẩu súng và dùng thiếc viết lên một mẫu giấy như sau:

“Bêi Đao sỹ, hãy nghe đây! Hễ người tìm thấy con trai của Bornemissza, hãy dùng cờ hiệu xanh đỏ báo tin cho ta biết ở chỗ cây dương bên bờ suối về phía bắc thành. Dấu nhẵn của người ta đóng trên bức thư này. Người có thể cho phái viên cầm cờ trắng dẫn đứa trẻ đến. Không những ta chỉ trả lại người cái nhẵn, mà còn cả một đứa bé Thổ ở chỗ chúng ta nữa.”

Ông cho gọi Mekksey đến.

Ông lấy tay che những dòng chữ rồi bảo anh:

– Ta yêu cầu cậu ký tên vào đây.

Mekksey ký tên, không hỏi han gì cả.

Balázs đứng sẵn bên cạnh với con dấu và cây nến. Dobó ngồi trên khẩu đại bác cúi xuống, nhỏ sáp vào tờ giấy viết thư, Mekksey in dấu nhẵn của mình lên sáp, sau đó cũng chẳng hỏi giấy gửi cho ai, làm gì – anh vội vã đi làm việc của mình.

Dobó gấp bức thư lại, áp mặt cái nhẵn Thổ lên dấu niêm phong bên

ngoài.

Nửa vầng trăng và những ngôi sao in rõ ràng trên dấu sấp.

Ông sai gọi Varsányi đến, hiền từ bảo anh:

– Anh bạn Varsányi! Bây giờ ta đã biết tại sao anh lại không vào thành. Anh vào làm gì cơ chứ, khi biết rằng chúng ta lại cứ luôn luôn phải anh ra. Anh có biết tên bãi Đạp sữ không?

– Như thế biết cái ống giày của con vậy. – Varsányi vui vẻ trả lời.

– Vậy ta có bức thư này đây. Anh lén bỏ nó vào lều, hoặc vào quần áo, hoặc vào cốc của tên bãi ấy; tóm lại có cách nào thì anh chuyển đến cho hắn bằng cách ấy.

– Thừa ngài, nhất định được.

– Sau đó anh đến Szarvaskő và chờ Vas Miklós ở đó. Bây giờ anh ta phải về đến nơi rồi.

– Rồi chúng con làm sao mà vào thành được?

– Về phía bên phải cổng thành đêm nào cũng sẽ có dây dòn xuống. Anh hãy rờ lấy và giật dây. Nghe tiếng chuông, quân ta sẽ nhìn xuống và cho các anh vào.

Varsányi bọc thư vào khăn, giấu vào ngực.

Trên pháo đài Sándor đạn dầm dục rơi dày đặc. Dobó trông thấy có sự bối rối ở đó. Quân lính lộn xộn nhảy ra khỏi pháo đài.

Bằng cách nào đó, quân Thổ đã biết được có một cửa hẹp nối liền giữa tường thành ngoài và thành trong. (Lối đi giữa hai tường thành cũng giống cái chốt cài qua cái trâm gài đầu). Hai cái thang dài đặt chầu vào nhau trên núi hình chữ V ngược. Một tên Thổ thoăn thoắt trèo lên. Hắn trông thấy các chiến sỹ ta đi ra đi vào qua cái cửa hẹp đó. Chúng lập tức kéo đại bác

lên núi, bắn rất mạnh vào chỗ cửa đó.

Chỉ non một giờ, quân Hung đã bị thương hàng đồng ở chỗ cửa, có năm người chết gục.

– Đưa gỗ lên! – Dobó hét. – Dựng con chạch cao hơn nữa!

Nhưng họ dựng ván che lên cũng vô ích. Những khẩu đại bác Thổ đã nằm ở điểm cao, có thể đổ đạn vào cái cửa hẹp qua cả dãy ván che, qua cả tường con chạch.

– Vụ này tổn của ta một tạ thuốc súng đây! – Dobó cãi rầu. – Mà lại đúng vào lúc này!

Gergely từ tháp đằng góc chạy đến.

– Thừa đại úy, không thể để cái cửa như thế này được! Chúng nó sẽ bắn chết hết những chiến sỹ cừ nhất của tôi.

– Chúng ta sẽ giải quyết. – Dobó đáp, rồi nói tiếp với giọng khe khẽ. – Cần phải chờ cho đến lúc bắt đầu nghiền được thuốc súng.

Đạn rơi xuống lối cửa hẹp như mưa rào.

– Xin đại úy cho phép chúng tôi phá cái tường hoặc đào lối đi xuyên dưới đất.

– Gergely, anh thì không cần phải xin phép nữa. Anh cứ việc làm!

Gergely sai đào một lối đi xuyên dưới chân tường ở cạnh cái cửa hẹp để quân lính ra vào.

Còn quân Thổ vẫn tiếp tục đổ đạn xuống cánh cửa trống, dưới bậc cửa đạn nhiều đến nỗi có thể quét được.

Đến tối quân Thổ lại chơ đất, chuyển cành cây. Trăng lơ mờ soi sáng cho chúng. Từ trên thành thỉnh thoảng người ta vẫn bắn vào chúng.

– Đừng bắn nữa! – Dobó hạ lệnh.

Thấy trong thành im lặng, tiếng xôn xao, lực đục của bọn Thổ mỗi lúc một mạnh lên. Mỗi lúc chúng một thêm đông.

Dobó phái tất cả lính bắn súng đến chỗ tường vỡ. Sau một hàng nằm đến một hàng quỳ, sau một hàng quỳ là một hàng đứng tựa vào tường con chạch nhô ra ngoài.

Những ngọn đèn tối đi.

Quân Thổ càng thêm đông và càng sợ hãi. Những ngọn đèn xách tay nho nhỏ chiếu sáng cho chúng làm việc.

Khi toán quân giặc mỗi lúc một leo lên cao đã để lộ lớp mũ tuyban nhấp nhô trước chỗ tường vỡ, Dobó hô bắn.

Tiếng kêu thét và cảnh hỗn loạn tiếp sau tiếng nổ. Những tốp giặc bỏ chạy cuống cuống đã chứng minh rằng loạt đạn không nổ một cách vô ích, một vài tên土耳其 nỏ súng bắn trả nhưng không trúng ai cả. Quân địch chỉ dám tiếp tục công việc ở chỗ sát chân thành một cách thận trọng, lúc nào cũng lo che mình.

11

Cái cối nghiền chạy ầm ù suốt ngày đêm. Thuốc súng mới tinh, đen nhánh xối xả tuôn ra máng. Niềm tin của quân dân trong thành đã trở lại.

Quân Thổ đắp công sự mới và trời vừa hơi rạng, ba khẩu zabuzans đã nổ ran ở chỗ nhà Giám mục. Mục tiêu mới của chúng là cái tháp phía tây bắc. Từ phía đó mà bắt đầu đợt công kích thì gay go thật đấy, nhưng có lẽ chúng muốn thu hút bớt lực lượng từ các phía khác của thành.

Những viên đạn đại bác to, đen trùi trùi như những con diều hâu bay lên tháp.

Nhà ở của binh sỹ nằm trong hướng đạn. Đó là một dãy nhà thấp, dựa lưng vào tường thành. Những viên đạn phá tường không nhận đủ thuốc súng đều rơi xuống dãy nhà đó.

Sườn phía tây của soái phủ bắt đầu sụp đổ.

Balogh phu nhân hoảng hồn nhào vào căn phòng mà bà dọn giường cho Dobó.

Viên đại úy đang ngồi bên cạnh giường, mình mặc nguyên áo giáp như lúc ở ngoài, chỉ không đội mũ chiến. Hai tay đặt trên hai tay ghế, ông đang ngủ ngon lành. Trước mặt ông, cây nến vẫn cháy. Trên đầu ông, một bức tranh sơn dầu đã ngả màu nâu. Hình Thánh vương István đang trao vương miện cho Maria. Người ta đã đem bức tranh từ cái nhà thờ đã biến thành pháo đài vào phòng này, và nó đã phai màu, đến nỗi mắt của những nhân vật trong tranh chỉ còn như những chấm nâu nâu.

Dobó vẫn thường ngủ ở đó.

Hôm đó chỉ gần sáng ông mới về phòng. Có lẽ ông chờ đợt công kích bất thành lành vào lúc bình minh cho nên mới không cởi bỏ áo giáp.



Quân địch bắn vào chái nhà chỗ ông ngủ. Những viên đạn làm rung chuyển ngôi nhà đến nỗi các thanh xà kêu răng rắc. Một bức tường trong phòng nứt toác, rộng đến bốn ngón tay. Qua kẽ nứt đó có thể nhìn thấy tận lớp tường con chạch.

– Ngài đại úy! – Balogh phu nhân rú lên.

Một viên đạn mới bắn đến làm vữa trên tường rơi xuống đầu bà. Bà nhảy đến chỗ viên đại úy, lay mạnh.

–Ồ, cái gì thế? – Dobó sức tỉnh.

– Chúng nó bắn soái phủ! Dậy đi ngài, hãy vì lòng thương của Chúa!

Dobó nhìn quanh. Ông trông thấy chỗ tường nứt, bèn đứng dậy.

– Phu nhân bảo đưa giường của tôi xuống một phòng nào đó ở tầng dưới, phòng nào ở gần cửa ấy. Tôi trở lại ngay đây.

Câu *tôi trở lại ngay đây* này là một câu nói không bao giờ thực hiện của Dobó, khiến Balogh phu nhân ngay giữa lúc nguy hiểm này vẫn phải mỉm cười.

– Thì ít nhất ngài hãy chờ tôi nấu một tí súp rượu vang đã.

– Món ấy tốt đấy. Xin cảm ơn phu nhân. – Dobó đáp, tay phúi bụi vữa trên mái tóc. – Bụng tôi nó hơi nê. Cho tôi xin cả vài hạt đinh hương vào đây nữa.

– Tôi gửi ra chỗ nào đây?

– Rồi tôi sẽ tạt về ăn.

– Ngài chẳng tạt về đâu, đại úy ạ. Tôi sẽ sai con trai tôi mang ra vậy.

Một con ngựa yên cương sẵn sàng lúc nào cũng đứng chờ trước cửa, bên cạnh nó khi người võ đồng này, khi người võ đồng kia tức trực cùng với con ngựa nhỏ của mình. Dobó lên ngựa, đi quanh khắp thành.

Một phần binh sỹ lệch thếch ủa ra khỏi những dãy nhà thấp đứng bên phía thành phố. Vũ khí và áo khoác vắt vai hoặc cắp dưới nách, một vài người còn quần cả quần quanh cổ. Tiếng chửi rửa nổi lên lao xao như mưa đá.

– Đi vào chỗ tu viện ấy. – Dobó bảo họ. – Cái nhà ấy không bị bắn.

Mekcsey cùng một toán lính khác vội vã qua bãi chợ. Các chiến sỹ vác xẻng, cuốc, cuốc chim. Mekcsey xách một khẩu súng hỏa mai.

Trông thấy Dobó anh liền giơ khẩu súng lên vẫy về phía ông. Dobó thúc ngựa vọt đến chỗ anh.

– Chúng nó đào hào từ phía đồi Ghế Vua. – Mekcsey báo cáo. – Chúng tôi đi đánh bọn chúng đây.

– Tốt. – Dobó đáp. – Anh cứ việc dẫn họ đi mà làm. Bảo cách cho họ đào rồi anh đến tìm tôi ngay nhé.

Ông đi sang pháo đài Bolyky. Có năm người đang ngồi dưới chân pháo đài, cạnh chuồng bò. Đầu họ đội mũ sắt, mặt đỏ bừng vì ánh lửa. Họ đang bện những cuộn con cúi rơm. Cạnh họ là những cái vạc nấu hắc ín.

Ông gặp Gergely trên pháo đài, chàng đang cúi mình trên mặt trống quan sát những hạt hồ tiêu. Trông thấy Dobó, chàng đứng thẳng dậy.

– Bọn Thổ đang đào đường ngầm. Hôm nay chúng tôi đã dò được một ngách. Mekcsey đã đích thân đi diệt chúng nó.

– Ta biết rồi. – Dobó đáp.

– Máy cái mặt trống bị dẫn cả rồi, không thể dùng được nữa, nhưng mặt nước lay động đã mách chỗ bọn chúng nó.

Dobó đến đứng bên lớp tường con chạch, nhòm qua kẽ hở ra ngoài.

Ở những chỗ tường thành bị vỡ, đồng bối và cành cây đã cao lên chừng

một sai tay. Vừa lúc đó bọn đạo sỹ dùng hai cái thương khiêng xác một tên akinji ra khỏi đồng càn cây. Đó là tên giặc chết trong loạt đạn bắn từ hồi đêm.

Đối diện với tường thành, ở khắp nơi đã thấy có nhiều hào và hàng rào gỗ. Bọn Thổ cũng tìm cách che mình.

– Lại có một cái gì đang sửa soạn đây. – Dobó nói. – Không thấy bọn giám binh và bọn ionisa thò mặt ra ở đâu cả.

Lúc đó Mekksey vừa lên đến pháo đài, anh báo cáo ngăn ngừa:

– Họ đang đào.

Nét mặt anh để lộ đêm vừa rồi anh không ngủ chút nào. Cặp mắt đỏ ngầu, da mặt tái nhợt, tóc rối xù. Vai áo đônman của anh dính vôi và bùn. Chắc hẳn anh đã giúp đám thợ nề khiêng gỗ.

– Anh bạn đại úy đồng nhiệm, – Dobó nói với giọng cứng nhắc, có vẻ trách móc, – anh đã lại muốn đích thân chui xuống đường hầm rồi! Đi ngủ ngay đi!

Lúc đó võ đồng Balázs nhô lên khỏi bậc cầu thang, tay bưng một cái khay bạc, trên khay là một cái cốc bạc. Cái cốc bốc hơi trắng xóa trong khí lạnh ban mai.

Mekksey chào rồi bước đi.

Dobó gọi với theo bằng cái giọng đã hiền dịu:

– Pista!

Mekksey quay lại.

– Cậu em thân mến, cầm lấy cái cốc ở khay Balázs mà uống đi.

12

Đêm sau người ta mới biết bọn ionisa hôm ấy đã làm gì.

Thì ra bọn chúng đóng những chiến cụ như cái phương du che cho các cha cố cầm mình thánh đi bên dưới trong những dịp lễ rước. Chỉ khác cái là đằng này mái làm bằng gỗ chắc chắn, còn bốn cái cột là bốn cây thương.

Từ hôm đó trở đi, đêm đêm bọn chúng chở đất và cành cây dưới những cái mái di động như thế.

Hồi ấy người ta gọi loại chiến cụ đó là động ốc.

Buổi chiều các viên chỉ huy trưởng ngủ một giấc dài, hết cả mệt mỏi. Phần nhiều họ ngủ vào buổi chiều vì chỉ cần đề phòng các đợt công kích vào lúc ban mai, và nội trong buổi sáng đã có thể biết rõ ý định trong ngày của bọn Thổ. Đến đêm họ lại thức, và lúc đó một nửa số binh sỹ được đi ngủ. Dobó đã thỏa thuận với Mekcsey là họ không dành thời giờ một cách thường xuyên cho việc ngủ, mà khi nào một người nghỉ xong, người kia sẽ lập tức về nghỉ.

Chắc chắn là không một người nào ngủ cẩn thận cả, nếu có nghỉ, họ chỉ ngủ ngời đầu đó trong một góc pháo đài, trên một ụ đất, độ một tiếng đồng hồ, buổi chiều đôi khi họ ngủ được hai tiếng.

Việc bọn Thổ nấu mình dưới rất nhiều cái mái di động làm các tay súng điên tiết. Còn bao nhiêu gỗ ván nguyên lành trong các nhà, các sân ở thành phố, bọn Thổ đều thu nhặt tất. Chúng nó đã thấy chỉ còn lại mỗi một cách là phải đắp tường thôi, ngoài ra chúng không thể thành công bằng cách nào

khác nữa.

Ở chỗ pháo đài Sándor, bọn chúng đã đắp tường cao đến ngang chỗ tường thành bị đại bác bắn vỡ.

Những cái mái di động che chở bọn Thổ, những đồng cày che những cái đầu nhô lên. Xung quanh chỗ tường vỡ lúc nào cũng có hai chục tay súng túc trực cùng một khẩu cối đã nạp đạn sẵn. Trên mặt tường cũng có lính vũ trang canh phòng. Nhưng tất cả đều chẳng ăn thua gì: bóng tối cũng là vật che chở cho bọn Thổ trong công việc ban đêm.

Bản thân Gergely cũng túc trực bên cạnh chỗ tường vỡ nhiều nhất.

Bỗng nhiên khoảng hai chục tên Thổ trèo ra khỏi chỗ nấp. Đầu đứa nào cũng đội một bó dây nho khô.

Gergely từ trên mặt thành gọi xuống:

– Gasparics!

– Dạ. – Tiếng một người đàn ông đáp lại.

– Các người không thấy ngựa tay à?

– Sao lại không ạ, tổ sư chúng nó chứ! Thừa thượng úy, cho chúng con xông ra đánh một chút!

– Xông ra đánh chết bọn dị giáo ấy đi! Chỉ cần chú ý là hễ đâm xong, các người phải lập tức nhảy vào ngay.

– Bẩm thượng úy, con hiểu rồi ạ.

Đám thợ nề đang làm việc ở chỗ tường vỡ, nhưng khoảng hở vẫn còn rộng đến nỗi cả một cỗ xe hàng cũng có thể đi lọt qua.

Được lời Gergely, Gasparics nhảy vọt ra, đâm vào ngực một tên Thổ giắt gươm cong đầy người, rồi nhảy trở vào.

Tên Thổ ngã gục. Những tên khác vẫn tiếp tục chuyển dây nho khô.

Trông thấy hành động anh hùng của Gasparics, ba người nữa nhảy ra khỏi khoảng hở. Họ dùng giáo đâm ngã ba tên Thổ rồi lại nhảy trở vào.

Quân Thổ chửi rủa, bối rối mất một thoáng. Nhưng những đứa khác từ bên dưới đã chen lên.

Lần này đã có mười người lao vút qua khoảng hở. Người dùng gươm, người dùng giáo đâm, chém bọn vác bối. Sau đó họ quay lại và lần lượt nhảy vào.

Bọn Thổ ném những bó bối đi, cả ba chục tên xông vào đánh ba người còn lại sau cùng.

Gergely từ trên mặt thành ra lệnh nổ súng. Bọn Thổ ngã lộn nhào chồng lên nhau. Nhưng một người thập trưởng tên là Kálmán khi quay về cũng mang trên ngực một nhát giáo.

– Các người cũng bắn đi! – Gergely hô xuống phía dưới.

Từ những lỗ châu mai ở phía dưới, cái chết lóe ra phóng vào người những tên Thổ khác. Dưới ánh sáng lóe lên lần này người ta trông thấy độ khoảng bốn chục tên Thổ nằm lăn trong máu trước khoảng tường vỡ. Những tên Thổ còn lại tập hợp thành một toán mới, nắm chắc gươm, giáo trong tay, chúng xông vào chỗ tường vỡ.

– Bắn! – Gergely hô lên với những tay súng đứng trên mặt thành.

Lúc đó Dobó vừa đến.

Kálmán nằm ngửa trong vũng máu của chính mình trước chỗ tường vỡ. Một tên ionisa thọc giáo vào khoảng hở, không thấy chạm ai cả, hấn bèn hét lên một tiếng rồi nhảy vào.

Dobó đứng vừa sát bên cạnh khoảng hở. Với năm tay trần, ông tổng cho hấn một quả vào mũi vọt cả máu ra. Cũng trong nháy mắt đó,

Gasparics đâm giáo vào người hấn.

Những tên Thổ khác không dám vào theo. Chúng quay lưng lại, nhảy tán loạn trong đồng bồi.

– Ném con chó này ra ngoài! – Dobó bảo đám thợ nề.

Rồi ông đi lên mặt thành.

– Chúng nó bỏ dở việc đào đường ngầm rồi. – Ông nói với Gergely.

– Tôi cũng đã nghĩ thế. – Gergely đáp.

– Anh có gì báo cáo không?

– Xin mời đại úy xem những cái vò của chúng tôi.

Bên cây đèn dầu treo trên vách pháo đài có năm chiến sỹ đang làm việc, gã di gan cũng ở trong số đó. Mấy trăm cái vò sành xếp ngổn ngang bên cạnh. Họ đang nạp những cái vò đó. Một người bỏ một vốc thuốc súng vào vò. Người thứ hai tọng giẻ và đá lên trên thuốc súng. Người thứ ba lại bỏ thêm một vốc thuốc súng nữa vào vò. Người thứ tư ngồi bên cạnh một đồng trống những mẫu nòng súng gỉ đã chặt ra từng đoạn bằng gang tay và đang nạp thuốc súng vào những mẫu nòng ấy. Anh ta dùng que gỗ nện chặt hai đầu. Người thứ năm dùng dây thép buộc chặt hai cái nút vào hai đầu ống. Gã di gan lấy bùn trét bên ngoài.

– Chúng tôi đã làm xong ba trăm vò. – Gergely báo cáo.

– Hãy cho cả lưu huỳnh vào đấy nữa. Cho những cục to to vào. – Dobó nói.

– Thứ ấy chắc tốt lắm đấy. – Gergely đáp.

Vô đồng Balázs chạy đi lấy lưu huỳnh.

Dobó có vẻ hài lòng đứng xem một chốc, sau đó ông nhìn quanh và hỏi:

– Gasparics có đây không?

– Con đây ạ. – Người chiến sỹ từ phía dưới đáp vọng lên.

– Lên đây.

Người chiến sỹ nhảy lên, đập gót giày vào nhau trước mặt Dobó.

– Người là người đầu tiên đã nhảy ra khỏi khoảng hở đấy à?

– Thừa đại úy, con ạ.

– Từ hôm nay trở đi người là thập trưởng!

Vì những cái mái di động đã che đỡ cho giấc rất tốt trong đêm đầu, cho nên hôm sau quân dân trong thành trông thấy một dải đất cao chạy từ nhà giám mục Hécey đến tường thành phía tây nam, tức là chỗ cổng thành hiện nay.

Ở chỗ giáp tường thành, chẳng bao lâu đã thấy những thùng gỗ lớn được đẩy lên khỏi hào, hàng ngàn và hàng ngàn bàn tay chuyển những cái thùng rỗng đến, xếp chồng lên nhau.

Quân Thổ đã phá cửa những hầm rượu trong thành phố; chúng tháo rượu vang ra khỏi các thùng rồi chuyển thùng và những cái thùng đập nhỏ^(*) đến dưới chân thành. Một bức tường lớn bằng thùng gỗ được dựng lên ở mạn đó. Những cái thùng chuyển từ tay này sang tay kia, rồi được dựng đứng lên tất cả. Một quả núi thùng đã mọc lên ngay trong hôm đó. Chỗ dựa của nó là tường thành. Ở mặt ngoài xếp thành bậc.

Từ trong thành, suốt ngày người ta bắn vào quân giặc, nhưng thùng gỗ cũng che chở cho chúng. Chúng làm việc khẩn trương.

Cả ban đêm cũng vẫn vang vọng tiếng lăn thùng rượu, thùng đập nhỏ.

Phần lớn các tay súng giờ đây đã chuyển sang mạn đó. Những khẩu cối

cũng chồm chồm trên mặt thành ở chỗ ấy. Một vài khẩu tu pháo từ bên mạn sườn chĩa vào quả núi thùng.

– Bọn Thổ điên thật. – Fügedi nói.

Nhưng chúng không điên đâu. Kìa, vừa sớm tinh sương, một vài cái mái di động to, rộng đã rục rịch bò ra dưới chân núi thùng. Tám cây thương đỡ một cái động ốc. Hai mươi – ba mươi tên Thổ cũng đứng vừa dưới một cái động ốc như thế.

– Lửa đâu, nước đâu! – Dobó hạ lệnh. – Mang rơm, mỏ neo, câu liêm, cuốc chim lại đây, nhiều vào!

Bởi vì ông đã trông thấy không những chỉ sự chuyển động của những cái động ốc mà cả những cây đuốc bọn Thổ đang đốt lên ở dưới hào nữa.

Hôm qua bọn chúng đã bắn cả pháo đài Bebek và ở phía đó bọn chúng xếp bao tải đất làm thành bậc.

Dobó cũng đến cả chỗ đó. Ông thấy Gergely đã sẵn sàng với tất cả các thứ mỏ neo, câu liêm buộc vào đầu xích sắt và các loại cuốc chim. Trên pháo đài có một đồng lửa. Mỡ bò đang chảy trong những cái vạc bên cạnh đồng lửa. Những cuộn con cúi rơm tấm hắc ín xếp thành đồng, đen nhánh, lấp loáng quanh đồng lửa. Ở đây bọn Thổ cũng nấp dưới những cái mái di động lớn mà tiến đánh thành.

Mekcsey đang sai hàn khẩu ở chỗ cổng Cũ. Người ta chờ đợi công kích ở cả mạn đó nữa.

Mối nguy hiểm đe dọa hơn cả là ở góc thành tây nam, nơi Fügedi trấn giữ. Dobó chụp mũ chiến lên đầu rồi cùng võ đồng Balázs phóng ngựa lại chỗ đó.

Lúc bấy giờ dãy tường con chạch đã bắt đầu cháy.

Lần này quân Thổ không hò hét. Chúng thận trọng nấp dưới những cái mái di động bắn vào quân lính trên thành.

Từ phía trên người ta không thể bắn vào chúng được. Người ta bắn trả lại chúng từ chân tường con chạch đang cháy, và dùng cuốc chim khoét lỗ giữa kẽ thành đá để có thể qua những kẽ đó mà bắn vào bên dưới những cái động ốc.

– Ném rơm xuống đầu chúng nó! – Dobó thét lên lạnh lạnh.

Một mặt người ta tưới nước lên dây tường con chạch đang cháy ở trên, mặt khác người ta ném những cuộn con cúi tẩm dầu và mỡ đã châm lửa xuống mái những cái động ốc.

Cái động ốc nào lên tới mặt thành, người ta dùng cuốc chim lật nó lên hoặc hất nó đi. Cái nào đã bén lửa, người ta cứ để mặc nó cho số phận. Chỉ chốc lát, bọn Thổ đã quăng nó đi, vừa kêu la vừa chạy trốn ra khỏi trận mưa lửa. Những thùng rượu rùng mình dưới chân chúng, một vài đứa đã công lửa hừng hực trên lưng.

– Rơm nữa vào, chỉ rơm thôi! – Dobó thét.

Những vòng rơm tẩm dầu lại bay như những mảnh lửa rừng rực xuống mái những cái động ốc. Những tên cầm thương vứt bỏ chiến cụ, cầm đầu cầm cổ lao xuống để tránh cơn mưa đạn.

Nhưng đó chỉ là sự ngưng nghỉ tạm thời thôi. Khi những tên tấn công đợt đầu tiên đã bị đánh lui, những khẩu đại bác Thổ lại bắt đầu bắn phá dây tường con chạch.

Dobó hô quân nằm sấp xuống để tránh đạn. Đại bác Thổ đã bắn gãy được hai trong số những cái cọc chống tường con chạch. Dây tường con chạch rùng mình, kêu răng rắc, ngã ra ngoài trên một chiều dài bốn chục

sỏi. Chỉ một cái cọc nữa bị gãy thôi là tất cả sẽ đổ nhào xuống.

– Đưa cuốc chim ra! – Fügedi hô to. – Dây xích nữa!

Năm chục cái cuốc chim tung ra móc vào dây tường con chạch đã ngã ra ngoài. Xích sắt, dây thừng, cọc và cừ mới được chuyển đến.

Chỉ chốc lát dây tường con chạch lại trở về vị trí cũ của nó.

Bấy giờ Dobó đã đến chỗ tháp Bolyky, nơi Gergely tiếp nhận trận đánh trong mùi khét nồng nặc của hắc ín, của thuốc súng và của mỡ bò cháy quyện lẫn vào nhau.

Cái tháp đứng đẳng góc đã bị bắn gục ngang lưng đó trở thành một niềm hy vọng lớn đối với lũ giặc Thổ. Bởi thành Temesvár cũng đã vì một cái tháp mà thất thủ, nên chúng coi đây là một điềm may, mặc dù trong trận công kích đầu tiên chúng chưa đưa lực lượng của chúng vào đây được.

Ở đây, vì chúng chỉ chuyển toàn đất đến bên tường tháp, nên từ phía trên người ta không thể có cách sát hại chúng được. Bọn Thổ đẩy nhau xông lên dưới những cái động ốc rộng. Những vòng rơm tấm hắc ín và mỡ bò cháy rừng rực rơi như mưa lên mái những động ốc, tuy vậy cuối cùng chúng vẫn xông được vào trong tháp.

– Allah chí cao! Đánh đi, chém đi!

Và từ trên sườn đồi Ghế Vua, hàng trăm nghìn tên Thổ lao về phía thành.

Ở dưới nền tháp, những cây thương và cuốc chim từ mặt thành chĩa xuống. Người ta đẩy, cuốc, chặt, móc những cái động ốc. Nhưng quân Thổ cũng làm việc. Từ dưới cái mái di động, bọn tũphensi nổ súng. Giáo, thủ pháo và tên từ dưới vun vút bay lên phía đoàn quân cổ thủ.

Một tên xpahi khinh thường cái chết nhảy lên mặt thành, vung tit hai

bàn tay sắt đánh bật tung những ngọn thương và cuốc chim. Tên thứ hai thứ ba cũng vọt lên theo gót hần. Trong khi quân ta dùng chùy quật ngã ba tên đó, những tên khác đã xông lên sau lưng chúng. Không đầy một phút chúng đã đẩy được một cái động ốc có mái lót da bò lên đỉnh tháp và dưới cái mái di động đó, ba bốn chục tên ionisa vừa nằm vừa quỳ bắn vào các chiến sỹ ta đang chiến đấu trên pháo đài.

– Allah! Allah! – Hàng ngàn cái họng ở bên dưới gào lên.

– Thắng lợi đã gần rồi! – Bọn giám binh Thổ hò hét.

Cái mũ chiến rơi ra khỏi đầu Dobó. Đầu để trần, ông lao đến chỗ các khẩu đại bác.

Các chiến sỹ Hung đứng trong tháp không tài nào sát hại được bọn ionisa đã leo lên trên đầu họ, bởi vì mái tháp đã lột gỗ ván, mà cũng không thể hất những ván gỗ đó lên được vì bọn ionisa đã đứng bên trên.

– Các người đi ra đi! – Gergely thét lên khi chàng trông thấy Dobó đang quay những khẩu đại bác.

Rồi, không hề quan tâm đến những khẩu súng của bọn ionisa, chàng cũng giật lấy một cái cuốc chim, ngoắc nó vào một cây thương chống mái di động và giật mạnh.

Những chiến sỹ đứng trên pháo đài cũng sửng sốt khi thấy cái tháp bị chiếm. Tất cả đều chụp lấy hỏa khí và bao phủ bọn ionisa đang xông lên tường trong một màn lửa.

Dobó trông thấy dây chuyền của bọn ionisa đã bị đứt quãng. Bất thành lình ông quay hai khẩu đại bác xuống phía dưới, bắn vào giữa đám ionisa đang chen chúc đông đặc trên ụ đất.

Loại lính ionisa chẳng kiềng đại bác lắm. Hai viên đạn của hai khẩu đại

bác chẳng sát hại được nhiều. Còn tiếng nổ thì chúng đã quá quen. Có điều là những khẩu đại bác của Dobó nạp bằng những cục đạn nhỏ, khi bắn gần, mỗi phát quật ngã hàng chục – hai chục tên Thổ.

Bọn ionisa khiếp sợ lùi ra xa.

– Ném lửa vào chúng nó! Lửa! – Tiếng Gergely vang trên mặt thành.

Và những con cúi tấm hắc in bay lên đầu bọn ionisa mắc kẹt trên mái tháp. Bọn chúng luống cuống chống đỡ, nhưng súng của chúng đã bắn hết rồi, chúng không còn thì giờ nạp đạn nữa. Lửa cháy mỗi lúc một nhiều. Chúng kêu la inh ỏi, văng mình xuống khỏi mái tháp. Tên nào rơi ra ngoài là còn may phước, chỉ ắc một cái là gãy cổ thôi. Tên nào nhảy vào phía trong thành cũng chẳng múa may được lâu, bởi người ta đánh cho nát nhừ, đến xương cũng chẳng còn cái nào nguyên vẹn.

Chập tối và đêm hôm đó bọn Thổ tiếp tục tiến đánh ở mạn pháo đài đất.

Pháo đài Đất nổi dài với pháo đài Đá ở góc phía tây bắc thành phố. Chúng nó xới tung đất lên để hòng khoét ngách vào dưới chân pháo đài, nhưng ở đó tường thành đâu chỉ xây đến mặt đất. Tường nổi tường cắm sâu vào lòng đất đến hai chục sải, dường như trong những thời kỳ xa xưa người ta đã xây dựng tòa thành từ lòng thung lũng, và dường như nhân dân thời đại tiếp sau đó đã mang đất lấp bằng tòa thành cũ rồi mới dựng lên tòa thành mới của mình, cuối cùng dân của Thánh vương István đến và xây nên bức tường của tòa thành ngày nay chồng lên tường của hai tòa thành trước.

Dobó mau chóng nhận thấy rằng sự âm ỉ của cuộc công kích ban đêm của bọn Thổ chỉ cốt để thu hút sự chú ý của quân ta khỏi việc chất gỗ của chúng.

Ông phái một trung úy cùng hai trăm người đến chỗ pháo đài Đất, còn

những người khác cứ tức tặc với số lượng như thường lệ.

Kỵ binh Thổ không thấy xuất trận ở chỗ núi thùng, cũng không thấy có mặt trong trận công kích cái tháp. Có thể đoán biết trước là đến đêm chúng sẽ tiếp tục việc chở gỗ.

Giờ đây chúng nghĩ ra kế chở những cây gỗ to đến chứ không chở bồi nữa. Có bao nhiêu lạc đà, ngựa, bò, trâu và la trong trại giặc, tất thảy đều về đến chân tường thành lúc hoàng hôn, chở nặng gỗ tròn và gỗ xẻ.

Thoạt tiên bọn giặc chỉ đứng đằng sau những ụ đất đắp đối diện với tường thành mà ném bừa gỗ ra, sau đó, khi đồng gỗ đã tương đối có thể che khuất người chúng, chúng bắt tay vào việc xếp.

Hàng ngàn vạn bàn tay khuôn và xếp các súc gỗ tròn, các thanh gỗ xẻ chồng lên nhau. Thay cho công việc lặng lẽ của những đêm trước, đêm nay vang đầy tiếng gỗ chạm nhau côm cốp và tiếng đóng đinh chan chát ở khắp mọi phía. Chúng dùng đinh đĩa và xích sắt ghép chặt các thanh gỗ vào với nhau.

Một cái pháo đài gỗ đồ sộ đã ghép xong trước mặt pháo đài của Gergely, đỉnh của nó cách tường thành không đầy ba sải.

Bọn Thổ làm việc khéo léo: chúng xếp thế nào mà bao giờ gỗ cũng che khuất người chúng, và từ đằng sau lớp chắn cao một sải tay, chúng ném cả những cây gỗ tròn to qua phía hào nữa. Cái hào bị lấp đầy trông thấy, và quả núi gỗ cao dần lên bên cạnh tường đá.

Và mỗi lúc một vào gần tường thành!

Gergely lúc nhìn qua lỗ châu mai này, lúc nhìn qua lỗ châu mai nọ để quan sát công việc của kẻ địch. Cuối cùng chàng đi lên dây tường con chạch.

Chàng gặp Dobó ở đó. Người đại úy đứng đó, khoác cái áo khoác quen thuộc, dài đến ngang đầu gối. Đầu ông đội mũ sắt nhẹ, màu đen.

– Thưa đại úy, tôi muốn xin những đồng ngói gỗ mà chúng ta đã bóc từ các mái nhà xuống. – Gergely nói.

– Anh có thể sai người chở đi.

– Tôi còn xin mỡ bò, hắc ín và dầu.

– Cần bao nhiêu anh cứ lấy. Không có nhiều mỡ bò đâu.

– Cũng không sao. Nếu không có mỡ bò, tôi xin mỡ lợn ướp, thật nhiều.

– Mỡ lợn ướp à?

– Độ vài ba chục lườn. Có thể được bao nhiêu, tôi xin bấy nhiêu.

Dobó quay ra sau bảo Kristóf:

– Con chạy đi đánh thức Sukán dậy, bảo bác ấy xuất mỡ bò và bốn chục lườn mỡ lợn ướp ở trong kho thực phẩm ấy. Cho người mang ngay ra đây nhé!

Và chỉ sau đó ông mới hỏi: để làm gì thế?

Thì ra Gergely đã nghĩ ra được một mẹo: trong khi quân Thổ đang xếp gỗ thành đồng, chàng sai quân lính ném mỡ lợn ướp, mỡ bò và ngói gỗ xuống giữa những khúc gỗ và bó bối.

Quân Thổ không để ý đến việc đó. Trong thành người ta vẫn luôn luôn ném đủ mọi thứ lên đầu chúng: đá, xương xẩu, nôi đất vỡ, mè chết và các loại tương tự phút nào mà chẳng bay xuống giữa bọn chúng. Những miếng mỡ lợn ướp khổ rộng độ gang tay cũng chẳng nổi bật lên giữa bao nhiêu thứ khác. Nếu một tên Thổ nào đó có nhìn thấy, hoặc hẳn không hiểu thứ đó để làm gì, hoặc nếu hiểu, hẳn nhìn với vẻ ghê tởm^(*).

Gergely sai quân lính cắt mỡ ướp ra thành từng miếng rộng độ gang tay, chốc chốc lại ném xuống giữa đồng gỗ. Ngoài ra ngồi gỗ quang sơn dầu, mỡ bò, rơm cũng tới tấp bay xuống. Chốc chốc chàng còn sai ném xuống một vò sành ngoài bọc rơm. Những cái vò trát kín bùn, có dây thép giăng xung quanh. Trong ruột chúng là thuốc súng cùng những mẩu nòng súng đã nạp thuốc và rất nhiều những cục lưu huỳnh bằng đốt ngón tay một.

Dobó nhìn xuống phía dưới quan sát, ông bảo:

– Chừng chúng nó làm xong thì trời đã sáng. Kristóf, con hãy ngó qua bên chỗ Mekcsey xem anh ta còn thức hay không? Nếu anh ta còn thức, con bảo anh rằng ta đi nghỉ đây. Nếu anh ta đã ngủ thì cứ để cho anh ngủ. Sau đó con hãy đảo qua các vọng gác. Bảo với họ rằng hãy trông thấy giặc rục rịch chuẩn bị tấn công là phải đến chỗ tháp Góc báo cáo ngay. Anh không ngả lưng một lát ư, Gergely?

– Hôm nay không ạ. Tôi sẽ chờ đến sáng mai. – Gergely đáp.

– Còn Zoltay?

– Tôi đã bảo anh ấy đi ngủ để sáng mai còn có sức chỉ huy trên pháo đài.

– Khi nào pháo đài gỗ làm xong, anh thức ta dậy nhé.

Ông đi lên tháp Góc, ngả mình xuống một cái sạp của lính. Vô đồng Kristóf tốt gươm đứng trước cửa tháp. Đó là nghĩa vụ của vô đồng. Cậu bảo vệ con sư tử ngủ.

13

Đến rạng đông, cái pháo đài gỗ của bọn Thổ đã cao gần bằng tường thành, chỉ còn thiếu độ một sải rưỡi nữa thôi.

Gergely còn sai nạp thuốc súng vào hai cái nòng đại bác quét vôi. Chàng sai lấy gỗ nện thật chặt.

– Này, hai nòng đại bác này chẳng ngờ là còn được bắn một lần nữa! – Gã di gan nói.

– Biến cũ thành mới mà lị. – Một người lính nói.

– Nếu đã mới thì ta đặt cả tên cho nó nữa đi. – Gã di gan nói. – Cho một cái là *Lời Tỉ*, một cái là *Bồ Câu*.

Bởi vì tất cả các khẩu đại bác đều có tên riêng của nó.

Gergely móc một viên đạn chì ở trong túi ra, viết lên nòng đại bác nhỏ cái tên János, lên nòng đại bác to cái tên Éva. Chàng cấp hai cái nòng đại bác vào nách, đi lên pháo đài.

Bình minh mau chóng tuôn ánh sáng ra khắp bầu trời. Dưới kia trại giặc rậm rà rậm rịch: từ khắp mọi ngả, tiếng lịch bạch của những đội quân đã đến gần.

Gergely đánh thức Dobó dậy.

Quân lính đã cầm thương và cuốc chim đứng dàn cả trên mặt thành. Những tay súng kê nòng những khẩu súng mới nạp đạn lên những viên đá phủ trắng sương muối. Ba khẩu đại bác của pháo đài chúc nòng xuống phía dưới, còn hai khẩu đại bác ở chỗ cổng Tối lại chĩa nòng lên mặt thành.

– Châm lửa vào những vòng rơm tấm hắc ín và những cây gậy đầu đày, ném ra ngoài! – Gergely hạ lệnh.

Mọi người nhất tề làm việc.

Khi Dobó đến đó, bọn Thổ đã tràn đầy các dây đòi như kiến cỏ. Chúng vẫn còn xếp gỗ và đóng đinh giăng. Pháo đài gỗ đã cao bằng pháo đài trong. Chốc chốc chúng lại lao những thanh gỗ xẻ qua để lấp kín những chỗ hở giữa hai bức tường. Gỗ ở chỗ đó nhiều vô kể. Cả một rừng gỗ. Cái thành gỗ rất chắc chắn. Những cái mái di động phủ da bò sống thật trọng nhô lên trên mặt thành gỗ.

Những vòng rơm cháy không tác hại đến da bò, còn cái nào rơi ra chỗ khác, quân Thổ lấy chân đá hất đi.

Theo một hiệu còi lãnh lối, hàng trăm ngàn tiếng hét Bismillah (Nhân danh Thượng đế) rung động cả không trung. Quân nhạc Thổ réo vang. Cái pháo đài gỗ khổng lồ kêu rầm rầm dưới những bàn chân ào ạt xông lên.

– Allah! Allah!

– Jesus! Maria!

Từ dưới những cái mái di động, những cái thang ngắn nhanh chóng được đẩy ra để bắc cầu nối pháo đài gỗ với pháo đài đá.

Nhưng quân bên trong cũng đã đứng cả trên mặt thành. Hàng trăm vòng lửa nhất tề bay sang phía quân Thổ. Những bó rơm cháy và lưu huỳnh cháy phủ kín những cái thang, và ngói gỗ tấm hắc ín tiếp tục rơi trên rơm.

Toán quân Thổ đầu tiên muốn xông qua lửa cháy để vào thành liền đụng ngay vào mũi cuộc chim và ngọn thương. Những tên khác đã có gươm, cuộc chim, gậy đầu đày rực lửa và chùy xích tiếp đón.

Một tên Thổ mặt đầy đặn giương cao một lá cờ đại nhô lên mặt đồng gỗ

cách Gergely chừng ba sai tay. Khi toàn bộ cái đầu của hắn đã biến thành một cái mồm há ngoác trong tiếng thét Allah, Gergely chop lấy cái nòng đại bác nhỏ tổng thẳng vào mồm hắn. Còn cái nòng đại bác to, chàng ném xuống đồng lửa cháy ở bên dưới.

Quân Thổ bâu kín cái công trình bằng gỗ đồ sộ, và chắc chắn chúng đã xông qua cả đám lửa cháy nữa rồi, nếu một chuyện quái lạ không bất thành linh xảy đến, đó là tiếng súng và tiếng đại bác bỗng nổ vang lên từ phía dưới.

Những vò sành bắt đầu nổ bùng bực và bắn ra tứ tung những cục lưu huỳnh cháy. Tựa hồ như một quả núi lửa bỗng nhiên há miệng ngay dưới chân bọn giặc.

– Ôi, thôi chết! Chúng mày ơi! Cứu tao với! Ối, ối! Cứu với! – Quân giặc hoảng hốt kêu la.

Nhưng bọn giám trận không cho chúng nó lùi xuống.

– Chúng ta sẽ thắng! Đây là giờ phút chiến thắng! – Bọn giám trận thét lên đáp lại, và sai bọn lính còn ở bên dưới chạy đi lấy nước.

Bọn giặc dùng nước, binh khí, quần áo để cố cứu lấy cái công trình bằng gỗ bạt ngàn mà chúng đã tốn bao ngày đêm mới dựng lên được đó. Nhưng bấy giờ mỡ bò đặc và mỡ lợn ướp cũng đã bắt đầu chảy ra giữa những súc gỗ, và những cái vò mỗi lúc một bắn tung tóe lưu huỳnh ra với tốc độ mau hơn, làm bén cháy cả những súc gỗ to tày ôm.

– Ôi, chết rồi! Ôi, chúng mày ơi! Vượt qua lửa mà vào thành đi!

Bọn giặc không muốn tin rằng những cây gỗ lớn như thế lại có thể bốc cháy. Chúng tới tập chuyển nước đến bằng những bầu da, bằng những cái xô và các loại nồi niêu xoong chảo. Nơi nào lửa từ đồng gỗ bốc lên thành ngọn như hình đuôi ngựa là chúng mang nước đổ xô đến. Bọn chúng vừa

nhảy nhót một cách tức tối và kinh hoàng vừa dập lửa. Nhưng cả núi gỗ đã biến thành một giàn lửa khổng lồ. Chỉ đến lúc đó những mẩu nòng súng mới bắt đầu nổ loạn xạ, còn mỡ vừa cháy xèo xèo với ánh lửa xanh vừa bắn vọt vào mắt bọn chữa lửa. Hai cái nòng đại bác liên tiếp nhau gầm lên dữ dội, hất tung gỗ cùng bọn Thổ ở nơi nó nổ.

Thật là một cảnh tượng kinh hoàng, tức tối, đầy tiếng kêu thét om sòm như ở địa ngục!

Những tên ionisa không thể rút lui qua giàn lửa nổ loạn xạ ở sau lưng, cố sức hết đợt này đến đợt khác vượt qua cái cầu ghép bằng thang để thoát ra khỏi khói và lửa. Một đôi đứa tuyệt vọng nhảy lên mặt tường đá để rồi cũng trong nháy mắt đó lại ôm đầu máu mà rơi xuống. Những đứa khác lồng lộn nhảy nhót trên đỉnh giàn lửa và dùng binh khí quật vào những đầu gỗ bén lửa. Nhưng công việc đó thật vô ích! Bên tường thành giờ đây đã nổi lên cả một biển lửa, trong đó bao nhiêu tiếng nổ đã hợp lại thành tiếng gào thét của phong ba. Quân Thổ chỉ còn là những cái bóng ma quỷ nhảy nhót chập chờn trong ánh lửa. Quần áo chúng bốc cháy, râu ria chúng bốc cháy, tuyban chúng bốc cháy. Những tên Thổ đó đang trải qua cực hình địa ngục để lên cõi thiên đường với Mohamed!

Trên tường thành cũng nóng kinh khủng, đến nỗi người ta phải kéo những khẩu đại bác đi, và các dũng sỹ phải lấy nước giội vào những vị trí phòng ngự để gỗ ở đó khỏi bị cháy lây.

Bọn thương binh Thổ không thể nào cứu ra được, gào thét trong ngọn lửa dữ, bên kia biển lửa vang lên tiếng hò la điên cuồng của bọn giám trận, và người ta trông thấy từng đám hơi nước ngùn ngụt bắn vọt lên ở những nơi bọn Thổ nháo nhác vật vã cố sức dập tắt lửa lần cuối cùng một cách tuyệt vọng.

Lửa và khói đã ngăn cách hai đạo quân ra.

14

Nếu dùng gỗ không thành công, chúng ta sẽ thành công với đất! – Quân Thổ nghĩ.

Chúng đặt thành ngoài, vốn nguy hiểm cho việc chuyên chở, vào dưới tầm pháo; ban ngày chúng bắn phá rầm rầm, còn ban đêm chúng chờ bồi và đất đến. Mỗi lượt đất đắp lên chúng lại tưới nước cho dễ.

Gergely lo lắng trông thấy con đường mới không thể phóng hỏa mà đốt được ấy cứ mỗi ngày một cao dần lên về phía thành. Hàng trăm, hàng ngàn, toàn thể trại giặc sẽ theo đường đó mà lên.

Chàng lo nghĩ, đi ngược đi xuôi trong thành. Chàng nhòm ngó tất cả mọi đồng đồ nát, mọi đồng đá, mọi chuồng bò, chuồng ngựa, mọi hầm ngầm, mọi đồng đạn đại bác. Chàng gãi đầu gãi tai, và cứ lắc đầu hoài. Chàng đến cả chỗ đồng đồ nát của kho đồ thánh. Cuối cùng chàng dừng lại trong góc phòng thợ nguội. Ở đó, trước vô khối binh khí Hung và Thổ vứt thành đồng, có một cái bánh xe lớn đen kịt. Gergely nhận ra đó là bánh xe của một cái cối xay bị nổ tung.

Gã di gan đang ngồi trên cái bánh xe, ăn thịt luộc đựng trong một cái đĩa sành to. Gã tự vũ trang cho mình một cách ghê gớm. Chân đi đôi ủng ionisa màu đỏ tươi, lưng giắt đầy những thanh gươm cong sáng loáng, đầu đội mũ chiến bằng đồng thủng lỗ chỗ, có lẽ cũng là đồ của bọn Thổ. Gã di gan cảm thấy mình cũng là chiến sỹ, liền đứng dậy, ôm cái đĩa vào cánh tay trái, còn tay phải đưa lên chào. Rồi gã lại ngồi xuống với món thịt.

– Đứng dậy cái, anh bạn. – Gergely bảo gã. – Để ta xem cái bánh xe này.

Gã di gan đứng tránh ra.

Cái bánh xe còn khá lành lặn, chỉ bị gãy có hai nan hoa. Gergely đứng lên, ấn thử từng nan hoa một. Chỉ có một cái lúc lắc.

– Hừm, – chàng vừa đưa tay lên sờ cảm vừa nói.

Gã di gan cất tiếng hỏi:

– Có lẽ chúng ta định nghiền bọn Thổ chăng, thưa quan thượng úy?

– Đúng đấy. – Gergely đáp. – Các người xem chỗ nào lỏng lẻo thì tán đinh lại, nhanh lên.

Đám thợ nguội bỏ đĩa xuống, cầm lấy búa.

Gergely hỏi họ có thấy Dobó ở đâu không.

– Hôm nay ngài đến đây cả chục lần ấy, – một thợ nguội trả lời, – nhưng đã nửa giờ nay chúng tôi không thấy.

Gergely bèn đi tìm ông. Chàng đến tận pháo đài Nhà Thờ. Ông không có ở đó. Có lẽ ông đang ở đằng chỗ pháo đài Đất.

Chàng đang ngập ngừng bước đi chợt thoáng thấy một cặp mắt phụ nữ trong một khung cửa sổ của soái phủ. Cặp mắt đó từ trong nền tranh tối tranh sáng của căn phòng nhìn chàng.

Chàng giật thót mình, đứng sững lại, nhấp nháy mắt như muốn thấy thật rõ hơn.

Nhưng cặp mắt phụ nữ đã biến mất.

Gergely đờ người như hóa đá, nhìn chăm chăm vào khung cửa sổ. Một cảm giác ấm áp đặc biệt truyền khắp người chàng khi chàng thoáng thấy cặp mắt đó, khiến cho chàng đến hàng phút vẫn không thể nhúc nhích

được.

–Ồ, chuyện vợ vãn! – Sau đó chàng lắc đầu lẩm bầm. – Làm sao ta lại có thể nghĩ đến một chuyện như thế được!

Nhưng tuy vậy chàng lại nhìn lên lần nữa. Lần này chàng trông thấy mặt thẳng bé Thổ trong khung cửa sổ.

Dobó từ phía pháo đài Đất đi tới. Gergely vội vã đến gặp ông.

– Thưa đại úy, tôi muốn xin cái bánh xe cối xay. – Chàng nói, tay đưa lên vành mũ chiến.

– Anh lấy đi. – Dobó trả lời ngắn gọn và rẽ vào soái phủ.

Gergely đến nhà bếp, nơi quân lính đang ngồi trên mặt đất thành một hàng dài, ăn trưa với món đậu hầm thơm mùi dấm.

Chàng gọi mười người trong bọn họ, sai lẫn cái bánh xe đến chỗ pháo đài của chàng.

Nòng súng gỉ và gãy thì trong thành vô khối. Chàng sai nạp thuốc nổ vào những nòng súng đó, rồi lấy dây thép buộc chúng vào bánh xe, sao cho hai đầu nòng chĩa ra phía ngoài. Chàng lại sai lấy phoi sắt, lưu huỳnh, mỡ bò, hắc ín nhét chặt vào kẽ hở giữa các nòng súng, rồi lấy ván gỗ đóng ốp hai bên. Cuối cùng chàng sai đóng những chân đế rộng bằng gỗ vào khắp xung quanh bánh xe để có thể dựng đứng mà không đổ.

Tất cả quân dân trong thành đều đến xem cái máy hỏa ngục kỳ lạ đó.

Bản thân Dobó cũng đến nhìn ngắm một vài lần. Ông cho đặt một nòng súng cối vào chính giữa.

– Gergely, anh chỉnh cái này vào bên trong, sao cho nó nổ cuối cùng.

– Thưa đại úy, được ạ.

– Cần gì nữa không, Gergely?

- Nếu có thể được, tôi xin một ít thùng rỗng.
- Ở trong hầm rượu ấy à?
- Vâng.
- Có khối ra đấy, anh cứ việc cho mang ra.

Dưới kia, gò đất mỗi lúc một cao. Trong này mỗi lúc một nhiều thùng được chuẩn bị xong. Người ta nạp đầy các thùng cũng với cung cách như làm cái bánh xe. Người ta bỏ cả đá vào nữa, ở dưới đáy, trên mặt và xung quanh thùng. Đáy đóng thật chắc, chỉ chừa một lỗ cho dây ngòi thò lò ra.

Dobó có rất nhiều tu pháo – đến ba trăm khẩu. Tu pháo thực chất là những khẩu súng nòng to đặt vào tường, đạn lớn hơn quả hồ đào một chút là nạp không vừa nữa. Người ta gọi là tu pháo vì ở cuối nòng có một cái râu sắt quặp xuống. Sở dĩ cần cái râu sắt ấy là để nó giữ khẩu súng lại, vì mỗi khi bắn nòng súng lại nhảy giật lùi.

Dobó bèn cho nạp cả những nòng tu pháo cũ đã gỉ vào những cái thùng to. Người ta chuẩn bị độ chừng năm chục cái thùng như thế để tiếp đón bọn Thổ. Người ta đóng đai, buộc dây thép, đóng đinh thật chắc.

Còn bọn Thổ đêm đêm lại hăng hái đổ đất đắp con đường tiến quân thênh thang, đẹp đẽ lên pháo đài.

15

Một buổi sáng Gergely đang ngủ giữa các chiến binh của chàng thì bỗng người ta báo cáo với Zoltay rằng mặt nước xao động và hạt tiêu rung rinh ở trong góc chuồng ngựa.

Thế đấy, quân Thổ xảo quyết không chỉ lấp hào mà còn đào đường ngầm nữa!

Zoltay không cho phép đánh thức Gergely dậy, chàng sai quân đi gọi Mekksey.

Mekksey lập tức đến ngay. Anh sai đặt khay nước và cái trống ở mấy điểm, cuối cùng anh tìm được cái chỗ cần phải đào ở trong nhà xe.

Mười chiến sỹ được lệnh đào. Chốc chốc họ lại ngừng tay để đặt khay nước xuống quan sát.

Gần trưa Gergely tỉnh dậy, chàng lập tức chạy bổ đến chỗ đào hầm.

Các chiến sỹ đã làm việc dưới hầm sâu ba sải tay. Tiếng thỉnh thỉnh trầm trầm của bọn lagumji^(*) báo cho biết chúng đã vào gần.

– Ở kìa, ngài đại úy. – Gergely nói với Mekksey. – Đây là pháo đài của tôi chứ! Anh không chỉ huy ở đây.

– Thế tổ giải quyết không đúng à?

– Chúng ta hãy ngừng lại, không đào nữa!

– Để chúng nó hất tung tường lên ấy à?

– Để chúng nó khỏi nghe thấy tiếng đào của chúng ta.

– Cậu muốn làm thế nào thì làm, – Mekksey nhún vai đáp rồi rời khỏi

chỗ đó.

Gergely sai mang đến một khẩu súng cối. Chàng đích thân đặt đá lửa, đích thân nạp thuốc. Chàng lại gọi mười tay súng đến chỗ mình, rồi cho thổi tắt các ngọn đèn. Họ phục trong bóng tối. Tiếng thành thịch mỗi lúc một mạnh. Đã có thể nghe cả tiếng nói của tên võ quan cầm đầu.

Chốc chốc Gergely lại đặt bàn tay lên vách để xem chỗ nào rung rinh mạnh nhất.

– Suyt. – Chàng khe khẽ nói với các chiến sỹ. – Chúng nó đào xuyên qua bây giờ đây.

Trong nháy mắt đó, một cái cuốc chim bổ xuyên qua, đất lạo xạo rơi xuống chân Gergely.

Một lỗ hồng bằng chỗ thắt lưng hiện ra.

Tên lagumji dừng lại, nhòm vào.

Tối mịt. Hắn không thấy gì cả. Khi hắn quay lại, có thể thấy những ngọn đèn của chúng lấp ló bên kia, giữa những ngọn đèn là một tên aga đội tuyban trắng, đeo dây thao vàng, bụng phệ.

Tên lagumji kêu to lên là đã đến lỗ hồng. Nghe tiếng hắn kêu, tên aga quay về phía đó.

Gergely nhắm đích. Khẩu súng cối tóe lửa, nổ vang.

Tên aga ôm lấy bụng, ngã gục.

Gergely nhảy lùi lại, hô to:

– Bắn!

Mười chiến sỹ kê súng lên miệng hố. Đùng-đoàng! – Họ bắn bọn lagumji đang đạp lên lưng lên cổ nhau tháo chạy.

Các chiến sỹ trở về với ba chục cái cuốc chim và xác tên aga. Chỉ một

người ở lại dưới hầm với khẩu súng đã lên cò và với một ngọn đèn soi sáng miệng hố.

Họ đặt xác tên aga xuống bãi chợ trong thành, đặt chằng nhẹ nhàng gì đấy, khiến đầu hăn va cộp xuống nền đá, cái tuyban rơi ra. Nhưng giờ đây đối với hăn như thế cũng tốt rồi. Hăn là một người thấp, to ngang, râu cằm xám xám. Ba vết sẹo dài trên cái đầu hói chứng minh hăn đã phục vụ xứng đáng với chức aga. Phát đạn của Gergely đã xuyên vào bụng hăn. Một viên đạn nhỏ trúng ngực, chắc hăn do các chiến sỹ bắn.

Viên quản lý Sukán khám kỹ tuyban, đai lưng, các túi của hăn và ghi lại số tiền, số nhẫn, số binh khí tìm được trong người hăn. Số tiền và đồ vật đó được phân phát cho các chiến sỹ vừa phục vụ ở chỗ đường hầm.

Sau đó lão cho phép những kẻ tò mò được đến xem. Trước tiên dĩ nhiên là đám đàn bà đứng xúm lại xung quanh.

- Bọn này đi những đôi hia đỏ thế này cơ à?
- Chúng nó dùng dây buộc gấu quần lại các bác ạ.
- Tên này chắc là một tay giàu có lắm đây.
- Trung úy hay đại úy gì đó.
- Chẳng hiểu nó có vợ chưa nhỉ?
- Lại không hàng chục ấy à.
- Cũng chẳng đến nỗi xấu giai. – Mụ vợ bác thợ xay bột ở Maklár nói.
- Tiếc thay hăn lại là Thổ.

Zoltay cũng đi đến đó xem.

- Thế mà một mình tên aga này vẫn lọt được vào thành đấy!

Thằng bé Thổ bỗng ở đâu chui vào qua váy các mụ đàn bà và cúi xuống cái xác chết, mừng rỡ kêu lên:

– Baba! Babajizim! Baba! Sekerli babajizi! (Bố ơi! Bố yêu của con!
Bố! Bố thân yêu!)

Nó nằm gục đầu vào ngực xác chết, ôm lấy xác chết mà hôn. Nó áp má
vào má xác chết. Nó lay, nó cười, nó gọi:

– Bố ơi! Bố yêu của con ơi!

Mắt các bà đầm lệ. Balogh phu nhân nắm lấy tay thẳng bé mà bảo:

– Đi thôi, Szelim! Bố ngủ đấy!

16

Lúc bình minh, khi đạo quân Thổ trùng trùng điệp điệp lại xuất phát từ dưới thung lũng để tiến đánh thành, các chiến sỹ đã chuẩn bị kỹ càng, nhìn sự di chuyển của chúng với một khoái cảm phấn khích. Nỗi háo hức trả thù như lò xo căng lên trong đường gân thớ thịt của họ. Họ hầu như không thể chờ lâu được nữa. Một gã trai trẻ thấp lùn nhảy qua chỗ tường vỡ ra ngoài gò đất, đối mặt với quân Thổ đang lũ lượt tràn đến, vừa quát tháo vừa giơ gươm lên đe chúng.

Các chiến sỹ trên mặt thành tất nhiên đều cười vang.

– Ai đấy? – Zoltay cũng vừa cười vừa hỏi.

– Cậu Varga đấy ạ, – các chiến sỹ trả lời, – Varga János!

Gã trai nhảy trở vào, nhưng khi thấy mọi người cười vang, gã lại lao vọt ra lần thứ hai nữa và làm hiệu dọa đạo quân Thổ trùng trùng điệp điệp.

Lần này bọn tũphensi đã nổ súng vào gã, nghe tiếng súng gã nhảy trở vào còn nhanh hơn lần trước nữa. Thấy thế quân ta càng cười tợn. Dobó cũng đã trông thấy hành động đó. Ông gật đầu cho gã tỏ ý khen ngợi.

Varga János thấy vẻ thích thú của Dobó thì úi chà chà, gã nhảy vọt ra lần thứ ba nữa, và không thèm để ý gì đến những viên đạn, gã hiên ngang dậm dọa bọn Thổ đang hung hãn xông lên.

Đạn, thủ pháo, lao tua tủa bay về phía gã, nhưng không cái nào trúng đích. Gã nhảy nhót chế nhạo và lè lưỡi ra điệu chúng. Hơn thế nữa, gã còn bất thành lình quay mình lại và vỗ vỗ trên mình một cách rất chi bất lịch sự,

nhưng vẫn rất thích hợp trong trường hợp đó. Sau đó gã mới nhảy vào qua lỗ hồng.

Và việc đó đã xảy ra ngay trước mũi bọn Thổ! Trước hàng trăm ngàn tên Thổ sát khí đằng đằng!

– Đáng mặt nam nhi đấy! – Dobó gọi vọng xuống. – Người sẽ được nhận phần thưởng!

Thấy ở đó mọi việc đều ổn, ông lại lên ngựa phi đến cổng Cũ. Quân Thổ tập trung tiến vào sườn phía đông và phía nam thành. Tất cả sức mạnh của đợt công kích hướng vào hai chỗ.

Gergely mặc quần áo giáp đứng trên pháo đài. Quan chàng là những cái thùng và cái bánh xe khổng lồ.

Chàng đứng đó điềm tĩnh như quả núi đá bên bờ một biển cả gào thét.

Quân địch vẫn tiến tới, vẫn lũ lượt tràn tới. Tiếng la hét dậy trời: Nhân danh Allah! Nhân danh Allah! Tiếng thét xung trận một lúc lâu át hẳn dàn quân nhạc. Nhưng sau đó dàn quân nhạc dừng lại trên đồi Ghế Vua đối diện với thành và vang lên không lúc nào ngắt.

– Rồi tí nữa chúng mày còn được khiêu vũ nữa kia! – Zoltay quát lên.

Bởi vì tiếng nhạc thì thòm với tiết tấu kích thích như thúc người ta nhảy.

Đạo quân Thổ hung nhúc lướt tới. Những lá cờ đuôi ngựa, cờ thêu nửa vàng trắng bay phấp phới. Lá cờ nửa vàng nửa đỏ của bọn ionisa đi trước nhất. Phía sau là lá cờ nền xanh sọc trắng của bọn ulepheji. Bọn xpahi rầm rập tiến tới trong những bộ giáp sắt, người khuất sau những cái khiên dài đến gối.

– Allah! Allah!

Tay chúng cầm giáo hoặc cầm thương. Những thanh gươm trần treo đầu dây lủng lẳng ở khuỷu tay chúng. Ngang lưng chúng lại giắt một thanh gươm khác nữa. Từ dãy hào, bọn chúng dày đặc, ào ào chạy lên thành.

– Allah akbar! La illah! Il Allah! Ja fettah!

Để trả lời, một cái thùng đen lao xuống, vừa khạc lửa, vừa nhảy lóc cóc vừa lăn về phía chúng. Một tên xpahi cầm cây thương của hắn xuống đất đón đường cái thùng, tên thứ hai, tên thứ ba cầm thương xuống bên cạnh hắn.

– Allah! Allah!

Tên thứ tư vờn cái thùng định đẩy xuống hào. Trong nháy mắt đó, cái thùng nổ và những tia lửa của nó hất tung toán quân đi đầu.

– Allah akbar!

Đến khi chúng nó ngừng được đầu lên, cái thùng thứ hai cũng đã lao vào giữa bọn. Nó khạc và bắn lửa ra khắp mọi phía. Nó dừng lại giữa toán lính mặc giáp sắt đầy người và hất tung chúng nó lên.

– Allah! Allah!

Nhưng bọn địch không thể quay trở lại. Từ phía dưới hàng nghìn hàng vạn tên khác xông lên dẫm bẹp chúng nó. Chỉ có thể thấy cảnh nhảy nhót cuống cuồng; cảnh những tên ép sát mình vào tường, sự khựng lại của những tên đứng phía sau, cùng những tia lửa phụt ra dài hàng chục sải.

Tiến lên, quân dị giáo, tiến lên! Kể cả xông qua lửa bỏng! Và đội ngũ dày đặc của bọn xpahi lũ lượt xông lên.

Nhưng đây rồi, lớp tường con chạch trên pháo đài mở ra và một cái bánh xe gỗ khổng lồ, ám khói xuất hiện trên cao.

Phần giữa cái bánh xe bốc khói, bốc khói và rít xèo xèo. Cái bánh xe từ

trên tường đá lăn ra, lao xuống, lăn vào đoàn quân muôn ngàn tên dày đặc.

– Tiến lên, tiến lên! – Bọn aga và bọn iaxaun hò hét khắp nơi.

Nhưng sự xuất hiện của cái bánh xe lại nói với những tên gan góc đi đầu một điều khác.

Còn chưa đến chỗ bọn chúng, tia chớp đầu tiên đã từ cái bánh xe lóe ra cùng với một vòi lửa dài hàng năm chục sải, mỗi một giọt của nó sau khi bắn ra vẫn tiếp tục cháy với ngọn lửa xanh lè, bất kể rơi nhằm thẳng sống hay thẳng chết.

– Cẩn thận! Coi chừng chúng mày ơi!

Lớp đầu của đạo quân Thổ hoảng hốt nằm sấp mặt xuống để cho cái bánh xe ma quái kia lăn qua trên lưng. Nhưng khi đến giữa bọn chúng, cái bánh xe đã trở thành một vành lửa loe lóe liên hồi. Nó phụt lửa, khạc dầu cháy và những bông hoa lửa màu tím lên những cái đầu trọc, lên những bộ quần áo dã chiến. Nó vừa xèo xèo, lách tách, vừa ùng ùng lăn qua hàng ngũ chúng. Từ các nan hoa vãi ra, phụt ra, bắn ra những ngôi sao đỏ, xanh, vàng thành những tia ngoằn ngoèo.

– Allah cứu với!

Những toán địch dũng mãnh nhất cũng hoảng hốt tháo lui, đập lên nhau chạy trốn trước kỳ quan địa ngục này.

Và cái bánh xe, dường như có trí khôn và chủ định, theo sát gót những tên chạy trốn, đánh chúng ngã xuống, phụt lửa rừng rực cùng với dầu cháy, lưu huỳnh vào người chúng, làm súng của giặc Thổ nổ bắn lẫn nhau. Khạc đầy lửa vào mắt, mồm, tai, cổ chúng, đến nỗi những tên đang hấp hối cũng phải nhoai người mà tránh. Cái vành lửa tiếp tục lăn đi. Những lưỡi tầm sét lửa dài bay ra đánh ngã bọn giám trận, cả người lẫn ngựa. Những ngọn lửa dài cháy đến tận xương, khói của nó làm quân địch ngạt thở. Tiếng nổ rền

đình tai. Nó trùm lửa lên những toán quân trên đường nó lăn qua. Dọc đường nó đi không còn lại gì khác ngoài những tên quân quai trong lửa bỏng, những tử thi cháy sém, những tên còn sống bị bắt lửa nhảy nhót như một lũ phát cuồng.

Giờ đây đã khoác một lớp màn khói, cái bánh xe tiếp tục lăn đi, hất ra hàng trăm luồng chớp.

– Cứu với! Cứu với! Trời ơi!

Tiếng hò hét của bọn giám trận, ngọn roi có gai đánh vào mặt những tên chạy trốn đều vô hiệu tất, không còn kẻ nào dám ở lại tấn công thành ngoài nữa.

Đã thế, quân Hung còn xông ra khỏi những chỗ tường vỡ, bám vằm không thương xót những tên nằm ẹp xuống hai bên đường để tránh bánh xe, hoặc đang bủn rủn chưa chạy kịp.

– Quay về! Quay về! – Tiếng kèn rúc lên.

Khó khăn lắm Gergely mới buộc được các chiến sỹ của chàng quay về.

– Đưa thùng gỗ lên mặt thành! Đưa thùng gỗ lên!

Các chiến sỹ lăn thùng gỗ lên dựng trên mặt thành. Nhưng phần còn lại của đạo quân Thổ đã ào ào, hỗn độn rút khỏi chỗ đó. Chỉ những khẩu đại bác còn đứng lại cùng bọn tốp si sừng sốt sừng sờ.



May mà Mekcsey đã bỏ chỗ đào hầm vừa rồi quay về vị trí, nếu không, ở chỗ cổng Cũ quân địch đã lọt vào ba nơi theo đường ngầm khác.

Trong khi ở đằng này cái bánh lửa lao vào đánh địch thì dưới nền đất cổng Cũ, cuộc chiến đấu cũng đang diễn ra. Ở đó tường thành đã sụt lở đến nỗi quân Thổ có thể chọc thương và giáo vào qua những kẽ đá hở, quân Hung thì chọc ra. Mekcsey ra lệnh cho đào hầm đối diện với đường ngầm của địch và đuổi chúng chạy dài ở cả ba nơi.

Cuối cùng quân Thổ phóng hỏa đốt cổng, để muốn qua đó mà đột nhập vào thành, nhưng tất nhiên chúng đã gặp phải một lớp tường dày, kiên cố ở đằng sau cánh cổng. Mekcsey đã sớm cho đắp lớp tường đó.

Khi thấy quân sỹ xuất kích và quanh mạn pháo đài của mình, quân địch đã hốt hoảng bỏ chạy, Gergely sai lấy những tấm da nhúng nước phủ lên các khẩu pháo và những thùng thuốc súng, để lại mười người đứng gác, còn bao nhiêu chàng dẫn sang cổng Cũ để giúp Mekcsey.

Nhưng ở đây cũng không còn việc gì để giúp nữa.

Nỗi kinh hoàng của bọn Thổ ở đằng kia tác động đến cả mạn cổng này. Trong số những lữ đoàn đưa đến đây chỉ có bọn pháo thủ đứng vững. Bọn này đứng vòng quanh cổng mà bắn, rồi lại nạp đạn, lại bắn liên hồi.

Trên mặt thành, náu mình dưới lớp tường con chạch, những người lính canh vẫn đứng gác, chỉ có một toán chiến sỹ đi lại lom khom dưới công sự. Thỉnh thoảng họ đâm giáo qua những kẽ hở trên mặt tường.

Gergely chạy lên mặt thành, nấp sau một cái khiên, nhìn xuống. Chàng trông thấy một toán lính Thổ rục rịch sát trong chân tường, từ trên cao cũng như từ hai phía sườn không thể bắn vào chúng được.

Các chiến sỹ Hung đâm ra, nhưng, hoặc chúng nép ở nơi không có kẻ

hở, hoặc chúng ngồi xồm xuống. Một số đứa mang bao tải, một số đứa mang đá. Bọn chúng dùng bao tải và đá hòng bịt kín những lỗ châu mai khiến các chiến sỹ Hung không thể bắn ra được. Vì vậy các chiến sỹ Hung từ bên trong đẩy những vật đó ra, thỉnh thoảng còn nhắm đâm bọn Thổ. Còn bọn Thổ mỗi khi thấy một ngọn giáo Hung đâm ra, chúng chớp ngay lấy, rồi cả hai ba đứa xúm vào giằng. Hai bên cò cưa một lúc, sau đó chúng giật cây giáo ra.

Người chiến sỹ Hung chửi rủa.

– Ê! Lửa kia kìa! Hơ ngọn giáo vào lửa ấy! – Gergely gọi vọng xuống chỗ toán lính.

Một đồng lửa đang cháy bên chân tường. Cả vài chục người lính nhảy vội đến chìa ngọn giáo vào đồng than hồng. Họ nung cho đến lúc đỏ lên.

Quân Thổ sẵn sàng đoạt giáo, vừa nhăn nhó cười vừa rình những ngọn giáo mới.

Cùng một lúc hai chục ngọn giáo từ trong tường đâm ra.

Quân Thổ chớp ngay lấy! Đã hẳn là tay chúng bị nướng xèo xèo. Đáp lại tiếng chửi rủa điên khùng của chúng là tiếng cười khoái trá của các chiến sỹ Hung.

17

Mười hai tháng mười. Thứ tư.

Ngày hôm đó tường thành đã giống như một cái sàng.

Đã ba mươi hai ngày nay kẻ địch bắn không ngừng không nghỉ, lúc ở mặt trước, lúc từ mặt sau, lúc ở phía này, lúc ở sườn bên nọ.

Đạn đại bác Thổ rơi vào thành đã nhiều đến nỗi đi đâu cũng vấp phải chúng. Đám nông dân dùng chổi buộc bằng cành dương quét thứ đạn nhỏ sang hai bên lề đường để mỗi khi có đợt công kích, quân ta khỏi ngã vì đạp phải chúng. Còn thứ đạn lớn người ta vác lên chỗ các khẩu pháo.

Giữa pháo đài Mới và pháo đài Đất, một chỗ vỡ hình chữ V há miệng toang hoác trên tường. Một cạnh tường của pháo đài Nhà Ngục đổ xuống hào sâu. Pháo đài Đất chỉ chít những lỗ, chả khác nào cái tổ ong. Tháp Bolyky chỉ còn hai bức tường. Tháp Góc trông như một cây gỗ mục đổ úp ngọn xuống đất. Dãy tường con chạch chỉ còn lại từng quãng. Những ngôi nhà trong thành cái đổ ra phía ngoài, cái đổ vào phía trong, hoặc chỉ còn là những khung tường mất mái. Trong soái phủ chỉ còn đúng ba buồng có thể ở được, nhưng cũng bị mưa hắt. Bãi chợ cũng đã đổi khác, những đường hào sâu hàng sỏi tay chạy dọc chạy ngang. Mỗi khi quân Thổ bắn, người ta phải đi dưới hào, lúc thường thì đi qua trên những thanh xà bắc ngang bên trên làm cầu.

Bầy sói dữ vẫn gào rú ở bên ngoài.

Giờ đây giữa ban ngày người ta cũng phải vá lại tường. Những cây gỗ

thanh và những tấm gỗ xẻ lấp các lỗ hổng lại được chùng nào hay chùng ấy. Đá chỉ còn đủ để làm vật tựa ở đằng sau.

Ở chỗ cổng Cũ, Mekcsey cũng thân hành vác đá. Chàng khích lệ những người mỗi mệt và luôn nhắc Thượng đế xuống giúp rập. Có thể thấy trước là ở nơi đó cuộc công kích sẽ dữ dội lắm. Khi thì Dobó, khi Gergely, khi Mekcsey kiểm tra lại tường thành. Cả ba đều thấy rằng tháp Góc không còn bảo vệ được cổng thành nữa, cần phải có nhiều thủ pháo. Vì vậy họ ra lệnh cho mang thủ pháo lên để đầy các giàn gỗ. Những tay súng thiện xạ được bố trí vào những kẻ hở.

Gergely cho chế nhiều vòng rơm tấm nhựa đường, hỏa hổ và thủ pháo rồi sai mang đến khắp mọi nơi.

Zoltay xây dựng trên pháo đài Sándor.

Fügedi sai lấy xích buộc giăng những chỗ vỡ trên pháo đài Mới.

Dobó cưỡi ngựa lúc đến chỗ này lúc đến chỗ nọ. Người ta đã chữa lối đi cho ngựa của ông quanh chân tường, dưới những giàn gỗ. Tuy vậy ông vẫn thường phải đi giữa những làn đạn bay tới tấp. Ông xem xét, sai phái cho nhịp độ của công việc được đều đặn. Võ đồng Balázs cưỡi con ngựa giống Thổ còn lại cuối cùng theo sát gót ông để truyền những mệnh lệnh của đại úy. Bảy con ngựa khác đều đã bị bắn chết ngay dưới mình hai võ đồng.

Ngày hôm đó Pető cũng lên ngựa. Chân anh phải bó đến tận đầu gối. Da mặt anh xanh mét, những bộ ria kéo dài ra. Mekcsey chiến đấu thay anh ở cổng Cũ, bây giờ anh thế chỗ Mekcsey bên đội quân dự bị trong thành.

Lúc chỗ này, lúc chỗ khác, anh nói với quân sỹ bằng cái giọng trầm sang sảng:

– Quân Thổ đến đây đã ba mươi hai ngày! Ước gì chúng nó cứ ở lại

mãi đây cho đến lúc tên cuối cùng cũng được chúng ta cho về châu âm phủ! Viện binh nhà vua chậm trễ nhưng thế nào cũng đến! Cả thế giới đang nói về lòng dũng cảm của chúng ta! Cả đến trăm năm sau người ta vẫn còn dùng chữ Eger để thay tính từ dũng cảm.

Thấy có đông người xúm quanh chàng dũng sỹ hùng biện, Dobó cũng dừng lại một phút để nghe xem anh ta nói gì.

Nghe đến câu cuối cùng, ông mỉm cười; ông tư lự nói với Cecey đứng bên cạnh:

– Trăm năm sau ư? Thế gian còn nhớ gì đến mặt mũi chúng ta nữa!

Điều đó ông tự nói với mình hơn là nói với Cecey. Và dường như thấy xấu hổ vì đã nói cái ý nghĩ đó ra, ông nhún vai:

– Thế nào cũng được. Cái chính không phải là mặt mũi mà là tâm hồn, không phải phần thưởng mà là nghĩa vụ!

Nói đoạn ông thúc ngựa về phía pháo đài Sándor.

Các chiến sỹ còn tiếp tục say sưa vì lời nói chứa đựng nhiều điều tốt đẹp ấy. Không có họ vẫn đứng vững ở vị trí của mình, nhưng lời nói hay cũng giống thứ rượu vang hảo hạng.

Petó đẩy lệch cái mũ sang một bên, nói tiếp:

– Rồi cả nhà vua cũng đích thân đến đây nữa cho mà xem! Người sẽ ra lệnh cho các dũng sỹ Eger xếp hàng và bắt tay từng người một. Người tên là gì? Nhà vua sẽ hỏi. Tôi hoàng thượng, tên con là Nagy János ạ! Tôi bệ hạ, tên con là Szabó Nagy Mihály ạ! – Cầu Thượng đế phù hộ cho người, con ạ! Nhà vua sẽ vui vẻ, hài lòng mà nói vậy. Nhưng các người cũng xứng đáng với điều đó lắm. Ta còn nghe nói từ nay về sau hoàng thượng chỉ chọn sỹ quan trong số những chiến binh đã tỏ rõ lòng dũng cảm ở đây! Tất

cả mọi lính trơn đều trở thành trung úy sau cuộc vây hãm này, ta nghe nói như thế đấy. Rồi có thể là đại úy nữa cũng nên! Suy cho cùng, đối với hoàng thượng tốt nhất cũng là người lính đã đứng vững trước thử thách.

Anh nhìn qua một bên, trông thấy gã di gan đang nhảy lên như con dê vì một viên đạn vừa rơi đập xuống trước mặt gã.

– Đây, di gan, – anh bảo gã, – người thì ngay đến danh hiệu quý tộc cũng chưa được phong. Đến một tên Thổ thôi người cũng chưa đập chết được.

– Thì con biết làm thế nào được? – Gã di gan đáp. – Chẳng có lấy một đứa nào đến chỗ con đứng cả, đấng Devla vật chết chúng nó đi!

Lúc trời gần tối, một tên Thổ cầm khăn trắng xuất hiện bên một kẻ hở. Người ta nhận ra Vas Miklós và lập tức kéo anh ta vào, lôi đến chỗ Dobó.

Đọc đường hàng trăm và hàng trăm cái miệng hỏi anh:

– Có tin gì đấy?

– Viện binh đến đấy! – Miklós kêu to ra tứ phía.

Tin mừng đó lan đi trong thành như một tiếng reo:

– Viện binh của nhà vua đến!

Thực ra thì Dobó đã dặn Vas Miklós khi vào thành phải nói như thế.

Vậy là đại quân đến! Ngài thượng úy Pető nói thế mà đúng!

Đến trước Dobó, Vas Miklós bỏ tuyban ra, mở lớp vải lấy lá thư đưa cho Dobó.

Dobó nhìn dấu niêm phong. Lá thư của đức giám mục. Ông xé phong bì ở chỗ cạnh dấu niêm và mở lá thư với bàn tay bình tĩnh. Ông ngồi trên lưng ngựa, quân dân kéo đến xung quanh. Trong khi ông đọc bức thư, quân dân cố dò nội dung của bức thư đó qua nét mặt ông. Nhưng nét mặt ấy cứ

như gang thép. Khi ông bắt đầu, nét mặt cũng như khi đã đọc xong.

Ông gấp bức thư lại, bỏ vào túi, đoạn nhìn quanh như thể ngạc nhiên vì thấy người ta đứng xung quanh đông đến thế. Trong số các thượng úy chỉ một mình Petó có mặt ở đó. Ông nói với anh cốt để những người khác cũng có thể nghe:

– Tối nay tôi sẽ cho mời các ngài trung úy. Tôi muốn báo cho họ một tin đáng mừng.

Đoạn ông đi vào buồng riêng, đóng cửa lại.

Ông ngồi xuống ghế. Những nét bình thản như gang thép trên mặt ông trở thành những nét buồn bã. Ông nhìn trân trân ra phía trước, cay đắng và tuyệt vọng.

Hôm đó Dobó còn nhận được một bức thư khác nữa. Một nông dân đã mang nó đến. Bức thư màu trắng trong tay gã chứng tỏ bọn Thổ phái gã đến. Đó là sứ giả thứ tư của pasa Ali.

Quân dân trong thành đã biết Dobó vẫn đối xử cộc cằn với những kẻ đưa thư của bọn Thổ, vậy cứ để ông tiếp gã trên bãi chợ. Và họ dẫn người đưa thư đến đó.

Ban đêm trời đã lạnh, những người lính đến phiên nghỉ đốt lửa sưởi trên bãi chợ. Họ nướng mỡ ướp và chiêu bằng một vài cốc rượu vang pha nước lã.

– Tốt hơn hết là bác hãy đốt nó đi trước khi ngài đại úy trông thấy. – Một chiến sỹ thương tình bảo người đưa thư. – Nó chẳng đưa lại may mắn cho bác đâu.

– Tôi đốt thế nào được. Có phải của tôi đâu.

– Nhưng bác đã mang nó từ chỗ quân thù đến đây.

– Ai gửi thì tôi mang từ chỗ kẻ đó lại.

– Người ta sẽ treo cổ bác.

– Treo cổ tôi ấy à?

– Chứ còn ai nữa? Ngài đại úy đã sai treo cổ cả một ông trung úy của chúng tôi đấy. Thế mà ông ta là quan cơ đấy, lại con nhà quý tộc chứ không phải loại nông dân cục mịch như bác đâu.

Cái giá treo cổ còn đứng trên bãi, người lính chỉ tay về phía đó mà bảo:

– Kia kia: cái giá treo cổ vẫn còn đấy.

Gã nông dân hoảng sợ, vã cả mồ hôi. Gã gãi quanh cái đầu rồi thò tay vào bị.

Vừa lúc đó Dobó phóng ngựa tới:

– Cái gì thế? Người này là ai? Người muốn gì?

Gã nông dân ấn cái bị vào trong áo choàng lông, vừa lúng túng xoay cái mũ vừa đáp:

– Con là Kovács Esvány, con hôn bàn tay ngài.

– Người muốn gì?

– Con ấy ạ? Con không muốn gì cả ạ.

– Thế người vào đây làm gì?

– Chả là... Con chỉ vào cốt để hỏi xem quân ta làm gì trong cơn hoạn nạn này?

– Người đã mang thư vào phải không?

– Không ạ. Con không mang một mẫu thư nào đâu ạ.

Thấy Dobó vẫn như nhìn xuyên qua người gã, gã vừa lau trán vừa nhắc lại:

– Trời bảo con cũng chẳng mang vào.

– Hãy khám người nó xem!

Gã nông dân tái mặt, phục tùng. Bức thư bằng giấy pergamen^(*) có con dấu niêm to tướng được lôi ra khỏi bị.

– Ném vào lửa! – Dobó quát.

Người lính quăng bức thư vào đồng lửa.

Gã nông dân run lấy bầy, gã vừa gãi đầu vừa chối:

– Con không biết làm sao nó lại ở trong người con. Kẻ nào đó đã bỏ vào...

– Gông cổ lại! – Dobó ra lệnh. – Rồi đưa cái đồ khốn kiếp ấy vào chỗ bọn kia.

18

Vì đại bác nã nhiều quá nên hôm đó (12 tháng mười) trời cũng mưa. Mãi đến tối, khi gió thu lùa mạnh trên khắp vùng, những đám mây mới tản đi.

Quân dân trong thành thấy bọn Thổ đã tập trung đằng sau các ụ chướng ngại. Dobó chỉ cho ba trăm chiến sỹ đi nghỉ, còn tất cả những người khác đều phải sẵn sàng quanh những chỗ tường vỡ.

Khoảng mười một giờ đêm, đám mây cuối cùng cũng bị gió đuổi ra khỏi bầu trời. Trăng rằm tắm Eger trong ánh sáng vắng vặc gần như ban ngày.

– Cầm lấy vũ khí, bà con ơi! – Tiếng kêu bỗng nhiên đồng thanh vang lên từ khắp mọi phía trong thành. – Cả thường dân cũng cầm lấy vũ khí!

Lời cấp báo vang trên mặt trống.

Vậy là sẽ có cuộc công kích ban đêm. Dậy đi, hỡi tất cả những ai còn có thể nhúc nhắc!

Và những hình thù đội mũ sắt, cầm giáo từ sau những đồng đồ nát tràn ngập ánh trăng chui ra ở khắp mọi nơi.

Giáo sỹ Bálint cũng vũ trang đầy người, đi vào giữa đám quân dự bị ở bãi chợ. Tay ông cầm một cây thương to đến nỗi giá có đem làm cọc thủng xe cũng vừa. Hai người chủ quán cũng đã sắp hàng ở đó. Những người thợ xay bột, thợ mộc, đồ tể, những nông dân phục vụ trong thành, tất cả đều bình khí trong tay sẵn sàng đợi lệnh.

Quân dân trong thành cảm thấy giờ thử thách cuối cùng đã đến.

Ngoài kia tiếng trống đồng Thổ Nhĩ Kỳ cũng đổ dồn. Quân Thổ lũ lượt đổ vào các dãy hào đẳng sau các ụ đất như nước lũ sau cơn dông. Những lá cờ đuôi ngựa phấp phới trên thác người. Thỉnh thoảng có thể trông thấy bọn võ quan Thổ đội mũ nhọn cười ngựa đi đi lại lại bên ngoài các ụ đất. Những viên đá quý và các thứ vàng bạc nạm trên yên cương lấp lánh dưới ánh trăng. Nhiều tên còn quấn khăn tuyban xung quanh cái mũ sắt bóng loáng. Bọn giám binh đội tuyban cao nghều nghện, phóng ngựa từ chỗ này sang chỗ khác để bố trí các toán quân tấn công.

Nửa đêm, những khẩu đại bác Thổ chớp lửa quanh thành và giữa tiếng gầm kéo dài hàng bốn năm phút, chúng khắc đạn lên thành. Sau đó, từ khắp mọi nơi mọi hướng, từ hàng trăm ngàn cổ họng, dậy lên tiếng thét *Bismillah* và *Allah*, những lá cờ đuôi ngựa gần như bay lên các mặt thành.

Trước cổng Cũ và trên mặt thành có đến ba mươi đám cháy. Hỏa hổ, vò nồi thuốc súng và những vòng rơm xèo xèo bén lửa. Hàng trăm cầu vòng lửa bung ra thành những vòng cung lớn loe lóe trên không.

Nhưng bọn tấn công vẫn liều mạng xông lên, chúng dốc sức bám bấu, đẩy nhau lên mặt thành. Những đoạn thang nhanh chóng nối nhau lên. Bọn ionisa, bọn axap và bọn kỵ binh đã phiên chế thành bộ binh thoăn thoắt leo lên thang như một bầy sóc.

Trên mặt thành cuộc chim bồ chan chát lên đầu mấu thang. Và lửa và đá rơi xuống tới tấp.

– Allah akbar! Ja kerim! Ja fettah!

Những lá cờ đuôi ngựa lả tả rơi trở xuống, nhưng những bàn tay mới lại chộp lấy giơ lên. Thang tốt thế ngay chỗ thang gãy. Đạp qua thi thể còn quần quai của những tên ngã xuống, những toán quân mới lại ùa lên thang.

Bọn chúng xông lên dày đặc đến nỗi che kín cả mặt tường. Ở kẻ hở nào có ngọn giáo Hung đâm ra, y như rằng ở đó một tên Thổ rơi xuống khỏi thang, nhưng lập tức đã lại có ngay tên khác thế chân. Nó cũng chẳng tránh cái bậc thang nguy hiểm kia nữa, nhát dao sắp tới sẽ chọc vào bụng nó hay sẽ trượt qua dưới nách, chuyện đó nó hoàn toàn phó mặc cho may rủi.

Thành đã không còn cổng nữa. Bọn Thổ đứng trên thang dùng búa bổ như mưa lên các thanh gỗ đóng ngang ở những chỗ vỡ trên tường. Những tên từ trên cao rơi xuống đôi khi cuốn theo cả bọn dùng búa này, chúng lăn lộn, quần quai trong máu lửa cho đến khi những tên khác xông lên che khuất chúng.

– Allah akbar! Ja kerim! Ja rahim!

– Jesus!

Và những hỏa khí lại tới tấp bổ xuống đầu giặc: cuốc chim chan chát, hỏa hổ đi đùng, thang kêu răng rắc, búa vung vùn vụt; cơn bão máu lồng lộn gào thét.

Cùng một lúc, khoảng năm chục tên địch đã cố lên được đến ngang lớp tường con chạch. Lớp tường kêu răng rắc, ngã ra phía ngoài. Mekksey giật lấy cây mã tấu trong tay một chiến sỹ, chém xả một sợi dây giăng. Đoạn tường đổ ra, lăn nhào xuống cùng với những tên lính thiết giáp Thổ bám vào nó, và quét khỏi mặt thành hàng trăm tên khác nữa.

– Lên mặt thành! Lên mặt thành! – Mekksey kêu to rồi chính anh cũng nhảy lên mặt thành với một cây thương dài chừng sáu thước.

Những tảng đá vuông lớn và những quả đạn gang nặng hàng nửa tạ do các bích kích pháo bắn vào, rơi tới tấp lên bọn Thổ lúc nhúc hỗn độn dưới chân thành.

Nhưng từ bên dưới, tên và đá cũng vun vút bay lên. Máu chảy qua lưới che mặt của Mekksey.

– Ngài đại úy! – Người ta gọi để lưu ý chàng.

– Lửa! Ném lửa xuống! – Mekksey hét và dùng đôi giày sắt hất một đồng than hồng xuống bọn Thổ lăn lộn dưới chân thành.

Người Hung cũng gục ngã trên mặt thành, người rơi ra ngoài, người ngã vào trong. Nhưng giờ đây người ta không còn nhìn xem người tử trận là ai nữa. Một người vừa ngã xuống, người khác đã nhảy lên thay và lại dùng tay dội đá, dội đạn đại bác xuống chừng nào những cái thang chưa đầy người trở lại, đến lúc đó thì phải dùng cuốc chim và chùy mà đánh bật trở lại những tên Thổ đã lên đến ngang mặt thành.

Trên pháo đài Đất, cuộc chém giết cũng khốc liệt không kém. Dobó chỉ huy việc phòng vệ ở đó. Khi quân Thổ đã vượt qua cả địa ngục của hỏa hổ và những vòng cháy, ông cho đem những rầm gỗ đến đặt trên mặt thành. Ông bảo quân sỹ dùng những rầm gỗ đó mà quét bọn Thổ.

Những phút nghỉ ít ỏi nhờ vậy mà có được, ông dùng để lên ngựa phi đến chỗ cổng Cũ xem ở đó quân ta chống cự ra sao. Khi phi ngang pháo đài Nhà Ngục để trở về, thấy ở đó cuộc tấn công đã ngừng, ông bèn gọi quân sỹ ở pháo đài Nhà Ngục sang pháo đài Đất. Những người ở đây cũng đã chú ý về phía pháo đài Đất từ lâu. Tất thấy đều đã háo hức chờ dịp được khoa gươm múa kích. Họ đứng lên lớp tường con chạch, tựa vào tường, kiễng chân trên cổ pháo để nhìn sang cuộc xung đột bên pháo đài bạn. Vì vậy khi nghe Dobó gọi, họ gần như nhảy cẫng lên mà ùa sang pháo đài Đất.

Thế nhưng trong lúc đó quân Thổ cũng đã lại bắc thang lên pháo đài Nhà Ngục. Đầu tiên chỉ hai, ba cái, sau đó đến mười, mười lăm cái. Vì từ trên thành không có lửa cũng chẳng có đá ném xuống, quân giặc vun vút

lao lên.

Khi lão Sukán, đứng trực trên thành, quay người lại, đầu của một tên Thổ đội mũ sắt cũng vừa nhô lên.

– Chà, bố mày chứ! – Lão rú lên rồi bất thành linh cảm thương lao tới. Cây thương vẽ một vòng lên trời rồi bổ xuống đầu tên Thổ, hấn rơi xuống khỏi thang cùng với chín mười tên khác nữa.

– Lại đây, lại đây! Ới bà con ơi! – Lão Sukán hét to và lại đâm túi bụi vào toán địch trên một cái thang khác.

Pribék János là người đầu tiên chạy đến tiếp ứng cho lão, và người pháo thủ này quật cả cái ghế của người thợ đóng giày vào giữa mặt một tên Thổ cầm cờ đang bước lên.

Người lính đứng gác dưới chân pháo đài vội chạy đi xin cứu viện. Hai phút sau Pető đã có mặt ở đó với một toán quân đã nghỉ ngơi, và những vò nẹp thuốc nổ, đá, hỏa hổ lại bay xuống đầu bọn quân tấn công.

Dobó cũng hướng chú ý sang bên đó. Ông thấy lá quốc kỳ đã bị đạn bắn gãy cán, bèn sai đem lá cờ của đội quân dự bị đến và trao cho Nagy István.

Trời lúc đó đã ràn rạng.

Trong ánh sáng màu hồng của buổi bình minh, Nagy István cầm lá cờ lao lên. Trên người anh không có áo giáp cũng không có mũ sắt, tuy vậy anh vẫn lao lên lan can của pháo đài, tìm cái cọc sắt để cầm cờ.

– Đừng cầm ra đấy! – Dobó gọi anh. – Chúng nó có thể cướp mất!

Trong nháy mắt đó Nagy István ôm lấy ngực. Anh quay một vòng rồi ngã xoài lên mặt thành, bên cạnh khẩu đại bác.

Dobó bắt lấy cây cờ đang như một cánh chim bay về phía ông và đưa

cho Bocskay:

– Cầm lấy, con!

Trong ánh bình minh, ở pháo đài Bolyky cuộc công kích cũng bắt đầu. Ở đó quân địch xông lên theo sau tám lá cờ. Ánh mặt trời hồng mới mọc đã biến những quả thao vàng trên cán cờ thành những quả cầu hồng ngọc đỏ rực.

Tại pháo đài này quân địch đã bao lần bị xơi đòn chí tử đến nỗi chỉ còn bọn ionisa, những con hổ già dặn nhất, trải nhiều thử thách nhất của các đạo quân, là còn dám liều lĩnh xông lên. Đầu chúng đội mũ sắt, mặt và cổ đeo chàng mạng bằng lưới thép, ngực và tay đều mang giáp sắt, chân đi ủng da màu đỏ tươi.

Gergely và Zoltay đều sẵn sàng ở đó. Suốt đêm qua họ đã phải thức mà không được làm gì cả, đã phải ngồi yên mà nghe tiếng náo động của trận tấn công lớn, rực lửa bên các pháo đài khác.

Được, trời sáng lại càng tốt.

Khoảng hai trăm tên axap xếp hàng trước pháo đài với những bầu đầy nước. Mặc kệ: hễ chạm được đến đầu chúng thì cứ tuôn lửa xuống.

Ở đây quân Thổ không bắt đầu bằng thang. Khi quân bảo vệ đã lên cả trên mặt thành, ở dưới kia hàng ngàn cánh tay nhất tề cử động, một cơn mưa đá và tên bao phủ lấy những người giữ thành.

Zoltay bị một hòn đá trúng đầu. May mà anh đội mũ sắt. Hòn đá chỉ làm gãy cái khóa gài quai mũ. Anh chửi ầm lên, vừa quát vừa giật cái quai xuống:

– Được, quân cầu trệ, chúng mày cứ liệu thần hồn! Vì món này, hôm nay tao sẽ đập nát một trăm cái mũ của chúng mày!

Và chỉ chưa đầy mười lăm phút sau, tiếng quát tháo của anh đã lại sang sang:

– Này, đồ dị giáo, vì cái mũ của tao.

Rồi với một tên khác:

– Này, quà ném thử từ Eger.

Một cái mái to bằng da bò từ trong trại quân Thổ tiến ra nom thật lạ lùng. Năm chục tên axap chỉ mới gọi là đủ để khiêng nó. Hai trăm tên inoisa nấp vừa bên dưới mái.

Gergely gọi đem thùng cháy đến và châm lửa vào cái dây ngòi tẩm dầu quấn quanh một que sắt nhỏ.

Cái mái khổng lồ như một con rùa bò đến tường thành. Dù người ta có dùng cuộc chim phá được lớp da đi nữa thì đến khi đốt được nó, bọn Thổ cũng đã lên đến mặt thành. Chưa kể còn vấn đề là có thể đốt được nó hay không? Không chỉ lớp da ướt sũng nước mà cả khung gỗ cũng vậy. Quân Thổ đã rút kinh nghiệm.

Mặt trời ló ra từ sau dãy núi đằng đông, chiếu thẳng vào mắt những người bảo vệ pháo đài Sándor. Mặt trời cũng tiếp tay cho bọn Thổ.

Khi cái mái đã lên đến sườn dốc của pháo đài, Gergely hét lớn:

– Nằm xuống!

Các chiến sỹ không nghĩ ra được tại sao phải nằm. Một loạt đạn nổ rền đã giúp cho họ hiểu.

Bọn Thổ đã nghĩ ra kế xếp nòng súng quanh cái mái da lớn. Những nòng súng như những cái còi của cây đại phong cầm chìa về phía đoàn quân phòng vệ. Gergely đã kịp trông thấy cái đó.

– Đứng dậy! – Chàng hô lên sau loạt đạn. – Thùng cháy!

Chàng lăn thùng cháy xuống.

Quân Thổ không còn nằm phục xuống đất trước thùng cháy nữa mà hoặc nhảy tránh sang một bên hoặc nhảy qua, rồi lại tiếp tục xông tới trước.

– Hai thùng! – Gergely hô.

Chàng tự đặt cái thùng thứ ba ở thế sẵn sàng đẩy xuống, tự chàng cầm bùi nhùi lên để châm lửa.

Hai cái thùng cháy lại quét quang một đường giữa đám đông lúc nhúc ở dưới chân thành. Cái thùng thứ ba bị một tên ionisa to ngang bắt lấy, xô xuống một cái hố trên đường và lấy đất lấp lên. Khi hấn dậm chân lên lớp đất, cái thùng nổ tung, hất tên ionisa cùng cả lớp đất lên trời và quật ngã thêm chừng hai chục đứa nữa trong bọn đứng quanh đó.

Việc đó khiến đoàn quân công kích phải khựng lại. Nhưng đằng sau đã vang lên tiếng hét “*tiến lên*” và “*xung phong*” của bọn giám binh cùng với tiếng các bầu nước tưới rào rào để dập các đám lửa tung tóe ra, khiến hơi nước bốc lên nghi ngút.

– Bây giờ chỉ ném đá xuống chúng nó thôi. – Gergely hô.

Chàng muốn chờ đến khi bọn địch lại bầu dầy đặc trên đường và trên tường.

Và giữa tiếng hét “Allah” như trăm ngàn tiếng hổ gầm, giữa tiếng kèn vang trống thúc, đoàn quân địch lại xông lên. Một rùng thang tiến đến bên tường thành.

Một tên ionisa ném một cuộn dây có móc lên tường, rồi ngậm thanh gươm cong vào giữa hàm răng, với sự khéo léo của loài khỉ, hấn bám dây leo lên. Một hòn đá rơi đúng đầu hấn, làm rơi cái mũ sắt. Cái đầu trọc của hấn với những vết chém đã thành sẹo, trông chẳng khác nào quả dưa bở.

Hắn tiếp tục leo.

Gergely vớ lấy cây giáo.

Khi tên Thổ chỉ còn cách Gergely chừng một sải tay, hắn ngừng mặt lên. Bộ mặt hắn đầm mồ hôi, cái mồm thở phì phò.

Gergely như thể bị ai đánh vào giữa ngực, chàng sững cả người. Đây chính là khuôn mặt ấy! Đây chính là giáo sỹ Gábor, người thầy đã xấu số của chàng! Cũng những con mắt màu tro ấy, cũng hàng ria mỏng ấy, cũng những cái xương lông mày nhô ra như thế!

– Mi là em giáo sỹ Gábor! – Chàng quát bảo tên Thổ.

Hắn trừng mắt nhìn chàng, vẻ không hiểu gì cả.

– Các người đánh chết nó đi! – Gergely quay đi bảo quân sỹ. – Đến tiếng mẹ nó cũng không biết nữa!

Cuộc tấn công dữ dội kéo dài đến tận chiều tà. Quân Thổ từ tất cả các mặt mệt mỏi rút lui khỏi tường thành.

Hàng ngàn xác giặc Thổ chết và bị thương nằm la liệt quanh thành. Khắp nơi văng vẳng tiếng kêu rên của những tên gãy xương đang quằn quại.

Nhưng trong thành cũng đầy thương binh, tử sỹ; mặt trong các bức tường và các giàn gỗ cũng đỏ lôm những máu. Các chiến sỹ mệt nhọc, rã rời đi khiêng thương binh, tử sỹ lại một nơi.

Các võ quan đi rửa ráy. Bản thân Dobó cũng đen sạm khói súng, râu ria cháy xoắn lại, nếu không có cái mũ sắt đại úy trên đầu, người ta sẽ không thể nhận ra ông. Cứ y nguyên nhem nhuốc như vậy, ông đón nghe các báo cáo ngay bên khẩu đại bác Búp Bê.

– Chỗ tôi có sáu mươi lăm tử sỹ và bảy mươi tám người trọng thương.

Dùng hết năm tạ thuốc súng. – Mekksey báo cáo.

– Ba chục người chết và một trăm mười người bị thương. Thuốc súng tám tạ. Ngay đêm nay cần phải cho hàn lại chỗ vỡ. – Bornemissza Gergely báo cáo.

– Ba tạ thuốc súng, hai mươi lăm người chết, độ năm chục bị thương. – Fügedi báo cáo rồi ấp tay lên má.

– Anh cũng bị thương à? – Dobó hỏi.

– Không ạ. Nhưng cơn đau răng nó hành tôi đến nỗi như thể có ai ngoáy một cây giáo nung đỏ trong má tôi vậy.

Trong số những người đến báo cáo, Dobó trông thấy cả Varsányi nữa. Người điệp viên mặc quần áo đạo sỹ, người anh đầm máu từ ngực xuống đến bàn chân như thể mặc tạp dề màu đỏ ở đằng trước.

– Varsányi! – Dobó cắt ngang buổi báo cáo mà nói. – Người lại đây! Người bị thương đấy ư?

– Không ạ! – Varsányi đáp. – Con phải khiêng xác chết mãi với bọn Thổ rồi mới lọt vào được.

– Có tin gì mới đấy?

– Ngài Szalkay đã viết thư lần thứ hai gửi đi khắp nơi cho các trấn và các thành phố rồi ạ.

– Thế mà cho đến nay vẫn chưa có ai tới?

– Từ một vài chỗ đã có người đến. – Varsányi kéo dài giọng trả lời. – Nhưng họ còn chờ nhau đến cho đông đủ để có thể đánh thốc vào trại quân Thổ.

Dobó hiểu là Szalkay chẳng nhận được trả lời từ một nơi nào hết.

– Người biết gì về tình hình bọn Thổ?

– Con đi lung tung giữa bọn chúng đã bốn ngày nay, vì vậy con biết chúng nó ngán ngẩm ghê lắm rồi.

– Nói to lên. – Dobó bảo, mắt ông sáng ngời lên.

Và người điệp viên nhắc lại thật to để những người đứng quanh đấy cũng có thể nghe được:

– Quân Thổ ngán ngẩm ghê lắm rồi. Thời tiết đối với chúng đã lạnh. Lương thực chúng không còn nữa. Tôi đã trông thấy, bằng chính đôi mắt lành lặn của tôi đây này, khi một gã người tỉnh Nógrád chở đến năm xe bột vào ngày hôm qua, chúng nó lấy bát, lấy mũ xúc hết ngay. Chẳng kịp chờ để làm thành bánh nữa; vừa lấy ở các bao tải ra là chúng nó cứ thế bốc ăn sống. Nhưng có thấm tháp gì đối với ngần ấy con người cơ chứ?

– Kristóf, – Dobó bảo người võ đồng, – chạy ngay đến chỗ thợ lò mổ bảo họ vật những con bò đẹp nhất cho quân sỹ. Hôm nay và cả ngày mai nữa, tất cả mọi người đều được ăn bít tết.

Rồi ông lại quay sang người điệp viên. Anh ta báo cáo tiếp:

– Từ hôm qua bọn ionisa đã bắt mẫn lắm rồi.

– To lên chứ!

– Bọn ionisa bắt mẫn lắm. – Varsányi nói tiếp như hô. – Chúng nó bảo nhau rằng Thượng đế phù hộ những người Hung. Chúng nó còn bảo chúng nó đã quen với tất cả mọi thứ vũ khí, nhưng cái thứ lửa như hỏa ngục ấy thì chúng nó không quen. Những vật cháy ma quái như ở đây chúng nó chưa hề thấy.

Dobó lặng lẽ nhìn ra trước mặt một lúc rồi nói:

– Một giờ nữa người hãy có mặt trước soái phủ. Người sẽ lại dẫn Vas Miklós đến Szarvaskő.

Đoạn ông quay sang Sukán.

Đầu lão già quăn đầy băng, kín cả mặt mũi, chỉ còn hở có đôi mắt đeo kính với bộ ria mép. Nhưng mặc dù vậy lão vẫn báo cáo bằng một giọng cứng cỏi, sang sảng:

– Ngày hôm nay chúng ta dùng hết hai tấn thuốc súng.

19

Mặt trời vừa nhô lên đã lại được thấy các dũng sỹ Eger trên mặt thành. Nhưng xung quanh thành xác chết vẫn còn nhiều đến mức bọn đạo sỹ không sức nào khiêng hết.

Những khẩu đại bác im lặng. Bản thân mặt trời cũng vừa run vừa nhô lên trong khí lạnh, thành phố cùng các thung lũng chìm trong lớp sương mù cao đến ngọn tháp. Mãi đến khoảng tám giờ sương mù mới tan. Lúc đó mặt trời, dường như còn muốn hóa phép cho mùa xuân trở lại thêm một lần nữa, từ bầu trời xanh quang đãng dịu dàng tỏa nắng xuống mặt đất.

Những người trong thành cũng thu dọn xác đồng đội của họ. Đám nông dân và phụ nữ dùng ván thùng xe khiêng những xác chết lại một chỗ. Ở đằng cổng Cũ thì phải dùng xe chở. Giáo sỹ Bálint lo việc chôn cất. Giáo sỹ Márton làm lễ xức dầu thánh lần cuối cùng cho những người hấp hối.

Trong ánh sáng mặt trời đang lên cao dần, có thể trông thấy các loại lữ đoàn Thổ từ những sườn đồi xa đổ về phía thành. Có thể thấy bọn chúng đang tập trung tất cả binh lính để khi tất cả đã tề tựu, chúng sẽ tiến công tòa thành đổ từ khắp các mặt với toàn bộ lực lượng đại quân.

Đêm qua, sau trận chiến đấu kéo dài, các chiến sỹ đã ngủ một giấc say sưa no mắt. Dobó đã cho phép họ ngủ, chỉ có điều là phải ngủ xung quanh các pháo đài. Trên mỗi pháo đài chỉ để một người gác canh chừng. Đêm đó các sỹ quan cũng đã được nghỉ ngơi trong một giấc ngủ say như chết. Mãi đến tám giờ sáng Gergely cũng vẫn còn ngủ li bì dưới khẩu đại bác Cóc Tía, đến nỗi cả tiếng kèn, cả tiếng náo động của quân sỹ đi lại rầm rập cũng

không khiến được chàng thức giấc. Chàng quấn mình trong một cái khăn, mái tóc dài màu nâu của chàng đọng sương muối trắng xóa.

Mekcsey lấy khăn phủ lên đầu chàng và cởi áo khoác đắp thêm cho chàng.

Dobó sai nạp đỉnh, sắt vụn vào tất cả các khẩu đại bác lớn nhỏ. Ông còn sai kéo những cái xe chở đầy đá đến chắn trước một số nơi tường vỡ, ở một số nơi khác thì sai bít lại bằng thùng rượu, bằng rầm gỗ, bằng da bò hoặc bằng các thứ đại loại như thế. Đám thợ nề đập vỡ một số quãng gờ tường để thang của bọn tấn công không thể bám vào một cách dễ dàng được. Người ta chở đá lên đầy các mặt thành. Người ta khuân tất cả vạc, chảo trong nhà bếp ra và đổ đầy nước. Tất cả hắc ín có thể tìm thấy trong thành đều được đem hết lên các pháo đài, để cạnh những cái vạc. Cái ống máng bằng thiếc ở soái phủ cũng bị đập vụn ra đem chia cho các khẩu pháo. Đám đồ tể có nhiệm vụ phải nướng thịt bò trên xiên cho mọi người ăn trưa. Bánh mì được mang ra bãi chợ, nơi những toán quân dự bị và những toán quân lui về nghỉ thường tập trung. Người ta xếp bánh thành từng đống. Mihály, người thư lại phát bánh, không riết róng nữa, ai muốn ăn bao nhiêu cũng được. Anh chàng diện cái áo donman màu nâu rất bảnh, dận đôi ủng màu vàng, đi đến chỗ đám thợ nướng bánh ở bãi chợ và chỉ văn tắt ghi vào quyển sổ của anh: *14 tháng 10. Bảy trăm xipô.*

Trong thời gian đó quân Thổ vẫn tiếp tục tập trung về. Từ các sườn núi và các sườn đồi, dòng thác người màu sắc pha tạp lũ lượt chảy xuống.

Lúc mười giờ người lính kèn trên bãi chợ trong thành thổi kèn tập hợp. Quân dân trong thành tề tựu cả lại. Toàn những người buộc băng ở đầu, ở tay. Người ít nhất cũng có một ngón tay phải buộc băng. Nhưng vậy đấy, ai còn nhúc nhắc được đều sẽ lên mặt thành.

Chính giữa bãi, những lá cờ bằng lụa của nhà thờ bay phấp phới. Một lá cờ thêu hình Đức Mẹ Maria, lá thứ hai thêu chân dung Thánh vương István, lá thứ ba thêu hình Thánh János. Những lá cờ đã cũ và phai màu; đó là những lá cờ lấy từ trong ngôi nhà thờ đã được cải biến thành pháo đài. Hai giáo sĩ mặc áo lễ màu tím đứng bên bệ thánh lập trên một cái bàn, trên bàn để giá cắm cái nhật nguyệt đựng mình thánh.

Quân dân trong thành đã biết sẽ có lễ cầu nguyện. Lễ ra trước các đợt công kích trước cũng phải làm lễ, nhưng Dobó không cho phép họ nhắc nhở đến việc đó. Ông vẫn thường nói:

– Những trận này chỉ mới là thử sức thế thôi! Chừng nào đến trận đại công phá, đại quân của triều đình sẽ tới.

Nhưng bây giờ rõ ràng là giờ cuối cùng đã điểm.

Ai nấy đều rửa ráy, chải chuốt sạch sẽ, mặc quần áo đẹp nhất mà đi dự lễ. Các võ quan diện đủ các màu hoa, ủng đỏ, cựa bạc; ria mép xoắn vênh, lông chim cắm trên mũ sắt. Mekcsey mặc bộ áo giáp mới sáng loáng, bó sát người. Lưng đeo hai thanh gươm, một thanh có cán chạm đầu rắn là thanh gươm anh vẫn chỉ đeo trong những ngày lễ. Gergely xuất hiện, đầu đội cái mũ sắt có chóp nhọn. Trên viền mũ, ba cái lông thiên nga trắng tinh cắm trong cái giá chân chim bằng bạc. Ngực cũng đeo giáp nên cái áo đônman bằng da đỏ chỉ còn hở có hai ống tay. Tay chàng đi găng lụa, bên ngoài phủ lưới thép đan mắt nhỏ. Cổ áo chàng thêu kim tuyến, bẻ ra ngoài.

Zoltay không thể dừng được một câu nhận xét:

– Cổ áo của cậu có vẻ áo chú rể quá!

– Vợ tôi thêu đấy. – Gergely nghiêm nghị đáp. – Không phải vì quý trọng quân Thổ mà tôi mặc nó đâu, mà vì tôn trọng thần chết đấy.

Zoltay cũng vận võ phục đônman bằng da, hai thanh gươm đeo hai bên sườn. Cái mũ sắt của anh không có lưới che mặt, chỉ có một thanh thép nhỏ thò xuống đến tận đầu sống mũi. Quanh vành mũ, lưới thép rủ xuống vai anh. Cái mũ sắt ấy có lẽ đã từng là của một tên võ quan xpahi nào đó. Anh đã mua nó trong buổi bán đấu giá sau đợt xuất kích đầu tiên của họ.

Fügedi mặc giáp từ đầu đến chân. Mắt anh đục ngầu. Anh than phiền về nỗi đau răng quá.

– Như vậy cậu già bọn Thổ càng hăng hơn chứ sao! – Zoltay an ủi. – Người tráng sỹ cái tiết vào những lúc thế này là tốt lắm.

– Không có cái răng đau này tớ cũng đủ cái tiết lắm rồi! – Fügedi cãi rầu.

Petó chỉ đội mũ sắt và mặc áo đônman bằng da nai. Anh cười ngửa vì anh vẫn chưa thể đi được. Anh đứng sau lưng đám đông, giơ gươm vẫy chào các võ quan chỉ huy các đội.

Các võ quan khác cũng đều mặc những bộ quần áo mới nhất. Không phải để hành lễ, vì lúc đầu chưa phải ai cũng biết sẽ cử lễ, nhưng chính vì tất cả mọi người đều cảm thấy hôm đó là sẽ là ngày cuối cùng. Và thần chết, dù cho người ta có vẽ nó xấu xí đến thế nào, vẫn là một vị thần rất đáng kính trọng! Cả những người không có quần áo nào khác ngoài bộ mặc thường ngày, ít nhất cũng xoắn tít ria mép và bôi sáp hăn hoi.

Chỉ còn thiếu có Dobó.

Ông bước ra trong bộ giáp sáng loáng. Đầu đội mũ sắt mạ vàng, chòm mũ cắm cái lông đại bàng dài. Bên sườn đeo thanh gươm rộng bản, chuôi nạm ngọc. Tay đi găng thép nửa hình vẩy cá, nửa bằng lưới sợi bạc. Trong tay ông lấp lánh cây giáo lưới mạ vàng, cán bọc nhung đỏ.

Sau lưng ông, hai võ đồng cũng mặc giáp từ đầu đến chân như vậy. Lưng họ đeo gươm ngắn, tóc họ từ trong mũ chảy ra xõa sóng trên vai.

Dobó dừng bước trước bệ thờ, bỏ mũ ra.

Vì hai giáo sỹ không biết diễn thuyết, Mekksey phải nói với quân sỹ và dân chúng.

Anh bỏ mũ xuống, ôm vào cánh tay và bắt đầu:

– Hỡi anh em đồng bào! Sau đợt công kích hôm qua chúng ta thấy hiện nay giặc Thổ đang tập trung tất cả mọi cánh quân của chúng. Ngày hôm nay toàn bộ lực lượng quân địch sẽ đổ sức với lực lượng của chúng ta. Nhưng Thượng đế đã phù hộ ta thì dù tất cả bọn dị giáo trên thế gian này có chống lại ý muốn của Người cũng vô ích. Trong buổi lễ mà chúng ta thấy ở đây, chúng ta biết Chúa Jesus cũng dự. Người đứng về phía chúng ta! Chúng ta hãy quỳ xuống và hãy cất lời cầu nguyện!

Quân dân trong thành nhất tề quỳ xuống.

Mekksey xướng kinh thay giáo sỹ:

– Đức Chúa Trời, Cha của chúng con...

Mọi người lầm rầm đọc, từng câu một. Khi đọc xong cả tiếng amen, sự yên lặng trang nghiêm kéo dài một lúc lâu.

Giáo sỹ Márton ghé tai Mekksey nói cho chàng biết cần phải nói tiếp những gì nữa. Mekksey đứng dậy và lại lên tiếng:

– Hai kẻ nô lệ trung thành này của Thượng đế giờ đây dâng lời cầu nguyện để xin Người xá tội hoàn toàn cho tất cả chúng ta. Thì giờ đã gấp quá khiến chúng ta không thể còn xưng tội được. Trong những giờ phút như thế này Nhà chung có thể ban sự rửa tội mà không cần xưng nữa. Chỉ cần các người hãy tự ăn năn về những tội lỗi của mình.

Chàng lại quỳ xuống. Chú bé phụ lễ rung chuông. Giáo sỹ Bálint giơ cao cái tượng chịu nạn. Mọi người cúi mặt xuống lắng nghe người giáo sỹ già nói lên những lời xá tội. Khi họ ngừng mặt lên, cái tượng chịu nạn đã được đặt xuống bàn, và ông giáo sỹ dang rộng hai cánh tay ra để ban phước lành, mắt nhắm lệ, ông đứng không nhúc nhích nhìn lên khoảng trời cao quang đãng.

Phần nghi lễ đã hết. Dobó lại đội mũ lên. Ông đứng lên một tảng đá, cất tiếng nói:

– Sau Đức Chúa Trời, ta có lời muốn nói với các người! Ba mươi tư ngày trước đây chúng ta đã thề với nhau không nộp thành cho giặc. Chúng ta đã giữ lời thề. Cho nên đến nay thành ta đã trở gan trước mọi cuộc tấn công, cũng như hòn đảo trước cơn bão biển. Giờ đây đến lượt thử thách cuối cùng. Chúng ta đã cầu Đức Chúa Trời đến phù hộ. Với tâm hồn không còn vương tội lỗi, chúng ta phải chiến đấu quyết tử cho sinh tồn của tòa thành này và của Tổ quốc chúng ta! Cuộc chiến đấu chúng ta đã tiến hành đến nay để bảo vệ thành là một cuộc chiến đấu chưa từng có, và sự nhục nhã mà giặc Thổ chuốc lấy ở đây, cho đến nay cũng là sự nhục nhã chưa bao giờ có. Ta tin ở vũ khí của chúng ta, ta tin ở sức mạnh tâm hồn của chúng ta, ta tin ở Đức Mẹ Đồng trinh Maria, người đỡ đầu của nước Hung, ta tin ở Thánh vương István, người mà vong linh vẫn luôn luôn phù hộ dân tộc Hung, và nhất là ta tin ở Đức Chúa Trời. Tiến lên, hỡi anh em!

Tiếng trống đổ hồi, kèn trận lạnh lạnh.

Các chiến sỹ, với một sức mạnh gang thép, vồ lấy giáo và từng toán từng toán tản đi các ngả, Dobó lên ngựa, hai võ đồng của ông cũng cười ngựa theo sau.

Dobó lên mặt thành nhìn khắp xung quanh. Ông thấy đàn ngựa Thổ

không có lính trông, đang găm cỏ thành từng bầy lớn trên các sườn đồi Eger. Khắp xung quanh thành là một rừng giáo chuyển động. Quân Thổ như biển cả nhấp nhô quanh thành.

Và có thể thấy cả hai viên pasa trên đồi Ghế Vua. Pasa Ali đội tuyban hình quả dưa bở, quần không biết bao nhiêu lớp, mặt hắc như mặt một cụ già, xám ngắt. Viên pasa kia là một tên hộ pháp, bộ râu xồm đã điểm bạc. Cả hai đều mặc áo caphortan lụa xanh, nhưng màu áo của Ali sáng hơn. Mỗi khi chúng cử động, những hạt kim cương nạm trên binh khí giắt ở thắt lưng chúng lại lóe lên những tia sáng trắng.

Bọn bãi cười những con ngựa tuyệt đẹp dẫn đầu các cánh quân. Bọn aga và iaxaun cũng cười ngựa. Bọn còn lại đều đi bộ. Giữa rừng quân kỳ Thổ nổi bật một lá cờ đại màu đen. Dân thành chưa hề thấy lá cờ đó bao giờ, chỉ các võ quan hiểu lá cờ đen ấy có ý nghĩa gì: Không có khoan hồng! Tất cả sinh mạng trong thành đều là mồi của thần chết!

Khoảng trưa, những khẩu đại bác Thổ găm vang, đội quân nhạc của hai đạo quân Thổ vang lên.

Không gian đầy khói. Tòa thành rung lên vì tiếng hét Allah akbar (Allah chí cao).

Trong thành cũng bắt đầu nổi lửa.

Các nông dân, phụ nữ và những người vào thành tỵ nạn thảm đều được Dobó phái đến bên các vạc dầu hoặc bên tường thành. Ngay cả những người ốm cũng tập tễnh ra mặt thành. Người nào còn có thể đứng trên đôi chân đều rời khỏi chỗ nằm để nếu không giúp được việc gì khác thì cũng hô truyền mệnh lệnh hoặc lời nhắc gọi đi. Có người cả hai tay đều buộc bằng đeo vào cổ, thế mà vẫn mò ra đứng cạnh đồng lửa để chốc chốc dùng chân đẩy củi vào dưới vạc dầu. Các nhà trong thành không còn ai khác

ngoài trẻ con, trong soái phủ chỉ còn hai phụ nữ.

Balogh phu nhân... Tội nghiệp cho Balogh phu nhân... bà đã gửi con vào trường cung kiếm nên không còn dám xin Dobó đừng bắt con bà phục vụ trong những trận công kích. Thằng bé còn yếu, nó trụ sao nổi trước vũ khí của bầy mãnh thú dị giáo! Tuy vậy không bao giờ bà để lộ một nét mặt lo sợ cho con. Nghị lực sắt đá của Dobó đã dẹp đi cả nỗi lo lắng của bà. Bà không dám thở mạnh mỗi khi Dobó nhìn bà. Y như những người lính, tất cả đều chuyển động theo lệnh của Dobó với một sự phục tùng như máy. Những người khác mất cả ý muốn riêng, ý của ông chiếm lĩnh tất cả mọi người. Có khi cũng chẳng cần đến lời nói của ông nữa, chỉ cần ông ra hiệu là tay chân mọi người sẽ theo đó mà cử động.

Tòa thành đã biến ra cái gì rồi, nếu chỉ một sợi tóc thôi của Dobó run lên vì sợ hãi! Ông nhắc mọi người phải cẩn trọng, ông bắt tất cả mọi người đều phải mặc giáp, đội mũ sắt; nhưng khi thần chết xuất hiện trên mặt thành, ông chỉ huy quân dân chống cự, không hề phân biệt cá nhân ai cả.

Không có ai quý hơn Tổ quốc!

Đối với người mẹ đáng thương, những ngày bị vây hãm thực đầy lo ngại. Mỗi buổi sáng lại run rẩy khi con bà theo hầu Dobó. Lúc nào bà cũng lo rình xem đạn có trúng nó không. Niềm vui lớn nhất đối với bà là mỗi khi võ đồng Kristóf thay phiên cho nó, và thằng con bà mệt mỏi, sạm đen khói súng bước vào soái phủ! Bao giờ bà cũng đón nó với đôi tay dang rộng và những cái hôn, như thể nó vừa từ tha phương trở về. Bà tắm rửa cho con. Bà chải chuốt mớ tóc dài mềm mại như tơ của con. Bà dọn cho con tất cả những thức gì ngon lành mà bà tìm được trong bếp.

– Ai bị chết đấy con? Trong số các võ quan ai bị thương đấy? – Bao giờ đó cũng là câu hỏi đầu tiên của hai người phụ nữ.

Cậu thiếu niên không biết Éva là ai. Cậu tưởng nàng cũng là một thiếu phụ quý tộc nào đó ở Eger như những người khác, và mẹ cậu đã lấy vào soái phủ để giúp đỡ bà. Vì vậy cậu cứ kể tất cả mọi tin tức. Tin của cậu bao giờ cũng bắt đầu bằng việc kể tên những người tử trận và kết thúc bằng lời ca ngợi chú Gergely. Thôi thì cái chú Gergely ấy chẳng còn mẹo gì mà chưa nghĩ ra nữa! Tâm hồn cậu tràn ngập niềm khâm phục chú Gergely. Cậu kể chi li đã thấy chú ấy đánh nhau như thế nào, một mình chọi với bao nhiêu giặc Thổ, đã dùng những miếng võ gì để đánh ngã từng tên Thổ một.

Éva nín thở, tái mặt, nhưng tự hào lắng nghe, và bao giờ cũng rưng rưng nước mắt. Nàng chỉ mỉm cười khi cậu thiếu niên đã kể đến chỗ tên Thổ không địch nổi với cái chú Gergely tuyệt vời ấy.

Dưới đông bão của những trận công kích, hai người phụ nữ đứng bên cửa sổ vừa run vừa khóc. Qua một kẽ nhỏ, họ không thể thấy gì khác ngoài những bóng người chạy đi chạy lại, khói mù mịt và ánh lửa chốc chốc lại hồng lên, rồi sau đó là những người thợ cạo đem vải băng ra chất thành một đồng tướng, với những cái khay đựng đầy nước sạch. Rồi người ta đem thương binh đến từng người một, mỗi lúc một vội vã hơn và đầm máu hơn.

Và khi tất cả chú ý của họ đã hướng về những người bị thương thì ôi, người ta lại khiêng thêm về một người nào đó nữa! Không phải Balázs. Không phải Gergely. Xin cảm tạ Thượng đế! Người ta lại khiêng về... Nhưng nhớ người ta không khiêng Balázs hoặc Gergely về đây là vì người ta đã mang ra hàm mộ... Và đến cả mấy lời vĩnh biệt: *Trời phù hộ cho anh hoặc cho con!* họ cũng không thể nói được thì sao?!

Éva còn có người cha già đã tàn phế nửa người ở đây nữa chứ. Đã nhiều lần nàng thấy ông tập tễnh đi dọc đường qua trước cửa soái phủ, trên vai đeo một cái cung dài cũng bằng người ông. Ông tên lúc trống rỗng lúc

đầy ắp. Nàng những muốn gọi to ra:

– Cha ơi! Cha yêu quý của con ơi! Cha hãy cẩn trọng lấy mình vàng cha nhé!

Hôm nay, khi đại bác lại vang rền, hai người phụ nữ ứa nước mắt gục đầu vào vai nhau:

– Ta cầu nguyện đi em!

– Ta cầu nguyện đi thím!

Họ quỳ xuống, cúi mặt sát đất, lầm rầm cầu nguyện.

Và cùng cầu nguyện với họ tất cả mỗi ngày, mỗi đêm là một nghìn rưỡi phụ nữ ở tất cả mọi vùng xa trong miền Thượng địa nước Hung. Và những bàn tay trẻ con tí xíu chấp lại trong những vùng tỵ nạn xa xôi: bọn trẻ thơ ngây nguyện cầu cho những người cha đang chiến đấu ở Eger.

– Đức Chúa Trời lòng lành vô cùng, xin hãy giữ gìn tính mạng cho cha con! Xin Người hãy đem cha về cho chúng con!

Tiếng đại bác nổ rền, tiếng kèn trận thôi thúc, tiếng kêu Jesus, tiếng gào Allah âm vang, náo động như địa ngục. Những đám khói nặng nề lan tỏa vào trong thành.

Người ta đã khiêng về những thương binh đầu tiên. Họ khiêng người thứ nhất trên một cái ván đã đọng máu đen ngòm. Đó là một chiến sỹ trẻ, mặt nhợt nhạt. Chân anh bị bắn gãy ngang đầu gối. Những người thợ cạo băng bó qua loa. Họ vất vả với anh làm gì nhiều cơ chứ, chỉ vì một hai giờ hy vọng mà họ băng bó chân anh đấy thôi, trước sau rồi anh cũng mất máu mà chết.

Và người ta đem đến người thứ hai, thứ ba, thứ tư. Khuôn mặt của một trong ba người đó chỉ còn là một cục bùng nhùng đầm đìa những máu, mất

cả hai mắt, hàm răng lộ cả ra trên khuôn mặt. Người thứ hai bị tên cầm xuyên vào cổ, phải mổ mà lấy ra. Người thứ ba áp chặt tay lên sườn bên phải, bàn tay nhuộm máu đầm đìa. Máu chảy nhỏ giọt qua các kẽ ngón tay. Anh ta ngồi xuống đất chờ đợi mà không hề rên rỉ, mãi cho đến lúc cái chết ám mờ đôi mắt của anh.

Dobó cười trên mình con tuấn mã phi nước đại dồn dập qua trước soái phủ. Võ đồng Kristóf, bị rút lại đằng sau khá xa, đuổi theo ông.

– Đứa kia đâu rồi? – Ánh mắt đau đớn của bà mẹ hỏi.

Cậu ấy cũng đang chạy kia, về phía pháo đài Sándor: hẳn là đang truyền lệnh đi. *Đa tạ Thượng đế! Ôi!*

Số thương binh đã nhiều đến mức cả mười ba người thợ cạo đều phải làm việc. Cùng với thương binh, người ta đã đem về cả ba lá cờ Thổ. Tiếng hò hét của bọn Thổ mỗi lúc một dữ dội hơn, khói thuốc súng đã che mờ khu vực pháo đài phía đông và phía bắc, đã trùm lên cả soái phủ. Dày đặc đến mức cách ba bước là không thể nom thấy gì nữa, chẳng khác nào sương mù mùa đông.

– Lạy Chúa nhân từ! – Balogh phu nhân cầu nguyện. – Nếu bọn Thổ tràn vào đây thì chúng con sẽ ra sao!?

– Nếu vậy tôi sẽ chết! – Éva đáp, mặt nhợt nhạt hơn cả tường vôi.

Đoạn nàng đi vào phòng binh khí lấy ra một thanh gươm, thanh gươm dùng ngày thường của Dobó. Nét mặt đăm chiêu, nàng đặt gươm lên bàn.

Qua cánh cửa sổ mở, tiếng rên la của các thương binh vọng vào.

– Ôi, đôi mắt tôi, đôi mắt tôi! – Một người khóc lóc. – Không bao giờ tôi còn thấy cảnh trần gian đẹp đẽ của Chúa nữa!

– Tôi ăn mày rồi! – Một người khác rên rỉ. – Chúng nó chặt cụt cả hai

tay tôi rồi!

Xung quanh đám thợ cạo, thương binh đã nhiều đến nỗi họ không bằng bó kịp nữa.

Toàn thân Balogh phu nhân run lấy bầy.

– Chúng ta phải đi ra thôi! – Bà nói, nét mặt đau đớn. – Cần phải giúp đám thợ cạo mới được.

– Tôi cũng đi ra ư? Tôi cũng ra! Tôi thấy lời hứa danh dự cũng như mệnh lệnh đều không thể cấm tôi chăm sóc thương binh.

Gió quét khói quang đi. Balogh phu nhân mở cửa, nhìn ra xa, về phía pháo đài Nhà Ngục. Trong một đám khói bà thấy Dobó bổ một nhát gươm kinh khủng lên đầu một tên Thổ vừa đặt chân lên mặt thành, rồi xô cái xác chết xuống. Võ đồng Balázs đứng đằng sau ông, lưới mũ sắt đã kéo xuống. Cặp găng, chùy và một thanh gươm khác nữa của chủ tướng ở dưới nách.

Mặt trời thỉnh thoảng lại lộ ra giữa những đám mây và khói. Thời tiết mùa thu lẽ ra đã lạnh nổi da gà, ấy thế mà những người chiến đấu vẫn thấy nóng như kỳ đại thử! Dobó giật quai mũ ra, ném cho Balázs. Đoạn ông rút khăn tay ở thắt lưng lau vùng trán đầm mồ hôi.

Đầu để trần, ông đánh tiếp.

Võ đồng Balázs không biết để cái mũ sắt mạ vàng ấy vào đâu nữa, cậu bèn đội lên đầu mình.

Khói trùm kín người họ. Bay đi khói ơi, bay đi!

Màn khói loãng dần như thể đã nghe tiếng kêu của trái tim người mẹ. Balázs còn đứng, vẫn đứng trên mặt thành. Bà mẹ muốn gọi bảo con hãy đứng lui ra sau chút nữa, thấp xuống chút nữa, nhưng dù bà có gọi, trong

cơ gào thét địa ngục này nó cũng chẳng nghe thấy nào.

Bà vừa giơ tay lên để vẫy con trai thì cậu thiếu niên buông rơi binh khí của Dobó và đưa tay lên cổ bằng một cử chỉ uể oải, đồng thời loạng choạng quay một vòng. Cái mũ mạ vàng rơi khỏi đầu cậu, lăn lông lốc. Cậu thiếu niên ngã xoài ra mà không đưa tay về phía mặt đất để đỡ.

Bà mẹ kêu lên một tiếng nghe buốt óc, xô tung cánh cửa, chạy bổ nhào tới đó. Bà bế con trai lên, kêu khóc, gục xuống xác con, ôm chặt lấy, gọi tên con.

Dobó liếc nhìn họ rồi nhặt cái mũ lên. Ông vẫy hai chiến sỹ và chỉ vào cậu thiếu niên.

Hai chiến sỹ đỡ lấy cậu thiếu niên, một người đỡ vai, người kia đỡ dưới khoeo chân, họ mang cậu vào soái phủ, vào phòng bà mẹ.

Cậu thiếu niên nằm bất tỉnh với cái cổ đầm máu như một chú bồ câu trúng đạn.

– Ôi, tôi không còn con trai nữa rồi! – Người quả phụ tóc đã hoa râm khóc nức lên.

– Có lẽ cậu ấy chỉ ngất đi thôi. – Một chiến sỹ nói.

Anh ta cởi cái mũ sắt có lưới che mặt ra khỏi đầu người võ đồng, cởi giáp hộ thân và các thứ giáp khác nữa.

Vết thương hoác miệng trên cổ cậu thiếu niên. Viên đạn đi vào không phải ở chỗ cổ mà ở ngang lưng, ở cổ chỉ là chỗ nó đi ra.

Mặt người quả phụ méo mó đi vì đau đớn, cặp mắt đỏ ngầu máu. Bà vồ lấy thanh gươm nằm trên bàn mà Éva đem ra hồi nãy, và lao vào cơ lốc người trên pháo đài Nhà Ngục.

Một số phụ nữ đã chạy đi chạy lại ở đó rồi. Họ nấu nước, hắc ín và chì

ở dưới chân pháo đài rồi nhanh nhẹn khiêng những vạc đã sôi lên cho các chiến sỹ.

– Mang cả nước lạnh lên nữa chứ, nước uống ấy! – Các chiến sỹ la lên mỗi khi có một chút hờ tay giữa hai đợt công kích.

– Các mục ơi, hãy vào hầm rượu! – Dobó gọi với xuống. – Mở hết các thùng ra! Dùng bình gỗ mang ra cho các chiến sỹ.

Những người nghe tiếng gọi liền hộc tốc chạy đi. Váy xống của họ tung phồng cả lên.

Viên thư lại Imre đang vác bình khí đi đi lại lại trước cửa hầm rượu. Thấy có đông phụ nữ hộc tốc chạy đến, anh ta liền thọc chìa khóa vào cửa.

– Cho các sỹ quan có phải không? – Anh ta hỏi bà vợ Kocsis.

– Cho tất cả mọi người, ông thư lại ạ, cho tất cả mọi người. Ngài đại úy đã bảo thế.

Imre đẩy cửa hầm ra: – Rượu ngon ở đằng trong ấy! – Anh ta nói to rồi kéo sụp lưới che mặt xuống, tuốt gươm ra. Cả anh nữa cũng lao lên pháo đài Nhà Ngục.

Quân Thổ xông lên pháo đài mỗi lúc một đông hơn. Chúng đã nhảy lên cả mặt thành, vật lộn sống chết với các dũng sỹ Eger. Chính Dobó cũng tóm lấy cổ một tên, một thằng hộ pháp mà chỉ riêng bộ xương của nó cũng đã đến một tạ. Ông định xô nó xuống. Tên Thổ choãi chân trụ lại. Cả hai trừng mắt thờ hờn đến một phút. Lúc đó Dobó dồn hết sức bình sinh vặn một cái, giật nó vào phía trong, khiến nó ngã dúit từ trên giàn cao xuống sân. Cái mũ sắt của tên Thổ rơi ra, còn nó rơi phịch xuống giữa đồng đá. Nhưng nó lại gượng đứng dậy và quay đầu lại xem đồng đội của nó có đến không.

Lúc đó Balogh phu nhân vừa đến nơi. Rú lên một tiếng như chim cắt, bà vung gươm lên, và đầu tên Thổ lìa khỏi cổ dưới nhát chém kinh khủng của bà.

Những người phụ nữ khác đã xoay sở cả trên pháo đài. Trong cuộc vật lộn, thấy các chiến sỹ không lấy hắc ín cháy, đá và chì nữa, họ bèn tự mình mang lên, và trong lửa, trong khói bụi mù mịt, họ giội các thứ đó xuống đầu bọn Thổ đang cố xông lên.

Thằng chết rơi xuống, thằng sống lại chen lên. Mỗi một tảng đá lăn xuống, mỗi một lượt hắc ín và chì giội xuống lại dọn quang một lối trên mặt tường bị bầu kín, nhưng đồng xác chết chỉ càng giúp cho những lũ đoàn vừa nghỉ sức leo lên dễ dàng hơn. Những thằng sống giật những lá cờ khỏi tay những thằng chết vừa rơi xuống, và lá cờ đuôi ngựa lại phấp phới trên thang.

– Allah! Allah! Thằng rồi! Chúng ta thắng rồi!

Dobó ngạc nhiên liếc sang nhìn Balogh phu nhân đang chiến đấu bên cạnh, nhưng ông không có thì giờ để nói gì cả. Chính ông cũng đang đánh nhau. Máu nhỏ rùng rùng trên bộ giáp sáng loáng của ông, từ vai đến gót.

Người quả phụ liên tiếp phân phát những nhát chém cho bọn Thổ xông lên, cuối cùng bà trúng một nhát giáo, ngã từ trên pháo đài xuống giàn gỗ.

Không còn ai để kéo bà xuống nữa. Cuộc chém giết đã chuyển lên mặt thành. Người sống xéo lên người chết. Dobó nhảy lên một cái mòm chìa ra ngoài, nhìn xuống. Bọn aga cũng đã vào đến chân tường. Bêi Veli cười ngựa, cầm một lá cờ đại bằng nhung đỏ thắm. Bọn chiến binh Thổ trông thấy lá cờ thì hò reo ầm lên:

– Allah giúp đỡ đây! Phút khai hoàn đến rồi!

Lá cờ này là lá cờ chiến thắng của viên pasa Ali. Mùa hè năm đó nó đã tung bay trên giá cờ của ba chục thành quách và lâu đài, loan tin thắng trận của sức mạnh Thổ Nhĩ Kỳ. Ngoài ánh vinh quang, nó chưa hề hoen dấu gì khác!

Bêi Veli cầm lá cờ tiến vào sát pháo đài Đất. Ở đó cuộc phòng vệ có vẻ yếu ớt hơn cả, vì cả phụ nữ cũng đã phải giáp chiến.

Dobó đã trông thấy lá cờ đại trang trọng, cờ thêu chữ và lấp lánh ánh vàng. Ông nhả về với Pető, rồi đích thân chạy sang pháo đài Đất.

Ở đó cuộc chiến đấu đang diễn ra lộn xộn ngẫu. Thịnh thoảng một hình thù cầm cờ nhô lên rồi lại biến mất dưới sâu. Các chiến sỹ giao tranh trong một màn khói và bụi mù mịt. Những vòng rơm tẩm hắc ín và những cái bánh lửa bay loang loáng trong đám khói như những ngôi sao chổi.

– Jesus, lạy Chúa giúp chúng con! – Một phụ nữ rú lên.

Dobó đến đó trong cái nháy mắt mà một tên Thổ vọt lên cầm pháp thanh gươm cong đến tận chuôi vào Ször Mátyás, người thợ xay bột làng Maklár.

– Đánh đi! Đánh đi! – Giọng nói của Dobó vang vang trên pháo đài.

Tiếng nói đó tiếp thêm sức mới cho các chiến sỹ. Họ chém giết những tên sấn lên mặt thành giữa những lời chửi rủa rất dân gian của Hung mà không bao giờ có thể tính là tội lỗi được.

Dobó xông vào tên giặc đã giết người thợ xay bột. Ông thấy tên Thổ mặc áo giáp bằng thép Derbend từ đầu đến chân, chém vào loại giáp đó, gươm sẽ trượt đi. Với một quyết định chớp nhoáng, ông nhảy xổ vào người hăn và đè hăn lên xác người thợ bột vừa bị hăn giết. Nhưng tên Thổ là một thằng to lớn lực lưỡng. Hăn cố lật Dobó xuống. Trong cơn tức tối bất lực,

hắn cắn và dứt cái giáp che tay của Dobó ra, rồi bất thành linh chống tay xuống đất và lật người lại, ngửa mặt lên. Nhưng đó chính là chỗ chết của hắn. Dobó nhìn thấy cái cổ trần và không chút thương xót, ông bóp nghẹt cái linh hồn ấy vào trong.



Ông chưa kịp đứng lên, thì một ngọn giáo Thổ từ trên cao rơi xuống trúng vào chân ông, xé đứt da và dừng lại trong mắt cá. Trong cơn đau đớn, Dobó gào lên như một con sư tử. Ông ngã quỵ lên đầu gối, ôm lấy chân, những giọt nước mắt đau đớn nhòe ướt mắt.

– Chủ tướng! Ngài bị thương đây ư? – Vô đồng Kristóf hoảng sợ hỏi.

Dobó không đáp, ông giật mũi giáo ra khỏi chân và ném đi. Ông nắm chặt tay đứng lặng một chút, nghiêng hàm răng cho đến khi cơn đau nhói đầu tiên dịu đi. Sau đó ông đá một cái xem chân có gãy không. Không gãy, nó chỉ chảy máu thôi. Khi cơn đau đã hết, ông lại cầm gươm lên và văng mình như con hổ vào bọn Thổ. Thật vô phúc cho đứa nào giờ đây xông tới trước mặt ông!

Trong khi ở đó quân hai bên đã gần như dùng cả răng mà cắn xé lẫn nhau thì cách đó không đầy mười sải, một cánh quân địch cũng chen lên đông nghịt ở một chỗ vỡ khác. Những thanh gỗ bít chỗ vỡ bị gãy dưới sức ép của hàng mấy trăm tên địch, và bọn Thổ hò reo đắc thắng xông vào, không cần phải leo tường nữa. Tên này xô đẩy tên kia, tay phải chúng cầm binh khí, tay trái cầm cờ. Những tên đi trước cầm cờ nhảy lên pháo đài, những tên đi sau nhảy xổ vào đám thương binh và phụ nữ đứng chờ lượt dưới các giàn gỗ. Một tên lấy chân bọc giáp sắt đá một đồng củi đang cháy vào cái cột đỡ giàn gỗ. Lửa lè những cái lưỡi dài bắt đầu liếm vào cột.

Bọn giặc dễ dàng xử trí các thương binh, nhưng đám phụ nữ vừa hét lên giận dữ vừa nhấc các vạc dầu và các chảo nước sôi lên. Bà vợ Kocsis Gáspár người to béo, tưới nước sôi vào mặt một tên aga rậm râu, khi hắn vội vã đưa tay lên chớp lấy bộ râu thì bộ râu làm dáng nằm lại trong tay hắn. Một người phụ nữ khác vội lấy một khúc củi đang cháy trong một đồng lửa ở gần đấy, phang thẳng vào mặt tên giặc Thổ khiến những tia lửa

tung tóe ra như hoa cà hoa cải. Các bà khác cũng vớ lấy vũ khí cự địch với bọn dị giáo.

– Đánh chết chúng nó đi! Đánh chết chúng nó đi! – Bác thợ rèn vùng Felnémet gầm lên.

Bác xách cây búa tạ lao đến chỗ các bà. Ba tên dị giáo đang dựa lưng vào nhau mà đánh họ. Bác nện vào đầu một tên, mạnh đến nỗi óc nó phọt ra cả đằng mũi, đằng tai. Thanh gươm cong loáng lên trong tay tên Thổ thứ hai và cắm đến chuôi vào bụng bác thợ rèn.

– Đồ cầu trệ, mày sẽ cùng tao về thế giới bên kia! – Bác thợ rèn rống lên.

Bác vung cây búa tạ lên quá đầu một lần nữa và chỉ ngời bệt xuống đất, đè tay lên bụng sau khi thấy kẻ địch của mình đã ngã sấp mặt vào giữa đồng xác chết với cái mũ sắt bẹp dúm dưới nhát búa khủng khiếp.

Tất cả phụ nữ đều đã nhặt các thứ binh khí lẫn lóc ở dưới đất lên, vừa cầm hờn la hét the thé như tiếng chim cắt, vừa chọi nhau kịch liệt với bọn Thổ. Khăn trùm của họ rơi xuống, tóc họ xõa ra, váy họ xoắn đi xoắn lại trong trận kịch chiến. Nhưng họ không nghĩ gì đến giới tính của họ nữa, vừa la hét họ vừa lao vào bọn Thổ. Gươm của họ không đỡ được miếng đòn nào cả, nhát nào đánh vào, họ cũng đều phải nhận. Nhưng nhát nào họ đánh trả, quân Thổ cũng không thể tránh nổi.

– Hoan hô các bà! – Tiếng Petó vang lên sau lưng họ.

Vừa trông thấy ngọn lửa liếm vào giàn gỗ, anh vội vớ lấy xô nước và tưới lên cái cột. Anh đem đến một toán quân đã được nghỉ ngơi. Chính anh cũng vung gươm nhảy xổ vào một tên akinji đang vọt lên như một con mèo và hạ nó xuống giữa cái rầm gỗ. Trong khi đó, các chiến sỹ của anh rải xác những tên Thổ đã đột nhập được vào thành như vãi trấu. Hơn thế nữa, họ

còn xông ra ngoài lỗ hồng.

Dobó quỳ xuống mặt thành, ngực thở phập phồng, đưa cặp mắt đăm đăm nhìn xuống phía dưới. Máu nhỏ giọt từ lưỡi gươm và từ râu cằm của ông.

Những người Eger nổi xung xông ra khỏi thành mỗi lúc một đông, họ đã choảng bọn Thổ ở dưới chân pháo đài, giữa đồng xác chết.

– Quay về! – Dobó lấy hết gân cổ hét lên.

Nhưng trong cơn lốc của trận đánh, những người kia không nghe cả đến tiếng của chính họ nữa.

Một chiến sỹ tên là Tóth László trông thấy tên bãi cầm cây cờ nhung đỏ, bèn nhảy đến chỗ hãn. Anh nổ khẩu súng ngắn trong tay vào ngực tên bãi và giật lấy lá cờ. Động tác tiếp đó của anh là ném khẩu súng ngắn hết đạn vào giữa mắt một tên Thổ khác. Sau đó anh nhảy lui về với cây cờ chiến lợi phẩm, trong khi năm đồng đội cùng xông ra với anh bị bọn ionisa băm nát.

Dobó chỉ thấy tên bãi Veli ngã lăn xuống ngựa và lá cờ bách thắng của viên pasa bị người Hung cướp lấy. Ông chỉ chỗ cho đám quân vừa được nghỉ. Ông vắt những tua áo rách đầm máu trên cánh tay trái một cái rồi lao xuống chỗ lỗ hồng. Petó đã đứng ở đó và đang giơ một khúc gỗ cháy lên khẩu súng cối đặt trước lỗ hồng.

Phát súng đó đã hất lùi bọn ionisa đuổi theo lá cờ.

– Nạp đạn! – Dobó hô lên với một chiến sỹ. – Bốn người các người ở lại đây. Nếu có thì giờ thì mang gỗ, mang đá lại đây!

Cơn bão lửa lại tiếp tục lồng lộn trên pháo đài với một sức mạnh mới.

20

Éva còn lại một mình với cái xác.

Nàng ngậy ra nhìn đến một phút rồi mới cử động được. Nàng đội cái mũ sắt lên đầu, thắt áo giáp vào ngang lưng, vào cánh tay. Cậu thiếu niên cũng tằm vóc như nàng, nàng mặc quần áo của cậu vào người. Nàng chệch thanh gươm của cậu hơi ngấn, bèn đi vào phòng Dobó, nhấc trên tường xuống một thanh kiếm Ý dài, thẳng đuột, đeo sợi quai da ở chuôi kiếm vào khuỷu tay.

Bỏ bao kiếm lại, nàng xách thanh kiếm trần lao vút ra cửa, co chân chạy, mà chính nàng cũng không biết là chạy đi đâu. Nàng chỉ biết một điều là chồng nàng cùng Zoltay đốc chiến ở thành ngoài. Nhưng từ soái phủ phải đi theo ngả nào để ra thành ngoài thì nàng không biết.

Mặt trời đã trên đường đi xuống, nhưng qua những đám khói cuộn cuộn khắp xung quanh, trông nó cũng chỉ như một viên đạn đại bác đỏ lừ lừng lờ trong không khí.

Nàng nhớ mang máng về cái bản đồ của thành là thành ngoài như hình lưỡi liềm đặt bên cạnh con rùa về phía đông. Mặt trời lặn về bên tay phải, vậy thành ngoài phải ở bên tay trái.

Mười người lính sạm khói, dính đầy hắc ín chạy ngược lại phía nàng, đi đầu là một viên thập trưởng. Cánh tay phải và sườn bên phải của họ đen ngòm những máu. Giáo vác trên vai, họ chạy về phía pháo đài Nhà Ngục. Rồi đến một người lính loạng choạng. Máu chảy ròng ròng trên mặt anh ta.

Chắc hẳn anh ta định đi đến chỗ đám thợ cạo. Một vài bước lão đảo nữa và anh ta ngã sòng soài ra đất.

Éva lưỡng lự một giây: không xốc anh ta lên ư? Nhưng một người thứ hai, thứ ba nữa cũng đã chết hoặc bất tỉnh nhân sự nằm kề đó. Người thứ ba ấy là cậu con trai lớn của ông đốc lý Eger mà nàng đã biết qua cửa sổ. Một mũi tên cắm ở ngực anh.

Các bà phụ nữ thở hỗn hển từ phía hầm rượu chạy tới. Đầu họ đội bình gỗ, tay họ xách vò ép phó mát hoặc vò có tai. Họ cũng chạy về phía đông, Éva liền nhập bọn với họ. Sau khi chạy qua dãy chuồng bò, chuồng ngựa, họ biến vào trong một đường hầm dốc xuống thoai thoải. Trong đường hầm có hai ngọn đèn chiếu sáng. Đó là cổng Cũ, cổng này nối liền thành quai sanh bên ngoài với thành trong.

Vừa vượt qua cái cổng đó, họ rơi tõm ngay vào một địa ngục náo động đầy bụi và khói.

Xác chết la liệt trên mặt đất, trên bậc cầu thang, trên các giàn gỗ. Éva nhận ra một xác chết là giáo sỹ Bálint. Ông giáo sỹ nằm ngửa, trên đầu không có mũ sắt, bộ râu bạc rù dài của ông nhuộm đỏ máu, thanh gươm vẫn còn nằm trong tay ông.

Éva nhặt từ dưới đất lên một cây chùy và lao lên cầu thang. Cuộc xô xát đã gần trở thành cuộc đánh vật. Các chiến sỹ đứng trên mặt thành đẩy bọn Thổ trở lại. Một phụ nữ từ trên cao ném xuống một khúc gỗ cháy. Một người khác vung cây gậy đầu đầy đang cháy lên phang vào cổ tên giặc Thổ. Tiếng chửi bới, tiếng kêu Jesus, tiếng thét Allah, tiếng chân nện lộp cộp, tiếng vù vù, loảng xoảng vang âm khắp nơi.

Trên pháo đài, hai khẩu đại bác nối tiếp nhau nổ rền.

Nghe tiếng súng Éva ngược mắt nhìn lên. Nàng thấy chồng đang cầm

cái búi nhùi bốc khói trong tay và dõi mắt nhìn xuống để xem hiệu lực của phát đạn. Người ta đánh ngã năm hoặc sáu tên Thổ còn lại trên gờ tường, sau đó tiếp đến một phút ngơ tay. Tất cả các chiến sỹ đều quay lại, gân cổ lên mà hét:

– Nước! Nước!

Ngay bên cạnh Éva, một lão chiến sỹ đội mũ sắt đứng trên một tảng đá nhô ra ở chỗ tường đổ mà gào. Mồ hôi pha máu lấm tẩm như sương trên mặt lão, hầu như chỉ còn chừa có hai con mắt.

Éva nhận ra cha nàng.

Nàng giật lấy cái bình trong tay một phụ nữ và chìa cho lão. Nàng đỡ cái bình giúp lão.

Ông lão uống ừng ực. Trong bình là rượu vang đỏ Eger để đã lâu năm chứ đâu phải là nước lã. Lão tu từng hơi dài. Khi lão đẩy cái bình ra khỏi miệng, rượu từ ria mép dòng dòng nhỏ xuống. Sau đó lão mới thở phào một cái.

Éva thấy tay phải của ông lão bị cháy. Chẳng có gì còn lại từ khuỷu tay trở ra, cánh tay ấy làm bằng gỗ. Chắc hẳn rơm tẩm hắc ín đã bén vào nó, thế mà ông lão chẳng hề nhận thấy.

Éva vắt cái bình và cây chùy xuống, chụp lấy tay ông lão. Nàng đã biết cánh tay gỗ được buộc đai ở chỗ nào; với những ngón tay nhanh nhẹn, nàng cởi khóa ra, và cánh tay gỗ bay vào giữa bọn Thổ.

Còn ông lão lại cầm lấy gươm, nhô người ra ngoài pháo đài, dùng cánh tay trái chém xả vào một cái khiên bằng sậy có đóng những mặt trắng bằng đồng.

Éva tiếp tục lao về phía chồng. Đây đó nàng lại phải nhảy qua một xác

chết. Thỉnh thoảng một vệt lửa bay qua trước mắt nàng. Đôi khi một viên đạn va đập vào tường ở phía trước hoặc sau lưng nàng. Nhưng tất cả các chiến sỹ vẫn đang mãi uống. Họ chỉ xin nước lã thôi, nước lã cũng đã là nước cam lồ đối với họ lúc này rồi. Huống nữa lại rượu vang! Cứ như thế họ uống sức thần vào người!

Xen vào tiếng ầm ầm của bọn Thổ cuồn cuộn la hét dưới chân thành là tiếng quát vang rền của Zoltay:

– Lên đây, quân cầu trệ! Lên đây! Để tao nhắn tin về thiên đường cho Mohamed!

Rồi một phút sau nữa anh chỉ còn quát:

– Chúc ngủ ngon!

Tên Thổ được anh chúc chắc hẳn đã quên chúc lại.

– Ileri! Ileri! (Tiến lên! Tiến lên!) – Bọn giám binh Thổ hò hét không ngớt. – Thắng lợi rồi! Thắng lợi rồi!

Và những toán quân mới, rừng thang mới, lớp khiên mới lại rùng rùng kéo lên cái núi xác chết.

– Allah! Allah!

Cuối cùng Éva cũng đến được chỗ Gergely lúc chàng châm ngòi một cái vỏ thùng rượu nhỏ chứa đầy thuốc súng và ném xuống đầu lũ giặc. Sau đó chàng ném cái mũ sắt xuống đất, nhảy đến trước mặt một người phụ nữ, giằng lấy cái bình tu ừng ực đến nổi rượu vang đổ tràn qua cả hai bên mép, chảy xuống thành hai dòng nhỏ.

Éva đưa rượu của nàng cho một chiến sỹ khác và cúi xuống nhặt cái mũ, nhưng khi nàng vừa cúi xuống, khói hắc ín xộc vào mắt. Lúc nàng dụi hết nước mắt thì không còn thấy Gergely đâu nữa. Nàng đang ngoái cổ

nhìn quanh thì các chiến sỹ xung quanh nàng bỗng bất thành linh ngời thụt xuống. Một loạt đạn của bọn tữphensi nổ rền, cách mặt thành không đầy mười sải – một viên đạn quật trúng cái mũ sắt của Éva, làm nứt cả mũ. Éva loạng choạng. Mất một lúc nàng mới hồi sức lại được.

Tiếng trống thúc, kèn reo ở dưới chân thành âm âm như cảnh địa ngục. Một tên giám binh Thổ cổ dài ngoẵng gân họng hét lạnh lạnh:

– Lại đây! Lại đây!

Cánh quân Thổ đã vây lại dưới chân thành. Chúng điều bọn axap mũ da và bọn akinji mũ đỏ đến thay thế bọn ionisa.

Một tên đạo sỹ khoác áo trắng nhưng lại đội mũ sắt thay mũ lông lạc đà, tay cầm cờ, miệng gào *Tiến lên! Tiến lên!* Hắn xông lên thành với mười tên ionisa già.



Các chiến sỹ ta thường không bắn vào bọn đạo sỹ, nhưng vì tên này đội mũ sắt, tay lại cầm gươm nên họ nổ súng vào hắn. Hắn khiến Éva cũng phải chú ý.

Gió thổi bật khói đi một phút và cuốn phần phật lá cờ ba quả thao trong tay tên đạo sỹ. Khi hắn quay về phía thành, Éva thấy một bên mắt hắn buột băng.

– Jumurdzsák! – Nàng thét lên với nỗi giận dữ của con hổ và ném cây chùy xuống như một tia chớp.

Quả chùy bay qua đầu tên đạo sỹ rồi trúng vào ngực một tên ionisa. Tên đạo sỹ nghe tiếng thét liền ngừng nhìn lên. Ngay lúc đó khẩu đại bác trên pháo đài gầm lên, bọc lấy tên đạo sỹ cùng toán quân của hắn trong một luồng lửa và khói.

Lúc khói tan, ở đó không còn dấu vết gì của tên đạo sỹ nữa. Tuy vậy tường thành vẫn đen kịt những toán quân mới xông lên.

Chúng nó không chỉ leo lên bằng thang nữa. Một tên ionisa mũ trắng leo lên bằng cách bám vào những tảng đá nhô ra ngoài mặt thành đã sạt lở. Rờ chỗ nào tay hắn cũng tìm được chỗ để bám, chân hắn cũng tìm được kẽ hở để đứng. Đến những đoạn giằng bằng gỗ, hắn càng dễ vượt lên. Đứa thứ hai, đứa thứ ba, mười, hai mươi, rồi hàng trăm đứa khác noi gương hắn – chúng bầu kín những mặt thành đầy ánh nắng chẳng khác gì đàn bọ xít về mùa xuân. Chúng nó bầu vúi leo trèo suốt dọc dải thành ngoài, mắt cháy rực, mồm thở phì phò. Một vài tên mang theo cả thang dây để móc vào những tảng đá nhô ra một cách thuận tiện, và những đứa còn đứng dưới đất liền bám lấy leo lên.

Gergely từ trên pháo đài chạy xuống chỗ tường vỡ, đầu trần, tay cầm giáo, mặt sạm đen khói thuốc súng.

– Sukán! – Chàng gọi to với một người đang sử dụng cây thương. – Còn hắc ín trong kho nữa không?

Giọng chàng khản đặc, chàng gần như ghé sát tai lão già mà hỏi.

– Hết rồi! – Sukán đáp. – Còn một thùng nhựa thông trong ấy nữa thôi.

– Bác cho mang ngay ra chỗ khẩu đại bác Perényi ấy nhé.

Viên thư lại Imre, người phát bánh, cũng đang chiến đấu bên cạnh lão già. Anh ta đặt thương xuống, lao đi ngay.

– Bớ quân sỹ! Hãy ráng hết sức ra! – Gergely hô.

Từ bên cạnh, tiếng Zoltay vọng qua như một hồi âm.

– Nếu lần này ta đánh lui quân giặc, chúng sẽ không bao giờ đến nữa!

– Bắn! Bắn! – Tiếng hô vang từ các phía khác vẳng đến.

Các bà phụ nữ xỏ đòn khiêng từng vạc chì sôi, dầu sôi, nước sôi.

Mụ Vas Ferenc xúc một xẻng lớn than hồng chạy lên mặt thành rồi trút xuống bọn Thổ. Nhưng cũng lúc đó cái xẻng rơi ra khỏi tay mụ: một mảnh đá bị đạn bắn vỡ văng vào thái dương mụ. Mụ ngã tựa lưng vào một cái cột rồi từ từ gục xuống.

Một mụ to béo, sạm đen khói súng, cúi xuống định đỡ bạn lên nhưng mụ thấy ngay là bạn mình đã bỏ mạng. Mắt mụ liếc ngay sang tảng đá nằm bên cạnh. Mụ nhấc bổng tảng đá lên, chạy vội đến bên rìa mặt thành. Một viên đạn bắn trúng ngực khiến mụ ngã sấp về phía trước.

– Mẹ ơi! – Một cô gái váy đỏ rú lên.

Nhưng cô không nằm phủ lên người mẹ mà trước hết cô nhấc bổng tảng đá mẹ cô vừa đánh rơi, rồi giáng xuống ngay chỗ mẹ cô định ném. Tảng đá quật chết tươi hai tên Thổ. Chỉ khi đã trông thấy điều đó cô gái mới quay lại ôm lấy mẹ, bế xuống cầu thang.

Trong biển khói, một tốp lá chắn hình mai rùa tiến lại chân thành. Những cái lá chắn ghép sát vào nhau mà tiến, không thể trông thấy bọn akinji nấp bên dưới.

– Bớ quân sỹ, hãy chú ý. – Tiếng Gergely vang lên.

– Nước sôi! Lửa! – Zoltay hét vang. – Kia kìa! Kia kìa! Chúng nó đang trèo cả lên tường không cần thang kia kìa!

Một tấm ván bọc tôn từ sau công sự của bọn Thổ nhô lên. Bốn tên piát khiêng chạy đến chân thành. Bọn đứng trên thang đỡ lấy, giơ lên che kín người. Sau đó còn nhiều cái mái như thế nữa được mang tới. Cái nào cũng bọc tôn để các chiến sỹ ta không thể dùng cuộc chim mà đánh thủng được.

– Nước sôi! Nhiều vào! – Gergely gọi ra phía sau.

Éva chạy đến bên chàng, chụp cái mũ sắt lên đầu chàng.

– Cám ơn Balázs! Dobó phái chú đến đây à? – Gergely hỏi.

Éva không đáp, nàng chạy vội xuống dưới pháo đài lấy nước sôi.

– Nước! Nước sôi các bà ơi! – Nàng gân cổ lên gọi. Trong lúc đó những tấm ván bọc tôn ghép sát vào nhau. Những tên xung kích mặc quần áo mỏng chạy vào bên dưới. Một số tên cởi trần tròng trọc mà mồ hôi vẫn ròng ròng. Đầu chúng không bị mũ sắt đè nặng trĩu. Chúng ném khỏi thắt lưng tất cả những thứ binh khí nặng nề, chỉ giữ lại thanh gươm cong sắc như nước lũng lảng đầu dây quai đeo ở cánh tay.

Khi Éva quay lại để được ở cạnh Gergely, trong làn khói dày đặc nàng không trông thấy ai nữa, chỉ thấy những lưỡi lửa dài, đỏ đồng độc bay tứ tung và ánh gươm loang loáng trắng trong ánh lửa.

– Allah! Allah!

– Đùng, đùng, đùng! – Tiếng đại bác.

Khói càng dày đặc hơn, nhưng bỗng nhiên bốc lên quá đầu toán quân phòng thủ như một cái đình màn lượn sóng và có thể thấy rõ binh khí Thổ lấp loáng chĩa lên, binh khí Hung tua tủa chĩa xuống.

– Nước sôi! Nước sôi! – Gergely gào.

Các mái tôn dưới chân thành đã bắt đầu lên cao dần. Những tảng đá hàng tạ từ trên thành lăn xuống. Cái mái tôn hé ra, nuốt lấy tảng đá rồi lại liền như cũ.

– Nước sôi! – Zoltay cũng vừa hô vừa xông đến chỗ đó.

Gergely vừa trông thấy Zoltay đến, bèn nhảy ngay xuống chỗ khẩu đại bác. Thùng nhựa thông đã sẵn sàng ở đó. Gergely xô ngã cái thùng và bảo các pháo thủ:

– Các người hãy nạp vào các khẩu đại bác, nạp lên trên thuốc súng! Nạp đầy vào! Động mạnh vào cho nó vụn ra. Bỏ ít đạn thôi!

Lúc đó từ mặt thành, người ta trút nước sôi xuống. Nước sôi chảy đến những nơi đá không đến được. Cái mái rùng rình rồi rã ra. Bọn Thổ ở bên dưới rú lên ôi ối và nhảy ra khỏi các tấm mái.

Đàn bọt xít vẫn bầu kín tường. Gergely nã vào chúng một phát súng cối. Nhưng chúng vẫn cứ còn trên tường. Gergely vác một cái gậy thông nòng đại bác xông về phía chúng.

– Gergely! – Tiếng Pető gọi to.

– Tôi đây. – Gergely trả lời giọng khản đặc.

– Mình dẫn đến năm chục người đây. Đủ không?

– Còn được bao nhiêu cậu cứ điều đến nữa đi! Cậu cho nhóm thêm lửa và bảo mang nước sôi đến đây!

Loạt đạn mới của bọn tữphensi tung thêm khói vào đám khói của phát

đạn cối và che mờ tường thành đi một lúc. Bọn xung kích mặc quần áo mỏng đã lợi dụng phút đó để lại bầu kín những cái thang.

Gergely lao trở về chỗ khẩu đại bác.

– Nạp xong rồi chứ? – Chàng hỏi.

– Xong rồi! – Lão Kocsis Gáspár đáp.

– Bắn!

Khẩu đại bác lóe lửa, nổ vang. Nhựa thông từ nòng đại bác phụt ra thành một cột lửa dài đến hai chục sải. Ngay cả những tên Thổ chỉ bị luồng hơi ép của đại bác lướt qua cũng nhảy đại xuống khỏi mặt tường.

Thấy mặt tường lại bị quét sạch, bọn giám binh và các võ quan Thổ tức tối hò hét.

Từ trên thành có thể thấy rõ tất cả mọi tên lính địch đều chạy xa khỏi tường thành. Axap, piát, tũphensi, đeli, xpahi, akinji, tất cả hỗn độn, hoảng hốt bỏ chạy về phía các ụ đất. Đứa vấy tay, đứa nhảy lò cò. Tất cả đều đầm máu, điên khùng, mất hết vẻ người. Đám đông bọn giám binh và bọn aga phải quát tháo dữ dội mới có thể cản được lũ lính lại. Bọn quan không chỉ dùng roi da nữa mà dùng cả gươm để ngăn đám lính chực bỏ chạy ấy.

– Kẻ nào anh hùng thì theo ta! – Tên bãi Đạo sỹ hét lên với lũ lính.

Một tinh thần mới truyền vào toán quân đã bị thương đầm máu. Chúng lại sùi bọt mép, bắc thang, ôm đầu máu xông lên, lần này thì thẳng đến bức tường đặt đại bác. Tên đạo sỹ dẫn đầu bọn chúng. Hắn vọt lên trước nhất. Máu đã nhuộm đỏ cái áo khoác trắng của hắn. Ngậm lá cờ vào mồm, hắn xông lên không cần mang mộc.

Ở cái thang bên cạnh cũng có một tên aga trèo lên, một tên đại hộ pháp. Cái tuyban của hắn to như tổ cò, thanh gươm của hắn bằng cả cây mã tấu

của đao phủ.

Gergely nhìn quanh và lại thấy người võ đồng tức lồng lên đang nhấc bổng tảng đá ở ngay bên mình. Người võ đồng nhấc tảng đá xây nhà to tướng ném mạnh xuống.

– Balázs, đi chỗ khác đi! – Gergely nói.

Cái giọng khàn đặc của chàng bỗng trở nên sang sảng ở hai tiếng cuối cùng.

Éva không đáp. Trong tay nàng vẫn còn thanh kiếm Ý mà nàng mang ở trong phòng ra. Nàng chạy vụt đến chỗ cái thang của tên đạo sỹ.

Gergely nhìn xuống. Chàng quát to với tên hộ pháp vừa hỗn hển nhô lên:

– Hajvan!Ồ đồ bò! – Chàng tiếp bằng tiếng Thổ. – Thế mà tưởng gươm súng không phạm vào người mà thật à?

Tên Thổ sừng sốt. Bộ mặt to bè bè của hắn ngậy ra như phồng đá nhìn Gergely. Lợi dụng giây phút đó, Gergely đâm phập cây giáo vào mỏ ác hắn. Tên Thổ một tay chop lấy cán giáo, tay kia bổ một nhát kinh hồn vào Gergely. Nhưng nhát chém chỉ rạch không khí thôi và cái xác khổng lồ rơi ngửa xuống một tấm ván bọc tôn.

Trong khi đó tên đạo sỹ đã lên đến đầu thang.

Éva né đầu tránh nhát giáo của hắn rồi chém xả vào cánh tay trái đang bám vào thang của tên đạo sỹ. Cánh tay áo lông cừu của hắn đứt đôi nhưng ở bên dưới lấp lánh lần áo lưới thép.

Vọt một cái hắn nhảy lên mặt thành. Hắn chop lấy chuôi thanh gươm đeo lưng lẳng ở cánh tay, phì phò lao vào Éva. Éva nhảy lùi lại hai bước, chĩa thẳng thanh kiếm ra phía trước, mắt tròn xoe chờ kẻ địch lao vào.

Nhưng tên Thổ từng vào sinh ra tử đã nhiều, hắn thấy hắn đang đối mặt với một thanh kiếm nhọn để đâm chứ không phải với một thanh gươm rộng bản. Hắn biết là không nên nhảy xổ vào thanh kiếm dài đang chìa ra kia. Hắn khựng lại, xuống tấn, chém xuống thanh kiếm để đánh bật sang một bên, và để bằng một nhát kiếm tiếp theo, gửi gã võ đồng này sang thế giới bên kia.

Nhưng Éva cũng biết miếng võ đó. Nhanh như cắt, nàng đảo thanh kiếm một vòng từ dưới lên trên, tránh nhát gươm của tên Thổ. Khi tên Thổ có thể chém được nhát thứ hai thì thanh kiếm của Éva đã luồn vào dưới nách hắn.

Cái áo lưới đã cứu mạng cho tên Thổ. Những mắt lưới thép rít ken kết, nhưng cùng lúc đó, tên đạo sỹ đã chém nhát thứ hai và lưới gươm của hắn bổ trúng đầu Éva.

Éva cảm thấy như thể đầu mình vỡ tung. Trời đất tối sầm lại trước mắt nàng và dưới chân nàng mặt đất dường như bị kéo tuột đi.

Nàng đưa tay ra trước mắt rồi đổ xuống bên cạnh khẩu đại bác như một cái bao tải.

21

Khi Éva tỉnh dậy khỏi cơn choáng, xung quanh đã yên ắng cả. Nàng không biết mình đang ở đâu.

Nàng mở mắt nhìn, cố nhớ lại. Ngôi nhà gỗ sụp đổ... Giữa những thanh gỗ là bầu trời sáng trắng quang đãng và những ngôi sao trắng lấp lánh...

Có cái gì cứng cứng ấn đau ngang hông nàng. Đầu nàng cũng nằm trong cái gì ươn ướt lạnh...

Nàng thò cánh tay rã rời xuống dưới hông. Nàng sờ phải đá rậm và một viên đạn gang lạnh lẽo, to bằng quả táo. Tất cả vụt trở nên rõ ràng trước mắt nàng.

Yên lặng. Như vậy là cuộc chiến đấu đã chấm dứt. Chẳng biết ai đang làm chủ trong thành? Thổ hay Hung? Trên một bụi cao, bước chân chậm rãi, đều đều của một người lính canh vắng đến: một, hai, ba, bốn...

Éva muốn nhồm dậy, nhưng đầu nàng nặng như chì. Tuy vậy nàng cũng quay đầu một chút và thấy được là mình đang nằm gần pháo đài, cạnh nàng, một người phụ nữ nằm sấp, và một chiến sỹ áo xanh không còn đầu.

Lạy Chúa nhân từ, nếu quân Thổ mà làm chủ...

Có ánh đèn đỏ lọt qua kẽ hở giữa các thanh gỗ, rồi tiếng chân người đến gần. Một giọng đàn ông khàn khàn vắng đến:

– Ta khiêng người võ đồng vào trước hay người phụ nữ vào trước?

Ô, đa tạ Thượng đế, tiếng nói đó là tiếng Hung.

– Cả hai. – Một giọng khác đáp.

– Dù sao người võ đồng...

PHẦN KẾT

Những ai còn muốn biết thêm những chuyện gì xảy ra sau cuộc vây hãm, xin hãy đọc các sách về lịch sử. Chính tôi cũng chép thêm từ đấy ra một mẫu ngắn gọn như sau:

Trước cuộc vây hãm, Dobó có cầu cứu hội nghị đại biểu quý tộc họp ở Szikszá. Họ đã trả lời ông, đúng hơn là trả lời Mekksey, người thay mặt ông đến đó, rằng:

– Nếu các ông không đủ sức thì các ông giữ chức trấn thủ ở đó làm gì? Các ông đã ăn cái, vậy bây giờ hãy uống cả nước đi!

Hai viên đại úy đã đáp lại bằng cách, sau cuộc vây hãm, cả hai đều từ chức.

Tin thắng trận nhanh chóng bay về phương tây. Cả châu Âu vỗ tay reo mừng. Tại La Mã, giáo hoàng làm lễ ca ngợi Chúa Trời. Từ khắp nơi, những lá thư chúc mừng tới tấp gửi về ca tụng nhà vua. Dân thành Vienna lũ lượt kéo nhau đi ngắm những lá cờ chiếm được của quân Thổ gửi về triều (lá cờ nhung của pasa Ali chắc hẳn ngày nay vẫn còn giữa những kỷ vật chiến thắng khác của dòng họ Habsburg).

Nhà vua phái viên đại úy Sforzia Mátyás đến Eger để thuyết phục Dobó và Mekksey ở lại. Nhưng đã hẳn là họ vẫn khẳng khái từ chức.

– Chúng tôi đã làm tròn nghĩa vụ của chúng tôi. – Dobó trả lời. – Giá chi những người khác cũng làm tròn nghĩa vụ của họ! Xin ngài chuyển đạt giùm lòng tôn kính của chúng tôi lên hoàng thượng!

Sau đó nhà vua đành bổ nhiệm Bornemissza Gergely làm đại úy trấn thủ Eger thay Dobó.

HẾT

(*) Đây là bài viết cho cuốn *Những ngôi sao Eger* do Nhà xuất bản Văn học ấn hành năm 1972.

(*) Thành phố ở phía nam nước Hungary, gần biên giới Hungary – Croatia.

(*) Đáng lẽ gọi là Gergő, nhưng cô bé nói dốt.

(*) Vicuska là tên gọi thân tình của Éva, còn gọi là Vica, Évi, Évica.

(*) Szapolya János (1487 – 1540). Từ 1511 trở đi là công vương vùng Erdély và là thủ lĩnh của đảng quý tộc nhỏ. Sau 1514, hãn được ưa chuộng trong giai cấp thống trị vì đã có công đàn áp cuộc chiến tranh nông dân do Dózsa lãnh đạo. Theo những người đương thời, năm 1526 hãn đã cố tình đến chậm để quân của phái đại quý tộc bị bại trận ở Mohács. Sau khi vua Lajos đệ nhị tử trận, hãn được các đảng phái quý tộc hạng vừa và nhỏ cử làm vua Hung, nhưng bọn đại quý tộc lại chọn Ferdinánd đệ nhất của triều đình Habsburg làm vua Hung. Hai bên đánh nhau để giành vương quyền. Quân hãn bị thua quân của Ferdinánd I ở vùng Tokaj và hãn phải lánh sang Ba Lan. Năm 1528 mới về nước nhờ sự giúp đỡ của hoàng đế Thổ, vì thế sau khi về Buda, hãn bỏ mặc cho quân Thổ tàn phá cướp bóc ở nhiều vùng trong nước. Sau nhiều lần tranh chấp, hãn và Ferdinánd I ký hòa ước Várodi (1538), hai bên công nhận vương quyền của nhau với điều kiện là sau khi hãn chết, phần đất đai thuộc vương quyền của hãn sẽ sát nhập vào triều đình Habsburg.

(*) Dózsa György: một trong những nhân vật lớn nhất trong lịch sử Hungary. Năm 1514 đã chỉ huy đạo quân thập tự phần lớn là nông dân đi đánh bọn xâm lược Thổ. Ông và đội quân của ông đều căm ghét sự bóc lột

tàn nhẫn của tầng lớp đại quý tộc phong kiến. Ông đã tóm tắt cương lĩnh bài phong của mình trong lời tuyên ngôn Cegléd, đòi bọn lãnh chúa quý tộc “phải sống bình đẳng với dân chúng và nông nô của họ”. Chẳng bao lâu đội quân của ông đã đông tới 3 vạn người. Hoảng sợ trước tính chất bài phong của đạo quân này, bọn phong kiến quý tộc phản động bất chấp nguy cơ xâm lược của giặc Thổ, đã huy động quân đội chính quy ra đánh đạo quân Dózsa. Sau những thắng lợi ban đầu, đạo quân liềm hái của Dózsa bị đánh tan và bị khủng bố khốc liệt. Tháng 6 – 1514, Dózsa rơi vào tay công vương Szapolya János. Chúng bắt ông ngồi lên ngai sắt nung đỏ, ba lần chụp mũ sắt nung đỏ lên đầu ông. Dózsa chịu đựng cực hình không hề hé răng. Hình ảnh của ông đã là đề tài cho nhiều tác phẩm văn học và nghệ thuật ở Hungary.

(*) Kinh đô Thổ Nhĩ Kỳ hồi đó. Ngày xưa thành phố này gọi là Bizanc, sau đổi tên thành Konstantinope. Năm 1453 hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ đánh chiếm thành phố này, từ đó gọi là Istambul.

(*) Lính thiết kỵ trong quân đội Thổ.

(*) Lính phóng lao trong quân đội Thổ.

(*) Loại lính thiện chiến nhất của quân đội Thổ.

(*) Móré László là một tên quý tộc, trở nên nổi tiếng vì rất tàn ác trong cuộc đàn áp phong trào Dózsa György. Về sau hã quay sang thần phục triều đình Habsburg và trở thành một tên tướng cướp khét tiếng.

(*) Pista là tên gọi thân mật của István.

(*) Đây là loại áo giáp như lưới sắt gồm nhiều vòng nhỏ móc vào nhau, vì vậy Dobó mới nói đùa như trên.

(*) Gyuri là tên gọi thân mật của György, tên giám mục.

(*) Hồi đó có dòng đạo cải lương do Martin Luther khởi xướng năm 1517 tại thành phố Wittenberg (miền Nam nước Đức) không thừa nhận quyền lực của Tòa Thánh La Mã và phản đối những nghi lễ phiền phức tốn kém do Tòa Thánh đặt ra. Dòng đạo này được truyền bá ở những nước mà hồi đó giai cấp tư sản đã hình thành nhưng còn yếu ớt như Đức, các nước vùng Scandinavia, các nước vùng Baltic v.v...

(*) Hồi đó vua Hungary Szapolya János gọi quân Thổ vào giúp dẹp loạn Móré, một số triều thần khác lại chủ trương mời quân Đức, vì thế trong nước chia ra hai phe: một phe thân Đức bài Thổ, một phe ủng hộ chính sách của nhà vua.

(*) Kinizsi (1432 – 1494): một danh tướng Hungary, đã lập nhiều chiến công hiển hách trong các chiến dịch đánh quân Thổ.

(*) Mátyás (1443 – 1490): ông vua anh minh và công bằng nhất trong lịch sử Hungary.

(*) Một đại quý tộc Hungary. Lúc đầu về phe Ferdinánd, nhưng về sau lại quay sang phe Szapolya János.

(*) Những người theo đạo Hồi kiêng rượu vang và thịt lợn. Dân Thổ theo đạo Hồi, vậy phải kiêng rượu vang mới đúng, nhưng bọn lính Thổ này ngửi mùi rượu vang là quên cả tín ngưỡng. Mà trong con mắt dân Hung hồi đó thì dân Thổ và đạo Hồi là một.

(*) Ong bò vẽ (Ong bắp cày): Ý nói có các chiến sỹ Hung.

(*) Hiện nay ở Hungary khoai tây vẫn còn hai tên gọi phổ biến:

krumpli và burgonya.

(*) Tên một thành phố ở Palestine, đất thánh của Kitô giáo, nơi Jesus ra đời.

(*) Thủ đô Serbia ngày nay.

(*) Con sông lớn thứ nhì châu Âu, “phát nguyên từ Rừng Đen chảy ra Biển Đen” (Hắc Hải), qua các nước Đức, Áo, Slovakia, Hungary, Serbia, Bulgaria, Rumani... Tên La Tinh là Danubius, tên Đức là Donau, tên Slovakia, Nga là Dunaj, tên Hung là Duna, tên Rumani là Dunărea... Ở nước ta xưa nay vẫn quen gọi theo tiếng Pháp là Danube (Đa Nuýp). Ở đây chúng tôi lấy theo tên Hung.

(*) Cách gọi hoàng đế các nước theo đạo Hồi.

(*) Tên thành Belgrad hồi đó.

(*) Đây là cây lúa, bác nông dân định nói thứ lúa để nấu cháo nhưng nói sai.

(*) Cối xay chạy nhờ sức nước quay bánh xe.

(*) Iktimán, Kapiderven: Đây là tên của những thành phố, thị trấn nằm trên đường đi từ Hungary qua Nam Tư (cũ), Bulgaria đến kinh đô Konstantinope.

(*) Rượu vang làm bằng nho aszú, sắc vàng như mật ong, còn gọi là rượu Tokaj, một loại rượu vang thượng hảo hạng của Hungary.

(*) Hồi đó còn là tiền vàng, khác với forint là đơn vị tiền tệ ngày nay của nước Hungary.

(*) Ở một vài nước vùng Balkan như Thổ Nhĩ Kỳ, Bulgaria... khi người ta gật đầu có nghĩa là không, khi lắc đầu mới có nghĩa là ừ, có, đồng ý.

(*) Tiếng Thổ trong nguyên văn, có nghĩa là: tôi chết mất.

(*) Giáo tổ của Đạo Hồi, theo truyền thuyết là người đã sáng lập ra Hồi giáo ở thế kỷ VII.

(*) Chúa Trời của đạo Hồi.

(*) Gã di gan nói ngọng.

(*) Đất thánh của đạo Hồi, thuộc địa phận Ả Rập Xê Út ngày nay.

(*) Kinh của đạo Hồi.

(*) Tổng binh của quân ionisa.

(*) Câu chào bằng tiếng Thổ, nghĩa là: chúc cho các bác được phù hộ độ trì.

(*) Một loại nham thạch rất cứng và có thể mang nhiều màu sắc.

(*) Thiếu niên, có khi đã là thanh niên, đi theo phù tá các tướng để rèn luyện võ nghệ, tập đánh trận. Có nơi dịch là thị đồng, nhưng trong làng võ cái tên gọi ấy có vẻ không thích hợp lắm nên chúng tôi chọn cái tên võ đồng.

(*) Jancsi là cách gọi thân mật của János, các cách gọi thân mật khác: Jánoska, Jancsika. Feri là cách gọi thân mật của Ferenc, các cách gọi thân mật khác: Ferike, Ferkó.

(*) Buda là kinh đô của các triều vua Hungary hồi ấy, đó là thành phố

bên hữu ngạn sông Duna. Bên tả ngạn là Pest, hồi ấy còn lụp xụp, mãi mấy thế kỷ sau mới lớn lên thành phố phường lớn và đến năm 1872 mới chính thức hợp lại thành Budapest ngày nay.

(*) Cánh đồng lớn ở phía nam nước Hungary.

(*) Kỳ vũ hội kéo dài từ 6 tháng giêng đến ngày thứ 40 trước lễ Phục sinh.

(*) Basa hoặc pasa: một chức quan dưới triều vua Thổ hồi đó, tương đương như chức tổng đốc.

(*) Đạo Hồi cấm uống rượu vang.

(*) Cơm trộn ragu cừu, món ăn dân tộc của Thổ.

(*) Còn gọi là hoa “đừng quên em” một thứ hoa được trai gái yêu nhau thích dùng để tặng nhau, đặc biệt là trong những dịp chia tay.

(*) Khăn xếp của người Ả Rập, Ấn Độ hay dùng. Ngày trước, ở ta còn gọi là khăn tà y rế.

(*) Một loại lính đánh thuê trong quân đội Thổ.

(*) Một chức võ quan trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ hồi đó. Tương đương như chức tổng binh, lãnh binh.

(*) Lính phiêu kỵ Thổ Nhĩ Kỳ.

(*) Một tước quan của triều đình Thổ Nhĩ Kỳ, thường để phong cho những kẻ có công trạng, như một loại huân tước. Kẻ được phong tước này đã có quyền cha truyền con nối.

(*) Chữ Ba Tư, có nghĩa như đại hoàng đế, tên gọi vua Ba Tư và Thổ

Nhĩ Kỳ.

- (*) Như Bộ Tài chính bây giờ.
- (*) Một bảng bằng 0,453 kg. Hai mươi lăm bảng bằng khoảng 10 kg.
- (*) Tướng Bálint thuộc dòng họ Török ở xứ Enyingi.
- (*) Thủ đô Iran ngày nay.
- (*) Thành phố ở tây bắc nước Hungary, giáp biên giới Hungary – Áo.
- (*) Chỉ châu Mỹ La Tinh.
- (*) Nhà hùng biện của La Mã, tên viết là Cicero nên dễ đọc nhầm là Kikero.
- (*) Thủ đô nước Áo ngày nay, hồi đó là kinh đô của các triều vua thuộc họ Habsburg.
- (*) Zrinyi Miklós (1508 – 1566): một dũng tướng của Hungary trong cuộc chiến tranh chống Thổ; đây là Zrinyi Miklós cố, “người anh hùng thành Sziget”. Về sau chắt của ông cũng tên là Zrinyi Miklós, vừa làm tướng vừa là nhà thơ có tên tuổi.
- (*) Catê (chữ Hy Lạp: catechismus) nghĩa là môn học chuyên giải thích các giáo lý của tôn giáo.
- (*) Tinódi Sebestyén (khoảng 1505 – 1556): ca công nổi tiếng nhất của Hungary trong thế kỷ XVI. Đã sáng tác nhiều thơ, ca, nhạc theo nhiều thể tài, nhưng những tác phẩm quan trọng nhất của ông đều nói về những cuộc chiến đấu chống bọn xâm lược Thổ. Từng là môn khách của nhiều gia đình quý tộc. Sebök là tên gọi thân mật của Sebestyén.

(*) Một loại đàn cổ, có hình dạng hơi giống đàn ghita.

(*) Mohács: huyện lỵ của huyện Mohács, thuộc tỉnh Baranya, nằm bên bờ sông Duna, ở phía nam, gần biên giới Hungary. Tại đây ngày 29 – 8 – 1526 đã xảy ra một trong những trận đánh có tầm quan trọng lớn nhất trong cuộc chiến tranh kéo dài ba thế kỷ (XIV – XVII) chống bọn xâm lược Thổ Nhĩ Kỳ. Trong trận này quân đội Hungary bị đại bại, đạo quân hai vạn rưỡi người bị tiêu diệt, vua Lajos đệ nhị cũng tử trận trong khi tháo chạy.

(*) Chỉ người Thổ.

(*) Chũ Ba Tư; là một kiểu áo dài của nam giới vùng Trung cận Đông ngày xưa thường mặc.

(*) Gốc chữ Hebrew, có nghĩa là bùa, ngải.

(*) Chũ La Tinh trong nguyên văn, ở đây có nghĩa là người thợ làm cung.

(*) Một thứ áo dài chỉ dùng để mặc trong nhà hoặc ở ngoài bãi tắm.

(*) Một thứ giày hình dáng hơi giống giày hạ ở ta ngày trước, cũng chỉ dùng trong nhà hoặc ở bãi tắm.

(*) Nguyên soái của vua Đức Ferdinánd hồi đó.

(*) Nhắc việc Szapolya János đã giết Dózsa và đàn áp đẫm máu đạo quân nông dân năm 1514.

(*) Hoàng hậu Jagelló Izabella người Ba Lan.

(*) Ý nói mềm yếu, dễ mũi lòng.

(*) Là giáo sỹ của đạo Hồi, những người thường đứng trên các tháp cao đọc lời cầu nguyện cho các tín đồ đọc theo sau.

(*) Câu tiếng Thổ trong nguyên bản, có nghĩa là “Ngoài Allah và luật lệ của Người ra không còn Thượng đế nào khác nữa!”

(*) Quân ngự lâm Thổ Nhĩ Kỳ.

(*) Một thứ đàn gõ của Thổ Nhĩ Kỳ.

(*) Quận quốc ở vùng Kárpát, nay thuộc lãnh thổ Rumani.

(*) Thị trấn ở cách Budapest 60 km, vì thế gọi là thị trấn sáu mươi.

(*) Thành phố lớn thứ hai trong nước, ở về phía đông nước Hungary.

(*) Ý nói khi lâm vào thế nguy.

(*) Thuế thu bằng 1/10 hoa lợi của mùa màng.

(*) Ở châu Âu, hằng năm sau mùa hái quả người ta lại chặt trụi cành nho chỉ để lại gốc, đến mùa xuân năm sau nho mới lại đâm cành.

(*) Viên quan coi ngục Bảy Tháp.

(*) Lính gác.

(*) Thừa quan phòng thành.

(*) Con sông ở về phía đông nước Hungary.

(*) Nhà thơ trữ tình xuất sắc nhất thời cổ La Mã, sống những năm 65 – 8 trước Công nguyên.

(*) Kecské có nghĩa là con dê.

- (*) Tức là từ khi Ferdinánd được cử làm vua nước Hungary.
- (*) Trong tiếng Hung, ba chữ này chỉ viết làm một: hazáért.
- (*) Thảo nguyên lớn nhất của Hungary, ở về phía đông, rất nổi tiếng về những đàn ngựa và những chàng tướng cướp.
- (*) Tên gọi thân mật của Mátyás.
- (*) Một thứ bánh mì trắng, hình tròn, vừa một suất ăn; có loại hơi ngọt dùng để ăn điểm tâm hoặc trong những bữa ăn nhẹ, có loại là bánh lính.
- (*) Đường chạy từ biên giới Bulgaria về Konstantinope.
- (*) Những con đường quốc lộ bình thường ở Hungary.
- (*) Babel là tên gốc Do Thái của thành phố Babylon thời cổ, theo Kinh Thánh thì loài người đã khởi công xây dựng ở đây một cái tháp cao đến tận trời, nhưng để trừng phạt cái tội liều lĩnh đó, Chúa Trời đã làm cho tiếng nói của họ trở nên bất đồng, không hiểu được nhau nữa đành phải bỏ dở việc dựng tháp.
- (*) Một loại lính tình nguyện trong quân Thổ, không thuộc quân chủ lực.
- (*) Tên một nước hồi đó ở ven biển Adriatic.
- (*) Theo Kinh Thánh, Adam và Eva là người đàn ông và đàn bà đầu tiên được Chúa Trời tạo ra trên đời.
- (*) Trong nguyên văn: elma là alma, benim là enyim, bapa là papa, pabucs là papucs, sarompó là sorompó, daduk là duda, cságány là csákány. Trong vòng bốn năm thế kỷ sống gần nhau ở thảo nguyên sông Đông,

người Hung đã học kỹ thuật canh tác của người Thổ Nhĩ Kỳ và khá nhiều tiếng Thổ.

(*) Muszkául. Một nước xưa ở vùng thung lũng Musa, Nam Tư ngày nay.

(*) Mỗi gia đình giàu sang ở các nước Ả Rập ngày trước, và bây giờ vẫn còn rải rác, đều có harem là nơi ở, đúng hơn là nơi nhốt, của các thứ vợ lớn, vợ bé, nàng hầu. Người ngoài không bao giờ được đặt chân đến đó; người phụ nữ cũng ít khi được rời harem. Tương tự một thứ hậu cung của phong kiến nước ta.

(*) Một vị thần của người Nam Slav.

(*) Thành phố lớn ở nước Hungary, nằm bên bờ sông Tisza, về phía đông nam nước Hungary.

(*) Hussein và Hassan là hai vị thần tuần đạo của Hồi giáo Ba Tư. Hu là một tên gọi khác của Allah, Thượng đế của người Hồi Giáo.

(*) Jean Calvin (1509 – 1564) khởi xướng ra dòng tu mới ở Vienna vào khoảng 1536. Đây là dòng tu của tầng lớp tư sản đang vươn lên, nó chứng minh cho lối sống và cách kinh doanh tư sản. Dòng tu này được truyền bá ở những nước mà giai cấp tư sản đã phát triển như miền Hạ Đức, Anh, Pháp...

(*) Một dân tộc thiểu số, sống rải rác trong các nước Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Iraq, Cộng hòa Ả Rập thống nhất, Afghanistan, Pakistan...

(*) Chỉ Ferdinánd I, tuy được bầu làm vua nước Hung nhưng hãn bỏ mặc các thành trì, đất đai phải tự lực chống nhau với Thổ, hãn không hề cho quân đi cứu giúp.

(*) Theo Kinh Thánh, Salamon là ông vua công minh nhất của dân Do Thái.

(*) Dân Hồi giáo người Thổ.

(*) Dân Hồi giáo người Ba Tư (Iran ngày nay), những người này theo một dòng riêng của đạo Hồi, tôn sùng Ali là người con thứ tư của Mohamed, bị giết năm 661. Họ không thừa nhận ba người con đầu tiên là con hợp pháp của Mohamed. Những người Shia rất chuộng các nghi lễ nhục hình.

(*) Hunyadi János (1407 – 1456): vị tướng giỏi nhất trong cuộc chiến tranh chống Thổ, năm 1456 đã đánh thắng quân Thổ một trận lớn ở Belgrad. Để kỷ niệm trận đại thắng này (của những chiến sỹ Cơ Đốc chống bọn dị giáo) giáo hoàng La Mã đã ra lệnh tất cả các nhà thờ Cơ Đốc đều phải kéo chuông hồi 12 giờ trưa là lúc trận đánh ngã ngũ.

(*) Loại gươm nhọn, thân tròn, chỉ dùng để đâm và phóng chứ không chém được.

(*) Tiếng Ý trong nguyên văn: “Mẹ ơi, mẹ ơi, con chết mất thôi, con chết mất thôi. Con muốn cái mọc trong vườn”. (Chú thích của Anatôli Gibasơ, bản tiếng Nga do Nhà xuất bản Lao động Moskva xuất bản năm 1956).

(*) Kiểu mũ của một dân tộc ngày xưa ở vùng Tiểu Á, có chóp mềm rủ ra phía sau gáy. Trong cuộc cách mạng 1789 – 1794 ở Pháp, kiểu mũ này đã trở thành một tượng trưng của phái Jacobin, nên còn được gọi là kiểu mũ Jacobin.

(*) Ở ta cho óc đặc là ngu, ở châu Âu thì ngược lại, cho óc loãng là

ngu.

- (*) Câu chào Thổ trong nguyên văn: “Cầu trời phù hộ cho ngài”.
- (*) Thành ở cách Buda chừng 30 km về phía bắc.
- (*) Thành ở phía bắc nước Hungary, từ 1544 – 1599 bị quân Thổ chiếm.
- (*) Một loại lính tình nguyện trong quân đội Thổ hồi đó.
- (*) Gồm các tỉnh phía bắc và đông bắc nước Hungary.
- (*) Thủ đô Syria ngày nay.
- (*) Tức là István đệ nhất (970 – 1038), ông vua đầu tiên đã có công thống nhất sơn hà và để có thể hội nhập với châu Âu, đã chọn đạo Cơ Đốc La Mã làm quốc giáo. Được phong Thánh năm 1083.
- (*) Một loại tiền cũ bằng bạc, rất thông dụng ở La Mã và các nước châu Âu hồi xưa.
- (*) Thành lớn ở trung tâm vùng Hạ châu, ngày nay là tỉnh lỵ tỉnh Szolnok.
- (*) Tiếng Đức trong nguyên văn: Jesus, hãy lắng nghe lời cầu xin của chúng con! Jesus, hãy lắng nghe lời cầu xin của chúng con! Xin Chúa hãy rủ lòng thương chúng con!
- (*) Sau khi Buda thất thủ, hoàng hậu cùng triều đình phe Szapolya dời về công quốc Erdély, quân Thổ chiếm đóng phía nam, còn phía bắc nằm dưới quyền cai trị của vua Ferdinánd nước Áo. Từ phần này mỗi khi nói đến người của nhà vua tức là nói đến quan quân của triều đình đó.

(*) Có nghĩa là gay go, nguy hiểm.

(*) Một thành phố lớn của Hungary.

(*) Quả núi đứng bên Buda, ngay đầu cầu Tự do và cầu Erzsébet.

(*) Tượng Đức Chúa Jesus bị đóng đinh trên cây thánh giá.

(*) Đơn vị đo lường ở Hungary ngày xưa, tùy theo từng vùng mà có dung tích từ 12 đến 25 lít.

(*) Chức của Gergely chỉ là trung úy, nhưng sau khi đến Eger, Dobó thăng Gergely và ba người nữa lên chức thượng úy, cao hơn các trung úy khác.

(*) Một loại đại bác nạp tiền, bắn đạn ria, có một cái mỏ như râu ở đằng sau để móc vào giá gỗ nên gọi là tu pháo.

(*) Ở đây có mấy câu đối đáp dựa trên sự phát âm lẫn lộn giữa phụ âm p và b trước hai từ por (thuốc súng) và bor (rượu vang), chúng tôi lược đi vì dịch ra thì không có ý nghĩa nữa.

(*) Một loại áo ngắn có khuy, dây dài cài ngang trước bụng, kỵ binh thường hay mặc.

(*) Thành phố gần biển Caspi, ngày nay thuộc nước cộng hòa tự trị Dagestan, Liên bang Nga.

(*) Một vùng ở Ba Tư ngày xưa.

(*) Chỉ huy mười người.

(*) Ý nói ngay cả những vị tướng tài giỏi nhất cũng vẫn có thể có những tên lính hèn nhát.

(*) Đây là chỉ vua Ferdinánd I.

(*) Ý nói là dù mất nước Hung, Ferdinánd I vẫn còn nước Áo, do đó mà y không lo gì đến việc bảo vệ nước Hung cả.

(*) Đây là người Saxon ở Transylvania thuộc Rumani.

(*) Một ngôi làng ở Rumani.

(*) Chũ súng ở đây để chỉ các loại súng nhỏ, không dùng cho pháo.

(*) Theo truyền thuyết số do tiên Nam Tào giữ là quyển sổ khai tử của Thiên đình, ghi tên những người chết hoặc đến số chết ở nhân gian.

(*) Tiếng Đức trong nguyên văn: “Cái gì thế? Ông ta nói gì thế?”

(*) Tiếng Đức trong nguyên văn: “Thưa các ngài, đại úy Dobó sẽ là người chỉ huy bùm bùm! Các ngài đã hiểu chưa?”

(*) Jurisics Miklós (1490 – 1545) làm tướng giữ thành Kőszeg, một thành nhỏ, năm 1532 với một số quân ít ỏi đã bảo vệ thành, chặn đứng được cả đạo quân Thổ do hoàng đế Szulejman ngự giá thân chinh đem đi định tiến đánh Vienna.

(*) Hoàng đế Thổ hồi đó.

(*) Đây là nói về trận Mohács. Ngày 29 – 8 – 1526 đã xảy ra một trong những trận đánh có tầm quan trọng lớn nhất trong cuộc chiến tranh kéo dài ba thế kỷ (XIV – XVII) chống bọn xâm lược Thổ Nhĩ Kỳ. Trong trận này quân đội Hungary bị đại bại, đạo quân hai vạn rưỡi người bị tiêu diệt, vua Lajos đệ nhị cũng tử trận trong khi tháo chạy.

(*) Tomori Pál (1475 – 1526) hồi trẻ đã gia nhập quân đội và đã từng

làm tướng trấn thủ thành Fogaras. Từ sau 1520 nhập dòng tu Franciscan và làm linh mục ở Eger rồi làm giám mục xứ Kalocsa. Ông ta chỉ huy đạo quân Hungary trong trận thảm bại ở Mohács năm 1526 và chết tại trận.

(*) Vùng Eger có loại rượu vang màu đỏ tươi gọi là “Huyết bò Eger”.

(*) Một loại kèn cổ, tiền thân của loại kèn klarinet ngày nay.

(*) Hồi đó súng ngắn còn được gọi là súng tay.

(*) Ở ta người ta nói ngủ say như hổ, nhưng ở châu Âu và các xứ lạnh nói chung, gấu cũng là một điển hình về ngủ vì hằng năm nó ngủ li bì suốt cả mấy tháng mùa đông.

(*) Tiếng Thổ trong nguyên bản, nghĩa là: “Allah! Ôi Allah chí cao!”

(*) Một loại quân khí thời xưa, đó là một loại búa cán dài, có mỏ nhọn, giống như cuốc chim.

(*) Nguyên văn là loại bom vỏ sành.

(*) Bạn đọc nên biết rằng hồi đó niên bổng của người đầu bếp của Dobó chỉ có mười forint, của người làm vườn có sáu forint.

(*) Khoảng 9 kg.

(*) Một ông vua Ba Tư nổi tiếng là giàu nhất thời cổ đại.

(*) Một thứ giày đi trong nhà, giống như giày hạ hoặc hài vải ở ta.

(*) Thằng bé nói tiếng Thổ: “Mẹ ơi, mẹ ở đâu?”, mẹ Vas lại nghe trại ra tiếng Hung là: “Mẹ ơi, lại đây!”.

(*) Miếng gỗ đẽo thành hình viên ngói để lợp nhà thời xưa.

(*) Một loại lính xung kích có lá chắn bằng thép của quân Thổ.

(*) Ý là không bắn cho chúng một phát đạn to hay sao?

(*) Lưỡi hái ở châu Âu cán dài, lưỡi dài đến hàng mét, có thể vừa đứng vừa lia sát mặt đất.

(*) Thi hào Petőfi cũng có một bài thơ rất hay về những kẻ “còn rồi chán” để chế giễu những kẻ chần chừ, việc gì cũng nay lần mai nữa.

(*) Ngày nay là một công viên ở quận 1, Budapest, dưới chân thành Buda, rộng hơn 1 km². Tại đây năm 1795 bọn thống trị Áo đã xử tử những người lãnh đạo phái Jacobin (dân chủ tư sản) ở Hungary. Từ đó, bất chấp sự cấm đoán của chính quyền trung ương và tòa thị chính Budapest, nhân dân đã gọi mảnh đất đó bằng cái tên “Đồng Máu”.

(*) Pháo binh trong quân đội Thổ hồi đó.

(*) Allah chí cao.

(*) Một loại bộ binh Thổ.

(*) Một loại lính tình nguyện trong quân đội Thổ.

(*) Đại bác phá tường thành.

(*) Bọn quan giám trận, bày trận.

(*) Thành phố ở phía tây nước Hungary, cách Eger hơn 200km.

(*) Đây là kiểu cổng thành đồng thời cũng là cầu treo có hai xích sắt hai bên, khi hạ xuống thì thành cầu bắc qua hào, khi kéo lên thì đóng luôn cổng.

(*) Imre là tên, Varsányi là họ.

(*) Lính bộ bắn súng kíp của Thổ.

(*) Eger thuộc tỉnh Heves.

(*) Allah chí cao! Vì Allah! Chúng mày ơi! Hura! Nào, đô ta.

(*) Cách gọi thân mật của tên Mihály.

(*) Khoảng 15 – 16 km, Gödöllő là huyện lỵ của huyện Gödöllő, ngoại thành Budapest về phía đông bắc, Isaszeg là một xã trong huyện Gödöllő, tại đây ngày 6 – 4 – 1849 quân đội Hungary đã thắng quân đội của đế quốc Áo, một trong những trận thắng oanh liệt nhất trong chiến dịch mùa xuân của cuộc Cách mạng dân tộc dân chủ hồi đó. Siófok và Füred là hai thị trấn nghỉ mát đối diện nhau hai bên bờ hồ Balaton.

(*) Theo Kinh Thánh là ông tổ của dân Do Thái.

(*) Hai địa điểm ở Budapest, cách nhau khoảng 8 km.

(*) Tiếng La Tinh trong nguyên bản: Bài kinh lễ mờ.

(*) Herennius Pontius, tướng của dân tộc Samnite, chết năm 291 trước Công nguyên. Ông đã bắt được một đạo quân La Mã trong thung lũng Caudine Forks khiến cho người La Mã phải chịu thua và chấp nhận điều ước hòa bình (321 trước CN). Nhưng về sau Viện Nguyên lão của La Mã bội ước và chiến tranh lại tiếp diễn. Tuy vậy Pontius đã tha mạng cho 600 tù binh La Mã mà không đòi điều kiện gì. Cuối cùng Pontius bị thua, bị bắt và bị người La Mã giết hại trong ngục. Sau chiến bại này dân tộc Samnite ở bán đảo Ý cũng mất luôn cả nền độc lập. Ở đây ý nói đến chủ nghĩa nhân đạo chung chung.

(*) Một nhân vật thần thoại Hy Lạp có sức mạnh vô địch, trong đời đã lập được 12 kỳ công, do đó được các thần đưa lên núi Olympia và cũng trở thành thần.

(*) Khi được các thiên thần báo tin Chúa Trời sẽ phá hủy thành Sodom, thoát đầu Abraham xin phép được báo cho dân trong thành biết để cứu họ, bị từ chối, Abraham lại xin phép chỉ báo riêng cho gia đình ông Lot, là một gia đình lương thiện, biết để cứu người lành.

(*) Laocoön, tác phẩm nổi tiếng nhất của nghệ thuật tạo hình hậu kỳ Cổ Hy Lạp (thời kỳ đế quốc Hellas). Quần tượng này do ba nghệ sỹ bậc thầy: Agesander, Athenodoros và Polydorus điêu khắc, mô tả giáo chủ thành Troy và các con trai trong cuộc chiến đấu sống mái chống lại một bầy rắn. Bầy rắn do nữ thần thành Athens (là thành phố cừu địch với thành Troy) phái đến giết họ vì họ đã tiên cảm thấy con ngựa gỗ mà quân Athens để lại trước thành sẽ gây nên tai họa cho thành Troy và do đó họ đã phản đối việc đưa con ngựa gỗ vào thành. Động tác Laocoön ở đây có nghĩa là động tác cố gắng hết sức.

(*) Tháp Pisa: một cái tháp ở thành phố Pisa (Trung Ý), nổi tiếng vì sau khi xây xong, một bên nền bị lún và mỗi năm một nghiêng thêm mà vẫn chưa đổ. Đúng như cái tháp Pisa là đứng xiêu xiêu vẹo vẹo.

(*) Betli, mưxenlem: các loại lính trong quân đội Thổ hồi đó.

(*) Tiếng La Tinh, có nghĩa là nơi rửa tội, nơi hóa kiếp.

(*) Tiếng La Tinh trong nguyên bản: Các thiên thần sẽ đưa bạn về cõi thiên đường.

(*) Nguyên văn: đồ chó Herod nhà mày. (Herod là một tên bạo chúa

Do Thái vào thời 37 – 4 trước Công nguyên).

(*) Hồi xưa chưa có máy ép, mỗi khi hái nho về người ta đổ vào những cái thùng to rồi người đứng vào giẫm.

(*) Đạo Hồi kiêng thịt lợn.

(*) Công binh Thổ.

(*) Một loại da mỏng được gia công đặc biệt, xưa kia dùng để viết. Gọi là giấy pergamen vì nó được phát minh ở thành phố Pergamó.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

LỜI GIỚI THIỆU

PHẦN MỘT DỮNG SỸ HUNG SINH TRƯỞNG Ở ĐÂU?

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

PHẦN HAI BUDA THẤT THỦ

1

2

3

4

- 5
- 6
- 7
- 8
- 9
- 10
- 11
- 12
- 13
- 14
- 15
- 16
- 17
- 18
- 19
- 20
- 21
- 22
- 23
- 24

PHẦN BA CON MÃNH SƯ TÙ TỘI

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5
- 6
- 7
- 8
- 9

10

11

12

13

PHẦN BỐN HIỂM HỌA CỦA EGER

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

PHẦN NĂM NGUYỆT THỰC

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

PHẦN KẾT